

NHỮNG TÁC PHẨM KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

A. Sêkhốp

Truyện ngắn



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

TRUYỆN NGẮN A.P. SÊ KHỐP



A . P . SÊ KHỐP

TRUYỆN NGẮN

Phan Hồng Giang tuyển chọn và dịch

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

CÁI CHẾT CỦA MỘT VIÊN CHỨC

Vào một buổi tối thú vị, Van Đomitoríts Tsêrviakóp, một viên quản trị hành chính không kém phần thú vị hơn, đã ngồi ở hàng ghế bành thứ hai, giương ống nhòm lên sân khấu mà xem vở "Chuông Kornêvinh". Y vừa xem vừa cảm thấy trong lòng khoan khoái vô cùng. Bỗng dưng... Trong các truyện thường gặp chữ "bỗng dưng" này. Các tác giả đã có lý: cuộc đời quả là đầy đầy những chuyện bất ngờ. Bỗng dưng mặt y nhăn nhó, mắt hoa lên, hơi thở nghẹn lại... y rời mắt khỏi chiếc ống nhòm, hơi cúi xuống và... hắt xì!!! Các bạn thấy đấy, y đã hắt hơi. Không ở đâu lại có lệ cấm người này người nọ hắt hơi cả. Người nhà quê hắt hơi, cảnh sát trưởng hắt hơi, và đôi khi cả các viên chức bậc ba cũng hắt hơi. Ai mà chẳng hắt hơi. Tsêrviakóp không hề cảm thấy ngượng ngùng chút nào, y lấy khăn mùi xoa ra lau, và như một người lịch sự, y nhìn quanh xem thử cái hắt hơi của mình có trót làm phiền ai không? Liên đấy y cảm thấy bối rối. Y nhìn thấy một người đã có tuổi ngồi trên hàng ghế đầu ngay phía trước y đang lấy gang tay cẩn thận lau cổ và cái đầu hói của mình, mồm cầu nhàu câu gì không rõ. Tsêrviakóp nhận ra vị có tuổi là tướng Brigialóp đương nhiệm tại tổng cục đường sắt.

"Mình làm bắn nước bọt vào ngài rồi! - Tsêrviakóp nghĩ. - Không phải thủ trưởng của mình, ở nơi khác, nhưng dù sao thì vẫn không hay ho gì. Phải tạ lỗi mới được".

Tsêrviakóp dặng háng, nghiêng cổ ra trước, thì thào vào tai vị tướng:

- Thưa ngài, ngài thứ lỗi cho, tôi trót hắt hơi... tôi vô ý...

- Không hề gì, không hề gì...

- Ngài làm ơn làm phúc tha lỗi cho. Tôi... tôi... không muốn thế đâu ạ?

- Thôi, anh làm ơn ngồi yên cho! Để tôi xem nốt!

Tsêrviakóp ngượng ngùng, bối rồi cười ngây ngô và lại nhìn tiếp lên sân khấu. Xem thì vẫn xem nhưng không còn cảm thấy khoan khoái nữa, trong lòng đầy thắc thỏm lo âu. Đến giờ giải lao, y mon men đến chỗ Brigialốp, loanh quanh một lúc rồi đánh bạo lắp bắp nói:

- Tôi... tôi trót hắt hơi vào ngài... Xin ngài... thứ lỗi cho... Tôi không... không có ý... thế.

- Ôi dào, đủ rồi... Tôi đã quên rồi mà anh còn cứ nói mãi! - viên tướng nói, môi dưới dề ra, tỏ vẻ sốt ruột, khó chịu.

"Ngài nói ngài quên mà mắt ngài trông giận dữ thế, - Tsêrviakóp nghĩ, hồ nghi liếc nhìn viên tướng. - Ngài cũng không muốn nói nữa. Cần phải thanh minh với ngài rằng

quả thật là mình không hề cố ý... rằng đó là quy luật của tự nhiên, không thì ngài lại nghĩ rằng mình muốn làm bẩn nước bọt vào ngài. Bây giờ chưa nghĩ thế nhưng sau này có thể nghĩ?..”

Khi về nhà Tsêrviakốp kể lại chuyện xảy ra cho vợ nghe. Nhưng y cảm thấy rằng vợ mình quá xem thường chuyện đó, bà ta chỉ hoảng sợ một chút thôi nhưng sau khi biết ngài là thủ trưởng ở “nơi khác” thì yên tâm trở lại.

- Nhưng mà thôi ông cứ đến gặp ngài mà xin lỗi đi, - bà ta nói. - không thì ngài có thể nghĩ rằng ông không biết xử sự cho phải nhẽ ở nơi công cộng!

- Đúng là phải thế! Tôi đã xin lỗi rồi nhưng thái độ ngài có vẻ khác thường làm sao ấy... Ngài không nói một lời nào đúng đắn cả. Ừ mà cũng chẳng có lúc nào để nói cho ra đầu ra đuôi...

Ngày hôm sau, Tsêrviakốp mặc bộ lễ phục mới, húi đầu tử tế rồi đi đến chỗ Brigialốp để thanh minh... Bước vào phòng khách của tướng Brigialốp, y trông thấy nhiều người đang đợi xin gặp và cạnh họ là chính ngài Brigialốp lúc này đã bắt đầu nghe các lời thỉnh cầu. Hỏi một vài người xong, vị tướng đưa mắt nhìn Tsêrviakốp.

- Dạ thưa ngài... hôm qua ở rạp “Arcadi” ngài còn nhớ không ạ, - viên quản trị bắt đầu bẩm báo, - tôi... tôi hát hơi... trót bắn dãi dớt vào... Xin... xin ngài...

- Rõ thật vớ vẩn... Có trời biết là thế nào nữa! Anh muốn gì nào? - vị tướng quay sang hỏi người tiếp theo.

“Ngài không muốn nói chuyện với mình! - Tsêrviakóp tái mặt nghĩ. - Thế là ngài giận đấy... Không, không thể để thế được... Mình phải thanh minh với ngài...”

Khi viên tướng đã nói chuyện xong với người thỉnh cầu cuối cùng và đi vào làm việc ở nhà trong, Tsêrviakóp bèn bước theo và lắp bắp nói:

- Thưa ngài, nếu tôi có cả gan dám làm phiền ngài thì cũng chỉ vì, thưa ngài, tôi hối hận lắm ạ!... Tôi không cố ý đâu ạ, chắc ngài đã rõ đấy ạ!

Viên tướng cau mặt khoát tay:

- Này anh kia, có phải anh định giễu tôi không thì bảo! - viên tướng nói và đi vào trong phòng, đóng cửa lại.

“Mình giễu cợt gì mới được chứ? - Tsêrviakóp nghĩ. - Ở đây hoàn toàn không có chuyện gì đáng cười cợt cả! Ngài làm tướng mà ngài không hiểu? Nếu vậy thì mình sẽ không đến gặp ngài để xin lỗi nữa. Thôi mặc ngài! Mình sẽ viết cho ngài một bức thư, còn đến đấy gặp thì thôi! Ôi dào, thôi không đến nữa!”

Tsêrviakóp đã nghĩ ra thế khi trở về nhà. Thư gửi cho viên tướng y không viết. Y nghĩ hoài, nghĩ mãi cũng không biết phải viết thế nào. Hôm sau, y lại đi đến đấy thanh minh lần nữa.

- Hôm qua tôi có đến làm phiền ngài. - Y lắp bắp nói,

khi viên tướng đưa mắt về phía y với ý hỏi, - dạ không phải là để cười cợt như ngài đã có lời phán đâu ạ. Xin ngài thứ lỗi vì khi hắt hơi đã làm bắn nước bọt ạ... chứ tôi không có ý giễu cợt gì đâu ạ. Tôi đâu dám cười cợt ạ? Nếu như tôi mà giễu cợt thì còn đâu là sự kính trọng... các bậc bề trên nữa ạ...

- Cút ngay! - viên tướng quát to, người run lên, mặt tái xanh vì giận dữ.

- Sao... kia ạ? - Tsêrviakốp khẽ hỏi lại, lạng người đi vì sợ hãi.

- Xéo ngay! - viên tướng giậm chân quát.

Trong bụng Tsêrviakốp như có cái gì vừa bị đứt ra. Không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì, y đi giật lùi ra cửa, bước ra ngoài phố và lê bước quay về... Đi về nhà như cái xác không hồn, y mặc nguyên bộ lễ phục, nằm xuống đi vắng và... tắt thở.

ANH BÉO VÀ ANH GẦY

Trên sân ga của tuyến đường sắt Nikôlai* có hai người bạn cũ gặp nhau: một người béo, một người gầy. Anh béo vừa ăn ở nhà ga xong, môi láng nhẫy bơ như quả đào chín. Người anh ta toát ra mùi rượu nho loại nặng, mùi nước hoa cam. Còn anh gầy thì mới xuống tàu, hai tay lĩnh kính nào va li, nào hộp, nào túi. Người anh ta toát ra mùi thịt ướp, mùi bã cà phê. Sau lưng anh ta là một người đàn bà gầy gò, cầm dài - đó là vợ anh ta, và một cậu học sinh cao lêu đêu mắt nhú lại - đó là con trai anh ta.

- Porphiri đấy à! - anh béo kêu lên, khi vừa nhác thấy anh gầy. - Đúng là cậu ư? Ôi, ông bạn thân mến của tôi! Bao nhiêu đông qua hè lại chúng mình không gặp nhau rồi!

- Trời! - anh gầy sững sốt. - Misa! Bạn từ thuở nhỏ của tôi! Cậu ở đâu ra thế?

Hai người bạn ôm nhau hôn đến ba lần, mắt rung rung chăm chăm nhìn nhau. Cả hai đều kinh ngạc một cách đầy thú vị.

* Tuyến đường sắt từ Xanh-Petecbua đi Maxcova

- Cậu ạ, - anh gây bắt đầu nói sau khi hôn xong. - Mình quả không ngờ! Đột ngột quá! Nào, cậu nhìn thẳng vào mình xem nào! Ô, trông cậu vẫn đẹp trai như xưa, vẫn lịch thiệp, sang trọng như xưa! Chà, hay thật! À, mà cậu bây giờ thế nào rồi? Giàu không? Lấy vợ chưa? Mình thì có vợ rồi, cậu thấy đấy... Đây, vợ mình đây, Luida, nguyên họ là Vanxenbắc, theo đạo Luyte.... Còn đây là con trai mình, Naphanain, học sinh lớp ba. Này con, bác đây là bạn hồi nhỏ của bố đấy! Cùng học phổ thông với nhau đấy.

Naphanain ngập ngừng một lát rồi bỏ chiếc mũ mềm xuống.

- Cùng học phổ thông với bố đấy con ạ. - anh gây nói tiếp. - À này, cậu còn nhớ cậu bị chúng nó trêu chọc thế nào không? Chúng nó gọi cậu là Gêrôxtrát* vì cậu lấy thuốc lá châm cháy một cuốn sách mượn của thư viện, còn mình thì chúng nó gọi là Ephian vì mình hay mách. Hô... hô... Đạo ấy bọn mình trẻ con thật! Đừng sợ con, Naphanain! Con lại gần bác chút nữa nào... Còn đây là vợ mình, nguyên họ là Vanxenbắc... theo đạo Luyte...

Naphanain suy nghĩ một lát rồi nép vào sau lưng bố.

- Này anh bạn, bây giờ sống ra sao? - anh béo hỏi, nhìn bạn mình với vẻ đầy hoan hỉ. - Làm ở đâu? Thành đạt rồi chứ?

* Tên một người Hy Lạp đã đốt đền Áctêmida Efckaia năm 356 trước CN để trở thành nổi tiếng

- Ủ mình cũng có đi làm, anh bạn ạ! Hai năm nay mình là viên chức bậc tám, cũng được mề đay “Xtanixláp”. Lương lậu chẳng đáng là bao... nhưng mà thôi, thầy kệ nó! Vợ mình dạy nhạc, mình thì làm thêm tàu thuốc bằng gỗ. Tàu đẹp lắm cậu ạ! Mình bán một rúp một cái đấy. Nếu ai mua cả chục hay nhiều hơn thì, cậu biết đấy, có bớt chút ít. Cũng cố sống qua loa thế nào xong thôi. Cậu biết không, trước mình làm ở cục, bây giờ thì mình được chuyển về đây, thăng lên bậc bảy cũng trong ngành đó thôi... Mình sẽ làm ở đây. Còn cậu sao rồi? Chắc là cỡ viên chức bậc năm rồi chứ? Phải không?

- Không đâu, anh bạn ạ, cao hơn thế nữa đấy, - anh béo nói. - Mình là viên chức bậc ba rồi... có hai mề đay của Nhà nước.

Anh gầy bỗng dưng tái mét mặt, ngầy ra như phồng đá, nhưng lát sau thì anh ta toét miệng cười mặt mày nhăn nhúm, dường như mắt anh ta sáng hẳn lên. Toàn thân anh ta rúm rỏ, so vai rụt cổ khúm núm... Cả mấy thứ va li, hộp, túi của anh ta như cũng co rúm lại, nhăn nhó... Chiếc cầm dài của bà vợ như dài thêm ra, thẳng Naphanain thì rụt chân vào và gài hết cúc áo lại...

- Dạ, bẩm quan trên, tôi... tôi rất lấy làm hân hạnh ạ. Bạn... nghĩa là bạn... từ thuở nhỏ, thế rồi bỗng nhiên làm chức to thế. Hì hì hì.

- Thôi, cậu đừng nói thế đi! - anh béo cau mặt. - Sao cậu lại giờ giọng thế? Mình với cậu là bạn từ thuở nhỏ việc gì cậu lại giờ giọng quan cách thế.

- Dạ bẩm quan... Quan lớn dạy gì kia ạ... - anh gây cười hì hì, người càng rúm ró hơn. - Quan lớn chiếu cố cho thế này là đội ơn mưa móc cho kẻ bần dân đây ạ... Dạ bẩm quan trên, thưa đây là con trai tôi Naphanain... và vợ là Luida, theo đạo Luyte đây ạ...

Anh béo định quở trách điều gì thêm, nhưng gương mặt anh gây toát ra vẻ kính cẩn, lằng lằng hoan hỉ đến mức anh béo cảm thấy buồn nôn. Anh béo ngoảnh mặt đi và đưa tay từ biệt anh gây.

Anh gây nắm ba ngón tay anh béo, cúi gập mình xuống chào và cười lên như một chú tẩu: “Hì hì hì”. Bà vợ mỉm cười. Naphanain kéo chân lại và buông thõng chiếc mũ xuống. Cả ba người đều sống sờ một cách đầy thú vị.

CON KỶ NHÔNG

Cảnh sát viên Ôtsumelốp mình vận bành tồ mới, tay cầm một cái gói, đang đi qua bãi chợ. Bước theo sau y là một người lính cấm, tóc hung hung đỏ tay xách một giỏ đầy phúc bồn tử mới tịch thu được. Chung quanh yên ắng... Bãi chợ vắng tanh không một bóng người... Cánh cửa những hiệu tạp hóa, những quán tướt mở toang như những miệng thú đói buồn tẻ nhìn ra đường, đến cả ăn mày quanh đấy cũng không có một ai.

- Mày dám cản hả, đồ khốn! - bất ngờ Ôtsumelốp nghe thấy. - Các cậu ơi, đừng để nó sống nhé! Bây giờ người ta không cho phép để chó cắn người đâu! Bắt lấy! A... a!

Có tiếng chó kêu rống lên ăng ăng. Ôtsumelốp nhìn sang một bên và thấy: từ kho củi của tay lái buôn Pitsugin có một con chó chạy khập khiễng bằng ba chân, vừa chạy vừa quay đầu lại nhìn. Đuổi theo sau nó là một người mặc áo sơ mi hoa mới hồ và một chiếc gi lê mở cúc. Người ấy chạy theo con chó, cổ vươn ra phía trước, anh ta ngã xoài xuống đất và túm lấy đôi cẳng sau của con vật. Lại nghe thấy tiếng chó ăng ăng và tiếng kêu: “Đừng để nó sống!”

Từ phía sau các cửa hiệu lộ ra những bộ mặt ngái ngủ, và chỉ một lúc sau bên kho củi đã thấy tụ tập cả một đám đông tựa hồ như là chui từ dưới đất lên.

- Thưa ngài, hình như có chuyện mất trật tự a!.. - người lính cảm nói.

Ôtsumelốp nghiêng nửa vòng, quay sang bên trái và bước tới chỗ đám đông. Ông ta nhìn thấy anh chàng mặc áo gi lê mở cúc ban nãy đang đứng ngay sát bên cổng nhà kho, cánh tay phải giơ lên chìa cho mọi người xem ngón tay rớm máu. Bộ mặt ngà ngà say của anh ta như muốn nói: “Thế đấy đồ chó má, tao vật cổ mày đi đấy!”, và cả ngón tay kia cũng ra vẻ đắc thắng. Ôtsumelốp nhận ra anh ta là anh thợ kim hoàn Khóriukin. Chính giữa đám đông là thủ phạm gây ra chuyện huyền não vừa rồi - một con chó săn nhỏ mồm dài, trên lưng có một khoảng lông vàng, đang ngồi trên mặt đất, toàn thân run rẩy, hai chân trước soạc ra hai bên. Đôi mắt uơn ươn của nó lộ rõ vẻ rầu rĩ và kinh hãi.

- Có chuyện gì vậy hả? - Ôtsumelốp hỏi, gạt mọi người, đi thẳng vào giữa đám đông. - Sao thế hả? Sao lại giơ ngón tay lên thế kia?.. Ai vừa kêu âm lên vậy hả?

- Thưa ngài, tôi đang đi, chẳng động chạm gì đến ai... - Khóriukin bắt đầu nói, đưa lòng bàn tay lên che miệng húng háng ho. - Tôi đang đến mua củi của ông Mitori Mitoríts đây, - thì bất thành linh con vật đều cáng này tự nhiên chồm lên cắn vào ngón tay... Xin ngài miễn thứ cho, tôi là một người làm ăn... Tôi phải làm một việc rất tỉ mỉ.

Tôi đòi người ta phải bồi thường cho tôi, vì cái ngón tay này có lẽ phải đến một tuần tôi mới cử động được... Thưa ngài, pháp luật không thấy ghi rằng gặp những con chó như thế này thì đành phải chịu lép ạ... Ví thử con chó nào cũng nhờ người mà cắn thì đừng sống trên đời này nữa còn hơn...

- Hừm!.. Được rồi... - Ôtsumelốp nghiêm giọng nói, ho mấy tiếng và cau đôi mày. - Được rồi... Con chó này của ai? Ta không để yên chuyện này đâu. Ta sẽ cho các người biết cứ thả rông chó như thế là thế nào! Đã đến lúc phải lưu tâm đến các vị không muốn chấp hành các điều lệ quy tắc! Phải phạt cái thằng vô lại rồi nó mới biết rằng thả rông chó và các súc vật khác đối với ta nghĩa là thế nào! Ta sẽ cho nó biết tay ta! Đây, Endurin, - Ôtsumelốp quay lại nói với người lính cấm, - hãy điều tra xem, con chó này của ai, rồi lập ngay biên bản! Con chó này phải đập chết thôi. Đập chết ngay! Chắc là nó bị dại rồi... Đây, nghe ta hỏi, con chó này là của ai?

- Hình như của tướng Giugalốp! - có ai trong đám đồng nói.

- Cửa tướng Giugalốp à? Hừm!.. Endurin, cời hộ ta cái bành tô với... Chà, thật là khủng khiếp, nóng chỉ là nóng! Hình như trời sắp mưa rồi sao ấy... Đây, có một điều ta không hiểu: tại sao nó lại có thể cắn nhà người được? - Ôtsumelốp nói với Khoriukin. - Nó mà lại chồm đến được ngón tay của người à? Nó thì bé, còn nhà người thì cao to thế kia cơ mà! Chắc là ngón tay người lại xước phải cái

đỉnh nào rồi sau đấy người mới chợt nghĩ ra là phải bịa chuyện mà kiếm chác. Ta còn lạ gì... đồ các người!

- Thưa ngài, anh ta lấy thuốc lá gì vào mồm con chó để làm trò cười, còn nó thì chẳng ngu dại gì, nó tớp ngay lấy ngón anh ta... Thưa ngài, anh ta đàn lắm ạ!

- Chỉ nói láo, đồ chó mắt! Mày không nhìn thấy sao mày lại còn bịa chuyện? Ngài đây là người mẫn tiệp, thế nào ngài cũng phân biệt được nào nói láo, còn ai nói thật như nói thật cho Chúa trời nghe... Nếu tôi mà nói sai thì cứ xin để quan tòa phán xử. Dạ, bây giờ pháp luật đã có nói... tất cả đều bình đẳng... Chính tôi cũng có người anh em làm sen đầm đấy ạ... ngài có muốn biết không ạ...

- Đừng lý sự nữa!

- Không, con chó này không phải của ngài thiếu tướng đâu... - người lính cảm nhận xét đây thâm ý. - Ngài thiếu tướng chẳng có loại chó này đâu. Chó của ngài chắc phải là chó săn nòi thôi...

- Người biết chắc điều ấy à?

- Thưa ngài, chắc thế ạ...

- Chính ta cũng đã biết thế. Chó của ngài thiếu tướng là loại chó quý, chó nòi chứ đâu như con này - có trời mà biết là loại chó gì! Lông không xù, trông mã chẳng ra làm sao... Nhìn vào chỉ tổ bắn mất thôi... Ngài thiếu tướng mà lại nuôi loại chó này hả?! Trí khôn của các người để đâu cả rồi? Nếu cái thứ chó này có ở Pê-têr-burg hay Maxcova, thì các người có biết sẽ ra thế nào không? Ở đây người ta

sẽ chẳng phải giờ luật giờ liếc gì hết và chỉ một loáng sau thôi là hết ngáp! Này Khorruk, người bị nạn thế rồi thì đừng có mà làm ngơ nghe chưa! Phải cho chủ nó biết tay! Thôi...

- Mà cũng có thể là chó của ngài thiếu tướng... - người lính cảm nói ý nghĩ ra miệng. - Ở mồm nó có đề chữ gì đâu... Mới đây tôi có trông thấy trong sân ngài thiếu tướng một con chó giống như con này.

- Đúng rồi, của ngài thiếu tướng đấy! - có giọng ai nói trong đám đông.

- Hừm!... Này Endurin, mặc hộ ta cái áo bành tô một tý... Trời chuyển gió rồi đây... Ren rét là... Người dốt còn chó đến chỗ ngài thiếu tướng và hỏi ở đấy xem. Bẩm rằng ta đã tìm được và xin gửi lại ngài... Người cũng nói rằng về sau đừng thả nó ra ngoài phố nữa... Có thể là nó thuộc loài chó quý đấy, biết đâu chẳng có một đứa nào đấy ngu như lợn lại giở thuốc lá vào mũi nó, thì làm xấu cả con chó đi. Chó là một giống vật ưa nhẹ tay... Còn thằng ba hoa kia, bỏ tay xuống đi! Hay hóm gì mà cứ trưng cái ngón tay ngu xuẩn kia lên mãi thế! Chính nhà ngươi có lỗi chứ còn ai?..

- Kìa, anh bếp của ngài thiếu tướng đang đi đến kia kìa, ta hỏi thử anh ta xem... Ê, Porokhor! Lại đây, lại đây, anh bạn thân mến! Anh thử nhìn con chó xem coi... Có phải của trên nhà ngài không?

- Làm gì có chuyện đó! Cả đời tôi chưa thấy ông chủ tôi nuôi con chó nào như thế cả!

- Thôi, chẳng việc gì phải hỏi lâu la nữa, - Ôtsumelốp nói. - Nó đúng chó chạy rong rồi! Không phải bàn cãi gì nữa... Ta đã nói là chó chạy rong thì có nghĩa nó là chó chạy rong... Đem mà đập chết đi, thế thôi.

- Con chó này không phải của ông chủ tôi. - Porôkhor nói tiếp. - Nó là của em ông chủ tôi vừa mới đến đây hôm nọ. Ông chủ tôi không thích giống chó săn. Ông em ngài mới thích...

- Em ngài thiếu tướng vừa mới đến thật đấy ư? Ông Vladimir Ivanúts phải không? - Ôtsumelốp hỏi, y cười hớn hở, nở nang cả mặt mày. - Đúng thế hả? Thế mà tôi cũng chẳng hay biết gì cả! Ông ấy về đây chơi à?

- Vâng, về chơi...

- Đúng thế hả! Chắc ngài lại nhớ người anh em mình rồi... Thế mà tôi chả biết tý gì! Thế, thế con Chó này của ông ấy đấy à? Tôi thật là mừng... Đây, anh đưa nó về đi... Con chó con trông cũng khá đấy... Nó khôn ranh lắm... Nó vừa ngoạm tay thằng cha kia một cái đấy!.. Hà, hà, hà... mà này chú cún, việc gì chú phải run lên thế nữa? Chắc, chắc, chắc chú mình đang nổi cơn thịnh nộ đây... Chà, kiểm đầu ra con cún kháu khỉnh quá ta...

Porôkhor gọi con chó và cùng đi với nó ra khỏi kho củi... Cả đám người cười rộ lên nhạo Khoriukin.

- Liệu hồn đấy, người còn biết tay ta! - Ôtsumelốp nói đe y, khép vạt áo bành tô lại, rồi tiếp tục đi qua bãi chợ.

MẶT NẠ

Người ta tổ chức tại Câu lạc bộ X, một buổi đa hội khiêu vũ trá hình với mục đích từ thiện, hay nói như các tiểu thư ở địa phương - một buổi vũ hội thịnh trang.

Đã 12 giờ đêm. Mấy vị trí thức không tham gia nhảy, không đeo mặt nạ - cả thầy gồm năm người - tụ lại ngồi quanh một chiếc bàn lớn trong phòng đọc sách, cúi mắt cúi mũi vào mảy tờ báo mà đọc, mà ngủ gà ngủ gật, và theo cách nói của tay phóng viên biệt phái của nhiều tờ báo thủ đô tại đây - một nhân vật đầy khuynh hướng tự do - thì họ đang “tư duy”.

Từ phía căn phòng lớn vọng ra tiếng nhạc của điệu nhảy quadrille* “Viuska”. Ngoài cửa chốc chốc lại có tiếng chân những người hầu chạy huỳnh huỵch, cốc đĩa va vào nhau lanh canh. Còn ngay ở trong phòng đọc thì bao trùm một không khí yên lặng.

* Quadrille (tiếng Pháp) - điệu nhào gồm số chẵn các đôi nhảy, xếp đối diện nhau.

- Ở đây có lẽ thoải mái hơn! - một giọng trầm trầm khàn khàn vọng ra hình như từ phía lò. - Chui vào đây thôi! Vào đây thôi, các bạn ơi!

Cánh cửa mở ra, và bước vào phòng đọc là một gã đàn ông thấp lùn, to ngang vạm vỡ, vận bộ xà ích, đội chiếc mũ gài lông công, đeo mặt nạ. Tiếp theo sau y là hai bà đeo mặt nạ và một tên hầu tay bưng chiếc khay. Trên khay là một bầu rượu mùi, dáng thấp, hai ba chai vang đỏ và mấy cái cốc.

- Vào đây! Ở đây mát hơn, - gã đàn ông nói. - Đặt khay lên bàn đi... Nào, các cô nàng, mời các cô ngồi xuống! Mời các cô xem trò đùa nhé! Còn mấy vị kia, xin ngồi lui ra cho... Không còn cách nào khác đâu?

Gã đàn ông loạng choạng bước tới, lấy tay gạt mấy tờ tạp chí từ trên bàn xuống đất.

- Mang lại đây! Còn mấy vị đọc báo kia, lùi ra cho: thì giờ đâu mà đọc báo với luận bàn chính trị... Tung hê đi thôi!

- Tôi yêu cầu ông phải hành động lịch thiệp, - một vị trí thức lên tiếng nhìn chiếc mặt nạ qua đôi mục kính. - Đây là phòng đọc chứ không phải phòng điểm tâm... Đây không phải là chỗ uống rượu.

• - Tại sao lại không phải? Bàn cập kênh chẳng hay là

trần sắp sứt? Kỳ thật? Nhưng thôi... chả thừa hơi mà lý sự! Quăng mẹ mấy tờ báo đi... Đọc thế đủ rồi, các ông khá thông minh rồi đấy, đọc nữa chỉ tổ hại mắt thôi và cái chính nhất là tôi không thích, có thể thôi.

Tên hầu đặt khay xuống bàn, vớt chiếc khăn qua khuỷu tay, rồi bước ra phía cửa. Hai cô lập tức mở rượu vang đỏ ra uống.

- Sao lại có những vị thông minh đến mức khoái mấy tờ báo kia hơn là những thứ rượu này nhỉ, - gã đàn ông đeo lông công vừa tự rót rượu cho mình vừa khơi mào. - Theo ý kiến của tôi thì, thưa các vị đáng kính, các vị thích báo chí hơn chỉ là vì các vị thích có đồng mốc nào để uống rượu. Tôi nói thế có đúng không? Hà hà!.. Vẫn đọc à! Ngày báo người ta viết gì đấy! Cái nhà ông đeo kính kia! Ông đang đọc truyện gì vậy? Hà hà! Đã bảo quăng đi mà! Các vị ngồi đây rồi bị hổ đấy! Tốt hơn hết là uống rượu thôi!

Gã đàn ông đeo lông công nhóm dậy và giật lấy tờ báo từ tay vị trí thức đeo kính. Vị này mặt tái xanh, rồi lại đỏ bừng kinh ngạc nhìn mấy ông bạn trí thức của mình, mấy ông kia cũng nhìn lại vị đó.

- Ông mất hết cả tư cách rồi đấy, thưa tôn ông! - Vị đeo kính nổi nóng nói. - Ông đã biến phòng đọc thành quán rượu, ông đã cho phép mình làm những chuyện quá quắt, giật báo ra khỏi tay người khác! Tôi không cho phép làm thế! Ông không biết rằng ông đang gây sự với ai đây à, thưa tôn ông! Tôi là giám đốc nhà băng Giextiakóp!..

- Ta nhớ toẹt vào cái điều rằng nhà ngươi là Giextiakốp! Còn tờ báo của nhà ngươi thì sẽ được vinh dự thế này này...

Gã đàn ông cầm tờ báo lên và xé vụn nó ra.

- Các ngài xem thế này là cái gì vậy? - Giextiakốp sùng sốt lắp bắp nói. - Thế này thì lạ quá... Thế này... thế này thì quả là không thể tưởng tượng nổi...

- Ông phát khùng lên rồi, - gã đàn ông cười lên hô hố. - Hừ, làm tôi sợ hãi đến nỗi run như cây sậy! Thế đấy thưa các quý vị! Thôi dẹp chuyện đùa bỡn lại cái đã. Ta không hào hứng nói chuyện với các vị đâu... Chẳng là ta muốn ở lại đây một mình với mấy cô nàng này và rất muốn đem lại ngay cho mình cảm giác khoái lạc, cho nên ta yêu cầu quý vị đừng có tranh cãi và ra ngay khỏi đây cho... Xin mời! Ngài Bêlêbukhin, ngài cút xéo ngay cho! Sao cái mặt mo của ngài lại nhăn nhó thế kia? Ta đã nói là ra, vậy thì phải ra ngay thôi chứ? Ta bảo sao thì phải tấp lự làm vậy, không thì liệu hồn đấy ta tóm cổ đi!...

- Thế này nghĩa là thế nào? - viên thủ quỹ cơ quan bảo trợ tài sản Bêlêbukhin nhún vai hỏi, mặt đỏ bừng lên. - Tôi chịu không thể hiểu được... Một tên vô lại chạy tọt vào đây và thế rồi bỗng xảy ra cơ sự này!

- Đây, đây, nhà ngươi nói “vô lại” là chữ gì vậy? - gã đàn ông đeo lông công nổi giận hét lên giơ nắm tay đập mạnh xuống mặt bàn đến nỗi cốc tách đặt trên khay nhảy hết cả lên. - Nhà ngươi nói với ai thế? Người tưởng rằng,

nếu ta dây đeo mặt nạ rồi thì người ta có thể nói gì với ta cũng được phải không? Đồ rần rết! Cút ngay, ta đã nói rồi cơ mà! Ngài giám đốc nhà băng kia nữa, khôn hồn thì cuốn xéo ngay cho! Cút hết, cút hết, sao cho không còn một con giòi bọ nào ở lại đây nữa cả! Cút hết ngay!

- Được rồi, bây giờ tất cả sẽ biết! - Giextiakóp nói, ông ta giận dữ đến nỗi vãi cả mồ hôi ra mắt kính. - Tôi sẽ cho ông biết tay! Ê, gọi hộ tay chủ trò khiêu vũ đến đây với!

Một phút sau viên chủ trò thấp bé tóc hung bước vào, ve áo đeo một dải tua xanh, thở hổn hển vì nhảy quá nhiều.

- Yêu cầu ông ra cho! - viên chủ trò nói. - Đây không phải là chỗ uống rượu! Xin mời ông xuống phòng điểm tâm!

- Mà ở đâu chui ra thế? - gã đàn ông đeo mặt nạ hỏi.
- Ta có cho đòi mà ở đâu?

- Xin đừng xưng hô mà tao như thế cho và xin mời ra khỏi đây!

- Ô, ông bạn thân mến, này ta hẹn cho ông bạn một phút đấy... Bởi vì rằng ông là chủ trò, là nhân vật chính ở đây, nên mời ông hãy dắt tay mấy nhà nghệ sĩ này ra hộ cho. Các cô nàng của ta không được thoải mái lắm khi trong phòng này còn có người lạ mặt... Các cô nàng xấu hổ mà, còn ta thì ta đã bỏ tiền ra và muốn được nhìn các nàng ở dạng tự nhiên.

- Có lẽ tên cục súc này không hiểu rằng nó không phải ở trong chuồng bò, chuồng lợn! - Giextiakóp kêu lên.
- Cho gọi Epxtorát Xpiridônúts đến đây!

- Epxtorát Xpiridônúts! - tiếng mọi người gọi lan đi khắp câu lạc bộ. - Epxtorát Xpiridônúts đâu rồi?

Liền đó lão già Epxtorát Xpiridônúts mặc y phục cảnh binh hiện ra ngay.

- Yêu cầu ông ra khỏi đây! - lão già nói rít lên, mắt nhìn trừng trừng, bộ ria mép nhuộm màu đen rung rung lên.

- Hừ, nhà người định dọa ta à! - gã đàn ông nói, cười khoái trá. - Hừ, định dọa ta chắc! - Gớm nhỉ, lại còn có thứ ngoáo ộp này nữa! Ria thì như ria mèo, mắt thì giương lồi ra thế kia kìa... Hề hề hề!

- Không lý sự gì nữa hết! - lão già lấy hết hơi sức hét to, toàn thân run lấy bầy. - Ra khỏi đây ngay! Ta sẽ ra lệnh lôi ông ra khỏi đây!

Một cảnh huyền não không thể tưởng tượng được diễn ra trong phòng đọc báo. Lão cảnh binh mặt đỏ gay như tôm rảo giậm chân, la hét om xòm. Giextiakóp la hét. Bêlêbukhin la hét. Tất cả các vị trí thức đều la hét, nhưng giọng nói của tất cả bọn họ đều bị át đi trong cái giọng ồm ồm trầm trầm của gã đàn ông đeo mặt nạ. Vì tình cảnh hỗn loạn chung nên đám nháy phải ngừng lại, và mọi người đổ dồn về phía phòng đọc.

Để ra oai, lão cảnh binh Epxtorát Xpiridônúts cho gọi

tất cả những cảnh sát đang có mặt ở câu lạc bộ đến, rồi ngồi xuống làm biên bản.

- Viết đi, viết đi, - cái mặt nạ nói gõ gõ ngón tay xuống bàn ngồi bút của lão cảnh binh. - Khốn khổ cái thân tôi, bây giờ thì tôi bị phạt thế nào? Trăm sự đổ lên cái đầu khốn khổ của tôi! Vì có gì mà các ông hăm hại tôi, một kẻ đáng thương? Ha ha! Thế nào? Biên bản xong chưa? Tất cả ký hết rồi chứ? Bây giờ thì mời các ngài nhìn này! Một... hai... ba!

Gã đàn ông đứng dậy, vươn thẳng người lên và giật tấm mặt nạ xuống, để lộ hẳn bộ mặt say mê của mình ra mà nhìn tất cả mọi người. Thú vị thường thức tác động của việc mình vừa làm, gã ngồi phịch xuống chiếc ghế bành và thích chí cười ẩn tượng mà gã vừa gây ra quả là phi thường thật. Các vị trí thức ngẩn người nhìn nhau, mặt tái mét, vài vị còn giơ tay gãi gáy. Lão cảnh binh kêu ớ lên một tiếng như người vừa vô ý làm một chuyện đại dột ghê gớm.

Tất cả đều nhận ra kẻ phá bình vừa rồi là ông Piatigoróp, nhà triệu phú bản địa, chủ nhà máy, được quý trọng, người đã từng nổi tiếng bởi những vụ gây ồn ào, bởi lòng từ thiện và, như tờ báo địa phương đã nhiều lần nói tới, bởi lòng thiết tha đối với sự mở mang dân trí.

- Thế nào, có đi ra hay là không? - Piatigoróp nói sau một phút im lặng.

Các vị trí thức không hé răng nói nửa lời lặng lẽ rón

rén đi kiễng chân ra khỏi phòng đọc, và Piatigoróp đóng ập cửa lại sau lưng bọn họ.

- Chính mi đã biết đó là ông Piatigoróp rồi cơ mà! - một lát sau lão cảnh binh Epxtorát Xpiridônúts rít lên khe khẽ, tay nắm lấy vai tên hầu bàn đã mang rượu vào phòng đọc mà day. Tại sao mi lại căm hòng thế?

- Thưa, ngài không cho phép nói ạ.

- Không cho phép nói... Mi lại còn chờ ta tổng giam mi một tháng nhà pha rồi mới hiểu thế nào là “không cho phép nói”. Cút ngay! Còn các ngài thì làm gì, - lão già quay về phía mấy vị trí thức. - Làm ầm ĩ cả lên! Không thể bỏ ra khỏi phòng đọc dăm mười phút được à! Đấy, bây giờ thì tha hồ mà gặp chuyện rắc rối? Ồi dà dà, các ngài ơi là các ngài ơi... Thật không ưng bụng tôi chút nào cả!

Các nhà trí thức đi tản vào trong câu lạc bộ, buồn thiu ngơ ngác như những người có tội, họ nói thì thầm với nhau và cùng linh cảm thấy rõ rệt một điềm gì chẳng lành sắp đến... Các bà vợ và con gái họ sau khi biết rằng Piatigoróp bị “xúc phạm” đang câu giận thì cũng ỉu xìu theo và lục tục kéo nhau ra về. Không còn thấy ai nhảy nữa.

Hai giờ khuya Piatigoróp đi ra khỏi phòng đọc chân nam đá chân chiêu. Bước vào gian phòng lớn, gã ngồi xuống bên cạnh ban nhạc rồi thêm thiếp đi trong tiếng đàn, sau đó gã buồn bã ngoẹo đầu sang một bên và ngáy khò khò.

- Thôi đừng chơi đàn nữa! - mấy vị chủ trò khoát tay ra hiệu cho mấy ông nhạc công. - Xuýt... ông Piatigorốp đang ngủ đấy...

- Ông có ra lệnh cho chúng tôi đưa ông về nhà không ạ, thưa ông Piatigorốp? - Bêlêbukhin hỏi nhỏ.

Piatigorốp nháy nháy môi, hết như đang muốn xua con ruồi nào đậu trên má.

- Ông có ra lệnh cho chúng tôi đưa ông về nhà không ạ, - Bêlêbukhin nhắc lại, - hay là gọi xe ngựa đến đây ạ?

- Gì? Ai? Mi à... mi cần gì?

- Dạ đưa ông về nhà ạ... Đến giờ nghỉ rồi đấy ạ...

- Về... về nhà, ta muốn thế... Đưa... ta về!

Bêlêbukhin sung sướng nở nang cả mặt mày và bắt đầu đỡ Piatigorốp dậy. Mấy nhà trí thức kia, miệng nhoen cười thích thú cùng xô cả lại tiếp tay nâng vị công dân thân hào truyền kể lên rồi nhẹ nhàng đưa ra xe ngựa.

- Thật là muốn làm cho cả một lũ người bị hổ thì chỉ có một nhà nghệ sĩ, một bậc tài năng mới làm nổi, - Giextiakốp hý hửng nói, đỡ nhà triệu phú ngồi lên xe. - Ông Piatigorốp ạ, quả thực là tôi hết sức kinh ngạc! Đến giờ tôi vẫn còn cười nôn cả ruột... Ha ha... Thế mà lúc ấy bọn tôi lại nổi nóng hết cả lên lại còn định kiện cáo nữa chứ! Ha ha! Ông có thấy thế không? Ngay trong các rạp kịch người ta cũng không được cười nhiều thế... Thật là

một sự hài hước vô biên! Suốt đời tôi sẽ còn nhớ mãi cái đêm bất khả vong này!

Đưa Piatigorốp lên xe rồi, các vị trí thức đều thấy vui vẻ và bình tâm trở lại.

- Ông ấy đưa tay cho mình bắt lúc từ biệt nhé, - Giextiakốp nói, giọng hể hả. - Thế nghĩa là chuyện êm rồi đấy, ông không giận đâu...

- Cầu trời chứng giám cho lời ông! - lão cảnh binh thở dài. - Một tên vô lại, một thằng đê tiện, nhưng mà lại là một nhà từ thiện!.. Thật không thể hiểu được!

LÃO QUẢN PRISUBEÉP

- Ông quản Prisubeép! Ông bị truy tố về tội ngày mồng ba tháng Chín này đã dùng lời nói và hành động mà làm nhục ông trưởng tuần Giughin, ông chánh tổng Aliapóp, bá hộ Ephimóp, hai nhân chứng Ivanóp và Gavorilóp cùng với người nông dân khác nữa, ba người đầu tiên trong số đó bị ông thóa mạ trong lúc họ đang thi hành công vụ. Ông có nhận rằng mình có tội không?

Prisubeép, một lão quản mặt mày trông độc địa kệt cớm, úp thẳng hai tay vào hai nếp quần và trả lời bằng một giọng khàn khàn, ẹ ẹ nơi cổ, dần từng tiếng một hệt như đang chỉ huy:

- Kính bẩm ngài chánh án! Vây là căn cứ theo mọi điều khoản của luật pháp thì phải nghiên cứu mọi trạng huống cả từ hai phía. Không phải tôi có tội mà là hết thấy những người kia. Tất cả mọi chuyện xảy ra là do một cái xác chết. Ngày mồng ba vừa rồi tôi cùng với bà Amphixa nhà tôi đang đi rất thong dong, đường hoàng, thì nhìn thấy bên bờ sông có một đám đông dân chúng gồm đủ hạng người khác nhau tụ tập lại. Điều luật nào cho phép dân chúng được tụ tập? - tôi hỏi thế. Để làm cái gì? Có phải

luật pháp đã nói rằng dân chúng được phép đi thành bảy thành đàn à? Tôi quát: giải tán! Rồi tôi bắt đầu xua cho họ ai về nhà nấy, ra lệnh cho ông bá hộ tổng cổ...

- Khoan đã, nhưng mà ông có phải là trương tuần, là lý trưởng đâu, - xua đuổi dân chúng là phận sự của ông à?

- Không phải, không phải của nó! - tiếng mọi người nhao nhao lên khắp phòng. - Bẩm quan án, không sống được với nó đâu. Chúng tôi đã phải chịu khổ chịu sở với nó mười lăm năm nay rồi! Từ khi nó giải ngũ về thì thà cứ bỏ làng bỏ xóm mà đi còn hơn. Nó làm tình làm tội tất cả mọi người rồi!

- Đúng thế, bẩm quan án, - viên lý trưởng được đòi đến làm nhân chứng nói. - Cả làng cả xóm đều kêu ca ạ. Không thể nào sống yên ổn với nó được! Dân làng chúng tôi đi rước hình Chúa, hoặc có đám cưới xin hay giã dụn như có dịp gì khác, ở đâu nó cũng gào cũng thét, chỗ nào cũng đòi chính đồn lại trật tự. Véo tai trẻ con, dòm dỏ rình mò cánh đàn bà con gái xem có chuyện gì không, cứ như bố chồng người ta không bằng... Gần đây nó đảo qua mọi nhà ra lệnh cấm không được hát, tối đến không được thắp đèn. Nó bảo chẳng có luật pháp nào cho phép hát hồng cả.

- Khoan đã, lát nữa ông sẽ còn dịp trình bày, - quan chánh án nói, - bây giờ thì để cho Prisubeép nói tiếp. Tiếp tục đi Prisubeép!

- Xin vâng, - lão quản cất giọng rè rè. - Thưa ngài chánh án, ngài đã hạ cố phán rằng xua đuổi dân chúng

không phải phận sự của tôi... Được rồi... Nhưng mà nếu có những chuyện phá rối trị an thì sao? Chẳng lẽ lại cứ để cho dân chúng họ làm loạn thế à? Trong luật pháp có chỗ nào viết rằng dân chúng được quyền muốn làm gì thì làm đâu? Tôi không thể để yên được. Nếu tôi không xua đuổi, không bắt phạt họ thì ai sẽ làm việc ấy? Không một ai biết các thứ luật lệ hiện hành, cả làng này chỉ có một mình tôi, thưa ngài chánh án, tôi có thể nói, chỉ một mình biết phải đối xử với bọn thường dân này như thế nào, thưa ngài, tôi có thể hiểu rõ mọi điều. Tôi không phải là đứa nông phu quê kệch, tôi là một viên quan, trước đây đã từng là thủ kho nhà binh, đã đóng ở Vácsava, ở bộ tham mưu, tiếp đây, xin ngài biết cho, sau khi giải ngũ, tôi đã làm ở đội chữa cháy, sau đó vì ốm yếu tôi thôi không làm chữa cháy nữa và hai năm liền làm nghề gác cổng cho một trường nam tiểu học... Mọi luật lệ tôi đều được biết. Còn bọn nông phu là hạng người tầm thường ngờ nghệch, không hiểu biết gì cả và phải nghe lời tôi - như thế chính là có lợi cho bọn họ. Cứ lấy tí dụ như là cái trường hợp vừa rồi... Tôi xua đám dân làng đi vì ở bãi cát trên bờ sông có xác người chết đuối. Tôi hỏi, căn cứ vào đâu mà kẻ chết kia lại nằm ở đấy? Chẳng lẽ như vậy là hợp lệ sao? Viên trưởng tuần kia sao lại chỉ đứng nhìn? Tôi hỏi, này anh trưởng tuần, tại sao anh lại không tâu bẩm việc này với thượng cấp? Có thể là người chết đuối này tự dìm mình, mà cũng có thể dính dáng đến chuyện đi tù Xibiri chứ chẳng chơi. Có thể đó là một vụ giết người thuộc hình sự... Thế mà viên trưởng tuần Giughin cứ tỉnh khô như không mà hút

thuốc. Anh ta nói: “Sao ông lại cứ làm như người chuyên ra mệnh lệnh thế kia? Ở đâu chui lên cái thứ người ra lệnh ấy? Không có ông ra lệnh có để chúng tôi lại không biết làm gì sao?” Tôi nói, vậy là anh ngu, anh không biết gì cả, nếu anh cứ đứng đực mặt ra thế kia. Anh ta nói: “Ngay từ hôm qua tôi đã bấm báo lên ngài xã tuần”. Tôi hỏi, việc gì lại phải báo cho xã tuần? Căn cứ theo điều khoản nào của bộ luật? Chẳng lẽ trong những trường hợp có người chết đuối, người thất cổ và những trường hợp tương tự, chẳng lẽ trong những trường hợp như vậy ngài xã tuần lại có thể giải quyết được sao? Tôi nói đây là một vụ hình sự, đây là việc của bên dân sự... Tôi nói, gặp trường hợp ấy thì phải cấp báo cho ngài dự thẩm và các vị quan tòa. Tôi nói, việc trước hết, đầu tiên nhất anh phải làm là lập biên bản và gửi cho ngài chánh án. Thế mà viên trưởng tuần lại cứ vừa nghe vừa cười hoài! Bọn nông phu kia cũng vậy. Tất cả đều cười, thưa ngài chánh án. Tôi có thể xin thể mà khai như vậy. Đấy, ông này, ông nọ nữa và cả Giughin nữa đều cười. Tôi nói, làm gì mà nhe hết cả răng ra thế kia? Thế rồi chính viên trưởng tuần thì nói rằng: “Những chuyện này cũng chẳng dính dáng gì đến ông chánh án”. Nghe câu nói đó tôi đã sôi tiết lên. Này trưởng tuần, có phải người nói thế không? - Lão quản hướng tới trưởng tuần Giughin.

- Tôi có nói.

- Mọi người đều nghe thấy nhà người nói với mọi người dân thường vậy. “Những chuyện này cũng chẳng dính dáng gì đến ông chánh án”. Mọi người đều nghe thấy

nhà người nói thế... Thừa ngài chánh án, nghe câu nói đó tôi đã lộn cả tiết, tôi còn phát hoảng lên nữa. Tôi bảo anh ta, thử nói lại, nói lại câu nhà người vừa nói đi! Anh ta lại nhắc lại những lời ấy... Tôi liền bước đến gần anh ta. Tôi bảo, làm sao mà nhà người lại dám nói tới ngài chánh án bằng những lời lẽ như vậy hả? Người là trương tuần thế mà người lại chống lại chính quyền à? Hả? Tôi bảo, nhà người có biết rằng quan chánh án, nếu ngài muốn, ngài có thể gô cổ nhà người giải lên Sở hiến binh của tỉnh vì lý do nhà người đã có hành vi khả nghi như vậy không? Tôi nói, nhà người có biết căn cứ vào những câu đầy tính chất chính trị như vậy ngài chánh án có thể đẩy nhà người đi những đâu không? Còn ông chánh tổng thì nói: “Ngài chánh án không thể can thiệp đến những việc ngoài quyền hạn của mình được. Ngài chỉ có thể giải quyết được những việc lật vật thôi”. Đấy, ông ta nói như thế đấy, mọi người đều nghe được. Tôi bảo, sao ông lại dám thóa mạ chính quyền như vậy hả? Tôi bảo, này đừng có mà giở trò cợt nhả với tôi, bằng không chuyện sẽ chẳng hay hóm gì đâu, người anh em ạ. Hồi còn đóng ở Vácsava hay còn làm gác cổng ở trường nam tiểu học hề mỗi lần tôi nghe thấy có câu nói nào không thuận tai là tôi dõm ngay ra ngoài phố xem có ông cảnh binh nào không; tôi nói: “Mời ông lại đây, lại đây, ông cảnh binh”, - và bầm báo hết với ông ấy. Thế còn ở xóm làng này thì biết nói với ai?... Tôi nổi cáu lên, tôi phát bực là dân chúng bây giờ quên hết cả phép tắc, chẳng còn biết sợ luật pháp gì nữa, thế rồi tôi vung tay lên và... tất nhiên là không có gì là mạnh quá, mà đúng là nhẹ tay thôi để cho ông ta chừa cái thói dám nói những lời hỗn xược như vậy với quan trên... Viên trương

tuần nhảy vào bênh chánh tổng. Vậy là tôi nện cả trương tuần... Và cứ thế... Tôi nổi nóng lên, thừa ngài, mà không đánh chúng nó không được. Không cho đứa ngu xuẩn nó ăn đòn thì thật là có tội với lương tâm. Phải thế thôi, nếu có chuyện... nếu có sự phá rối trị an...

- Được rồi! Nhưng mà chuyện phá rối trị an đã có người lo. Đã có trương tuần, lý trưởng, bá hộ...

- Trương tuần không dòm dò gì đến chuyện đó cả mà anh ta cũng chẳng hiểu được điều tôi hiểu đâu...

- Nhưng mà ông quản, ông hiểu cho, đấy không phải là chuyện của ông!

- Sao? Sao lại không phải là chuyện của tôi? Kỳ cục thật... Mọi người làm loạn - rồi thế là không phải chuyện của tôi! Thế ra tôi phải khích lệ chúng à? Đấy bọn họ vừa kêu ca với ngài rằng tôi cấm không cho họ hát... Nhưng mà trong các bài hát ấy thì có gì hay hóm đâu kia chứ! Đáng lẽ là phải kiếm một việc gì mà làm thì bọn họ lại hát... Lại còn tối tối họ bắt đầu ngồi quanh đèn nữa chứ. Đáng lẽ phải đi ngủ thì bọn họ lại còn ngồi tán gẫu, cười đùa với nhau. Tôi có ghi lại hết!

- Ông ghi lại cái gì kia?

- Ghi tên những ai nhà có giọng đèn.

Prisubeép rút trong túi ra một mảnh giấy dính mỡ, đeo kính lên và đọc:

- Những người nông dân sau đây nhà có thấp đèn: Ivan Prokhorốp, Xápva Mikiphorốp, Pêtorơ Pêtorốp. Vợ

lính Suxtorôva, một mụ góa ăn nằm bữa bãi trái phép với Xemion Kixlốp. Igonát Xverosốc làm nghề tà thuật, còn vợ hắn ta là Mavra là một mụ phù thủy, đêm đêm chuyên đi vất trộm sữa bò nhà khác.

- Đủ rồi! - ngài chánh án phán và bắt đầu hỏi các nhân chứng.

Lão quản Prisubeép nâng kính lên trán và kính ngạc nhìn quan chánh án, người mà rõ ràng đã không đứng về phía lão ta. Đôi mắt lồi của lão long lên sòng sọc, mũi chuyển sang màu đỏ lự. Lão nhìn quan chánh án, nhìn các nhân chứng và không thể nào hiểu được vì sao quan lại có vẻ xúc động thế và vì sao từ khắp mọi góc trong phòng đều nghe thấy khi thì tiếng xì xào, khi thì tiếng cười ửng ửng trong miệng. Lão cũng không hiểu nổi bản án nữa: một tháng phạt giam!

- Vì tội gì?! - lão dang hai tay ra tỏ rằng không hiểu được - Căn cứ vào điều luật nào?

Đối với lão rõ ràng là thế giới đã đổi khác, là không thể nào sống trên đời này được nữa. Những ý nghĩ buồn bã, đen tối ám ảnh lão ta. Nhưng khi bước ra khỏi phòng xử án, nhìn thấy đám nông phu tụ tập nói với nhau cái gì đấy, thì lão ta, theo một thói quen không thể nào tẩy rửa được, bèn duỗi thẳng tay theo đường nếp quần và quất to bằng cái giọng rè rè giận dữ:

- Ê, dân chúng, giải tán ngay! Không được xúm đông thế này! Ai về nhà nấy!

MỘT CHUYỆN ĐÙA

Một buổi trưa mùa đông trong sáng... Trời giá lạnh, rét cồng. Nadia khoác tay tôi. Những hạt bụi tuyết nhỏ trắng xóa bám lên mấy món tóc xoắn vòng rủ hai bên thái dương nàng, lên hàng lông tơ mịn phía bên trên môi. Nàng và tôi đứng trên một ngọn đồi cao. Từ chỗ chúng tôi đứng, sườn đồi đồ dãi thoải thoải xuống lấp loáng dưới ánh nắng, như một tấm gương. Bên cạnh chúng tôi là một chiếc xe trượt tuyết nhỏ bọc một lớp dạ màu đỏ tươi.

- Chúng ta cùng trượt xuống dưới đi, Nadia! - tôi van nài nàng. - Một lần thôi! Tôi cam đoan với cô là chúng ta sẽ chẳng hề gì đâu.

Nhưng Nadia sợ. Cả khoảng không gian từ đôi giày cao su nhỏ nhắn của nàng đến chân quả đồi phủ băng này đối với nàng thật ghê sợ, tưởng như là một vực sâu vô tận. Đứng đây, nàng chỉ mới đưa mắt nhìn xuống dưới, hay tôi chỉ mới gợi ý bảo nàng ngồi vào xe trượt tuyết là nàng đã sợ hết hồn, không thở được nữa, hướng hồ nếu nàng liều mạng lao xuống cái vực sâu kia thì không biết rồi ra sao! Nàng sẽ chết mất, sẽ phát điên mất.

- Ta trượt đi cô? - Tôi cố nài. - Việc gì mà sợ! Cô phải biết sợ thế là nhất gan, xoàng lắm cô ạ!

Cuối cùng, Nadia cũng ưng thuận, nhưng qua nét mặt nàng, tôi biết rằng nàng liều mạng mà nghe lời tôi. Tôi đỡ nàng ngồi vào xe trượt; nàng run rẩy, gương mặt nàng tái nhợt. Tôi vòng tay qua giữ lấy Nadia và cùng nhau lao xuống.

Chiếc xe lao đi vun vút như một viên đạn. Làn không khí bị xé ra quạt vào mặt, gào rít bên tai dữ tợn đâm vào da buốt nhói, gió như muốn giật phăng đầu ra khỏi vai. Gió ép mạnh, đến nghẹt thở. Tưởng chừng như có một con quỷ nào đang giơ tay nắm lấy chúng tôi và vừa rú lên vừa kéo xuống địa ngục. Mọi vật chung quanh nhập lại thành một vệt dài vun vút lao về phía sau... Chỉ một giây lát nữa thôi có lẽ chúng tôi sẽ chết!

- Nadia, anh yêu em! - tôi thì thào nói.

Chiếc xe trượt dần dần chạy chậm lại, tiếng gió gào và tiếng càn trượt xe rít lúc này đã không còn đáng ghê sợ, ngực đã thấy dễ thở, và thế là chúng tôi đã xuống đến chân đồi. Nadia sợ tưởng chết đi được, gương mặt tái nhợt, nàng thở không ra hơi... Tôi đỡ nàng đứng dậy.

- Các vàng tôi cũng không trượt lần nữa đâu! - nàng nói và đưa cặp mắt mở to đầy sợ hãi, nhìn tôi. - Các vàng tôi cũng chịu! Chỉ thiếu chút nữa là tôi chết!

Một lát sau, nàng dần dần hết sợ và đã bắt đầu nhìn vào mắt tôi với vẻ dò xét: có phải tôi đã nói bốn tiếng ấy,

hay chỉ là trong tiếng gió gào rít nàng nghe thấy như vậy? Còn tôi, tôi đứng bên cạnh nàng, lấy thuốc lá ra hút và chăm chú nhìn chiếc găng tay của mình.

Nàng khoác tay tôi và chúng tôi cùng nhau dạo chơi hồi lâu bên đồi tuyết. Hình như điều bí ẩn làm nàng thấy trong lòng bồn khoăn. Có phải anh nói ra những lời đó không? Có những lời đó hay không? Có hay không? Đó là một câu hỏi của lòng tự trọng, của danh dự, của cuộc đời và niềm hạnh phúc - một câu hỏi rất hệ trọng, hệ trọng nhất trên đời này. Nadia dăm dăm nhìn tôi bằng cặp mắt buồn rầu nồn nóng bồn chồn. Nàng chậm rãi do dự trả lời những câu hỏi của tôi như chờ mong tôi sẽ tự nói ra cái điều bí ẩn ấy. Ôi, khuôn mặt nàng lúc ấy đáng yêu biết bao, ý nhị biết bao! Tôi thấy rõ nàng đang tự day dứt với mình, nàng cần nói một điều gì, cần hỏi một điều gì, nhưng nàng không tìm được lời, nàng cảm thấy rứt rứt kinh sợ, một niềm vui nào đang ngăn trở nàng nói:

- Này anh... - Nàng nói, mắt không nhìn tôi.

- Cái gì vậy? - tôi hỏi.

- Chúng ta cùng nhau... lao dốc lẫn nữa đi.

Chúng tôi lần theo những bậc thang trèo lên đồi. Tôi lại đỡ Nadia lên xe, mặt nàng tái nhợt, và toàn thân run run. Chúng tôi lại lao xe về phía vực thẳm khủng khiếp và, gió lại gào, tiếng xe lại rít lên. Và cũng đúng vào lúc chiếc xe lao nhanh nhất, tiếng gió gào rít ghê gớm nhất, tôi lại nói:

- Nadia, anh yêu em!

Khi chiếc xe dừng lại, Nadia vội đưa mắt nhìn quanh quả đồi mà chúng tôi vừa trượt xuống, rồi nhìn đắm đắm vào mặt tôi, lắng nghe giọng nói thờ ơ lãnh đạm của tôi và toàn thân nàng, cả từ cái mũ, cái bao tay và dáng người nàng nữa, đều toát lên một cái gì đầy hồ nghi khó hiểu. Trên gương mặt nàng như hiện lên các câu hỏi:

“Điều gì đã xảy ra? Ai nói những lời ấy? Anh ấy hay là chỉ do ta nghe được?”

Điều bí ẩn ấy làm nàng không yên lòng chút nào, nàng không chịu được nữa. Cô bé đáng thương ấy không trả lời nổi những câu hỏi, nét mặt rầu rĩ như muốn khóc.

- Chúng ta về nhà thôi nhé? - tôi hỏi.

- Không, không... tôi thích... trượt xe thế này, - nàng nói, mặt ửng đỏ lên. - Hay là chúng ta cùng nhau trượt lần nữa đi?

Nadia nói rằng nàng “thích” cái trò trượt này, thế mà khi ngồi lên xe, nàng vẫn run, gương mặt nàng vẫn tái nhợt, hơi thở vẫn ngắt quãng vì sợ hãi như những lần trước.

Lần thứ ba chúng tôi trượt xuống. Tôi thấy nàng đắm đắm nhìn lên mặt tôi, theo dõi đôi môi tôi. Nhưng tôi lấy chiếc khăn tay che miệng đi rồi khẽ dang háng lên mấy tiếng, và khi xe lao xuống lưng chừng đồi, tôi còn kịp nói:

- Nadia, anh yêu em!

Điều bí ẩn vẫn là điều bí ẩn! Nadia im lặng, nàng đang nghĩ ngợi điều gì... Tôi tiễn nàng từ sân trượt về nhà. Nàng cố đi chậm lại, chờ xem tôi có nói với nàng những lời ấy không.

Tôi cảm thấy tâm hồn nàng đang đau khổ, nàng đang cố dần lòng để khỏi phải thốt lên:

- Không, gió không thể nói được những lời ấy! Mà mình cũng không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy!

Sáng hôm sau, tôi nhận được một mảnh giấy của nàng: “Nếu hôm nay anh có đi trượt tuyết, đến rủ tôi cùng đi nhé! Nadia”. Từ hôm đó, ngày nào tôi và Nadia cũng lên đồi và mỗi lần lao xe từ trên đồi xuống, tôi lại thì thào nhắc lại những lời đó:

- Nadia, anh yêu em!

Chẳng bao lâu sau, Nadia quen nghe những lời ấy như quen uống rượu, hay dùng moócphin. Nàng không thể sống thiếu những lời đó nữa. Thực ra lao xe từ trên đồi xuống vẫn đáng sợ như xưa, nhưng giờ đây chính cái nguy hiểm, cái kinh sợ đó lại đem đến một cái gì đặc biệt đắm say cho những lời yêu đương ấy, những lời vẫn là điều bí ẩn và dần vật lòng người như trước... Kẻ bị nghi ngờ vẫn là gió và tôi... Ai, gió hay tôi, đã thổ lộ với nàng những lời yêu đương ấy, nàng không biết được; nhưng hình như nàng không để ý đến điều đó nữa bởi vì tục ngữ nói uống rượu từ bình nào, có gì đáng bận tâm đâu, chỉ cốt sao say được thôi.

Có lần vào một buổi trưa, tôi đến sân trượt một mình; đi lẫn trong đám đông, tôi bỗng nhìn thấy Nadia đang đi về phía đồi và đưa mắt nhìn tôi... Rồi nàng chậm chạp bước theo bậc thang trèo lên đỉnh đồi... Trượt xe một mình thật đáng ghê sợ biết bao, ôi, thật đáng ghê sợ! Mặt nàng tái nhợt, trắng như tuyết, toàn thân run rẩy, nàng bước đi hết như đến nơi chịu án tử hình, nhưng nàng vẫn xăm xăm đi, đầu không ngoái lại. Chắc là cuối cùng nàng quyết định thử xem: nàng có còn nghe thấy những điều ngọt ngào say đắm ấy nữa không, khi không có tôi bên cạnh? Tôi nhìn thấy nàng tái nhợt, miệng há ra vì sợ hãi; ngồi lên xe, nhắm mắt lại và, sau khi vĩnh biệt trái đất, bắt đầu lao xuống chân đồi... Tiếng còi trượt xe rít lên... Nadia có nghe thấy những lời đó nữa không, tôi không biết... Tôi chỉ thấy nàng bước ra khỏi xe một cách mệt nhọc, gần như kiệt sức. Qua nét mặt nàng có thể thấy rằng chính nàng cũng không biết nàng có nghe được những lời đó hay không. Nỗi sợ hãi khi xe lao xuống đồi đã làm nàng không còn khả năng nghe được, phân biệt được các âm thanh, không còn khả năng hiểu nữa...

Thế rồi những ngày xuân tháng Ba đã tới... Mặt trời như trở lên dịu dàng hơn. Quả đồi tuyết của chúng tôi bắt đầu sẫm lại, dần dần mất cái vẻ óng ánh của nó, và cuối cùng thì tan đi. Chúng tôi thôi không trượt xe nữa. Nadia đáng thương cũng không còn nơi nào để nghe những lời đó nữa, và cũng không có ai nói những lời ấy nữa, bởi vì gió thì không còn thổi nữa, mà tôi thì sửa soạn đi Pê-tê-burg - đi rất lâu, có lẽ là suốt đời.

Có lần khoảng hai ngày trước khi đi Pê-tê-burg vào một buổi chiều tà, tôi ngồi trong khu vườn nhỏ. Một hàng rào cao có đỉnh nhọn ngăn cách khu vườn ấy với sân nhà Nadia... Trời hãy còn lạnh, tuyết vẫn còn đọng lại dưới đám phân, cây cối vẫn trơ trụi, nhưng hương vị mùa xuân đã đến, từng đàn quạ bay về tổ, trú đêm kêu lên quàng quạc. Tôi đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở. Tôi thấy Nadia bước ra thềm và đưa mắt nhìn lên trời buồn bã... Làn gió xuân nhẹ thổi qua khuôn mặt nhợt nhạt râu rĩ của nàng... Làn gió xuân gọi lại cho nàng cái tiếng gió rít trên đồi tuyết, khi nàng nghe thấy bốn tiếng ấy, và gương mặt nàng trở nên buồn bã lạ thường, nước mắt lặng lẽ chảy trên má... Nàng đáng thương đưa hai tay mình về phía trước như muốn cầu xin làn gió đem đến cho nàng những lời yêu đương đó một lần nữa. Và tôi, chờ khi có làn gió đến, thì thào nói:

- Nadia, anh yêu em!

Trời, điều gì đã xảy ra với nàng lúc ấy! Nadia khê kêu lên và khuôn mặt nàng bỗng chan hòa một nụ cười rạng rỡ. Nadia đưa hai tay lên đón lấy gió, trông nàng lúc ấy thật là mừng rỡ, đẹp xinh và hạnh phúc.

Còn tôi, tôi trở vào nhà và đi thu xếp đồ đạc...

Chuyện ấy đã qua lâu rồi. Bây giờ Nadia đã có chồng, gia đình nàng gả chồng cho nàng hay nàng tự nguyện lấy? - điều ấy cũng chẳng có gì đáng bận tâm. Chồng nàng là thư ký hội đồng giám hộ trẻ con quý tộc. Nadia đã có ba con. Nhưng chút kỷ niệm cùng nhau trượt băng và gió lúc

ấy đem đến cho nàng bốn tiếng: “Nadia, anh yêu em” thì nàng không quên được; đối với nàng, điều ấy đã trở thành kỷ niệm hạnh phúc nhất, xúc động nhất, đẹp đẽ nhất trong đời nàng...

Còn tôi, bây giờ tôi đã đứng tuổi, tôi không hiểu nổi vì lẽ gì tôi đã nói những lời đó, làm sao tôi đã đùa như thế...

VANKA

Vanka Giukóp là một cậu bé chín tuổi, trước đây ba tháng đã được gửi đến nhà ông thợ giày Aliakhin để học việc, vào đêm lễ Giáng Sinh cậu không nằm ngủ. Đợi đến lúc ông bà chủ nhà và mấy người thợ phụ đi lễ nhà thờ sáng sớm, cậu bé lấy từ trong chiếc tủ của ông chủ một lọ mực nhỏ, cây bút với chiếc ngòi đã gỉ, để một tờ giấy nhàu nát ra trước mặt rồi bắt đầu viết. Trước khi đặt bút viết chữ đầu tiên, mấy lần cậu sợ sệt đưa mắt nhìn cửa ra vào và cửa sổ, liếc nhìn bức ảnh thánh tối sẫm treo giữa hai dãy giá gỗ xếp đầy những bộ khuôn đóng giày, rồi thở dài dứt đoạn. Cậu đặt tờ giấy lên chiếc ghế bằng và quỳ xuống bên ghế.

“Ông Konxstantin Makarúts thân yêu! - cậu viết. - Cháu viết thư cho ông đây. Cháu chúc mừng ông nhân dịp lễ Giáng Sinh và chúc ông được Thượng Đế ban cho nhiều may mắn. Cháu chẳng còn bố, còn mẹ, cháu chỉ còn có một mình ông thôi”.

Vanka đưa mắt nhìn ra cửa sổ tối sẫm thấp thoáng phản chiếu bóng cây nến của cậu, và xúc động tưởng tượng ra người ông của mình hiện đang làm người gác

cổng ban đêm cho nhà chủ Giurvarép. Ông cụ nhỏ nhắn, gầy gò, nhưng khôn ngoan, nhanh nhẹn khác thường, tuổi chừng sáu mươi lăm, vẻ mặt lúc nào cũng như đang cười và đôi mắt thì ngà ngà say. Ban ngày cụ ngủ trong bếp của đám người hầu hạ hay tán chuyện tầm phào với mấy bà đầu bếp, đến đêm thì cụ khoác tấm áo lông cừu thô rộng đi vòng quanh trang trại và gõ cái mõ của mình. Cúi đầu đi theo sau cụ là con chó già Kastanka và con chó Viun - gọi như thế vì con Viun có bộ lông màu đen và thân mình dài ngoằng như một chú chồn.

Con Viun lúc nào cũng tỏ ra hết sức hiền lành và kính nể mọi người, với người thân hay người lạ nó cũng đều nhìn bằng đôi mắt quán quít xun xoc, nhưng nó vẫn không được ai tin cậy. Đằng sau cái vẻ hiền lành, lễ phép ấy là một sự tinh ranh tráo trở. Không một con chó nào biết thạo hơn nó cách lén đến đằng sau và dớp nhanh vào chân, ăn vụng thức ăn để trong hũm chứa hay bắt trộm gà của dân làng. Người ta đã nhiều lần đánh què hai chân sau, vài lần treo nó lên, tuần nào cũng đá cho nó một trận như tử, nhưng lần nào nó cũng sống lại. Bây giờ chắc ông đang đứng ở cổng, nheo mắt nhìn những khung cửa sổ sáng đỏ của ngôi nhà thờ làng, rồi vừa đập đập đôi ủng dọ vào nhau vừa tán gẫu với đám đầy tớ. Cái mõ ông đeo bên thắt lưng. Ông vỗ vỗ tay, người co ro lại vì lạnh, rồi vừa cười hì hì theo lối cười của người già vừa véo bà hầu phòng, bà đầu bếp.

- Nay, ngủ tí thuốc hút chứ? - ông cụ vừa nói vừa đưa hộp thuốc của mình cho hai bà đó.

Hai bà ngồi ngửi rồi hít hơi. Ông cụ thích chí không thể tả được, khoái chà cười vang và kêu lên:

- Thuốc này tốt lắm đấy?

Họ cho cả chó ngủ thuốc lá nữa. Con Kastanka hít hơi, ngoay ngoáy đầu rồi giận dỗi bỏ sang một bên. Con Viun vì nể không hít hơi mà chỉ ngoáy ngoáy đuôi. Thời tiết thì thật là đẹp. Không khí thật êm dịu, trong lành và tươi mát. Màn đêm sâm sẫm tối, nhưng vẫn nhìn rõ cả xóm làng với những mái nhà màu trắng và làn khói nhẹ bay lên, những hàng cây phủ một lớp tuyết trắng và những đống tuyết. Khắp bầu trời chỉ chút những vì sao vui nhấp nháy, và dòng sông Ngân hiện ra lơ lửng như trước ngày lễ có ai đã rửa sạch và trải lên đây tuyết trắng...

Vanka thờ dãi, chấm bút vào lọ mực rồi viết tiếp:

“Ngày hôm qua cháu bị đánh một trận đau lắm ông ạ. Ông chủ nắm tóc cháu lôi ra ngoài sân rồi lấy dây da đánh cháu tới tấp vì tội cháu đưa nôi cho con ông chủ ngủ mà cháu trót ngủ quên đi mất. Tuần vừa rồi bà chủ sai cháu mổ con cá mòi, cháu lại bắt đầu làm từ đuôi, thế là bà ta cầm cả con cá mòi mà quật vào mặt cháu. Mấy người thợ học việc toàn trêu cười cháu, bảo cháu ra ngoài quán mua rượu vốt ka lại còn bắt cháu lấy trộm dưa chuột của ông bà chủ, thế là ông chủ vợ được cái gì liền quật cháu tới tấp, ăn thì chẳng có gì. Buổi sáng ông bà chủ cho cháu một miếng bánh mì, buổi trưa cho bát cháo, đến tối lại một mẩu bánh, còn có bao nhiêu canh bắp cải hay nước

chè thì ông bà chủ ngón hết, ông ạ. Ông bà chủ bắt cháu ngủ ngoài hành lang, khi con người ta khóc thì cháu chẳng được ngủ tí nào mà cứ phải đưa nôi suốt. Ông thân yêu, ông làm ơn làm phúc mang cháu về nhà ông, về làng, cháu chẳng chịu được nữa... Cháu van lạy ông, cháu cầu Thượng Đế suốt ngày đêm, để ông đến mang cháu đi khỏi nơi này, không cháu có thể chết mất...”

Môm Vanka méo xệch, cậu đưa nắm tay đen bẩn lên dụi mắt rồi sụt sịt khóc.

“Cháu sẽ tán nhỏ thuốc lá cho ông, - cậu viết tiếp, - có trời chứng giám, nếu có gì thì ông cứ đánh cháu cật lực, còn nếu ông nghĩ là không có việc gì cho cháu làm thì cháu sẽ cố xin giày cho ông quần gia hay là đi chăn bò thế chỗ thằng Phếtka. Ông thân yêu, cháu chẳng biết làm thế nào nữa, chỉ còn nước là chết nữa thôi. Cháu đã định chạy trốn về làng, nhưng mà không có giày, cháu sợ trời rét quá. Còn khi nào cháu lớn lên rồi, cháu sẽ trả ơn ông mà nuôi ông, cháu không cho đứa nào làm nhục ông, khi ông chết, cháu sẽ cầu nguyện cho linh hồn ông được yên nghỉ như cháu đã cầu cho mẹ Pêlagaya.

Còn Maxcova là thành phố to lắm, ông ạ. Mọi nhà đều là của các ông chủ và ngựa cũng rất nhiều, còn cừu thì không có và chó thì không dữ đâu. Trẻ con ở đây không đi chơi thăm các nhà để ngâm thơ đạo Kytô vào ngày lễ Giáng Sinh và không ai cho đứng lên bục cao trong nhà thờ mà hét đâu, có lần cháu thấy ở hiệu tạp hóa trên cửa sổ

có treo bán lưới câu có liền cả dây, cá gì cũng câu được, tốt lắm, ông a, lại còn có một cái lưới câu được cá nheo nặng một pút¹ ấy. Cháu còn thấy có hiệu bán những khẩu súng giống như các ông chủ vẫn đeo ấy, đến hàng trăm rúp một khẩu ấy, ông a... Ở các hiệu bán thịt thì đây thịt gà rừng này, gà lôi này, thịt thỏ này, nhưng bán được ở đâu thì mấy người bán chẳng nói.

Ông thân yêu, bao giờ ông chủ cho dựng cây thông treo những gói quà nhỏ thì ông lấy cho cháu một hạt dẻ màu vàng nhé, ông giấu vào cái rương màu xanh ấy. Ông cứ xin tiểu thư Onga Igonatiépna ấy, ông bảo là xin cho cháu”.

Vanka run rẩy thờ dài và lại nhìn chăm chăm ra cửa sổ. Cậu nhớ lại lần nào vào rừng lấy cây thông cho nhà chủ ông đều đi và dắt cháu đi theo. Lúc ấy thật là vui vẻ! Mấy lần trước khi dẫn cây thông, ông hút một tẩu thuốc, ngửi ngửi thuốc hít rất lâu, và trêu cười cậu bé Vanka đang bị rét cóng... Những cây thông non phủ một lớp tuyết mỏng đứng yên và chờ xem cây nào bị chặt. Không biết từ đâu ra, một con thỏ chạy vụt qua mấy đống tuyết... Thế nào ông cũng kêu lên:

- Bắt lấy, bắt lấy... bắt lấy! Chà, đồ quỷ cộc đuôi!

Chặt được cây thông rồi ông đem về nhà chủ, và ở đâu người ta bắt đầu trang điểm cho nó... Tiểu thư Onga Igonatiépna mà Vanka rất mến, là người bạn rợn nhiều

¹ Pút - một đơn vị trọng lượng Nga, tương đương 16,3 ki-lô-gam

nhất. Hồi mẹ Pêlagâya của Vanka còn sống, làm hầu phòng cho nhà chủ. Ông Igoratiépna đã cho Vanka ăn kẹo và vì không có việc gì làm nên đã dạy cho cậu ta biết đọc, biết viết, đếm đến 100, thậm chí còn dạy nhảy điệu quadrille nữa. Sau khi mẹ Pêlagâya chết đi, người ta cho cậu bé mồ côi Vanka vào làm ở nhà bếp của những người hầu cùng chỗ ông, rồi từ đấy lại gửi lên Maxcova ở với ông thợ giày Aliakhin...

“Ông thân yêu, ông lên đây đi, - Vanka viết tiếp, - cháu xin ông làm ơn làm phúc đem cháu đi khỏi đây. Ông thương lấy cháu mồ côi mồ cút khổ sở, không người ta cứ đánh cháu mà cháu thêm được ăn no lắm, cháu buồn lắm, không nói được gì, cứ khóc thôi. Hôm vừa rồi, ông chủ lại lấy cái khuôn khâu giày đập vào đầu cháu, cháu ngã xuống mãi lâu sau mới tỉnh. Đời cháu khổ quá, khổ hơn cả chó, ông ạ... Cho cháu gửi lời thăm Alêna, bác Igor chột mắt và bác đánh xe, còn cái phong cầm của cháu ông đừng đưa cho ai nhé. Cháu của ông mãi mãi, Vanka Giukóp, ông thân yêu, ông lên đây đón cháu nhé”.

Vanka gấp lá thư làm tư rồi bỏ vào cái phong bì mua một kôpêch ngày hôm trước... Nghĩ ngợi một lúc rồi cậu lại chấm mực và viết địa chỉ:

Gửi ông ở nhà quê.

Sau đó cậu gãi gãi đầu nghĩ rồi viết thêm: “Ông Konxtantin Makarútst”. Lấy làm thích thú vì không bị ai

ngăn trở viết thư, cậu chụp mũ lên đầu và không kịp khoác lên mình chiếc bàn chải, cứ mặc mỗi chiếc áo sơ mi mà chạy ra ngoài phố...

Hôm trước khi cậu hỏi, mấy người ngồi bán thịt đã nói với cậu là thư từ thì bỏ nào những hộp thư, rồi từ đấy người ta lấy ra đem đi khắp nước trên những cỗ xe tam mã có chuông rung do mấy gã đánh xe say rượu điều khiển. Vanka chạy đến chỗ treo hộp thư gần như rời bỏ bức thư quý báu qua khe...

Mơ theo những hi vọng ngọt ngào, một giờ sau cậu đã ngủ thiếp đi... Cậu nằm mê thấy cái bếp lò. Ông ngồi trên bệ bếp, đôi chân trần buông thõng, và đọc thư cho mấy bà đầu bếp nghe... Con Viun đi quần quanh bên cạnh và ve vẩy đuôi...

HAI KẺ THÙ

Vào lúc mười giờ, một buổi tối tháng Chín không trăng không sao, Andrây sáu tuổi, đứa con trai duy nhất của bác sĩ hội đồng tự quản địa phương tên là Kirilốp đã bị chết vì bệnh bạch hầu. Khi bà vợ ông bác sĩ đang quỳ bên giường con mới chết, và la đi vì đau khổ, tuyệt vọng, thì có tiếng chuông rung mạnh ở ngoài hành lang.

Do đứa trẻ bị bệnh bạch hầu mà từ sớm mấy người làm công trong nhà đều được bảo đi khỏi nhà. Không mặc áo vestông, mặc mỗi chiếc áo gối lê mở cúc, chưa kịp lau mặt còn đầm nước, không kịp lau đôi tay bóng lộn vì phenôn, Kirilốp tự mình ra mở cửa. Ngoài hành lang rất tối, chỉ có thể nhận thấy người lạ mới bước vào tầm vóc trung bình, quàng một chiếc khăn màu trắng, gương mặt to bè nhợt nhạt, nhợt nhạt đến mức tưởng rằng hành lang sáng lên được một chút nhờ có gương mặt đó xuất hiện...

- Bác sĩ có nhà không? - người mới vào hỏi nhanh.

- Tôi có nhà đây, - Kirilốp trả lời. - Ông cần gì vậy?

- Ô, ông đấy ư? Thật may quá! - người mới vào mừng rỡ rồi tìm trong bóng tối chụp choạng bàn tay của bác sĩ,

và nắm chặt trong đôi tay của mình. - Thật may quá... may quá! Tôi với ông có quen nhau đấy!.. Tôi là Abôghin... đã có lần hân hạnh được gặp ông dạo hè ở nhà Gônutsép. Tôi rất mừng là thấy ông ở nhà... Vì Chúa xin ông chờ từ chối mà hãy theo tôi: Vợ tôi bị ốm nặng... Tôi có mang theo xe...

Qua cử chỉ và giọng nói của người mới vào có thể thấy rõ là ông ta đang ở trong trạng thái tâm thần bị kích động mãnh liệt. Hệt như đang sợ hãi vì cháy nhà hay chó dại cắn mà ông ta khó nhọc thở gấp, giọng nói nhanh run run, có cái gì thật thà, con trẻ, nhút nhát lộ ra qua lời nói của ông ta. Giống như tất cả những người đang ở trong trạng thái sợ hãi và kinh ngạc, ông ta nói những lời ngắn ngủi, rời rạc và chêm vào nhiều câu thừa, chẳng ăn nhập gì vào câu chuyện.

- Tôi sợ không gặp được ông, - người mới vào nói tiếp - Trên đường đi đến nhà ông, tôi đau khổ vô cùng... Ông mặc áo vào đi và cùng lên xe với tôi, làm ơn làm phúc... Chuyện xảy ra như thế này. Có ông Pápstinxki Alécxandơ Xêmiônôvít đến chơi chỗ tôi, người này ông biết đấy... Chúng tôi ngồi nói chuyện... sau đó uống nước chè, thế rồi bất thành linh vợ tôi hét lên một tiếng, tay tự túm lấy ngực mình chỗ con tim và ngã người xuống thành ghế. Chúng tôi đỡ nàng ra giường, và... tôi lấy rượu chứa ammônias xoa vào thái dương, vẩy nước lên mặt... nàng vẫn nằm yên như chết... Tôi sợ rằng nàng bị bệnh giãn

mạch máu. Ông đi với tôi nhé... Bố vợ tôi cũng đã chết vì bệnh giãn mạch máu đó...

Kirilốp lắng nghe và im lặng, dường như ông không hiểu tiếng Nga nữa.

Khi Abôghin một lần nữa nhắc đến tên Pápstinxki, nhắc đến bố vợ, và lại lần tìm trong bóng tối nhờ nhờ bàn tay của Kirilốp thì bác sĩ hơi ngừng đầu lắc lắc và nói giọng uể oải kéo dài từng chữ:

- Xin lỗi ông, tôi không thể đi được... Cách đây năm phút con trai tôi... vừa bị chết...

- Lại thế ư? - Abôghin thì thào nói, bước lùi về đằng sau. - Trời ơi, tôi đã gặp phải giờ phút chẳng lành! Thật là một ngày bất hạnh vô cùng... vô cùng! Một sự trùng hợp vậy ư... hệt như là có sự xếp đặt!

Abôghin cầm lấy nắm vịn nơi cửa, đầu cúi xuống suy nghĩ. Trông cũng biết rằng ông ta do dự, không biết xử sự ra làm sao: hoặc là bỏ đi hay là tiếp tục yêu cầu bác sĩ.

- Ông nghe tôi nhé, - Abôghin nắm lấy ống tay áo bác sĩ hăm hở nói, - tôi rất biết hoàn cảnh của ông. Có trời chứng giám, tôi rất xấu hổ là đã định chinh phục sự chú ý của ông vào những phút như thế này, nhưng mà tôi còn biết làm gì cơ chứ? Ông cứ tự nghĩ mà xem, tôi đã tìm đến ai? Vì rằng ngoài ông ra ở đây không còn bác sĩ nào khác nữa. Làm ơn làm phúc xin ông đi cho! Không phải tôi cầu xin cho tôi... Tôi có ốm đau đâu!

Im lặng chợt đến. Kinlốp quay lưng lại phía Abôghin. đứng lặng một lúc rồi chậm rãi bước từ hành lang vào phòng. Nhìn dáng đi loang choạng như người mất hồn, vẻ chăm chú của ông khi sửa lại chiếc chụp đèn bọc da đặt trên cái đèn không cháy trong gian phòng, và liếc nhìn cuốn sách dày nằm trên bàn, có thể biết rằng trong những phút này ông chẳng có dự định, ý muốn nào hết, ông không nghĩ ngợi điều gì cả và chắc là đã không còn nhớ rằng có một người lạ đang đứng chờ ông ngoài hành lang. Bóng tối và sự im lặng trong căn phòng càng làm tăng thêm lên vẻ dờ dẩn của ông. Đi từ gian ngoài vào phòng làm việc của mình, ông nhắc chân phải cao hơn bình thường, hai tay sờ soạng tìm khung cửa buồng, và vào lúc đó, từ cả thân hình ông toát ra một cái gì hồ nghi khó hiểu, hệt như ông đi nhầm vào nhà người khác hoặc như lần đầu tiên trong đời ông uống rượu say và bây giờ ông ngập ngừng để cho cơ thể mình chịu đựng cái cảm giác mới mẻ đó. Một vệt sáng dài in trên một bên tường buồng làm việc, qua mấy chiếc tủ đựng sách, cùng với mùi phenôn, mùi ete nồng nồng, nặng nặng, vệt sáng ấy đổ sang từ cánh cửa buồng làm việc he hé mở thông với buồng ngủ... Bác sĩ ngồi xuống chiếc ghế bành đặt bên bàn; ông lim dim nhìn lên những cuốn sách của mình in vệt sáng, sau đó ông đứng dậy và bước sang phòng ngủ.

Ở đây, trong phòng ngủ, bao trùm một bầu không khí chết lặng. Tất cả từng vật nhỏ nhặt, đều gợi nhớ sâu sắc đến cơn bão vừa qua, đến một sự mệt mỏi rã rời, và bây giờ tất cả đều yên nghỉ. Cây nệm đặt trên chiếc ghế đầu

chen lẫn vào giữa những hộp, chai lọ ngổn ngang và chiếc đèn lớn để trên chiếc tủ soi sáng cả căn buồng. Trên giường, ngay bên cửa sổ là đứa trẻ nằm yên, mắt mở to, vẻ mặt như kinh ngạc điều gì. Đứa trẻ không động đậy gì nữa, nhưng tưởng như đôi mắt mở to của nó mỗi lúc một mờ sẫm đi và chìm sâu vào hộp sọ. Người mẹ quỳ bên giường, đầu gục xuống đệm chăn, hai tay đặt lên mình con. Giống như đứa trẻ, bà cũng không nhúc nhích, nhưng trên đường cong của tấm lưng và đôi tay toát ra bao nhiêu sức sống! Toàn thân bà ngã áp vào chiếc giường như ghì riết lấy, dường như bà sợ làm hỏng mất tư thế thuận tiện mà cuối cùng bà đã tìm được cho thân thể mệt rã rời của mình. Chân đệm, khăn lau, chậu rửa, những vũng nước loang trên nền nhà, bút lông nhỏ, thìa con vớt lung tung, một chai to đựng nước vôi và cả không khí nặng nề, ngọt ngào nữa - tất cả đều như lặng đi và chìm sâu vào yên tĩnh.

Bác sĩ đứng lại bên cạnh vợ, hai tay cho vào túi quần, đầu cúi xuống lệch sang một bên và chăm chú nhìn đứa con trai. Vẻ mặt ông không biểu lộ một điều gì, chỉ qua những hạt nước nhỏ xíu còn lấp loáng đọng lại trên râu mới biết rằng lúc này ông vừa khóc.

Sự sợ hãi khủng khiếp mà người ta vẫn nghĩ đến khi nói tới cái chết, hoàn toàn không thấy trong căn buồng ngủ này. Từ trong vẻ bất động tuyệt đối, trong dáng quỳ phủ phục của người mẹ, khuôn mặt lãnh đạm của người bác sĩ toát ra một cái gì làm trái tim thất lại xúc động, đó chính là cái vẻ đẹp thanh mảnh, rất khó thấy trong nỗi đau khổ của con người. Một vẻ đẹp mà còn lâu người ta mới

học được cách hiểu cách mô tả, một vẻ đẹp mà có lẽ chỉ có âm nhạc mới truyền đạt được. Vẻ đẹp ấy ẩn trong cả sự im lặng ủ dột; Kirilốp và vợ ông đều không nói, không khóc, dường như ngoài gánh nặng mất mát, hai người còn ý thức được tất cả tính trữ tình của hoàn cảnh họ bây giờ: vào một lúc nào đấy ngày xưa tuổi trẻ của họ đã trôi qua và bây giờ, cùng với đứa trẻ này, cái quyền được có con của họ đã vĩnh viễn biến mất. Bác sĩ bốn mươi tư tuổi, đầu đã bạc và trông như một ông già, người vợ xanh xao ốm yếu của ông đã ba mươi lăm tuổi. Andrây không chỉ là đứa con duy nhất mà còn là đứa con cuối cùng.

Ngược lại với vợ, bác sĩ thuộc loại người lúc gặp phải nỗi đau khổ về tinh thần lại cảm thấy cần phải đi lại. Đứng bên cạnh vợ chừng năm phút, ông lại nhấc cao chân phải lên và, từ buồng ngủ, ông bước sang một buồng nhỏ đặt chiếc đi văng to rộng choán hết nửa buồng, từ đây ông đi xuống bếp. Đi loanh quanh gần lò đun và giường ngủ của mẹ bếp, ông hơi cúi xuống rồi qua lối cửa nhỏ hẹp bước ra ngoài hành lang.

Ở đây ông lại nhìn thấy cái khăn quàng trắng và khuôn mặt trắng nhợt.

- Có thể chứ! - Abôghin thở dài nói, tay cầm lấy núm vặn cửa. - Ông đi với tôi đi, tôi van ông!

Bác sĩ rùng mình, nhìn lên người lạ và sức nhớ lại...

- Đây, tôi đã nói với ông rồi mà, tôi không thể đi được! - ông nói, giọng nói vẻ hoạt bát hơn. - Là lòng thật!

- Thưa bác sĩ, tôi không là kẻ ngu si, tôi rất hiểu hoàn cảnh của ông... tôi cảm thông nỗi đau khổ của ông! - Abôghin nói giọng van lơn, tay đặt lên chiếc khăn quàng cổ. - Nhưng mà tôi đâu có xin cho bản thân tôi... Vợ tôi đang hấp hối! Nếu ông nghe được tiếng thét ấy, nhìn thấy mặt cô ta, thì ông đã hiểu được vì sao tôi lại yêu cầu ông dai dẳng như thế này! Trời ơi, thế mà tôi cứ tưởng là ông đi thay áo! Thưa bác sĩ, một phút bây giờ là quý vô cùng! ông đi với tôi đi, tôi van ông!

- Tôi không thể đi được! - Kirilốp nói rời rạc từng chữ rồi bước vào phòng.

Abôghin đi theo sau và nắm lấy tay áo ông.

- Ông vừa có tang, tôi hiểu lắm, nhưng mà tôi đâu có mời ông đi chữa răng, đi khám nghiệm y tế, mà là đi cứu sinh mạng một con người! - Abôghin tiếp tục nói, giọng cầu khẩn như kẻ ăn xin. - Sinh mạng này cao hơn tất cả mọi nỗi đau khổ riêng! Tôi mong ông bày tỏ nghị lực dũng cảm! Vì lòng nhân đạo!

- Lòng nhân đạo là một cây gậy hai đầu, - Kirilốp nói giọng cáu kỉnh, - cũng vẫn vì lòng nhân đạo ấy mà tôi yêu cầu ông đừng bắt tôi đi đâu. Và quả thật là lạ lùng, tôi không còn sức đứng vững, mà ông thì lại đem lòng nhân đạo ra dọa tôi! Bây giờ tôi không làm được việc gì hết... không vì bất cứ lý do gì mà tôi đi đâu, còn vợ tôi nữa, tôi bỏ ở nhà cho ai trông nom? Không, không thể được...

Kirilốp khoa khoa cánh tay lên và từ từ bước lùi lại.

- Đừng, đừng yêu cầu tôi nữa! - ông sợ hãi nói tiếp, - Tha lỗi cho tôi... Theo chương thứ mười ba của bộ luật thì tôi phải đi, và ông có quyền nắm lấy cổ áo tôi mà lôi đi... Được rồi, ông cứ lôi tôi đi... nhưng tôi không làm được gì đâu... Thậm chí tôi không còn sức để nói được nữa... Xin lỗi ông...

- Thưa bác sĩ, bác sĩ nói với tôi những lời như vậy phóng có ích gì! - Abôghin nói và lại nắm lấy ống tay áo bác sĩ. Đừng nghĩ gì đến cái chương thứ mười ba ấy! Tôi không có một chút quyền nào cưỡng bức ý muốn của ông được. Ông muốn thì ông đi, ông không muốn thì đó là quyền của ông, nhưng tôi không muốn kêu gọi lý trí của ông, tôi muốn kêu gọi tình cảm của ông. Một người phụ nữ trẻ đang hấp hối! Vừa nãy ông nói rằng con trai ông bị chết, vậy thì còn ai khác ngoài ông hiểu được nỗi kinh hoàng của tôi bây giờ?

Giọng nói của Abôghin run run vì xúc động, cái giọng run run ấy còn nhiều sức thuyết phục hơn cả lời nói. Abôghin rất chân thành, nhưng điều đáng để ý là bất cứ câu nào ông nói ra cũng đều có vẻ khô khan, thiếu tự nhiên, văn hoa không phải lúc, và hình như lại còn xúc phạm đến cả không khí trong căn nhà bác sĩ, đến người phụ nữ đang hấp hối ở một nơi xa. Bản thân ông cũng cảm thấy điều đó, và vì sợ hãi lắm, ông cố hết sức nói một giọng dịu dàng, mềm mại, hi vọng rằng nếu không thuyết phục được bằng lời nói thì ít ra cũng bằng sự chân thành trong giọng nói. Nói rộng ra thì lời nói dù hoa mỹ và đầy ý nghĩa đến đâu cũng chỉ tác động đến những người đứng

đứng ngoài cuộc mà không bao giờ tác động đến được những người có hạnh phúc hoặc không có hạnh phúc vì vậy mà biểu hiện cao nhất của niềm hạnh phúc hay nỗi đau thường là sự im lặng; những đôi trai gái yêu nhau hiểu nhau nhiều hơn khi im lặng, và điều văn thống thiết, lâm ly đọc bên một người chết chỉ làm xúc động những người không thân thích, còn đối với bà quả phụ và những đứa con của người chết thì lời điệu ấy thật lạnh lùng và vô nghĩa.

Kirilốp đứng yên và im lặng. Khi Abôghin nói thêm mấy câu về sứ mệnh cao cả của người thầy thuốc, về đức hi sinh, v.v. thì bác sĩ hỏi một câu, giọng cau có:

- Đi có xa không?

- Đâu khoảng gần mười ba, mười bốn vécxta. Cô ngựa kéo xe của tôi rất tuyệt, bác sĩ ạ! Xin cam đoan với ông rằng tôi sẽ chở ông đến đấy và quay về trong vòng một tiếng. Chỉ một tiếng thôi!

Câu nói cuối cùng tác động đến bác sĩ mạnh hơn là những lời triết lý về lòng nhân đạo, về sứ mệnh của người thầy thuốc. Ông nghĩ một lúc rồi vừa thở dài vừa nói:

- Được rồi, ta đi thôi!

Ông nhanh nhẹn quay đi, bước những bước chắc chắn về phía buồng làm việc của mình và một lát sau ông quay lại trong bộ áo vestông dài. Abôghin mừng rỡ, tất bật đi bên cạnh Kirilốp, đôi giày khê chạm vào nhau; ông ta giúp bác sĩ mặc áo bành tô rồi cùng bác sĩ bước ra khỏi nhà.

Ngoài sân cũng tối, nhưng còn đỡ tối hơn trong hành lang. Trong bóng tối chập choạng đã hiện ra rõ dáng người bác sĩ cao cao, gù gù, bộ râu nhỏ dài với cái mũi khoằm khoằm. Abôghin thì ngoài bộ mặt trắng bệch bây giờ còn có thể thấy cái đầu to và chiếc mũ sinh viên bé nhỏ chỉ vừa đủ che phần đỉnh đầu. Chiếc khăn quàng cổ chỉ lộ ra trắng trắng phía trước ngực, còn phía sau thì bị mái tóc để dài che khuất.

- Ông hãy tin rằng, tôi có đủ khả năng để đánh giá được đức hy sinh cao thượng của ông, - Abôghin vừa đỡ bác sĩ lên xe vừa lẩm bẩm. - Xe chúng ta sẽ lao đi vun vút. Này, Luka thân mến, cố đánh xe cho càng nhanh càng tốt! Cho đi thôi!

Người xà ích cho xe đi nhanh. Thoạt tiên xe đi qua những ngôi nhà xấu xí xây bên sân bệnh viện, màn đêm bao phủ khắp nơi, duy chỉ có ở phía sân trong, từ khung cửa sổ nhà ai có ánh đèn sáng lọt qua chiếc vườn có rào bao quanh, còn ba khung cửa sổ ở tầng trên dãy nhà bệnh viện thì trông còn ngọt ngạt hơn cả trời đêm. Sau đó chiếc xe đi vào khoảng tối dày đặc; ở đây thoang thoang mùi nấm ẩm ướt và tiếng lá cây xào xạc; những con quạ bị tiếng động bánh xe đánh thức dậy, nhón nháo trong tán lá và kêu lên những tiếng kêu đầy âu lo, buồn thảm, dường như chúng biết rằng con trai bác sĩ vừa mới chết còn vợ Abôghin thì ốm nặng. Rồi tiếp đến những bóng cây mọc cách xa nhau thấp thoáng, những bụi cây; loang loáng một mặt hồ phẳng lì trên đó còn in những hình bóng gì đen sẫm đang yên-ngủ, - và chiếc xe chạy qua một vùng đất

rộng bằng phẳng. Tiếng quạ kêu nghe đã nhỏ đi, vọng lại rất xa từ phía xa và ít lúc sau thì mất hẳn.

Hầu như suốt dọc đường đi Kirilốp và Abôghin đều im lặng. Chỉ có một lần Abôghin thở dài và lâu bầu nói:

- Thật là một trạng thái tinh thần đau khổ! Chưa bao giờ ta thấy yêu những người thân như khi ta cảm thấy có thể sắp phải mất họ.

Khi xe đi chậm chậm qua sông, Kirilốp bỗng giật mình, hết như tiếng oàm oạp nước sông làm ông sợ hãi, rồi quay người sang phía Abôghin.

- Này, ông nghe đây, ông cho tôi quay về đi, - Kirilốp nói, giọng rầu rĩ. - Tôi sẽ đến nhà ông sau. Tôi còn phải bảo người y tá đến trông nom dùm vợ tôi. Vợ tôi đang ở nhà một mình!

Abôghin im lặng. Chiếc xe khẽ lắc lư, bánh lăn lách cách trên đường đá, qua một bờ cát rồi tiếp tục chạy. Kirilốp ngồi không yên, mắt nhìn quanh, lòng buồn rười rượi. Từ phía sau, qua ánh sáng yếu ớt của những vì sao, trông rõ con đường mờ mờ hiện ra và những hàng cây liễu rủ mọc gần bờ sông biến vào bóng đêm. Phía bên phải, một dải đất chạy dài cũng bằng phẳng và mênh mông không bờ bến như bầu trời; mãi phía xa trên vùng đất ấy đó đây lập lờ những đốm lửa vàng quạch, có lẽ là trên những đầm lầy. Phía bên trái song song với con đường là một quả đồi thấp nằm dài, mọc lơ nhô những bụi cây nhỏ, phía trên ngọn đồi một vành trăng lưỡi liềm đỏ lụng bất

động in trên nền trời, một màn sương mỏng và những đám mây nhỏ bao quanh, dường như những đám mây ấy đang chăm chú nhìn vành trăng từ mọi phía và canh cho vành trăng khỏi bỏ trốn.

Phong cảnh chung quanh như thấm đượm một cái gì ồm yếu, tuyệt vọng; mặt đất, như một người phụ nữ sa đọa ngồi một mình trong căn phòng tối tăm và cố không nghĩ về quá khứ, đang trần trụi với những hồi ức về mùa xuân, mùa hè và đang uể oải chờ mùa đông sắp đến. Dù đưa mắt nhìn về phía nào, đâu đâu thiên nhiên cũng hiện ra như một vực thẳm tối đen, lạnh lẽo và sâu không đáy, mà từ đó, cả Kirilốp, Abôghin, cả vành trăng lưỡi liềm đỏ lụng kia đều không thoát ra được...

Xe càng gần đến đích bao nhiêu, Abôghin càng trở nên nôn nóng hơn bấy nhiêu. Ông trở người luôn luôn, nhổm lên nhìn ra phía trước qua vai người xà ích. Và khi cuối cùng chiếc xe đã dừng bên ngoài hiên nhà trang trí khá đẹp bằng những tấm vải gai sòng sọc, khi ông ta nhìn lên những khung cửa sổ sáng ánh đèn trên tầng hai, có thể nghe rõ nhịp thở gấp run run của ông.

- Nếu có chuyện gì xảy ra, thì... tôi không sao chịu nổi, - ông vừa nói, vừa bước vào hành lang cùng với bác sĩ, hai tay xoa xoa vì xúc động. - Nhưng mà không nghe thấy tiếng ồn ào có nghĩa là mọi sự đều tốt lành, - ông nói thêm, tai lắng nghe cố tìm một âm thanh nào trong cảnh tịch mịch chung quanh.

Ngoài hành lang không nghe thấy một giọng nói, một bước chân nào, và cả ngôi nhà như đang ngủ yên mặc dù đèn đèn rất sáng. Đến lúc này thì bác sĩ và Abôghin, từ lúc gặp nhau đến giờ toàn ở trong bóng tối, mới có thể nhìn kỹ hình dạng của nhau. Bác sĩ dáng người cao cao, gù gù, ăn mặc luộm thuộm, nét mặt không đẹp. Có cái gì thô thô, dữ tợn, khắc khổ lộ rõ ở đôi môi dày như môi người da đen, ở cái mũi khoằm và cái nhìn uể oải, lãnh đạm. Mái tóc không chải của ông, thái dương hóp vào, bộ râu nhỏ dài bạc sớm không che hết chiếc cằm, màu da xám mai mái và những cử chỉ vụng về, thiếu cân nhắc - tất cả cái vẻ khắc khổ, khó tính ấy gọi người ta nghĩ rằng trước kia ông đã trải qua những ngày thiếu thốn, cơ cực, bị cuộc sống và người đời hành hạ vất vả. Nhìn tất cả vẻ người khô khan của ông, không thể tin được rằng ông lại lấy được vợ và biết than khóc khi đưa trẻ qua đời. Abôghin thì lại gây một ấn tượng khác. Đó là một người đàn ông đầy đà, bệ vệ, tóc vàng, cái đầu rất to, đường nét trên mặt không thanh nhỏ, nhưng trông vẫn hài hòa, cân đối, ông ta mặc bộ quần áo may theo mốt mới nhất. Trong dáng vẻ bề ngoài - chiếc áo vestông cài cúc chỉnh tề, khuôn mặt, mái tóc dài - có cái gì quý phái, cao thượng; khi bước đi, đầu ông ta giữ thẳng, ngực hơi ưỡn ra đằng trước, ông ta nói bằng giọng nam trung ấm áp, và trông cách ông cời chiếc khăn quàng cổ hay sửa lại mái tóc cũng thấy một vẻ gì rất thanh, gần như chỉ có ở những người phụ nữ. Thậm chí gương mặt nhợt nhạt và vẻ sợ hãi như trẻ con khi ông ta vừa cời áo ngoài, vừa nhìn lên cầu thang, vẫn không làm

tồn hại đến diện mạo đường hoàng, không làm mất đi vẻ no đủ, cường tráng, lịch thiệp đến mức tự phụ toát ra từ dáng người, bộ điệu của ông.

- Không có ai cả và cũng không nghe thấy tiếng động nào, - ông ta nói, bước lên cầu thang. - Không thấy cảnh vội vã ồn ào. May quá!

Abôghin dẫn bác sĩ qua hành lang vào căn phòng lớn, nơi đặt chiếc đàn dương cầm mờ mờ hiện trong bóng tối và trên trần treo một chùm đèn phủ vải trắng; từ đấy hai người bước sang một gian phòng khách nhỏ rất đẹp, ấm cúng, chìm trong một thứ ánh sáng mờ mờ hồng hồng rất dịu.

- Mời bác sĩ ngồi đây một lát, - Abôghin nói, - còn tôi... chốc nữa tôi ra. Tôi đi xem qua, báo trước cho người nhà biết.

Kirilốp ngồi lại một mình. Căn phòng khách sang trọng, ánh mờ dễ chịu và bản thân sự xuất hiện mang tính chất phiêu lưu của ông trong ngôi nhà xa lạ, không quen thuộc này hình như không gây xúc động nào đối với ông. Ông ngồi trong chiếc ghế bành và ngắm nhìn bàn tay mình bỗng rộp vì phenôn. Ông chỉ đưa mắt nhìn thoáng qua chiếc chao đèn màu đỏ, chiếc hộp đàn violôngsen, và liếc nhìn về phía có tiếng đồng hồ kêu tích tắc, ông thấy hình nộm một con sói, trông cũng đường bệ và no nê như chính Abôghin.

Chung quanh yên lặng... ở một nơi nào bên căn phòng gần đây có tiếng ai kêu to “à!”, tiếng cửa kính chắc là cửa tủ mở lạch cạch, và sau đó tất cả lại chìm vào im lặng. Chờ chừng năm phút, Kirilốp thôi không ngắm tay mình nữa và ngẩng đầu nhìn về phía cửa, nơi Abôghin đã qua đấy đi ra.

Trên ngưỡng cửa ấy Abôghin xuất hiện, nhưng không còn giống như lúc đi khỏi đấy. Về tình tế lịch thiệp, về no đủ hoàn toàn biến mất, khuôn mặt, đôi tay, dáng đứng của ông đều dị dạng méo mó đi vì lộ rõ một cảm giác ghê tởm không hẳn là kinh hãi, không hẳn là một nỗi đau đớn. Cái mũi, đôi môi, bộ ria mép, mọi đường nét ông ta đều động đậy và hình như đều cố bứt ra khỏi mặt, còn cặp mắt thì dường như đang cười vì đau đớn...

Abôghin nặng nề bước những bước dài vào giữa phòng khách, cúi mình xuống, miệng rên rỉ, hai tay nắm lại rung rung.

- Nó lừa rồi! - ông ta kêu lên, nhấn giọng vào chữ lừa.
- Lừa rồi! Bỏ đi rồi! Lên cơn đau, bảo tôi đi mời bác sĩ chỉ cốt để ở nhà bỏ trốn với cái thằng hề Páptsinxki! Trời ơi!

Abôghin khó nhọc bước đến bên bác sĩ, chìa ra trước mặt bác sĩ hai nắm tay trắng mịn và rung rung tay tiếp tục kêu to:

- Bỏ đi rồi! Lừa rồi! Mà lừa đảo thế làm gì mới được chứ?! Trời ơi là trời! Bày ra cái trò ú tim lừa lọc, bắn thủ

này, cái trò chơi quỷ quái, ác độc này làm gì. Tôi đã làm gì cô ta? Bỏ đi rồi!

Nước mắt trào ra trên khóe mắt ông ta. Một chân để nguyên, ông quay ngoắt sang phía khác rồi đi đi lại lại trong phòng khách. Lúc này, với bộ áo vestông ngắn, với chiếc quần một hẹp ống hần rõ đôi chân gầy không cân xứng với phần mình, với cái đầu to và túm tóc, Abôghin trông giống như một con sư tử. Trên gương mặt lạnh đậm của bác sĩ thoáng hiện nét tò mò. Ông đứng dậy và nhìn lên Abôghin.

- Xin lỗi, người bệnh ở đâu? - ông nói.

- Người bệnh! Người bệnh! - Abôghin kêu lên, vừa cười vừa khóc, hai nắm tay vẫn rung rung. - Nó không phải là bệnh nhân mà là kẻ đáng nguyên rủa! Ty tiện! Đều giả đến mức yêu tinh cũng không thể nghĩ ra hơn! Bảo tôi đi để dễ bề bỏ trốn với cái thằng xẩm, thằng hề dân dòn ấy. Ô trời ơi, lẽ ra nó chết đi còn hơn! Tôi không thể chịu nổi nữa! Không thể chịu nổi nữa!

Kirilốp vươn thẳng mình đứng lên. Đôi mắt ông chớp chớp, nước mắt giàn giụa, hàm ông đưa ngang, bộ râu nhỏ cũng đưa ngang theo.

- Xin lỗi, thế này là thế nào? - ông vừa nói, vừa đưa mắt tò mò nhìn quanh. - Con tôi mới chết, vợ đang buồn nẫu ruột, cả nhà không còn ai... bản thân tôi đứng cũng không vững nữa, đã ba đêm rồi tôi không ngủ... và rồi thế nào? Người ta ép tôi phải sắm vai trong một vở hài kịch

tầm thường, sắm vai một đồ vật giả trên sân khấu! Tôi không... không hiểu gì nữa!

Abôghin xòe một nắm tay ra, vút xuống nền nhà một mảnh giấy nhàu nát rồi dẫm chân lên như dẫm một con bọ muốn đập chết.

- Tôi không thấy... tôi không hiểu ra! - Abôghin nói rít qua kẽ răng, một nắm tay giơ lên, rung rung sát mặt mình, với dáng điệu như có ai động phải chỗ đau nhất. - Tôi không để ý rằng ngày nào thằng ấy cũng đến, không để ý rằng hôm nay nó lại đi xe ngựa có mui đến! Sao lại đi xe có mui! Thế mà tôi không nhận ra, thật là gà mờ!

- Tôi không... không hiểu! - bác sĩ lâu bầu nói. - Nhưng mà thế này là thế nào? Bởi vì đây là một sự nhạo báng nhân cách, một sự giễu cợt đối với nỗi đau khổ của con người! Đó là một cái gì không thể tưởng tượng nổi... lần đầu tiên tôi thấy trong đời!

Với cảm giác kinh ngạc âm ỉ của một người bắt đầu hiểu rằng mình đã bị xúc phạm, bác sĩ nhún vai, dang hai tay ra và, không biết nói gì làm gì, bác sĩ kiệt sức ngồi phịch xuống chiếc ghế bành.

- Ừ thì không yêu nữa, đi yêu người khác thì đó là quyền của cô, nhưng mà việc gì phải lừa đảo thế này, phải bày ra cái trò bội bạc để tiện thế này? - Abôghin nói giọng như khóc. - Để làm gì? Vì tội gì? Tôi đã mắc tội gì? Bác sĩ nghe tôi đây, - Abôghin vừa nói, vừa bước lại gần Kirilóp, - Vô tình ông đã làm người chứng kiến nỗi bất hạnh của

tôi, và tôi cũng sẽ không giấu sự thật. Thề với ông rằng tôi yêu người đàn bà này đến mức sùng bái, như một kẻ nô lệ của nàng! Vì nàng mà tôi đã hi sinh tất cả: tôi đã xích mích với bà con ruột thịt, tôi bỏ cả công việc, cả âm nhạc, tôi tha thứ cho nàng những điều là ngay đối với mẹ đẻ, hay chị em ruột tôi cũng không đủ sức tha thứ... Chưa một lần nào tôi nhìn nàng hằn học... không một lần nào làm nàng phải ngờ vực! Vậy thì vì lẽ gì mà phải lừa dối thế này? Tôi không yêu cầu nàng phải yêu mình, nhưng lừa dối vì mục đích gì? Không yêu nữa thì cứ nói thẳng thắn, trung thực, hơn nữa cô đã biết quan điểm của tôi về chuyện này rồi cơ mà...

Nước mắt giàn giụa, toàn thân run rẩy, Abôghin trút hết nỗi lòng mình với bác sĩ. Ông ta sôi nổi nói, hai tay áp bên trái tim, không một chút do dự kể lại hết những chuyện kín trong gia đình và hình như còn có vẻ vui mừng rằng cuối cùng những điều bí mật ấy đã thoát ra khỏi lồng ngực của ông. Nếu ông cứ dốc bầu tâm sự như thế hết giờ này sang giờ khác thì chắc là ông sẽ cảm thấy lòng mình dịu đau. Có lẽ nếu bác sĩ nghe Abôghin nói, nếu bác sĩ sẽ đem tình bạn bè mà cảm thông với ông và, có lẽ như vẫn thường xảy ra, có thể là ông ta sẽ nhẫn nhục chịu đựng nỗi đau khổ của mình mà không làm những điều xuẩn ngốc vô bổ... Nhưng mà chuyện đã xảy ra theo hướng khác. Trong khi Abôghin nói, người bác sĩ bị xúc phạm thay đổi rõ rệt. Vẻ lãnh đạm, kinh ngạc trên nét mặt dần dần nhường chỗ cho một cảm giác hờn tủi cay đắng, uất ức, giận dữ. Nét mặt bác sĩ trở nên khó khăn, cau có,

khắc nghiệt hơn. Khi Abôghin đem đến cho bác sĩ xem tấm ảnh người phụ nữ trẻ với khuôn mặt đẹp, nhưng khô khan, nhạt nhẽo như khuôn mặt một nữ tu sĩ và hỏi bác sĩ rằng liệu có thể nhìn khuôn mặt như thế này mà lại nghĩ rằng nó có khả năng thể hiện tính lừa đảo hay không, thì bác sĩ bỗng chồm dậy, mắt sáng quắc và nói dần từng tiếng một cách lỗ mãng:

- Ông nói tất cả những điều này với tôi làm gì? Tôi không muốn nghe! Không muốn nghe! - bác sĩ hét lên và nắm mạnh tay xuống bàn. - Tôi không cần đến những chuyện kín đáo thường của ông, đem mà quảng cho quý đi! Ông đừng cả gan nói những chuyện nhảm nhí đó với tôi! Hay là ông nghĩ rằng tôi bị xúc phạm còn ít quá chăng? Ông coi tôi là một kẻ hầu hạ mà người ta có thể lãng mạ đến cùng cực? Phải thế không?

Abôghin bước lùi lại và kinh ngạc nhìn Kirilốp chăm chăm.

- Vì lẽ gì mà ông lại đưa tôi đến đây? - bác sĩ nói tiếp, bộ râu rung rung. - Nếu ông đã rùng mỡ mà lấy vợ, rồi lại rùng mỡ mà kén chọn chê bai, rồi dựng ra những màn kịch u buồn suốt suốt thì chuyện này dính dáng gì đến tôi? Tôi có liên quan gì đến những mối tình của ông? Ông hãy để cho tôi yên! Hãy tập làm những trò ấy trong cái giới giàu sang quyền quý của ông, hãy làm bộ làm tịch bằng những lý tưởng nhân đạo, hãy chơi đi (bác sĩ liếc mắt nhìn chiếc hộp đựng đàn violôngsen) - hãy chơi đàn côngtơrôbax và thổi kèn torômbon đi, và phát phì ra như gà trống thiến nhưng hãy đừng cả gan xúc phạm đến nhân cách con

người! Ông không biết tôn trọng nhân cách thì xin ông hãy tha cho nó tránh khỏi sự quan tâm của ông.

- Xin lỗi, nhưng mà tất cả những điều này nghĩa là thế nào? - Abôghin hỏi mặt đỏ bừng.

- Có nghĩa rằng ông đã đem con người ra để chơi một trò chơi hèn hạ, dễ tiện như vậy! Tôi là một bác sĩ, chắc ông coi các bác sĩ và nói chung là những người làm công, những người không tỏa mùi nước hoa và mùi gái điếm, là những kẻ hèn hạ, những kẻ vô giáo dục, thì ông cứ việc coi là thế đi, nhưng không một ai cho ông cái quyền biến con người đang đau khổ thành một đồ vật trên sân khấu!

- Sao ông lại dám nói với tôi như vậy? - Abôghin hỏi nhỏ, bộ mặt ông lại biến sắc đi và lần này thì trắng bệch vì tức giận.

- Không đâu, làm sao mà ông biết tôi đang có tang mà lại còn đưa tôi đến đây để nghe những chuyện nhảm nhí? - bác sĩ rút lên và lại đấm tay xuống bàn. - Ai cho ông quyền giễu cợt nỗi đau khổ của người khác?

- Ông mất trí rồi! - Abôghin hét lên. - Thật là không rộng lượng chút nào! Bản thân tôi cũng vô cùng bất hạnh và... và...

- Bất hạnh, - bác sĩ khinh bỉ cười khẩy. - Xin ông đừng động đến chữ ấy, nó không dính dáng đến ông gì sất. Những kẻ không vay đâu được tiền cũng tự cho mình là bất hạnh, con gà trống thiến có thừa mỡ cũng bất hạnh. Thật là những kẻ thảm hại, nhỏ nhoi!

- Thừa ngài, ngài thiếu lịch sự rồi! - Abôghin cao giọng rít lên. - Vì những câu nói như thế... người ta đánh cho nên thân đấy! Ông hiểu chưa?

Abôghin vội vã thọc tay vào túi bên, lấy ví tiền ra, rút hai tờ giấy bạc rồi ném ra giữa bàn.

- Đây tiền công trả cho chuyến đi của ông đấy! - ông nói, đôi cánh mũi phập phồng. - Tôi đã thanh toán xong với ông.

- Ông không thể đưa tiền ra mà thí cho tôi! - bác sĩ thét lên, giơ tay gạt phắt mấy tờ giấy bạc xuống nền nhà. Người ta không thể dùng tiền mà trả giá cho sự lãng mạ được.

Abôghin và bác sĩ đứng đối mặt và trong cơn tức giận họ tiếp tục tuôn ra những lời xỉ vả không đáng có. Có lẽ chưa bao giờ trong đời, ngay cả những lúc mất trí, họ cũng chưa từng nói nhiều lời vô lý ác độc và xuẩn ngốc đến như vậy. Cả hai người đều lộ rất rõ sự ích kỷ của những người bất hạnh. Những kẻ đang chịu đau khổ thường ích kỷ, ác độc, thiếu tỉnh táo, nghiệt ngã và ít khả năng hiểu nhau hơn cả những người dân độn. Nỗi đau khổ đã không làm xích gần họ lại mà ngăn cách họ ra, ngay cả ở trong những trường hợp tưởng rằng phải gắn liền với nhau vì đau khổ thì họ đã làm những chuyện không công bằng, khắc nghiệt nhiều hơn so với người tương đối bình yên.

- Thôi được rồi, đưa tôi về nhà cho! - bác sĩ vừa nói to, vừa thở hổn hển.

Abôghin rung mạnh chuông. Không thấy ai đi ra, ông lại rung chuông lần nữa và cái kính ném chuông xuống nền nhà, chuông đập vào tấm thảm và vang ra ai oán hết như một tiếng rên rí trước giờ tận số. Một người hầu xuất hiện.

- Các người trốn đi đâu hả, quý tha ma bắt cả rồi sao?!

- ông chủ đâm bổ về phía người hầu, hai bàn tay nắm chặt.

- Vừa nãy mày đi đâu? Đi mà bảo thằng xà ích đưa đến cho ngài này một chiếc xe bốn bánh, và phần ta thì sửa soạn một chiếc xe có mui nghe chưa! Đứng lại đã! - Abôghin hét lên khi người hầu đã quay lưng đi. - Ngày mai lũ phản bội phải cút đi hết rồi chưa! Cút đi ráo? Ta sẽ mướn bọn mới! Đồ hèn hạ!

Trong khi chờ xe, cả Abôghin và Kirilốp đều im lặng. Về lịch thiệp sang trọng, về no đủ đã trở lại trên gương mặt, dáng điệu của Abôghin. Ông ta đi đi lại lại trong phòng khách, đầu hơi lắc lắc, chắc là đang theo đuổi một ý nghĩ gì. Con tức giận vẫn chưa lắng xuống, nhưng ông ta cố làm ra vẻ không thấy kẻ thù của mình... Còn bác sĩ thì đứng yên, một tay nắm mép bàn và nhìn lên Abôghin với một cảm giác khinh bỉ sâu xa, có phần hơi trắng trợn, không đẹp mặt, một kiểu nhìn chỉ có ở những người đang đau khổ, không nơi nương tựa khi trông thấy trước mắt mình hiện thân của sự no nê, sang trọng.

Không lâu sau, khi đã ngồi vào xe ngựa, và xe đã chuyển bánh, bác sĩ vẫn còn ngoái nhìn theo với vẻ đầy khinh miệt. Ngoài trời tối đen, tối hơn nhiều so với một

giờ trước. Vành trăng lưỡi liềm đỏ lụng đã lặn khuất sau đồi, và những đám mây canh giữ mặt trăng ban nãy đang kéo thành những vệt đen bên những vì sao. Chiếc xe có mũi lập lòe ánh lửa màu đỏ lách cách lăn nhanh trên đường rồi vượt lên trên xe chở bác sĩ. Đó là Abôghin lên đường đi kiện cáo, làm những trò ngu xuẩn...

Suốt dọc đường, bác sĩ không nghĩ đến vợ, đến Andrây, mà nghĩ đến Abôghin và những kẻ sống trong ngôi nhà mà ông vừa đi khỏi. Ý nghĩ của ông vừa không công bằng, vừa tàn nhẫn quá mức. Ông kết tội cả Abôghin, cả vợ ông ta và Pápstinxki, và tất cả những người sống trong ánh đèn sáng mờ mờ hồng hồng, thơm mùi nước hoa; suốt dọc đường bác sĩ căm ghét họ và khinh bỉ đến mức trái tim thắt lại đau đớn. Và trong đầu óc ông, đã hình thành một định kiến không gì thay đổi về những con người ấy.

Thời gian sẽ qua đi, nỗi khổ của Kirilốp cũng qua đi, nhưng cái định kiến không công bằng, không tương xứng với trái tim con người, sẽ không biến đi và mãi mãi còn lại trong tâm trí người bác sĩ cho đến khi yên nằm dưới mộ.

VĚROSKA

Ivan Aléchxâyêvíts Ôgônép còn nhớ chiều tối hôm đó, một ngày tháng Tám, anh đẩy mạnh cánh cửa kính và bước ra ngoài hiên. Anh khoác một chiếc áo choàng mỏng rộng, đội chiếc mũ rơm rộng vành, chiếc mũ mà giờ đây đang nằm lẫn lóc trong đám bụi dưới gầm giường cùng với đôi ủng cao cổ. Một tay anh ôm bọc sách vở lớn, còn tay kia cầm một chiếc gậy to, nhiều mấu.

Đứng đằng sau cửa soi đèn cho anh đi là ông chủ nhà Kudnétxốp, một ông già đầu hói, có bộ râu trắng dài và mặc một chiếc áo vestông vải trắng muốt như tuyết. Ông già cười đôn hậu và gật gật đầu.

- Tam biệt cụ nhé! - Ôgônép nói to với ông già.

Ông già Kudnétxốp đặt chiếc đèn lên cái bàn nhỏ rồi đi ra ngoài hiên. Hai cái bóng dài và hẹp chạy qua mấy bậc thềm tới gần những bồn hoa, chao qua chao lại rồi tựa đầu lên những thân cây già.

- Tam biệt và một lần nữa xin cảm ơn cụ! - Ivan Aléchxâyêvíts nói. - Cảm ơn cụ đã đối xử với cháu rất niềm nở, dịu dàng và đầy tình thương... Không bao giờ,

mãi mãi không bao giờ cháu quên được lòng mến khách của cụ. Cụ là người rất tốt, con gái cụ cũng là người rất tốt, cả gia đình cụ đều là những người hảo tâm, vui tính, hào hiệp... Toàn là những người tốt tuyệt diệu, không còn biết nói thế nào nữa!

Do tình cảm quá dạt dào và do ảnh hưởng của cốc rượu mới uống, Ôgônép nói giọng trầm bổng như một cậu học trò chủng viện, và anh xúc động đến mức không phải chỉ biểu lộ những tình cảm của mình bằng lời nói, mà còn bằng những cái nhấp nháy mắt, nhún nhún vai. Ông già Kudnétxốp cũng vừa uống rượu xong và cũng đang xúc động mạnh, đã ôm choàng lấy chàng trai trẻ và hôn anh.

- Cháu đã thân quen với gia đình cụ quá rồi! - Ôgônép nói tiếp. - Hầu như, ngày nào cháu cũng mò đến đây, ngủ lại đây có lẽ đến chục lần, rượu thì uống nhiều đến mức bây giờ chỉ nhớ lại không thôi cũng đã rợn cả người. Nhưng mà cái chính mà cháu phải cảm ơn cụ, vì sự cộng tác và giúp đỡ của cụ. Không có cụ thì có lẽ phải đến tháng Mười may ra cháu mới làm xong công việc thống kê của cháu. Cho nên thế nào cháu cũng viết trong lời tựa cuốn sách nay mai của cháu rằng: tôi thấy có nghĩa vụ phải bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với vị chủ tịch hội đồng tự quản huyện N. là Kudnétxốp, người đã sốt sắng cộng tác với tôi. Ngành thống kê có một tương lai rất rực rỡ! Xin trân trọng chào cô Vêrôska, xin nhờ nói lại với các vị bác sĩ, với cả hai viên dự thẩm và anh thư ký của cụ rằng không bao giờ cháu quên được sự giúp đỡ của họ. Còn bây giờ thì ta ôm nhau và hôn nhau lần cuối cùng.

Người đã mệt nhừ, Ôgonép một lần nữa ôm hôn ông già rồi bước xuống mấy bậc thềm. Xuống đến bậc thềm cuối cùng, anh quay lại và hỏi:

- Liệu chúng ta còn gặp lại nhau nữa không hở cụ?

- Trời mà biết được! - ông già trả lời. - Chắc là không bao giờ nữa!

- Vàng, đúng thế đấy! Cụ thì có lẽ như vàng cụ cũng chẳng lên Pê-tê-r-burg, còn cháu thì cũng chắc gì còn có dịp về tới huyện này nữa. Thôi, xin tạm biệt cụ!

- Nay có lẽ anh để cái đồng sách đó lại thì hơn! - ông già Kudnétxốp gọi với theo anh. - Việc gì mà anh phải mang theo cái của nặng như vậy? Cứ để lại ngày mai tôi sẽ cho người mang lên cho anh.

Nhưng Ôgonép không còn nghe thấy gì nữa, anh nhanh nhẹn rời xa ngôi nhà. Anh đang chênh choáng hơi men, có cái gì vừa vui vui, vừa ấm áp, vừa buồn buồn... Anh bước đi và nghĩ rằng sao trong cuộc đời lại hay được gặp những người tốt thế và thật đáng tiếc là những cuộc gặp gỡ ấy chẳng để lại gì hơn ngoài những kỷ niệm. Có khi anh thấy thấp thoáng phía chân trời những cánh sếu, một ngọn gió nhẹ thoảng đưa đến tiếng kêu rầu rầu và rộn rã của chúng, rồi chỉ một phút sau, dù anh có căng mắt ra mà nhìn về khoảng xa xanh kia đến đâu, anh cũng sẽ chẳng thấy một chấm đen nào, không nghe thấy một tiếng kêu nào nữa - cũng hết như vậy những con người với gương mặt và giọng nói của họ thoáng hiện trong cuộc đời

rồi chìm lấp đi trong quá khứ của chúng ta, không để lại gì hơn ngoài những dấu vết nhỏ nhoi của ký ức. Sống ở huyện N. này từ đầu mùa xuân và hầu như ngày nào cũng đến chơi với gia đình Kudnétxốp mến khách, Ivan Aléchxâyêvít đã trở nên thân quen như người nhà với ông già, với cô con gái, với người hầu, anh đã thuộc lòng mọi ngõ ngách trong nhà, hàng hiên xinh xinh, những khúc đường uốn cong giữa hàng cây, bóng cây trùm trên mái bếp và nhà tắm; nhưng bây giờ khi anh bước ra ngoài phía cổng, thì tất cả những cái đó đã biến thành kỷ niệm và mất đi mãi mãi cái ý nghĩa thực đối với anh, rồi một hai năm tới, tất cả những hình ảnh thân yêu ấy sẽ nhòa dần trong tâm trí anh cùng với những điều mà anh đã tưởng tượng ra.

“Trong cuộc đời không có gì quý hơn những con người! - Ôgonép xúc động nghĩ, chân bước dần theo con đường chạy giữa hai hàng cây đến phía cổng. - Không có gì quý hơn!”

Trong vườn vắng lặng và ấm áp, thoang thoảng mùi hương hoa *réséda*^{*}, hoa vôi vôi, hoa thuốc lá, những thứ hoa còn chưa kịp nở rộ trong vườn. Khoảng giữa những khóm bụi cây và thân cây bằng bạc hơi sương mỏng manh, mềm dịu, trong suốt qua ánh trăng, và điều này Ôgonép còn ghi nhớ mãi, ấy là những đám sương mờ mờ, như những cái bóng, nhẹ nhàng nhưng trông rất rõ đang bay theo nhau bên những hàng cây. Trăng mọc cao trên

^{*} *Réséda (tiếng Pháp)* - một cây họ thảo có cụm hoa hình như bông hoặc chùm, hương rất thơm.

vườn cây, và dưới trăng có những dải sương trong suốt đang bay về một nơi nào ở phía đông. Đường như cả thế giới chỉ hợp lại bằng những bóng đen và những cụm sương mờ trắng trắng đang bay lang thang, còn Ôgonép khi ngẩng nhìn những đám sương bay trong đêm trăng tháng Tám này có lẽ lần đầu tiên trong đời đã nghĩ rằng, không phải anh đã nhìn thấy thiên nhiên mà là nhìn thấy một cảnh bài trí, trong đó những người đốt pháo bông vụng về định làm sáng cả khu vườn bằng một thứ ánh sáng trắng xanh, đã ngồi nấp sau những bụi cây và đã làm khói trắng bay lên cùng với ánh sáng.

Khi Ôgonép đi gần đến cổng khu vườn, từ bên hàng giậu thâm thấp bỗng có một bóng đen bước ra và đi ngược lại phía anh.

- Cô Vêroska! - anh sung sướng thốt lên. - Cô đấy ư? Thế mà tôi cứ tìm cô mãi, tôi muốn chia tay... Tôi tạm biệt cô nhé, tôi đi đây!

- Sao sớm thế? Bây giờ mới là mười một giờ.

- Không, đến lúc phải đi rồi! Đường dài năm cây, lại còn phải ngủ nữa chứ. Sáng mai còn dậy sớm...

Trước mặt Ôgonép là con gái ông già Kudnétxốp, cô Vêroska, một cô gái hai mươi một tuổi, vẻ mặt lúc nào cũng buồn buồn, ăn mặc xuềnh xoàng, và rất có duyên. Những cô gái hay mơ mộng, suốt ngày ưa nằm đọc một cách uể oải tất cả những cuốn sách gì tiện tay vớ được, những cô gái hay buồn buồn, rầu rĩ thường không chú ý

đến cách ăn mặc. Đối với những ai trong số đó mà lại được tạo hóa phú cho khiếu thẩm mỹ và sự linh cảm về cái đẹp thì sự tuồng toàng sơ sài trong cách ăn mặc đó lại đem đến cho các cô ấy một vẻ quyến rũ đặc biệt. Ít ra thì sau này, khi nhớ lại Vêroska xinh xắn, Ôgonép không thể nào hình dung ra cô mà lại không nhớ đến cái áo ngắn mặc ngoài nhần nhúm nơi eo lưng thành những nếp gấp sâu mà không chạm vào thân mình cô, không nhớ đến món tóc quần quần lò xo trên trán từ mái tóc chải cao, chiếc khăn đan màu đỏ lấm tấm những quả cầu nhỏ nơi gờ mép, chiếc khăn vào những buổi tối vắn vát ngang vai Vêroska như lá cờ khi hết gió và ban ngày thì nhàu nát để ở buồng ngoài bên cạnh mấy chiếc mũ đàn ông hay là vút trên mặt rương trong buồng ăn, nơi con mèo già vẫn thường ngủ một cách thản nhiên. Cái khăn ấy, những nếp gấp nơi chiếc áo ngắn mặc ngoài ấy như tỏ ra một vẻ gì uể oải thoải mái nhàn nhã và khoan hòa. Có lẽ vì Ôgonép có cảm tình với Vêroska nên trong từng cái cúc áo, từng nếp áo của cô, anh có thể thấy một cái gì đầm ấm, dư dật, thơ ngây, một cái gì thật tốt đẹp, thật nên thơ, chính những cái không có ở những người phụ nữ già đối, lạnh lùng, thiếu xúc cảm về cái đẹp.

Vêroska có một thân hình cân đối, một dáng nhìn nghiêng rất xinh và những món tóc quần quần tuyệt đẹp. Đối với Ôgonép, một người trong đời biết không nhiều phụ nữ, thì Vêroska thật là một cô gái đẹp.

- Tôi đi đây! - anh nói, chia tay với cô gần bên cổng. -
Đừng nghĩ xấu về tôi! Cảm ơn cô vì tất cả những gì tốt
đẹp cô đã đem đến cho tôi!

Cũng vẫn bằng cái giọng trầm bổng như học trò
chúng viện mà lúc nãy anh đã nói với ông già, cũng vẫn
những cái nhún vai và nhấp nháy đôi mắt, Ôgonép cảm ơn
Vêroska về lòng mến khách, thái độ dịu dàng, niềm nở
của cô.

- Thư nào gửi cho mẹ, tôi cũng đều có nhắc đến cô, -
anh nói. - Nếu ai cũng như cô và ông cụ nhà đây thì cuộc
sống trên thế giới này không phải là cuộc sống bình
thường nữa mà là một ngày hội. Gia đình cô thật toàn là
những người tuyệt diệu! Thật giản dị, chân tình, nhiệt
thành.

- Bây giờ anh đi đâu? - Vêroska hỏi.

- Bây giờ tôi đi về chỗ mẹ tôi ở Ôrion, ở lại đấy
khoảng hai tuần rồi trở về Pêterburg làm việc.

- Rồi sau đó?

- Sau đó ư? Sẽ làm việc suốt cả mùa đông đến mùa
xuân lại về một huyện nào đó thu thập tài liệu. Thôi nhé,
chúc cô hạnh phúc, sống lâu trăm tuổi... đừng nghĩ xấu về
tôi. Chúng ta sẽ không gặp nhau nữa.

Ôgonép cúi xuống và hôn tay Vêroska. Sau đó, trong
lòng xúc động lặng lẽ, anh đưa tay sửa chiếc áo khoác
ngoài đang mặc, đổi cách cầm gói sách cho thuận, im lặng
một lát rồi nói:

- Sương xuống nhiều quá nhỉ!
- Vâng. Anh không để quên cái gì lại chứ?
- Cái gì kia? Có lẽ là không quên gì...

Ôgonép đứng im mấy giây không nói, sau đó anh vung về quay người lại phía cổng rồi đi ra khỏi vườn.

- K hoan đã, tôi sẽ tiễn anh đến cánh rừng nhà, - Vêroska vừa nói vừa bước theo anh.

Hai người cùng đi trên đường. Bây giờ những tán cây không còn che mắt nữa, và có thể nhìn thấy bầu trời cao rộng. Cảnh vật chung quanh phủ một lớp sương trắng trong suốt như ẩn sau một tấm khăn voan, cái đẹp của thiên nhiên qua tấm khăn voan này trông thật vui mắt; những đám sương dày hơn, trắng hơn quấn quanh bên những đồng rơm, bụi cây hoặc đang tha thẩn bay qua mặt đường, sà xuống mặt đất như không muốn che khuất những khoảng trời xa. Qua làn khói sương mờ, cả con đường dẫn đến cánh rừng hiện ra với những con mương màu sẫm chạy dọc hai bên, những bụi cây mọc trên bờ mương ngăn không cho những đám sương bay qua. Cách cổng vườn chừng nửa vécxta, cánh rừng của nhà Kudnétxốp nổi lên thành một vệt dài đen sẫm.

“Cô ta đi cùng với mình làm gì? Vì thế thì mình lại phải tiễn cô quay trở lại!” - Ôgonép nghĩ vậy, nhưng rồi liếc nhìn gương mặt Vêroska, anh mỉm cười dịu dàng và nói:

- Ra đi vào lúc đẹp trời như thế này thật chẳng muốn

chút nào! Buổi tối hôm nay thật đầy vẻ mơ mộng, có ánh trăng, có vẻ vắng lặng, có tất cả những gì cần thiết cho một đêm như thế. Cô Véroska, cô có biết không? Tôi sống trên đời này đã hai mươi chín năm rồi, nhưng trong đời tôi, tôi chưa từng trải qua một chuyện tình duyên nào. Cả đời chưa từng một lần yêu đương, vì thế mà đối với rendez-vous*, những chuyện tình tự, những cái hôn... tôi chỉ được biết qua lời kể. Thật là không bình thường! Ở thành phố khi ngồi trong căn phòng của mình, cũng khó thấy chỗ trống ấy, nhưng rồi đây dưới bầu trời thoáng đãng, cái khoảng trống ấy hiện ra thật rõ... Nghĩ lại cứ thấy nuối tiếc làm sao ấy...

- Sao anh lại thế?

- Tôi cũng không biết nữa. Chắc là cả đời tôi chưa có lúc nào rồi rỗi, cũng có thể là do tôi chưa từng được gặp những người phụ nữ mà tôi... Nói chung là tôi có rất ít người quen, tôi chẳng hay đi đâu cả.

Chùng ba trăm bước, hai người trẻ tuổi im lặng bước đi. Ôgonép nhìn lên mái đầu để trần, nhìn lên chiếc khăn của Véroska, trong trí anh nối tiếp nhau hiện lên những ngày xuân và những ngày hè; đó là thời gian anh ở cách xa căn buồng Pétérburg màu xám của mình, sung sướng hưởng sự chiều chuộng dịu dàng của những người tốt bụng, hưởng vẻ đẹp thiên nhiên và cái thú vui của công việc mình ưa thích, anh không kịp nhận ra những buổi

* Cuộc hẹn hò (*tiếng Pháp*).

hoàng hôn đã đến thay bình minh ra sao, không để ý đến những con chim họa mi, chim cun cút, những con cuốc đồng đã lần lượt theo nhau thôi hót, báo hiệu mùa hè đã hết... Thời gian trôi đi nhẹ tênh, và thế có nghĩa là anh đã sống thật yên lành và thoải mái... Anh gọi lại với Vêroska rằng, lúc đầu hồi cuối tháng Tư năm nay, một người chẳng giàu có gì, không quen xê dịch và giao thiệp như anh, đã miễn cưỡng đi về huyện N. này như thế nào, anh đã sẵn sàng chờ đợi gặp gỡ một sự tẻ nhạt, cô đơn và thái độ thờ ơ dừng dưng đối với thống kê học, một ngành mà theo ý anh hiện nay đang chiếm một vị trí hàng đầu trong các ngành khoa học. Đến huyện lỵ N. vào một buổi sáng tháng Tư anh dừng chân lại quán trọ của ông Riabukhin, một tín đồ cựu giáo, tại đây anh trả mỗi ngày hai mươi kópếch và được ở thuê một buồng sáng sủa sạch sẽ với điều kiện rằng anh chỉ được hút thuốc ngoài trời. Nghỉ lại đây ít lâu và hỏi dò xem ở huyện này ai là chủ tịch hội đồng tự quản huyện, anh lập tức đến nhà Kudnétxốp. Anh phải đi bốn cây số qua những bãi cỏ rộng sặc sỡ màu hoa dại và những rừng thông non. Dưới tầng mây, những đàn chim sơn ca rớt đầy khoảng không những âm thanh lấp lánh màu bạc, và trên những thửa ruộng đang lên màu xanh, những con quạ oai vệ vỗ cánh bay lượn.

- Trời, - lúc ấy Ôgonép đã ngạc nhiên thốt lên, - chẳng lẽ lúc nào không khí đều thoáng đảng như thế này sao, hay là chỉ có hôm nay cảnh vật mới đẹp thế và là để mừng tôi đến?

Chờ đợi một thái độ tiếp đón khô khan, anh bước vào nhà Kudnétxốp một cách rụt rè, không dám nhìn thẳng, tay ngượng nghịu vãn về bộ râu. Ông già Kudnétxốp mới đầu nheo mày không hiểu hội đồng tự quản huyện thì có thể giúp ích gì cho chàng trai trẻ này với cái nghề thống kê của anh ta, nhưng khi anh ta giải thích cặn kẽ cho ông già nghe thế nào là tài liệu thống kê và những tài liệu ấy thu thập được ở những đâu thì ông già thấy hào hứng hẳn lên, ông mỉm cười và ghé mắt nhìn vào những cuốn sổ ghi chép của anh với vẻ tò mò như con trẻ... Ngay buổi tối hôm đó, Ôgonép đã ngồi ăn cùng với gia đình Kudnétxốp, đã nhanh chóng say vì uống rượu mạnh và, nhìn những gương mặt bình thản, nhìn những cử động chậm chạp của những người mới quen, anh thấy tỏa khắp thân thể mình một cảm giác uể oải ngọt ngào, mơ màng khi con người ta muốn được ngủ, được duỗi thẳng chân tay và mỉm cười. Còn những người mới quen thì xối lời nhìn anh và hỏi anh rằng bố mẹ anh có còn sống không, lương tháng anh được bao nhiêu, anh có hay đi xem hát hay không?

Ôgonép nhớ lại những chuyến đi về các tổng, những cuộc đi chơi rừng cùng bạn bè, những buổi đi câu cá, cái lần tất cả cùng đi thăm bà quản nhà tu kín Maropha - bà Maropha đã tặng cho mỗi người khách thăm một túi nhỏ hạt cườm; anh nhớ lại những lần tranh cãi sôi nổi vô tận, đặc kiêu Nga, khi mà những người tranh luận vung tay đập mạnh xuống bàn, không hiểu nhau, ngắt lời nhau, chẳng hề để ý rằng tự mình mâu thuẫn với mình trong từng câu, luôn luôn thay đổi đề tài tranh luận, và cuối

cùng sau hai ba tiếng đồng hồ cãi vã, bèn cười xòa mà nói với nhau:

- Có họa là quỷ mới biết được vì lý do gì mà chúng ta đã cãi nhau! Thật là đầu voi đuôi chuột!

- Cô có còn nhớ lần tôi với cô và ông bác sĩ cùng cưỡi ngựa đi Sextôvô không? - Ôgonép nói với Vêrôska khi cùng với cô đi đến cánh rừng, lần ấy chúng ta gặp một tay ngày đại. Tôi cho hắn ta đồng năm kôpếch, hắn làm dấu ba lần rồi ném đồng năm kôpếch tôi cho vào ruộng lúa mạch đen. Trời, tôi mang theo nhiều ấn tượng quá, đến nỗi nếu có thể cô đặc chúng lại thì tôi đã được một thỏi vàng mười! Tôi không hiểu tại sao những người thông minh và giàu xúc cảm lại cứ chen chúc nhau ở các thủ đô mà không đi tới đây. Lẽ nào ở đại lộ Népcki và trong những ngôi nhà ẩm thấp đồ sộ lại thênh thang hơn, nhiều chân lý hơn ở đây? Cứ thực bụng mà nói thì những căn buồng trọ chỗ tôi ở suốt từ tầng trên xuống tầng dưới đều có những họa sĩ, nhà khoa học, nhà báo ở thuê, nhưng căn buồng ấy bao giờ cũng là một thứ định kiến đối với tôi.

Cách rừng khoảng hai mươi bước, có một chiếc cầu nhỏ bốn góc có cột trụ ngang qua đường, chiếc cầu ấy bao giờ cũng là một nơi dừng chân cho gia đình Kudnétxốp và khách khứa trong những lần dạo chơi buổi tối. Từ chỗ ấy những ai muốn nghe rừng vọng lại tiếng mình đều có thể nghe được, và có thể trông thấy rõ con đường biến dần đi trong khoảng rừng đen sẫm.

- Thôi, cầu đây rồi! - Ôgonép nói. - Đến đây thì cô trở

lại được rồi...

Věroska dừng lại, thở vào thật sâu rồi thở ra.

- Ta ngồi xuống đây một lúc đi, Věroska vừa nói vừa ngồi xuống một trụ cầu. Trước khi ra đi, lúc chia tay, thường thường người ta vẫn ngồi lại với nhau ít phút.

Ôgonép để gói sách của mình bên cạnh Věroska, ngồi xuống đó và tiếp tục nói. Věroska khó nhọc thở vì vừa đi bộ một quãng xa, cô không nhìn Ôgonép, mà đưa mắt về một phía khác, cho nên anh cũng không nhìn thấy mặt cô.

- Nếu bất ngờ sau mười năm nữa chúng ta gặp nhau. - anh nói. - Lúc đó chúng ta sẽ là những người thế nào? Cô lúc ấy sẽ là người mẹ đáng kính của một gia đình, còn tôi là tác giả của một tuyển tập thống kê đáng trọng nào đấy mà chẳng cần cho ai cả, đầy cộp như bốn chục nghìn tập khác. Chúng ta gặp nhau và sẽ cùng nhớ lại ngày xưa... Còn bây giờ thì chúng ta đang cảm thấy hiện tại, hiện tại đang chứa đầy trong ta và làm ta xúc động, nhưng đến lúc ấy, khi gặp lại, chúng ta sẽ không còn nhớ ngày, tháng, thậm chí không nhớ đến cả năm chúng ta gặp nhau lần cuối, trên chiếc cầu nhỏ bé này, sẽ thay đổi nhiều... Cô có nghe không, cô sẽ thay đổi nhiều chứ?

Věroska rung mình và quay mặt lại phía anh.

- Cái gì cơ? - cô hỏi.

- Tôi vừa hỏi cô rằng...

- Xin lỗi anh, tôi không nghe rõ anh vừa nói những gì.

Đến lúc ấy Ôgonép mới nhận ra nét mới lạ nơi Vêroska. Gương mặt cô tái nhợt, cô thở gấp, hơi thở run run của cô truyền đi khắp cánh tay hiện rõ trên đôi môi, mái tóc cô xòa ra trên trán nhiều hơn thường ngày... Hình như cô tránh không nhìn thẳng vào mặt anh và, để che giấu niềm xúc động của mình, khi thì cô sửa lại cổ áo như đang cúc đầu cổ cô, khi thì vắt lại chiếc khăn màu đỏ của mình từ vai này sang vai kia...

- Hình như cô bị lạnh phải không, - Ôgonép hỏi. - Ngồi trong sương không tốt lắm đâu. Thôi để tôi đưa cô natch Hause* nhé.

Vêroska im lặng.

- Cô làm sao thế? - Ôgonép mỉm cười hỏi. - Cô cứ làm thình và chẳng trả lời gì cả. Cô bị mệt hay là tức giận điều gì? Phải thế không?

Vêroska đưa lòng bàn tay áp chặt vào má bên phía Ôgonép và liền đó cô giật mạnh bàn tay khỏi má.

- Thật là một tình cảnh kinh khủng... - cô thì thào nói, vẻ đau đớn hiện rõ ra trên nét mặt. - Thật kinh khủng!

- Có gì kinh khủng làm vậy? - Ôgonép hỏi, nhún nhún hai vai, không che giấu sự ngạc nhiên của mình. - Có chuyện gì vậy?

Vêroska vẫn thở nặng nhọc, đôi vai run lên, cô quay lưng lại phía anh, ngẩng đầu lên nhìn trời một lát rồi nói:

* Về nhà (tiếng Đức).

- Tôi cần nói chuyện với anh, anh Ivan Aléchxâyêvíts a...

- Tôi nghe đây.

- Có thể rằng anh sẽ thấy điều đó là lạ lùng... anh sẽ ngạc nhiên, nhưng mà đối với tôi thì thế nào cũng thế...

Ôgonép lại một lần nữa nhún vai và chờ đợi lắng nghe.

- Thế này anh a... - Věroska bắt đầu nói, đầu hơi cúi thấp xuống, tay vờn về mép khăn. - Anh có biết không, tôi muốn nói với anh một điều... như thế này... Anh sẽ cảm thấy là lạ lùng và... ngu xuẩn, nhưng tôi, tôi... thì không thể giấu được nữa.

Lời Věroska nói nghe không rõ, rồi bỗng bật thành tiếng khóc. Cô gái lấy khăn che mặt, đầu cúi thấp xuống nữa, và nghẹn ngào khóc tiếp. Ôgonép hắng giọng lúng túng, vừa kinh ngạc vừa không biết phải nói gì, làm gì, anh đưa mắt nhìn chung quanh mình một cách tuyệt vọng. Vì chưa từng quen với tiếng khóc và nước mắt, chính anh cũng cảm thấy mình rung rung lệ.

- Sao lại thế? - anh lắp bắp nói, bối rối. - Cô Věroska, thế là làm sao? Věroska thân yêu, cô... cô bị ốm ư? Hay là có ai xúc phạm tới cô? Cô hãy nói đi, có thể rằng tôi... sẽ giúp được gì cho cô chăng...

Và khi anh đi an ủi cô gái, nhẹ nhàng gỡ bàn tay che mặt cô ra, thì cô mỉm cười qua nước mắt và nói:

- Tôi... tôi yêu anh!

Lời nói giản dị, bình thường ấy thốt lên bằng thứ ngôn ngữ giản dị của con người, nhưng lại làm cho Ôgonép cảm thấy hết sức bối rối, anh quay mặt đi đứng thẳng dậy và, tiếp liền với cảm giác bối rối, anh bỗng thấy sợ hãi.

Tâm trạng buồn buồn, ảm áp, một chút đa cảm đến với anh lúc uống rượu và chia tay bỗng biến mất, nhường chỗ cho một cảm giác bối rối khó chịu. Một cái gì mới mẻ đảo lộn cả lòng anh, anh liếc nhìn Vêrôska. Bây giờ, sau khi tỏ tình với anh, cô không còn vẻ cao xa, không thể nào với tới được - cái điều vẫn thường làm phong phú hơn cho người phụ nữ, đối với anh hình như cô trở nên thấp hơn một chút, giản dị hơn, bình thường hơn.

"Thế này là thế nào? - anh sợ hãi nghĩ thầm. - Nhưng mà không biết mình có yêu... Vêrôska không? Vấn đề là ở chỗ ấy!"

Còn Vêrôska thì sau khi đã nói được ra cái điều chính nhất, khó nói nhất, cô cảm thấy nhịp thở của mình trở lại thanh thản, nhẹ nhàng. Cô cũng đứng lên và, nhìn thẳng vào mặt Ôgonép, cô nói với anh một cách sôi nổi, trơ tráo, không gì ngăn lại được.

Giống như một người bất ngờ bị hoảng hốt không thể nhớ lại sau đó trình tự diễn biến của cái tai họa làm anh ta choáng váng, Ôgonép cũng không nhớ được những lời nói của Vêrôska. Anh chỉ còn nhớ được nội dung những lời cô nói, nhớ được chính bản thân cô lúc ấy ra sao và cái cảm

giác mà lời nói của cô đã đem tới cho anh, anh nhớ giọng nói của Věroska lúc ấy như nghẹn lại, hơi khàn khàn vì xúc động, một nhạc điệu lạ lùng, sôi nổi toát ra từ giọng nói của cô. Vừa khóc, vừa cười, những giọt lệ sáng long lanh trên hàng mi, Věroska nói rằng ngay từ những ngày đầu quen nhau, anh đã làm cô kinh ngạc vì vẻ độc đáo, sự thông minh, vì đôi mắt phúc hậu, linh lợi, vì những nhiệm vụ và mục tiêu trong cuộc đời, rằng cô yêu anh say đắm, hết lòng, yêu đến mất trí; rằng có lần vào dạo hè, khi đi từ ngoài vườn vào trong nhà, nhìn thấy chiếc áo choàng rộng của anh treo nơi mắc áo nhà ngoài hay nghe thấy giọng nói của anh thì tim cô thất lại một niềm linh cảm hạnh phúc, ngay cả những câu nói đùa vô thưởng vô phạt của anh cũng làm cô cười phá lên, cô đọc thấy mỗi chữ số trong cuốn sổ của anh là một cái gì hợp lý phi thường, một cái gì rất to tát; đối với cô, cái gây nhiều mẫu anh cảm còn đẹp hơn mọi thứ cây trên đời này.

Cả cánh rừng, cả những cụm sương và những dòng muông đen sẫm nằm hai bên đường, dường như đều yên ắng lắng nghe Věroska nói, nhưng Ôgonép thì lại cảm thấy có cái gì lạ lùng chẳng tốt lành trong lòng... Lúc bày tỏ tình yêu của mình đối với anh, Věroska trông thật hấp dẫn, cô nói bằng những lời rất đẹp và say sưa, nhưng anh không cảm thấy một nỗi mừng, một niềm khoái lạc nào như anh muốn, anh chỉ cảm thấy một niềm thương cảm đối với Věroska, đau xót và ái ngại rằng vì anh mà một người tốt như thế đã phải khổ. Có trời mà biết được, không hiểu có phải cái lý trí sách vở đã trỗi lên trong anh, hay là

thói quen nhìn mọi vật một cách khách quan không thể cưỡng lại được đã lại đến với anh - một thói quen thường làm cho người ta khó sống - mà anh chỉ thấy niềm say mê và nỗi đau khổ của Vêroska là một cái gì quá đa cảm ngọt ngào, không thật chân thành và đồng thời một tình cảm mới vụt đến xáo động trong anh, mách thăm với anh rằng những gì anh đang nhìn thấy và nghe thấy bây giờ, nhìn từ góc độ của tạo vật và hạnh phúc riêng tư, còn hệ trọng hơn rất nhiều so với mọi thứ thống kê học, mọi thứ sách vở, mọi thứ chân lý... Và anh cảm thấy tức bực, anh tự trách mình mặc dầu không hiểu rõ rằng lỗi của mình là ở đâu.

Anh hết sức lúng túng và hoàn toàn không biết mình phải nói gì, mà lúc này lại rất cần phải nói. Nói thẳng rằng: "tôi không yêu cô" thì anh không đủ sức, mà nói "yêu" thì anh lại không nói được, bởi vì dù có tìm tới đến thế nào đi nữa, anh cũng không thể kiếm được trong lòng mình một chút tình yêu nào...

Anh im lặng, còn Vêroska lúc ấy thì nói rằng, đối với cô không có hạnh phúc nào lớn hơn là được nhìn thấy anh, được đi theo anh, dù là đi luôn bây giờ, đến nơi nào mà anh muốn, trở thành người vợ, người trợ giúp cho anh, rằng nếu anh bỏ cô mà đi thì cô sẽ chết vì buồn rầu...

- Em không thể ở lại đây được nữa! - cô vừa nói vừa bẻ bẻ tay. - Em chán ngấy cái nhà này, cánh rừng này, khí trời này. Em không thể chịu được cái yên tĩnh thường xuyên và cuộc sống vô mục đích này, không thể chịu được những con người tẻ nhạt, ai cũng giống hệt nhau như hai

giọt nước! Tất cả bọn họ đều nhiệt thành tốt bụng bởi vì họ lúc nào cũng no nê, không phải đau khổ, không đấu tranh vì một cái gì... Mà em thì lại muốn đến những ngôi nhà nặng nề ảm thấp, nơi người ta đau khổ, người ta trở nên tàn nhẫn, vì lúc nào cũng phải làm việc và lúc nào cũng túng bấn.

Cả lời này nữa, Ôgonép cũng cảm thấy có vẻ tán tụng ngọt ngào, không thật chân thành. Khi Věroska nói xong rồi, anh cũng vẫn chưa biết phải nói gì, nhưng mà không thể im lặng được nữa, anh đành lấp bắp nói:

- Cô Věroska a, tôi rất biết ơn cô, mặc dầu tôi cảm thấy rằng tôi chẳng có gì tốt đẹp để xứng đáng được... hưởng tình cảm mà cô vừa bày tỏ. Thứ hai là, với tư cách là một người trung thực, tôi phải nói rằng... hạnh phúc được xây dựng trên sự cân bằng, có nghĩa là khi mà cả hai bên... cùng yêu ở mức độ như nhau...

Ngay lúc ấy Ôgonép thấy ngượng với những lời mình vừa ấp úng nói và anh im lặng. Anh cảm thấy bộ mặt anh bây giờ chắc ngu độn, đầy vẻ hối lỗi, hời hợt, đang căng ra và dài thườn thọt... Chắc là Věroska đã nhận ra được sự thật trên gương mặt của anh, vì vậy cô bỗng nghiêm trang trở lại, mặt tái nhợt đi và cúi đầu xuống.

- Cô tha lỗi cho tôi, - Ôgonép không chịu nổi sự im lặng, lại ấp úng nói. -Tôi kính trọng cô đến mức rằng tôi cảm thấy... đau đớn!

Věroska vụt quay lại và rào bước đi về phía trang trại.

Ôgonép đi theo sau cô.

- Đừng theo, không nên thế! - Vêroska nói, hất bàn tay ra hiệu không cần, - anh đừng đi nữa, tôi tự đi về được...

- Không, dù sao thì... không thể không đưa tiễn...

Bất kể là Ôgonép nói gì, chữ nào anh cũng tự cảm thấy ghê tởm và tầm thường. Mỗi bước đi anh lại càng thấy ân hận hơn. Anh giận dữ, nắm chặt tay lại, thấm rửa sự lạnh lùng của mình, thấm rửa mình không biết cách đối xử với phụ nữ. Cố thức tỉnh lòng mình, anh nhìn lên thân hình đẹp đẽ của Vêroska, nhìn bím tóc và dấu vết đôi chân nhỏ của cô in lại trên mặt đường đầy bụi, anh nhớ lại những lời nói, nước mắt của cô, nhưng tất cả những cái đó chỉ làm cho lòng anh mềm dịu lại, chứ không làm anh phẫn chấn.

“Ôi, đúng là không thể cưỡng bức yêu được! - anh tự thuyết phục mình và đồng thời nghĩ: - Đến bao giờ thì mình mới yêu một cách tự nguyện? Bây giờ mình đã gần ba mươi tuổi rồi! Chưa bao giờ mình gặp được người phụ nữ tốt hơn Vêroska và sẽ không bao giờ gặp nữa... Ôi, sự già nua chó má! Sự già nua vào tuổi ba mươi!”

Vêroska đi đằng trước anh mỗi lúc một nhanh hơn, cô không nhìn lại, đầu cúi xuống. Anh có cảm tưởng rằng vì đau khổ mà người cô gầy đi, vai cô so lại...

“Thử hình dung xem cái gì đang diễn ra trong lòng cô! - anh nhìn vào sau lưng cô gái và nghĩ. - Chắc là cô ấy

vừa đau khổ, vừa xấu hổ đến mức tưởng muốn chết! Trời ơi, có biết bao nhiêu sự sống, chất thơ, bao nhiêu ý nghĩ ở đây, đến đá cũng phải xúc động, thế mà mình... mình thật ngu xuẩn và kỳ cục!”

Đến bên cổng, Věroska thoáng nhìn lại anh rất nhanh, khom mình xuống, phủ khăn kín đầu, rồi đi nhanh vào giữa hàng cây.

Ôgonép đứng lại một mình. Quay trở về phía rừng, anh đi chậm rãi, chốc chốc lại dừng chân và ngoái đầu nhìn cổng trại với cái vẻ toát ra từ toàn thân như là anh không tin mình nữa. Anh đưa mắt tìm trên đường đi những dấu chân của Věroska và không tin được rằng, cô gái mà anh đã có cảm tình nhường ấy vừa tỏ tình với anh và anh đã “từ chối” cô ấy một cách vụng về, lỗ mãng! Lần đầu tiên trong đời, anh nghiệm thấy rõ qua trường hợp của chính mình rằng con người ta phụ thuộc ít ỏi thế nào vào thiện chí của mình, rằng một người đứng đắn và chân thành, ngược với ý muốn của mình, đã gây cho người thân thiết của mình những nỗi đau khổ tàn nhẫn và không đáng có ra sao.

Lương tâm anh cắn rứt, và khi Věroska đi khuất hẳn, anh bắt đầu cảm thấy anh đã mất đi một cái gì rất quý, rất gần gũi, một cái gì anh không thể tìm lại được nữa. Anh cảm thấy rằng cùng với Věroska, một phần tuổi trẻ của anh đã trôi đi, rằng những phút mà anh vừa sống một cách hoài phí như vậy đã không bao giờ lặp lại nữa.

Đến chiếc cầu nhỏ, anh đứng lại nghĩ ngợi. Anh muốn tìm ra nguyên nhân của sự lạnh lùng kỳ quặc của mình. Anh thấy rõ rằng sự lạnh lùng ấy không phải tồn tại bên ngoài anh, mà ở chính trong tâm can anh. Anh thành thật thú nhận trước lương tâm mình rằng, đó không phải là sự lạnh lùng của lý trí điều mà những người thông minh vẫn thường tự phụ, không phải là sự lạnh lùng của một tên ngu xuẩn vị kỷ, mà đó chỉ là sự bất lực của tâm hồn không còn khả năng tiếp nhận sâu xa cái đẹp, là sự già nua trước tuổi, kết quả của một cách giáo dục, của cuộc vật lộn xô bồ giành giật lấy miếng ăn, của một cuộc đời ở thuê, không người thân kẻ thuộc.

Rời khỏi cầu, anh bước chậm vào rừng như không muốn đi. Ở đây, giữa những khoảng rừng tối sẫm ánh trăng in loáng thoáng đó đây, anh không cảm thấy gì khác ngoài những ý nghĩ của chính mình và anh bỗng thiết tha muốn lấy lại những gì vừa mất.

Và Ôgonép nhớ rằng anh đã quay lại trang ấp. Tự kích thích mình bằng những hồi tưởng, cố ép mình hình dung ra Vêroska trong trí tưởng tượng, anh bước nhanh về phía vườn. Trên đường đi vào trong vườn, sương đã hết, trăng rọi chiếu từ trên trời như vừa được rửa sạch, chỉ có phía đông che phủ một chút mây u ám... Ôgonép nhớ lại bước chân dè dặt của mình, nhớ lại những khung cửa sổ tối đen, mùi hương ngào ngạt của hoa vôi vôi và hoa réséda. Con chó Karô quen thuộc thân thiện vẫy vẫy đuôi đến gần bên anh và ngửi ngửi tay anh... Nó là sinh vật duy nhất nhìn thấy anh đã hai lần đi quanh nhà, đứng lặng

dưới cửa sổ tối đen của Věroska, khoát tay một cái, thở dài rồi đi ra khỏi vườn.

Một giờ sau anh đã ở huyện lỵ, người mệt nhoài phờ phạc, anh tựa thân mình và đôi má nóng hổi vào cánh cổng quán trọ và gõ cửa. Có con chó nhà ai ngái ngủ sủa lên một lúc, và như để đáp lại tiếng gõ cửa của anh, chiếc keng gang gần nhà thờ vang lên ngân nga...

- Cứ tha thần chơi khuya mãi thôi... - Ông chủ, dân tín đồ cựu giáo mặc chiếc áo sơ mi dài như áo đàn bà vừa lâu bầu mở cổng, - đi chơi làm gì, ở nhà mà cầu nguyện có tốt hơn không.

Bước vào căn phòng của mình, Ôgonép ngồi phịch xuống giường và nhìn rất lâu, rất lâu lên ánh lửa, sau đó anh lắc mạnh đầu rồi ngã mình xuống giường ngủ...

VÉ TRÚNG SỐ

Ivan Đomitoríts, một người thuộc hạng trung lưu, gia đình hàng năm tiêu chừng một ngàn hai trăm rúp, thường rất thỏa mãn với số phận của mình, có lần sau bữa ăn tối ngồi vào đi văng và bắt đầu đọc báo.

- Hôm nay tôi quên liếc qua tờ báo, - bà vợ ông vừa dọn bàn vừa nói - mình xem xem báo hôm nay có đăng kết quả xổ số không?

- Có, có đăng, - Ivan Đomitoríts đáp, - thế vé số của mình không bị ký quỹ đấy chứ.

- Không, hôm thứ ba tôi vừa lấy lãi phần trăm ra.

- Thế số vé của mình thế nào?

- Xêri chín nghìn bốn trăm chín mươi chín, vé số hai mươi sáu.

- Được... để xem nào... chín nghìn bốn trăm chín mươi chín và hai mươi sáu.

Ivan Đomitoríts không tin vào vận may xổ số, nếu vào một lúc nào khác thì chắc chắn là ông đã không buồn ngó vào bản kết quả xổ số, nhưng lúc này vì không có việc

gì làm và hơn nữa, báo lại nằm ngay trước mắt - ông đưa ngón tay từ trên xuống dưới theo cột số xêri. Liền ngay đấy, như là để giễu cợt nỗi hoài nghi của ông, ngay dòng thứ hai từ trên xuống, con số 9499 nổi rõ đập vào mắt ông!

Không kịp nhìn tiếp xem số vé còn lại, không kịp kiểm tra lại, ông vội vàng đặt tờ báo xuống gối như có ai té nước lạnh vào bụng, ông cảm thấy lòng dịu lại đầy thú vị: vừa buồn buồn như có kiến bò, vừa sờ sợ, vừa ngạt ngào mê ly!

- Masa, đúng chín nghìn bốn trăm chín mươi chín rồi!
- ông nói, giọng lạc hẳn đi.

Bà vợ nhìn lên bộ mặt hoảng hốt đầy kinh ngạc của ông và hiểu rằng ông không đùa.

- Chín nghìn bốn trăm chín mươi chín à? - bà ta hỏi lại, mặt tái đi, tay đặt chiếc khăn đã gấp lại xuống bàn.

- Đúng, đúng thế... Thật thế đấy!

- Thế còn số vé?

- Ừ nhỉ còn số vé nữa. Nhưng mà thôi... hãy khoan đã. Thì cứ trúng phần xêri đã! Thì cứ thế đã, mình hiểu không...

Ivan Đomitoríts nhìn vợ há hốc miệng cười vô nghĩa hết như đứa trẻ vừa được người lớn cho xem một vật gì kỳ lạ. Bà vợ cười, cũng như ông chồng, bà ta cảm thấy thú vị khi ông mới chỉ đọc số xêri chứ chưa vội biết đến số vé

may mắn. Tự dưng vò và trêu chọc mình bằng hi vọng có thể được giàu to, điều ấy thật ngọt ngào êm dịu và đáng sợ biết bao!

- Vé mình trúng phần xêri rồi, - Ivan Đomitoríts nói sau hồi lâu im lặng. - Có nghĩa là chúng ta có khả năng trúng số. Chỉ là khả năng thôi nhưng mà là có thể!

- Thôi, bây giờ thì mình đọc tiếp đi.

- Khoan đã. Muốn thất vọng cũng còn kịp, sẽ còn có dịp thật chán. Đây là dòng hai từ trên xuống, vậy giải thưởng sẽ thuộc loại bảy mươi lăm nghìn rúp. Đó không phải là tiền bạc nữa, mà là sức mạnh, là vốn liếng làm ăn to! Nhỡ bây giờ tôi nhìn lại bảng kết quả và số vé đúng là hai mươi sáu thì sao! Hà? Mình nghe này, nếu quả thực là chúng ta trúng số thì sao?

Hai vợ chồng cười phá lên và im lặng nhìn nhau rất lâu. Khả năng phát tài to làm cả hai choáng váng, không còn biết mơ tưởng thế nào nữa, không mở miệng ra mà nói được xem cả hai người cần đến số tiền 75 000 kia làm gì, họ sẽ mua sắm gì, đi những đâu. Hai vợ chồng chỉ còn nghĩ đến những con số 9499 và 75000, hình dung chúng ra trong óc, còn về cái hạnh phúc hết sức gần gũi kia thì không hiểu sao họ lại không nghĩ đến.

Ivan Đomitoríts cầm tờ báo trong tay đi đi lại lại trong phòng, và khi đã bình tâm trở lại sau ấn tượng ban đầu, ông mới bắt đầu mơ ước.

- Nếu chúng ta trúng số thật thì sao? - ông nói. - Đó là

cả một cuộc đời mới, một bước ngoặt dữ dội! Vé là của mình, nhưng nếu nó là của tôi thì tất nhiên trước tiên tôi sẽ bỏ ra khoảng hai mươi lăm nghìn để mua một bất động sản như trang áp chẳng hạn, khoảng mười nghìn để chi dùng ngay những ngày này: sắm sửa đồ đạc... đi du lịch, giả nợ và vân vân... Bốn chục nghìn còn lại thì sẽ gửi vào nhà băng lấy lãi...

- Đúng rồi, mua trang áp là phải lắm, - bà vợ vừa nói vừa ngồi xuống và đặt hai tay lên đầu gối.

- Mua ở mạn tỉnh Tula hay Ôrion ấy... Thứ nhất là không cần phải có nhà nghỉ ngoại ô nữa, thứ hai là lại có thu nhập về thêm.

Trong trí ông nối tiếp nhau hiện lên những cảnh tượng khác nhau, cảnh sau êm ái, thơ mộng hơn cảnh trước, và trong tất cả những cảnh tượng ấy bao giờ ông cũng tự thấy chính mình là người no nê, bình thản, khỏe mạnh nhất, ông cảm thấy ấm lòng, thậm chí đến nóng rực cả người lên nữa! Ngày đây, sau khi ăn xong đĩa xúp mát lạnh như băng, ông nằm ngửa bụng trên bãi cát nóng ven bờ sông nhỏ hoặc nằm trong vườn dưới bóng cây đoạn... Trời nóng quá... Đứa con trai và đứa con gái ông thì bò bên cạnh, nghịch cát hay bắt cào cào, châu chấu trong đám cỏ, ông nằm thiu thiu, không nghĩ ngợi một điều gì hết, ông cảm thấy rõ ràng rằng ngày hôm nay, ngày mai, ngày kia, không bao giờ ông phải đi làm. Và khi nằm đã phát chán, ông bỏ ra chỗ cát cỏ hay là đi vào rừng hái nấm, hay là xem bọn nông phu kéo lưới bắt cá. Khi mặt trời lặn, ông

lấy khăn bông, xà phòng rồi lững thững đi ra bãi tắm, ở đây ông từ từ cởi quần áo ra, lấy tay xoa xoa bộ ngực trần của mình rất lâu rồi đắm mình xuống nước. Dưới nước, bên những đám bọt xà phòng dùng đục, đàn cá nhỏ bơi tung tăng, những sợi rong xanh khẽ đung đưa. Sau khi tắm sẽ uống nước chè với kem và bánh mì hình số 8... Buổi tối thì đi dạo hay là đánh bài với mấy ông hàng xóm.

- Phải đấy: cứ mua một cái trang ấp là hơn. - bà vợ lên tiếng, bà cũng đang mơ tưởng, nhìn về mặt cũng có thể thấy rằng bà đang say sưa với những ý nghĩ của mình thế nào.

Ivan Đomitoríts vẽ ra cho mình cảnh mùa thu, với những cơn mưa lát phát, những buổi tối se lạnh và những ngày đầu thu trời trong xanh. Vào thời gian này cần phải cố ý đi chơi lâu hơn trong vườn, bên bờ sông cho đến lúc người cảm thấy ớn lạnh rồi hãy về nhà và sau đó, uống một cốc vodka thật to, nhắm với nấm màu hung muối hoặc dưa chuột muối, rồi lại uống tiếp cốc nữa. Bọn trẻ con chạy từ ngoài vườn vào tay cầm cà rốt, cái củ còn thơm hương đất... Sau đấy thì đặt mình xuống đi văng, chậm rãi lật xem một tờ họa báo nào đó, một lúc sau phủ tờ họa báo lên mặt, cởi khuy áo gối lê ra và thiêm thiếp ngủ...

Sau những ngày hanh nắng tiếp đến là những ngày u ám, mưa lai rai. Mưa rơi ngày rơi đêm, những cành cây trụi lá trông tang thương, gió về ẩm ướt và lạnh lạnh. Chó, ngựa, gà tất cả đều ướt át, ủ rũ, sợ sệt. Chẳng có chỗ nào mà dạo chơi, không thể nào đi ra khỏi nhà được, suốt ngày

cứ phải đi đi lại lại trong phòng từ góc này đến góc kia và ngán ngẩm nhìn ra ngoài khung cửa sổ u ám. Thật là buồn tẻ!

Ivan Đomitoríts đứng lại và nhìn vợ.

- Mình biết không, Masa, tôi cũng muốn đi chơi nước ngoài một chuyến. - Ông nói.

Và ông bắt đầu nghĩ thật là thú vị nếu có thể đi ra nước ngoài vào cuối mùa thu này, chẳng hạn đi về miền nam nước Pháp, đi Ý... hay đi Ấn Độ!

- Tôi thế nào cũng phải đi ra nước ngoài. - bà vợ nói. - Nào, mình nhìn tiếp sổ vé xem sao!

- Khoan đã! Chờ một chút đã nào...

Ông đi lại trong phòng và tiếp tục nghĩ ngợi. Một ý nghĩ chợt đến trong đầu ông: nếu quả thật vợ ông cũng đi ra nước ngoài thì sao. Đi du lịch như thế chỉ thú vị khi nào đi một mình hoặc hơn nữa là đi với đám phụ nữ nhẹ dạ vô tư chỉ biết có phút giây hiện tại, chứ không phải là với loại người đàn bà suốt dọc đường chỉ nghĩ và nói đến chuyện con cái, thờ dài thườn thượt, luôn sợ hãi và tính toán chi ly từng kôpếch. Ivan Đomitoríts hình dung ra vợ mình trong toa tàu với đủ thứ bọc, bị, túi xách; bà ta buồn rầu nghĩ ngợi điều gì và than vãn rằng bà bị đau đầu trong chuyến đi và tiêu tốn quá nhiều tiền, mỗi khi tàu dừng lại ga là lại chạy đi lấy nước uống, mua bánh mì kẹp xúc xích... Bà ta không thể ăn bữa trưa cho đàng hoàng được vì như vậy thì tốn tiền quá...

“Thế nào bà ta cũng lại tính cho mình từng kôpếch cho coi, - ông nhìn vợ và nghĩ. - Vé là của bà ấy, đâu phải của mình! Nhưng mà bà ta đi ra nước ngoài làm gì? Sang đây thì bà ta còn nhìn thấy gì? Chắc lại ngồi lý trong buồng khách sạn và chẳng chịu thả mình đi đâu cả... Mình biết thế nào mà!”

Và lần đầu tiên trong đời ông để ý thấy rằng vợ ông đã già đi nhiều, trông thô ra, người thì đầy mùi bếp núc, trong khi ông thì còn trẻ, tươi khỏe, giá có lấy vợ nữa cũng còn được.

“Tất nhiên tất cả chuyện đó là lật vặt và ngu xuẩn, - ông nghĩ, - nhưng... sao bà ta lại muốn đi ra nước ngoài kia chứ? Ở bên ấy thì bà ta có thể hiểu được những gì? Thế mà lại đi đấy... Thử hình dung xem... Thực ra thì đối với bà ấy Napôlơ hay Klin* cũng đều là một thôi. Đi thế chỉ làm phiền cho mình. Mình sẽ bị mất tự do và bị phụ thuộc vào bà ta. Mình biết tổng là bây giờ mà bà ta lĩnh được tiền thì lại vội cất ngay vào tủ khóa sáu, bảy lần như mấy mụ đàn bà vẫn thường làm... Bà ta sẽ giấu không cho mình biết... sẽ ban phát cho họ hàng bên ấy, còn đối với mình thì sẽ tính từng kôpếch cho xem”.

Ivan Đomitôrits nhớ đến họ hàng của mình. Tất cả những thứ anh em, chị em, cô dì, chú bác ấy, sau khi biết nhà ông trúng số thế nào cũng mò đến, xin xỏ, nhân nhờ

* Napôlơ - một thành phố của Ý đẹp nổi tiếng nằm trên bờ biển.

Klin một thị trấn thuộc tỉnh Maxcova.

cười giả dối, uốn éo. Thật là bọn người vô liêm sỉ, ti tiện đáng khinh! Nếu cho họ tiền thì họ sẽ lại xin thêm nữa cho mà coi; nếu từ chối không cho thì họ sẽ rủa rới, đặt điều nói xấu, cầu cho nhà ông gặp đủ chuyện không may.

Ivan Đomitoríts nhớ lại những người ruột thịt ấy, những người trước đây ông nhìn bằng con mắt lạnh đậm thì nay trở nên thật khó chịu đáng ghét.

“Thật là bọn người tởm lợm!” - ông nghĩ bụng thế.

Và cả bộ mặt của vợ ông nữa cũng thành đáng ghét, khó chịu. Lòng ông sôi lên một nỗi căm tức bà ta, một ý nghĩ độc ác đầy khoái trá đến với ông:

“Bà ta có biết giá trị của đồng tiền là thế nào đâu vì lúc nào cũng keo kiệt. Nếu mà bà ta trúng số thì chắc là chỉ cho mình một trăm rúp, còn lại bao nhiêu nhét vào tủ khóa lại hết”.

Ông không còn cười cười mà nhìn vợ như lúc nãy nữa, nhìn bà ta bây giờ ông chỉ còn thấy thâm thù. Bà ta cũng nhìn ông và cũng nhìn với cảm giác thâm thù, căm tức. Bà ta có riêng những giấc mơ rực rỡ sắc cầu vồng, những dự kiến, những tính toán riêng của mình, bà hiểu rất rõ chồng bà đang mơ tưởng những gì. Bà biết ai sẽ là kẻ đầu tiên chia tay ra với tới món tiền trúng số của bà.

“Mơ tưởng bằng tiền của người khác bao giờ chẳng thích! - cái nhìn của bà lộ rõ ý ấy. - Không, không, ông đừng có hòng!”

Người chồng hiểu ra cái nhìn của vợ; nổi cảm tức dồn lên ngực ông; và để làm cho vợ cụt hứng, ông cố tình làm trái ý bà, liếc nhanh vào trang tư tờ báo và cao giọng đọc với vẻ đắc thắng:

- Xêri chín nghìn bốn trăm chín mươi chín, vé số bốn mươi sáu! Chứ không phải hai mươi sáu!

Niềm hi vọng và nổi căm ghét cũng lập tức biến mất, và ngay lúc đó, cả Ivan Đomitoríts lẫn vợ ông đều cảm thấy rằng những căn buồng của họ tối tăm, chật hẹp, thấp bé, rằng bữa tối vừa ăn chẳng làm họ no mà chỉ thêm cồn cào trong dạ dày, rằng những buổi tối này sao mà dài lê thê và buồn tẻ đến thế...

- Có quỷ mà biết được, - Ivan Đomitoríts phát bần nói, - đặt chân vào đâu cũng thấy giấy lộn, rác rưởi đầy ra! Các phòng có lẽ không bao giờ được quét! Đến phải bỏ cái nhà này mà đi thôi, quỷ tha ma bắt tôi cho rồi! Bỏ nhà mà đi rồi treo cổ lên cành dương nào cho xong!

MƯA DẦM

Những hạt mưa lớn rơi lộp bộp vào cửa sổ màu tối sẫm. Đây là một trong những cơn mưa tai quái nơi nhà nghỉ mùa hè ngoại ô, những cơn mưa khi bắt đầu rồi, thường kéo dài hàng tuần lễ, chừng nào người đi nghỉ rét công, quen với cảnh ấy, hoàn toàn chìm đắm trong cảm giác chán chường. Tiết trời lạnh, không khí ẩm ướt khó chịu. Bà nhạc viên trạc sư Alécxây Xtêpanúts Kóvasin và vợ anh là Nađegióđa Philíppópna mặc áo bành tô không thấm nước và trùm khăn san, ngồi sau chiếc bàn lớn trong phòng ăn. Về mặt bà già như muốn nói, nhờ trời, bà được ăn no nê, mặc đầy đủ, chẳng bệnh tật ốm đau gì, bà gả cô con gái duy nhất cho một người tử tế và bây giờ bà có thể yên tâm mà bói bài; con bà là một cô gái thâm thấp, đầy đà, tóc màu vàng, tuổi chừng hai mươi, khuôn mặt xinh xẻo xanh xao, cô ta ngồi tỳ khuỷu tay lên bàn mà đọc sách; nhìn qua đôi mắt cô có thể thấy rằng cô không chỉ đọc sách mà còn nghĩ đến một điều gì riêng tư mà trong sách không có. Cả hai người đều im lặng. Mưa vẫn rơi đều đều từ phía nhà bếp nghe rõ những tiếng ngập dài của mụ bếp.

Bản thân Kovasin thì không có nhà. Vào những ngày mưa, anh không đi ra nhà nghỉ mà ở lại trong thành phố; thời tiết ẩm ướt ở nhà nghỉ ngoại ô ảnh hưởng xấu tới bệnh viêm phế quản của anh và cản trở anh làm việc. Anh luôn giữ ý kiến cho rằng cái vẻ u ám của bầu trời và những giọt mưa trên kính cửa bao giờ cũng lấy mất đi ở con người nghị lực làm việc và đem lại một cảm giác buồn rầu. Còn ở thành phố, nơi đầy đủ tiện nghi hơn, những cơn mưa dầm dề như không làm ai để ý.

Sau hai lần bói bài, bà già thu cỗ bài lại và nhìn người con gái.

- Mẹ cứ thử đoán mãi, liệu không biết ngày mai trời có đẹp lên không và Alécxây Xtêpaníts của chúng ta có về đây không, - bà già nói. - Đã năm ngày rồi anh ấy không về... Trời phạt chúng ta cứ mưa mãi thôi...

Nađegioda Philíppópna nhìn mẹ một cách thờ ơ, cô ngồi dậy và đi từ góc nhà này sang góc kia.

- Hôm qua khí áp tăng lên, - cô nói ra chiều nghĩ ngợi. - nhưng hôm nay nghe nói là hạ xuống.

Bà già bày bài ra thành ba hàng dài và lắc lắc đầu.

- Con buồn lắm phải không? - bà già đưa mắt nhìn con gái và hỏi.

- Đúng đấy mẹ ạ!

- Mẹ cũng thấy vậy. Mà không buồn sao được? Đã năm ngày rồi anh không về. Đạo tháng Năm, lâu nhất là

hai hay cùng lắm là ba ngày không về, còn bây giờ - có điều để lo lắng - đã ngày thứ năm rồi! Mẹ chẳng phải là vợ anh mà cũng còn buồn nhớ nữa là. Ngày hôm qua, khi người ta mới nói là áp lực tăng lên, mẹ đã cho cắt tiết mấy con gà giò, làm ít cá giếc chờ Aléchxây Xtêpanútts về. Anh thích món ấy mà. Cha con đã quá cố, không chịu nổi cá, thế mà anh ấy thì lại thích. Lần nào nó cũng ăn trông ngon lành lắm.

- Con lo cho anh ấy quá mẹ ạ, - người con gái nói. - Hai mẹ con ở đây mà buồn thì anh ấy còn buồn hơn đấy mẹ ạ.

- Chứ gì nữa? Suốt ngày thì đi dự các phiên tòa, đến tối thì như con cú mèo ấy, - một mình trong cả mấy buồng vắng ngắt.

- Mà lại còn sợ thế này nữa mẹ ạ: anh ấy ở đấy một mình, không có ai hầu hạ, không có ai bung nước đặt ấm xamôva cả. Sao lại không thuê người hầu vào mấy tháng hè hả mẹ? Ủ, mà cả cái nhà nghỉ này nữa để làm gì nếu anh ấy không thích? Con đã nói với anh ấy - không cần thì thôi. Anh ấy nói: “Vì sức khỏe của em đấy”. Nhưng mà vì sức khỏe gì của con mới được chứ? Con cứ nghĩ rằng vì con mà anh phải chịu khổ như vậy là con đến phát ốm lên được.

Nhìn qua vai bà mẹ, người con gái nhận ra chỗ sai trong cách xếp bài, cô cúi xuống bàn và sửa lại, im lặng. Cả hai cùng nhìn vào những quân bài và tự hình dung ra lúc này Aléchxây Xtêpanútts của họ đang sống cô đơn

ngoài thành phố, ngồi làm việc trong căn phòng trống trải, thiếu ánh sáng, bụng đói, người mệt mỏi, rầu rĩ vì buồn nhớ gia đình...

- À mẹ có biết không? - Nadegiôđa Philíppópna bỗng nói, đôi mắt cô sáng lên. - Nếu ngày mai tiết trời vẫn như thế này thì con sẽ đi chuyến tàu sáng về thành phố với nhà con. Ít ra là con cũng phải xem sức khỏe của nhà con ra sao, nhìn ngắm anh một lúc, rót nước chè cho anh uống chứ!

Và cả hai đều cảm thấy ngạc nhiên vì một ý nghĩ đơn giản và dễ thực hiện như thế trước đây họ lại không nghĩ ra. Vào thành phố chỉ đi mất nửa giờ, sau đó thuê xe ngựa mất chừng hai mươi phút nữa. Hai người nói chuyện một lúc nữa rồi, với cảm giác thỏa mãn, lên giường đi ngủ cùng trong một buồng.

- Ôi... Cậu thượng đế tha tội cho chúng con! - bà lão thờ dài nói khi đồng hồ trong phòng đã điểm hai tiếng. - Chả ngủ được!

- Mẹ không ngủ hả mẹ? - người con gái thì thào hỏi. - Con cứ nghĩ đến anh Aliôsa ấy mãi. Chẳng biết làm thế nào cho nhà con ở ngoài tỉnh đừng tự hủy hoại sức khỏe của mình. Có trời mà biết được nhà con ăn sáng, ăn trưa ở đâu, ở khách sạn hay các quán ăn.

- Mẹ cũng nghĩ thế, - bà già thờ dài. - Trời phù hộ độ trì cho... Cứ mưa hoài mưa mãi thôi!

Sáng hôm sau, mưa không còn rơi vào cửa sổ nữa,

nhưng bầu trời vẫn u ám như thế. Những hàng cây ủ rũ đứng yên và mỗi lần gió thổi đến lại rơi xuống những hạt nước đọng trên lá. Những vết chân người in trên con đường nhỏ bẩn thỉu, những cái rãnh và vết bánh xe đều lũng bống nước. Nadegioda Philíppópna quyết định lên đường.

- Con bảo với anh ấy mẹ gửi lời chào, - bà già vừa mặc áo ấm cho con gái vừa nói, con nói anh đừng ham việc ở các tòa án quá... Cần phải nghỉ ngơi một chút. Khi ra phố nhớ dặn anh quàng khăn cổ: tiết trời thế phải coi chừng. Ừ mà con mang cho anh ấy món thịt gà hôm qua, thịt ở nhà làm dù để cách hôm rồi cũng còn ngon hơn ngoài quán ăn.

Người con gái đi ra ga và nói rằng sẽ trở về nhà nghỉ vào chuyến tàu tối hoặc là sáng mai.

Nhưng cô đã trở về sớm hơn dự định rất nhiều, trước bữa ăn trưa, khi bà già ngồi trong buồng ngủ của mình, trên chiếc rương lim dim mắt thiu thiu, vừa nghĩ xem đến bữa chiều kiếm thức gì để rán cho người con rể ăn.

Người con gái bước vào phòng về mặt nhợt nhạt, buồn rười rượi; cô không nói một lời nào, không bỏ mũ ra, ngồi xuống giường và gục đầu xuống gối.

- Con làm sao thế? - bà già sừng sốt hỏi. - Sao về nhanh thế? Aléchxây Xtépanúts đâu?

Nadegioda Philíppópna ngẩng đầu lên, đưa cặp mắt ráo hoảnh, đẩy về khăn cầu nhìn mẹ.

- Anh ấy lừa chúng ta rồi mẹ ạ! - cô gái thốt lên.

- Con nói gì lạ vậy, sao lại thế được! - bà già sợ hãi nói, chiếc mũ chụp trên đầu rơi xuống. - Ai lại đi lừa mẹ con ta? Không thể thế được!

- Anh ấy lừa chúng ta rồi, mẹ ạ! - người con gái nhắc lại chiếc cằm run run.

- Nhưng mà sao con lại nói thế? - bà già kêu lên, mặt tái nhợt.

- Nhà ở của mình cửa đóng then cài. Người quét sân nói rằng, năm ngày qua anh ấy không về nhà lần nào cả. Anh ấy không ở nhà! Không ở nhà! Không ở nhà!

Người con gái khoát khoát tay rồi òa lên khóc, chỉ còn nói được mỗi câu:

- Không ở nhà! Không ở nhà!

Con thần kinh bắt đầu hành hạ cô.

- Thế này là thế nào? - bà già kinh hãi lâu bầu nói. - Ngày thứ ba vừa rồi nó viết thư bảo rằng không đi đâu ra khỏi nhà cơ mà? Nó ngủ ở đâu mới được chứ? Lại có chuyện lạ lùng thế nữa!

Nadegioda Philíppópna rũ rời chân tay đến nỗi không thể bỏ cái mũ trên đầu xuống. Hệt như là người ta đã cho cô ăn một ít thuốc mê, đôi mắt ngây dại của cô đưa qua đưa lại, cô run rẩy níu lấy tay mẹ.

- Con cũng khéo tìm được người mà tin, tin một đứa

quét sân! - bà già nói, lấn bấn bên con gái và khóc. - Con thật là hay ghen quá. Anh ấy không lừa đâu... Mà làm sao anh ấy dám lừa cơ chứ? Mẹ con ta nào phải là người tồi tàn? Chúng mình tuy tiếng là dân buôn bán, nhưng mà anh ấy không có quyền làm thế, vì rằng con là vợ hợp pháp của anh ấy! Chúng mình có thể kêu lên trên. Mẹ đã cho con hai chục nghìn. Con có phải là đứa không của hồi môn đâu!

Và đến lượt bà già cũng òa lên nức nở tay khoa khoa lên, toàn thân rã rời, rồi nằm xuống chiếc giường của mình. Cả hai đều không thấy rằng trên trời đã bắt đầu lộ ra những khoảng trời xanh, mây tan dần, vệt nắng đầu tiên yếu ớt in trên thảm cỏ ướt đầm trong vườn, những chú chim sẽ thích chí nhảy nhót bên vũng nước in hình những đám mây đang bay nhanh.

Khoảng chập tối thì Kovasin về. Trước khi rời thành phố anh ta đã ghé qua nhà và được người quét sân cho biết là khi anh đi vắng vợ anh có lên thăm.

- Đấy tôi đã về đây này! - anh ta vừa bước vào phòng mẹ vợ, vừa vui vẻ nói, làm ra vẻ như không nhận thấy những khuôn mặt râu rĩ, chưa ráo nước mắt. - Tôi đã về đây này! Năm ngày đêm rồi không gặp nhau!

Anh ta nhanh nhẩu hôn tay vợ và bà nhạc; rồi với điệu bộ của người vừa thích thú làm xong một công việc vất vả, anh ta ngồi phịch xuống chiếc ghế bành.

- Ôi! - anh ta thốt lên như trút ra khỏi hai lá phổi tất

cả không khí. - Chà mệt sao là mệt! Ngồi không vững nữa! Gần năm ngày đêm... lúc nào cũng sống như lính trong lán trại! Không về nhà một lần nào cả, em có thể tưởng tượng được không. Suốt ngày bận bịu với chuyện kiện cáo nợ nần của Supunốp và Ivantsikốp, lại phải làm việc ở văn phòng của Gandeép trong cửa hàng... ăn không ra ăn, uống không ra uống, ngủ qua loa trên ghế, người lạnh cóng... Chẳng được phút nào rỗi rãi, không còn lúc nào mà về nhà nữa. Thế đấy, em ạ, anh cũng không ở nhà mấy hôm vừa rồi...

Kovasin hai tay tì vào hông ra về như vì làm việc nhiều bị đau vùng thắt lưng, anh ta liếc nhìn vợ và bà nhạc xem tác động của những lời đối trá vừa rồi đến đâu - những lời nói mà chính anh ta tự gọi là phép “ngoại giao”. Bà nhạc và người con gái ngạc nhiên, sung sướng nhìn nhau, như bất ngờ nhận lại được một vật quý đã bị mất... Gương mặt hai người sáng lên, đôi mắt lộ vẻ mừng rỡ...

- Con thân yêu của mẹ, - bà nhạc vừa đứng bật dậy vừa nói, - sao mà từ nãy đến giờ mẹ cứ ngồi yên mãi thế này nhỉ! Đem nước chè ra! Đem nước chè ra nhanh lên! Con có muốn ăn chút gì nữa không?

- Tất nhiên là anh ấy muốn! - người vợ vừa cời chiếc khăn trùm đầu bị giây giãm vào để khỏi đau đầu. - Mẹ ơi, mẹ lấy rượu mùi và thức nhắm ra nhanh đi! Natalia, dọn ra bàn đi! Ôi, lạy Chúa, chẳng kịp chuẩn bị tí gì cả!

Và cả hai người vừa sợ, vừa mừng, tất tả chạy ngược, chạy xuôi trong mấy căn phòng. Bà già không thể giấu

được nụ cười mà nhìn con gái, vừa mới lúc nãy kia thôi còn nói xấu cho một người hoàn toàn vô tội, cô gái thì cảm thấy lương tâm cắn rứt...

Một lát sau bàn ăn đã dọn. Kovasin ngồi vào bàn, thờ khó nhọc vì bụng quá no, từ người anh ta còn tỏa ra mùi rượu nho và rượu ngọt; luôn miệng phàn nàn rằng mình đói bụng, anh ta vừa miễn cưỡng ăn vừa huyền thuyên nói về chuyện kiện cáo nợ nần của Supunốp và Ivantsikốp, còn người vợ với bà nhạc thì không rời mắt khỏi khuôn mặt anh ta và trầm nghĩ:

“Anh ấy thật thông minh, đáng yêu làm sao! Trông mới đẹp làm sao!”

Ăn bữa tối xong, Kovasin nằm trên chiếc giường trải đệm lông chim dày và nghĩ:

“Được đấy! Tuy họ là dân buôn bán thôi, chẳng có học thức gì, nhưng đâu sao họ vẫn có nét dễ yêu riêng đấy chứ, kể một tuần xuống đây ở một hai ngày cũng thú...”

Anh ta kéo chân đắp cho ấm rồi vừa thêm thiếp ngủ vừa nói:

- Được đấy!

MỘT TẤN KỊCH

- Thưa ông Paven Vaxilíts, ở nhà ngoài có một bà nào ấy đến muốn hỏi ông - Luka bấm tàu. - Có đề bà ấy chờ một tiếng đồng hồ rồi...

Paven Vaxilíts vừa dùng bữa sáng xong. Nghe nói đến một bà, ông cau mày báo:

- Thấy kệ bà ta! Nói với bà ta rằng, tôi đang bận.

- Thưa ông Paven Vaxilíts, bà ấy đã năm lần đến đây rồi ạ. Bà ấy nói rất cần gặp mặt ông... Chỉ thiếu chút nữa là khóc òa.

- Hừm... Thôi được rồi, cho gọi bà ta vào phòng làm việc.

Paven Vaxilíts thong thả mặc chiếc áo vestông vào, một tay cầm bút, tay kia cầm một cuốn sách, làm ra vẻ một người đang rất bận, ông bước vào phòng làm việc. Bà khách đã chờ sẵn ở đấy - một bà béo ục ịch, mặt phì nộn đỏ bừng, mắt đeo kính, trông bề ngoài cũng ra dáng đáng kính lắm, bà ta ăn vận quá lịch sự (bà mặc một chiếc váy xòe bốn lớp có giá độn bên trong và một chiếc mũ cao có gắn một con chim khô màu hung). Thấy chủ nhân, bà ta

ngước mắt nhìn lên, hai cánh tay đặt chéo trên ngực như người cầu nguyện.

- Chắc chắn là ông không còn nhớ tôi, - bà ta mào đầu bằng một giọng nam cao, trông rõ ra người đang xúc động. - Tôi... tôi đã từng có vinh hạnh được làm quen với ông ở nhà Khorútxki. Tôi là Muraskina...

- A-à-à... Mời chị ngồi xuống! Tôi có thể giúp ích gì cho chị được.

- Ông thấy không, tôi... tôi... - bà ta vừa ngồi xuống vừa nói tiếp, và càng tỏ ra xúc động hơn. Ông không còn nhớ tôi... Tôi là Muraskina... ông biết không, tôi là một người hết sức hâm mộ tài năng của ông và bao giờ cũng cảm thấy vô cùng hứng thú được đọc những bài báo của ông... ông đang nghĩ rằng tôi phỉnh nịnh ông, xin ông hiểu cho, tôi chỉ bày tỏ tấm lòng thành của tôi thôi... Lúc nào, lúc nào tôi cũng đọc ông! Ở một chừng mực nào đấy, tôi cũng không xa lạ với cái gọi là bản quyền tác giả, có nghĩa là, tất nhiên... tôi không dám tự nhận mình là nhà văn, nhưng dù sao... thì trong chỗ mặt văn chương chúng tôi cũng có vài giọt đóng góp... Ở những thời gian khác nhau tôi đã được in ba truyện thiếu nhi, - tất nhiên là ông chưa đọc... tôi đã dịch nhiều và... và người em quá cố của tôi đã từng làm việc ở tòa báo “Sự nghiệp”.

- Thế thế... ề ề ề... Tôi có thể giúp ích gì cho chị được?

- Ông biết không... (Bà ta đưa mắt nhìn xuống, mặt ửng đỏ) Tôi được biết đến tài năng của ông... biết những quan điểm của ông, ông Paven Vaxilíts ạ, và tôi muốn được biết ý kiến của ông, hay đúng hơn là... muốn được nghe những lời khuyên bảo. Cần phải nói với ông, pardon pour l'expression*, tôi vừa cất được một gánh nặng là viết xong một vở kịch, và trước khi gửi nó đi sở kiểm duyệt, tôi muốn được biết ý kiến của ông.

Như một con chim vừa bị bắt, Muraskina run run tìm trong váy áo của mình một lát rồi rút ra một cuốn vở dày cộp.

Paven Vaxilíts chỉ yêu thích những tác phẩm của mình, còn những cái của người khác mà người ta nhờ ông đọc hộ hay nghe hộ thì bao giờ cũng cho ông ấn tượng của một nòng súng đại bác đen ngòm chĩa thẳng vào mặt. Trông thấy cuốn vở dày cộp, ông phát hoảng và vội vàng nói:

- Được rồi, chị cứ để lại đây... tôi sẽ đọc.

- Ông Paven Vaxilíts! - Muraskina vừa đứng dậy, xếp chéo hai tay trên ngực như người cầu nguyện vừa dịu giọng. - Tôi biết ông bây giờ rất bận... đối với ông mỗi phút đều quý, tôi cũng biết rằng thực bụng ông bây giờ chẳng coi tôi ra cái gì cả đâu... nhưng ông làm ơn cho phép tôi đọc cho ông nghe vở kịch của tôi ngay bây giờ... Xin ông rủ lòng thương!

* xin lỗi vì cách nói chưa được gãy gọn (tiếng Pháp).

- Tôi rất sung sướng... - Paven Vaxilíts lúng túng nói, - nhưng, chị ạ, tôi... tôi đang rất bận... Ngay bây giờ... tôi phải đi ngay.

- Ông Paven Vaxilíts? - bà ta rên rỉ nói, nước mắt đã giàn giụa. - Tôi muốn ông bộc lộ đức hi sinh! Tôi biết tôi rất trơ tráo, gàn dở, dai như đũa; nhưng xin ông hãy tỏ lòng rộng lượng! Ngày mai tôi đã đi Kadan rồi, và hôm nay tôi muốn được biết ý kiến của ông. Xin ông hãy dành cho tôi một nửa giờ... chỉ một nửa giờ thôi! Tôi cầu van ông!

Paven Vaxilíts là một người thiếu cương quyết, ông không biết cách từ chối. Khi ông bắt đầu cảm thấy rằng nữ sĩ kia sắp khóc nức nở, sắp quỳ xuống, thì ông trở nên ngượng và lắp bắp nói bối rối:

- Thôi được rồi... tôi nghe đây... Nửa giờ thì tôi sẵn sàng.

Muraskina kêu lên sung sướng, bà bỏ mũ ra, ngồi xuống và bắt đầu đọc. Thoạt tiên bà ta đọc đoạn hai người hầu trai và hầu gái, trong khi soạn dọn một phòng khách sang trọng, nói chuyện huyền thuyên với nhau về tiểu thư Anna, người đã xây một trường học và bệnh viện ở trong làng. Khi người hầu trai đi ra, người hầu gái đọc một đoạn đọc thoại giảng giải rằng học hành là ánh sáng, không học là u tối; sau đó Muraskina lại cho người hầu trai vào phòng khách và bắt anh ta thuyết một độc thoại dài về một vị tướng nam tước không chịu được ý muốn của con gái, định đem cô ta gả cho một kẻ công chức giàu có, và ông ta nhận ra rằng lối thoát của dân chúng là sự ngạo mạn hoàn

toàn. Sau đó, khi người hầu gái đi ra, thì chính tiểu thư xuất hiện và bộc bạch với khán giả rằng nàng đã suốt đêm không ngủ và nghĩ tới anh Valentin, con trai một thầy giáo nghèo, phải luôn luôn giúp đỡ người cha của mình. Valentin đã học qua mọi ngành khoa học, nhưng anh không tin chút nào vào tình bạn, tình yêu, không biết đến mục đích của cuộc sống, anh thèm được chết và bởi vậy nàng phải cứu lấy anh.

Paven Vaxilíts ngồi nghe và buồn rầu nghĩ tới chiếc đi văng của mình. Ông bực tức ghé nhìn sang Muraskina và cảm thấy rõ cái giọng nam cao của bà ta đang xói vào màng nhĩ tai ông như thế nào, chẳng còn hiểu là bà ta đang nói những gì nữa, ông nghĩ:

“Thật là ma quỷ đưa lại... Tôi cần phải nghe cái trò ngu độn này của bà ta lắm à!.. Thì tôi mắc tội tình gì nếu bà ta đã viết ra một vở kịch? Trời ơi, mà cuốn vở bà ta cầm sao nó dày thế kia kìa! Thật là một sự trừng phạt!”

Paven Vaxilíts nhìn lên khoảng tường nơi treo ảnh vợ và ông sực nhận ra rằng vợ ông đã sai ông đi mua và đem đến nhà nghỉ ngoại ô cho bà năm arsin* vải khổ hẹp, một phun-tơ** phớ mát và thuốc đánh răng.

“Cầu trời cho tôi đừng đánh mất mẫu vải mẫu, - ông nghĩ. - Không biết tôi nhét nó vào đâu rồi? Hình như ở trong túi áo vestông màu xanh thì phải... Còn cái lũ ruồi

* Arsin: một đơn vị độ dài dùng ở nước Nga, tương đương 0,71 m.

** Phun-tơ: một đơn vị trọng lượng dùng ở nước Nga, tương đương 409,5 gr.

đề tiện kia cuối cùng cũng đã kịp làm bản cả tám ảnh của vợ... Phải sai cô Onga lau rửa kính thôi... Bà ta đang đọc cảnh thứ XII nghĩa là sắp hết màn một rồi. Lẽ nào vào lúc trời oi bức như thế này, hơn nữa ở một khối thịt phì nộn như mụ kia lại có thể có sự hưng phấn sáng tạo. Viết kịch làm gì, chén một đĩa xúp lạnh rồi chui vào hầm mát mà ngủ có tốt hơn không...”

- Ông có cho là đoạn độc thoại này hơi dài không? - bất thành linh Muraskina ngược mắt lên hỏi.

Paven Vaxilít không nghe thấy đoạn độc thoại. Ông cảm thấy ngượng ngùng và trả lời bằng một giọng ân hận hết như không phải nữ sĩ kia mà là chính ông đã viết nên đoạn ấy:

- Không, không, không dài chút nào... Khá lắm...

Về mặt Muraskina rạng rỡ lên vì sung sướng, bà ta tiếp tục đọc:

“*Anna*. Ốc phân tích làm khổ anh. Anh đã ngừng sống bằng trái tim quá sớm và cứ tin cậy vào lý trí. - *Valentin*. Trái tim là cái gì. Đó là một khái niệm giải phẫu học. Tôi không chấp nhận nó là một thuật ngữ ước lệ dùng để chỉ tình cảm. *Anna* (ngượng nghịu). Thế còn tình yêu? Lẽ nào cái đó cũng là sản phẩm của những mối liên tưởng tư duy? Anh hãy thành thực nói xem: đã bao giờ anh yêu chưa? - *Valentin* (buồn rầu). Chúng ta sẽ không động đến những vết thương cũ còn chưa lên da non (ngừng lại). Chị

đã nghĩ ngợi nhiều về điều gì? - Anna. Tôi có cảm tưởng rằng anh không phải là một người hạnh phúc”.

Đến cảnh thứ XVI thì Paven Vaxilíts ngáp dài, hàm răng ông vô tình lập cập đánh vào nhau làm phát ra âm thanh như khi chó đớp ruồi. Ông phát hoảng vì cái âm thanh bất lịch sự ấy và để che giấu nó, ông cố làm ra vẻ đang nghe một cách chăm chú, dịu dàng nhất.

“Cảnh thứ XVII... Đến lúc nào mới xong? - ông nghĩ.
- Trời ơi! Nếu cái tai vạ khổ sở này kéo dài thêm mười phút nữa thì tôi sẽ gọi tên gác cửa đến... Không thể chịu được nữa!”

Nhưng kia, cuối cùng nữ sĩ đã bắt đầu đọc nhanh hơn, to hơn, rồi cao giọng đọc chữ: “Màn hạ”.

Paven Vaxilíts thở ra nhẹ nhõm và đã định đứng lên thì ngay lúc đấy Muraskina giở sang trang và tiếp tục đọc:

- “Màn hai. Sân khấu bài trí một con đường làng. Bên phải là trường học, bên trái là nhà thương. Những người nông dân vừa nam vừa nữ ngồi trên bậc thềm nhà thương”.

- Xin lỗi... - Paven Vaxilíts ngắt lời. - Có bao nhiêu màn tất cả?

- Năm màn, - Muraskina trả lời và ngay sau đó, như sợ người nghe kịp bỏ ra, liền đọc tiếp rất nhanh: - “Valentin đứng bên cửa sổ trường học nhìn ra. Trông rõ phía sân trên sân khấu, nông dân đang mang những đồ đạc linh kính của mình vào quán rượu”.

Như một tên tù bị khếp vào tội tử hình và tin chắc rằng không thể nào được giảm tội, Paven Vaxilít không chờ đọc hết nữa. Ông không còn hi vọng vào một điều gì nữa, mà chỉ cố gắng làm sao cho mí mắt đã nặng trĩu của mình không bị khếp lại, làm sao cho mặt mình không bị mất đi cái vẻ chăm chú lặng nghe... Cái tương lai mà lúc nữ sĩ sẽ đọc xong vở kịch và đi ra đã trở nên xa lắc xa lơ đối với ông đến mức ông không còn nghĩ đến nó nữa.

- U-u-u-u... - giọng nói của Muraskina vang lên như thế trong tai ông. - U-u-u-u...

“Mình quên uống nước natri cacbonat rồi, - ông nghĩ. - Mình đang nghĩ gì ấy nhỉ? À, nghĩ về nước natri cacbonat... Chắc là mình bị viêm dạ dày rồi... Thật là kỳ lạ: thằng cha Xmironốp xki suốt ngày nốc rượu vótka mà đến bây giờ nó vẫn chẳng bị đau dạ dày gì cả... Trên cửa sổ có con chim nào đậu thế kia nhỉ... À, chim sẻ...”

Paven Vaxilít cố hết sức giương mi mắt đang bị kéo trĩu xuống, ông ngáp mà không há to mồm và nhìn lên Muraskina. Hình dáng bà ta mờ mờ đi, lung linh trong mắt ông, trông thành ra có ba đầu, một đầu gối lên trần nhà...

- “Valentin. Không, cho phép tôi đi thôi... - Anna (run sợ). Vì lẽ gì? - Valentin (nhìn sang một bên). Gương mặt nàng tái nhợt rồi! (Nói với nàng.) Đừng bắt tôi phải giải thích lý do. Tôi thà chết còn hơn là để chị biết những lý do ấy - Anna (sau một lát im lặng). Anh ta không thể đi được đâu...”.

Hình Muraskina dần dần to lên phình ra thành một khối đồ sộ và hòa lẫn với bầu không khí xám xám, oi nồng trong căn phòng, chỉ còn nhìn thấy mồm bà ta đang động đậy, sau đó bất ngờ bà ta bỗng thu bé lại như cái chai, chao qua chao lại rồi lùì xa vào trong góc phòng cùng với chiếc bàn...

- "*Valentin* (ôm *Anna* trong vòng tay). Em đã phục sinh cho anh, đã chỉ cho anh thấy mục đích cuộc đời! Em đã làm anh sống lại như cơn mưa mùa xuân làm sống lại mảnh đất vừa thức tỉnh! Nhưng... muộn rồi, muộn rồi!

Lòng anh đã bị một bệnh không thể nào chữa được đục khoét..."

*Paven Vaxilít*s rùng mình, hướng đôi mắt mệt mỏi lơ mơ của mình về phía *Muraskina*, ông nhìn một phút liền không chớp mắt, như không còn hiểu gì nữa...

- "Cảnh thứ XI. Vẫn những người ấy, vị nam tước và cảnh sát viên với những người làm chứng... *Valentin*. Bắt tôi đi? *Anna*. Tôi là của anh ấy! Bắt cả tôi nữa! Vâng, bắt cả tôi đi! Tôi yêu anh ấy, yêu hơn cả cuộc sống! - *Nam tước*. Cô *Anna*, cô quên mất rằng, làm như thế là cô giết chết người cha của mình..."

Hình *Muraskina* lại nở to ra... Dữ tợn đảo mắt nhìn quanh, *Paven Vaxilít*s từ từ đứng dậy, kêu lên bằng một giọng ồm ồm không tự nhiên chút nào, nhanh tay vợ lấy chiếc bàn thăm, rồi không còn kịp nghĩ ngợi gì nữa, ông ráng hết sức đập mạnh lên đầu *Muraskina*...

- Trói tôi đi, trói tôi đi, tôi giết chết bà ta rồi! - một phút sau ông ta nói như thế với người hầu gái vừa chạy vào phòng.

Các vị thẩm phán đã bênh vực cho ông ta trắng án.

THỦ ĐOẠN

- a) Bầu chủ tịch Hội.
- b) Thảo luận về vụ mừng hai tháng Mười.
- c) Bản tường trình giản lược của hội viên chính thức đốc tờ M. N. Phôn Brôn.
- d) Những việc thường lệ của Hội.

Đốc tờ Sêlextốp, người gây ra vụ mừng hai tháng Mười đang sửa soạn đi họp Hội; ông đã đứng trước gương khá lâu và đang cố tạo cho bộ mặt mình có một vẻ mệt mỏi. Nếu bây giờ ông xuất hiện trong cuộc họp với vẻ mặt xúc động, căng thẳng, đỏ bừng hay tái mét, thì những địch thủ của ông có thể cho rằng ông đã đánh giá quá cao tác động do những thủ đoạn xấu xa của họ đem lại; còn nếu vẻ mặt ông sẽ lạnh lùng, dửng dưng như ngái ngủ, một vẻ mặt thường thấy ở những người đứng cao hơn hết thảy và bị cuộc đời làm cho mệt nhọc, thì khi nhìn thấy ông cả bọn địch thủ sẽ thâm kính phục ông và nghĩ:

Bia kỷ niệm Puskin bất khuất

Cao hơn bia kỷ niệm Napoléông!

Như một người không thềm để ý gì đến những dịch thù và những trò nhỏ nhen của họ, ông sẽ đến họp muộn hơn tất cả, sẽ lảng lạng đi vào phòng họp, uể oải đưa tay lên vuốt mái tóc và, không thềm nhìn ai cả. Ông sẽ ngồi xuống chỗ bên mép bàn ngoài cùng. Chọn một tư thế của một người ngồi nghe chán ngán, ông sẽ ngáp dài một cách lộ liễu, với tay lấy một tờ báo nào đó rồi bắt đầu đọc... Tất cả sẽ nói chuyện, cãi vã ầm ĩ, huyền não, hô hào nhau giữ trật tự, thì ông vẫn ngồi yên và nhìn vào tờ báo. Nhưng rồi cuối cùng, khi người ta nhắc đến tên ông mỗi lúc một nhiều hơn, và khi mà cái vấn đề cấp bách ấy đã được bàn cãi đến độ căng thẳng nhất thì ông sẽ ngẩng đầu lên, đưa cặp mắt chán chường, mệt mỏi nhìn các bạn đồng nghiệp rồi miễn cưỡng nói:

- Tôi buộc phải nói... Thưa các ngài, tôi không chuẩn bị gì, vì vậy, quý vị thứ lỗi cho, ý kiến phát biểu của tôi sẽ không được lưu loát lắm. Xin bắt đầu từ ab ovo...*. Trong cuộc họp lần trước, một số quý vị đã nói rằng trong các buổi hội thảo tôi đã xử sự không giống như ý muốn của họ và họ yêu cầu tôi phải giải thích rõ ràng. Cho rằng giải thích là thừa và sự buộc tội là không trung thực, tôi đã đề nghị khai trừ tôi ra khỏi số hội viên của Hội và rời khỏi chỗ này. Nhưng bây giờ khi mà những lời buộc tội mới lại trút lên đầu tôi, tôi đành buồn rầu mà nhận thấy rằng tôi không thể không giải thích thái độ của tôi. Xin lỗi quý vị: tôi sẽ trình bày cụ thể.

* từ chỗ trước tiên nhất (tiếng La tinh).

Tiếp đó, vừa ngạo mạn mán mê cây bút chì hay chiếc dây đồng hồ, ông sẽ nói rằng đúng là trong những hội chẩn thỉnh thoảng ông cũng có cao giọng gắt gỏng và ngắt lời đồng nghiệp, không nể nang gì những người lạ; đúng là có lần trong một buổi hội chẩn, khi có mặt nhiều bác sĩ và gia đình bệnh nhân, ông đã hỏi người bệnh: “Kẻ ngu xuẩn nào đã kê đơn thuốc phiện cho anh?” Hiếm có buổi hội chẩn nào mà không to tiếng cãi nhau... Nhưng vì sao vậy? Rất đơn giản thôi. Trong các buổi hội chẩn ấy, lần nào ông cũng cảm thấy kinh ngạc trước trình độ hiểu biết quá thấp của các vị đồng nghiệp. Trong thành phố có ba mươi hai bác sĩ, nhưng phần lớn có vốn hiểu biết ít ỏi hơn bất kỳ sinh viên năm thứ nhất nào. Sự dẫn chứng cũng đủ rồi. Tất nhiên là *nomina sunt odiosa*^{*}, nhưng trong cuộc họp toàn là những người quen biết nhau cả và hơn nữa, để khỏi mang tiếng là thiếu chứng cứ, cũng có thể phải nói rõ tên ra. Chẳng hạn ai cũng biết chuyện ông bạn đồng nghiệp đáng kính Phôn Brôn khi dùng cái thông khám bệnh đã làm thủng thực quản của bà Xêriôgiokina, vợ một viên công chức...

Đến lúc đó thì Phôn Brôn sẽ chồm lên, vỗ vỗ tay và gào:

- Đây, chính ông đã chọc thủng chứ không phải tôi! Chính ông! Tôi sẽ chứng minh điều này cho ông!

^{*} Sẽ không gọi tên ra (tiếng La tinh).

Sêlextốp sẽ không thềm để ý đến Phôn Brôn và sẽ tiếp tục nói:

- Tất cả cũng biết rằng ông bạn đồng nghiệp đáng kính Gila khi khám cho nữ nghệ sĩ Xêmiramidina bị bệnh sa thân lại chẩn đoán nhầm là áp-xe thân, và rồi đã thử chọc vào, kết quả là không lâu sau exitus letalis^{**}. Ông bạn đáng kính Bextorunkô thì đáng lẽ phải nhổ móng ở ngón chân trái thì lại nhổ móng lành lặn bên chân phải. Tôi không thể không nhắc quý vị nhớ lại trường hợp khi ông bạn đáng kính Terkharianxơ đã thông ống épxtác trong tai của anh lính Ivanốp đến nỗi bị thủng màng nhĩ ở cả hai tai. Xin nhắc thêm rằng cũng vị này khi nhổ răng cho một người, đã làm sái cả hàm dưới của bệnh nhân rồi không chịu nắn lại chừng nào bệnh nhân chưa đồng ý trả thêm năm rúp. Ông bạn đáng kính Kurixun thì lấy cháu gái ông bán thuốc Grummer và cùng với ông ta có chuyện thông đồng ám muội. Mọi người đều cũng biết rằng viên thư ký Hội chúng ta, ông bạn trẻ Xkôrôpalitennưi, đã ăn nằm với phu nhân của vị chủ tịch rất đáng kính nể của chúng ta là ngài Guxtáp Guxtavôvít Prêkhoten... Tôi đã bất giác chuyển từ vấn đề trình độ học thức thấp kém sang những lỗi lầm có tính chất luân lý. Như vậy tốt hơn. Luân lý - là chỗ yếu của chúng ta, thưa các vị, và để khỏi gây ấn tượng là nói không có bằng chứng, tôi xin nêu tên ông bạn đáng kính Pudurokốp, người mà trong ngày lễ thánh trùng tên của bà đại tá phu nhân Tôrêsinxki, đã kể rằng không

^{**} trường hợp tử vong (tiếng La tinh).

phải Xkôrôpalitennưi chung chạ với phu nhân vị chủ tịch Hội chúng ta mà chính là tôi! Dám nói điều này chính là ngài Pudrôkôp mà năm ngoái tôi đã bắt gặp cùng với phu nhân của ông bạn đáng kính Donôbis... Nhân thể, xin nói về ông đốc tờ Donôbis... Vị nào có tiếng là một bác sĩ mà các bệnh nhân nữ đến chữa không phải là hoàn toàn không nguy hiểm! Chính là Donôbis... Người nào lấy con gái nhà buôn chỉ có mục đích làm giàu, chính là Donôbis! Còn về vị chủ tịch tất cả đều kính trọng của chúng ta thì xin nói rằng ông đang bí mật chữa bệnh theo liệu pháp vi lượng đồng cân và nhận tiền của bọn Phổ về việc làm gián điệp. Làm gián điệp cho bọn Phổ - điều này là ultimaratio*.

Các vị đốc tờ, khi muốn tỏ ra là thông minh và biết cách nói, đều sử dụng hai câu tiếng La tinh: *nomina sunt odiosa* và *ultima ratio*. Sêlextôp thì sẽ không chỉ dùng tiếng La tinh mà còn dùng cả tiếng Pháp và tiếng Đức - tùy thích! Ông sẽ phơi bày tất cả sự thật, ông sẽ lật mặt nạ của những tên có mưu đồ xấu xa; vị chủ tọa sẽ mỗi tay mà rung chuông, các ông bạn đáng kính sẽ chồm ra khỏi chỗ mình ngồi, gào thét, tay vung lên... Mấy ông bạn theo đạo Do Thái thì sẽ túm tụm vào một góc mà la ầm lên:

- Ô - ô - ô - ô - ô!

Còn Sêlextôp thì, không thèm nhìn một ai, sẽ tiếp tục nói:

* luận cứ cuối cùng (tiếng La tinh).

- Về vấn đề liên quan đến cả Hội nếu cứ với thành phần và trật tự như thế này, thì nhất định thế nào nó cũng tiêu vong. Mọi thứ ở cái Hội này đều hoàn toàn được dựng lên bằng những thủ đoạn. Thủ đoạn, thủ đoạn và thủ đoạn! Với tư cách là một nạn nhân của mọi thứ thủ đoạn quỷ quyết hoàn chỉnh này, tôi tự thấy có trách nhiệm phải trình bày điều sau đây...

Ông sẽ trình bày, và bè cánh của ông sẽ vỗ tay tán thưởng và đặc thẳng xoa xoa tay. Trong bầu không khí hết sức ồn ào cuộc bầu cử chủ tịch Hội bắt đầu. Ngài Phôn Brôn và đồng bọn ra sức ủng hộ Prêkhoten, nhưng những người dự họp cùng các bác sĩ chân chính thì đều xuyt và gào:

- Đả đảo Prêkhoten! Ủng hộ Sêlextốp! Yêu cầu Sêlextốp nhận chức đó!

Sêlextốp đồng ý nhận chức chủ tịch nhưng với điều kiện là Prêkhoten và Phôn Brôn sẽ phải xin lỗi ông ông về vụ mừng hai tháng Mười. Tiếng hô la huyên náo lại nổi lên, và các ông bạn đồng nghiệp đáng kính theo đạo Do Thái lại họp và gào - “ô-ô ô-ô...” Prêkhoten và Phôn Brôn nổi giận bừng bừng, chấm dứt mọi chuyện bằng việc yêu cầu từ nay không coi họ là hội viên của Hội nữa. Thế thì hay quá!

Vậy là Sêlextốp thành chủ tịch. Trước tiên ông lập lại

trật tự trong Hội này. Xin mời ngài Donôbis cuốn gói ngay cho! Ngài Terkharianxơ cũng cuốn gói ngay! Xin cút bằng hết những người bạn kính mến của bọn phản bội! Với bẻ cánh của mình, ông sẽ làm cho đến trước tháng Giêng sẽ không còn một tên mưu đồ xấu xa nào. Tại nhà thương của Hội trước tiên ông sẽ cho quét vôi tường phòng khám bệnh và cho treo biển: “Tuyệt đối cấm hút thuốc”; sau đó ông sẽ thải cả viên y tá và mục hộ lý, thuốc thì sẽ không lấy ở chỗ Grummer nữa mà từ Khoriasiambgixki, các bác sĩ sẽ được đề nghị không tiến hành một ca mổ nào nếu không có sự theo dõi của ông v.v.. Và điều chủ yếu là trên những tấm danh thiếp của mình ông sẽ cho in dòng chữ: “Chủ tịch Hội các bác sĩ thành phố N.”.

Sêlextóp đã mơ tưởng như vậy, khi đứng trước gương ở nhà. Nhưng rồi đồng hồ điểm bảy tiếng nhắc ông rằng đã đến giờ phải đi họp. Ông bừng tỉnh khỏi giấc mộng êm đềm và vội vàng làm cho mặt mình có vẻ mệt mỏi nhưng tiếc thay! - ông muốn làm cho mặt mình có vẻ mệt mỏi và hấp dẫn, thì bộ mặt ông lại ngang ngạnh không tuân theo và trở nên cau có, dân đồn như một con chó con giữ nhà xấu xí, bị rết cồng; ông muốn làm cho mặt mình có vẻ oai vệ đường bệ thì nó lại cứ dài thuôn ra và lộ vẻ ngô nghê, bây giờ thì ông cảm thấy rằng mình không giống con chó con nữa mà giống một con ngỗng đực. Ông khép hàng mi xuống, nheo nheo mắt lại, phồng phồng má lên, nhăn nhăn trán, nhưng dầu thế nào mặc lòng, vẻ mặt ông vẫn không thành như mong muốn. Chắc đó là những đặc tính bẩm

sinh của khuôn mặt ấy rồi, không thể làm gì được. Cái trán thấp lè tè: đôi mắt ti hí liếc ngang liếc dọc rất nhanh như mắt bọn con buôn ranh mãnh, chiếc hàm dưới nhô ra phía trước một cách dằn dợn, kỳ quặc, còn đôi má và mái tóc thì có vẻ như là một “ông bạn đáng kính” phút trước vừa mới bị đuổi ra khỏi phòng chơi bi-a.

Sêlextốp cúi kính nhìn lên khuôn mặt đó, ông bắt đầu cảm thấy rằng chính khuôn mặt này cũng đang dớ thủ đoạn chống lại ông. Ông đi ra ngoài hành lang, mặc áo ấm vào, và ông cảm thấy rằng cả cái áo lông, cả đôi ủng cao su cùng chiếc mũ đều dớ thủ đoạn gì đó.

- Ê, xà ích, cho đánh xe đến nhà thương! - ông gọi to.

Ông trả hai mươi kópếch thì bọn xà ích đây thủ đoạn lại đòi những hai trăm kópếch... ông ngồi lên chiếc xe bốn bánh không mui; xe chạy, gió lạnh phả vào mặt, tuyết ẩm ướt che cả mặt, con ngựa mệt nhọc chạy chậm rì rì. Tất cả đều đồng lõa với nhau tất cả đều dớ thủ đoạn xấu xa... ôi, thủ đoạn, thủ đoạn và thủ đoạn!

HAI NGƯỜI ĐẸP

I

Tôi còn nhớ khi tôi còn học lớp V hay lớp VI ở trường trung học, tôi cùng với ông tôi đi từ làng Bôlsôiê Krépôliê vùng sông Đông lên thành phố Rôxtốp trên sông Đông. Hôm ấy là một ngày tháng Tám oi nóng, mệt nhọc và buồn tẻ. Vì nóng bức, vì những cơn gió nóng khô rang lửa những đám bụi vào mặt, chúng tôi ai nấy mắt đều díp lại, cổ họng khô khốc; không còn muốn nhìn, muốn nói chuyện hay nghĩ ngợi gì nữa, và khi gã đánh xe Kácpô, người Ucraina đang gà gật ngủ quất roi vào ngựa, nhỡ vung quá tay về phía sau và để chạm roi vào mũ tôi, tôi cũng chẳng buồn cáu nữa, chẳng kêu một tiếng nào và chỉ sau khi tỉnh giấc mơ, mới mở mắt uể oải thoáng nhìn về phía xa, liếc qua lớp bụi đường này có trông thấy làng nào không? Chúng tôi dừng lại cho ngựa ăn ở một làng rất to của người Ácmêni - làng Bakhosi Xalakhơ - tại nhà một người Ácmêni giàu có mà ông tôi có quen. Trong đời, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người nào lại có dáng vẻ khôi hài hơn cái ông Ácmêni ấy. Hãy hình dung một cái đầu

nhỏ tí húi trọc, cặp lông mày rậm rì nhú lại thấp xuống, mũi điều hâu, bộ râu mép dài bạc trắng và cái mồm rộng ngoác lúc nào cũng ngậm một cái tẩu dài bằng gỗ anh đào; cái đầu ấy gắn một cách vụng về vào cái mình gầy guộc lưng khòm, ăn vận theo một kiểu kỳ lạ: một chiếc áo ngắn mặc ngoài màu đỏ có đuôi tôm và một chiếc quần màu xanh da trời rộng thùng thình; ông ta đi khệnh khênh khạng khạng, hai chân doãng ra, kéo đôi giày lệt xệt, nói năng thì vẫn không bỏ cái tẩu trong mồm ra và đối xử theo một kiểu tự trọng thuần túy Ácmêni: không cười, cặp mắt nhìn trống rỗng và cố gắng càng ít chú ý đến khách càng tốt.

Trong nhà người Ácmêni không có qua một chút gió, chút bụi nào, nhưng ở đây cũng khó chịu, oi nóng và buồn tẻ như ngoài thảo nguyên trên đường đi lúc nãy. Tôi còn nhớ, người đẩy bụi bặm và mệt lử vì trời oi bức, tôi ngồi thu lại ở góc nhà trên một cái hòm gỗ màu xanh. Những bức tường bằng gỗ để mộc, bàn ghế giường tủ, sàn nhà quét màu vàng... tất cả đều bốc ra mùi gỗ khô xạm nắng dưới ánh mặt trời. Nhìn phía nào cũng thấy ruồi bay, ruồi bay... Ông tôi và ông bạn người Ácmêni nói chuyện rì rầm với nhau về công việc chăn nuôi gia súc, về ruộng bỏ hóa, về đàn cừu... Tôi biết rằng ấm trà sẽ đun trong vòng một giờ đồng hồ, rằng ông tôi sẽ ngồi nhấm nháp uống trà ít ra cũng phải đến một tiếng nữa, rồi sau đó nằm ngủ trưa khoảng hai, ba giờ đồng hồ, rằng như vậy là tôi sẽ phải mất đi một phần tư ngày, để chờ đợi và tiếp đấy là lại oi bức, bụi bặm, đường xóc. Tôi nghe tiếng rì rầm hai người nói chuyện và tôi bắt đầu cảm thấy rằng ông già Ácmêni

kia, cùng với cái chạn để bát đĩa, rồi ruồi bay và các khung cửa sổ mặt trời thiêu đốt đang xói vào kia... - tất cả những cái ấy tôi đã nhìn thấy từ rất lâu, và sẽ chỉ thôi không nhìn thấy nữa vào một tương lai xa lắc xa lơ, và cả người tôi tràn ngập một sự căm ghét đối với thảo nguyên, mặt trời, ruồi nhặng...

Người Ucraina đầu trùn khăn bưng một khay cốc chén lên, sau đó bưng tiếp chiếc ấm trà. Ông già Ácmêni dềnh dàng bước ra phòng ngoài và cất giọng gọi:

- Masia*! Lên pha trà đi! Mày đâu rồi! Masia!

Nghe tiếng những chân bước vội, rồi một cô gái chừng mười sáu tuổi đi vào phòng, mặc chiếc váy áo thường in hoa, trùn một chiếc khăn nhỏ màu trắng. Lúc rửa cốc chén và pha trà, cô gái đứng quay lưng về phía tôi, và tôi chỉ nhận thấy rằng thân mình cô mảnh dẻ, đi chân không và đôi gót nhỏ để trần loáng thoáng đằng sau gấu quần trễ xuống.

Ông chủ nhà mời tôi uống trà. Khi ngồi xuống bàn, tôi nhìn vào mặt người con gái đưa cốc trà cho tôi và bất chợt tôi cảm thấy như có một luồng gió nào chạy khắp người tôi và cuốn đi tất cả những ấn tượng của một ngày buồn tẻ và bụi bặm. Tôi nhìn thấy những nét kỳ diệu ở một gương mặt đẹp nhất mà tôi đã từng được thấy trong mơ và ngoài đời. Trước mặt tôi là một người con gái đẹp

* Tên Masa gọi chệch đi theo thổ âm của người Ácmêni.

và tôi nhận ra điều đó ngay từ cái nhìn đầu tiên như nhận ra một ánh chớp.

Tôi sẵn sàng thề rằng Masa, hay như bố cô vẫn gọi là Masia, là một người con gái tuyệt đẹp, nhưng tôi không sao chứng minh được điều đó. Đôi lúc có những đám mây lớp lớp ken nhau bao phủ ở chân trời và mặt trời khuất đằng sau nhuộm những đám mây và cả bầu trời thành nhiều màu sắc khác nhau: màu đỏ rực, màu da cam, vàng óng, tím ngắt, thẫm hồng; đám mây này thì giống hình ông thầy tu, đám mây kia thì giống hình con cá, đám mây khác nữa lại giống hình người Thổ Nhĩ Kỳ đội khăn đóng. Ráng ngũ sắc chạy dài đến một phần ba bầu trời, lấp lánh trên cây thánh giá nơi đỉnh tháp nhà thờ, phản chiếu qua những kính cửa sổ nhà giàu, soi rõ trên mặt sông hay đầm nước, rung rinh trên những ngọn cây cao; trên nền trời chiều xa tít tắp in rõ hình đàn vịt trời nào đó bay đi tìm chỗ ngủ... Cả cậu bé đang xua bò, cả ông trác điền ngồi trên xe ngựa đi qua đập nước và mấy ông nhà giàu đang dạo chơi, tất cả đều nhìn về phía ráng mặt trời, mọi người đều nhận rằng nó thật đẹp nhưng không một ai biết và nói được rằng vẻ đẹp ấy ở chỗ nào.

Không phải chỉ có một mình tôi thấy cô gái Ácmêni là đẹp. Ông tôi, một ông già tám mươi tuổi, một người vốn khác khổ nghiêm nghị, thường đứng dưng với phụ nữ và các vẻ đẹp của thiên nhiên cũng trù mến nhìn Masa một lúc và hỏi:

- Có phải con gái ông đấy không. Ông Avét Nadartúts?

- Con gái. Đây là con gái tôi... - ông chủ nhà trả lời.

- Tiểu thư xinh quá, - ông tôi khen.

Người họa sĩ sẽ gọi vẻ đẹp của cô gái Ácmêni là một vẻ đẹp cổ điển và hoàn thiện. Đó chính là vẻ đẹp mà khi ngắm nó, trời mà biết được vì lẽ gì, anh sẽ tin chắc rằng anh đang nhìn thấy những nét chính xác, rằng mái tóc, đôi mắt, mũi, miệng, cổ ngực và mọi cử động của tấm thân trẻ trung ấy đều hợp lại thành một thể hài hòa toàn vẹn mà trong đó thiên nhiên không hề phạm sơ suất ở một nét nhỏ nào; không hiểu vì sao anh sẽ cảm thấy rằng một người phụ nữ đẹp lý tưởng thì phải có cái mũi thẳng và cao cao như mũi của Masa, cặp mắt to và đen như thế, đôi lông mi dài như thế, cái nhìn thần thờ như thế, rằng những món tóc đen lượn sóng và đôi lông mày của cô gái lại hòa hợp đến như thế với màu da trắng trẻo mềm mại trên trán và má như cây sậy xanh tươi hòa nhịp với một dòng sông nhỏ yên lặng; cái cổ trắng ngà của Masa và bộ ngực của cô thật nhỏ nhắn xinh xắn, nhưng để có thể tạc nên được như thế, cần phải có một tài năng sáng tạo phi thường. Nếu anh nhìn Masa dần dần anh sẽ thấy khát khao muốn nói với cô gái một điều gì êm dịu khác thường, một điều gì thật chân thành và đẹp đẽ như chính cô gái.

Thoạt đầu tôi thấy giận hờn và xấu hổ rằng Masa không để ý chút nào đến tôi và luôn luôn cúi đầu nhìn xuống; có một màn không khí nào vừa lạ lùng vừa đầy

hạnh phúc và kiêu hãnh đã ngăn cách cô gái với tôi và cố che cái nhìn của tôi.

“Điều đó là do người ta đẩy bụi bặm. - tôi nghĩ, - ta bị xạm nắng, và do ta hãy còn là một cậu bé con”.

Nhưng rồi sau đó dần dần tôi quên đi chính bản thân mình, và cả người tôi ngợp trong một cảm giác về cái đẹp. Tôi đã không còn nhớ đến cái buồn tẻ trên thảo nguyên, đến những lớp bụi đường bay mù, không nghe thấy tiếng ruồi bay vo vo, không nhận ra mùi vị nước chè nữa mà chỉ còn cảm thấy rằng bên kia chiếc bàn tôi ngồi có một cô gái xinh đẹp đang đứng đấy.

Tôi nhìn ngắm vẻ đẹp đó với một cảm giác là lạ thế nào ấy. Hình ảnh Masa không gọi lên trong tôi một khát vọng, một niềm say mê hay một khoái cảm nào, mà đem đến cho tôi một nỗi buồn nặng nề cho dù là dịu ngọt. Nỗi buồn này thật mơ hồ và mông lung như một giấc mơ. Không hiểu sao lúc ấy tôi vừa thấy tiếc cả cho mình, cả cho ông tôi, ông già Ácmêni và chính cô gái nữa; tôi có cảm giác rằng hình như cả bốn người đều vừa đánh mất một cái gì hệ trọng và cần thiết cho cuộc sống, một cái gì mà không bao giờ chúng tôi có thể tìm được nữa. Ông tôi cũng ra chiều buồn bã. Ông không còn nói chuyện về ruộng bỏ hóa, về đàn cừu, mà im lặng nhìn Masa một cách đăm chiêu.

Sau lúc uống trà, ông tôi đi nằm ngủ, còn tôi thì bước ra khỏi nhà và ngồi ngoài thềm. Như mọi nhà ở Bakhosi Xalakho, ngôi nhà này cũng đang bị thiêu nóng dưới ánh

mặt trời, không có một cái cây nào, một mái hiên hay một bóng râm. Cái sân rộng trước nhà ông già Ácmêni mọc đầy cỏ dại mọc dẫu dưới trời nóng cháy quang cảnh vẫn nhộn nhịp và vui vẻ. Đằng sau một bờ gấu thấp ngăn một phần cái sân rộng người ta đang đập lúa mì. Chung quanh một cái cột chôn xuống chính giữa sân, mười hai con ngựa đóng lại hàng một thành một đường kính kéo ngang. Bên cạnh chúng là một người Ucraina làm công đi đi lại lại, mặc áo khoác ngoài dài cộc tay và chiếc quần ống rộng thùng thình, anh ta luôn tay vút roi xuống và quát to bằng cái giọng hét như đang muốn chọc tức lũ ngựa và tự đắc vì quyền lực của mình đối với chúng:

- A-a-a, cái lũ mất dạy này! A-a-a... Trời đánh không chết hả! Liệu hồn đấy!

Những con ngựa màu hung nâu, màu trắng, hay đốm khoang, không thể hiểu vì sao người ta lại bắt chúng cứ phải chạy quanh mãi một chỗ và giẫm nát đồng rơm lúa mì, chúng miễn cưỡng chạy ẻo oải và vung vẩy cái đuôi như tỏ nỗi giận dữ. Từ dưới chân lũ ngựa, gió cuốn tung những đám trấu vàng bay mù lên qua hàng gấu. Gần những đồng rơm mới, cao, có mấy bà cầm cào đi lững thững, mấy chiếc xe bò lăn bánh, và đằng sau những đồng rơm ấy, trong một cái sân khác cũng có chừng ấy con ngựa như thế đang chạy vòng quanh cái cột và cũng lại có người Ucraina làm công na ná như thế đang vút mạnh roi và trêu giễu lũ ngựa.

Bạc thêm tôi ngồi nóng rang; trên hàng lan can bằng gỗ và khung cửa sổ lác đác thấy nhựa rỉ ra vì trời nóng; dưới thêm và dưới cánh bít cửa sổ những con bọ nhỏ màu hung đỏ cụm lại với nhau trong dải bóng râm. Mặt trời chiếu như thiêu như đốt lên đầu, lên ngực, lên lưng tôi, nhưng tôi không để ý gì đến điều ấy, tôi chỉ cảm thấy một điều rằng nơi phòng ngoài và ở các phòng trong nhà có tiếng đôi chân trần đang đi lại trên nền nhà lát gỗ. Thu dọn cốc chén vào khay, Masa chạy nhanh qua bậc thêm làm gió phả vào người tôi, rồi như một con chim, cô gái đi vút xuống phía một căn nhà nhỏ ám khói; chắc là nhà bếp, từ dưới ấy sục lên mùi thịt cừu nướng và nghe rõ ai đang nói tiếng Ácmêni đầy câu kính. Cô gái biến mất sau cánh cửa màu sẫm, và thế vào cô, trên bậc cửa hiện ra một bà lão Ácmêni mặt đỏ gay, lưng còng mặc quần rộng ống màu xanh lá cây. Bà lão cúi giận và lâu bầu chửi rủa ai. Một lát sau Masa lại hiện ra trên ngưỡng cửa, mặt đỏ bừng vì bếp nóng, cô vác trên vai một cái bánh mì đen rất to; hơi cúi nghiêng mình rất đẹp dưới sức nặng của chiếc bánh, cô gái chạy qua sân đến chỗ đập lúa, bước qua hàng giậu, lẫn vào trồng đám bụi trâu vàng óng, rồi khuất mất đằng sau mấy chiếc xe bò. Người Ucraina làm công đang xua lũ ngựa, hạ roi xuống, thôi không nói nữa và đắm đắm nhìn về phía mấy chiếc xe, sau đó, khi cô gái Ácmêni lại loáng thoáng hiện ra gần đàn ngựa và nhảy qua hàng giậu, anh ta đưa mắt nhìn theo cô gái rồi quay sang quát bầy ngựa bằng cái giọng như đang rất buồn bực:

- Cho mày chết đấp đi, đồ quý a!

Sau đó lúc nào tôi cũng nghe thấy tiếng chân không của cô gái, cũng nhìn thấy cô gái chạy qua chạy lại trong sân với vẻ mặt nghiêm trang đầy lo âu. Lúc thì cô gái chạy qua bậc thềm, phả gió vào người tôi, lúc thì chạy xuống bếp, đến chỗ đập lúa mì, ra ngoài cổng, và tôi cứ phải quay đầu luôn luôn mới kịp nhìn theo cô gái.

Cô gái với vẻ đẹp kỳ diệu càng xuất hiện nhiều lần hơn trước mắt tôi, thì nỗi buồn trong tôi càng thêm thấm thía. Tôi cảm thấy thương cho mình, cho cô gái, cho người Ucraina làm công lẫn nào cùng buồn rầu đưa mắt nhìn theo cô gái, khi cô chạy qua đám bụi trấu đến chỗ máy chiếc xe bò. Không biết có phải tôi đã ghen tị với sắc đẹp của cô, hay là tôi tiếc rằng cô gái ấy không phải của tôi, và mãi mãi sau này cũng chẳng bao giờ là của tôi, rằng đối với cô gái, tôi là một người xa lạ, hay là tôi mơ hồ cảm thấy sắc đẹp kỳ lạ của cô là một điều tình cờ, không cần thiết, và ngăn ngui như tất cả mọi thứ trên trái đất này, hay là có thể rằng nỗi buồn của tôi chính là cảm giác đặc biệt đến với mỗi người khi được ngắm nhìn một cái đẹp hoàn thiện, có trời mà biết được!..

Ba giờ chờ đợi đã trôi qua lúc nào không hay. Tôi tưởng rằng tôi chưa kịp nhìn ngắm Masa, thì anh xà ích Kác pô đã đi đến bờ sông, tắm rửa cho ngựa và bây giờ đã bắt đầu thắng ngựa vào xe. Con ngựa mình ướt đầm khoái chí thở phì phì và đập móng vào cang xe. Kác pô quát ngựa “qu-uay lại!”. Ông tôi tỉnh dậy. Masa kéo mở cánh cổng ra cho chúng tôi, cánh cổng kêu lên kèn kẹt, chúng tôi

ngồi lên xe và đi khỏi sân. Không ai nói gì cả, hết như chúng tôi đang giận nhau.

Khoảng hai, ba giờ đồng hồ sau, khi Rôxtốp trên sông Đông và Nakhisevan đã thấp thoáng hiện ra từ phía xa, anh xà ích Kácô từ nãy đến giờ vẫn ngồi im, bỗng ngoái nhìn lại rất nhanh và nói:

- Ô, bà lão Ácmêni có cô con gái xinh thật!

Và Kácô vút mạnh roi xuống ngựa.

II

Một lần khác, khi đã là một sinh viên, tôi đi tàu xuống phía nam. Đạo ấy là tháng Năm. Đến một ga nhỏ đầu vào khoảng giữa Bengôrôt và Kharcốp, tôi bước ra khỏi toa và đi dạo trên sân ga.

Bóng chiều đã đổ xuống trên sân ga, trên chiếc vườn nhỏ bên cạnh và cánh đồng chung quanh; nhà ga che khuất ánh mặt trời chiều, nhưng nhìn lên những làn khói tàu bay cao nhuộm một màu hồng dịu, thì có thể thấy rõ ràng mặt trời hãy còn chưa lặn hẳn.

Lúc đi đi lại lại trên sân ga, tôi nhận thấy phần lớn những hành khách đi dạo chỉ quanh quẩn bên cạnh một toa tàu hạng hai, với vẻ mặt như là họ đang được nhìn thấy ở đây một nhân vật đầy vai vế nào. Trong số những người hiếm hoi mà tôi gặp ở bên toa tàu ấy, cũng có cả anh bạn

đồng hành của tôi, một sĩ quan pháo binh, một chàng trai trẻ thông minh, cởi mở và đáng yêu như tất cả những ai mà chúng ta vẫn thường tình cờ làm quen chốc lát trên đường đi.

- Anh nhìn gì đấy? - tôi hỏi.

Anh ta không trả lời gì và chỉ đưa mắt ra hiệu cho tôi nhìn về phía một người phụ nữ. Đó là một cô gái còn trẻ, chừng mười bảy, mười tám tuổi, ăn vận theo kiểu Nga, đầu để trần, chiếc áo ngoài ngắn không có ống tay vắt qua quít trên một bên vai, chắc cô gái không phải là hành khách mà có thể là con gái hay là em ông xếp ga. Cô gái đứng bên cạnh cửa sổ toa tàu, và nói chuyện với một bà hành khách đứng tuổi nào đấy. Trước khi tôi kịp tự giải thích cho mình biết rằng mình đang nhìn thấy gì thì một cảm giác lạ lùng đã bất ngờ choán hết lòng tôi như lần tôi dừng chân lại ở một làng người Ácmeni dạo nào.

Cô gái là một người đẹp tuyệt vời, và không một ai nghi ngờ gì điều đó cả, tôi cũng vậy và những người cùng tôi nhìn ngắm cô ta cũng vậy. Nếu tả riêng từng nét như người ta vẫn thường làm, thì cô gái chỉ có một cái đẹp duy nhất là mái tóc dày hoe hoe vàng cuộn sóng đổ dài xuống, với một dải vải đen nhỏ buộc ngang trên đầu; những nét còn lại thì hoặc là không chính xác hoặc là rất thường. Không biết vì thói quen làm điệu hay vì bị cạnh thị, đôi mắt cô gái cứ hơi nheo nheo lại, mũi hơi hếch lên, miệng bé, đường nét nhìn nghiêng không nổi lắm, đôi vai nhỏ không cân xứng với lứa tuổi, tuy vậy cô gái vẫn để lại ấn tượng

của một người đẹp thực sự, và lúc ngắm nhìn cô, tôi đã có thể tin chắc rằng một gương mặt Nga nào đó muốn được coi là đẹp không cần phải có những đường nét chính xác, hơn nữa, thậm chí nếu thế vào cái mũi hơi hên hếch đó ta lại thay bằng một cái mũi khác chính xác và hoàn thiện về mặt tạo hình của cô gái Ácmêni dạo nào thì gương mặt cô gái đang đứng bên toa tàu kia sẽ mất đi hết vẻ đáng yêu.

Đứng nói chuyện bên cửa sổ, hơi co ro người lại vì hơi ẩm lạnh buổi chiều, cô gái thỉnh thoảng lại quay nhìn chúng tôi lúc thì chống nạnh, lúc thì đưa tay lên đầu sửa tóc, cười cười nói nói, biểu lộ trên nét mặt khi thì sự ngạc nhiên, khi thì sự sợ hãi, và tôi không nhớ có một giây lát nào mà gương mặt, toàn thân cô gái lại ở dạng bình yên, bất động. Tất cả bí mật, huyền ảo trong vẻ đẹp của cô gái chính là ở sự đổi thay luôn luôn, ở cái nhìn thoáng nhanh về phía chúng tôi, ở sự hòa hợp giữa cái uyển chuyển tinh tế của những cử chỉ ấy với sự trẻ trung, tươi mát, với tâm hồn thanh khiết lộ rõ trong tiếng cười, giọng nói, ở cái vẻ yếu ớt mà chúng ta vẫn thường rất yêu nơi trẻ thơ, chim nhỏ, hươu non và cây xanh mới lớn.

Đây là vẻ đẹp như vẻ đẹp của một cánh bướm nhỏ uyển chuyển bay lượn trên khu vườn, một vẻ đẹp thật hòa hợp với tiếng cười vui vẻ thanh thản không chút nào gợi nhớ đến những suy tư nặng nề, những nỗi buồn bình lặng; tưởng như rằng chỉ cần một cơn gió nhỏ bay qua trên sân ga hay một làn mưa rơi xuống là cũng đủ làm thân hình thanh mảnh kia héo đi và vẻ đẹp mong manh ấy rụng xuống như chút bụi phấn hoa.

- Chậc... - anh chàng sĩ quan cất tiếng thở dài, khi mọi người trở về toa mình ngồi sau hồi chuông thứ hai.

Còn cái tiếng “chậc” ấy nghĩa là gì thì tôi sẽ không bàn đến. Có thể là anh ta cảm thấy buồn rầu và không muốn đi khỏi chỗ người đẹp, không muốn đi từ một buổi chiều tối mùa xuân vào trong toa tàu oi bức, hay là có thể rằng anh ta cũng như tôi đều mơ hồ thấy tiếc cho người đẹp, cho mình, cho tất cả những hành khách đang uể oải và miễn cưỡng lê chân về toa tàu mình ngồi. Đi qua chỗ cửa sổ phòng làm việc nhà ga, nơi có một người điện báo viên tóc xoăn cao màu hung đang ngồi bên máy, vẻ mặt nhợt nhạt, hai gò má nhô lên, viên sĩ quan thở dài và nói:

- Tôi đánh cuộc với anh rằng anh chàng điện báo viên này đang phải lòng cô gái xinh đẹp kia. Giữa đồng không mông quạnh này mà lại ở chung dưới một mái nhà với một “tòa thiên nhiên” như thế và không mê mết đi vì vẻ đẹp đó thì thật là vượt quá sức chịu đựng của con người. Anh bạn tôi này, sẽ thật là bất hạnh, thật là trở trêu biết bao nếu một người lờm khờm vai so, đầu bù, tẻ nhạt, đứng đắn và không đến nỗi ngu độn như thế lại đem lòng yêu một cô gái xinh đẹp và hơi dần dần - còn cô ta thì không mấy may để ý đến anh kia! Hay là còn tệ hơn thế nữa: anh thử tưởng tượng xem rằng anh chàng điện báo viên này phải lòng cô gái, nhưng trong lúc ấy anh ta lại đã có vợ và vợ anh ta cũng là một người so vai lưng gù, đầu bù tóc rối và đứng đắn, nghiêm trang như chính anh ta... Thật là cả một sự đầy ải!

Gần toa tàu chúng tôi, một nhân viên hỏa xa đứng tựa tay vào bờ rào sân ga và nhìn về phía cô gái đẹp, bộ mặt xỉ xị hốc hác, quá no nề và mệt mỏi vì những đêm mất ngủ, vì tàu lắc, lộ rõ vẻ dịu dàng và một nỗi buồn sâu xa, dường như hình ảnh cô gái gọi lại thời trẻ trung của ông, gọi lại niềm hạnh phúc, những gì khỏe khoắn, trong sạch, làm ông nghĩ đến vợ đến con, dường như ông đang ân hận và cảm thấy trên từng đường gân mạch máu mình rằng cô gái kia không phải của ông, rằng với cái già nua trước tuổi, sự vụng về và bộ mặt xỉ xị của ông, ông ở cách xa bao nhiêu - xa như đến tận trời - đối với niềm hạnh phúc hết sức bình thường mà những người hành khách kia vừa được hưởng.

Hồi chuông thứ ba vang lên, có tiếng còi rít lên và đoàn tàu uể oải chuyển bánh. Qua khung cửa sổ chúng tôi, lần lượt thoáng qua hình dáng người nhân viên hỏa xa, ông trưởng ga, tiếp đó là mảnh vườn nhỏ rồi đến cô gái xinh đẹp với nụ cười điệu kỳ trẻ thơ thanh khiết nở trên môi....

Tôi nhòai người ra ngoài cửa sổ, ngoái đầu nhìn lại và thấy cô gái đưa mắt trông theo đoàn tàu vừa đi trên sân ga, qua phía cửa sổ người điện báo viên ngồi, cô gái đưa tay lên sửa mái tóc rồi chạy vào khu vườn. Nhà ga không còn ngăn tầm mắt nhìn về phía tây nữa, cánh đồng trải rộng ra, nhưng mặt trời đã lặn, và những làn khói đen tỏa nhẹ trên những thửa ruộng mạ non lên xanh mịn như nhung. Có cái gì buồn buồn trong làn không khí mùa xuân, trong bầu trời đang ngả sang màu tối sẫm và trong toa tàu.

Người nhân viên hỏa xa lúc nầy bước vào trong toa và lần lượt châm các ngọn nến lên.

CƠN BỆNH THẦN KINH

I

Vào một buổi tối anh chàng sinh viên y khoa Maiero và Rúpnikóp, học sinh trường hội họa, điêu khắc và kiến trúc ở Maxcova, cùng nhau đến nhà bạn mình là Vaxilép, sinh viên luật khoa, và rủ anh ta xuống ngõ X. Thoạt đầu, Vaxilép ngần nặc không chịu đi, nhưng sau đó nể bạn cũng mặc áo vào rồi theo bạn.

Vaxilép chỉ biết đến những người đàn bà sa đọa qua lời kể, qua những trang sách đọc, và chưa một lần nào trong đời anh bước vào những ngôi nhà họ sống. Anh đã biết rằng trên đời này có những người phụ nữ hư hỏng như thế, những người này nhiều khi do hoàn cảnh éo le không may xảy đến, do ảnh hưởng giáo dục không tốt, do túng thiếu... mà đã buộc phải đem bán danh dự của mình để kiếm ít tiền nuôi thân. Họ không biết đến tình yêu trong sạch, không có con cái, không có quyền hành: các bà mẹ và chị em họ than khóc về họ như than khóc những người đã chết, xã hội khinh rẻ họ, coi họ như một nguồn gốc tội

lỗi, đàn ông suông sẽ gọi họ là cô em. Mặc dầu vậy họ không mất hình hài, tính nết của con người. Tất cả bọn họ đều nhận thấy tội lỗi của mình và hi vọng được cứu thoát. Họ có thể nhờ cậy vào nhiều biện pháp cứu vớt rất khác nhau. Thật ra thì xã hội không tha thứ cho những người đã mắc tội trong quá khứ, trong khi chính nữ thần Maria ở Ai Cập thì cũng được Thượng đế trọng vọng không kém những vị thần khác. Mỗi khi Vaxilép nhận ra một người phụ nữ sa đọa ngoài đường phố qua cách ăn vận và điệu bộ của người đó, hoặc khi nhìn thấy tranh vẽ về họ trong các tạp chí khôi hài thì lần nào cũng vậy anh lại nhớ một câu chuyện mà trước đây, anh đã từng đọc ở đâu: một chàng trẻ tuổi trong sạch, giàu đức hi sinh đã đem lòng yêu một cô gái hư hỏng và ngổ lỏi muốn lấy cô ta, nhưng cô ta thì tự nghĩ rằng mình không xứng đáng với hạnh phúc như vậy và đã uống thuốc độc tự tử.

Vaxilép ở vào một ngõ thông ra đại lộ Tvexkôi. Khi anh cùng bạn bè rời khỏi nhà thì đã gần 11 giờ đêm. Tuyết đầu mùa mới rơi được ít lâu và vạn vật trong thiên nhiên như còn in dấu tuyết đầu mùa. Hương tuyết bay trong không trung, tuyết kêu lạo xạo dưới chân đi; mặt đất, mái nhà, cây cối, những ghế băng đặt trên các đại lộ - tất cả đều phủ nhẹ một màu trắng mịn mềm, thanh khiết, vì thế mà các ngôi nhà trông khác hơn hôm qua, những ngọn đèn đường tỏa sáng hơn, khí trời như trong lành hơn, tiếng bánh xe lăn êm hơn; và cùng với tiết trời lành lạnh trong trẻo, lòng người cũng lâng lâng một cảm giác dịu nhẹ trẻ trung và trinh trắng như những bông tuyết kia.

- “*Bất chợt một sức mạnh mơ hồ nào thu hút tôi đến những bên bờ buồn bã ấy...*” - anh sinh viên y khoa bỗng cất giọng nam cao trong trẻo hát.

- “*Và kia là cối xay gió... - chàng họa sĩ hát tiếp. - Nó đã đổ nát rồi...*”

- “*Và kia là cối xay gió... Nó đã đổ nát rồi...*” - anh sinh viên y khoa hát lại, lông mày rướn cao, đầu mơ màng lắc lắc.

Anh im lặng, lau trán cố nhớ nốt lời rồi lại cất cao giọng hát vang và hay đến nỗi người đi đường phải quay lại nhìn.

- “*Nơi đây ngày xưa tôi đã gặp mối tình khoáng dãng của một người tự do...*”

Cả ba người rẽ vào một tiệm ăn, và cứ mặc nguyên bành tồ, họ đứng bên cạnh quầy điểm tâm uống mỗi người hai ly rượu vodka. Trước khi uống sang chén rượu thứ hai, Vaxilép nhìn thấy trong cốc một mảnh nhỏ nút chai rơi vào, anh đưa cốc lại gần, nheo mắt nhìn sát như người cận thị. Anh sinh viên y khoa không hiểu Vaxilép làm gì vội nói:

- Này, nhìn cái gì vậy? Xin đừng nghĩ ngợi triết lý gì cho mệt. Có rượu vodka là để uống, có thịt cá chiên là để chén, có phụ nữ là để đến chơi, có tuyết là để đi giẫm lên đấy. Thì hãy sống cho ra con người một buổi tối đã nào.

- Không, không có gì đâu... - Vaxilép vừa cười vừa nói. - Mình có chối từ đâu?

Rượu vodka làm cho anh cảm thấy ấm áp trong lồng ngực. Anh âu yếm nhìn những người bạn của mình, ngắm nghía họ, cảm thấy ghen tỵ với họ. Họ khỏe mạnh: trẻ trung, vui vẻ, vô tư biết bao, tâm trí, đầu óc họ lúc nào cũng thư thái, thanh thoát. Họ vừa hát, vừa say mê đi xem kịch, vừa vẽ vừa nói chuyện, vừa uống rượu và đầu óc họ ngày hôm sau không bao giờ thấy mệt mỏi; họ vừa thơ mộng lại vừa trác táng, vừa dịu dàng lại vừa táo tợn; họ vừa biết làm việc, biết nổi giận và cười phá lên vô cớ, vừa biết nói những chuyện phiếm vô nghĩa; họ sôi nổi, thẳng thắn, giàu lòng dũng cảm, và xét về mặt con người họ không thua kém anh một chút nào, mặc dù anh thận trọng đắn đo từng bước chân, từng lời nói, anh đa nghi và hay nghi ngờ, một việc nhỏ xiu cũng sẵn sàng nâng lên thành vấn đề này nọ. Anh cảm thấy muốn được sống như bạn bè anh dù chỉ trong một buổi tối, muốn được tự giải thoát ra khỏi sự kiểm chế của chính mình. Cần phải uống vodka chăng? Thì anh sẽ uống, mặc dầu ngày mai đầu anh sẽ nhức nhối. Bạn bè dẫn anh đến với đám phụ nữ làng chơi ư? Thì anh đang đi đây. Anh sẽ cười hô hô, sẽ bông đùa, sẽ vui vẻ đáp lại cái va chạm của người qua đường...

Anh tươi cười bước ra khỏi tiệm ăn. Anh cảm thấy thích thú với những người bạn của mình. Một người đội chiếc mũ nhàu rộng vành với dụng ý bắt chước vẻ xuềnh xoàng nghệ sĩ, còn một người thì đội chiếc mũ bằng lông sư tử biển - anh ta không phải nghèo, song muốn tự xếp mình vào loại sinh viên không chốn nương tựa buông tuồng; anh cảm thấy khoan khoái với những bông tuyết

trắng, những ánh đèn đường nhợt nhạt, những dấu chân đen sẫm in sâu mà người bộ hành vừa để lại trên nền tuyết trắng; anh rất thích khí trời này và nhất là màu sắc trong suốt, dịu dịu, thơ ngây, trinh trắng mà một năm chỉ có thể thấy được hai lần trong thiên nhiên: khi mọi vật xung quanh đều ẩn mình dưới tuyết, và khi mùa xuân, vào những ngày quang đăng hay là vào những đêm trăng lúc băng bắt đầu tan trên sông.

- *“Bất chợt một sức mạnh mơ hồ nào thu hút tôi đến những bến bờ buồn bã ấy...”* - anh cất giọng khe khẽ hát.

Và suốt dọc đường, không hiểu vì lẽ gì cả anh và hai người bạn anh cứ hát đi hát lại câu hát ấy, cả hai người theo nhau hát, không ăn nhịp gì vào nhau.

Vaxilép hình dung ra cảnh chừng mười phút sau, anh và các bạn anh sẽ gõ cửa, sẽ lần theo những hành lang tối tối mà tìm đến những người đàn bà ấy trong những căn buồng tối om, anh sẽ lấy cớ vì tối quá mà bật diêm lên soi và bất ngờ sẽ được nhìn thấy gương mặt đau khổ và nụ cười hồi lỗi. Sẽ có một cô gái tóc vàng hay một cô gái tóc đen, mái tóc để xõa xời, mặc chiếc áo ngủ màu trắng; cô ta sợ ánh sáng, rất ngượng ngùng và nói: “Chết, anh làm gì thế! Làm ơn tắt đi cho!”. Tất cả những điều ấy thật dễ sợ, nhưng cũng thật mới lạ, khơi gợi trí tò mò.

II

Ba người bạn từ quảng trường Torúpnaia rẽ sang phố Gratsópka và lát sau thì đi vào ngõ mà Vaxilép chỉ mới nghe nhắc đến. Nhìn thấy hai dãy nhà với những cửa sổ sáng ánh đèn, với những cửa ra vào mở rộng cánh, nghe thấy những âm thanh vui tai của đàn dương cầm, đàn vĩ cầm - những âm thanh lọt qua cửa lẩn lộn hòa vào nhau như có một dàn nhạc vô hình nào đó đang ngồi trên mái nhà trong bóng tối mà lên dây đàn, Vaxilép ngạc nhiên nói:

- Sao nhiều thế!

- Thế này đã thấm thía gì! - anh sinh viên y khoa nói.
- Ở Luân Đôn còn nhiều gấp mười thế, ở bên ấy có đến gần mười vạn đàn bà làm nghề này.

Những người xà ích cũng đứng dưng và lơ đãng ngồi chờ trên xe như vẫn thấy ở tất cả các ngõ phố khác; trên vỉa hè này cũng có những người bộ hành đi qua như ở các phố khác.

Không có ai vội vã, không ai phải kéo cổ áo bành tô lên che mặt, không ai lắc đầu tỏ vẻ chê trách... Trong cái vẻ dửng dưng lãnh đạm ấy, trong mớ âm thanh hỗn độn của đàn dương cầm và vĩ cầm, trong những khung cửa sổ sáng ánh đèn và cửa ra vào mở toang toát ra một cái gì trắng trợn, không úp mở, táo tợn, phóng đảng. Chắc là ngày xưa, những phiên chợ buôn nô lệ cũng ồn ào, vui vẻ

như thế, khuôn mặt và dáng đi của mọi người cũng lộ vẻ dửng dưng như vậy.

- Ta sẽ bắt đầu từ nhà đầu tiên nhé, - chàng họa sĩ nói.

Ba người đi vào một hành lang nhỏ hẹp có đèn chiếu sáng. Khi họ mở cửa, thì thấy ở bên ngoài có một người mặc bộ cánh đen uể oải đứng dựa bên chiếc đi văng màu vàng, ông ta râu rìa để lồm chồm, mắt ngái ngủ, trông rõ ra là người hủ. Chung quanh tỏa mùi như trong xưởng giặt là, lại còn thêm mùi giấm. Từ phòng ngoài, cánh cửa mở sang một phòng sáng ánh đèn. Anh sinh viên và chàng họa sĩ đứng lại trên ngưỡng cửa, cả hai cùng vươn dài cổ ghé nhìn vào trong phòng.

- Bona-xera, Xinhor, rigôléttô-gughenôto-toraviátta! - chàng họa sĩ cất giọng nói, cúi chào theo kiểu sân khấu.

- Gavanna-tarakanô-pixtôléttô*, - anh sinh viên y khoa vừa nói vừa đưa mũ lên ngực, cúi rạp mình xuống.

Vaxilép đứng đằng sau bọn họ. Anh cũng muốn cúi chào theo kiểu sân khấu và nói một câu gì vô nghĩa, nhưng anh chỉ cười, cảm thấy chút gì gượng gạo, lẩn cẩn na ná như cảm giác xấu hổ, anh nóng lòng chờ xem những gì sẽ tiếp tục xảy ra. Trước cửa xuất hiện một cô gái có mái tóc cắt ngắn màu vàng, tuổi chừng 17 - 18, mặc chiếc váy cộc màu xanh, ngực đeo một chuỗi hạt trắng.

* Một số âm bắt chước tiếng Ý, các sinh viên nói nghịch.

- Sao các ông lại đứng ngoài cửa thế? - cô ta nói. - Các ông cởi pành tô** ra cho và xin mời vào trong phòng.

Anh sinh viên y khoa và chàng họa sĩ tiếp tục nói bằng tiếng Ý rồi bước vào phòng. Vaxiép rụt rè bước theo họ.

- Các ngài, các ngài cởi pành tô ra đi! - người hầu phòng nói giọng gay gắt. - Để thế không được đâu.

Ngoài cô gái tóc màu vàng, trong căn phòng còn có một bà to béo và cao, tay để trần, khuôn mặt không ra vẻ người Nga. Bà ta ngồi bên cạnh đàn dương cầm, xếp quân bài ra trên đùi. Bà ta không để ý chút nào đến mấy người khách.

- Các cô em khác đâu cả rồi? - anh sinh viên y khoa hỏi.

- Chúng nó đang uống trà, - cô gái tóc màu vàng đáp. - Đây, Xtêpan. - cô ta gọi to, - đi vào nói với mấy cô rằng các ông sinh viên đã đến rồi nhé!

Lát sau cô gái thứ ba bước vào phòng. Cô ta mặc bộ váy áo màu đỏ tươi có sọc dài màu xanh. Mặt cô ta bị phấn, thứ phấn được trát một cách không thành thạo, tóc xõa xuống che cả trán, mắt nhìn chằm chằm không chớp, lộ vẻ sợ sệt. Vừa bước vào, cô ta đã cất giọng trầm thò

** Nói sai trong nguyên bản, cốt để tỏ sự vô học của mấy người đó.

khỏe hát một bài gì không rõ. Theo sau cô ta là hai ba cô gái nữa...

Qua những cảnh đó, Vaxilép không nhìn thấy chút gì mới mẻ, đáng tò mò. Anh có cảm giác rằng, căn phòng này, chiếc đàn dương cầm này, tấm gương lớn lồng trong chiếc khung vàng rẻ tiền, chuỗi hạt, váy áo với sọc dài màu xanh và những bộ mặt dân dòn, dủng dủng này, tất cả anh đều đã thấy nhiều lần ở đâu đó rồi. Anh không hề thấy bóng dáng của những điều mà anh đã chờ đợi thấy trước lúc vào đây như bóng tối, sự im lặng, vẻ bí ẩn hay những nụ cười hồi lỗi.

Tất cả đều bình thường, nhạt nhẽo và tẻ ngắt. Chỉ có một điều hơi gợi trí tò tò của anh, đó là cái thô kệch khủng khiếp cố ý phơi bày ra trong cách bài trí những khung cửa sổ, trong những bức tranh vô nghĩa, trong những bộ váy áo và chuỗi hạt đeo cổ. Cái thị hiếu kỳ quặc đó cũng chứng tỏ một điều gì rất tiêu biểu, đặc biệt.

“Thật nghèo nàn và ngu xuẩn làm sao! - Vaxilép nghĩ. - Trong tất cả sự ngu xuẩn mà mình đang nhìn thấy đây cái gì đã có thể hấp dẫn được con người bình thường, thúc giục họ gây ra điều tội lỗi ghê gớm là bỏ một đồng rúp ra mà mua một người đang sống? Mình có thể hiểu được mọi lỗi lầm vì để đạt đến một cái gì đẹp đẽ, rạng rỡ, kiêu diễm, vì khát vọng, vì nghệ thuật, nhưng mà ở đây thì vì cái gì? Vì cái gì mà người ta gây nên tội lỗi? Nhưng mà thôi... chẳng cần nghĩ ngợi gì nữa!”

- Ông bạn già ơi, ông đãi em bia đi! - cô gái tóc màu vàng sáng quay sang nói với anh.

Vaxilép bất giác cảm thấy ngượng ngùng.

- Rất vui lòng đãi cô... - anh nói, lịch sự cúi mình. - Nhưng mà xin lỗi cô nương, rằng tôi... tôi sẽ không cùng uống với cô được. Tôi không uống.

Chừng năm phút sau ba người đã bước sang ngôi nhà khác.

- Này, sao cậu lại gọi bia làm gì? - anh bạn sinh viên y khoa gắt gỏng nói. - Cậu thật là nhà triệu phú đấy!

- Nhưng mà nếu cô ta muốn uống chút bia, thì tại sao lại không để cho cô ta toại nguyện? - Vaxilép chống chế.

- Không phải cậu đã làm cho cô ta toại nguyện, mà đã làm lợi cho mụ dẫu. Mụ dẫu vẫn thường bắt các cô phải đòi khách khoản đãi món này món kia để kiếm lời.

- *"Và kia là cối xay gió... - chàng họa sĩ cất giọng hát. - Nó đã đổ nát rồi..."*

Đến một ngôi nhà khác, ba người bạn cũng chỉ đứng ở buồng ngoài, không đi vào buồng trong. Cũng như ở ngôi nhà trước, một người hầu mặc bộ cánh đen, mắt ngái ngủ, uể oải rời chiếc đi văng đứng dậy. Trông người hầu ấy, nhìn bộ mặt đờ đẫn và bộ cánh sờn mòn, cũ kỹ của ông ta, Vaxilép nghĩ: "Một người Nga bình thường, nghèo khó đã phải trải qua bao điều không may trước khi số phận ném ông ta đến đây làm hầu phòng nhà thổ? Trước đây ông ta

đã ở đây, làm gì? Cái gì sẽ đến với ông? Ông ta có vợ chưa? Mẹ ông ta đâu và có biết rằng ông ta làm cái nghề hèn hạ này không?”. Và bất giác, ở mỗi ngôi nhà, Vaxilép để ý trước tiên đến những người hầu. Ở một ngôi nhà, có lẽ là ngôi nhà thứ tư, Vaxilép nhìn thấy một người hầu thấp bé, ốm yếu, nhăn nhéo, ông ta mặc một chiếc áo gi lê có đính một sợi dây xích nhỏ. Ông ta đang đọc “Báo Maxcova” và chẳng để ý gì đến mấy người vừa bước vào. Nhìn lên khuôn mặt ấy, không hiểu sao Vaxilép cứ nghĩ rằng, một người vẻ mặt như thế thì vừa có thể ăn cắp, giết người, vừa thể thốt những điều giả dối. Mặc dầu, thật ra bộ mặt ông ta cũng có bản sắc không đến nỗi khó coi: trán cao, đôi mắt màu xám, mũi hơi thấp, đôi môi mỏng hơi bặm lại, nhưng mà vẻ mặt thì lộ rõ một cái gì vừa đần độn, vừa trắng trợn, dữ tợn như mặt con chó săn trẻ khi vừa đuổi kịp con thỏ. Vaxilép nghĩ rằng giá như sờ được vào mái tóc của người hầu này thì cũng hay: xem tóc ông ta mềm hay cứng. Chắc là nó sẽ cứng như lông chó.

III

Sau khi uống vào hai cốc bia, anh chàng họa sĩ bỗng cảm thấy ngà ngà say và bắt đầu tỏ ra hứng khởi một cách không tự nhiên.

- Nào, ta đi sang nhà khác thôi, - anh ta lên giọng chỉ

huy, hai cánh tay vung lên. - Mình sẽ dẫn các cậu đến một nhà lịch sự nhất!

Sau khi đã dẫn bạn bè vào nơi mà anh ta cho là lịch sự nhất, anh ta nâng nặc đòi bạn cùng nhảy với anh điệu quadrille.

Anh sinh viên y khoa cầu nhàu rằng muốn nhảy thì lại phải trả cho mấy tay đánh đàn một rúp, nhưng rồi cũng đồng ý vis-à-vis*. Mọi người bắt đầu nhảy.

Trong ngôi nhà lịch sự nhất này mọi cái cũng đáng ngán ngấm như trong ngôi nhà tồi tàn nhất. Ở đây cũng có những tấm gương, những bức tranh hết như thế, cũng vẫn thấy những mái tóc chải, những bộ váy áo như vậy. Khi quan sát khung cảnh trong nhà và các kiểu ăn vận chải chuốt, Vaxilép đã hiểu rằng đây không phải là một thị hiếu tầm thường, méo mó mà là một cái gì có thể gọi là một thứ thẩm mỹ đặc biệt, hay thậm chí là một thứ phong cách của ngỗ X. không thể tìm được ở nơi nào khác, một cái gì hoàn chỉnh trong vẻ xấu xa của mình, một cái gì không ngẫu nhiên chút nào mà được hình thành dần dần qua thời gian. Sau khi đi vào tám ngôi nhà ở khu này, Vaxilép không còn ngạc nhiên với những bộ váy áo sặc sỡ vạt đằng sau dài lệt xệt, với những chiếc nơ sặc sỡ, những kiểu áo bắt chước thủy thủ, những cặp má bết phấn màu tím tím. Anh hiểu rằng tất cả những cái đó thật cần thiết ở

* đối diện (tiếng Pháp).

đây, rằng nếu chỉ cần trong khu nhà này có một phụ nữ nào ăn vận nền nã, hoặc trên tường treo một bức phù điêu nào đẹp đẽ thì điều đó sẽ làm toàn bộ khung cảnh của khu nhà này xộc xệch.

“Họ bán mình thật là vụng về! - anh nghĩ. - Lẽ nào họ lại không hiểu rằng, tội lỗi chỉ có vẻ đáng yêu khi nào nó đẹp kín đáo và được ẩn dưới cái vẻ từ thiện? Những bộ váy áo màu đen đơn sơ, những khuôn mặt nhợt nhạt, những nụ cười buồn bã và bóng tối còn gây ấn tượng mạnh mẽ hơn là những thứ sắc sỡ giả tạo này. Thật là một bọn người ngu xuẩn. Nhưng nếu bản thân họ không hiểu được điều đó, thì lẽ ra khách phải bảo cho họ biết...”

Một cô gái mặc chiếc áo viền lông trắng kiểu Ba Lan bước lại gần anh rồi ngồi xuống bên cạnh.

- Đây, anh tóc đen đáng yêu ơi, sao anh không vào nhảy đi? - cô ta nói. - Vì lẽ gì mà trông anh buồn làm vậy?

- Vì cảnh đáng buồn.

- Thế thì anh đãi em rượu nho đi. Tự khắc sẽ hết buồn đấy.

Vaxilép không đáp lại. Anh im lặng một lát rồi hỏi:

- Các cô đi ngủ vào lúc mấy giờ?

- Sáu giờ sáng.

- Mấy giờ thì dậy.

- Lúc thì hai giờ, lúc thì ba giờ chiều.

- Dậy rồi thì các cô làm gì?

- Uống cà phê, đến bảy giờ thì ăn bữa chính.

- Bữa chính các cô ăn gì?

- Ăn bình thường thôi... Xúp thịt hay canh bắp cải, bít tết, rồi tráng miệng. Bà chủ cho chị em ăn đầy đủ lắm. Nhưng mà anh hỏi để làm gì?

- Để có chuyện mà nói...

Vaxilép muốn hỏi cô gái nhiều chuyện. Anh cảm thấy rất muốn biết cô ta quê quán ở đâu, cha mẹ cô còn sống không, có biết cô ta ở đây không, tại sao cô ta lại rơi vào chốn này, cô có thấy vui vẻ, thỏa mãn với số phận của mình không, hay là buồn bã và chán chường với những ý nghĩ nặng nề, cô có hi vọng đến một lúc nào đó sẽ thoát ra khỏi tình trạng này không... Nhưng anh không thể nào nghĩ được cách bắt vào những chuyện đó ra sao, đặt những câu hỏi ấy như thế nào để không tỏ ra là quá sàm sỡ, thọc mách. Anh nghĩ ngợi hồi lâu rồi hỏi:

- Cô bao nhiêu tuổi rồi?

- Tám mươi tuổi rồi, - cô gái pha trò và mỉm cười nhìn những động tác nhảy uyển chuyển, khéo léo của chàng họa sĩ.

Bỗng không hiểu vì sao cô gái cười phá lên rồi nói to cho tất cả mọi người nghe thấy một câu dài tục tũn. Vaxilép bỗng cảm thấy bối rối và vì không biết nên để cho bộ mặt mình lộ vẻ gì, anh đành cười gượng gạo. Chỉ có

một mình anh cười, còn tất cả mọi người khác - kể từ bạn bè anh, cho đến các nhạc công và những người đàn bà trong phòng - thậm chí cũng không buồn đưa mắt nhìn về phía cô gái ngồi cạnh anh, hết như họ không nghe thấy gì cả.

- Nào, đãi em rượu nho đi! - cô gái lại nhắc.

Vaxilép thấy ghê tởm với những đường viền lông trắng trên tấm áo, với giọng nói cô ta và anh đứng dậy bỏ đi. Anh cảm thấy ngọt ngạt, nóng bức, tim anh bắt đầu đập chậm lại, nặng nề rõ từng tiếng như tiếng búa: một! hai! ba!

- Thôi, ta đi khỏi đây thôi! - anh nói, kéo ống tay áo chàng họa sĩ.

- Đợi một tý nào, sắp xong rồi.

Trong lúc chàng họa sĩ và anh sinh viên sắp nhảy xong điệu quadrille, để khỏi phải nhìn thấy bọn đàn bà, Vaxilép quay sang nhìn chăm chăm những người nhạc công. Chơi đàn dương cầm là một ông già đẹp lão lịch sự, đeo kính, trông hao hao giống ngài thống chế Baden, chơi đàn vĩ cầm là một chàng trai trẻ để bộ râu cằm màu vàng sẫm, ăn mặc theo mốt mới nhất. Trong gương mặt người trẻ tuổi không có vẻ gì ngu độn say rượu, mà ngược lại trông rất thông minh, tươi trẻ. Anh ăn vận rất khéo léo, nền nã và kéo đàn sôi nổi, đầy xúc cảm. Lại một câu hỏi: Vì sao mà anh và ông già đẹp lão lịch sự kia lại rơi vào chốn này? Sao họ không cảm thấy hổ thẹn khi ngồi đây?

Họ nghĩ gì khi nhìn thấy những người đàn bà này? Nếu chơi đàn dương cầm và vĩ cầm là những người rách rưới, đói khát, nét mặt ủ ê, say mềm, ngu độn thì có lẽ sự có mặt của họ ở đây cũng dễ hiểu. Bây giờ thì Vaxilép không thể hiểu hết mọi điều được nữa. Anh nhớ lại câu chuyện anh đã đọc trước kia về một người con gái trụy lạc, và bây giờ anh thấy rõ ràng, hình ảnh người con gái ấy với nụ cười hồi lỗi chẳng có chút liên quan gì với những điều anh đang nhìn thấy ở đây. Anh có cảm tưởng rằng không phải anh thấy những người phụ nữ hư hỏng trụy lạc, mà là anh đang đứng trước một thế giới đặc biệt, hoàn toàn xa lạ và không hiểu được đối với anh, nếu trước đây anh nhìn thấy thế giới đó trên sân khấu, hoặc đọc về nó trong các cuốn sách, thì anh không tin nổi...

Người phụ nữ mặc chiếc áo viên lông trắng lại cười hề hề và nói to lên những câu chọt nhả khó chịu. Một cảm giác ghê tởm bao trùm khắp người anh, anh đỏ mặt lên và bỏ đi.

- Đứng lại, chúng ta cùng đi! - chàng họa sĩ nói với Vaxilép.

IV

- Khi chúng tôi nhảy, tôi và người đàn bà bấy giờ mới nói chuyện. - anh sinh viên y khoa kể, khi cả ba đã đi ra

phố. - Chuyện về mối tình đầu của cô ta. Anh ta, nhân vật chính ở đây là một chàng kế toán nào đó ở Xmôlenxkơ đã có vợ và năm con. Còn cô ta mới mười bảy tuổi và ở với bố mẹ, bán xà phòng và nến.

- Làm sao mà hắn ta chiến thắng được trái tim cô ấy?

- Vaxilép hỏi.

- Bằng cách mua cho cô ta cái áo khoác năm chục rúp. Có quỷ biết được tại sao!

“Nhưng cậu ấy đã moi được ở người đàn bà câu chuyện về mối tình của cô ta, - Vaxilép nghĩ về anh sinh viên y khoa. - Còn ta chẳng biết gì...” - Hỡi các anh, tôi về nhà đây.- Vaxilép nói.

- Tại sao?

- Bởi vì rằng tôi không biết cư xử thế nào ở đây. Hơn nữa, tôi buồn và khó chịu. Có gì vui ở đây? Giá kể có người đàn ông này lại toàn bộ man rợ và giống vật. Tôi đi đây còn các anh thì cứ làm theo ý mình.

- Ô, Gơrisa, anh bạn đáng yêu... - chàng họa sĩ nói bằng cái giọng nhịp nhàng, siết chặt bên Vaxilép. - Chúng ta cùng đi? Chúng ta cùng đi đến một chỗ, kê cho họ chửi rửa... Nào!

Họ rủ Vaxilép và dẫn anh lên cầu thang. Trong các tấm thảm và các lan can thép vàng, trong người gác cửa, trong các tấm pa-nô tô điểm trên tiền sảnh, người ta đều

cảm thấy phong cách ngô X. chỉ có điều hoàn thiện hơn, đáng kính trọng hơn.

- Quả thật, phải về nhà thôi, - Vaxilép nói, khi cởi áo bành tô.

- Ô con bồ câu đáng yêu... - Chàng họa sĩ nói và hôn vào cổ Vaxilép. - Đừng làm nũng thế... Chẳng gì chúng ta cũng là bạn. Đã cùng đi thì phải cùng về. Anh quả thật vớ vẩn quá.

- Tôi có thể đợi các anh ngoài phố. Trời ơi, ở đây tôi thấy khó chịu quá!

- Ô... khó chịu thì cậu hãy quan sát? Cậu có hiểu không? Hãy quan sát?

- Cần phải xem xét các sự vật một cách khách quan, - anh sinh viên y khoa nói một cách nghiêm chỉnh.

Vaxilép lại đi vào gian phòng và ngồi xuống. Ngoài anh và các bạn, trong gian phòng còn có nhiều vị khách khác: hai sĩ quan bộ binh, một ngài tóc bạc và trán hói đeo kính gọng vàng, hai sinh viên còn chưa có râu thuộc học viện đặc điền, và một người say, với khuôn mặt có vẻ nghệ sĩ. Tất cả các tiểu thư trong nhà bận tiếp các vị khách này và không ai để ý gì đến Vaxilép nữa. Chỉ có một người ăn mặc theo kiểu Aida* ngó nhìn vào anh, lại cười cười theo kiểu gì đó và vừa nói, vừa ngáp:

- Chàng tóc đen đã tới...

* Aida: nhân vật nữ chính trong vở ca kịch cùng tên của nhạc sĩ Ý Verdi

Trái tim Vaxilép đập mạnh và mặt nóng bừng lên. Anh thấy xấu hổ trước các vị khách vì đã có mặt ở đây, sinh ra khó chịu như bị hành hạ. Anh bị dày vò bởi ý nghĩ rằng mình, một người vốn đứng đắn và yêu mến mọi người (trước nay anh vẫn tự coi mình như vậy) nay sinh ra căm thù những người phụ nữ này và không cảm thấy gì khác, ngoài sự chán ghét. Anh không cảm thấy thương cả những người phụ nữ, lẫn các nhạc công, những người đầy tớ trong nhà.

“Đó là bởi vì ta không cố gắng hiểu họ, - Vaxilép nghĩ. - Tất cả họ đều giống loài vật hơn là loài người, nhưng họ vẫn là con người: ở họ vẫn có tâm hồn. Cần phải hiểu. Sau đó sẽ xét đoán họ...”

- Gorisa, anh đừng đi vội, đợi chúng tôi đã! - chàng họa sĩ kêu lên và lại biến ngay đầu mất.

Lúc sau cả anh sinh viên y khoa cũng biến luôn.

“Đúng, cần phải cố hiểu, nếu không không thể...” - Vaxilép tiếp tục nghĩ. Và anh gượng gạo nhìn vào khuôn mặt mỗi người phụ nữ cố tìm lấy một nụ cười lâm lỗi. Nhưng - hoặc là anh không biết đọc các khuôn mặt này, hoặc là không một người phụ nữ nào trong bọn họ cảm thấy mình có lỗi - trong mỗi khuôn mặt anh chỉ đọc được biểu hiện mờ đục của một nỗi buồn và sự hài lòng bình thường, vớ vẩn. Những con mắt ngu ngốc, những nụ cười ngu ngốc, những giọng nói gay gắt, ngu ngốc, những cử chỉ trắng trợn, càn rỡ - và ngoài ra không có gì nữa. Có thể, mỗi người trước đây, từng có một mối tình với một

anh kế toán, mua cái áo khoác năm chục rúp cho cô ta, và bây giờ chẳng có điều thú vị nào khác trong cuộc sống, ngoài cà phê, bữa trưa có ba đĩa thức ăn, rượu vang, quadrille, và ngủ cho đến hai giờ chiều...

Không tìm thấy một nụ cười có lỗi nào, Vaxilép quay ra tìm xem có nét mặt thông minh nào không. Và anh chú ý tới một khuôn mặt xanh xao, mặt mũi có vẻ buồn ngủ một chút... Đó là một cô gái tóc đen không còn trẻ nữa, mặc bộ quần áo thêu lấp lánh. Cô ngồi trên một chiếc ghế bành, nhìn xuống sàn và nghĩ ngợi một điều gì đó. Vaxilép kịp đi đi lại lại và ra về ngẫu nhiên ngồi cạnh cô ta.

“Cần phải bắt đầu từ một chuyện gì đó tầm thường, - Vaxilép nghĩ. - và sau đó, chuyển dần sang những câu chuyện nghiêm chỉnh...” - Ôi, cô em có bộ quần áo khá quá! - Vaxilép nói và lấy ngón tay chạm vào lớp tua viền trên chiếc khăn choàng.

- Có gì đâu... - cô tóc đen nói một cách uể oải.
- Cô người tỉnh nào?
- Em à? Xa lắm... Tỉnh Tsernigốp.
- Một tỉnh rất hay. Sống ở đây dễ chịu.
- Nơi nào dễ chịu, nơi đó không có chúng ta.

“Thật tiếc là mình không biết miêu tả thiên nhiên, - Vaxilép nghĩ. - Giá có thể làm cô ta cảm động bằng việc

miêu tả lại cảnh sắc thiên nhiên ở tỉnh Tsernigóp... Có lẽ cô ta rất thích, nếu cô đã sinh ở đây”.

- Cô ở đây có buồn không? - anh hỏi.

- Tất nhiên, buồn lắm.

- Sao cô không đi khỏi đây, nếu cô buồn vậy?

- Tôi biết đi đâu bây giờ? Đi ăn mày sao?

- Ăn mày cũng còn dễ chịu hơn là sống ở đây.

- Sao anh biết? Chẳng nhẽ anh đã đi ăn mày?

- Tôi sẽ đi ăn mày khi không có gì để trả tiền học. Mặc dù tôi chưa đi ăn mày, tôi cũng hiểu mọi chuyện như vậy. Người nghèo khổ dẫu sao cũng là người tự do, còn cô như là kẻ nô lệ.

Cô tóc đen vươn người và liếc mắt về phía người đầy tớ, mang vào một khay đựng cốc và các thứ nước khoáng.

- Hãy mời em uống bia đi, - cô ta nói và lại ngáp.

“Bia ư... - Vaxilép nghĩ. - Và chuyện sẽ ra sao, nếu ngay bây giờ anh cô và mẹ cô bước vào đây. Cô sẽ nói gì? Còn họ cũng nói gì? Tôi tưởng tượng khi đó bia sẽ...”

Bỗng nghe có tiếng khóc. Từ phòng bên, nơi người đầy tớ vừa mang bia vào thấy bước ra một người tóc vàng, với khuôn mặt đỏ bừng và đôi mắt tức giận. Tiếp theo sau là mẹ chủ người cao lớn, đẩy đà và kêu lên bằng giọng the thé:

- Không ai cho phép anh vượt má con gái như vậy! Chỗ chúng tôi có những người khách sộp hơn anh nhiều họ không vượt má bao giờ cả. Đồ bịp bợm!

Có tiếng ồn. Vaxilép sợ hãi, mặt tái xanh đi. Trong phòng bên cạnh có tiếng khóc rung rức, khóc chân thành, như một người bị xúc phạm khóc vậy. Và anh hiểu rằng sống trong nhà ấy cũng là những con người, những con người chân chính, họ cũng như ở khắp nơi, bị sỉ nhục, đau khổ, khóc lóc, cầu mong giúp đỡ... Lòng căm thù ghê gớm và cảm giác kinh tởm nhường chỗ cho sự thương xót và phần nộ gay gắt đối với kẻ đã gây ra nỗi khổ cho người khác. Anh lao vào căn phòng có tiếng khóc; qua hàng loạt chai rượu, đặt trong cái khay sẫm trên bàn, anh nhìn thấy một khuôn mặt đau khổ ướt đẫm nước mắt. Anh bước gần tới bàn, định đưa tay đỡ lấy khuôn mặt này, nhưng lập tức sợ hãi rút lại. Người đang khóc là một người đàn bà say.

Lách người qua đám đông ồn ào, đang quây quanh người tóc vàng, Vaxilép thấy suy sụp hết tinh thần, nhát sợ như một đứa trẻ và anh cảm thấy rằng trong cái thế giới xa lạ mà anh không thể hiểu nổi này, người ta muốn đuổi bắt anh, đánh anh, quăng những lời lẽ bẩn thỉu về phía anh... Anh giật chiếc áo bành tô trên mắc áo và lao chí tử xuống dưới cầu thang.

V

Túm lấy hàng rào, anh đứng gần ngôi nhà và đợi xem khi nào mấy người bạn của anh bước ra. Tiếng dương cầm và vĩ cầm, vui vẻ, xa xôi, trắng trợn, buồn bã lẫn vào trong không khí, thành một mớ hỗn loạn kỳ cục, và cũng như trước đây cái mớ âm thanh rắc rối đó gọi cho ta nghĩ rằng dường như trên mái nhà đang có một dàn nhạc vô hình. Nếu nhìn lên cả màn tối, thì trên nền đen, thấy những điểm trắng đang chuyển động đó là tuyết rơi. Những bông tuyết khi rơi còn uể oải quay tròn trong không khí, như một thứ lông tơ mảnh rồi càng uể oải hơn nữa khi rơi xuống đất. Tuyết mảnh như bụi lượn thành đám gần Vaxilép và đậu lên râu cằm, lên mi, lên mày anh ta...

Những người đánh xe ngựa, những con ngựa và những người qua đường, đều một màu trắng toát.

“Làm sao tuyết có thể rơi vào cả cái ngõ nhỏ này nữa!
- Vaxilép nghĩ. - Ngôi nhà thật khốn nạn!”

Do anh chạy vội xuống cầu thang, chân anh muốn khụy xuống vì mệt; anh thở hổn hển, như khi leo núi, trái tim đập mạnh khiến anh nghe thấy cả tiếng đập của nó. Ước muốn nhanh chóng rời khỏi căn ngõ và đi về nhà khiến anh mệt mỏi, nhưng còn mạnh hơn là ý muốn đợi các bạn và chia sẻ với họ cảm giác nặng nề của mình.

Nhiều thứ trong ngôi nhà anh không hiểu, tâm hồn những người phụ nữ đang chết đối với anh vẫn còn là một

bí mật như trước nhưng rõ ràng lúc này anh thấy sự việc còn xấu hơn rất nhiều, so với điều anh vẫn nghĩ. Nếu như những người phụ nữ lầm lạc và tự đầu độc kia, được gọi là sa ngã thì những kẻ lúc này đang nhảy múa trong mớ âm thanh hỗn độn và nói những câu dài dòng đáng ghét kia, khó lòng tìm được tên gọi là gì cho thích hợp. Đây không phải những kẻ đang chết, mà đã chết.

“Họ xấu vậy, - anh nghĩ, - nhưng họ không có ý thức gì về sự lỗi lầm của mình, không chút hi vọng sẽ tự cứu mình. Người ta mua họ, bán họ, họ bị say, đắm chân trong lỗi lầm và những chuyện nhỏ nhặt, nhưng cũng như những con cừu, họ dờ dẫm, thản nhiên và không hiểu gì cả. Trời ơi, trời ơi!”

Đối với Vaxilép cũng rất rõ ràng là tất cả những gì gọi là nhân phẩm, nhân cách, với sáng tạo theo hình mẫu của Chúa, bị lãng nhục đến tận cùng, “đến tận giọt cạn”, như những người say rượu vẫn nói, và kẻ có lỗi ở đây không phải chỉ là cái ngô với những người phụ nữ ngu ngốc.

Một đám sinh viên, người trắng vì tuyết, vui vẻ nói chuyện và cười thật to, đi ngang qua Vaxilép. Một người trong bọn, cao và gầy, dừng lại nhìn vào mặt anh và nói bằng giọng say:

- Bọn ta cả! Uống nhiều quá phải không bạn! Không sao, hãy đi chơi, đi chơi đi. Không việc gì phải buồn cả, cậu ạ!

Anh ta ôm lấy vai Vaxilép và lấy hàng ria lạnh, ẩm - ướt, cọ vào má anh, sau đó trượt dài, lắc lư người, dang rộng hai tay, kêu lên:

- Giữ lấy! Khéo không ngã!

Rồi lại cười, chạy đuổi theo đồng bọn.

Qua tiếng ồn ào, có thể nghe thấy tiếng chàng họa sĩ:

- Các anh đừng đánh phụ nữ! Tôi không cho phép các anh, quý tha các anh đi. Các anh đều là đồ tồi.

Trước cửa nhà hiện ra anh sinh viên y khoa. Anh nhìn quanh mọi phía rồi, liếc mắt về phía Vaxilép, nói một cách lo lắng:

- Cậu ở đây à? Hãy nghe đây, trời ạ, không thể đi đâu với Iegor cả! Sau con người này là cái gì, tớ không hiểu! Toàn gây ra lộn xộn. Cậu có nghe không? Iegor! - anh ta kêu lên ở cửa. - Iegor!

- Tôi không cho phép anh đánh phụ nữ! - giọng nói the thé của chàng họa sĩ vang lên ở phía trên.

Một cái gì nặng nề và công kênh lăn từ cầu thang xuống. Đó là chàng họa sĩ ngã lộn nhào xuống. Rõ ràng, người ta đã xô đẩy anh.

Anh đứng dậy, phủi sạch cái mũ, về mặt tỏ ra độc ác, phẫn nộ, giơ quả đấm lên và kêu to:

- Đồ khốn nạn! Quân độc ác! Quân hút máu người! Ta không cho phép các người đánh vậy? Đánh một người phụ nữ yếu ớt, say rượu! Ôi, các người...

- Iegor... Nào Iegor... - anh sinh viên y khoa bắt đầu van vãn. - Thề với cậu, lần sau tớ không bao giờ đi chơi với cậu nữa. Xin thề!

Anh họa sĩ lặng đi một chút và mấy người bạn cùng đi về nhà.

- "*Bất chợt một sức mạnh mơ hồ nào*, - anh sinh viên y khoa cần nhân, - *thu hút tôi đến những bến bờ buồn bã ấy...*"

- "*Và kia là cốt xay gió*, - một lúc sau chàng họa sĩ hát theo. - *Nó đã đổ nát rồi*". Tuyết vẫn đầy cả ra, trời ơi! Gorisa, tại sao cậu lại bỏ đi? Đồ nhát gan, đồ đàn bà, chẳng có gì hơn cả.

Vaxilép đi đằng sau các bạn, nhìn vào lưng họ và nghĩ:

"Sẽ là cái gì trong hai điều này: hoặc là chúng ta chỉ cảm thấy rằng nghề làm điếm là một điều ác, và chúng ta cường điệu nó lên, hoặc là nếu việc làm điếm tệ hại đến thế, như người ta thường nghĩ, thì những người bạn đáng yêu này của mình cũng là những chủ nô, những kẻ đi cưỡng bức và giết người, cũng như những người dân Xi ri và Lơ Ke được vẽ trong tạp chí "Nhiva". Giờ đây, họ hát hồng, cười ồ ồ, thảo luận một cách sôi nổi, nhưng chẳng phải bây giờ họ cũng hưởng thụ kết quả của nạn đói, nạn

đốt và những sự ngu ngốc? Chính họ, còn mình là một kẻ chứng kiến. Ở đây, tính nhân đạo của họ, nghề y, hội họa phụ thuộc vào cái gì? Khoa học, nghệ thuật và những tình cảm cao thượng của những kẻ giết người này làm cho mình nhớ một miếng mỡ lợn trong một giai thoại. Hai tên cướp giết chết một người nghèo trong rừng. Chúng chia nhau quần áo của người này và tìm thấy ở trong cái túi một miếng mỡ lợn. “Tiền quá, - một tên nói, - chén luôn”. “Mày làm sao thế, ăn đâu có được? - tên kia dọa. - Phải chăng mày đã quên rằng hôm nay thứ tư?”. Và thế là chúng không ăn. Sau khi giết người, chúng đi khỏi rừng với niềm tin rằng chúng là hai người ăn chay. Cũng như những người này, sau khi mua một phụ nữ, bây giờ vẫn nghĩ rằng họ là các họa sĩ và các nhà bác học...”

- Các cậu hãy nghe đây! - anh nói một cách giận dữ và quyết liệt.

- Các cậu tới đây để làm gì? Phải chăng, phải chăng các cậu không biết rằng đây là một điều khốn nạn? Nghề của anh nói rằng mỗi người phụ nữ này sẽ chết sớm vì ho lao hay là một chứng bệnh gì khác; nghệ thuật cũng nói rằng về mặt đạo đức thì người phụ nữ đó còn chết sớm hơn nữa. Mỗi người trong họ sẽ chết vì trong đời của mình, họ phải tiếp trung bình khoảng năm trăm người. Năm trăm người giết một người. Trong số năm trăm này có các cậu! Bây giờ nếu hai cậu trong suốt đời đến đây hay đến những chỗ tương tự như thế này hai trăm năm chục lần, thì có nghĩa là do cậu mà đã có một người phụ nữ bị chết! Phải chăng đây không phải là điều đương nhiên? Không phải là

điều khủng khiếp? Hai người, ba người, năm người hòa lại giết một người phụ nữ nghèo đói, ngu ngốc! Ôi, chẳng nhẽ đây không phải là một điều ghê gớm, hờ trời?

- Tớ cũng đã biết rằng mọi việc kết thúc như vậy, - chàng họa sĩ nói. - Không nên gắn với những tên khốn nạn ngu ngốc này! Cậu nghĩ rằng lúc này trong đầu óc cậu đang có một tư tưởng vĩ đại chứ gì? Không, có quỷ biết là cái gì, chứ không phải tư tưởng! Bây giờ cậu nhìn vào mình với lòng căm thù và ghê tởm, còn theo mình, tốt hơn hết là xây dựng hai mươi ngôi nhà như vậy, hơn là nhìn đời kiểu ấy. Cái nhìn của cậu còn xấu xa hơn, so với mọi cái ngỗ nọ! Chúng ta đi đi, Vólôdia, kẹ hần! Thằng khốn nạn, thằng ngu, và chả có gì hơn nữa...

- Chúng ta là những con người giết lẫn nhau, - anh sinh viên y khoa nói. - Cái này, tất nhiên, là phi đạo lý, nhưng bằng lập luận, anh chẳng giúp được gì. Vĩnh biệt!

Mấy người bạn chia tay nhau ở quảng trường Tơrúpnaia và mỗi người một ngã. Còn lại một mình, Vaxilép bước nhanh trên đại lộ. Anh thấy sợ hãi cảnh trời nhá nhem tối, sợ những bông tuyết đang rải đầy trên mặt đất, và hình như còn muốn trèo lên cả thế giới, sợ ánh đèn lồng đang tỏa ánh mờ mờ nhạt nhạt qua làn tuyết trắng. Một nỗi sợ hãi mơ hồ không rõ rệt bao phủ tâm trí anh. Thỉnh thoảng mới gặp một người đi ngược lại, nhưng anh rút rờ tránh sang bên. Anh có cảm tưởng rằng chỗ nào cũng có những người đàn bà đang đi, chỗ nào họ cũng nhìn chằm chằm vào anh, chỉ toàn là đàn bà thôi...

“Thế là ta bắt đầu, - anh nghĩ. - Bắt đầu lên cơn thần kinh rồi...”

VI

Về đến nhà, anh nằm xuống giường và lẩm bẩm nói, toàn thân rung lên:

- Trời, bọn họ còn sống cả! Còn sống cả!

Anh tìm mọi cách khơi sâu thêm trí tưởng tượng của mình, anh tự hình dung ra mình khi thì ở địa vị anh trai của người đàn bà sa đọa, khi thì là cha đẻ ra chị ta, khi thì chính là chị ta với đôi má bết phấn son; và điều này làm anh kinh hãi.

Không hiểu vì lẽ gì anh có cảm tưởng rằng, anh phải giải quyết ngay vấn đề đó, trong bất cứ hoàn cảnh nào, và vấn đề này không phải chuyện của người ngoài mà là của chính anh. Anh thu hết sức lực, cố nén sự tuyệt vọng của mình lại, ngồi dậy trên giường, hai tay ôm lấy đầu, và bắt đầu tìm cách giải quyết: làm thế nào cứu thoát được tất cả những người đàn bà hôm nay anh vừa trông thấy? Trình tự giải quyết mọi vấn đề đối với anh, một người có học vấn đã rõ từ lâu. Vậy nên dù cho đầu óc có bị kích động đến đâu, anh vẫn tỉnh táo theo đúng trình tự ấy. Anh nhớ lại cả lịch sử của vấn đề, những tài liệu đã đề cập đến vấn đề đó; và tới lúc bốn giờ sáng, anh đi đi lại lại trong phòng mình,

cố nhớ hết tất cả những biện pháp mà trong thời gian qua người ta đã áp dụng để cứu vớt những người đàn bà ấy. Anh có rất nhiều người bạn tốt đã từng ở trong những căn phòng của Phanxphâyơn, Galiaskin, Nêtraép, Etskin... Trong bọn họ có không ít người trung thực, dũng cảm. Một số người trong bọn họ đã từng ra tay cứu vớt những người đàn bà ấy...

“Tất cả những biện pháp ít ỏi đó, - Vaxilép nghĩ, - có thể chia thành ba loại, sau khi chuộc người phụ nữ ra khỏi nhà thổ, thuê cho cô ta căn buồng, mua về một chiếc máy khâu và cô ta trở thành thợ may. Người chuộc cô ta ra dù muốn hay không đã biến cô ta thành nhân tình của mình, rồi sau khi tốt nghiệp trường đại học, người ấy đã nhường lại cô ta như nhường lại một đồ vật cho một kẻ đứng đắn khác. Và người đàn bà vẫn tiếp tục hư hỏng. Một loại khác, chuộc người đàn bà ra, cũng thuê phòng cho ở, rồi thế nào cũng mua chiếc máy khâu, dạy cho cô ta học chữ, đọc sách, mở mang kiến thức. Cô ta sẽ khâu vá, sẽ sống như thể chừng nào cô ta còn cảm thấy mới mẻ, thích thú, rồi ít lâu sau, khi đã buồn chán, bắt đầu vụng trộm, giấu giếm tiếp đàn ông hoặc là lui trở lại nơi có thể ngủ đến 3 giờ chiều, uống cà phê và ăn no nê. Loại thứ ba gồm những người hăng hái nhất, táo bạo nhất, đã thi hành biện pháp dứt khoát nhất. Họ lấy những người đàn bà ấy làm vợ. Và khi từ một cuộc sống như súc vật, nhấy nhựa, thô lỗ, ngu độn, những người đàn bà ấy trở thành vợ, thành người tề gia nội trợ, thành mẹ thì tất cả những thay đổi đó đã làm đảo lộn tất cả cuộc đời và quan niệm sống của họ

đến mức sau đó khó lòng mà nhận ra được dấu vết của con người sa đọa xưa kia trong người vợ, người mẹ hôm nay. Phải rồi, lấy họ làm vợ có lẽ là biện pháp tốt nhất và chắc là duy nhất”.

- Nhưng cái đó không thể được! - Vaxilép nói ra miệng và nằm phịch xuống giường. - Minh là người đầu tiên không thể lấy loại người ấy làm vợ được! Muốn làm được thế phải là một bậc thánh, không biết thù ghét, không biết ghê tởm. Nhưng cứ giả thử rằng, tôi, anh sinh viên y khoa, và chàng họa sĩ tự nén mình để lấy loại đàn bà ấy, giả thử rằng tất cả bọn họ đều sẽ ưng thuận lấy chồng. Thì kết cục sẽ ra sao? Kết luận thế nào? Kết luận sẽ là, trong khi ở đây, ở Maxcova, những người đàn bà ấy đi lấy chồng, thì gã kế toán ở Xmôlenxkơ sẽ lại đẩy một cô gái khác vào cảnh trụy lạc, và cô ta sẽ lại trôi dạt đâu đây thế vào những chỗ trống cùng với chị em chung cảnh ngộ từ Xaratốp, Nigioni Nốpgôrôt, Vácsava... Và một trăm nghìn gái điếm ở Luân Đôn thì đưa đi đâu? Còn gái điếm ở Hambua thì giải quyết thế nào?

Chiếc đèn càn dầu bắt đầu tỏa khói. Vaxilép cũng không thấy điều đó. Anh đứng dậy đi lại trong phòng, nghĩ ngợi triền miên. Bây giờ anh đặt vấn đề theo cách khác: phải làm gì để những người đàn bà sa đọa kia không cần cho ai nữa cả? Muốn thế thì phải làm sao cho tất cả những người đàn ông mua bán, giết dần giết mòn họ, nhận ra tất cả tính chất vô đạo đức ở địa vị kẻ chủ nô của mình rồi kinh sợ những điều chính mình đã gây ra. Cần phải cứu bọn đàn ông.

“Khoa học và nghệ thuật chắc là không giúp ích gì ở đây... - Vaxilép nghĩ. - Lối thoát duy nhất là lòng sùng đạo”.

Anh mơ ước ngay chiều tối ngày mai anh sẽ đứng ở góc ngõ phố ấy và nói với từng người qua đường:

- Ông đi đến đây làm gì vậy? Ông không sợ bị Chúa trời trừng phạt ư?

Anh sẽ bước lại gần mấy người xà ích lạnh lùng và nói với họ:

- Sao mấy ông lại đứng chờ ở đây làm gì? Tại sao các ông không thấy tức giận? Các ông cũng là người theo đạo và biết rằng như thế là tội lỗi, rằng những kẻ chơi bời kia rồi sẽ phải xuống địa ngục, thế mà các ông lại im lặng ư? Quả thật đối với các ông họ là những người xa lạ, nhưng mà chẳng phải là họ cũng có cha mẹ, anh em như các ông sao?..

Một người bạn nào đó của Vaxilép có lần đã nói về anh rằng anh là một người có tài. Có nhiều loại tài năng: tài viết văn, tài diễn kịch, tài hội họa, còn anh thì có một tài năng riêng biệt - đó là *tài làm người*. Anh nhạy cảm đặc biệt đối với những nỗi đau nói chung. Như một diễn viên xuất sắc, giỏi lặp lại giọng nói, cử chỉ, điệu bộ của người khác, tấm lòng Vaxilép cũng dội lại rất nhanh những nỗi đau của mọi người. Nhìn thấy người khác khóc, anh cũng rung rung nước mắt, bên cạnh người thể xác đau đớn, anh cũng rên rỉ đau đớn; và như có ai bị đánh đập thì

anh cảm thấy như chính mình bị đánh đập, anh hoảng sợ như một đứa trẻ nhưng rồi anh vẫn chạy đến che chở, bênh vực người yếu đuối. Sự đau khổ của người khác kích động anh, đẩy anh vào tâm trạng bất bình thường...

Tôi không biết người bạn của Vaxilép nói có đúng không, nhưng cái tâm trạng mà anh đang trải qua khi vừa tìm được cách giải quyết cho vấn đề ấy giống như là sự phấn khích. Anh khóc, anh cười, anh nói to lên những lời mà ngày mai anh sẽ nói, anh cảm thấy một tình yêu sôi nổi với những người sẽ theo lời anh, cùng đứng bên anh trên góc ngõ ấy để mà khơi gợi tấm lòng sùng đạo của mỗi người; anh ngồi xuống viết thư, tự thể thốt với mình...

Tâm trạng ấy giống như trạng thái cảm hứng cũng bởi vì nó không kéo dài. Chẳng mấy chốc mà Vaxilép cảm thấy mệt mỏi rồi. Cả cái con số khổng lồ những gái điếm ở Luân Đôn, ở Hăm bua, Vácsava đè nặng lên tâm trí anh như núi đè xuống đất; anh cảm thấy sợ sệt, trước cả cái đám người đông đúc vô số đó, anh nhớ ra rằng, anh không phải là người biết cách nói năng, rằng tính nết anh vốn rụt rè, yếu đuối, rằng liệu những con người đứng đưng kia có nghe lời anh không, có hiểu anh không, một sinh viên luật năm thứ ba, một người sợ sệt và chẳng có địa vị gì, rằng lòng sùng đạo thực sự không phải chỉ thể hiện trong lời thuyết giáo mà còn ở việc làm...

Khi trời đã sáng và ngoài phố tiếng xe ngựa đã chạy lóc cóc, Vaxilép nằm bất động trên đi văng và nhìn chăm chăm vào một điểm. Anh không còn nghĩ về phụ nữ, về

đàn ông, về sùng đạo nữa. Anh chỉ còn thấy một nỗi đau đang day dứt tâm hồn anh. Đó là nỗi đau âm ỉ, mơ hồ, không rõ rệt, vừa giống như một nỗi buồn, lại vừa giống như niềm sợ hãi ở mức tột đỉnh, vừa giống như niềm tuyệt vọng. Anh có thể định rõ được nỗi đau đó ở chỗ nào, nó ở trong lồng ngực, bên dưới trái tim; nhưng anh không thể so sánh với một kiểu đau nào khác. Trước đây anh đã từng bị đau răng, đau màng phổi, đau dây thần kinh, nhưng so với nỗi đau trong lòng anh giờ đây, những nỗi đau đó không thấm thía gì. Lúc này, khi lòng anh đang đau tấy, cuộc đời bỗng trở nên ghê tởm. Luận văn xuất sắc mà anh đã viết xong, những người bạn thân, việc cứu vớt những phụ nữ sa đọa - tất cả những gì hôm qua anh còn tha thiết hoặc đứng dung, bây giờ chỉ vừa thoáng nghĩ đến là đã làm anh bức tức như tiếng xe lăn lóc cóc, tiếng người hầu phòng tất tả chạy ngoài hành lang, ánh sáng ban ngày lóa mắt... Nếu bây giờ trước mắt anh có ai đó làm một chuyện gì thật tốt lành hay là gây sự đánh đập người vô tội thì cả hai việc đó chắc cũng đều gây cho anh một ấn tượng ghê tởm như nhau. Trong tất cả những ý nghĩ lười biếng lẫn quất trong đầu anh, chỉ có hai ý nghĩ là không làm anh tức tối: điều thứ nhất là bất cứ lúc nào anh vẫn còn có quyền tự giết mình, hai là nỗi đau này sẽ không kéo dài quá ba ngày. Điều sau anh biết rõ qua kinh nghiệm bản thân.

Nằm một chốc, anh đứng dậy, bẻ bẻ tay, rồi không đi từ góc này sang góc khác trong phòng như lệ thường, mà đi theo hình vuông, men ven tường. Anh thoáng nhìn mình trong gương. Mặt anh nhợt nhạt, hốc hác đi, thái dương

lồm vào, lưỡng quyền nhô lên, đôi mắt trông to hơn, đen hơn, trông đại hăn đi như không phải là mắt anh nữa và lộ rõ một nỗi đau bên trong không sao chịu nổi.

Vào buổi trưa, chàng họa sĩ đến gõ vào cửa phòng anh.

- Grigôri, cậu có nhà không đấy? - anh ta hỏi.

Không nghe thấy tiếng trả lời, chàng họa sĩ đứng chờ một lát, nghĩ ngợi điều gì rồi tự trả lời cho mình bằng tiếng Ucraina:

- *Không có nhà. Chắc thằng tểu ló đi vào trường tại học rồi...*

Và anh ta bỏ đi. Vaxilép nằm xuống giường, chui đầu xuống dưới gối và khóc nức nở vì đau đớn, nước mắt càng trào ra bao nhiêu thì nỗi đau trong lòng anh càng đáng sợ hơn bấy nhiêu. Khi trời tối xuống, anh lại nhớ đến cái đêm đầy khổ ải đang chờ anh, và anh cảm thấy tuyệt vọng ghê gớm. Anh vội mặc quần áo vào, để ngõ cửa, chạy khỏi phòng mình, cửa mở toang, rồi cứ thế đi ra ngoài phố không mục đích, không để làm gì hết. Không tự hỏi mình rằng sẽ đi đâu, anh rảo bước theo phố Xadôvaia.

Tuyết vẫn rơi như hôm qua, tiết trời trở ấm. Xò tay vào trong ống tay áo, anh run rẩy sợ hãi từng tiếng chuông của xe ngựa, tiếng giày người bộ hành gõ xuống mặt đường; anh đi dọc phố Xadôvaia đến tháp Xukharép, sau đó đến Krátxnuc Vôrôta rồi từ đấy rẽ qua phố Baxmannaia. Anh rẽ vào tiệm rượu uống một cốc vai

vodka nhưng không vì thế mà cảm thấy dễ chịu hơn. Đi đến quảng trường Radgulai, anh rẽ sang phải và bước trên những ngõ phố mà trước đây anh chưa từng đặt chân đến. Anh đi tới tận chiếc cầu cũ kỹ bắc qua sông Iauda, từ đó có thể nhìn thấy rõ những dãy cửa sổ sáng ánh đèn của trại lính Krátxnuc. Để xua đuổi nỗi đau trong lòng bằng một cảm giác mới lạ hoặc là bằng một nỗi đau khác, không biết làm thế nào nữa, Vaxilép vừa khóc vừa run rẩy cởi cúc áo bành tô, cởi cúc áo trong và phanh ngực trần ra trước gió tuyết lạnh ẩm ướt. Nhưng mà cả điều này nữa cũng không làm nỗi đau dịu bớt. Lúc ấy anh vươn người ra ngoài lan can cầu và nhìn xuống phía dưới, nhìn xuống dòng sông Iauda cuộn cuộn nước màu đen sẫm, và anh muốn đắm đầu xuống đấy, không phải vì kinh tởm cuộc sống, không phải để tự tử, mà chỉ là để tự làm thương tổn thân thể mình, tìm một nỗi đau mới để xua đuổi nỗi đau đang dằng xé lòng anh. Nhưng dòng nước đen sẫm, bóng tối dày đặc, những bờ đất trơ trọi ven sông phủ tuyết - tất cả đều thật đáng sợ. Anh rùng mình và cất bước đi tiếp. Anh đi qua bên trại lính Krátxnuc, quay ngược trở lại, rẽ xuống một cánh rừng, rồi lại bước lên cầu...

“Thôi, về nhà thôi, về nhà thôi! - anh nghĩ. - Có lẽ ở nhà sẽ dễ chịu hơn...”

Và anh quay lại. Về đến nhà, anh trút bỏ chiếc áo bành tô đầm tuyết ướt, quăng mũ ra rồi đi quanh phòng men theo tường, và cứ đi như thế không biết mệt cho đến sáng.

VII

Ngày hôm sau, khi chàng họa sĩ và anh sinh viên y khoa đến nhà anh, thì đã thấy anh mặc chiếc áo sơ mi rách bươm, môi cắn tím bầm, đang vội vã, quay cuồng bước đi trong phòng, miệng rên rĩ đau đớn.

- Lạy trời? - anh nức nở òa lên, khi nhìn thấy các bạn đến. - Các cậu làm ơn dẫn mình đi đâu thì dẫn, làm gì mình thì làm, mau mau cứu mình với. Không mình đến tự sát mất!

Chàng họa sĩ tái mặt, hoảng hốt. Anh sinh viên y khoa cũng xuýt nữa thì khóc, nhưng rồi nghĩ rằng, ở mọi trường hợp trong cuộc đời, người làm nghề y phải tỏ ra bình tĩnh, nghiêm nghị, nên anh lấy giọng lạnh lùng nói:

- Đây là cậu bị lên cơn bệnh thần kinh đấy. Nhưng không sao đâu. Ta cùng đi đến chỗ bác sĩ ngay bây giờ thôi.

- Cậu muốn dẫn mình đi đâu tùy ý, chỉ làm ơn dẫn nhanh cho!

- Cậu đừng quá xúc động. Cần phải tự kiểm chế mình chứ!

Chàng họa sĩ và anh sinh viên y khoa tay run run mặc áo vào cho Vaxilép rồi dẫn anh ra ngoài phố.

- Bác sĩ Mikhain Xerghéits từ lâu đã muốn làm quen với cậu - lúc ra đến đường phố, anh sinh viên y khoa nói. - Ông ấy là một người rất đáng yêu và rất thạo nghề mình làm. Ông tốt nghiệp y khoa năm 1882, kinh nghiệm chữa bệnh rất phong phú. Đối xử với sinh viên rất bình đẳng, thân mật.

- Đi nhanh lên thôi, nhanh lên thôi... - Vaxilép giục bạn.

Mikhain Xerghéits, một vị bác sĩ người béo, tóc màu vàng, đã tiếp mấy bạn sinh viên một cách lịch sự, trịnh trọng, lạnh lùng và chỉ cười nhếch một bên mép.

- Anh họa sĩ và anh Maierơ đã nói với tôi về bệnh trạng của anh, - ông ta nói. - Tôi rất hân hạnh được thăm bệnh cho anh. Thế nào? Bây giờ thì xin anh ngồi xuống một chút nhé...

Ông để Vaxilép ngồi vào một chiếc ghế bành to đặt sát bàn và đẩy hộp thuốc lá về phía anh.

- Thế đấy? - ông nói, đặt hai tay trên đùi mình xoa xoa. -Bây giờ bắt đầu nhé... Anh bao nhiêu tuổi rồi?

Ông ta đặt câu hỏi, còn anh sinh viên y khoa thì trả lời. Ông hỏi, trước kia bố của Vaxilép có mắc phải bệnh tật gì đặc biệt không, có nghiện rượu một thời gian dài không, tính tình có dữ tợn quá không hay có trái tính trái nết gì không. Ông cũng đặt những câu hỏi như thế về ông nội, mẹ, anh chị em. Biết được rằng mẹ anh có giọng hát

rất hay và đã từng đóng kịch trong rạp, ông bỗng hào hứng hẳn lên và hỏi tiếp:

- Xin lỗi, anh có thể nhớ lại xem sân khấu có phải là một say mê lớn của mẹ anh không?

Chừng hai mươi phút trôi qua, Vaxilép cảm thấy tê ngắt khi bác sĩ vẫn vừa xoa xoa đầu gối vừa hỏi đi hỏi lại mãi một vài điều.

- Thưa bác sĩ, theo như tôi hiểu, - anh nói, - thì có lẽ là đặt những câu hỏi ấy, ông muốn tìm xem rằng căn bệnh của tôi có phải là đã được di truyền hay không. Căn bệnh của tôi không phải là do di truyền đâu.

Tiếp đó bác sĩ hỏi Vaxilép rằng, hồi nhỏ anh có mắc tật bệnh nào bí ẩn không, có bị tổn thương hộp sọ bao giờ không, có yếu dương, khát vọng, thiên hướng gì độc đáo, khác thường không. Đối với chừng một nửa số câu hỏi mà các vị bác sĩ tận tình vẫn thường đặt ra, có thể không cần trả lời mà không sợ phương hại gì đến việc thăm bệnh, nhưng về mặt bác sĩ và anh sinh viên y khoa thì lại ra chiều chăm chú đến nỗi tưởng chừng như nếu Vaxilép không trả lời đủ chỉ một câu hỏi thôi thì mọi việc sẽ hỏng hết. Khi nghe trả lời: bác sĩ ghi lại trong cuốn sổ của mình không hiểu để làm gì. Biết rằng Vaxilép đã tốt nghiệp về khoa học tự nhiên và bây giờ đang theo học luật, ông tỏ vẻ tự lự, dăm chiêu...

- Hồi năm ngoái, Vaxilép đã viết một bản luận văn xuất sắc - anh sinh viên y khoa nói.

- Xin lỗi, đề nghị anh đừng nói chen ngang, ngăn trở tôi tập trung, - bác sĩ nói và nhếch mép cười. - Phải rồi, điều đó tất nhiên là sẽ có ảnh hưởng đến việc tìm hiểu bệnh lịch. Thế là đã có một sự lao động trí óc căng thẳng, quá mệt mỏi... Phải rồi, phải rồi... Anh có thường hay uống rượu không? - ông quay sang Vaxilép.

- Ít uống lắm.

Lại hai mươi phút nữa trôi qua. Anh sinh viên y khoa bắt đầu thì thầm nói với bác sĩ ý kiến riêng của mình về những nguyên nhân trực tiếp đã làm cho Vaxilép bị lên cơn bệnh thần kinh, anh kể cho bác sĩ biết rằng ngày hôm kia Vaxilép cùng với anh và chàng họa sĩ đã đi chơi ngõ X.

Cái giọng lạnh lùng, lãnh đạm mà bạn bè và vị bác sĩ đang nói về những người phụ nữ và ngõ phố bất hạnh kia đã làm Vaxilép hết sức kinh ngạc...

- Thưa bác sĩ, xin bác sĩ hãy chỉ trả lời cho tôi biết một điều thôi, - Vaxilép nói, cố kìm mình lại cho giọng khỏi trở nên gay gắt, - mãi dăm có phải là một điều ác không?

- Anh bạn thân mến ơi, nhưng mà có ai phản đối điều đó đâu kia chứ! - bác sĩ nói với vẻ mặt như là từ lâu lắm ông đã tự giải đáp cho mình tất cả những vấn đề này. - Ai phản đối mới được chứ?

- Ông là bác sĩ tâm thần phải không? - Vaxilép hỏi với giọng bộp chộp.

- Phải rồi, tôi là bác sĩ tâm thần.

- Có thể rằng tất cả các ông đều đúng cả! - Vaxilép nói và đứng dậy đi đi lại lại trong phòng từ góc này sang góc kia. - Có lẽ thế thật! Nhưng mà đối với tôi, tất cả cái đó thật đáng kinh ngạc. Tôi theo học hai khoa - người ta coi đó là kỳ tích ghê gớm; tôi viết ra một bản luận văn mà ba năm sau sẽ bị quên đi và xếp xó - thì người ta tặng bác tôi lên tận mây xanh; còn khi tôi không thể nói đến những người đàn bà sa đọa với giọng dửng dưng như nói đến cái bàn, cái ghế này, thì người ta cho tôi là điên loạn, mất trí, người ta chữa cho tôi và thương hại tôi!

Bất giác Vaxilép bỗng cảm thấy trào lên một niềm thương cảm vô hạn cho bản thân mình, cho bạn bè mình, cho tất cả những ai mà anh đã thấy ngày hôm kia, cho cả vị bác sĩ này cho anh uống thuốc gì đấy, rồi sau đó khi anh đã bình tâm trở lại, ông từ từ cởi áo ngoài của anh và quay sang nghiên cứu độ nhạy cảm trên da anh, xem xét phản xạ đầu gối và nhiều điều khác nữa.

Và Vaxilép cảm thấy dễ chịu. Khi ra khỏi nhà vị bác sĩ, anh đã bắt đầu thấy ngượng ngùng, tiếng bánh xe lăn không làm anh tức tối, trái tim anh mỗi lúc một nhẹ nhàng hơn, thanh thản hơn, hết như tảng đá đè nặng lên đó đã rơi đâu mất. Tay anh cầm hai đơn thuốc: một đơn ghi kali bromua, còn đơn kia là thuốc moócphin... Cả hai thứ này trước đây anh đã uống nhiều lần.

Ra đến phố, anh dừng lại một lát, nghỉ ngơi, chia tay với bạn bè, rồi uể oải lưng thững bước về phía trường đại học.

DÁNH CƯỢC

I

Một đêm mùa thu tối mịt. Lão chủ nhà băng đi đi lại lại trong căn phòng làm việc của mình và nhớ lại mười lăm năm trước, cũng vào mùa thu, lão đã tổ chức một buổi dạ tiệc. Trong buổi dạ tiệc ấy đã có nhiều vị thức giả tham dự và mọi người đã nói nhiều chuyện thú vị với nhau. Nhân đấy, họ bàn với nhau cả về án tử hình. Phần lớn các vị khách, trong đó có không ít nhà học giả, nhà báo, đều có một thái độ phủ định đối với loại án tử hình. Họ cho rằng phương thức trừng trị ấy là lỗi thời, phi đạo lý, không phù hợp với các quốc gia theo Kytô giáo. Theo ý kiến của một số người trong bọn họ thì trong mọi trường hợp đều nên thay thế án tử hình bằng án tù chung thân.

- Tôi không đồng ý với các ông, - ông chủ nhà băng và là chủ bữa tiệc nói. - Tôi chưa từng bị án tử hình hoặc án tù chung thân nhưng nếu có thể nói theo a priori* thì

* Tiên nghiệm (tiếng La tinh).

theo tôi, án tử hình hợp đạo lý hơn, nhân đạo hơn sự tù đầy. Án tử hình kết liễu đời người trong chốc lát còn án tù chung thân thì giết dần giết mòn con người ta. Tên đao phủ nào có tính người hơn? Tên đao phủ giết con người trong vài phút đồng hồ hay là tên tiêu hủy dần cuộc sống con người trong vòng hàng chục năm trời?

- Cả hai cái đó đều vô đạo lý, - có một vị khách nào lên tiếng như vậy, - bởi vì cả hai cách đều có chung một mục đích - tiêu hủy cuộc sống. Nhà nước không phải là Thượng đế. Nó không có quyền cướp đi cái mà nếu có muốn, nó cũng không thể trả lại được.

Trong đám khách có một vị luật gia trẻ tuổi chừng hai mươi lăm. Khi người ta hỏi ý kiến anh thì anh đáp:

- Cả án tử hình lẫn án tù chung thân đều vô đạo lý, nhưng nếu tôi phải lựa chọn giữa án tử hình và án tù chung thân thì tất nhiên là tôi sẽ chọn án thứ hai. Sống dù khổ thế nào đi nữa cũng còn hơn là không sống gì cả.

Một cuộc tranh luận sôi nổi nổ ra. Lão chủ nhà bằng hồi ấy còn trẻ, tính tình còn bông bột, không kìm được mình nữa, bỗng dưng mạnh xuống bàn và quay về phía nhà luật gia trẻ tuổi mà gào to:

- Anh chỉ nói dóc thôi! Tôi sẵn sàng đánh cược hai triệu đồng rằng anh không thể ngồi nổi trong tù dù chỉ năm năm!

- Nếu ông nói điều đó một cách nghiêm chỉnh, - vị luật gia trả lời, - thì tôi sẵn sàng đánh cược với ông rằng

tôi có thể ngồi tù được không phải năm năm mà là mười năm năm liền!

- Mười năm năm ư! Được rồi! - ông chủ nhà băng kêu lên. - Thưa các ngài, tôi dám đặt hai triệu đồng đấy!

- Tôi rất sẵn lòng! Ông hãy đặt hai triệu bạc, còn tôi đặt cả tự do của tôi! - Vị luật gia nói.

Và cái trò đánh cược kỳ quặc, vô nghĩa đó đã được ghi nhận hẳn hoi. Lão chủ nhà băng dạo ấy còn được trọng vọng, chiều chuộng, còn nhẹ dạ nông nổi, giàu đến nỗi không đếm xỉa gì đến vốn liếng hàng triệu của mình, ông ta tỏ ra rất hoan hỷ khi đánh cược như vậy. Trong bữa ăn, ông ta nói giễu với nhà luật gia rằng:

- Này anh bạn trẻ ạ, anh phải tỉnh ngộ lại đi thôi, bây giờ chưa muộn đâu. Đối với tôi hai triệu chẳng có nghĩa lý gì cả nhưng anh thì lại mạo hiểm phung phí đi ba bốn năm đẹp nhất của đời mình. Tôi nói ba bốn năm vì anh sẽ không thể ngồi tù lâu hơn. Anh cũng không nên quên rằng ngồi tù một cách tự nguyện còn khổ hơn ngồi tù cưỡng bức rất nhiều. Cái ý nghĩ rằng vào bất cứ phút nào anh cũng đều có quyền trở lại tự do sẽ đầu độc tất cả thời gian anh tồn tại trong nhà giam. Tôi thương hại anh quá!

Và lúc này, lão chủ nhà băng vừa đi đi lại lại trong phòng vừa nhớ lại tất cả và tự hỏi mình:

- Cái trò đánh cược ấy là để làm gì vậy? Có gì lợi lộc khi anh chàng luật gia kia phải chịu mười năm mất tự do còn mình thì phải chịu mất đi hai triệu đồng? Liệu điều

đó có thể chứng minh cho mọi người rằng, án tử hình tôi tệ hơn hay tốt đẹp hơn án tù chung thân? Không, không có gì như vậy cả. Thật là ngu xuẩn và vô nghĩa. Về phía mình đó là cái thú kỳ quặc của một kẻ no nê thừa thãi, còn về phía anh chàng luật gia - đó chỉ là một sự ham muốn tiền bạc thường tình...

Tiếp đó lão chủ nhà băng nhớ lại những gì xảy ra sau bữa tiệc tối hôm đó. Hai bên đánh cược đã thỏa thuận với nhau rằng anh luật gia sẽ phải ngồi tù ở một trong những ngôi nhà xây trong vườn của chủ nhà băng dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt. Họ cũng đã thỏa thuận rằng trong vòng mười lăm năm liền anh luật gia sẽ không được quyền bước ra khỏi ngưỡng cửa của căn nhà đó, không được nhìn thấy bất cứ ai, không được nghe giọng người nói, không được nhận thư từ và báo chí. Anh ta chỉ được có một loại nhạc cụ, được đọc sách, viết thư, uống rượu mùi và hút thuốc lá. Theo điều kiện đã thỏa thuận, thì anh ta sẽ chỉ có thể liên hệ với thế giới bên ngoài một cách lặng lẽ, thông qua chiếc cửa sổ nhỏ mà người ta đục ra để làm việc đó. Tất cả gì anh muốn: sách vở, bản nhạc, rượu v.v... anh đều có thể có, nếu viết thư trước và được cái đó chỉ qua cửa sổ. Biên bản đánh cược cũng đã quy định trước tất cả các chi tiết sao cho anh luật gia chỉ được ngồi tù một mình và bắt buộc anh ta phải ngồi tù *đúng* mười lăm năm, kể từ 12 giờ ngày 14 tháng Mười một năm 1870 cho đến 12 giờ ngày 14 tháng Mười một năm 1885. Bất cứ một hành động nào từ phía anh luật gia vi phạm các quy ước kể trên cho dù

chỉ còn hai phút nữa là hết hạn tù cũng sẽ làm cho lão chủ nhà băng không phải giả số tiền hai triệu đồng.

Vào năm đầu tiên, căn cứ theo những bức thư ngắn ngủi, anh luật gia tỏ ra rất đau khổ vì chịu cảnh cô đơn buồn tẻ. Cả ngày và đêm, lúc nào cũng nghe thấy tiếng đàn dương cầm từ trong ngôi nhà ấy vọng ra. Anh ta từ chối không uống rượu và hút thuốc lá. Anh ta viết rằng, rượu kích thích những thèm muốn, mà thèm muốn là kẻ thù trước tiên của người bị tù; hơn nữa không có gì tẻ hơn là uống rượu ngon mà không được nhìn thấy ai cả. Còn thuốc lá thì đầu độc không khí trong buồng. Vào năm đầu tiên, anh luật gia yêu cầu gửi vào những cuốn sách phần lớn có nội dung tiêu khiển, các tiểu thuyết kể lại những chuyện tình rắc rối, những truyện điều tra các vụ án, truyện viễn thông hoang đường, hài kịch...

Vào năm thứ hai, người ta không còn nghe thấy tiếng đàn trong ngôi nhà đó nữa, và anh luật gia viết thư ra đề nghị gửi vào rất các loại sách của các tác giả cổ điển. Vào năm thứ năm, người ta lại nghe thấy tiếng đàn, và kẻ ngồi tù đó xin đưa vào một ít rượu mùi. Những người theo dõi anh ta qua cửa sổ nói rằng suốt cả năm đó anh ta chỉ ăn, uống rượu và nằm dài trên giường, nhiều lúc ngáp dài và cúi gằm nói một mình. Anh ta không đọc sách nữa. Thỉnh thoảng vào lúc đêm khuya, anh ta ngồi viết những gì không rõ, viết rất lâu rồi gần sáng thì xé vụn tất cả những gì đã viết. Nhiều lần người ta nghe thấy anh ta khóc.

Từ nửa sau của năm thứ sáu, kẻ ngồi tù quay sang

miệt mài học các ngoại ngữ, nghiên cứu triết học và lịch sử. Anh ta say sưa nghiên cứu các bộ môn khoa học đó đến mức khó nhọc lắm lão chủ nhà băng mới kịp đặt mua được các sách cho anh ta. Trong vòng bốn năm trời theo yêu cầu của anh ta, ông chủ nhà băng đã phải đặt mua tới gần sáu trăm tập sách. Trong thời kỳ này, có lần, ông chủ nhà băng nhận được một bức thư của kẻ bị ngỗ tù như sau: “Ông quản ngục thân mến của tôi! Tôi viết cho ông những dòng này bằng sáu thứ tiếng. Ông hãy đưa cho các bậc học giả xem dùm thử xem. Nếu họ không phát hiện ra một lỗi nào thì tôi xin ông cho người bắn vài phát súng chỉ thiên trong vườn. Tiếng súng đó sẽ báo cho biết rằng những cố gắng của tôi đã không vô ích. Những bậc thiên tài ở tất cả các thời đại và ở mọi nước đều nói nhiều thứ tiếng khác nhau nhưng trong trái tim của họ thì đều cùng ấp ủ một ngọn lửa như nhau. Ô, nếu ông biết rằng, giờ đây tâm hồn tôi đã được hưởng một hạnh phúc phi thường như thế nào khi tôi đã hiểu các bậc thiên tài!”. Ý muốn của kẻ ngỗ tù đã được đáp lại. Lão chủ nhà băng đã sai người bắn hai phát súng chỉ thiên trong vườn.

Từ năm thứ mười một trở đi, anh luật gia ngỗ yên sau bàn và chỉ đọc có một cuốn Kinh thánh. Lão chủ nhà băng rất lạ rằng kẻ ngỗ tù kia đã từng đọc sáu trăm tập sách cao siêu trong vòng bốn năm trời lại mất đến gần một năm để đọc một cuốn sách không dày và chẳng có gì khó hiểu. Tiếp sau cuốn Kinh thánh là cuốn lịch sử các tôn giáo và cuốn sách về thần học.

Hai năm cuối cùng, kẻ ngồi tù đọc rất nhiều sách không theo một sự lựa chọn nào cả. Khi thì anh ta đọc những sách về khoa học tự nhiên, khi thì đề nghị gửi vào tác phẩm của Bairon hay là của Sếchxpia. Anh ta gửi ra những bức thư trong đó cùng một lúc anh ta yêu cầu cho xem cả sách về hóa học, sách giáo khoa về y học, cả tiểu thuyết hoặc là một cuốn khảo luận nào đó về triết học hay về thần học. Cách đọc của anh ta gây ấn tượng giống như anh ta đang bơi ngoài biển rộng giữa những mảnh vỡ của một con tàu bị đắm và để mong tự cứu mình, anh ta cố bám lấy hết mảnh ván này sang mảnh ván khác!

II

Lão chủ nhà băng nhớ lại tất cả và nghĩ rằng:

“Ngày mai, vào lúc 12 giờ anh ta sẽ được tự do. Theo điều kiện đã thỏa thuận, ta sẽ phải trả cho anh ta hai triệu đồng. Nếu ta phải trả số tiền đó thì thật là cả một thảm họa: ta sẽ phá sản hoàn toàn...”

Mười lăm năm trước đây, lão chủ nhà băng không thèm biết đích xác mình có bao nhiêu triệu đồng, còn bây giờ thì lão ta không dám tự hỏi mình xem tiền của còn lại của lão nhiều hơn hay các khoản nợ nhiều hơn? Sự đầu cơ chứng khoán cờ bạc, tính nông nổi, sự đam mê vào các cuộc buôn lậu phiêu lưu mà về già lão vẫn chưa thoát khỏi

được đã dần dần làm cơ nghiệp của lão suy sụp; và từ một kẻ giàu có đầy kiêu hãnh, tự phụ, không hề biết sợ điều gì, lão đã biến thành một viên chủ nhà băng cổ trung bình mà mỗi lần giá bạc lên xuống đều thấy hồi hộp lo lắng.

- Thật là một trò đánh cược chó chết! - lão lâu bầu nói, hai tay túm lấy đầu mình một cách tuyệt vọng. - Sao anh ta lại không chết quách đi nhỉ! Anh ta mới bốn mươi tuổi. Anh ta sẽ lấy của ta số vốn liếng cuối cùng, rồi cưới vợ, hưởng mọi thú vui trên đời, anh ta sẽ dùng số tiền ấy mà kinh doanh, còn ta thì sẽ như một tên ăn mày mà nhìn anh ta với vẻ thèm thuồng và ngày nào cũng sẽ nghe thấy anh ta nói đi nói lại một câu: “Đời tôi có được hạnh phúc thế này là nhờ ông, cho phép tôi được hân hạnh giúp đỡ ông!” Không, thế này thì không thể chịu được! Lối thoát duy nhất cho ta khỏi cảnh phá sản và nhục nhã này - là cái chết của anh ta!

Đồng hồ điểm ba giờ đêm. Lão chủ nhà băng lắng tai nghe ngóng: trong nhà mọi người đều đã ngủ, chỉ có tiếng những hàng cây lạnh lẽo khẽ lao xao trong vườn. Lão cố hết sức nhẹ nhàng lấy ra khỏi tủ kết sắt chiếc chìa khóa cánh cửa đã mười lăm năm nay không mở ra, rồi lão mặc áo bành tô vào và bước ra.

Trong vườn vừa tối vừa lạnh. Mưa rơi. Gió ẩm ướt rít lên qua khắp khu vườn làm cây cối ngã nghiêng. Lão chủ nhà băng căng mắt ra nhìn mà không thấy đường, không thấy các pho tượng trắng đặt trong khu vườn, không thấy nhà cửa, cây cối. Đi gần đến chỗ có ngôi nhà giam, lão cất

tiếng gọi người gác hai lần. Không có tiếng trả lời. Chắc là người gác đã đi trú mưa và bây giờ chắc đang ngủ ở một nơi nào trong bếp hay là trong nhà kính ươm cây.

“Nếu ta có gan thực hiện được ý đồ của ta, - lão già nghĩ, - thì kẻ bị nghi ngờ trước tiên là tên gác”.

Trong bóng tối lão sờ soạng mấy bậc tam cấp và tấm cửa rồi mò vào gian ngoài của ngôi nhà, sau đó lại men theo tường mà lẩn vào hành lang. Lão bật diêm lên, không có một ai. Có một chiếc giường không chân đệm nằm chổng chơ, phía góc nhà bóng một chiếc lò gang mờ mờ hiện ra. Dấu niêm phong dán ngoài cửa buồng giam viên luật gia vẫn còn nguyên.

Khi que diêm tắt, lão già hồi hộp run lên và ghé nhìn qua ô cửa nhỏ?

Trong buồng giam, một ngọn nến leo lét cháy. Kẻ bị tù thì ngồi sau bàn. Chỉ trông thấy lưng anh ta, trông thấy hai tay và mái tóc. Trên mặt bàn, trên hai chiếc ghế bành, trên tấm thảm gần bàn những cuốn sách đang đọc dở nằm ngổn ngang.

Năm phút trôi qua rồi mà kẻ bị tù vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Mười lăm năm cầm cố đã dạy cho anh ta cách ngồi bất động như thế. Lão chủ nhà bâng gồ gồ vào cửa sổ mà anh ta vẫn không hề cựa quậy mình tỏ ra là nghe thấy tiếng động. Đến lúc ấy lão già mới thận trọng bóc tờ giấy niêm phong ra và đặt chìa vào ổ khóa. Chiếc ổ khóa đã gỉ kêu rín rít và chiếc cánh cửa ken két mở ra. Lão chủ nhà

băng tường rằng liền ngay đó, lão sẽ nghe thấy tiếng kêu kinh ngạc và tiếng chân người bước ra, nhưng chừng ba phút đã trôi qua rồi mà phía bên trong buồng vẫn im ắng như trước. Lão quyết định đi hẳn vào trong buồng.

Ngồi sát bên bàn là một kẻ hoàn toàn bất động, không giống người bình thường chút nào. Đó là một bộ xương bọc da, mái tóc quăn như tóc đàn bà, bộ râu dày, nước da mặt vàng ệch hơi giống màu đất thó, hai má trũng sâu lưng gầy nhỏ mà dài, còn cánh tay đang đỡ mái đầu bù xù kia thì khô nứt đến mức chỉ nhìn thôi cũng thấy rờn rợn. Mái tóc anh ta đã lốm đốm những khoảng màu muối tiêu, và nhìn lên khuôn mặt gầy rộc bơ phờ đó, không một ai có thể tin rằng anh ta mới bốn mươi thôi. Anh ta đang ngủ... Đầu anh ta cúi ngả trên mặt bàn có đặt một tờ giấy đầy những chữ.

“Thật là một kẻ đáng thương! - lão chủ nhà băng nghĩ. - Anh ta đang ngủ và chắc là đang nằm mơ thấy bạc triệu.

Chỉ cần ta bế xốc kẻ dở sống dở chết này đặt lên giường, khê chẹn cái gối lên mặt thì dù có điều tra xét nghiệm kỹ lưỡng đến thế nào đi nữa cũng không thể phát hiện được rằng kẻ đó đã bị chết một cách trái tự nhiên. Nhưng mà khoan, hãy thử đọc xem anh ta viết cái gì vậy...”

Lão chủ nhà băng cầm tờ giấy lên và đọc thấy như sau:

"Ngày mai vào lúc 12 giờ, tôi sẽ được tự do và được quyền giao thiệp với mọi người. Nhưng trước khi rời khỏi căn buồng này và nhìn thấy mặt trời, tôi thấy cần phải nói với ông mấy lời. Tôi thể với lương tâm, thể với Thượng đế đang nhìn thấy tôi rằng, đến lúc này tôi đã coi thường hết thảy, cả quyền tự do, cả cuộc sống, cả sức khỏe của tôi, tất cả những gì mà các cuốn sách ông gửi cho tôi gọi là lạc thú ở đời.

Mười lăm năm qua tôi đã miệt mài tìm hiểu cuộc đời và trái đất này. Quả tình là tôi không nhìn thấy đất, thấy người nhưng qua các cuốn sách ông gửi vào, tôi đã được uống rượu thơm, được hát, được rong ruổi trong các khu rừng mà đuổi bắt hươu nai và lợn rừng, đã được yêu những người đàn bà... Những người đẹp nhẹ như một áng mây được bàn tay kỳ diệu của các nhà thơ thiên tài sáng tạo ra đêm đêm vẫn đến thăm tôi và thì thầm vào tai tôi những câu chuyện thần thoại lạ lùng làm đầu óc tôi mê say. Qua các cuốn sách ông gửi vào tôi đã trèo lên đỉnh núi Enbôrox, đỉnh Môngbolăng cao chót vót, và nhìn thấy từ đấy cảnh mặt trời lên buổi sáng và chiều chiều tỏa ánh vàng rực lên khắp bầu trời, đỉnh núi, đại dương; tôi nhìn thấy từ đấy những ánh chớp lờ lờ lên rạn nứt trong mây; tôi nhìn thấy những dải rừng xanh, những cánh đồng, dòng sông; những chiếc hồ và những thành phố; tôi nghe thấy tiếng hát của nữ thần biển cả mặt người mình chim, nghe thấy tiếng sáo mục đồng trên thảo nguyên; tôi chạm tay vào đôi cánh của các con quỳ tuyệt đẹp bay đến với tôi để chuyện trò về Thượng đế... Qua các cuốn sách ông gửi, tôi

đã lao mình xuống những vực thẳm, đã sáng tạo ra những điều kỳ lạ, đã chém giết, đốt cháy các thành phố, đã truyền bá những đạo giáo mới và chiếm đoạt các vương quốc bao la...

Các cuốn sách ông gửi đã đem lại sự hiểu biết uyên thâm cho tôi. Tất cả những gì trí tuệ không biết mệt mỏi của nhân loại đã tạo ra qua hàng bao thế kỷ đã chứa đựng vào trong sọ não bé nhỏ của tôi. Tôi biết rằng, tôi uyên bác hơn tất cả các người.

Tôi coi khinh các cuốn sách của ông, coi khinh sự uyên bác, coi khinh tất cả mọi lạc thú trên đời. Tất cả đều nhỏ nhen, vô nghĩa, mau chóng phai tàn, tất cả đều hư vô, đánh lừa thị giác như một ảo ảnh. Dù cho các người có kiêu hãnh, thông thái và đẹp đẽ đến đâu rồi cái chết cũng sẽ xóa sạch các người khỏi mặt đất như những con chuột cống, và cả con cháu của các người, cả lịch sử và sự bất tử của các thiên tài cũng sẽ bị đóng băng khô lạnh hoặc là bị thiêu cháy cùng với quả đất này.

Các người đã mất trí và đang đi theo con đường sai lạc. Các người nhầm tưởng sự giả dối là sự thật, nhầm tưởng cái xấu xa là cái đẹp. Các người sẽ ngạc nhiên sùng sốt nếu vì một lý do nào đấy các cây táo, cây cam không cho ta quả chín mà lại mọc ra những con ếch, con tắc kè hoặc là hoa hồng lại tỏa ra mùi mồ hôi của con ngựa; còn tôi thì kinh ngạc thấy các người đã đánh đổi bầu trời lấy mặt đất. Tôi không muốn hiểu các người nữa.

Để chỉ rõ cho ông thấy một cách cụ thể sự khinh bỉ của tôi đối với những gì các người đang dựa vào mà sống, tôi tuyên bố từ chối nhận số tiền hai triệu đồng mà ngày xưa tôi đã từng mơ tưởng đến như mơ tưởng một thiên đường và bây giờ thì tôi khinh bỉ. Để tước đoạt quyền lấy số tiền đó, tôi sẽ ra khỏi nơi đây năm giờ trước thời hạn đã định và bằng cách ấy tôi sẽ vi phạm điều giao ước với ông...”

Đọc xong bức thư lão chủ nhà băng đặt tờ giấy xuống bàn và hôn lên đầu con người lạ lùng, lão ta khóc và bước ra khỏi ngôi nhà. Chưa từng bao giờ, ngay cả sau khi bị thua đầu cơ chứng khoán, lão lại tự cảm thấy khinh bỉ con người mình như lúc này. Trở về buồng mình, lão nằm xuống giường; nhưng rất lâu sau, lão cũng không thể nào ngủ được vì hồi hộp xúc động đến rơi nước mắt...

Sáng ngày hôm sau, mấy người gác nhà giam hốt hải chạy lên báo rằng họ đã nhìn thấy kẻ ở trong ngôi nhà giữa vườn ấy đã chui qua cửa sổ trốn ra ngoài, đi về phía cổng rồi sau đó lẫn mất đi đâu không biết. Cùng với mấy người làm công, lão chủ nhà băng đã xuống ngôi nhà đó và lập biên bản xác nhận kẻ bị giam đã bỏ trốn. Để tránh những sự bàn luận lời thôi, lão thử lấy bức thư khước từ số tiền đánh cược, trở lên nhà và bỏ vào tủ két của mình mà khóa lại.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ

Trong làng Raibus, đối diện với nhà thờ, là một ngôi nhà hai tầng lớp mái tôn, xây trên nền đá. Tầng dưới ngôi nhà là chỗ ở của chủ nhân cùng với gia đình - Philip Ivanôvits Kasin, mà người ta quen gọi là lão Điudia, còn tầng trên, mùa hè rất nóng, mùa đông rất lạnh, thì dành làm nơi nghỉ chân cho các vị công chức, nhà buôn, địa chủ đi qua đây. Lão Điudia thuê mấy khoảnh đất, mở một quán rượu ngoài đường cái, buôn đi bán lại cả nhựa thông, mật ong, cả súc vật lẫn chim ác là, nhờ thế mà lão gửi tám nghìn bạc vào nhà băng trên tỉnh.

Phêđor, con lớn của lão, làm thợ cả về ngành cơ khí tại một nhà máy và như dân làng nói, anh ta làm ăn phát tài to đến nỗi bây giờ khó mà đến gần anh ta được; vợ Phêđor là Xôphia, một người đàn bà xấu xí, ốm yếu, ở lại nhà với bố chồng, lúc nào cũng thấy khóc lóc và cứ chủ nhật hàng tuần là lại đi đến nhà thương chữa bệnh. Người con trai thứ hai của lão là Aliôska lưng hơi gù gù, anh ta ở nhà với bố. Cách đây ít lâu, lão cưới vợ cho anh ta là cô Varvara, con gái một gia đình nghèo; cô này trẻ, đẹp, khỏe mạnh và thích ăn diện. Khi có các vị viên chức hay

lái buôn nghỉ lại nhà Điuđia, thì bọn họ bao giờ cũng đòi bằng được cô Varvara hầu trà và dọn giường ngủ cho họ.

Vào chập tối một ngày tháng Sáu, khi mặt trời đang lặn và không khí chung quanh thoang thoang mùi cỏ khô, mùi phân súc vật còn hơi hổi nóng, mùi sữa tươi, có một chiếc xe ngựa xoàng xoàng đi vào trong sân nhà lão Điuđia, trên xe có ba người ngồi: một người đàn ông trạc độ ba mươi tuổi mặc bộ quần áo bằng vải lanh thô, bên cạnh là một cậu bé chừng bảy tám tuổi mặc chiếc áo dài đen với những cái khuy to bằng xương, và một chàng trai trẻ mặc áo sơ mi đỏ là người đánh xe.

Chàng trai trẻ tháo ngựa, dắt ra ngoài cho đi đi lại lại, còn người đàn ông mới tới thì đi rửa ráy xong rồi quay về phía nhà thờ làm râm cầu kinh, sau đó ông ta trải tấm đệm kê chân xuống bên cạnh xe ngựa, ngồi xuống cùng ăn bữa tối với cậu bé; ông ta ăn từ từ, chậm rãi, và lão Điuđia, trong đời đã từng gặp nhiều kiểu người khác nhau nghỉ chân lại đây, đoán rằng cứ theo dáng điệu cử chỉ ấy thì người đàn ông kia phải là một người chừng chạc, tháo vát, tự tin vào mình.

Lão Điuđia mặc mỗi chiếc gi lê, không đội mũ, ngồi ngoài và đợi người khách kia lên tiếng trước. Lão đã quen thấy rằng, vào những buổi tối trước khi đi ngủ, các vị khách qua đường ấy bao giờ cũng kể lại đủ mọi thứ chuyện, và lão thấy thích thú với điều đó. Bà già Aphanaxiépnà, vợ của lão, và người con dâu Xôphia đang vắt sữa bò trong chuồng, người con dâu khác, cô Varvara,

thì ngồi bên cửa sổ mở toang trên tầng hai mà căn hạt hướng dương.

- Cậu bé kia chắc là con trai anh phải không? - lão Điuđia hỏi người khách.

- Không, nó là con nuôi, mồ côi mà. Tôi nhận nuôi nó là để chuộc tội đấy.

Hai người đã bắt chuyện với nhau. Người khách lộ ra là một người ưa nói và nói năng khá hấp dẫn, còn lão Điuđia thì qua câu chuyện mà biết rằng, người khách là một tiểu chủ trên tỉnh có nhà cho thuê, rằng anh ta tên là Mátvây Xápvíts, anh ta đang đi xem xét những khu vườn thuê lại của mấy kiểu dân Đức, rằng cậu bé này tên là Kuxka. Trời thật nóng nực, oi bức, không một ai muốn đi ngủ cả. Khi trời đã tối hẳn và những vì sao nhợt nhạt đã nhấp nháy trên cao, Mátvây Xápvíts bắt đầu kể lại chuyện vì sao anh ta nhận nuôi cậu bé Kuxka. Bà Aphanaxiépna và Xôphia đứng xa xa một góc cũng lắng nghe. Còn Kuxka thì đi ra lối cổng.

- Cụ ạ, câu chuyện này tí mỉ, dài dòng lắm, - Mátvây Xápvíts vào đầu như thế. - Muốn kể hết cho cụ nghe đến sáng cũng chẳng xong. Cách đây khoảng mười năm, cùng phố với tôi, ngay bên cạnh nhà tôi, là nhà bà lão góa chồng Marôpha Ximônópna Káplunxeva, bây giờ đấy là xưởng làm bơ, làm nến; bà lão có hai người con trai, một người làm nhân viên hỏa xa còn người con thứ hai là Vaxia trạc tuổi tôi thì ở nhà với mẹ.

Sinh thời ông Káplunxép trước đây là chủ ngựa, ông có chừng một chục con và thuê người đánh xe cho chở hàng khắp thành phố; bà góa Káplunxeva cũng không bỏ nghề này, bà cai quản những người xà ích thông thạo không kém ông chồng, cho nên có những ngày cũng kiếm được chừng dăm rúp. Cậu con trai cũng làm ra tiền. Anh nuôi giống chim câu nòi và bán cho những người đi săn; nhiều lúc thấy anh ta đứng trên mái nhà, tung chổi lên, huýt còi mồm, thế rồi đàn chim câu nòi cứ bay lượn mãi tít trên trời cao, mà anh ta thì vẫn chề là thấp, còn cứ muốn chúng bay cao nữa. Anh ta bắt nuôi cả chim bạch yến, sáo sậu, đóng chuồng chim... Cứ làm chơi chơi thế mà, tích tiểu thành đại, hàng tháng anh ta cũng ky cóp được chục rúp. Năm này năm khác qua đi, đến lúc bà lão liệt cả hai chân, chỉ còn nằm bẹp trên giường. Sự thế như thế mà nhà không có người nội trợ thì khác nào như người không có mắt. Bà lão lo lắng lắm và nghĩ ra rằng phải cưới vợ cho Vaxia. Bà cho gọi mối lái đến, năm lần bảy lượt hai bà nói chuyện với nhau thì Vaxia của chúng ta đi xem mặt các cô dâu. Anh ta định hỏi cô Masenka, con gái bà góa Xamakhovalikha. Chả phải nghĩ ngợi gì lâu, mọi người đều ưng thuận và rồi chỉ trong vòng một tuần mọi việc phải chuẩn bị đều làm xong. Masenka là một cô gái trẻ, khoảng mười bảy tuổi, vóc người nhỏ nhắn, nhưng gương mặt trắng trẻo, xinh xắn, trông ra đáng dãi các như một tiểu thư; và của hồi môn cũng kha khá: chừng dăm trăm rúp, một con bò sữa, giường chiếu... Còn bà lão thì quả như linh tính đã báo trước, đến ngày thứ ba sau lễ cưới

bà về châu trời, chẳng kêu rên, chẳng ốm đau gì. Đôi vợ chồng trẻ chôn cất bà lão cứng giỗ xong, họ ăn ở với nhau chừng nửa năm rất hạnh phúc, nhưng bất thành linh có chuyện không may khác đến. Quan trên gọi Vaxia lên, bảo anh ta rút thăm. Thế rồi người ta bắt Vaxia đi lính mà cũng chẳng cho anh ta hưởng chút ưu tiên nào. Cạo trọc đầu và xua sang Vương quốc Ba Lan. Ý trời đã định thế, biết làm thế nào. Khi chia tay với vợ ở trong sân thì chưa sao cả, nhưng đến lúc quay sang nhìn cái nhà để rơm đậu đầy chim bồ câu thì anh khóc oà lên. Trông thật là tội. Đạo đầu, để cho khuây khỏa đỡ buồn, Masenka đón mẹ đến ở cùng; bà ở đấy cho đến khi con gái đẻ, chính là đẻ ra thằng Kuxka này đấy, thì bà lại đi đến Obóian với người con gái khác cũng đã có chồng rồi, và thế là Masenka ở nhà một mình với đứa con nhỏ. Năm tay đánh xe thì đều là dân nghiện ngập, quấy phá, rồi nào là chuyện ngựa, chuyện xe, hay là giậu đổ, bồ hóng trong ống khói bếp cháy - đâu có phải là chuyện đàn bà lo liệu được, thế rồi cô ta phải sang bên tôi là người hàng xóm mà hỏi từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ. Và tôi phải bày đặt, phải dặn dò việc này việc nọ... Cũng là chuyện thường tình thôi, không thể thiếu được: ghé vào nhà uống chén nước, nói dăm ba câu chuyện. Đạo ấy tôi còn trẻ cũng là người biết suy nghĩ, thích bàn đến đủ các thứ chuyện, còn cô ta thì cũng là người lịch thiệp có học. Cô ta ăn vận rất gọn mắt, mùa hè đi đến đâu đều mang ô. Có lúc tôi nói về chuyện thân thánh, hay chuyện chính trị, cô ta chăm chú nghe lại còn pha trà, lấy mứt ra đãi tôi... Nói gọn lại, để khỏi phải

kể lễ đông dài nữa, thì cũng chưa được một năm sau đầu cụ ạ, mà quý nó ám tôi. Tôi bắt đầu nhận ra rằng ngày nào mà tôi không ghé sang nhà cô ta thì trong người cảm thấy buồn bã. Và tôi cứ cố nghĩ ra lý do để sang nhà cô ta. “Đã đến lúc, - tôi nói, - chị phải đặt khung kính mùa đông vào cửa sổ thôi” và thế là cả ngày hôm đó tôi được ở trong nhà cô ta mà thùng thảng đặt khung kính, và cố ý để lại chừng hai khung sang ngày hôm sau.

“Chị cần đếm lại số chim câu của Vaxia xem không khéo lại mất đấy”, đại khái cứ có những lý do như thế. Cũng có khi tôi đứng nói chuyện với cô ta qua hàng rào, và cuối cùng để khỏi phải đi vòng tôi làm một cái cổng nhỏ thông qua hàng rào giữa hai nhà. Trên thế giới này giới đàn bà là hay sinh ra lắm điều ác, lắm chuyện kinh tởm. Không phải chỉ có bọn tôi, những kẻ đầy tội lỗi, mà cả các đức thánh ông nữa cũng bị cám dỗ. Masenka không làm cho tôi hết mê cô ta. Lẽ ra phải nhớ đến chồng và giữ mình thì cô ta lại đi phải lòng tôi. Tôi cũng nhận thấy rằng cô ta cũng buồn rầu, cô ta hay đi đi lại lại sát bờ rào và đưa mắt nhìn sang sân nhà tôi. Đầu óc tôi cứ quay cuồng lên với những mơ tưởng. Có lần vào ngày thứ năm tuần lễ thánh, khi trời còn tờ mờ sáng tôi đi ngang qua trước cổng nhà cô ta để ra chợ, thế rồi như bị ma ám, tôi dừng lại ghé mắt trông vào - cổng nhà cô ta phía trên có những chấn song, - cô ta đã dậy rồi, đang đứng giữa sân cho vịt ăn. Tôi không dừng được nữa, bèn cất tiếng gọi. Cô ta bước lại gần và nhìn tôi qua chấn song. Khuôn mặt trắng trẻo, đôi mắt dịu dàng còn ngái ngủ... Trông cô thật là ưa nhìn, và

tôi buông lời tán tỉnh dường như không phải là đứng với nhau ở bên cổng mà đang ngồi trong buổi lễ sinh nhật nào vậy. Còn cô ta thì đỏ bừng mặt, cười và cứ đắm đắm nhìn không chớp vào mắt tôi. Tôi mất hết cả lý trí và giải bày với cô ta tình yêu của tôi... Cô ta mở cổng ra cho tôi vào, và từ sáng hôm ấy, hai chúng tôi bắt đầu sống với nhau như vợ chồng.

Từ ngoài đường, anh chàng Aliôska lưng gù đi vào trong sân, miệng thở hồng hộc, không nhìn ai, cứ thế chạy vào nhà; một lát sau anh ta chạy từ trong nhà ra, tay cầm chiếc đàn phong cầm, những tiền đồng trong túi kêu xúng xoảng, vừa chạy vừa cắn hạt hướng dương rồi khua tay sau cánh đồng.

- Ai vừa chạy qua thế? - Mátvây Xápvíts hỏi.

- Con tôi đấy, thằng Aliôska, - lão Điudia trả lời. - Nó lại đi chơi đấy, thằng đêu cáng. Trời đã phạt nó phải gù lưng nên chúng tôi cũng chẳng buồn giữ gìn cho nó lắm.

- Nó cứ đi chơi, đàn dúm với bọn trai làng mãi thôi, - bà lão Aphanaxiépnà thờ dãi nói. - Lấy vợ cho nó trước ngày lễ tổng tiền mùa đông cứ tưởng là nó sẽ khá hơn, thế mà càng ngày nó cứ càng đồ đốn thêm ra.

- Chẳng được cái tích sự gì. Cuối cùng thành ra chỉ là ban không phúc lộc cho con gái nhà nghèo, - lão Điudia nói.

Từ phía sau nhà thờ vọng lại tiếng những ai đang hát một bài buồn buồn tuyệt diệu. Không thể phân biệt rõ lời,

chỉ nghe thấy mấy giọng thôi: hai giọng nam cao và một giọng trầm. Vì ai cũng lắng nghe điệu hát, nên trong sân trở nên im ắng...

Bỗng hai người trong bọn họ cất ngang bài hát bằng một chuỗi cười lanh lảnh, người thứ ba giọng cao tiếp tục hát và lên một nốt cao đến nỗi mọi người đều vô tình ngẩng đầu lên, dường như giọng hát ấy bay vút lên tận trời. Varvara bước ra khỏi nhà, giơ tay che ngang mắt như người che ánh nắng, mà nhìn về phía nhà thờ.

- Đây là hai người con ông linh mục với thầy dạy hát đấy, - cô ta nói.

Ba người lại hòa giọng hát. Mátvây Xápvíts thở dài và tiếp nói:

- Công việc như thế cụ ạ. Chừng hai năm sau chúng tôi nhận được thư của Vaxia gửi từ Vácsava về. Anh ta viết rằng quan trên cho anh ta về nhà để chữa bệnh. Anh ta không được khỏe nữa. Đến khoảng thời gian ấy tôi đã từ bỏ được những ý nghĩ ngu xuẩn ra khỏi đầu mình rồi, gia đình cũng đã kiếm được cho tôi một đám khá lắm, nhưng tôi vẫn chưa biết làm thế nào mà dứt ra khỏi cô nhân tình. Hôm nào tôi cũng định nói thẳng với Masenka nhưng không biết nói cách nào để khỏi phải nghe tiếng khóc lóc rên rỉ của cô ta. Bức thư ấy như cởi trói tay cho tôi. Tôi cùng đọc bức thư ấy với Masenka, gương mặt cô ta nhợt nhạt, trắng bệch ra, còn tôi thì nói:

“Nhờ trời, thế là bây giờ cô lại là vợ của chồng cô

rồi”. Cô ta nói: “Em chẳng sống với anh ta đâu”. - “Nhưng mà anh ấy là chồng cô cơ mà?” - tôi nói. - “Để thế... Em chưa bao giờ yêu anh ta cả, lấy anh ta cũng chẳng phải tự nguyện. Mẹ em bắt, thế thôi”. - “Ừ được rồi cô ngốc ạ, cô đừng có đánh trống lảng, cô thử nói xem: cô có làm lễ cưới với anh ấy trong nhà thờ hay là không?” - “Có, nhưng em yêu anh và em sẽ ở với anh cho đến khi chết. Kệ cho người ta cười... Em chẳng kể vào đâu...” - “Cô là người hay cầu nguyện, hay đọc sách kinh, thế trong sách người ta viết gì vậy?”

- Đã lấy chồng thì phải ở với chồng, - lão Diudia nói.

- Vợ chồng là gửi xương gửi thịt cho nhau. Chúng ta đã mắc tội rồi, tôi nói, nên hai chúng ta bây giờ phải có lương tâm, biết sợ Chúa Trời. Chúng ta sẽ thú tội trước mặt Vaxia, anh ấy là người lạnh tính, nhút nhát - anh ấy không giết đâu. Với lại trên đời này thì chịu đựng những nỗi khổ do người chồng hợp pháp gây ra vẫn còn hơn là sau này phải nghiêng rường mà chịu nhục hình ở địa ngục. Cô ta chẳng chịu nghe lời tôi, cứ một mực khẳng khẳng: “Em yêu anh”, - thế thôi, không nói gì thêm. Vaxia trở về nhà vào sáng sớm hôm thứ bảy ngay trước ngày lễ Ba Ngôi. Qua hàng rào tôi thấy anh rẽ vào nhà, một lát sau bé Kuxka đi ra, vừa cười, vừa khóc, vừa hôn đứa bé, rồi lại nhìn lên nhà để cò khô, vừa tiếc không muốn bỏ Kuxka ra, vừa muốn đến với mấy con bồ câu của mình. Thật là một người hiền lành, đa cảm. Ngày hôm ấy qua đi êm thấm, lặng lẽ. Người ta đã kéo chuông cầu nguyện buổi tối. Nhưng tôi cứ nghĩ mãi: ngày mai là ngày lễ Ba Ngôi rồi

mà sao vẫn chưa thấy nhà bên ấy trang hoàng cổng, giấu gì cả. Tôi nghĩ chắc là chuyện không ổn rồi. Tôi đi sang đó. Nhìn vào thì thấy Vaxia ngồi giữa phòng ngay dưới nền nhà, mắt ngơ ngác đảo qua đảo lại như người say rượu, hai má đầm đìa nước mắt, tay run lấy bầy; anh ta rút trong bọc ra nào là bánh mì tròn, bánh quy, chuỗi hạt cườm và đủ thứ quà cáp khác mà vứt tung ra nhà. Thằng bé Kuxka dạo ấy khoảng ba tuổi thì bò bên cạnh, nhặt lấy bánh quy mà nhai, còn Masenka thì đứng gần lò sưởi, mặt tái nhợt, toàn thân run rẩy, lắp bắp nói: “Tôi không phải là vợ anh, tôi không muốn sống với anh” - và nói lảm càu lảm nhảm khác nữa. Tôi quỳ xuống bên chân Vaxia và nói:

“Tôi với cô ấy có tội với anh, anh Vaxili Măximúts ạ, mong anh hãy vì đức Chúa mà tha tội cho!” Sau đó tôi đứng dậy và nói với Masenka những lời như thế này: “Chị Maria Xêmiônốpna ạ, bây giờ thì chị phải rửa chân cho anh Vaxili Măximúts và phải ăn xúp lơng và chị hãy làm một người vợ ngoan ngoãn của anh ấy, hãy cầu Chúa sao cho anh ấy, một người giàu lòng vị tha, sẽ thứ tội cho tôi”. Như có vị thiên thần nào đã răn bảo cho tôi, tôi bảo cho cô ta nghe, tôi nói xúc động đến mức chính tôi cũng phải rưng rưng nước mắt. Thế rồi chừng hai ngày sau, Vaxia sang nhà tôi. Anh ta nói: “Tôi tha lỗi cho anh đấy, anh Mátvây ạ, cả anh cả cô ấy, thôi thì chuyện cũng đã thế rồi. Cô ấy làm vợ lính, chuyện đàn bà trẻ xa chồng, kể cũng khó mà giữ mình cho vẹn toàn. Cô ấy chẳng phải là người đầu tiên, cũng chẳng phải là người cuối cùng mắc

tôi như thế. Chỉ có điều là bây giờ tôi xin anh cứ làm như là giữa anh với cô ấy chưa từng có chuyện gì xảy ra cả, anh đừng gặp cô ấy nữa, còn tôi thì tôi sẽ chiều chuộng cô ấy mọi thứ, sao cho cô ấy lại yêu tôi như xưa”. Anh ta đưa tay cho tôi bắt, uống trà rồi vui vẻ ra về. Phần tôi, tôi nghĩ thật là may mắn, tôi thấy nhẹ cả người, thế là mọi chuyện đều ổn thỏa cả. Nhưng khi Vaxia vừa ra khỏi sân thì Masenka bước vào. Thật là một sự trùng phạp. Cô ta ôm lấy cổ tôi khóc lóc, van xin: “Em van anh, anh đừng bỏ em, không có anh, em không sống được đâu”.

- Hừ, thật là dễ tiện! - lão Diudia thở dài nói.

- Tôi to tiếng mắng cô ta, hai chân giậm mạnh, lôi cô ta ra ngoài rồi móc cửa lại. Tôi kêu lên: về với chồng đi! Đừng có làm tôi xấu mặt với làng xóm, liệu mà sợ lấy Chúa! Thế rồi ngày nào cái cảnh ấy cũng cứ tái diễn. Có lần vào một buổi sáng tôi đang đứng trong sân nhà gần chuồng ngựa và chữa dây cương. Bất thành linh tôi trông thấy Masenka chạy qua cổng vào sân nhà tôi, chân đi đất, mình mặc mỗi chiếc váy, rồi lao vào tôi, nắm lấy tay tôi đang cầm dây cương, cả người cô ta dính bết bết những nhựa cây, run rẩy, khóc lóc... “Em không thể sống với cái thằng tôm lợm ấy đâu; em không đủ sức chịu đựng nữa đâu! Nếu anh không yêu em thì thà giết quách em đi còn hơn”. Tôi nổi cáu, tiện có dây cương trong tay tôi vục cho cô ta hai cái, vừa lúc ấy thì Vaxia chạy qua cổng vào, và kêu lên thất thanh: “Đừng đánh! Đừng đánh!” Mồm thì nói thế nhưng chính mình thì lại chạy lại bên cô ta, rồi như người mất trí, dang thẳng tay thụi tới tấp vào người cô

ta, sau đó đánh ngã cô ta xuống đất mà giẫm chân lên; tôi phải che đỡ cho cô ta, nhưng anh ta giật luôn dây cương từ tay tôi và cứ thế quất lấy quất để vào Masenka. Vừa đánh vừa kêu như con ngựa.

- Đáng lý cũng phải cầm cương mà quất cho nhà người một trận như thế... - Varvara tức giận vừa nói, vừa bỏ đi. - Đồ đểu, xúm nhau lại mà hành hạ chị em người ta...

- Cầm mồm đi, - lão Điuđia quát cô. - Đồ ngựa cái!

Anh ta vừa đánh vừa la hí-hí-hí như thế, - Mátvây Xápvít tiếp tục kể. - Từ sân nhà anh ta có một người xà ích chạy sang, tôi gọi thêm người ở nhà tôi nữa, rồi cả ba người cùng xúm vào lôi Masenka ra khỏi tay anh ta, rồi khiêng cô ta về nhà. Thật là cả một sự nhục nhã ê chề. Ngay tối hôm đó tôi sang thăm cô ta. Cô ta nằm trên giường, mặt mày quần đầy băng chỉ để hở hai mắt với mũi ra, cô ta cứ nhìn chăm chăm lên trần nhà. Tôi lên tiếng: “Chào chị Maria Xêmiônốpna!”

Cô ta lặng thinh. Còn Vaxia thì ngồi ở buồng bên cạnh, hai tay ôm lấy đầu gối mếu máo khóc mà nói: “Tôi thật tàn ác quá! Tôi làm hại đời tôi rồi. Ôi, trời ơi, giết quách tôi đi cho xong!”. Tôi ngồi chừng nửa giờ bên cạnh Masenka và thuyết đạo lý cho cô ta nghe. Tôi dọa cho cô ta sợ. Tôi nói rằng những con chiên ngoan đạo sau khi chết, sẽ được lên thiên đường, còn cô thì phải vào hỏa ngục cùng với những kẻ lăm đường lạc lối... Đừng có mà cứng đầu cứng cổ với chồng nữa, quỳ xuống chân Vaxia

mà chịu tội đi. Còn cô ta thì chẳng hé răng nói một lời, cũng không hề chớp mắt nữa, cứ như là tôi nói với cái cột không bằng. Ngày hôm sau, Vaxia mắc bệnh đại khái như là bị đi tả thì phải, đến khoảng chập tối thì chết. Mọi người chôn cất anh ta tử tế. Masenka không ra nghĩa địa, cô không muốn phơi cái mặt ô nhục đầy vết bầm thâm tím trước mắt mọi người. Ít ngày sau dân phố đồn đại với nhau rằng Vaxia không phải tự nhiên chết, mà là do Masenka chủ tâm giết. Chuyện lên đến quan trên. Người ta đào xác Vaxia lên, mổ bụng ra và tìm thấy trong ruột có thạch tín. Chuyện thế là hai năm rưỡi mười; cảnh sát đến bắt Masenka, dẫn luôn cả cậu bé Kuxka vô tội. Tổng giam vào nhà tù. Cô ta cứ làm quá lắm thì trời phạt cho thôi... Khoảng tám tháng sau thì tòa xử. Tôi còn nhớ cô ta ngồi trên một chiếc ghế băng nhỏ: trùm khăn vuông trắng, mặc áo choàng xám, thân hình gầy gò nhợt nhạt, đôi mắt sắc, trông cô ta thật tội. Phía sau là một người lính cầm súng đứng. Cô ta không nhận tội. Tại phiên tòa có một người nói rằng cô ta đã bỏ thuốc độc cho chồng, một số người khác thì chứng minh rằng anh chồng vì khổ não quá mà tự tử đấy thôi. Tôi có làm nhân chứng cho vụ án ấy. Khi người ta hỏi tôi, tôi nói hết mọi điều theo lương tâm của tôi. Tôi nói rằng lỗi là ở cô ta. Phải nói thẳng ra là cô ta không yêu chồng, lại bước bính nữa... Các quan tòa luận tội suốt từ sáng cho tới khuya mới đi đến quyết định như thế này: đẩy cô ta đi Xibiri làm khổ sai mười ba năm. Sau khi có quyết định như thế rồi, Masenka còn ở lại nhà tù thành phố tới chừng ba tháng nữa. Vì lòng nhân đạo tôi có đến thăm cô

ta, đem trà, đường cho cô ta. Còn cô ta thì mỗi lần trông thấy tôi, là cả người run bắn lên, hai tay khoa khoa, mồm lắp bắp nói: “Anh đi ra đi! Đi ra đi!”

Và ôm chặt lấy Kuxka vào lòng như sợ tôi cướp lấy mất thằng bé. Tôi nói rằng đấy, cô sa vào tình cảnh như thế đấy!

Ôi, Masenka, Masenka, một tâm hồn tội lỗi. Không chịu nghe lời tôi, khi tôi răn bảo điều hay lẽ phải, đến bây giờ thì tha hồ mà than khóc. Tự mình có lỗi, thì hãy tự trách mình thôi.

Tôi lại thuyết lý cho cô ta nghe, còn cô ta thì chỉ một mực: “Đi ra đi! Đi ra đi!” - và ôm chặt lấy Kuxka, cả người dựa sát vào tường run lấy bầy. Khi người ta đưa cô ta lên tỉnh, tôi có theo tiễn ra nhà ga và nhét vào bọc cô ta một rúp bạc gọi là để chuộc tội. Nhưng cô ta không đến được Xibiri... Chưa ra khỏi tỉnh thì cô ta bị sốt cao rồi chết ở trong tù...

- Đã là chó má thì chết cũng là chết như chó, - lão Điuđia nói.

- Người ta trả Kuxka về nhà... Tôi nghĩ mãi, nghĩ mãi, rồi nhận thằng bé về nuôi. Ừ, thì sao nào? Con nhà tù tội đấy nhưng nó vẫn là một con người đã được rửa tội hẳn hoi... Tôi thương nó quá. Tôi sẽ nuôi cho nó lớn thành người chạy hàng cho tôi, và nếu tôi không có con, tôi sẽ dạy nó nghề đi buôn. Bây giờ đi đâu tôi cũng dẫn nó đi theo: cho nó quen dần đi mà.

Khi Mátvây Xápvíts kể lại câu chuyện đó, Kuxka ngồi yên không nhúc nhích trên một tảng đá gần lối cổng, hai tay ôm lấy đầu ngược mắt nhìn lên trời; từ xa, trong bóng tối chập choạng, trông cậu bé giống như một gốc cây nhỏ bị đẵn cụt.

- Kuxka, đi ngủ đi! - Mátvây Xápvíts gọi cậu bé.

- Ừ mà cũng đến giờ ngủ rồi, - lão Điuđia vừa nói vừa đứng dậy, lão ngáp dài thành tiếng và nói thêm: - Cứ cố mà ăn ở theo như mình muốn, không chịu nghe lời ai thì rồi cuối cùng chuyện nó vỡ ra như thế đấy.

Trăng đã trôi trên bầu trời giữa sân; trăng như chạy về một phía, và những đám mây nằm dưới thì chạy về phía kia; mây đã đi xa mà trăng vẫn sáng trên đỉnh đầu. Mátvây Xápvíts lầm rầm cầu nguyện mấy câu, lên tiếng chúc chủ nhà ngủ ngon rồi đặt mình xuống đất ngay cạnh chiếc xe ngựa. Kuxka cũng cầu nguyện, rồi vào nằm trong xe ngựa quấn chiếc áo dài vào người; để thoải mái hơn, nó bới một chỗ trong đám cỏ khô và chui vào đấy nằm còng queo đến nỗi khuỷu tay và đầu gối chạm nhau. Từ ngoài sân nhìn vào thấy rõ lão Điuđia chằm nấn ở tầng dưới, đeo kính vào và bước lại ở góc phòng cầm lấy quyển sách. Lão vừa đọc vừa khấn khứa rất lâu.

Những khách trọ đã ngủ rồi. Bà Aphanaxiépna và Xôphia đi đến gần bên xe ngựa và ngắm kỹ cậu bé Kuxka.

- Thằng bé mồ côi ngủ rồi, - bà lão nói. - Gầy gầy quá thôi, chỉ còn da bọc xương. Mẹ đẻ không còn, chẳng còn ai chăm sóc nó cho đến nơi đến chốn.

- Thằng bé Gorisútka của con chắc phải lớn hơn Kuxka đến hai tuổi, - Xôphia nói. - ở ngoài xưởng máy nó phải sống tù hãm, chắc là gò bó lắm, không có mẹ ở bên. Thế nào cũng bị ông chủ đánh đòn. Con cứ nhìn thằng bé này là lại nhớ đến Gorisútka của con, tim con cứ như ứa máu.

Một phút im lặng trôi qua.

- Chắc nó cũng chẳng nhớ gì đến mẹ nó đâu, - bà lão nói.

- Còn nhớ vào đâu nữa!

Và nước mắt ràn rụa chảy trên gò má Xôphia.

- Thằng bé nằm co quắp thế kia kìa... - Xôphia nói, vừa sụt sịt khóc vừa cười vì xúc động và thương hại. - Ô, cậu bé mồ côi của tôi.

Kuxka rung mình và mở mắt ra. Cậu bé nhìn thấy một gương mặt xấu xí, nhăn nheo, giàn giụa nước mắt, bên cạnh đó là một gương mặt khác, già nua, miệng móm mém, cằm nhọn mũi khoằm và trên nữa là trời cao vô tận, có mặt trăng và những đám mây bay nhanh. Cậu bé bất chợt kêu lên vì sợ hãi. Xôphia cũng kêu lên; tiếng vọng đáp lại hai người, không gian oi bức bị khuấy động trong chốc lát, người gác cổng bên cạnh gõ mạnh cửa, chó nhà ai sủa vang lên. Mátvây Xápvíts lâu bầu nói gì trong cơn mơ rồi trở mình sang phía khác.

Đêm về khuya, khi cả lão Điudĩa, bà Aphanaxiépna và người gác cổng đều đã ngủ. Xôphia đi ra ngoài cổng và

ngồi lên chiếc ghế dài. Chị ta thấy khó thở, vì khóc nhiều nên đầu nhức nhối. Đường phố trước mặt dài rộng quá, phía bên phải có để đến hai vécxta, bên trái cũng rộng chừng ấy, còn chiều dài như trải ra vô tận. Trăng không còn chiếu xuống sân nữa, giờ đã khuất sau nhà thờ. Một bên đường phố chan hòa ánh trăng, một bên tối sẫm vì sắp bóng; những bóng cây dương, bóng bông hết ngả dài trên đường phố, còn bóng nhà thờ, đen kịt và đáng sợ thì che kín một khoảng rộng bao gồm cả cổng ra vào và một nửa nhà lão Điudia. Chung quanh im ắng, không một bóng người. Từ phía cuối đường phố thỉnh thoảng có tiếng nhạc rất nhỏ đưa lại: chắc đó là Aliôska đang chơi đàn dương cầm.

Trong bóng tối gần bờ giậu nhà thờ có ai đang đi, cũng khó nhìn rõ được đó là người hay là một con bò, hay là, có lẽ chẳng có ai cả mà chỉ là một con chim nào đấy rất to đang xào xạc trên hàng cây. Nhưng rồi có một bóng người bước ra khỏi chỗ tối, nói một câu gì bằng giọng đàn ông, sau đó thì khuất hẳn sau ngõ bên cạnh nhà thờ. Một lát sau chừng khoảng bốn mét lại thoáng hiện lên một bóng người nữa, người này đi thẳng từ nhà thờ về phía cổng, và sau khi nhìn thấy Xôphia ngồi trên ghế dài thì dừng lại.

- Varvara đấy phải không? - Xôphia hỏi.

- Ừ thì em đấy đã sao.

Người đó là Varvara. Cô đứng yên một phút, sau đó bước lại ghế dài rồi ngồi lên.

- Cô vừa đi đâu đấy? - Xôphia hỏi.

Varvara không trả lời gì.

- Này cô em ạ, lý ra thì cô đừng chuốc vào mình tai vạ như thế. - Xôphia nói. - Cô có nghe đoạn Masenka bị giam lên và bị quất dây cương không? Cô coi chừng đấy, không lại cũng bị như thế đấy.

- Thì đã sao.

Varvara lấy khăn che miệng cười rộ lên rồi thì thầm nói:

- Em vừa đi chơi với tay linh mục đấy.

- Nói láo.

- Thật đấy mà.

- Trời bắt tội đấy? - Xôphia thì thào.

- Thấy kẹ... Có gì mà tiếc? Bắt tội, ừ thì bắt tội, thà cứ để cho sấm sét nó đánh chết đi còn hơn là sống mãi thế này. Em thì còn trẻ, khỏe, mà chồng em thì gù lưng, tòm lợm, cay nghiệt, còn tội hơn cả lão Điuđia đáng nguyên rủa kia nữa. Hồi còn con gái em ăn không đủ no, chân không giày không tất, thoát khỏi những ngày khổ cực đó, ham cái giàu sang của Aliôska, em lại rơi vào cái cảnh trời buộc này, như cá mắc vào nơm, em thấy nằm với một con rắn độc còn dễ chịu hơn là nằm với gã Aliôska ghẻ lở. Còn

đời chị thì sao? Cũng chẳng hơn gì. Anh Phêdor của chị đã đuổi chị từ xưởng máy về nhà với bố, còn mình thì kiếm một cô nhân tình; con của chị thì anh ta tước mất, rồi gán đi ở đợ cho nhà một ông chủ. Chị thì làm quần quật như trâu như ngựa, mà vẫn cứ bị chửi mắng. Thà cứ ở vậy suốt đời còn hơn, thà cứ lấy đăm hào chỉ của bọn linh mục, chìa tay đi ăn xin, lao đầu xuống giếng còn hơn...

- Phải tội đấy! - Xôphia lại thì thào nói.

- Thầy kệ nó.

Từ một nơi phía sau nhà thờ lại vọng tới một bài hát buồn buồn, vẫn ba người lúc này: hai người giọng nam cao và một giọng trầm. Cũng vẫn như lúc này, không thể nào nghe rõ được lời bài hát.

- Máy tay thức khuya gớm... - Varvara bật cười nói.

Rồi cô ta bắt đầu thì thầm kể lại chuyện đêm đêm cô đi chơi với tay linh mục như thế nào, tay này nói những gì với cô, bạn bè của tay đó là những ai, cô đã đi lại với bọn viên chức và lái buôn ngủ trọ như thế nào. Điệu hát buồn buồn kia phảng phất gợi nhớ đến một cuộc đời phóng khoáng, và Xôphia khẽ mỉm cười, chị ta vừa cảm thấy có tội, vừa cảm thấy kinh hãi và êm dịu khi lắng nghe điệu hát ấy, chị thấy thèm muốn, ghen tỵ và tiếc rẻ rằng chị đã không mắc vào đường tội lỗi như vậy lúc còn trẻ trung và xinh đẹp...

Chuông nhà thờ điểm 12 giờ đêm.

- Thôi đến giờ đi ngủ rồi, - Xôphia vừa đứng lên vừa nói, - không khéo lão Điuđia lại bắt gặp đấy.

Hai người lặng lẽ đi vào trong sân.

- Em đi mất lúc ấy nên không nghe được đoạn sau anh ta kể về Masenka thế nào, - Varvara vừa nói vừa soạn giường ngủ đặt bên cửa sổ.

- Chết rồi, anh ta kể thế, chết trong nhà tù ấy. Cô ta đánh thuốc độc cho chồng.

Varvara nằm bên cạnh Xôphia, nghĩ ngợi một lúc rồi nói nhỏ:

- Em sẵn sàng giết chết thằng Aliôska mà chẳng thương tiếc gì.

- Cô chỉ nói đại.

Khi Xôphia đã thiêu thiêu ngủ, Varvara nằm sán lại bên và ghé miệng sát vào tai thầm thì nói:

- Chị với em cùng giết lão Điuđia và thằng Aliôska đi!

Xôphia rùng mình, không nói gì cả, một lát sau chị ta mở mắt ra rồi dăm dăm nhìn lên bầu trời.

- Người ta biết đấy, - Xôphia nói.

- Không biết được đâu. Lão Điuđia thì già rồi, cũng có lúc chết thôi, còn thằng Aliôska thì mọi người sẽ nói là hán say rượu mà chết.

- Sợ lắm em à... Trời đánh chết mất thôi.

- Thấy kệ trời...

Hai người cùng không ngủ và im lặng suy nghĩ.

- Rét, rét là, - Xôphia nói, toàn thân run lên. - Chắc cũng gần đến sáng rồi... Cô đã ngủ chưa đấy?

- Chưa... Chị Xôphia yêu quý, chị đừng nghe em nhé, - Varvara thì thào nói. - Em cảm cha con nhà nó quá đấy thôi, mấy thằng đồn mạt, chứ chính em cũng có hiểu mình nói gì đâu. Ngủ đi chị ạ, không rồi sáng bây giờ đấy... Ngủ đi...

Cả hai người cùng im lặng, người người trong lòng, và lát sau cùng ngủ thiếp đi.

Bà lão Aphanaxiépna dậy trước tất cả mọi người. Bà đánh thức Xôphia, rồi hai người cùng ra chuồng bò vắt sữa. Gã Aliôska gù lưng trở về, say mê, không thấy cảm đàn nũ; ngực và đầu gối gã lấm đầy đất bụi và rơm rạ - chắc là gã đã nhiều lần bị ngã dọc đường. Chân nam đá chân chiêu, gã ngất ngưỡng bước vào dưới mái hiên, gico mình xuống chiếc xe trượt rồi cứ để nguyên cả quần áo, cất tiếng ngáy khò khò. Khi cây thánh giá trên nóc nhà thờ và tiếp theo là những cánh cửa sổ sáng rực lên như lửa dưới ánh nắng mặt trời vừa mọc, khi bóng cây và bóng cần kéo nước bên giếng ngả dài trên thảm cỏ ẩm sương, Mátvây Xápvíts trở dậy và hồi há nói:

- Kuxka, dậy thôi! - anh ta kêu to lên. - Thắng yên cương vào thôi! Nhanh lên!

Bắt đầu cảnh tất bật của một buổi sáng. Một cô gái Do Thái mặc bộ váy áo màu nâu có nhiều nếp gấp dẫn ngựa vào trong sân uống nước. Tiếng cần lấy nước kêu kẻo kệt rên rĩ tiếng gâu lập bập chạm vào thành giếng... Cậu bé Kuxka, vẻ mặt còn ngái ngủ uể oải, mình còn dính đầy sương đêm, đang ngồi trên xe ngựa, chầm chập mặc chiếc áo dài vào người, lắng nghe tiếng nước róc rách rơi từ trên gàu xuống giếng và rùng mình vì ớn lạnh.

- Đây cô, - Mátvây Xápvíts gọi Xôphia, - cô thúc hộ anh chàng đánh xe của tôi để nó đến thẳng ngựa vào xe nhanh nhanh lên một tý.

Còn lão Điuđia lúc này thì quát qua cửa sổ:

- Xôphia, nhớ lấy của cô kia một xu tiền cho ngựa uống nước đấy! Hôm nào cũng quen cái thói ấy mãi. Bọn Do Thái!

Ngoài bãi đất đàn cừu chạy đi chạy lại kêu be be; giọng các bà quát tháo người chăn cừu, còn anh ta thì cứ thổi sáo, vút vút chiếc roi hoặc trả lời lại mấy bà bằng một giọng trầm ồm ồm, khàn khàn. Có ba con cừu chạy lạc vào trong sân, không tìm thấy lối ra, chúng húc đầu vào bờ giậu. Tiếng ồn ào chung quanh làm Varvara tỉnh dậy, cuộn tròn chân gối lại, rồi xuống nhà.

- Thì cô nhanh chân ra đuổi mấy con cừu xem nào! - bà già quát to với Varvara. - Cứ dềnh dàng như tiểu thư ấy thôi.

- Còn thế nữa. Chờ đấy rồi người ta làm cho lũ các người, - Varvara vừa lầu bầu trong miệng vừa bước ra khỏi nhà.

Người ta tra dầu vào bánh xe, thắng ngựa vào xe. Lão Diudia từ trong nhà đi ra, tay cầm bàn tính, ngồi xuống hàng hiên và tính tiền với khách trọ về các khoản ngủ lại, cho ngựa ăn và uống nước.

- Cụ tính khoản kiêu mạch cho ngựa ăn đắt quá. - Mátvây Xápvíts nói.

- Nếu thấy đắt thì thôi đừng lấy nữa. Chúng tôi cũng chẳng ép đâu, anh lái buôn ạ.

Khi mấy người khách trọ đến bên ngựa để trèo lên ngồi rồi đi thì có một chuyện xảy ra làm họ phải nán lại. Chiếc mũ của Kuxka rơi đâu mất.

- Mày vớt nó đi đâu hả, đồ lợn con? - Mátvây Xápvíts nổi cáu quát to. - Mũ đâu rồi?

Kuxka mặt méo xệch đi vì hoảng sợ, luỳnh quỳnh chạy quanh xe ngựa, không tìm thấy ở đấy. Cậu bé chạy về phía cổng, rồi lại chạy ra chỗ mái hiên. Bà lão và Xôphia cùng giúp cậu bé tìm chiếc mũ.

- Tao vật tai mày đi đấy, - Mátvây Xápvíts hét to. - Đồ ăn hại.

Lát sau chiếc mũ được tìm thấy dưới đáy thùng xe. Kuxka lấy ống tay áo phui cỏ khô dính trên mũ rồi đội lên đầu, gương mặt vẫn còn chưa hết sợ hãi, rón rén chui vào

trong xe như sợ có ai đang chực đâm vào sau lưng mình. Mátvây Xápvíts đưa tay làm dấu, người xà ích giật dây cương, chiếc xe chuyển bánh, rồi chạy nhanh ra khỏi sân.

IÔNÚTS

I

Khi khách đến tỉnh lỵ X. than rằng cuộc sống ở đây buồn tẻ đơn điệu thì, như để thanh minh, dân địa phương đã nói rằng, ngược lại, ở X. rất vui, có thư viện, có nhà hát, câu lạc bộ, có dạ hội khiêu vũ, và nhất là có những gia đình dễ chịu, thú vị, thông minh để có thể làm quen. Và người ta thường nhắc đến gia đình Turkin như một gia đình có học thức và tài năng nhất.

Gia đình này sống trong ngôi nhà riêng trên đường phố chính, gần nhà quan tổng đốc. Chủ nhân Turkin, Ivan Pêtorovíts, một người to béo, có mái tóc đen khá đẹp, để râu quai nón, vẫn thường tự mình tổ chức những buổi diễn kịch nghiệp dư nhằm mục đích từ thiện, ông thường sắm vai các vị tướng già và thường có kiểu ho rất buồn cười. Ông biết nhiều chuyện tiểu lâm, nhiều tục ngữ, câu đố, rất thích nói đùa, chơi chữ; nhìn vẻ mặt ông không thể hiểu được rằng ông đang nói đùa hay nói thật. Vợ ông là bà Vêra Iôxipópna, một người mảnh khảnh, gương mặt ưa

nhìn, đeo pince-nez*, có viết truyện, tiểu thuyết và thường thích thú đem ra đọc cho khách nghe. Con gái ông là Êkatêrina Ivanópna, một cô gái trẻ, biết chơi đàn dương cầm. Nói tóm lại, mỗi thành viên trong gia đình đều có một tài năng nào đó. Gia đình Turkin thường tiếp đón khách rất hồ hởi và vui vẻ giới thiệu tài năng của mình với khách một cách giản dị thật lòng. Ngôi nhà xây bằng đá của họ rất rộng rãi, về mùa hè mát lạnh, nửa số cửa sổ hướng ra khu vườn rợp bóng cây cao, nơi về mùa xuân hoa mị tới hót. Khi có khách ngồi trên nhà thì dưới bếp có tiếng dao thót lách cách, mùi hành phi tỏa ra ngoài sân thơm phức và lần nào cũng vậy cái đó hứa hẹn một bữa ăn tối ngon lành, thịnh soạn.

Và mọi người cũng đã nói với bác sĩ Xtarxép, Đomitôri Iônúts, khi anh vừa được bổ về làm việc ở Dialigơ cách X. chín vécxta, rằng đối với một người trí thức như anh thì việc làm quen với gia đình Turkin là cần thiết. Có lần vào mùa đông, người ta đã giới thiệu anh với Ivan Pêtorovíts ở ngoài phố, họ nói chuyện với nhau về thời tiết, về nhà hát, về dịch tả, sau đó thì Ivan Pêtorovíts mời bác sĩ đến nhà mình chơi. Đến mùa xuân, vào một ngày lễ, sau khi tiếp bệnh nhân, Xtarxép lên đường vào thành phố để giải trí chút ít, vừa nhân thể mua sắm vài thứ lặt vặt. Anh đi bộ lưng thưng (anh không có ngựa riêng) vừa đi vừa khe khẽ hát:

* kính không gọng (*tiếng Pháp*)

*Thuở anh chưa từng uống lệ tự chén đời...**

Anh ăn trưa ở ngoài phố, dạo chơi trong công viên, rồi sau đó bỗng dưng anh nhớ tới lời mời của Ivan Pêtorovíts, anh quyết định ghé thăm gia đình Turkin xem họ là những người như thế nào.

- Xin chào bác sĩ, - Ivan Pêtotovíts nói khi đón anh ngoài thềm. - Rất, rất vinh hạnh được đón vị khách quý thế này. Nào, xin anh vào cho tôi giới thiệu với bà xã nhà tôi. Vêra ạ, tôi đã nói với anh ấy, - ông giới thiệu bác sĩ với vợ, - tôi đã nói với anh ấy rằng anh không được quyền ngồi ru rú nơi bệnh viện của mình, anh cần phải hiến những giờ phút nghỉ ngơi của mình cho xã hội. Có phải thế không hở mình?

- Mời anh ngồi xuống đây, - bà Vêra Iôxipópna vừa nói vừa thân mật kéo khách ngồi xuống bên cạnh mình. - Anh có thể tán tỉnh tôi nữa đấy. Nhà tôi hay ghen lắm, như Ôtenlô** ấy, nhưng chúng ta sẽ xử sự sao cho ông ta không nhận thấy điều gì cả.

- Mình chỉ nói đùa thôi nào... - Ivan Pêtorovíts nhẹ nhàng lắm bảm rồi hôn lên trán vợ. - Anh đến đúng lúc lắm, - ông lại nói với khách, - bà xã nhà tôi vừa viết xong một cuốn tiểu thuyết khá dài, hôm nay bà sẽ đọc cho mọi người nghe.

* Trích bản tình ca viết theo bài thơ "Sầu cả" của nhà thơ Nga A.A.Đenvig (1798-1831), âm nhạc của M. L. Iakóplép.

** Nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của Sếchxpia.

- Gianchích. - Vêra Iôxipópna nói với chồng, - dites que l'on nous donne du thé*.

Chủ nhân giới thiệu tiếp Xtaxép với Êkatêrina Ivanópna, một cô gái mười tám tuổi, rất giống mẹ, cũng mảnh khảnh và có gương mặt ưa nhìn như thế. Gương mặt này còn nhiều nét trẻ thơ, thân hình mảnh mai, mềm mại, ngực nàng trinh trắng, đầy đặn, khỏe mạnh, xinh xắn gợi nhớ đến mùa xuân, một mùa xuân thực sự. Sau đó mọi người ngồi uống nước chè với mật ong, mứt, kẹo và thứ bánh bích quy thượng hảo hạng vừa ngậm vào miệng đã tan mịn ra. Gần về tối, khách đến đông dần, người nào Ivan Pêtorovíts cũng hồ hởi nói, đôi mắt sáng lên: “Xin chào quý khách”.

Sau đó mọi người ngồi trong phòng khách với vẻ mặt thật là nghiêm trang, và Vêra Iôxipópna bắt đầu đọc tiểu thuyết của mình. Bà mở đầu bằng câu: “Trời lạnh buốt...” Cửa sổ phòng khách mở toang, có thể nghe thấy tiếng dao thốt lách cách trong bếp, mùi hành phi thơm phức bay lên... Ngồi trong những chiếc ghế bành êm, sâu thật là bình thản, trong phòng khách khi trời vừa tối ánh đèn tỏa ra thật là dịu nhẹ và lúc này, vào một tối mùa hè, khi tiếng cười nói lao xao từ ngoài phố vọng vào, hoa đình hương ngoài sân đưa mùi thơm ngào ngạt, thật là khó hiểu khi phải nghe đọc “trời lạnh buốt và mặt trời đang lặn, tỏa những tia nắng yếu ớt lên cánh đồng phủ đầy tuyết trắng và người bộ hành đơn độc lang thang trên đường”. Vêra

* anh bảo họ đem nước chè lên cho chúng ta đi (*tiếng Pháp*).

Iôxipópna đọc tiểu thuyết kể về một nữ bá tước trẻ tuổi cho xây dựng ở làng mình nhiều trường học, bệnh viện, thư viện, đem lòng say mê một chàng họa sĩ lang thang, - bà ta đọc tiểu thuyết viết về những gì không tồn tại trong cuộc đời, tuy vậy ngồi nghe câu chuyện đó cũng thú vị, dễ chịu, trong đầu nảy ra toàn những ý nghĩ tốt đẹp, bình yên, - vì thế cũng chẳng có ai muốn đứng dậy...

- Không đến nổi nào... - Ivan Pêtorovíts khẽ nói.

Một vị khách vừa nghe vừa lơ đãng nghĩ đến một nơi nào xa, thật xa, đáp lại rất khẽ:

- Vâng... đúng thế...

Một giờ, rồi hai giờ trôi qua. Từ công viên thành phố gần đấy vọng lại tiếng đàn nhạc và đàn đồng ca. Khi Vêra Iôxipópna gấp cuốn vở của mình lại thì mọi người im lặng chừng năm phút và lắng nghe bài “Lusinnuska”^{*} mà đàn đồng ca đang hát. Bài hát này đã nói tới những gì không có trong tiểu thuyết vừa đọc, những gì tồn tại trong cuộc đời.

- Bà đã cho đăng những tác phẩm của mình trên tạp chí rồi chứ? - bác sĩ Xtaxép hỏi Vêra Iôxipópna.

- Không anh ạ. - bà trả lời, - tôi chẳng in ở đâu cả. Viết ra rồi cho vào tủ cất đi thôi. Cho in làm gì hở anh? - bà giải thích. - Chúng tôi đủ tiền tiêu rồi mà.

^{*} Một bài hát dân gian Nga.

Và không hiểu vì sao mọi người đều thờ dài.

- Bây giờ đến lượt con chơi bản đàn nào đi Kôchích, -
Ivan Pêtorovíts nói với con gái.

Người ta mở nắp đàn, giờ bản nhạc để sẵn trên giá. Êkatêrina Ivanópna ngồi xuống, hai tay gõ mạnh xuống phím đàn; sau đó nàng lại đập mạnh xuống phím đàn lần nữa, lần nữa, rồi lần nữa; ngực và vai nàng rung rung, nàng cố sức gõ đi gõ lại vào một chỗ tưởng chừng như sẽ chỉ ngừng gõ khi phím đàn bên trong bị đứt. Cả phòng khách vang rền tiếng đàn; sàn nhà, trần, bàn ghế dường như rung lên... Êkatêrina Ivanópna chơi một đoạn nhạc khó, hấp dẫn người nghe chính là ở mức độ khó biểu diễn của nó tuy vừa dài vừa đơn điệu. Xtarxép vừa nghe vừa tưởng tượng ra cảnh nhiều hòn đá từ trên núi cao không ngừng theo nhau ào ào lăn xuống và anh chỉ muốn những hòn đá đó lập tức không lăn được nữa. Cũng vào lúc ấy, anh cảm thấy rất thích Êkatêrina Ivanópna mặt ửng đỏ vì căng thẳng, trông khỏe khoắn, đầy sinh khí, món tóc xoắn lò xo xuống trán. Sau cả mùa đông sống ở Dialigior bên cạnh những bệnh nhân và nông dân, thì bây giờ ngồi trong phòng khách, nhìn cô gái trẻ, kiều diễm và chắc là trong trắng này chơi bản đàn ồn ào, chẳng lấy gì làm du dương nhưng vẫn có vẻ cao siêu, - điều đó đối với Xtarxép quả là thú vị, quả là mới mẻ...

- Kôchích, hôm nay con chơi hay hơn hẳn mọi ngày, -
Ivan Pêtorovíts rung rung nước mắt nói khi con gái kết

thúc bản nhạc và đứng lên. - Ông Đênix hãy chết đi, về sau ông không thể chơi hay hơn hôm nay được đâu...^{1*}

Mọi người xúm quanh nàng chúc mừng, biểu lộ sự kinh ngạc, cam đoan rằng lâu lắm rồi họ chưa được nghe bản nhạc nào như thế; nàng im lặng nghe, khẽ mỉm cười, toàn thân nàng lộ rõ vẻ hân hoan của người vừa lập một chiến công.

- Tuyệt diệu! Tuyệt vời!

- Tuyệt thật! - Xtarxép cũng nói khi bị cuốn vào không khí say mê chung quanh. - Chị học nhạc ở đâu thế? - anh hỏi Êkatêrina Ivanốpna. - Ở nhạc viện à?

- Không, tôi đang sửa soạn thi vào nhạc viện, tôi chỉ học ở đây thôi, học bà Daplốpxkaia.

- Chị học xong trường trung học ở đây rồi chứ?

- Không đâu! - bà Vêra Iôxipốpna trả lời thay cho con. - Chúng tôi mời thầy về nhà dạy; đi học ở trường, các anh thầy đấy, có thể bị những ảnh hưởng xấu; chừng nào con gái còn đang lớn thì nhất thiết là phải chịu ảnh hưởng của một mình người mẹ thôi.

- Mặc dù vậy, con sẽ lên học ở nhạc viện, - Êkatêrina Ivanốpna nói.

* Xem chú thích cuối sách

- Không đâu, Kôchích ạ, con phải thương mẹ chứ. Kôchích không bao giờ làm cho bố mẹ nó buồn phải không?

- Không, con sẽ đi! Con phải đi! - Êkatêrina Ivanópna nói, vừa có vẻ đùa vừa có vẻ nhõng nhẽo, chân giậm xuống sàn nhà.

Đến lúc ăn tối, Ivan Pêtorovíts mới có dịp trở tài. Đôi mắt sáng lên như cười giễu, ông lần lượt kể các chuyện tiểu âm, chơi chữ, ra những câu đố vui rồi tự mình giải đáp; lúc nào ông cũng nói bằng thứ ngôn ngữ độc đáo, lập dị, hình thành qua vô số lần chơi chữ và rõ ràng là từ lâu đã trở thành thói quen của ông.

Nhưng thế vẫn chưa hết. Khi các vị khách, vừa thỏa mãn vừa no nê, đang đứng đông đúc ngoài hành lang để lấy bánh tô và can của mình thì thằng ở Páplusa - hay như ở đây vẫn thường gọi là Pava - một đứa bé chừng mười bốn tuổi, tóc cắt ngắn, đôi má phúng phính cứ chạy lằng xằng quanh bọn họ.

- Nào, Pava, biểu diễn thử xem nào! - Ivan Pêtorovíts nói với thằng bé.

Pava đứng nghiêm lại, tay giơ cao và kêu lên bằng một giọng bi thảm:

- Hỡi cô gái bất hạnh, hãy chết đi cho rồi.

Và mọi người cười phá lên.

“Buồn cười thật”, - Xtarxép nghĩ thầm khi đi ra khỏi nhà.

Anh còn ghé vào một quán ăn uống ít bia, sau đó đi bộ về nhà mình ở Dialigior. Dọc đường, anh vừa đi vừa hát nghêu ngao:

Giọng nói của em với anh vừa dịu dàng vừa mệt mỏi...^{*}

Đi hơn mười vécxta rồi, mà khi lên giường nằm ngủ, anh vẫn không hề cảm thấy mệt mỏi chút nào ngược lại anh có cảm tưởng rằng mình có thể sẵn sàng đi thêm một quãng đường dài gấp đôi thế.

“Không đến nỗi nào...” - anh nhớ lại khi đã bắt đầu buồn ngủ, rồi chợt cười thành tiếng.

II

Xtarxép cứ định đến nhà Turkin chơi, nhưng công việc ở bệnh viện bận đến nỗi anh không biết đi vào lúc nào. Thế là hơn một năm nữa trôi qua anh sống đơn độc, chăm cùi làm việc; nhưng rồi có lần anh nhận được một bức thư với phong bì màu xanh từ thành phố gửi tới...

^{*} Câu thơ trong bài tình ca “Đêm” của nhạc sĩ A. G. Rubinstein (1828-1894) phỏng theo câu thơ của A. X. Puskin “giọng nói của tôi với em vừa dịu dàng vừa mệt mỏi”.

Từ lâu, Vêra Iôxipópna đã bị bệnh đau đầu, thời gian gần đây, khi ngày nào Kôchích cũng dọa đi lên nhạc viện học thì những cơn đau có phần hay lặp lại hơn. Các bác sĩ trong thành phố đều đã đến nhà Turkin và bây giờ đến lượt cả bác sĩ ở Dialigior. Vêra Iôxipópna viết cho anh một lá thư lời lẽ đầy xúc động, yêu cầu anh lên thăm và chữa bệnh cho bà. Xtarxép đã đến và từ sau lần đó anh thường đến nhà Turkin luôn luôn... Quả thật là anh cũng đã chữa được ít nhiều cho Vêra Iôxipópna, và bà đã nói với khách khứa rằng Xtarxép là một bác sĩ tài giỏi khác thường. Nhưng anh đã đến thăm gia đình Turkin không phải chỉ vì chúng bệnh đau đầu của bà chủ nữa...

Vào ngày nghỉ, Êkatêrina Ivanópna đã kết thúc những bài tập dương cầm dài lê thê đầy mệt nhọc. Mọi người ngồi rất lâu trong phòng ăn và uống trà, còn Ivan Pêtorovíts thì lại kể những chuyện buồn cười. Bỗng có tiếng chuông gọi cửa; chủ nhà phải đi ra phía cửa ra vào để đón một vị khách nào đó; Xtarxép lợi dụng phút lộn xộn đó thì thầm nói với Êkatêrina Ivanópna, giọng đầy xúc động:

- Tôi van cô, đừng làm tôi phải khổ nữa, đi ra vườn với tôi một lát đi!

Nàng nhún vai tỏ vẻ ngạc nhiên không hiểu anh cần gì ở nàng, nhưng rồi nàng vẫn đứng dậy và bước ra ngoài.

- Ngày nào cô cũng ngồi chơi đàn dương cầm ba-bốn giờ, - Xtarxép vừa đi theo sau nàng vừa nói, - sau đó cô lại ngồi bên cạnh mẹ, nên tôi chẳng có lúc nào nói chuyện

được với cô cả. Cho tôi được gần bên cô dù chỉ 15 phút, tôi van cô.

Mùa thu đang dần đến, khu vườn cây cổ thụ vắng vẻ, buồn buồn, những chiếc lá khô màu sẫm nằm trên con đường giữa hai hàng cây. Hoàng hôn đã buông xuống.

- Tôi không được gặp cô cả một tuần rồi, - Xtarxép nói tiếp: - nếu cô biết được rằng đó là một nỗi khổ như thế nào với tôi! Cô ngồi xuống đây đi. Cô nghe tôi nói nhé.

Hai người đều thích ngồi ở một chiếc ghế đặt dưới tán cây phong lâu năm xoe rộng. Và bây giờ họ lại ngồi chỗ đó.

- Anh cần gì kia? - Êkatêrina Ivanốpna hỏi với giọng khô khan như đang bàn chuyện công việc.

- Tôi không được nhìn cô cả một tuần lễ, tôi không được nghe cô nói suốt một thời gian lâu như vậy. Tôi thèm được nghe giọng nói của cô. Cô hãy nói đi.

Vẻ tươi mát của nàng, cặp mắt và đôi má ngậy thơ đã làm anh ngây ngất say mê. Đến chiếc áo nàng mặc anh cũng cảm thấy có cái gì hết sức dịu dàng xúc động, vừa giản dị vừa kiêu diễm thơ ngây. Cũng lúc ấy, mặc dù trông nàng còn thơ trẻ, anh cảm thấy nàng rất thông minh, so với lứa tuổi mình thì nàng hiểu biết rất nhiều. Anh có thể nói đủ thứ chuyện với nàng, về văn học, về nghệ thuật, về mọi việc, có thể than phiền với nàng về cuộc đời, về người này người nọ, tuy đôi lần khi anh đang nói chuyện nghiêm trang thì nàng bất chợt cười phá lên không đúng chỗ hay

chạy luôn vào nhà. Giống như các cô gái khác ở thành phố X., nàng đọc rất nhiều (nói chung thì ở X. người ta rất ít đọc sách; tại thư viện địa phương, người ta vẫn thường nói rằng nếu không có các thiếu nữ và các chàng Do Thái trẻ tuổi thì đến phải đóng cửa thư viện), điều này làm Xtarxép rất thích, lần nào anh cũng xúc động hỏi nàng xem mấy ngày vừa qua nàng đã đọc sách gì và anh say sưa nghe nàng kể lại những gì nàng đã đọc.

- Tuần vừa rồi cô đọc gì vậy, khi chúng ta không gặp nhau? - anh hỏi. - Cô nói đi.

- Tôi đọc Pixemxki*.

- Cụ thể là cuốn nào?

- Cuốn “Một nghìn người”, - Kôchích trả lời. - À mà người ta gọi Pixemxki buồn cười lắm cơ: Aléchxây Phêôphilắctút!

- Cô đi đâu vậy? - Xtarxép hoảng hốt nói, khi thấy nàng vụt đứng dậy và đi về phía nhà. -Tôi cần nói chuyện với cô, tôi cần nói hết mọi điều... Xin cô dừng lại đây dù chỉ năm phút nữa thôi! Tôi van cô!

Nàng dừng lại như muốn nói điều gì, sau đó vung về dúi vào tay anh một mảnh giấy rồi chạy vào nhà, tiếp đó lại ngồi xuống chơi đàn.

* Pixemxki A. Ph. (1820-1881) - nhà văn Nga.

“Hôm nay, vào mười một giờ đêm, - Xtarxép đọc, - anh hãy đến bên đài tưởng niệm Đémétti ngoài nghĩa trang”.

“Điều này thật chẳng hợp lý chút nào, - anh nghĩ, sau khi tỉnh táo trở lại. - Sao lại ở ngoài nghĩa trang? Để làm gì kia chứ?”

Có thể thấy rõ là Kôchích đã giở trò tình nghịch. Quả thật là có ai lại có thể nghiêm chỉnh định giờ hẹn gặp vào ban đêm mà lại ở một nơi rất xa ngoài thành phố, trong một nghĩa trang khi hoàn toàn có thể gặp nhau ở ngoài phố, tại công viên. Và liệu điều này có thích hợp với anh không, khi một bác sĩ thông minh, một người đảng hoàng như anh lại phải lòng một cô gái, nhận thư từ, loanh quanh đứng chờ ngoài nghĩa trang, phạm những điều ngu xuẩn mà bây giờ ngay cả bọn học sinh cũng chế giễu? Chuyện tình này rồi sẽ đi tới đâu? Bạn bè sẽ nói thế nào, khi biết chuyện này? Xtarxép đã nghĩ như vậy khi đi đi lại lại bên những chiếc bàn kê trong câu lạc bộ, thế rồi vào mười giờ rưỡi đêm anh bất chợt quyết định đi ra nghĩa địa.

Anh đã có một cỗ xe song mã riêng và người đánh xe tên là Pantêlây môn mặc chiếc gi lê bằng nhung. Trăng tỏa sáng. Chung quanh vắng lặng và ấm áp, nhưng mà ấm áp theo kiểu mùa thu. Ở vùng ven nội gần một khoảng rừng nghe có tiếng chó tru. Xtarxép cho dừng xe ở một ngõ hẻm cuối thành phố rồi một mình đi bộ ra nghĩa trang. “Tính nét ai thì cũng có những điểm dị kỳ, - anh nghĩ. - Kôchích cũng là người kỳ dị, biết đâu nàng có thể không

đùa mà sẽ đi ra đấy thật”, - anh ấp ủ chút hi vọng mong manh trống rỗng ấy, và điều đó làm anh say sưa.

Anh đi qua một quãng đường đồng chừng nửa vécxta. Từ xa nghĩa trang hiện lên thành một dải đen sẫm trông như một cánh rừng hay một khu vườn lớn. Hàng rào xung quanh xây bằng đá trắng. Rồi cánh cổng. Dưới ánh trăng có thể đọc được dòng chữ kẻ trên cổng nghĩa trang: “Sẽ điểm cái giờ ở nơi ấy...”^{*} Bước qua cổng, Xtarxép trước tiên nhìn thấy những chiếc thánh giá màu trắng và những bức tượng ở hai bên con đường rộng có trồng cây; anh nhìn thấy bóng của những bức tượng, thánh giá và của những cây dương trên mặt đất. Khắp cả nghĩa trang là những hình bóng chỗ đen chỗ trắng, hàng cây lặng yên như đang ngủ, nghiêng cành bên những ngôi mộ trắng. Có cảm giác rằng ở đây hãy còn sáng hơn ngoài cánh đồng; những lá cây phong trông như bàn chân thú hiện lên rõ mồn một trên nền đường rải cát vàng, trên những tấm bia, có thể đọc được những hàng chữ ghi trên bia. Thoạt tiên Xtarxép thấy bàng hoàng trước những gì anh đang thấy lần đầu trong đời và chắc là chẳng còn dịp nào thấy lại nữa: trước mắt anh là một thế giới không giống bất kỳ ở đâu khác, một thế giới đẹp đẽ mềm mại với ánh trăng bàng bạc, dường như đây là quê hương của nó, nơi không có sự sống nhưng trong từng cây dương màu sẫm tối kia, trong từng ngôi mộ đều toát ra vẻ gì huyền bí hứa hẹn một

^{*} Trích câu trong sách Phúc âm.

cuộc sống kỳ diệu, êm đềm, vĩnh viễn. Có chút gì bình yên, buồn buồn, độ lượng tỏa ra từ những tấm bia mộ, những vòng hoa đã héo cùng với mùi hương của những chiếc lá mùa thu.

Chung quanh vắng lặng, những vì sao trên trời cao hiện hòa lấp lánh; tiếng bước chân Xtarxép tản ra nghe rõ mồn một và lạ lẫm. Chỉ đến khi chuông nhà thờ đổ hồi và anh hình dung mình là một người đã chết, bị chôn vùi ở đây vĩnh viễn, thì anh mới có cảm giác rằng có ai đang nhìn anh; trong chốc lát anh nghĩ rằng đấy không phải là im lặng, bình yên mà là một nỗi buồn da diết của hư vô, một niềm tuyệt vọng đau đớn...

Đài tưởng niệm Đemétti, xây như một nguyên đường có hình thiên thần ở phía trên; trước đây một lần có đoàn ca kịch Ý qua thành phố X. này, một nữ nghệ sĩ đã chết ở đây; người ta an táng nàng và dựng lên đài tưởng niệm này. Trong thành phố không còn ai nhớ đến nàng nữa, nhưng cây đèn thờ đặt trước lối vào lung linh phản chiếu ánh trắng trông như đang cháy sáng.

Không một bóng người. Có ai lại đến đây vào lúc nửa đêm? Nhưng Xtarxép vẫn chờ đợi, dường như ánh trăng đã làm lòng anh thêm rạo rực, anh tưởng tượng ra mình sẽ được ôm, được hôn nàng như thế nào. Anh ngồi cạnh đài tưởng niệm độ chừng nửa giờ, sau đó anh đi dạo theo những con đường sát hàng rào, tay cầm mũ, vừa đợi chờ vừa nghĩ rằng nơi đây, dưới lớp đất sâu, đã chôn vùi bao nhiêu các bà, các cô, những người lúc sinh thời đã thật là

đẹp xinh, kiều diễm, những người đã từng yêu, từng dịu dàng, say đắm trong đêm. Thế rồi tạo hóa thật khéo trêu tức con người, thật đáng tiếc phải nhận ra điều đó. Xtarxép nghĩ vậy, và cùng lúc ấy anh muốn gào lên rằng anh đang khao khát, đang chờ đón tình yêu dù bất kể thế nào; trước mắt anh không phải là những phiến đá hoa cương trắng toát nữa mà là những thân hình đẹp lồ lộ, anh thấy những bóng người đang xấu hổ nấp trong tán cây sẫm tối, anh cảm thấy hơi thở ấm áp, và tâm trạng dầy vò ấy mỗi lúc một thêm nặng nề...

Mặt trăng bỗng khuất sau mây, tất cả chung quanh tối sẫm hết như tấm màn đã hạ. Một lúc sau Xtarxép mới tìm được cổng ra, - trời tối quá, như trong đêm mùa thu, - sau đó anh còn phải đi quẩn quanh chừng một giờ rưỡi nữa để tìm đến ngõ hẻm, nơi anh cho xe ngựa đỗ lại.

- Ta mệt quá, đứng không vững nữa, - anh nói với Pantelâymon.

Ngồi lên xe, ngả người thoải mái, anh nghĩ: “Ồ, kể ra cũng không nên phát phì!”

III

Tối hôm sau anh đến nhà Turkin để ngỏ lời cầu hôn. Nhưng chuyện đó xem ra không thích hợp lắm vì lúc ấy một người thợ uốn tóc đang sửa mái tóc cho Êkaterina

Ivanópna trong phòng của nàng. Nàng đang sửa soạn đi dự vũ hội.

Anh đành phải ngồi rất lâu trong phòng ăn và uống trà. Thấy khách có vẻ chán chường, ưu tư, Ivan Pétorovíts rút trong túi áo gi lê một mảnh giấy rồi đọc to bức thư nghe rất buồn cười của một quản gia người Đức, bức thư nói rằng trong trang áp các khóa cửa đều bị hỏng, *tức tường bị đổ*.*.

“Của hồi môn họ cho cô ấy chắc cũng khá đấy”, - Xtaxép vừa nghĩ vừa lơ đãng nghe ông già đọc thư.

Sau một đêm mất ngủ, anh ở trong tâm trạng thẳng thốt, hết như toàn thân anh chứa những gì dịu ngọt, đê mê; lòng anh thấy mơ màng nhưng ấm áp, vui vui, đồng thời trong tâm trí anh hiện ra một ý nghĩ lạnh lùng, nặng nề:

“Dừng lại thôi, khi còn chưa muộn! Liệu nàng có xứng đôi với anh không? Nàng được chiều chuộng, tính tình đồng đánh, ngủ đến 2 giờ trưa mới dậy, còn anh chỉ là con một người tu sĩ, một bác sĩ ăn lương nhà nước ở hội đồng tự quản...”

“Thế thì sao? - anh nghĩ. - Cứ cho là thế đã sao”.

“Thêm nữa, nếu anh lấy cô ta, - ý nghĩ lạnh lùng kia lại suy đoán tiếp, - thì bố mẹ cô ấy sẽ bắt anh bỏ nghề ở Đialigơ để sống nơi thành phố”

* Trong văn bản người Đức viết không đúng tiếng Nga.

“Thế thì sao? - anh nghĩ. - Thì cứ sống ở thành phố đã sao. Cô ta sẽ có của hồi môn, rồi mình lo liệu được tất...”

Cuối cùng Êkatêrina Ivanópna bước vào phòng ăn, mặc áo dài vũ hội hở vai. Trông nàng thật đẹp và thanh khiết, Xtarxép nhìn ngắm nàng say sưa, ngây ngất đến nỗi không nói được một lời nào, chỉ biết nhìn nàng và mỉm cười.

Nàng chào mọi người để đi dự vũ hội. Chẳng còn lý do gì để ở lại đây. Xtarxép đứng dậy nói rằng đã đến lúc anh phải về nhà, ở đó bệnh nhân đang đợi anh.

- Thôi được rồi, - Ivan Pêtorovíts nói, - anh về đi, nhân tiện anh đưa Kôchích đến câu lạc bộ nhé!

Ngoài sân mưa lất phất rơi, trời tối đen như mực, chỉ nhờ nghe tiếng ho húng hắng của lão Pantêlây môn mới đoán được ngựa đứng ở đâu. Mui xe được kéo lên.

Ivan Pêtorovíts đỡ con gái ngồi lên xe và nói:

- Thôi đi đi! Chào tạm biệt!..

Xe ngựa chạy ra khỏi sân.

- Hôm qua tôi có ra nghĩa địa đấy, - Xtarxép bắt đầu nói. - Cô đã không đo lường, từ tâm với tôi...

- Anh ra nghĩa địa?

- Vâng tôi đã ra đấy và chờ cô đến gần hai giờ đêm. Tôi đã đau khổ...

- Anh cứ việc đau khổ đi, nếu anh không hiểu được những chuyện đùa.

Êkatêrina Ivanốpna cảm thấy mãn nguyện rằng đã ranh mãnh trên đùa người yêu mình, đã được yêu say đắm đến thế.

Nàng cười phá lên nhưng bất thần nàng sợ hãi kêu lên vì đúng vào lúc ấy ngựa chạy quật vào cổng câu lạc bộ và chiếc xe bị nghiêng sang một bên. Xtarxép ôm ngang lưng Êkatêrina Ivanốpna; còn nàng thì hoảng sợ áp sát vào anh. Không kìm mình được, Xtarxép nồng nàn hôn lên môi, lên cằm và ghì chặt lấy nàng.

- Thôi đủ rồi, - nàng nói khô khan.

Và chỉ thoáng sau nàng đã không còn trên xe. Người cảnh sát đứng gần lối vào sáng ánh đèn của câu lạc bộ cất giọng ghê tởm quát lão Pantêlâymon:

- Ê thằng chết tiệt kia, sao lại đỗ xe đấy hở? Đánh xe đi ngay!

Xtarxép trở về nhà, nhưng ít lúc sau lại quay lại. Anh mặc bộ cánh đuôi tôm mượn của người khác, thắt chiếc cà vạt màu trắng cứng mà vẫn cộm lên và lúc nào như cũng muốn tuột ra khỏi cổ áo. Đến nửa đêm, anh ngồi trong phòng khách câu lạc bộ và say sưa nói với Êkatêrina Ivanốpna:

- Ô, những người chưa từng yêu biết thật là ít. Tôi có cảm tưởng rằng chưa ai mô tả đúng tình yêu, và kể cũng khó mà mô tả được tình cảm dịu dàng, sung sướng, đau

khổ ấy. Nếu có ai dù chỉ một lần ném trái cảm giác đó thì người ấy sẽ không lấy lời nói mà diễn tả lại. Việc gì phải mào đầu, phải diễn tả? Việc gì phải nói những lời mỹ miều? Tình yêu của tôi là không cùng... Tôi xin cô, tôi van cô, - cuối cùng Xtárxép mới thốt lên, - tôi ao ước cô thành vợ tôi.

- Anh Đómitori Iônúts ạ, - Êkatêrina Ivanópna nghĩ một lát rồi nói với vẻ rất nghiêm trang. - Anh Đómitori Iônúts, tôi rất biết ơn anh về tình cảm tốt đẹp ấy, tôi kính trọng anh, nhưng... - nàng đứng dậy và nói tiếp, - nhưng, anh thứ lỗi cho, tôi không thể làm vợ anh được. Chúng ta sẽ nói chuyện nghiêm chỉnh với nhau. Anh Đómitori Iônúts ạ, anh biết đấy, tôi yêu nghệ thuật hơn mọi thứ trên đời này, tôi yêu, tôi sùng bái âm nhạc đến mất trí, tôi muốn hiến cả đời mình cho âm nhạc. Tôi muốn trở thành nghệ sĩ, tôi thèm được có vinh quang thành tích, thèm được tự do, còn anh thì lại muốn tôi tiếp tục sống trong thành phố này, tiếp tục cuộc sống trống rỗng, vô bổ này, cuộc sống mà tôi đã không thể nào chịu nổi. Làm vợ ư? Ô, không, xin lỗi anh! Con người cần phải hướng tới một cái đích cao cả, xán lạn, thế mà cuộc sống gia đình thì lại có thể trói buộc tôi suốt đời. Anh Đómitori Iônúts ạ (nàng hơi mỉm cười khi nói cái tên ấy vì chợt nhớ đến tên "Aléxhây Phêôphiláctúts"), anh Đómitori Iônúts ạ, anh là một người phúc hậu, cao thượng, thông minh, anh tốt đẹp hơn tất cả mọi người... - nước mắt rưng rưng trong khóe mắt nàng, - tự đáy lòng, tôi rất thông cảm với anh, nhưng... nhưng anh hãy biết cho rằng...

Để khỏi khóc òa, nàng quay mặt lại và bỏ ra khỏi phòng khách.

Tim Xtarxép không còn hồi hộp đập nữa. Rời khỏi câu lạc bộ, việc đầu tiên anh làm là giặt chiếc cà vạt cứng ra khỏi cổ áo và hít thở một hơi dài. Anh cảm thấy hơi ngượng ngùng, lòng tự ái của anh bị xúc phạm, anh không ngờ lại bị từ chối như vậy, không thể tin được rằng tất cả ước mơ, khổ đau và hi vọng của anh lại dẫn anh đến một kết cục ngu xuẩn như vậy, hết như trong một vở kịch nhỏ trên sân khấu nghiệp dư. Anh thấy thương cho tình cảm của mình, tình yêu của mình, thương đến mức tưởng như có thể òa lên khóc hay lấy hết sức mà cầm ô đập vào cái lưng to bè bè của lão Pantêlâymon.

Ba ngày liền anh không làm được việc gì, không ăn, không ngủ, nhưng đến khi nghe nói rằng Êkatêrina Ivanópna đã lên Maxcova để thi vào nhạc viện thì anh thấy yên lòng trở lại và lại bắt đầu sống như xưa.

Sau này thỉnh thoảng mỗi khi chợt nhớ lại lúc thơ thẩn trong nghĩa địa hay lúc đi khắp thành phố để kiếm một cái áo đuôi tôm, Xtarxép uể oải vươn mình và nói:

- Thế mà cũng lắm điều phiền toái!

IV

Bốn năm trôi qua, ở thành phố, Xtarxép đã khám bệnh cho nhiều người. Sáng sáng anh vội vã tiếp bệnh nhân ở

Đialigior, sau đó anh đi tới các bệnh nhân trên thành phố, không phải bằng xe song mã mà bằng xe tam mã có chuông rung và đến khuya mới về lại nhà. Người anh béo ra, phát phì lên, không còn thích đi bộ vì bị khó thở. Cả Pantêlâymon cũng phát phì, lão càng to ngang ra thì lại càng thở dài thườn thượt hơn và than vãn cho số phận cay đắng của mình: lão phát khổ phát sở lên vì suốt ngày phải đánh xe đi!

Xtarxép đến nhiều nhà khác nhau, gặp đủ hạng người, nhưng anh chẳng gần gũi với ai cả. Đám người phạm tục mà anh tiếp xúc chỉ làm anh khó chịu qua những câu chuyện của họ, qua lối nghĩ về cuộc sống hay chỉ vì hình dáng của họ.

Kinh nghiệm dần dà dạy anh rằng, khi anh đánh bài hay ăn điểm tâm với một kẻ phạm tục thì hẳn tỏ ra là một người ôn hòa, khoan dung thậm chí cũng không đến nổi giận; nhưng chỉ cần chuyển sang nói với hắn về một cái gì đó không ăn được như về chính trị hay khoa học chẳng hạn thì lập tức hắn bị bí và tuôn ra một thứ ngu si và độc ác đến mức chỉ còn biết khoát tay mà tránh xa. Khi Xtarxép thử bắt chuyện với một kẻ phạm tục thậm chí mang danh là cấp tiến chẳng hạn như về điều rằng nhân loại, nhờ trời, đang tiến lên phía trước và tương lai sẽ không cần phải có chứng minh thư, không có các án tử hình, thì kẻ phạm tục liếc nhìn anh với vẻ hoài nghi và hỏi: “Thế nghĩa là đến lúc ấy, người ta có thể cắt cổ bất kỳ ai ngoài phố à?”. Khi bạn bè tụ tập ăn tối hay uống trà và Xtarxép nói rằng cần phải lao động, không thể sống mà

không lao động thì mọi người lầm tưởng đó là lời trách móc; họ nổi cáu và hàng hải cãi lại. Tuy thế bọn họ quả thực đều không làm gì, không làm một chút gì, không quan tâm đến một việc gì, và không sao có thể nghĩ được điều gì để nói chuyện với bọn họ. Xtarxép thường tránh bắt chuyện, anh chỉ ăn và đánh bài. Nếu tình cờ ghé vào nhà nào đang có lễ lạt và được mời ăn, thì Xtarxép ngồi xuống lạng lẽ ăn, mắt nhìn xuống đĩa. Tất cả những gì người ta nói với nhau vào lúc ấy đều tẻ nhạt, vô nghĩa, ngu xuẩn; điều đó làm anh cảm thấy khó chịu, bức bối, nhưng anh chỉ im lặng. Vì anh hay nghiêm nghị ngồi im mà nhìn xuống đĩa thức ăn nên người ta gọi anh là “người Ba Lan khó đâm dăm”, mặc dù anh chẳng bao giờ là người Ba Lan cả.

Anh tránh xem các trò giải trí như hòa nhạc, sân khấu, nhưng tối nào cũng đánh bài rất say sưa đến chừng ba giờ đêm. Còn có một thú vui nữa mà anh thấy quen dần ấy là cứ tối tối rút từ các túi ra những tờ giấy bạc kiếm được do đi khám bệnh. Có khi anh đếm được chừng bảy mươi rúp giấy bạc nhét khắp các túi, những tờ giấy bạc màu vàng, màu xanh tỏa đủ thứ mùi: mùi nước hoa, mùi giấm, mùi trầm hương hay dầu cá... Khi gom góp được vài trăm rúp, anh đem gửi vào tài khoản vãng lai của Hội tương trợ tín dụng.

Trong vòng bốn năm từ sau khi Êkatêrina Ivanópna đi khỏi, anh đến thăm nhà Turkin chỉ có hai lần, theo lời mời của Vêra lôxipópna - bà vẫn tiếp tục phải chữa bệnh đau

đâu. Hè nào Êkatêrina Ivanópna cũng về thăm bố mẹ, nhưng anh không có dịp nào gặp nàng.

Thế rồi bốn năm đã trôi qua. Vào một buổi sáng im lặng, ấm áp, người ta đem đến bệnh viện cho anh một bức thư.

Vêra Iôxipópna viết cho Đomitori Iônúts rằng bà ta rất nhớ anh, mong anh thế nào cũng ghé thăm làm khuây khỏa nỗi khổ của bà rồi nói thêm hôm nay là ngày sinh nhật của bà. Phía dưới thấy dòng chữ đề thêm: “Tôi cũng tán thành lời yêu cầu của mẹ. K.”.

Xtarxép nghĩ ngợi một lát rồi buổi tối lên xe đi đến nhà Turkin.

- A, xin chào anh! - Ivan Pêtorovíts đón anh, nheo mắt cười. - Xin chào anh.

Vêra Iôxipópna già đi nhiều, tóc bạc trắng. Bà bắt tay Xtarxép, thở dài đầy kiểu cách rồi nói:

- Bác sĩ chẳng ngó ngang gì đến tôi cả, chẳng chịu đến nhà tôi, với anh tôi đã quá già rồi mà. Nhưng đây anh xem, có người khác trẻ hơn tôi đã về đây, nó chắc sẽ may mắn hơn tôi.

Còn Kôchích thì sao? Cô gầy đi, nước da nhợt nhạt, trông đẹp hơn, thon thả cân đối hơn. Nhưng đó không phải là Kôchích năm xa xưa nữa mà chỉ là Êkatênna Ivanópna; không còn đâu vẻ tươi mát, ngây thơ năm nào nữa. Trong ánh mắt, trong từng cử chỉ chứa đựng một điều gì mới mẻ

- e ngại và như có lỗi, hết như ở đây, trong nhà của gia đình Turkin, nàng cảm thấy mình là người xa lạ.

- Bao xuân qua đông lại rồi anh nhỉ! - nàng vừa nói vừa đưa tay ra cho Xtarxép, có thể thấy rõ rằng tim nàng đang đập hồi hộp; nàng chăm chăm nhìn anh với vẻ hiếu kỳ rồi nói tiếp: Anh béo ra nhiều quá. Anh rậm rắng và trông oai vệ lắm, nhưng nói chung là anh cũng ít thay đổi thôi.

Đến bây giờ anh vẫn thấy thích nàng, rất thích nữa là đằng khác, nhưng trong con người nàng còn thiếu một chút gì hay thừa một cái gì đó, - tự anh không thể nói được rành rẽ đó là điều gì; có cái gì đấy ngăn cản anh xúc động như trước kia. Anh không thích vẻ nhợt nhạt của nàng, không thích cách nói mới, nụ cười uể oải, giọng nói; lát sau, anh cũng cảm thấy không ưa bộ xiêm áo nàng mặc, chiếc ghế bành nàng ngồi, không thích cái gì đó trong quá khứ, khi mà suýt nữa thì anh đã lấy được nàng. Anh nhớ lại tình yêu của mình, nhớ lại những ước mơ và hi vọng từng xúc động lòng anh bốn năm về trước, - và anh cảm thấy lúng túng.

Mọi người uống trà, ăn bánh ngọt. Sau đó bà Vêra Iôxipốpna lại đọc tiểu thuyết của mình; bà ta đọc lên những điều chẳng bao giờ có trong cuộc đời, còn Xtarxép thì ngồi nghe, đưa mắt nhìn mái đầu bạc trắng khá đẹp của bà và chờ xem lúc nào thì bà thôi đọc.

“Kẻ bất tài, - anh nghĩ, - không phải là người không biết viết truyện mà là người viết xong truyện rồi lại không biết giấu nó”.

- Không đến nỗi nào, - Ivan Pêtorovíts nói.

Sau đó Êkatêrina Ivanópna chơi đàn dương cầm hồi lâu, tiếng đàn nghe âm ỉ và khi nàng kết thúc, mọi người lại cảm ơn, bày tỏ với nàng sự thần phục hồi lâu.

“Cũng may mà đạo ấy mình không lấy cô ta”, - Xtarxép nghĩ thầm.

Nàng nhìn anh với vẻ như chờ đợi anh mời nàng đi vào vườn chơi, nhưng anh lặng thinh.

- Nào, chúng ta nói chuyện với nhau đi chứ, - nàng vừa tiến gần lại chỗ anh, vừa nói: -Anh sống thế nào? Anh có chuyện gì mới không? Suốt thời gian qua, lúc nào tôi cũng nghĩ tới anh, - nàng nói tiếp, giọng xúc động, - tôi đã định gửi thư cho anh, định tự mình đến Đialigiơ thăm anh, tôi đã quyết định đi rồi thì liền đó tôi lại phân vân không biết bây giờ anh đối với tôi thế nào, nên lại thôi. Hôm nay tôi hết sức xúc động đợi anh đến. Chúng ta vào vườn dạo chơi đi.

Họ vào vườn và ngồi xuống chiếc ghế dưới cây phong già như bốn năm về trước. Trời rất tối.

- Độ này anh sống thế nào? - Êkatêrina Ivanópna hỏi.

- Không đến nỗi nào, sống thế nào xong thôi, - Xtarxép đáp.

Và anh không thể nghĩ thêm điều gì để nói. Cả hai cùng im lặng.

- Tôi thì hồi hộp, - Êkatêrina Ivanốpna nói, lòng bàn tay che lên mặt, - mà anh thì đứng đưng như không. Về đến nhà, tôi cảm thấy thật là nhẹ nhõm, tôi sung sướng được gặp lại mọi người, và vẫn còn bàng hoàng mãi không thôi. Biết bao nhiêu là kỷ niệm. Tôi tưởng rằng chúng ta sẽ nói chuyện với nhau không phút giây nào ngừng đến sáng.

Lúc này anh mới nhìn kỹ gương mặt nàng với đôi mắt sáng; ở đây, trong bóng tối, nàng trông trẻ hơn lúc ngồi trong phòng, thậm chí, dường như về thơ ngây ngày xưa lại trở lại với nàng. Và quả thực là nàng cũng đã nhìn anh với vẻ hiếu kỳ hết như cổ thấy rõ và nhận biết con người trước đây đã yêu nàng nồng nàn đến thế, dịu dàng và bất hạnh đến thế; ánh mắt nàng lộ rõ lòng biết ơn với tình yêu của anh. Anh nhớ lại những gì đã xảy ra, nhớ tới từng chi tiết nhỏ, anh nhớ đã lang thang trong nghĩa địa thế nào, đã mệt mỏi trở về nhà khi gần sáng. Bất giác anh cảm thấy buồn buồn, tiếc thương cho quá khứ. Lòng anh chợt thấy chút gì ảm áp.

- Cô còn nhớ lần tôi đưa cô đến câu lạc bộ không? - anh nói. - Hôm ấy trời mưa và rất tối...

Anh thấy lòng mình dịu lại, anh muốn nói, muốn than vãn với nàng về cuộc sống...

- Ô! - anh thở dài và nói. - Cô hỏi tôi sống thế nào ư. Chúng ta sống ra sao nào? Chẳng ra sao cả. Chúng ta già

đi, béo ra, ngày một đồ đốn. Hết sáng rồi lại đêm, một ngày lại qua, mà cuộc sống thì vẫn trôi đi tẻ nhạt, không để lại một ấn tượng nào, không một ý nghĩ nào... Ban ngày thì kiếm ăn, tối thì lại đến câu lạc bộ, tụ tập với bọn người đánh bài, nghiện rượu, những kẻ tôi không thể nào chịu nổi. Có gì là tốt đẹp đâu?

- Nhưng anh còn có việc làm, còn có mục đích cao thượng trong cuộc sống. Trước đây anh hay nói về nhà thương của mình lắm cơ mà. Còn tôi dạo ấy thật là lạ lùng, tôi tưởng tượng ra mình là một nghệ sĩ dương cầm vĩ đại. Bây giờ thì các cô gái đều chơi đàn dương cầm, tôi cũng chơi đàn như mọi người và tôi cũng chẳng có điều gì đặc biệt hơn người. Tôi chơi đàn cũng như mẹ tôi viết văn vậy thôi. Tất nhiên là dạo ấy tôi đã không hiểu anh, nhưng sau này, khi ở Maxcova, tôi nghĩ nhiều về anh. Tôi chỉ nghĩ đến anh. Thật là hạnh phúc được làm một bác sĩ giúp đỡ những người đau khổ, phụng sự nhân dân. Thật là hạnh phúc! - Êkatêrina Ivanópna say sưa nhắc lại. - Ở Maxcova, khi nghĩ đến anh, tôi đã hình dung ra anh là một người lý tưởng, đầy cao thượng....

Xtarxép chợt nghĩ đến những tờ giấy bạc mà tối tối anh vẫn thích thú lôi ra từ các thứ túi, và cảm giác ấm áp trong lòng anh vụt tắt.

Anh đứng dậy đi về phía nhà. Nàng khoác tay anh.

- Anh là người tốt đẹp nhất mà tôi đã được biết trong cuộc đời, - nàng nói tiếp. - Chúng ta sẽ thường xuyên gặp

nhau, phải thế không anh? Anh hứa với tôi đi. Tôi không phải là nghệ sĩ dương cầm, về phần mình tôi không lảm lẩn thế nữa và sẽ không bao giờ chơi đàn, nói tới âm nhạc khi có mặt anh nữa.

Họ vào nhà và khi dưới ánh đèn sáng, Xtarxép nhìn thấy gương mặt nàng, đôi mắt nàng buồn buồn, đầy vẻ biết ơn và dò hỏi đang nhìn anh thì anh cảm thấy ái ngại, bần khoản. Anh lại nghĩ: “Cũng may mà đạo ấy mình không lấy cô ta”.

Anh cáo từ ra về.

- Anh không được quyền rời khỏi nhà này mà không ăn tối, - Ivan Pêtorovíts đưa tiễn anh và nói. - Về phía anh, như vậy là không hay. Nào, Pava, biểu diễn thử xem nào! - ông ta nói với Pava khi ra đến hành lang.

Pava bấy giờ không còn là cậu bé nữa mà là một chàng trai trẻ có ria mép. Pava đứng nghiêm lại, tay giơ cao và kêu lên bằng một giọng bi thảm:

- Hỡi cô gái bất hạnh, hãy chết đi cho rồi!

Những cảnh ấy làm Xtarxép khó chịu. Ngồi trong xe, nhìn lên ngôi nhà và khu vườn tối sẫm trước đây đã từng xiết bao gần gũi thân thiết với anh, anh chợt nhớ lại tất cả - tiểu thuyết của bà Vêra lôxipópna, tiếng đàn dương cầm âm ỉ của Kôchích, những câu chơi chữ của Ivan Pêtorovíts, dáng đứng bi thảm của Pava. Anh nghĩ rằng nếu những người mang tiếng là giỏi giang nhất thành phố

này lại bắt tài đến thế thì cả thành phố này sẽ còn phải thế nào.

Ba ngày sau, Pava mang đến cho anh bức thư của Êkatêrina Ivanốpna.

“Anh không đến chúng tôi chơi. Vì sao thế? - nàng viết. - Tôi sợ rằng anh đã thay lòng; tôi sợ thế và chỉ thoáng nghĩ đến điều đó tôi đã hoảng sợ. Anh hãy trấn an tôi đi, anh hãy đến và nói rằng, mọi chuyện đều êm đẹp.

Tôi rất cần được nói chuyện với anh. Êkatêrina của anh”.

Đọc xong bức thư, nghĩ ngợi một lát anh nói với Pava:

- Nay anh bạn, về nói lại rằng hôm nay ta không đến, ta bận lắm. Nói rằng chừng ba ngày nữa ta sẽ đến.

Nhưng ba ngày, rồi một tuần trôi qua, mà anh vẫn không đến. Có lần, khi đi qua nhà Turkin, anh chợt nhớ rằng nên ghé vào một lát, nhưng nghĩ lại rồi thôi.

Và không bao giờ anh đến nhà Turkin nữa.

V

Vài năm nữa qua. Xtarxép càng béo, càng phệ ra, thờ nặng nhọc, khi đi đầu hơi ngả ra phía sau. Khi anh ta đi trên xe tam mã gần chuông rung, mặt mày đỏ gay, người.

béo phệ và đứng trước là lão Pantêlây môn, cũng béo phệ, đỏ gay, gáy nung núc những thịt, tay giơ ra phía trước thẳng như khúc gỗ, miệng quát người đi đường: “Nép vào bên phải!”, thì cái cảnh ấy trông thật oai vệ: có cảm tưởng rằng đang đi trên xe không phải là người mà là một vị thần của đạo ngẫu tượng.

Anh có rất nhiều bệnh nhân ở khắp thành phố, chẳng lúc nào hết việc mà nghỉ ngơi đôi chút, đã có trang ấp riêng và hai ngôi nhà cho thuê ở thành phố. Tuy nhiên anh vẫn đang tìm thêm ngôi nhà thứ ba, cho thuê tiện lợi hơn. Khi ở Hội tương trợ tín dụng người ta nói tới một ngôi nhà nào sắp bán là anh chẳng nề nang gì đi thẳng đến nhà ấy, qua khắp các phòng, không thềm để ý tới điều rằng đàn bà, trẻ con trong nhà còn chưa kịp ăn vận quần áo tử tế và đang ngạc nhiên, lấm lét nhìn anh ta. Anh gõ gõ đầu gậy vào từng cánh cửa và hỏi:

- Buồng làm việc đây à? Hay buồng ngủ? Còn kia là buồng gì?

Những lúc ấy anh khó nhọc thở và lấy khăn lau mồ hôi trên trán.

Anh rất nhiều việc, nhưng vẫn không từ bỏ chức bác sĩ ăn lương; lòng tham thúc giục anh vừa muốn làm cả hai việc, ở cả hai nơi. Ở Dialigơ và trên thành phố, dân chúng chỉ đơn giản gọi anh ta là Iônút: “Iônút đi đâu đấy?”

hoặc: “Có nên mời Iônúts đến họp Hội đồng giám định y khoa không?”

Chắc vì mỡ đầy lên ở họng nên giọng nói của anh cũng thay đổi, trở nên the thé, chối tai. Tính tình cũng thay đổi: khó tính và hay cáu gắt. Khi tiếp bệnh nhân, anh thường cáu kỉnh, nồn nóng đập đập gây xuống sàn nhà và quát lên bằng cái giọng chất chúa của mình:

- Xin trả lời vào câu hỏi cho. Đừng huyền thuyên nữa!

Anh ở một mình, sống buồn tẻ, không quan tâm đến điều gì cả.

Trong suốt cả thời gian ở Đialigior, tình yêu đối với Kôchích đã là niềm vui duy nhất và chắc là niềm vui cuối cùng của anh. Tối tối, anh đánh bài ở câu lạc bộ, sau đó ngồi ăn một mình bên chiếc bàn to tướng. Dọn thức ăn cho anh là Ivan, người hầu bàn cao tuổi và lành nghề nhất. Người ta đem rượu nho lafit No.17 cho anh. Và tất cả mọi người, từ chủ câu lạc bộ cho đến đám hầu bàn, đầu bếp, đều biết anh thích gì, không ưa cái gì. Họ đều cố sức làm vừa lòng anh, nếu không anh lại bất thần nổi cáu và sẽ lại đập gây xuống sàn.

Khi đang ăn tối, cũng có lúc anh quay sang nói góp vào câu chuyện của mấy người ngồi cạnh:

- Các anh nói gì vậy? Nói đến ai thế?

Cũng có khi nghe mấy người ngồi bàn bên cạnh nói về gia đình Turkin thì anh cất tiếng hỏi:

- Các anh nói về gia đình Turkin nào thế? Có phải về gia đình có cô gái đánh đàn dương cầm không?

Đấy là tất cả những gì có thể kể về anh ta.

Còn gia đình Turkin thì sao? Ivan Pêtorovíts hầu như không già đi, chẳng thay đổi gì, vẫn ham trò chơi chữ và kể chuyện tiểu lâm như xưa; Vêra Iôxipốpna vẫn đọc tiểu thuyết của mình cho các vị khách với niềm thích thú như xưa. Còn Kôchích ngày nào cũng chơi đàn dương cầm đến chừng bốn giờ đồng hồ. Nàng già đi rất nhanh, ốm đau luôn và mùa thu nào cũng cùng mẹ đi nghỉ ở Krưm. Ivan Pêtorovich tiễn hai mẹ con ra ga và khi đoàn tàu chuyển bánh, ông lau nước mắt, gọi với theo:

- Tạm biệt nhé!

Và vẫy vẫy khăn.

NGƯỜI TRONG BAO

Có hai người đi săn ra khỏi rừng quá muộn đã phải dừng lại nghỉ đêm trong gian nhà kho của ông trưởng xóm Prôcôphi ở tận cuối làng Mirônôxítxkôê. Đó là bác sĩ thú y Ivan Ivanúts và giáo viên trường phổ thông Burkin. Ivan Ivanúts có cái họ khá lạ tai, một họ kép là Tsimtsa-ghimalaixki, họ ấy xem ra không thích hợp gì lắm với ông và khắp cả tỉnh này đều quen gọi ông đơn giản là Ivan Ivanúts. Ông ở trại nuôi ngựa giống gần thành phố và vừa rồi đến đây đi săn để hưởng khí trời trong lành. Còn giáo viên Burkin thì hè nào cũng là khách của bá tước P. và từ lâu đã rất quen thuộc với vùng này.

Họ không ngủ. Ivan Ivanúts, một ông già cao gầy, ria mép dài, thì ngồi phía ngoài cửa và ngậm tẩu thuốc lá; ánh trăng chiếu lên người ông. Còn Burkin thì nằm trên đống cỏ khô, trong bóng tối không nhìn thấy rõ ông.

Họ kể cho nhau về đủ thứ chuyện. Đại loại như họ nói rằng bà Mavra, vợ của ông trưởng xóm, một phụ nữ khỏe mạnh không đến nỗi ngu dốt, nhưng cả đời không đi ra khỏi làng, chưa từng nhìn thấy thành phố, đường sắt, và

chục năm trở lại đây lúc nào cũng ngồi ru rú bên bệ lò, chỉ buổi tối mới đi ra ngoài nhà.

- Ô thế thì có gì lạ đâu! - Burkin nói. - Trên thế giới này chẳng thiếu cái thứ người bản tính vốn ưa sống đơn độc như con ốc, con sên lúc nào cũng cố thu mình vào trong vỏ. Có lẽ đó là một thứ di truyền lưu lại từ thời xa xưa khi tổ tiên con người chưa phải là một động vật sống trong xã hội mà sống đơn độc trong hang hốc của mình, cũng có thể đó là một dạng của tính cách con người - ai mà biết được? Tôi không phải nhà khoa học tự nhiên, và đề cập tới những vấn đề ấy cũng chẳng phải là việc của tôi; tôi chỉ muốn nói rằng những người như bà Mavra không phải là hiện tượng hiếm thấy. Đây này, chẳng phải tìm đâu xa, cách đây khoảng hai tháng, ở thành phố có một người mới chết tên là Belikóp, bạn đồng nghiệp của tôi, một giáo viên dạy tiếng Hy Lạp. Chắc là anh cũng đã nghe tên ông này rồi. Hẳn ta nổi tiếng về điều là lúc nào cũng vậy, thậm chí cả vào khi rất đẹp trời, hẳn đều đi giày cao su, cầm ô và nhất thiết là mặc áo bành tô ấm cốt bông. Ô hẳn để trong bao, chiếc đồng hồ quả quít cũng để trong bao bằng da hươu, và khi rút chiếc dao nhỏ để gọt bút chì thì chiếc dao ấy cũng đặt trong bao; cả bộ mặt hẳn ta nữa dường như cũng ở trong bao vì lúc nào hẳn cũng giấu mặt sau chiếc cổ áo bành tô bẻ đứng lên. Hẳn đeo kính râm, mặc áo bông chần, lỗ tai nhét bông, và khi ngồi lên xe ngựa thì bao giờ cũng cho kéo mui lên. Nói tóm lại con người này lúc nào cũng có khát vọng mãnh liệt thu mình vào trong một cái vỏ, tạo ra cho mình một thứ bao có thể

ngăn cách, bảo vệ hẩn khỏi những ảnh hưởng bên ngoài. Cuộc sống làm hẩn khó chịu, sợ hãi, buộc hẩn phải thường xuyên lo âu và cố lẽ như để bào chữa cho thái độ nhút nhát, ghê tởm đối với hiện tại, lúc nào hẩn cũng ngời ca quá khứ, ngời ca những gì không bao giờ có thật; mấy thứ ngôn ngữ cổ mà hẩn dạy đối với hẩn thật ra cũng chỉ là một thứ giày cao su, một thứ ô che mà nhờ đó hẩn có thể trốn tránh được cuộc sống thực.

- Ô tiếng Hy Lạp nghe thật là tuyệt vời, êm tai. - hẩn ta nói với vẻ ngọt ngào và như để chứng minh cho lời nói của mình, hẩn nheo mắt lại, giơ một ngón tay lên và thốt ra tiếng: - *Anthrôpos**!

Cả ý nghĩ của mình *Bélikóp* cũng cố giấu vào bao. Đối với hẩn, chỉ có những chỉ thị, thông tư, những bài báo cấm đoán điều này điều nọ mới là những cái rõ ràng. Khi một thông tư cấm học sinh ra khỏi nhà sau 9 giờ tối hay một bài báo nào đó ngăn cấm tình yêu nhục thể thì những điều đó là rất rạch ròi, rõ ràng với hẩn; cấm rồi thế là đủ. Hẩn bao giờ cũng cảm thấy có cái gì đó mờ ám, khó nói, đáng ngờ vực chứa đựng trong sự cho phép làm điều này điều nọ. Khi người ta đồng ý cho một đoàn kịch, một phòng đọc sách hay quán trà trong thành phố được phép hoạt động thì hẩn lắc đầu và nói nhỏ:

- Cái đó đã dành, hay thì hay thật, nhưng nhớ lại xảy ra chuyện gì.

* Con người (*tiếng Hi Lạp*).

Mọi chuyện vi phạm khuôn phép, hơi trái với lẽ thường đều làm hấn râu rĩ, mặc dầu thật ra những chuyện đó chẳng liên quan gì đến hấn cả. Nếu có bạn đồng nghiệp nào đi muợn lễ nhà thờ, hay có tin đồn về một trò nghịch ngợm nào đấy của học sinh, hay người ta thấy có bà giáo nào đó đi chơi khuya với một sĩ quan thì hấn ta lo lắng ra mặt, luôn miệng nói nhỡ lại xảy ra chuyện gì. Trong các buổi họp hội đồng giáo viên, quả tình hấn đã làm khổ chúng tôi bằng thái độ thận trọng đầy đa nghi, bởi những suy luận đúng theo kiểu thu mình trong vỏ ốc của hấn rằng bọn trẻ ở các trường nam nữ rất hư hỏng, rằng vào giờ học các lớp rất ồn ào, - nhỡ ra lại đến tai ban giám hiệu, nhỡ ra lại xảy ra chuyện gì - và nếu đuổi được thằng Pêtorốp ra khỏi lớp hai và thằng Êgorốp ra khỏi lớp bốn thì thật là hay. Thế rồi sao? Bằng những tiếng thở dài, những lời than vãn, với cặp kính đen trên gương mặt nhợt nhạt, nhỏ bé - anh biết không, bé choắt lại như mặt chồn - hấn đã lấn át tất cả chúng tôi, và chúng tôi phải nhượng bộ hấn, phải bớt điểm hạnh kiểm của Pêtorốp và Êgorốp, bắt giam cả hai rồi cuối cùng thì đuổi chúng ra khỏi trường. Hấn có một thói quen kỳ quặc là đi hết nhà này đến nhà khác, nơi bọn chúng tôi ở. Hấn đến nhà giáo viên nào đó chẳng hạn, kéo ghế ngồi, chẳng nói chẳng rằng, mắt nhìn chung quanh như tìm kiếm vật gì. Hấn cứ ngồi im như phỗng thế rồi độ một giờ sau thì cáo từ. Hấn gọi đó là “cách duy trì những mối quan hệ tốt với bạn đồng nghiệp”. Quả tình đi đến nhà chúng tôi và ngồi im như thế là một việc nặng nề với hấn, nên hấn đến nhà chúng tôi

chỉ vì coi đó là nghĩa vụ bạn bè. Bọn giáo viên chúng tôi đều sợ hấn. Thậm chí cả hiệu trưởng cũng sợ hấn. Anh thử nghĩ mà xem giáo giới chúng tôi là bọn người biết suy nghĩ, rất nghiêm chỉnh, được giáo dục qua các tác phẩm của Turghênhép và Sêdrin*, thế mà cái thằng cha quanh năm đi giày cao su và mang ô ấy đã khống chế cả trường học chúng tôi suốt mười lăm năm trời. Mà đâu phải chỉ có trường học! Cả thành phố nữa ấy! Các bà các cô tôi thử bầy không dám tổ chức diễn kịch tại nhà nữa, sợ rằng nhỡ hấn biết thì lại phiền, giới tu hành khi có mặt hấn không dám ăn thịt và đánh bài. Dưới ảnh hưởng của những kẻ như Bêlikốp, trong vòng mười mười lăm năm trở lại đây, dân chúng trong thành phố đâm ra sợ tất cả. Sợ nói to, sợ gửi thư, sợ làm quen, sợ đọc sách, giúp đỡ người nghèo, dạy đọc chữ...

Ivan Ivanúts húng hăng ho, như muốn nói điều gì, nhưng thoát đầu thì hút thuốc, nhìn lên trần sau đó mới nói nhát gừng:

- Phải rồi. Mang tiếng là những người biết nghĩ, có học, đọc Turghênhép, Sêdrin, Bocoli* và các thứ sách khác, thế rồi phải im lặng chịu đựng, quy phục... Đấy, việc đời là thế đấy.

* Turghênhép I. X. (1819-1883) - nhà văn Nga vĩ đại.

Sêdrin (Xanturkốp - Sêdrin) M. E. (1826-1889) - nhà văn trào phúng vĩ đại Nga, nhà dân chủ cách mạng.

Bocoli G. T. (1821-1862) - nhà sử học và xã hội học Anh

- Bêlikốp ở ngay cùng một nhà với tôi, - Burkin nói tiếp, - cùng một tầng, cửa đối diện nhau. Tôi với hắn vẫn thường xuyên giáp mặt nhau, và tôi biết rõ sinh hoạt ở nhà của hắn. Ở nhà hắn cũng sống thế thôi: cũng vẫn mặc áo khoác ngoài, đội mũ, đóng cửa, cài then, có đủ sự ngăn cấm và hạn chế, lúc nào cũng sợ nhỡ lại xảy ra chuyện gì, ăn chay thì có hại mà thịt thì không nên; vì sợ người ta có thể kháo rằng Bêlikốp không chịu ăn chay nên hắn ăn cá rô với mỡ bò, một món ăn không phải là chay nhưng cũng không thể gọi là thịt được. Hắn không nuôi đầy tớ gái vì sợ người khác có thể dị nghị. Hắn nuôi ông già đầu bếp Aphanaxi, tuổi chừng sáu mươi, say rượu luôn luôn, dở khôn, dở dại, trước đây đã từng làm lính hầu và cũng biết nấu nướng qua loa. Lão già Aphanaxi này thường đứng khoanh tay ở cửa, vừa thở dài vừa lẩm bẩm mỗi một câu:

- Người ở đâu ra bây giờ mà lẩm thế!

Buồng ngủ của Bêlikốp chật như cái hộp, giường nằm thì móc màn. Khi nằm ngủ, hắn kéo chăn trùm đầu kín mít, trong buồng nóng bức, ngột ngạt, gió thổi ngoài cửa sổ đóng kín mít, lửa reo trong lò, có tiếng thở dài nghe dễ sợ vọng lên từ dưới bếp...

Nằm trong chăn hắn cảm thấy rờn rợn. Hắn sợ nhỡ ra lại có chuyện gì, nhỡ lão Aphanaxi lại cắt cổ hắn, sợ kẻ trộm chui vào nhà, sau đó suốt đêm hắn nằm mơ toàn những điều khủng khiếp; và buổi sáng khi cùng đi đến trường với tôi, mặt hắn tái nhợt, râu rĩ. Có thể thấy rõ rằng

cái trường học đông đúc mà hắn đang bước tới kia thật đáng sợ, trái ngược với cả con người hắn, và việc đi cạnh tôi đối với kẻ bản tính vốn cô độc như hắn quả là nặng nề.

- Độ này các lớp học ồn quá, - hắn nói như để tìm nguyên nhân cho tâm trạng nặng nề của hắn. - Thật chẳng ra làm sao nữa.

Thế mà vị giáo viên dạy tiếng Hy Lạp, người mang bao ấy anh biết không, suýt nữa thì đã lấy vợ đấy.

Ivan Ivanúts liếc nhanh vào nhà kho và nói:

- Nói đùa đấy chứ!

- Không đâu; suýt nữa hắn lấy vợ đấy, thế mới lạ chứ. Đạo ấy người ta bỏ đến trường tôi một thầy giáo mới dạy lịch sử và địa lý, tên là Kovalenkô, Mikhain Xápviťs, người xứ Ucraina. Anh ta không đến một mình mà với chị là Varenka. Anh ta còn trẻ, cao lớn, nước da bánh mật, đôi tay to tướng, trông mặt cũng có thể đoán rằng anh ta có giọng trầm, và quả thật anh ta nói giọng ồm ồm như phát ra từ thùng gỗ.

Varenka thì không còn trẻ nữa, tuổi chừng ba mươi, người cũng cao to, dáng thẳng, lông mày đen, má hồng - nói tóm lại không ra vẻ một cô gái mà như một thứ mứt trái cây, tính tình nhí nhảnh, hay nói, hay cười, hay hát những bản tình ca xứ Ucraina. Hơi một tý là cười phá lên ha-ha-ha! Tôi còn nhớ lần làm quen kỹ càng đầu tiên với chị em nhà Kovalenkô là trong buổi tiệc mừng sinh nhật ông hiệu trưởng.

Giữa đám giáo viên mặt mày nghiêm nghị, nặng nề, buồn tẻ, những người đến dự lễ sinh nhật cũng chỉ vì nghĩa vụ, tôi bỗng thấy nữ thần Aphrôdita tái sinh từ bọt sóng: Varenka đi lại, tay chống nạnh, cười, hát, nhún nhảy liên hồi... Chị ta say sưa hát bài “Gió cuốn”*, tiếp đó hát một bản tình ca rồi lại hát nữa, làm tất cả chúng tôi cứ ngây cả ra, kể cả Bêlikốp nữa. Hần ta sấn lại ngồi cạnh Varenka và mỉm cười cầu tài nói:

- Tiếng Ucraina của chị nghe cũng êm dịu, thánh thót như tiếng cổ Hy Lạp.

Câu nói đó làm cho Varenka hồi lòng hồi dạ, cô ta bắt đầu kể cho Bêlikốp nghe với giọng rạch ròi, say sưa rằng cô ta có một trang ấp riêng ở huyện Gadiátxki, ở đấy cô ta còn mẹ, ở đấy có nào lê, nào dưa hấu, nào bí ngô, người Ucraina gọi bí ngô là kabác**, còn quán rượu lại gọi là sinki, xúp củ cải đỏ nấu lẫn với rau xanh “ngon tuyệt là ngon, ngon kinh khủng”.

Chúng tôi ngồi nghe họ nói chuyện và tất cả bỗng cùng nảy ra ý nghĩ.

- Đây, ghép họ thành đôi cũng hay đấy chứ, - bà vợ ông hiệu trưởng nói nhỏ với tôi.

Không hiểu sao chúng tôi đều chợt nhớ rằng Bêlikốp không có vợ, và bây giờ chúng tôi mới lấy làm lạ rằng bấy

* Bài hát nổi tiếng của nhân dân Ucraina.

** quán rượu (tiếng Nga).

lâu nay chúng tôi đã bỏ qua, đã hoàn toàn không để ý đến chi tiết quan trọng đến thế trong đời hần. Nói chung là hần đối xử với phụ nữ thế nào, hần có thái độ thế nào đối với vấn đề quan trọng đó. Trước đây chuyện đó chẳng làm chúng tôi quan tâm chút nào, có thể là vì chúng tôi cũng không thể tưởng tượng được rằng cái người bất cứ thời tiết nào cũng đi giày cao su và nằm màn ấy lại có thể biết yêu.

- Anh ta thì đã ngoại tứ tuần từ lâu, còn cô ả thì đã ba chục xuân xanh rồi... - bà vợ ông hiệu trưởng giải thích ý nghĩ của mình, tôi có cảm giác rằng cô ta cũng sẵn sàng lấy Bêlikóp đấy.

Ở tỉnh lẻ chúng tôi, người ta đã làm đủ chuyện vô bổ, ngu xuẩn vì quá buồn tẻ. Mà điều đó xảy ra chỉ vì những việc cần làm đã không được ai ngó ngàng tới. Chẳng hạn, hà cớ gì mà tự nhiên chúng tôi lại thấy cần phải tìm vợ cho Bêlikóp, một kẻ không ai có thể hình dung được là có vợ? Bà vợ ông hiệu trưởng, bà vợ ngài thanh tra và tất cả các bà trong trường chúng tôi đều hồ hởi hần lên, thậm chí trông như còn đẹp ra nữa, hết như bất ngờ tìm được mục đích cuộc đời. Bà vợ ông hiệu trưởng mua vé cả lô trong rạp hát, và thế là chúng tôi thấy Varenka, tay cầm quạt, mặt mày tươi tỉnh, rạng rỡ đang ngồi cạnh Bêlikóp, nhỏ bé, dúm dỏ, co ro như thế người ta vừa khiêng hần từ nhà đến trong một cái lồng. Có lần tôi tổ chức tối liên hoan thân mật, thì các bà đòi tôi thế nào cũng phải mời cả Bêlikóp và Varenka nữa. Nói tóm lại là cả một guồng máy lớn đã chạy. Hóa ra là Varenka cũng không phản đối gì chuyện lấy chồng. Cô ta sống với em trai chẳng lấy gì làm

vui vẻ, hai chị em cứ cãi vã, chửi bới nhau suốt ngày này qua ngày khác. Đây, đại loại như thế này: Kôvalenkô đi ngoài phố, người cao lớn, khỏe mạnh, mặc áo thêu, tóc lò xo xòa trước trán dưới vành mũ, một tay cầm mấy quyển sách, tay kia cầm một cái gậy to đầy mắt. Đi phía sau là Varenka, tay cũng cầm sách.

- Mikhailích này, cuốn đó cậu đã đọc đâu! - Varenka nói rất to. - Tôi đã nói với cậu rồi mà, thế rằng là cậu chưa hề đọc cuốn đó!

- Thì tôi đã nói là tôi đọc rồi mà! - Kôvalenkô nói như gào lên, đập mạnh gậy xuống vỉa hè.

- Trời, sao lại thế được hả Mikhailích! Cậu bực tức cái gì mới được chứ, vì chuyện này của chúng ta là chuyện có tính nguyên tắc cơ mà!

- Thì tôi đã nói với chị là tôi đọc rồi mà! - Kôvalenkô lại gào lên to hơn.

Ở nhà thì như người dung nước lã, cãi nhau suốt ngày. Sống như thế thì chắc là phát ngấy lên được, ai cũng muốn được sống riêng rẽ mà tuổi tác thì cũng chẳng còn trẻ trung gì nữa. Đến nước ấy thì chẳng còn thì giờ đâu mà kén chọn, lấy ai cũng được, thậm chí cả giáo viên dạy tiếng Hy Lạp. Tiện thể, cũng nên nói thêm rằng nói chung là cánh đàn bà con gái nước ta cũng có cần biết là lấy người thế nào đâu, chỉ cần lấy chồng thôi. Dù sao đi nữa thì Varenka vẫn bắt đầu tỏ rõ mối cảm tình của mình đối với Bêlikốp.

Còn Bêlikóp thì sao? Hắn ta lui tới nhà chị em Kôvalenkô cũng như lui tới nhà chúng tôi thôi. Tới đó, ngồi cũng không nói nửa lời. Hắn thì ngồi im còn Varenka thì hát bài “Gió cuốn” cho hắn nghe hay mơ màng nhìn hắn bằng cặp mắt đen của mình hoặc bất chợt cười phá lên:

- Ha-ha-ha!

Trong chuyện tình ái, nhất là trong hôn nhân, sự xúi bẩy của người ngoài đóng vai trò khá quan trọng. Mọi người, bạn đồng nghiệp cũng như các bà, đều thuyết phục Bêlikóp rằng hắn cần phải lấy vợ, rằng đời hắn chẳng còn việc gì đáng làm hơn là lấy vợ, tất cả chúng tôi đều chúc tụng hắn, nói với hắn đủ thứ chuyện tâm phào bằng giọng thật là trịnh trọng, đại loại như hôn nhân là một việc hệ trọng, thêm nữa Varenka cũng không đến nỗi xấu, tính tình hấp dẫn, cô ta lại là con gái một viên chức bậc năm, có trang ấp riêng, và điều chủ yếu là cô ta là người đàn bà đầu tiên đối xử dịu dàng, chân thành với hắn, - đầu óc hắn quay cuồng và hắn quyết định rằng quả thật là hắn cũng cần phải lấy vợ.

- Có thể mới lột được đôi giày cao su và cái ô của hắn,
- Ivan Ivanúts nói chen vào.

- Anh tưởng thế, chứ có lột nổi mấy thứ đó đâu! Hắn đặt ảnh Varenka lên bàn, thường sang nhà tôi nói chuyện về Varenka, về cuộc sống gia đình, về điều rằng hôn nhân là một việc quan trọng, hắn hay đến chơi nhà Kôvalenkô nhưng cung cách sống của mình thì hắn không thay đổi

chút nào. Ngược lại thế nữa, quyết định lấy vợ tác động lên hắn một cách bệnh hoạn đến mức hắn gầy gò hẳn đi, mặt mày nhợt nhạt, và hình như là lại càng thu mình sâu hơn vào trong bao của hắn.

- Tôi cũng thích Varenka, - hắn vừa nói với tôi, vừa khề nhếch mép cười gượng gạo. - Tôi biết rằng ai ai cũng phải lấy vợ lấy chồng, nhưng... chuyện này, anh biết không, đã xảy ra hơi đột ngột quá... Cần phải cân nhắc một chút.

- Còn cân nhắc cái gì mới được chứ, - tôi nói với hắn.
- Lấy thì lấy quách, thế là xong.

- Không được, hôn nhân là một việc hệ trọng, trước tiên còn phải cân nhắc mọi phận sự, nghĩa vụ... để sau này khỏi xảy ra điều gì đáng tiếc. Chuyện đó làm tôi lo lắng lắm, dạo này đêm nào tôi cũng thức trắng. Thú thật rằng quả là có điều tôi cũng sợ: hai chị em cô ấy có lối nghĩ hơi khác thường, cung cách tư duy của họ là lạ làm sao ấy, tính tình thì sôi nổi thái quá. Lấy cô ấy rồi liệu sau này có gì hay ho không khi phải rơi vào môi trường như thế.

Và hắn không ngỏ lời cầu hôn, hắn cứ lần lữa mãi làm cho bà vợ ông hiệu trưởng và các bà trong trường chúng tôi đều thấy phát bực lên. Lúc nào hắn cũng đắn đo suy tính những phận sự, nghĩa vụ tương lai và đồng thời hầu như ngày nào hắn cũng đi chơi với Varenka, có lẽ hắn nghĩ rằng ở hoàn cảnh của hắn, cần phải làm như thế. Hắn cũng hay đến nhà tôi để bàn về cuộc sống gia đình. Xem ra thì cuối cùng chắc là hắn đã ngỏ lời cầu hôn và sẽ lại có

thêm một đám cưới trong số hàng nghìn đám cưới vô bổ ngu xuẩn vẫn diễn ra ở ta vì buồn tẻ, vô công rồi nghề, nếu nữa chừng không bất ngờ xảy ra một vụ kolossalische skandal*. Cần phải nói rằng em của Varenka ngay từ ngày đầu tiên quen biết Belikóp đã có ác cảm với hắn và không thể nào chịu nổi hắn.

Tôi không hiểu, - anh ta nhún vai nói với chúng tôi.

- Tôi không thể hiểu nổi, vì sao các ngài lại chịu đựng nổi cái tên mách lẻo, cái mồm ton hót bẩn thỉu ấy. Ô, các ngài, thế mà các ngài cũng sống được trong cái bầu không khí ngột ngạt, tởm lợm này. Chẳng lẽ các ngài lại là thầy giáo là nhà sư phạm ư? Các ngài chỉ là những kẻ tranh giành cố leo lên bậc thang công danh, nhà trường của các ngài không phải là lâu đài khoa học mà chỉ là nơi chia nhau tước vị, bốc mùi chua loét như trong bột đồn culít. Không đâu các ông ơi, tôi có sống với các ông ít năm nữa rồi cũng đến bỏ về làng tôi thôi, tôi sẽ đi bắt tôm, và dạy người Ucraina học.

Cũng có khi anh ta cười sảng sặc, cười đến chảy nước mắt, rồi lúc thì cất giọng ồm ồm, lúc thì the the giọng mũi hỏi tôi, tay khoa lên:

- Hắn đến ngôi nhà tôi *măn chi?* Hắn cần *chi nà?* Cứ ngôi mà giương mắt ra thế?

* cái lộn lớn (tiếng Đức)

Thậm chí anh ta còn đặt tên cho Bêlikốp là “Kẻ phũ hào hoặc là kẻ sống bám vào người khác”. Cũng dễ hiểu vì sao chúng tôi cũng tránh nói với anh ta rằng chị Varenka của anh ta sắp sửa lấy “con nhện” ấy. Có lần khi bà vợ ông hiệu trưởng nói xa nói gần với anh ta rằng kẻ cũng tốt nếu vun vén cho chị anh ta đi lấy một người đứng đắn, ai cũng vì nể như Bêlikốp thì anh ta nhún mặt và cầu nhàu:

- Chẳng phải việc của tôi. Chị ấy có đi lấy rắn rết đi nữa tôi cũng mặc, tôi không ưa xen vào việc riêng của người khác.

Bây giờ anh hãy nghe chuyện gì xảy ra tiếp nhé. Có một câu ngổ nghịch nào đó đã vẽ một bức tranh châm biếm: Bêlikốp đang đi, chân xỏ trong giày mưa, quần túm ống, tay cầm ô, tay khoác tay Varenka; bên dưới bức tranh là dòng chữ “Một người si tình”. Anh biết không, đường nét vẽ thật là sắc sảo, độc địa. Người vẽ chắc không phải chỉ làm việc một buổi tối vì tất cả giáo viên ở hai trường nam nữ, giáo viên chủng viện, các viên chức đều nhận được mỗi người một bản. Cả Bêlikốp cũng nhận được. Bức tranh châm biếm đã gây cho hắn một ấn tượng nặng nề.

Chúng tôi cùng ra khỏi nhà - đó là vào ngày mừng một tháng Năm, một ngày chủ nhật, tất cả giáo viên và học sinh chúng tôi đã hẹn gặp nhau ở trường rồi sau đó cùng đi ra ngoài thành phố vào rừng chơi, chúng tôi đi ra và thấy mặt hắn xanh mét, ảo não hơn cả mây đen.

- Sao lại có những người xấu xa, ác độc đến thế nhỉ? -
hắn lầu bầu nói, môi run run.

Trông vẻ mặt hắn tôi cũng phải thương hại. Chúng tôi đang đi thì, anh có thể tưởng tượng được không, bỗng thấy Kôvalenkô phóng xe đạp qua, đi sau anh ta là Varenka, cũng ngồi xe đạp, mặt mày ửng đỏ, trông mệt mỏi, mà vẫn vui vẻ hơn hở.

- Chúng tôi vượt lên trước nhé, - cô ta gào to. - Trời hôm nay đẹp thật, đẹp tuyệt, đẹp ghê gớm!

Cả hai người đi khuất. Mặt Bêlikốp đang từ xanh mét chuyển sang trắng bệch, hắn ngẩn người ra. Hắn đứng lại và nhìn tôi...

- Xin phép hỏi anh, đó là cái gì vậy? - hắn hỏi. - Hay có thể là thị giác đánh lừa tôi? Chẳng lẽ giáo viên và đàn bà con gái lại có thể cưỡi xe đạp, làm như thế coi sao tiện?

- Có gì mà không tiện, - tôi đáp. - Ai muốn đi thì cứ tha hồ mà đi.

- Hừ, sao lại có thể thế được? - hắn kêu lên, sững sốt thấy tôi vẫn bình thản như không. - Anh nói cái gì lạ vậy?

Hắn thẳng thốt đến mức không muốn đi chơi nữa và bỏ về nhà.

Suốt ngày hôm sau lúc nào hắn cũng bực dọc xoa tay, toàn thân run lên, trông mặt cũng biết là hắn đang thấy khó chịu trong người lắm. Hắn bỏ buổi lên lớp, và đó là điều xưa nay hắn chưa từng làm. Trưa hắn cũng không ăn gì. Chập tối hắn mặc áo ấm hơn bình thường một chút, mặc dù lúc đó là tiết trời mùa hạ, rồi lần mò đến nhà Kôvalenkô. Varenka đi vắng, hắn chỉ gặp người em.

- Xin mời ông ngồi xuống cho, - Kôvalenkô lạnh lùng nói, đôi lông mày nhú lại, anh vừa nghỉ ngơi sau bữa ăn trưa muộn màng, nét mặt còn đang ngái ngủ, trong người đang rất bức bối.

Bêlikốp ngồi yên, chẳng nói chẳng rằng chừng độ mười phút rồi lên tiếng:

- Tôi tìm đến anh để giải bày tâm sự. Tôi rất buồn bức anh ạ. Có một tên vô lại nào đó đã vẽ châm biếm tôi và một người gần gũi với cả hai chúng ta. Tôi thấy có nghĩa vụ phải nói quả quyết với anh rằng tôi chẳng hề có liên quan gì tới một chuyện như thế... Tôi chẳng hề làm điều gì sơ suất đáng để cho mọi người giễu cợt như vậy, lúc nào tôi cũng xử sự như một người tử tế đứng đắn.

Kôvalenkô ngồi lăm lỳ và im lặng. Chờ một lát, Bêlikốp lại nói tiếp với giọng buồn rầu nhỏ nhẹ:

- Còn một điều nữa tôi cũng muốn nói với anh. Tôi thì vào nghề đã lâu, còn anh thì mới bắt đầu đi làm, nên với tư cách là bạn đồng nghiệp đi trước, tôi thấy có nghĩa vụ phải nhắc nhở anh đôi điều. Anh đã đi xe đạp và cái trò giải trí ấy hoàn toàn không hợp với tư thế của một nhà giáo dục thiếu niên.

- Vì sao vậy? - Kôvalenkô hỏi lại bằng giọng trầm trầm.

- Chẳng lẽ điều này lại còn cần phải giải thích nữa sao? Chẳng lẽ đó lại là điều khó hiểu? Nếu thầy giáo đi xe đạp thì học sinh sẽ làm gì? Lũ trẻ chỉ còn thiếu nước là đi

đầu xuống đất thôi. Và lại nếu không có chỉ thị nào cho phép thì ta không được làm. Hôm qua tôi sợ phát kinh lên đấy! Khi tôi nhìn thấy chị của anh, mắt tôi hoa lên. Đàn bà con gái mà đi xe đạp thì quả là chuyện kinh khủng!

- Nhưng mà ông muốn cái gì mới được chứ?

- Tôi chỉ muốn mỗi một điều là nhắc bảo anh. Anh còn trẻ, tương lai anh còn ở phía trước, anh cần phải xử sự rất, rất thận trọng, thế mà anh đã buông thả, ô, anh buông thả mình quá chừng! Anh mặc áo thêu ra đường, đi ngoài phố lúc nào anh cũng cầm theo sách này sách nọ, rồi bây giờ lại còn cuồi xe đạp nữa. Chuyện anh và chị anh đi xe đạp mà đến tai ông hiệu trưởng, rồi đến tai ông thanh tra... Lúc ấy thì còn ra cái thể thống gì nữa không?

- Việc ta và chị ta đi xe đạp chẳng liên quan gì đến ai cả! - Kôvalenkô nói, mặt đỏ gay. - Con nào thằng nào thò mũi vào chuyện riêng của nhà ta, ta cho cháu Diêm vương tát!

Bêlikốp tái mặt đứng dậy.

- Nếu anh nói với tôi bằng cái giọng như thế thì tôi không thể tiếp tục nữa, - hẳn ta nói. - Và tôi cũng yêu cầu anh khi có mặt tôi, đừng bao giờ ăn nói như thế về cấp trên. Anh cần phải có thái độ kính trọng đối với chính quyền.

- Hóa ra là ta đã nói gì động đến chính quyền sao? - Kôvalenkô hỏi, mặt hằn học nhìn Bêlikốp. - Xin ông để cho ta yên. Ta là người trung thực và với những người như

“quý ngài” ta không muốn nói chuyện. Ta không ưa những tên mách lẻo.

Bêlikốp bối rối, luống cuống mặc lại áo ngoài, vẻ mặt đầy hoảng hốt. Bởi đó là lần đầu tiên trong đời hắn phải nghe những lời thô bạo đến thế.

- Anh có thể nói gì tùy anh, - hắn vừa nói vừa bước ra ngoài hành lang dẫn xuống cầu thang, tôi chỉ muốn bảo trước cho anh rằng có thể có người đã nghe được cuộc nói chuyện này, và để cho không ai có thể xuyên tạc câu chuyện vừa rồi và để khỏi có điều gì chẳng lành xảy ra, tôi sẽ báo cáo với ngài hiệu trưởng nội dung câu chuyện hôm nay... trên những nét chính. Tôi sẽ phải làm việc đó.

- Báo cáo hả? Này, đi mà báo cáo đi này!

Kôvalenkô tóm lấy cổ áo hắn từ phía sau rồi xô mạnh.

Bêlikốp lộn nhào xuống cầu thang, đôi giày cao su lộc cộc đập vào bậc gỗ. Cầu thang khá cao, nhưng hắn đã lăn xuống dưới một cách bình yên vô sự. Hắn đứng dậy sờ lên mũi xem cặp kính có còn nguyên vẹn không? Nhưng đứng vào lúc hắn xuống cầu thang thì Varenka và hai bà nữa cũng vừa đi đâu về. Họ đứng ở dưới và nhìn lên - điều này đối với Bêlikốp là kinh khủng hơn cả. Thà tự vật cổ, bẻ gãy chân mình đi còn hơn là biến thành trò cười cho thiên hạ; bây giờ thì trước sau gì cả thành phố chả biết, chuyện sẽ đến tai ngài hiệu trưởng, ngài thanh tra, - chao ôi, thế rồi lại nhớ xảy ra chuyện gì nữa chứ! - họ sẽ lại vẽ tranh

châm biếm khác, rồi mọi chuyện dẫn đến chỗ là người ta sẽ ép mình về hưu...

Khi hắn đứng dậy, Varenka nhận ra hắn. Cô ta nhìn bộ mặt nức cười của hắn, nhìn chiếc bành tô nhẵn nhúm, đôi giày cao su, không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Cô ta tưởng rằng hắn đã vô ý trượt ngã, không nén được, cô ta cười phá lên vang khắp khu nhà:

- Ha-ha-ha!

Cái tiếng cười âm vang, lạnh lói “ha-ha-ha” đó đã chấm dứt tất cả, chấm dứt chuyện cười xin, chấm dứt cả cuộc đời của Bêlikốp. Hắn không còn nghe thấy Varenka nói gì, không còn nhìn thấy gì nữa. Trở về đến nhà, việc đầu tiên là hắn cất tấm ảnh để trên bàn đi, sau đó lên giường nằm và không bao giờ dậy nữa.

Khoảng ba ngày sau lão Aphanaxi đến nhà tôi hỏi liệu có cần mời bác sĩ đến không vì như lão nói rằng ông chủ bị làm sao ấy. Tôi sang nhà Bêlikốp. Hắn nằm trong màn, đắp chăn kín và im lặng. Hỏi thì hắn chỉ đáp “không” hay “có” thôi, không nói thêm điều gì. Hắn thì nằm đấy, còn lão Aphanaxi thì đi đi lại lại trong phòng, mặt mày hăm hăm, cau có, thở dài thườn thượt, mùi rượu nặng xộc lên như trong quán rượu.

Một tháng sau, Bêlikốp chết. Tất cả chúng tôi đều đi chôn hắn, nghĩa là cả hai trường trung học và chủng viện. Bấy giờ, khi hắn nằm trong quan tài, về mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh nữa, cứ hệt

như hẳn mừng rằng cuối cùng hẳn đã được chui vào cái bao mà từ đó không bao giờ hẳn phải thoát ra nữa. Phải rồi, thế là hẳn đã đạt được mục đích cuộc đời! Y như thế mặc niệm hẳn, khi đám ma cử hành, trời mưa dầm âm u, tất cả chúng tôi đều đi giày mưa và mang ô. Varenka cũng dự đám ma, và khi người ta hạ quan tài xuống huyệt, cô ta bỗng òa lên khóc. Tôi đã để ý thấy là đám đàn bà Ucraina thường chỉ gào khóc hoặc cười phá lên, họ chẳng bao giờ rơi vào trạng thái lung chừng.

Thú thật là chôn cất những kẻ như Bêlikốp quả là một điều thích thú. Từ nghĩa địa quay về, mặt mày chúng tôi ai cũng có vẻ nhũn nhặn, rầu rĩ; không ai muốn để lộ ra cảm giác khoan khoái - giống như cái cảm giác mà chúng ta đều đã trải qua từ rất lâu, rất lâu thời thơ ấu, khi người lớn đi vắng và chúng ta tha hồ chạy chơi trong vườn hàng giờ đồng hồ liền, vui đùa tự do, thỏa thích. Ô, tự do, tự do! Chỉ cần thoáng nghĩ đến nó, chỉ cần hi vọng mong manh đến khả năng có thể có của nó là đã đủ làm cho chúng ta như được chấp thêm đôi cánh, có phải thế không?

Từ nghĩa địa trở về, lòng chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái. Nhưng chưa đầy một tuần sau, cuộc sống đã lại diễn ra như cũ, nặng nề, mệt nhọc, vô vị, một cuộc sống chẳng bị chỉ thị nào cấm đoán nhưng cũng chẳng được tự do hoàn toàn, chẳng tốt đẹp gì hơn trước. Trên thực tế, Bêlikốp đã chầu âm phủ nhưng hiện còn bao nhiêu là người trong bao, trong tương lai cũng sẽ còn bao nhiêu kẻ như thế nữa!

- Đó, chính đây mới là điều đáng nói, - Ivan Ivanúts nói, và rít một hơi thuốc.

- Và sẽ còn bao nhiêu kẻ như thế nữa, - Burkin nhắc lại.

Ngư ời giáo viên bước ra khỏi nhà kho. Đó là một người không cao nhưng to béo, đầu hói hết, có bộ râu đen dài quá ngực, hai con chó ra theo sau ông.

- À, có trăng, có trăng! - ông ta ngược nhìn lên trời và nói.

Đã nửa đêm. Phía bên phải hiện ra cả làng mạc, một con đường chạy dài có lẽ đến năm cây số. Vạn vật đều chìm trong giấc ngủ im lìm, tĩnh mịch: không một vật nào di động, không một âm thanh nào vang ra. Thật khó mà tin rằng tạo hóa lại có thể lặng yên đến thế. Vào đêm trăng khi nhìn thấy con đường quê thoáng dăng với những ngôi nhà nhỏ, những đồng cỏ khô, những hàng cây liễu rủ, lòng ta bỗng thấy thanh thản; và trong vẻ bình yên ẩn náu giữa bóng đêm xa cách những chuyện làm ăn tất bật, những buồn phiền, lo âu, tâm hồn ta bỗng trở nên dịu dàng, nhẹ buồn và tốt đẹp. Có cảm giác rằng đến cả những vì sao cũng soi xuống tâm hồn ta với vẻ đầy thương cảm và trù mến, rằng cái ác đã bị loại bỏ trên mặt đất này và vạn sự đều êm đẹp, yên lành. Phía bên trái, từ rìa làng là cánh đồng trải rộng dưới ánh trăng mênh mông đến tận chân trời, ở đây cũng không một âm thanh, không một vật nào động đây...

- Đó, vấn đề là ở chỗ đó, - Ivan Ivanúts nhắc lại. - Chúng ta sống chui rúc ở thành phố này trong không khí ngột ngạt, chúng ta viết những thứ giấy tờ vô dụng, đánh bài đánh bạc, những cái đó há chẳng phải là một thứ bao sao? Chúng ta sống cả đời bên những kẻ vô công rồi nghề, những kẻ xui nguyên giục bị, những mục đàn bà nhàn rỗi ngu si, chúng ta nói và nghe đủ thứ chuyện nhảm nhí, vô nghĩa đó chẳng phải là một thứ bao sao? Nếu anh muốn nghe, tôi xin kể cho anh một chuyện bổ ích nữa.

- Thôi khuya rồi, đi ngủ thôi, - Burkin nói. - Để ngày mai vậy.

Cả hai người đi vào nhà kho và nằm trên đồng cỏ khô. Hai người đã trùm chăn và thiu thiu ngủ thì bỗng nghe thấy tiếng chân bước nhẹ nhẹ. Có ai đó đang đi gần nơi nhà kho, đi một lúc rồi dừng lại, một phút sau lại nghe tiếng chân bước tiếp. Có tiếng chó sủa vang.

- Đây là bà Mavra đi đấy, - Burkin nói.

Tiếng chân bước xa dần.

- Nhìn thấy và nghe thấy mọi người nói dối, - Ivan Ivanúts vừa nói vừa trở mình, - và để cho thiên hạ bảo anh là ngu xuẩn chỉ vì anh đã nghe lời dối trá ấy, nhẫn nhục chịu đựng những sự lăng mạ, khinh miệt, không dám nói thẳng rằng anh đứng về phía những người trung thực, yêu tự do; và chính anh cũng nói dối, cũng nhân nhở cười, chỉ cốt kiếm được miếng ăn, chỉ cốt được ấm vào thân, chỉ vì

một chức tước hèn mọn nào đó chỉ đáng giá mấy đồng xu - không, không thể sống như thế mãi được!

-Ồ, đó lại sang chuyện khác rồi, anh Ivan Ivanúts ạ, - người giáo viên nói. - Thôi, ta ngủ thôi.

Chừng mười phút sau, Burkin đã ngủ. Còn Ivan Ivanúts thì cứ thở dài và trở mình luôn luôn, sau đó ông dậy rồi lại đi ra ngoài, ngồi xuống bên cửa, lấy thuốc ra hút.

VÔLÔĐIA LỚN VÀ VÔLÔĐIA BÉ

- Cứ để mặc em, em muốn tự mình điều khiển ngựa! Em muốn ngồi cạnh anh xà ích cơ! - Xôfia Lovôpna nói giọng lạnh lạnh. - Đây, anh xà ích, anh né ra cho tôi ngồi với!

Nàng đứng trên xe trượt tuyết, còn chồng nàng là Vladimia Nhikitúts và người bạn thời thơ ấu của nàng là Vladimia Mikhailúts thì giữ lấy tay nàng để nàng khỏi ngã. Chiếc xe tam mã vun vút lao đi.

- Tôi đã bảo là lẽ ra không cho cô ta uống rượu *kônhắc*, - Vladimia Nhikitúts bực dọc nói nhỏ với người bạn đồng hành của mình. - Đây, anh xem thế đấy! - Với kinh nghiệm riêng của mình, viên đại tá biết rằng, thường thường những người phụ nữ thuộc loại như vợ ông - Xôfia Lovôpna, thì sau những phút vui cuồng nhiệt hơi men như thế là sẽ tiếp đến những chuỗi cười rũ rượi, điên loạn, và cuối cùng là những cơn khóc nức nở. Ông lo sợ là lát nữa khi về đến nhà, đáng lẽ được ngủ thì ông sẽ lại phải bận bịu với những thứ thuốc men, khăn ướt để chườm lên trán.

- Tờ-pờ-rờ! - Xôfia Lovôpna kêu lên, - Tôi thích điều khiển ngựa cơ.

Quả thật nàng ở trong trạng thái hết sức vui thích. Hai tháng trở lại đây, từ ngày cưới, một ý nghĩ nặng nề luôn ám ảnh nàng rằng nàng lấy đại tá Iaghích là do tính toán hay do người ta thường nói là *par dépit* (*); nhưng đến hôm nay, lúc ngồi trong quán ăn ở ngoại ô, cuối cùng nàng mới tin rằng mình yêu chồng một cách say mê. Mặc dù đã 54 tuổi, chồng nàng trông vẫn còn rất cân đối, nhanh nhẹn, hoạt bát, pha trò rất có duyên và biết hát theo mấy người Digan rất hay. Quả tình bây giờ các ông già còn nghìn lần hấp dẫn hơn cánh trẻ, dường như là trẻ - già đổi vị trí cho nhau. Viên đại tá nhiều hơn cha nàng hai tuổi, nhưng điều đó có nghĩa lý gì nếu cứ thành thực mà nói thì sức sống, vẻ hoạt bát, tươi trẻ trong con người ông còn nhiều hơn rất nhiều so với chính bản thân nàng, mặc dầu nàng mới 23 tuổi.

“Ô, anh thân yêu của em! - nàng thầm nghĩ. - Anh thật kỳ diệu!”

Cũng vào lúc ở quán ăn, nàng còn thấy rõ rằng mỗi tình trước đây không còn vương lại một chút gì trong tâm hồn nàng. Đối với Vladimia Mikhailúts, người bạn từ thời thơ ấu của nàng - thường gọi thân mật là Vôlôđia - mà mãi hôm qua nàng còn yêu như điên, như dại, yêu đến tuyệt vọng thì hôm nay nàng đã cảm thấy lòng mình hoàn toàn

* *Par dépit*: vì giận dữ (tiếng Pháp)

dừng dừng. Suốt buổi tối nay, trông anh ta như người ngái ngủ, uể oải, tẻ nhạt, nhỏ nhoi, hèn hạ; cái vẻ lạnh lùng thường thấy của anh ta lúc muốn lảng tránh việc trả tiền ăn lần này đã làm nàng tức tối, cố gắng lăm nàng mới kìm được mình để khỏi nói thẳng vào mặt anh ta rằng: “Này, nếu như anh không có xu nào dính túi, thì cứ việc ngồi ở nhà”. Tất cả các khoản tiền, viên đại tá trả hết.

Những hàng cây, những dãy cột điện thoại, những đồng tuyết bên đường theo nhau lướt nhanh qua mắt nàng, và có lẽ vì thế mà những ý nghĩ khác nhau cũng tới tấp hiện ra trong đầu nàng. Nàng nghĩ: ở khách sạn đã tiêu mất 120 rúp, trả cho gánh hát Digan 100 rúp nữa, và ngày mai, nếu lại muốn, nàng có thể tiêu phăng một lúc hàng nghìn rúp, thế mà hai tháng trước đây, khi chưa lấy chồng, trong túi nàng không có lấy được ba rúp của riêng, nhất nhất việc gì cũng phải ngửa tay xin bố. Đời nàng đã thay đổi biết bao!

Nàng nghĩ miên man hết chuyện này sang chuyện khác, nàng nghĩ lại khi nàng mới mười tuổi, đại tá Iaghích, người bây giờ là chồng nàng, đã theo đuổi tán tỉnh người cô của nàng; mọi người trong nhà đều nói rằng, người cô này đã vì ông ta mà héo mòn, tàn lụi, và quả thật nàng đã nhiều lần thấy lúc ra ăn trưa, gương mặt cô nàng đã đầm nước mắt, cô thường hay bỏ nhà đi đâu không biết, mọi người đều nói rằng cô nàng thật đáng thương, không một phút nào được yên lòng. Đạo ấy, viên đại tá còn trẻ, rất đẹp trai, được vô số các bà, các cô mê mết, cho nên cả thành phố biết tên ông, mọi người kháo nhau rằng

ngày nào ông cũng đi đến nhà những người phụ nữ hăm mộ mình như thầy thuốc đi thăm bệnh nhân. Ngay cả bây giờ, mặc dầu mái đầu đã lốm đốm bạc, da dẻ đã nhăn nheo, đã đeo kính lão, đôi khi vẫn thấy gương mặt gầy gầy xương xương của ông nhìn nghiêng còn rất đẹp.

Cha của Xôfia Lovôpna trước kia là bác sĩ quân y, cùng ở một trung đoàn với Iaghích. Cha của Vôlôdia cũng là bác sĩ quân y và trước đây cũng đã ở cùng một đơn vị với cha của Xôfia Lovôpna và cha của Iaghích. Mặc dầu vướng mắc với những chuyện tình ái nhiều khi rắc rối, lồi thoi, Vôlôdia vẫn học rất tốt; anh tốt nghiệp trường Tổng hợp một cách xuất sắc và bây giờ đi sâu vào bộ môn văn học nước ngoài, và theo mọi người nói, đang viết luận án. Anh sống trong khu trại lính với cha mình là bác sĩ quân y; anh không có tiền tiêu riêng mặc dù đã 30 tuổi. Hồi còn nhỏ, Xôfia Lovôpna và Vôlôdia sống gần nhau, trong cùng một căn nhà; Vôlôdia thường sang buồng nàng chơi, cùng học nhảy và học nói tiếng Pháp; đến khi Vôlôdia trở thành một chàng trai rất đẹp, rất cân đối thì nàng bắt đầu cảm thấy ngượng ngùng với anh và sau đó đem lòng yêu anh một cách say mê, yêu như điên dại cho đến thời gian gần đây, trước khi nàng lấy đại tá Iaghích. Vôlôdia cũng rất được giới phụ nữ hăm mộ, hầu như là từ năm 14 tuổi; các bà giấu giếm chồng, đàn dúi với Vôlôdia đều không sợ bị ai ngờ vực vì Vôlôdia còn ít tuổi. Cách đây không lâu, nhiều người còn kể lại rằng, hồi Vôlôdia còn là sinh viên ở thuê phòng khách sạn gần trường Tổng hợp, lần nào đến gõ cửa phòng anh, cũng nghe thấy tiếng chân anh

bước ra phía cửa, và tiếp đấy là lời xin lỗi thì thầm: “*Pardon je ne suis pas seul*”^(*). Iaghích hết sức khâm phục Vólôdia, hết lời tán dương, khích lệ anh như Đêrjiavin^(†) từng khích lệ Puskin, và chắc là cũng yêu anh. Hai người đã từng im lặng chơi bi-a hay đánh bài pi-két hàng giờ liền, và nếu Iaghích ngồi xe tam mã đi đâu thì thể nào cũng rủ Vólôdia cùng đi, còn về phần Vólôdia thì anh chỉ tiết lộ những bí mật về bản luận án của mình với riêng Iaghích thôi. Hồi đầu, khi đại tá Iaghích còn trẻ, nhiều lần hai người rơi vào cảnh là tình địch của nhau, nhưng không bao giờ họ tỏ ra giận dữ, ghen tuông. Trong đám bạn bè hai người cùng hay lui tới, mọi người lại gọi Iaghích là “Vólôdia Lớn”, còn người bạn trẻ của ông là “Vólôdia Bé”.

Trên cỗ xe trượt, ngoài Vólôdia Lớn, Vólôdia Bé và Xôfia Lovôpna, còn có một nhân vật nữa - đó là Margarita Aéchxandρόpna, hay như người ta thường gọi là Rita, chị họ của Iaghích phu nhân, tuổi đã ngoài ba mươi, có nước da tái tái, đôi lông mày đen, đeo *pince-nez*^(‡), hút thuốc lá luôn miệng kể cả lúc ở ngoài trời giá rét; trên ngực áo và đũng váy lúc nào cũng dính tàn thuốc. Cô ta nói giọng mũi, mỗi tiếng đều kéo dài ra, tính tình lạnh lùng, có thể uống các loại rượu mùi, rượu kônhắc, bao nhiêu cũng được mà không hề say, thường kể lại các chuyện tiểu lâm

* Xin lỗi, không phải chỉ có mình tôi.

† Tên một nhà thơ Nga đã nổi tiếng khi Puskin bắt đầu làm thơ.

‡ *Pince-nez*: kính không gọng

một cách tục tĩu mà vẫn đứng đưng, nhạt nhẽo. Ở nhà, cô ta đọc những tờ tạp chí, hoặc là ăn những trái táo ướp lạnh.

- Xónhia (*), đừng... phát rồ nữa, - Rita nói dài giọng như hát. - Trông khó coi lắm, kỳ cục nữa là khác.

Đi qua khu cổng thành, cỗ xe tam mã đi chậm hơn, lướt qua hai bên là những ngôi nhà và những người bộ hành; và Xófia Lovópna dần dần cảm thấy nguôi nguôi, nàng tựa mình sát vào người chồng và để mặc tâm trí mình miên man suy nghĩ. Vôlôdia Bé ngồi đối diện với nàng. Lúc này, những ý nghĩ nhẹ nhàng khoan khoái đã bắt đầu lẫn lộn với những ý nghĩ buồn rầu, u ám. Nàng nghĩ rằng; người đang ngồi đối diện với nàng kia biết chắc nàng đã yêu anh ta, và anh ta tất nhiên cũng tin vào những lời đồn đại rằng nàng đã lấy Iaghích vì *par dépit*. Nàng chưa từng thổ lộ tình yêu với anh ta; không muốn để anh ta biết, nàng đã giấu kín tình cảm của mình, nhưng nhìn vào gương mặt anh ta, cũng có thể thấy rằng anh ta hiểu lòng nàng rất rõ - lòng tự ái của nàng bị tổn thương đau đớn. Nhưng đối với nàng, điều tủi nhục nhất là sau lễ cưới, Vôlôdia Bé bỗng tỏ ra chú ý đến nàng, điều mà từ trước đến nay anh ta chưa hề biểu lộ: anh im lặng ngồi hàng giờ liền bên cạnh nàng hay nói với nàng những chuyện không đâu, và bây giờ trong chiếc xe trượt tuyết này, anh khẽ nắm lấy tay nàng và dấm nhẹ lên bàn tay nàng; có thể thấy rõ rằng anh ta chỉ cần có một điều là mong nàng đi lấy chồng; và cũng có thể thấy rõ rằng anh ta khinh rẻ nàng,

* Xónhia: tên gọi thân mật của Xófia Lovópna (ND)

nếu như nàng đã khiến anh ta phải để ý đến thì chẳng qua chỉ vì nàng là một người phụ nữ xấu xa, hư hỏng. Và khi trong lòng nàng, tình yêu đầy hãnh diện đối với chồng bất chợt lẫn lộn với cảm giác bị khinh rẻ xúc phạm, thì một cảm giác sôi nổi, rạo rực khác thường choán lấy tâm trí nàng, lúc ấy nàng muốn ngồi vào chỗ người xà ích, kéo cương ngựa, hét to lên và huýt sáo...

Đúng lúc xe ngựa chạy qua tu viện thánh Đức bà, thì tiếng chuông lớn nặng hàng nghìn *pút* bỗng đổ hồi vang ngân. Rita giơ tay làm dấu.

- Ôlia của chúng ta đang ở trong tu viện này đây, - Xôfia Lovôpna nói, rùng mình và cũng giơ tay làm dấu.

- Sao cô ấy lại đi tu? - viên đại tá hỏi.

- *Par dépit*, - Rita cúi kính trả lời, chắc là ám chỉ đến cuộc hôn nhân giữa Xôfia và Iaghich. - Bây giờ đang thịnh hành một "*par dépit*". Đó là lời thách thức cả thiên hạ. Đang là một cô gái vui tính, yêu đời, ưa làm đóm đáng, chỉ mê các dạ hội khiêu vũ và các chàng trai cùng nhảy - thế rồi bỗng một cái bỏ đi tu! Thật là kỳ lạ!

- Không phải thế đâu. - Vôlôdia Bé nói, đưa tay bẻ chiếc cổ áo lông xuống để lộ khuôn mặt đẹp của mình. - Đó không phải là *par dépit*, mà là vì gặp tai họa khủng khiếp, đúng như thế đấy. Anh cô ta là Dimitri bị đi đây khổ sai không biết ở nơi nào. Còn mẹ thì đau khổ quá mà chết.

Vôlôdia lại dựng cổ áo lên.

- Kể làm như Ôlia là đúng, - anh nói tiếp, giọng khô khốc. - Sống ở địa vị nhờ cậy người khác, mà lại sung túc nữa, như Xôfia Lovôpna, - thì cũng đáng suy nghĩ lắm đấy.

Xôfia Lovôpna cảm thấy rõ giọng khinh rẻ trong lời nói của Vôlôđia; nàng muốn nói với anh ta một câu gì thật khó chịu nhưng rồi nàng chỉ im lặng. Nàng lại bỗng thấy lòng mình bùng bùng; nàng đứng dậy và gào to như khóc:

- Tôi muốn đi lễ nhà thờ! Đây, xà ích, cho quay xe lại đi! Tôi muốn gặp Ôlia.

Chiếc xe quay lại. Tiếng chuông tu viện đổ dồn trầm trầm. Xôfia Lovôpna có cảm giác như tiếng chuông ấy nhắc nhở nàng nhớ đến Ôlia và cuộc đời của người con gái ấy. Chuông các nhà thờ khác cũng từ xa vọng lại. Khi người xà ích cho xe dừng lại, Xôfia Lovôpna bước nhanh ra khỏi xe; không chờ ai dẫn đường, nàng vội vã đi về phía cổng.

- Nhanh lên đi mình! - nàng quay lại gọi chồng. - Muộn rồi!

Nàng đi qua cổng tôi tới, rồi bước tiếp trên con đường chạy giữa hai hàng cây nối liền cổng với nhà thờ chính, tuyết lạo xạo rơi dưới chân nàng, và tiếng chuông đã ngân vang ngay trên đỉnh đầu dường như cả con người nàng đang tan hòa đi trong đó. Và kia là cánh cửa nhà thờ, bước xuống ba bậc tam cấp, liền đó là bức tường mặt trước

nhà thờ với hình vẽ các vị thánh, thoang thoang mùi hương trầm, hương trầm bá, rồi lại đến một cánh cửa nữa, có một bóng người nhỏ nhắn mở cánh cửa đó ra và cúi rạp mình xuống... Trong nhà thờ, lễ cầu kinh vẫn chưa bắt đầu. Một nữ tu sĩ đi men theo bờ tường ngăn và lần lượt châm nến đặt trên các giá đỡ, một nữ tu sĩ khác châm các ngọn đèn treo. Gần bên những hàng cột và dọc theo dãy hành lang bên cạnh, có những bóng người vận đồ đen đứng yên. “Bây giờ họ đứng như thế, có nghĩa là đến sáng mai mới rời khỏi chỗ”, - Xôfia Lovópna thoáng nghĩ, và nàng cảm thấy rằng ở đây thật tối tăm, lạnh lùng và buồn tẻ, - buồn tẻ hơn cả ngoài nghĩa địa. Nàng buồn rầu nhìn vào những bóng người bất động, và trái tim nàng bỗng thất lại. Không hiểu vì sao nàng có linh cảm rằng trong số những người nữ tu sĩ đang đứng kia thì người nhỏ nhắn, đôi vai gầy gầy, đầu chít chiếc khăn đen chính là Ôlia, mặc dầu khi bắt đầu đi tu, Ôlia vốn người đầy đà và hình như cao hơn. Bất giác Xôfia Lovópna cảm thấy tim mình đập gấp, hồi hộp, xúc động, nàng rút rè bước đến bên nữ tu sĩ, ghé nhìn qua vai và nhận ra đúng là Ôlia.

- Ôlia! - nàng nói, hai tay giơ cao lên vỗ vào nhau, và không nói thêm được gì nữa vì xúc động. - Ôlia!

Người nữ tu sĩ nhận ra nàng ngay, kinh ngạc rướn lông mày lên, gương mặt nhợt nhạt mới rửa sạch sẽ của nàng và dường như đến cả vành khăn trắng lộ ra dưới tấm khăn đen trùm ngoài, cũng rạng rỡ lên vì sung sướng.

- Ôi, chúa đã làm nên điều kỳ diệu đến thế này ư? - Ôlia nói và cũng đưa đôi bàn tay gầy nhỏ của mình vỗ vào nhau.

Xôfia Lovôpna ôm chầm lấy nàng mà hôn, nàng chỉ sợ rằng Ôlia ngửi thấy mùi rượu từ miệng nàng.

- Bọn mình đi qua đây, chợt nhớ đến cậu, - nàng vừa nói vừa thở hổn hển như người đi quá nhanh. - Trời, trông cậu nhợt nhạt quá! Minh... mình rất sung sướng được gặp cậu ở đây. Sao? Thế nào? Có buồn không?

Xôfia Lovôpna liếc nhìn mấy người nữ tu sĩ khác rồi nói tiếp, giọng nhỏ hơn:

- Đời mình thay đổi nhiều quá... Cậu biết không, mình lấy chồng rồi, lấy anh Iaghích, Vladimira Nhikitúts ấy. Chắc cậu còn nhớ anh ấy... Mình sống với anh ấy hạnh phúc lắm.

- Thế thì thật là may. Ba Xônhia vẫn khỏe chứ?

- Vẫn khỏe. Ông vẫn thường nhắc đến cậu luôn. Này, Ôlia khi nào đến dịp lễ, cậu đến chơi với mình nhé. Nghe không?

- Ừ, mình sẽ đến - Ôlia nói, khẽ mỉm cười. - Đến ngày thứ hai mình sẽ tới thăm.

Không hiểu vì lẽ gì, Xôfia Lovôpna bỗng òa lên khóc, nàng lặng lẽ khóc một lúc rồi lau nước mắt và nói:

- Rita sẽ rất tiếc là không gặp được cậu. Rita cũng đang ở ngoài kia. Cả Vôlôdia nữa. Họ đứng ngoài cổng

ấy. Tất cả sẽ mừng rỡ đến thế nào, nếu họ được nhìn thấy cậu. Nào, đi với mình ra ngoài một lúc nhé, bây giờ đã làm lễ đầu.

- Ừ thì đi, - Ôlia ưng thuận.

Nàng gơ tay làm dấu ba lần rồi cùng với Xôfia Lovôpna đi ra cửa.

- Nay Xônhia, lúc này cậu nói rằng, cậu sống hạnh phúc lắm phải không? - Ôlia lên tiếng hỏi, khi hai người đã đi ra khỏi cổng.

- Mình hạnh phúc lắm.

- Thế thì thật là may.

Vôlôdia Lớn và Vôlôdia Bé vừa nhìn thấy nữ tu sĩ liền bước ra khỏi xe và cúi chào đầy vẻ kính trọng; hai người đều cảm động khi nhìn thấy gương mặt nhợt nhạt của nàng và chiếc áo tu dài màu đen, cả hai đều cảm thấy vui vui là Ôlia vẫn còn nhớ họ và bước lại gần cúi chào. Để cho nàng khỏi bị lạnh, Xôfia Lovôpna quàng cho nàng chiếc khăn dây, rộng và kéo nàng đứng sát bên mình, choàng tà áo lông cừu mình đang mặc che qua lưng nàng. Những giọt nước mắt vừa rơi làm tâm hồn nàng như nhẹ đi thanh thoát, nàng sung sướng cảm thấy cái đêm ôn ào đầy lo âu và quả thật là chẳng trong lành chút nào này đã bất ngờ kết thúc một cách êm dịu và trong sáng như vậy. Để giữ Ôlia bên mình được lâu hơn, nàng đề nghị:

- Ta đưa bạn đi đâu một lúc nhá! Ôlia, cậu ngồi lên xe đi, bọn mình đưa cậu đi chơi một đoạn thôi, được không?

Mấy người đàn ông tưởng rằng nữ tu sĩ sẽ từ chối, vì những người tu hành không bao giờ đi xe tam mã, - nhưng không ngờ Ôlia lại ưng thuận và bước lên xe. Khi chiếc xe chạy về phía cổng thành, mọi người đều im lặng và chỉ cố làm sao cho nàng cảm thấy thoải mái, ấm áp; mỗi người đều nghĩ rằng ngày trước nàng ra sao và bây giờ nàng thế nào. Gương mặt nàng bây giờ thật bình thản, đứng đung, lạnh lùng, nhợt nhạt, dường như không phải máu đỏ mà là nước mắt trong đang chảy đi từ con tim nàng. Mới cách đây hai, ba năm nàng còn là một cô gái đầy đà, hồng hào, thích nói đến các chàng rể, cười vang vì những chuyện không đâu...

Gần đến cổng thành, chiếc xe quay lại; chừng mười phút sau, khi xe dừng lại trước cổng tu viện, Ôlia bước xuống xe. Chuông nhà thờ lại trầm bổng ngân vang.

- Cậu Chúa phù hộ các ông, - Ôlia nói và cúi rạp người xuống chào theo kiểu người tu hành.

- Thế nào cậu cũng đến nhà mình chơi, Ôlia nhé!

- Mình sẽ đến, sẽ đến.

Ôlia bước nhanh về phía tu viện và chỉ một lát sau nàng đã biến mất sau chiếc cổng màu đen sẫm. Từ phút đó trở đi, khi chiếc xe tiếp tục chạy, mọi người đều cảm thấy có gì buồn buồn. Tất cả đều im lặng. Xôfia Lovôpna cảm

thấy toàn thân mệt mỏi rã rời, lòng nặng trĩu; việc nàng ép một nữ tu sĩ ngồi lên xe cùng đi dạo chơi với những người đang say rượu đến bây giờ mới làm nàng thấy là một điều ngu xuẩn, thô lỗ, gần như một sự lăng nhục; hòa lẫn với cảm giác ngà ngà say là ý muốn tự lừa dối mình; và đến lúc này nàng mới thấy rõ là nàng không yêu và không thể yêu chồng, rằng tất cả điều đó chỉ là một sự kỳ cục, xuẩn ngốc. Nàng không còn tỉnh táo suy nghĩ được nữa vì rằng theo lời đám bạn cùng trường nữ học, Iaghích giàu không thể tả được, vì rằng nàng rất sợ trở thành gái ế chồng như Rita, vì nàng chán ngấy cảnh sống với ông bố - bác sĩ, và vì nàng giận dữ muốn trêu tức Vôlôdia Bé. Nếu nàng đã có thể hình dung ra trước được sau khi lấy chồng, nàng phải lâm vào cảnh sống nặng nề, xấu xa, ghê sợ như thế này thì nàng đã không thể nào ưng thuận kết hôn với Iaghích cho dù có được hưởng thú vui nào đi nữa trên cuộc đời này. Và bây giờ thì không thể sửa lại được lỗi lầm bất hạnh đó. Chỉ còn biết đành lòng cam chịu.

Mọi người đã về tới nhà. Nằm xuống giường đệm êm, ấm áp, phủ qua mình tấm chăn mềm mịn, Xôfia Lovópna nhớ lại bức tường nhà thờ với hình vẽ mờ mờ các vị thánh, nhớ lại mùi trầm hương thoang thoảng và những bóng người đứng yên bên hàng cột; nàng cảm thấy ghê sợ với ý nghĩa rằng những bóng người ấy sẽ đứng yên bên hàng cột; nàng cảm thấy ghê sợ với ý nghĩ rằng những bóng người ấy sẽ đứng yên, không nhúc nhích suốt thời gian nàng ngủ. Lễ cầu kinh buổi sáng sẽ kéo dài lâu, rất lâu, một ngày đi qua rồi lại đến lễ cầu kinh buổi tối...

“Nhưng nếu có Chúa, chắc chắn là có Chúa, và ta thế nào rồi cũng chết, thì có nghĩa là sớm muộn cũng phải nghĩ đến linh hồn, đến cuộc đời vĩnh viễn như Ôlia. Bây giờ Ôlia đã được cứu vớt, đã tự giải đáp cho mình mọi câu hỏi của cuộc đời... Nhưng mà nếu không có Chúa thì sao? Thì cuộc đời của Ôlia thế là sẽ uống phí trôi qua. Uống phí thế nào? Sao lại uống phí?”

Lát sau, một ý nghĩ khác lại len lỏi vào đầu óc nàng:

“Có Chúa tồn tại, cái chết thế nào cũng đến, cần phải nghĩ đến linh hồn. Nếu phút này Ôlia nhìn thấy cái chết của mình thì nàng sẽ không sợ hãi chút nào. Nàng sẵn sàng chờ đón điều đó. Điều chính yếu nhất là Ôlia đã giải đáp cho mình câu hỏi của cuộc đời. Có Chúa thật... Nhưng có lẽ nào không thể có lối thoát nào khác ngoài việc đi tu chăng? Bởi vì đi tu - có nghĩa là tự tách mình ra khỏi cuộc sống, là thủ tiêu cuộc sống...”

Xôfia Lovôpna cảm thấy hơi rờn rợn; nàng chui đầu xuống dưới gối.

- Thôi, đừng nghĩ đến điều này nữa, - nàng thầm thì nói. - Đừng nghĩ nữa...

Ở buồng bên cạnh, Iaghích thông thả đi đi lại lại trên tấm thảm, miếng sắt bên ủng da khe khẽ chạm vào nhau, ông đang nghĩ ngợi về một điều gì. Xôfia Lovôpna chợt thấy rằng, người đàn ông ấy gần gũi và thân thiết đối

với nàng chỉ vì một lý do rằng: ông ta cũng có tên là Vladimia. Nàng ngồi dậy trên giường và âu yếm gọi:

- Anh Vôlôđia!

- Sao đấy mình! - Chồng nàng đáp lại.

- Không sao cả đâu.

Nàng lại nằm xuống giường. Có tiếng chuông từ xa vọng đến, chắc chắn là tiếng chuông từ tu viện; nàng lại nhớ đến bức tường nhà thờ và hình bóng đen đen của các tu sĩ, nàng miên man nghĩ đến Chúa và cái chết không thể nào tránh khỏi, nàng kéo chăn lên trùm kín đầu để khỏi phải nghe tiếng chuông; nàng tự biết rằng, còn phải sống rất lâu, rất lâu mới đến lúc già nua, đến lúc chết, ngày nào cũng phải nhìn mặt người mình không yêu mà lúc này vừa đi vào buồng ngủ và nằm xuống giường, ngày nào cũng phải nén lại trong lòng mối tình tuyệt vọng đối với một người khác - trẻ, đẹp, đáng yêu, và, như nàng cảm thấy, thật là khác thường. Nàng nhìn sang chồng và định nói lời chúc ngủ ngon nhưng rồi lại bỗng òa khóc. Nàng tự cảm thấy hèn giận với chính mình.

- Lại bắt đầu “ca nhạc” rồi! - Iaghích buột miệng nói.

Mãi đến gần mười giờ sáng hôm sau, nàng mới thấy nguôi nguôi trong lòng; nàng không khóc, không run rẩy toàn thân nữa, nhưng lại cảm thấy nhức đầu như búa bổ. Iaghích vội vã chuẩn bị đi lễ nhà thờ, trong căn buồng bên cạnh, nghe rõ tiếng ông găt gỏng trách tên lính hầu

đang sửa soạn xống áo cho ông. lát sau, ông đang đi sang buồng ngủ lấy một cái gì đó. Miếng kim loại dính nơi ủng khê đập đập vào nhau; ít phút sau, ông lại vào buồng ngủ lần nữa - đã mặc áo, đeo lon và gắn huân chương, chân hơi khập khiễng vì bị thấp khớp; và không hiểu tại sao, Xôfia Lovôpna cứ cảm thấy từ dáng đi đến cái nhìn, trông Iaghích cứ như một con thú dữ.

Nàng nghe thấy tiếng chồng gọi điện thoại.

- Làm ơn cho tôi nói chuyện với doanh trại Vaxilépki! - ông nói, và một lát sau: - Doanh trại Vaxilépki đấy phải không? Làm ơn mời giùm bác sĩ Xalimôvich đến bên máy... - một lát sau nữa: - Tôi đang nói với ai đấy? Anh đấy à, anh Volôdia? Ô, rất mừng. Anh nói giùm với cha anh ghé lại chỗ chúng tôi một lát nhé, sau buổi tối hôm qua, nhà tôi thấy người khó chịu lắm. Anh bảo sao? Ông ấy không có nhà à? Hừm... Thôi được. Cảm ơn anh. Tốt lắm... trông cậy vào anh cả đấy... *Merci*.

Iaghích vào buồng ngủ lần thứ ba, cúi xuống làm dấu thánh cho nàng, đưa tay cho nàng hôn, (trước đây những phụ nữ yêu ông đều hôn tay ông, nên ông quen thế) và nói rằng đến bữa trưa sẽ về. Rồi Iaghích bước ra.

Vào lúc 12 giờ, người hầu gái vào báo rằng có Vladimia Mikhailúts đến. Xôfia Lovôpna mệt mỏi, chóng mặt, loạng choạng đứng dậy, nhanh nhẹn mặc chiếc váy dài màu hoa xiren mới may có viền lông rất đẹp, chải qua loa mái tóc; nàng cảm thấy rằng lòng nàng tràn ngập một cảm giác dịu dàng, nàng run lên vì mừng rỡ và sợ hãi rằng

có thể anh ấy sẽ bỏ đi mất. Nàng chỉ muốn được nhìn thấy anh thôi.

Vôlôdia Bé đến thăm nàng; như thường lệ, anh mặc chiếc áo đuôi tôm màu đen và đeo cà-vạt trắng. Khi Xôfia Lovôpna bước vào phòng khách anh hôn tay nàng và thành thật tỏ ý tiếc rằng nàng không được khỏe. Sau đó, khi hai người đã ngồi xuống, anh khen chiếc áo mới của nàng rất đẹp.

- Gặp Ôlia chiều qua xong, tôi thấy mình rã rời, mệt mỏi kinh khủng, - nàng nói, - mới đầu tôi hơi sờ sợ, nhưng bây giờ tôi lại ghen tỵ với Ôlia. Ôlia là một bức thành đá lớn, không sức gì dời đi được; nhưng mà, anh Vôlôdia, quả thật Ôlia không thể có lối thoát nào khác chăng? Lẽ nào tự chôn sống mình là cách giải đáp cho câu hỏi cuộc đời? Bởi đó là cái chết chứ không phải cuộc sống.

Khi nàng nhắc đến Ôlia, nét mặt Vôlôdia Bé lộ vẻ dui dằng.

- Anh Vôlôdia, anh là người thông minh, - nàng nói tiếp, - anh hãy khuyên bảo tôi hành động giống như Ôlia. Tất nhiên, tôi sẽ không đi đạo và sẽ không đi tu đâu, nhưng chắc có thể hành động một cách khác tương tự như vậy. Tôi thấy khó sống lắm anh ạ, - nàng nói tiếp, sau một phút im lặng. - Anh hãy khuyên tôi đi... Hãy nói cho tôi nghe một lời đáng tin cậy. Dù chỉ một chữ thôi cũng được.

- Một chữ thôi ư? Cho phép tôi nói nhé: Tararabumbia!

-Anh Vôlôdia, sao anh lại khinh rẻ tôi đến thế? - Nàng cao giọng hỏi. - Anh nói chuyện với tôi bằng một thứ ngôn ngữ, xin lỗi, bông lơn, đùa cợt, thứ ngôn ngữ không bao giờ được dùng để nói với bạn bè và những người phụ nữ đứng đắn. Anh được coi như là một nhà học giả, anh ưa thích việc nghiên cứu, nhưng tại sao không bao giờ anh nói chuyện nghiên cứu với tôi? Vì sao vậy? Tôi không đáng được nghe ư?

Vôlôdia Bé nhăn mặt khó chịu và nói:

- Vì sao tự nhiên cô lại quan tâm đến việc nghiên cứu thế? Có thể là cô muốn nói đến vấn đề hiến pháp chăng? Hay là cá chiên đánh sốt chua ngọt?

- Thôi được rồi, tôi là một đứa con gái ngu muội, hèn hạ, thiếu cần, đáng bỏ đi... Tôi mắc nhiều tội lỗi, tôi là đứa hư hỏng, là con bệnh thần kinh, và người ta khinh rẻ tôi là đúng rồi. Nhưng mà, anh Vôlôdia, anh lớn hơn tôi mười tuổi, còn chồng tôi thì nhiều hơn ba mươi tuổi. Khi tôi còn nhỏ, anh đã là người lớn rồi, và nếu anh muốn, anh có thể biến tôi thành gì tùy ý, dù là biến tôi thành thiên thần đi nữa. Nhưng anh... (giọng nàng run run) anh đối xử với tôi thật kinh khủng. Iaghích lấy tôi khi đã già rồi, thế mà anh...

- Thôi đủ rồi, đủ rồi, - Vôlôdia vừa nói, vừa ngồi xích lại gần nàng rồi hôn cả hai tay nàng. - Mặc kệ cho

các ngài Sôpenhaor^(*) triết lý và tha hồ chứng minh những gì họ muốn, còn tôi thì tôi chỉ cần hôn đôi bàn tay nhỏ bé này thôi!

- Anh khinh tôi, ô, nếu anh biết rằng tôi đã chịu đau khổ vì điều đó như thế nào! Nàng ngập ngừng nói, biết trước rằng, Vôlôdia sẽ không tin lời nàng. - Ô, nếu anh biết rằng, tôi muốn cho cuộc đời này thay đổi đi, muốn được làm lại cuộc đời! Tôi sung sướng biết bao khi nghĩ tới điều ấy, nàng nói và quả thật nước mắt trào ra vì xúc động. - Tôi muốn được làm một con người trung thực, trong trắng, không biết đến lừa dối, sống có mục đích.

- Thôi, thôi, xin cô đừng diễn kịch nữa cho! Tôi không ưa thế đâu! - Vôlôdia nói, và gương mặt anh lộ vẻ ngúng nguẩy. - Thật là giống hệt như trên sân khấu. Chúng ta hãy nói chuyện với nhau bình thường như ở ngoài đời.

Để làm cho anh khỏi giận và bỏ về, nàng tự thanh minh và gương cười theo ý anh; nàng lại nói đến Ôlia, lại nói đến điều rằng nàng muốn giải quyết êm thấm cuộc đời mình, muốn trở thành một con người chân chính.

- Tara... ra... bumbia - anh cất tiếng hát khe khẽ. - Tara... ra... bumbià!

Và bất chợt. Anh ôm lấy ngang lưng nàng. Còn nàng, không biết phải làm gì, bèn đặt tay lên hai vai anh, say sưa đắm đuối nhìn lên anh như trong một giấc mơ,

^{*} Sôpenhaor: một nhà triết học nổi tiếng.

nhìn lên gương mặt thông minh đầy vẻ điệu cợt, nhìn vắng trán, đôi mắt, bộ râu cằm tuyệt đẹp...

- Anh cũng biết đấy, từ lâu em đã yêu anh, nàng tự thú với anh, mặt đỏ bừng lên một cách khổ sở, nàng cảm thấy đôi môi mình run lên vì xấu hổ. - Em yêu anh, anh lại cứ làm khổ em.

Nàng nhắm mắt lại đắm đuối hôn vào môi anh, nàng như mê đi trong cái hôn dài không dứt ra được ấy và mặc dầu nàng biết điều đó là không đúng đắn, rằng Vôlôdia có thể khinh rẻ nàng, rằng con hầu có thể bước vào...

- Ôi, anh làm em khổ biết bao! - Nàng nhắc lại.

Nửa giờ sau, khi đã làm được điều mình muốn, Vôlôdia ngồi nhắm nháp điểm tâm mấy thứ bên buồng ăn, còn nàng thì quỳ xuống bên cạnh say sưa ngược nhìn lên gương mặt anh; anh nói với nàng rằng trông nàng giống như một con chó nhỏ đang ngồi chờ người ta vớt cho miếng jăm bông. Sau đó anh đặt nàng ngồi lên bên đùi, khẽ dung đưa nàng như một đứa trẻ và hát:

- Tara... ra...bumbia... Tara... ra... bumbia...

Khi anh sửa soạn ra về, nàng hỏi anh với giọng xúc động bồi hồi:

- Bao giờ anh? Hôm nay nhé? Ở đâu?

Và nàng vội vã đưa cả hai tay lên miệng anh như muốn cầm lấy ngay câu trả lời trong lòng bàn tay mình.

- Hôm nay thì có lẽ không tiện, - anh nghĩ một lát rồi nói. - Có thể là ngày mai.

Và họ chia tay nhau. Trước bữa ăn trưa, Xôfia Lovôpna đi đến tu viện để gặp Ôlia, nhưng giờ đây người ta nói rằng Ôlia đang đọc kinh cầu nguyện cho một người chết. Từ tu viện nàng đi đến nhà bố, nhưng cũng không gặp ông ở nhà, sau đó nàng ngồi sang một cái xe khác và cho xe chạy khắp các ngõ, phố mà không định dừng lại đâu cả. Không hiểu sao lúc ấy nàng lại nhớ đến gương mặt ướt đầm nước mắt của người cô đau khổ, không một phút nào được yên lòng.

Đến tối hôm đó, nàng lại cùng chồng dạo chơi bằng xe tam mã, lại tới quán ăn ngoại ô nghe gánh hát Di-gan. Và khi xe đi qua tu viện Xôfia Lovôpna lại nhớ đến Ôlia; nàng ghê sợ nghĩ rằng đối với những cô gái, những phụ nữ thuộc loại như nàng không có lối thoát nào khác ngoài việc ngày nào cũng ngồi xe tam mã dạo chơi liên miên và nói dối, hoặc là đi vào tu viện và giết chết phần thể xác của mình... Hôm sau là ngày hẹn hò gặp gỡ với Vôlôdia, Xôfia Lovôpna lại một mình ngồi xe đi quanh phố và lại nhớ đến người cô xưa kia.

Một tuần sau, Vôlôdia Bé bỏ rơi nàng. Sau đấy, cuộc đời lại tiếp tục trôi qua như trước, vẫn nhạt nhẽo, buồn tẻ và đôi khi cả đau khổ nữa. Vôlôdia Lớn và Vôlôdia Bé vẫn im lặng chơi bi-a và đánh bài pikét hàng giờ liền với nhau; Rita vẫn kể lại những chuyện tiếu lâm một cách dửng dưng, thô lỗ; Xôfia Lovôpna vẫn một mình

đi xe quanh phố và tối đến lại đòi chồng đi dạo bằng xe tam mã.

Gần như ngày nào nàng cũng ghé vào tu viện và làm Ôlia chán ngấy với những lời than vãn về cuộc đời đau khổ vô tận của mình; nàng vừa khóc bên Ôlia vừa cảm thấy rằng, khi bước vào căn phòng thâm nghiêm của Ôlia, con người nàng đã mang theo vào đấy một cái dơ bẩn, dơ dáy, thậm hại; còn Ôlia thì nói ngay với nàng bằng giọng trôi chảy, như đọc bài thuộc lòng rằng, mọi chuyện ấy đều không sao cả đâu, tất cả đều qua đi, và Chúa sẽ tha tội cho nàng.

NHÀ TU HÀNH VẬN ĐỒ ĐEN

Thạc sĩ Andrây Vaxilích Kôvrin làm việc căng thẳng, mệt mỏi đến mức thần kinh rã rời. Anh không đi chữa ở đâu cả, nhưng có lần nhân một bữa rượu tình cờ, anh kể bệnh của mình với ông bạn thấy thuốc, và ông này khuyên nên về thôn quê mà ở qua suốt mùa xuân, mùa hè. Vừa dịp đó lại có bức thư dài của cô Tanhia Pêxốtxkaia gửi đến mời anh về làng Bôrixốpka nghỉ chơi. Và anh quyết định quả thật anh cũng nên đi chơi đâu đó một thời gian.

Đầu tiên, vào tháng tư, anh trở về làng quê mình là Kovrinka, ở đây anh sống đơn độc ba tuần lễ liền; rồi sau đó, chờ cho đường khô ráo, anh lên xe ngựa đi đến nhà cụ Pêxốtxki, một nhà làm vườn nổi tiếng ở nước Nga, người trước kia đã từng đỡ đầu, dạy dỗ anh. Từ Kôvrinka đến Bôrixốpka, nơi gia đình cụ Pêxốtxki ở, người ta tính không quá 70 dặm, và ngồi trong cỗ xe có lò xo giảm sóc mà đi trên con đường êm đềm mùa xuân ấy quả là một lạc thú.

Ngôi nhà của cụ Pêxốtxki đồ sộ lắm, có những hàng cột lớn chạy dài, những hình nổi sư tử quét vôi trắng,

có người hầu mặc áo đuôi tôm châu chực sẵn ở lối vào. Một vườn hoa có từ lâu đời, kiến trúc theo kiểu Anh cát lợi, trông nghiêm nghị, đường bê kéo dài gần một dặm từ nhà ga cho đến bờ sông dựng thành vách đất sét cao trên mặt nước, ở đây có những rặng thông rễ nổi hẳn lên xương xẩu như những bàn tay sù sì, phía dưới là dòng nước hững hờ, lạnh đăm trôi xuôi, từng đàn sếu bay ngang, tiếng kêu buồn bã; đặt chân đến chỗ này đường như bao giờ cũng có tâm trạng muốn ngồi một lát và viết những bài ca huyền thoại. Ngược lại, sát ngay bên nhà, trong sân và trong vườn cây ăn quả lớn nhỏ rộng khoảng ba mươi *déxiachina*^(*) thì lúc nào cũng gây một ấn tượng rất vui vẻ và yêu đời, ngay cả vào những lúc tiết trời u ám. Chưa bao giờ Kovrin lại được thấy những loài hoa đẹp lạ kỳ như ở vườn nhà cụ Pêxốtski, những bông hồng, bông huệ, bông trà, những thứ hoa kim hương đủ loại từ những bông màu trắng ngát đến những bông màu đen huyền mịn mềm như bồ hóng và vô số những loài hoa khác nữa. Bấy giờ chỉ mới là đầu xuân và những khóm hoa sắc sỡ nhất còn ẩn mình trong những bông kính, nhưng chỉ với những bông hoa đã nở dọc theo đường đi dưới bóng hàng cây cũng đủ đem lại cho người dạo chơi cảm giác rằng mình đang lọt vào giữa vương quốc của những sắc màu dịu dàng, kỳ diệu, nhất là vào những giờ phút ban mai, khi sương còn lấp lánh trên mỗi cánh hoa.

* Déxiachina = 1,09 hecta

Phân có tính chất trang trí trong vườn mà bản thân cụ Pêxốttxki chẳng coi ra gì đã từng đem tới cho Kôvrin thời thơ ấu một ấn tượng diệu kỳ, như trong chuyện cổ tích. Bao nhiêu hình thù kỳ lạ, cổ quái mà đẹp đẽ, bao nhiêu vẻ diệu cợt đối với thiên nhiên! Ở đây có những cây ăn quả xếp thành hàng độc đáo, cây lê hình chóp nón như cây tùng, cây sồi, cây bồ đề tán lá hình cầu, cây táo hình cái ô, cây mận kết thành hình cổng chào, kết thành chữ cái đầu tiên của tên họ, thành hình giá đèn treo, thậm chí thành hình cá con số 1862 là con số chỉ năm cụ Pêxốttxki bắt đầu làm nghề vườn. Ở đây còn thấy những cây thân chắc, thẳng như cây cọ, chỉ sau khi nhìn kỹ mới biết đó là cây phúc bồn tử hay là một thứ cây quả chua chua, ngọt ngào nào khác. Nhưng cảnh vui mắt nhất trong vườn, đem lại cho khu đất vẻ nhộn nhịp ấy là những bóng người miệt mài đi lại. Suốt từ sáng sớm cho tới lúc tối mịt, bên cạnh những hàng cây, khóm cây, khóm hoa là những người làm vườn chậm chậm đi như kiến bò, kẻ đẩy xe kút kít, người cầm thuổng, cầm bình tưới nước...

Kôvrin đến nhà cụ Pêxốttxki vào lúc mười giờ tối. Anh bắt gặp cô Tanhia và Egor Xêmiônútst, cụ thân sinh ra cô, vào đúng lúc hai bố con đang lo lắng. Trời trong đầy sao và nhiệt kế báo cho họ biết trước rằng gần sáng trời sẽ lạnh đột ngột mà người coi vườn Ivan Karlíts thì đã đi vào thành phố rồi, nên chẳng còn biết trông cậy vào ai. Trong bữa ăn tối, chủ khách chỉ bàn cách đối phó với sương giá sớm mai, và đã quyết định rằng cô Tanhia sẽ không đi ngủ, đến lúc một giờ đêm sẽ dạo qua khu vườn xem mọi

chuyện có êm thấm không, còn cụ Egor Xêmiônútts thì sẽ dậy lúc ba giờ sáng hay sớm hơn.

Kôvrin ngồi với Tanhia suốt buổi tối và quá nửa đêm thì cùng cô đi vào trong vườn. Trời giá buốt. Ngoài sân đã ngủi thấy mùi khói sặc sụa. Trong khu vườn rộng trồng cây ăn quả mà cụ Egor Xêmiônútts gọi là vườn cây buồn và mỗi năm mang lại cho cụ mấy nghìn bạc lãi thuần túy, một làn khói đen dày đặc, hăng hắc bay là là trên mặt đất, quấn quanh trên những tán cây, làm tan đi sương giá, cứu mấy ngàn bạc kia khỏi bị tiêu tan. Cây ăn quả đứng thành hàng bên nhau như trên một bàn cờ, hàng dọc hàng ngang thẳng tắp như một đoàn quân đứng nghiêm; cái vẻ ngay ngắn chính xác có chút gì kênh kiệu - khi tất cả mọi cây đều cao bằng nhau, đã tạo ra một bức tranh đơn điệu và buồn tẻ. Kôvrin và Tanhia đi giữa những hàng cây bên những đồng lửa chất bằng đủ thứ rác rưởi, rơm rạ, phân khô, chốc chốc họ lại gặp những người làm công thấp thoáng trong làn khói như những cái bóng. Chỉ mới có anh đào, mận và một vài loại táo ra hoa, nhưng cả vườn cây chìm trong đám khói và mãi đến khu vườn ươm Kôvrin mới được thở hít khoan khoái.

- Từ thuở bé, tôi đã nhiều lần phải hắt hơi vì khói ở đây, - Kôvrin nhún vai nói, - nhưng cho đến giờ tôi cũng không hiểu tại sao khói lại có thể cứu cây khỏi bị sương giá.

- Khói thay cho mây khi không có mây... - cô Tanhia trả lời.

- Nhưng mà cần có mây để làm gì?

- Vào những lúc tiết trời u ám, nhiều mây thì không có sương giá.

- À, à ra thế!

Kôvrin cười và cầm lấy tay Tanhia. Anh cảm thấy lòng mình dịu lại khi nhìn vào gương mặt nàng bầu bầu, nghiêm nghị, lạnh giá với đôi lông mày đen thanh mảnh, chiếc cổ áo bành tô dựng lên làm đầu nàng khó quay đi quay lại và cả tấm thân mảnh dẻ, cân đối trong bộ váy áo vén cao để tránh sương.

- Trời, cô đã thành người lớn rồi! - Kôvrin nói. - Cách đây năm năm, khi tôi rời khỏi nơi này lần cuối cùng, cô còn là một cô bé hoàn toàn. Lúc ấy trông cô gầy gò, khẳng khiu, mái tóc để trần, mặc váy ngắn cộc, tôi còn lấy con gang ra dọa cô... Thời gian thật là kỳ lạ!

- Vâng, đã năm năm rồi! - Tanhia thở dài. - Bao nhiêu nước đã trôi đi từ dạo ấy. Anh Andriusa, anh hãy nói thật lòng xem, - nàng chuyển giọng nói sôi nổi, nhìn vào mặt Kôvrin, - anh đã quên chúng tôi rồi phải không? Nhưng mà tôi hỏi điều gì vậy? Anh là đàn ông, anh sống cả cuộc đời thú vị của riêng mình, anh là một vĩ nhân... Xa cách chúng tôi là một chuyện tự nhiên thôi! Nhưng dù có điều gì xảy ra chăng nữa, anh Andriusa ạ, tôi muốn rằng bao giờ anh coi chúng tôi như những người thân thiết của mình. Chúng tôi có quyền được nói như vậy.

- Tôi cũng nghĩ như thế, Tanhia ạ.

- Thật không?

- Thật thế đấy.

- Lúc chập tối, anh đã ngạc nhiên thấy rằng nhà chúng tôi có nhiều ảnh của anh đến thế. Chắc anh cũng biết rằng, ông cụ thân sinh tôi rất quý anh. Đôi khi tôi có cảm tưởng rằng ông cụ quý anh còn hơn cả tôi nữa. Ông cụ lấy làm hãnh diện về anh. Anh là một nhà học giả, một con người siêu phàm, anh đã tự tạo ra cho mình con đường công danh rực rỡ, và ông cụ tin chắc rằng sở dĩ anh nên người như vậy là nhờ công lao nuôi dạy của ông cụ. Tôi không ngăn cản ông cụ nghĩ như vậy. Cứ để cho cụ nghĩ thế.

Trời đã rạng sáng, và điều này có thể nhận ra nếu để ý rằng mỗi lúc một nhìn rõ hơn những cuộn khói bay lên không trung và những tán lá cây. Chim họa mi đã hót và từ phía cánh đồng vọng lại tiếng chim cun cút kêu.

- Nhưng mà cũng đến lúc đi ngủ thôi, - Tanhia nói.
- Trời cũng lạnh lắm. - Nàng khoác tay Kôvrin. - Anh Andriusa, cảm ơn anh đã đến đây. Những người quen của gia đình chúng tôi ở quanh đây tẻ lắm mà cũng chẳng nhiều nhận gì. Chúng tôi thì lúc nào cũng nghĩ đến toàn là chuyện vườn với vườn thôi - chẳng có gì hơn thế nữa. Hết cây to, cây nhỏ lại đến táo muộn, táo sớm, táo bé, táo to, tiếp mắt, tiếp cành... Suốt đời, suốt cả đời, chúng tôi chỉ quanh quẩn trong vườn cây, thậm chí chưa bao giờ tôi nằm mê thấy gì khác ngoài táo và lê. Điều đó tất nhiên là tốt thôi, cũng có ích lợi, nhưng mà đôi khi cũng muốn có

những cái gì khác cho nó đỡ đơn điệu. Tôi còn nhớ những lần anh về đây nghỉ hè hay là chỉ về chơi thôi, trong nhà như có cái gì tươi hơn, sáng sủa hơn, hết như lớp vải phủ các giá đèn treo và ghế đệm được cất đi. Dạo ấy tôi còn bé, nhưng mặc dầu vậy tôi đã hiểu.

Nàng nói liên một thôi dài, giọng đầy xúc động. Không hiểu tại sao bất ngờ một ý nghĩ chợt đến trong đầu anh, rằng suốt cả mùa hè này anh sẽ có thể gần gũi với cô gái bé nhỏ, mảnh dẻ, ưa nói này, rồi đem lòng say mê thương yêu cô ta, - đối với hoàn cảnh của hai người ý nghĩ ấy làm anh cảm thấy êm dịu, ngồ ngộ, vui vui; anh cúi xuống sát bên gương mặt đáng yêu, đầy vẻ lo âu và khe khẽ hát.

Anh Ônhêghin ơi, tôi không muốn dấu anh,

Tôi yêu Tachiana như kẻ mất hồn...

Khi hai người trở vào nhà thì ông cụ Egor Xêmiônút đã dậy. Kôvrin không thấy buồn ngủ, anh bắt chuyện với cụ rồi cùng cụ đi vào vườn. Cụ Egor Xêmiônút người to cao, đôi vai vạm vỡ, bụng phề phề và mắc bệnh suyễn, nhưng bao giờ cụ cũng đi nhanh đến nỗi khó ai theo kịp. Cụ luôn luôn có vẻ bận rộn, lo âu, lúc nào cũng tất tả, vội vàng làm như là chỉ cần cụ đi chậm một phút là mọi việc sẽ hỏng hết!

- Này, anh bạn trẻ, chuyện là thế này... - Cụ thỉnh thoảng lại dừng lại để thở và bắt đầu nói, - Anh thấy đấy, trên mặt đất thì giá lạnh, mà chỉ cần treo nhiệt kế trên đầu

cái gậy cao chừng 2 *xajen*, thì ở đó đã thấy ám rồi... Vì sao vậy?

- Quả thật là cháu không biết, - Kôrvin nói và cười thành tiếng.

- Hừm... Tất nhiên là không biết hết tất cả mọi điều được.. Đầu óc dù uyên bác đến đâu cũng không thể chứa đựng được mọi điều. Có phải anh thạo về triết học hơn cả phải không?

- Vâng ạ. Hiện nay cháu đang đọc các sách về tâm lý học, còn nghiên cứu thì chung cả về triết học.

- Thế anh không thấy chán chứ?

- Ngược lại thế bác ạ, cháu chỉ sống với cái đó thôi.

- Thì cũng cầu trời cho anh được như thế... - cụ Egor Xêmiônútts nói, vẻ tư lự đưa tay lên xoa xoa bộ râu quai nón đã bạc trắng. - Cầu trời phù hộ cho anh... Tôi rất mừng... mừng cho anh, anh bạn trẻ ạ...

Bất ngờ cụ lắng tai nghe, vẻ mặt bỗng lộ vẻ kinh hãi, chạy sang phía bên và loáng sau mắt hút sau những hàng cây và làn khói.

- Đứa nào đi buộc ngựa vào gốc táo thế này hử... hử? - Nghe vang lại tiếng kêu thất thanh tuyệt vọng của ông cụ. - Thằng đứa giả, thằng chết tiệt nào lại dám buộc ngựa vào gốc táo thế này hả trời? Trời ơi là trời! Làm hư, làm hỏng, làm đổ, làm nát cả vườn cây của tôi thế này! Mất toi cả vườn rồi! Trời ơi là trời.

Khi cụ trở lại chỗ Kôvrin, mặt cụ lộ rõ vẻ tức giận, mệt mỏi rã rời.

- Còn biết xử ra làm sao với cái đám dân đen chết tiệt này nữa! - Cụ già nói với cái giọng như khóc, hai tay đang ra. - Đêm qua thằng Xchépka nó chở phân khô đến đây rồi buộc ngựa vào gốc cây táo! Thằng khốn nó đem buộc xiết dây cương vào gốc nên thân cây bị tróc vỏ đến ba chỗ. Thế đấy! Tôi có nói với nó, còn nó thì cứ đứng đực ra mà chớp mắt! Đêm mà treo cổ lên cũng chưa đáng!

- Bình tâm trở lại, cụ ôm lấy Kôvrin và hôn vào má anh. - Thôi thì cũng cầu trời cho anh, cầu trời cho anh được thế... - Cụ lấp bắp nói. - Tôi rất mừng rằng anh đã đến đây. Mừng lắm... cảm ơn anh nhé.

Sau đó, vẫn với dáng đi vội vàng, nhanh nhẹn và vẻ mặt lo âu, cụ đi vòng khắp khu vườn và chỉ cho người trước đây cụ đã từng nuôi dạy tất cả những nhà kính, nhà ươm ể ương cây và hai nơi nuôi ong mà cụ gọi là kỳ quan thế kỷ này của chúng ta.

Trong khi hai người đi giữa những hàng cây, mặt trời đã lên, chiếu rọi khắp khu vườn. Trời ấm hẳn. Kôvrin linh cảm thấy ngày hôm nay sẽ kéo dài, tươi vui, chan hoà ánh sáng, và anh sức nhớ rằng bây giờ chỉ mới đầu tháng năm, đằng trước còn là cả một mùa hè, cũng tươi vui, kéo dài và chan hoà ánh sáng như thế; và anh cảm xúc trẻ trung, khoan khoái xao xuyến trong trái tim anh, cái cảm xúc mà anh đã từng biết đến hồi thơ ấu khi anh chạy chơi trong khu vườn này. Tự anh cũng ôm lấy cụ già và âu yếm

hôn cụ. Cả hai người đều xúc động trở vào nhà ngồi uống chè rót trong những chiếc tách bằng sứ cổ, ăn *krem* và những chiếc bánh mỳ ngọt, ngon lành bện hình số tám - những điều nho nhỏ ấy gợi cho Kôvrin nhớ lại thời niên thiếu và quá khứ vừa thức dậy trong anh quện hoà với nhau; trong lòng cảm thấy rộn ràng, bẽ bộn mà khoan khoái.

Anh chờ đến lúc Tanhia thức dậy, cùng với nàng uống cà phê thoả thích, dạo chơi một lúc rồi trở về buồng mình và ngồi vào bàn làm việc. Anh chăm chú đọc, ghi ghi chép chép, thỉnh thoảng ngẩng mặt lên nhìn qua cửa sổ mở rộng hoặc nhìn những bông hoa tươi còn ướt đầm sương nở trong chiếc bình đặt trên bàn, rồi lại cúi xuống đọc tiếp, và anh có cảm giác rằng từng đường gân trong cơ thể anh đang run lên vì sáng khoái.

II

Ở thôn quê, anh vẫn tiếp tục nhịp sống căng thẳng, và sôi nổi như ngoài thành phố. Anh đọc và viết rất nhiều, anh học tiếng Ý và mỗi khi đi dạo chơi, anh khoan khoái nghĩ rằng lát nữa anh sẽ được ngồi vào bàn làm việc. Anh ngủ ít đến mức làm cho mọi người ngạc nhiên; nếu vô tình anh trót ngủ ngày chừng nửa giờ đồng hồ thì sau đó suốt đêm anh sẽ thức và sau cả một đêm không ngủ như vậy anh cũng vẫn tỉnh táo, vui vẻ như thường.

Anh nói rất nhiều, uống kha khá rượu mùi và hút những thứ thuốc đắt tiền. Hầu như ngày nào cũng vậy, các cô gái lẳng giềng cũng sang nhà cụ Pêxôtski chơi, cùng với Tanhia hát và đàn pianô; thỉnh thoảng có một chàng trai trẻ ở gần đấy cũng đến, anh ta chơi vĩ cầm cũng khá hay. Kôvrin chăm chú nghe đàn hát và cảm thấy mệt mỏi vì quá tập trung, sự mệt mỏi ấy lộ rõ trên cơ thể là đôi mắt đã nhắm lại, đầu ngã sang bên.

Có lần sau buổi uống trà chập tối, anh ngồi ngoài ban công và đọc sách. Trong phòng khách vào lúc ấy, Tanhia - giọng nữ cao, một cô bạn khác - giọng nữ trầm và chàng trai trẻ chơi vĩ cầm cùng tập một bản tình ca nổi tiếng của Blác. Kôvrin lắng nghe lời bài hát - lời bằng tiếng Nga - và không sao hiểu nổi ý nghĩa của những lời ấy. Cuối cùng, sau khi đặt sách xuống và để tâm lắng nghe kỹ hơn, anh mới hiểu bài hát nói gì: một cô gái giàu trí tưởng tượng đến mức như mang bệnh, có lần nghe trong đêm những âm thanh bí ẩn từ phía vườn vọng lại, những âm thanh ấy tuyệt vời và lạ kỳ đến mức cô gái phải coi đó là sự hài hoà, thiêng liêng, một sự hài hoà không thể hiểu được đối với những người hữu hạn, trước sau gì rồi cũng chết như chúng ta, vì vậy nó lại bay trở về trời. Đôi mắt Kôvrin lại nặng trĩu xuống. Anh đứng dậy và mệt nhọc đi sang phòng khách rồi sang căn phòng lớn. Khi tiếng đàn vừa dứt, anh khoác tay Tanhia rồi cùng với nàng bước ra ban công.

- Suốt từ sáng tới giờ tôi cứ bị ám ảnh bởi một chuyện huyền thoại, - Anh nói. - Tôi không nhớ rằng tôi

đã đọc câu chuyện này ở đâu hay là đã nghe ai kể lại, nhưng câu chuyện huyền thoại này kỳ lạ lắm, không giống chuyện nào khác cả. Điều trước tiên là câu chuyện này không có điều gì lạ rõ rệt cả. Cách đây một nghìn năm về trước một nhà tu sĩ vận đồ đen đi lang thang trên sa mạc ở vùng Xiri hay Arabi gì đấy... Cách chỗ ông ta đi qua mấy dặm, những người ngư dân trông thấy một nhà tu sĩ vận đồ đen khác đang chậm chậm bước đi trên mặt hồ. Nhà tu sĩ thứ hai là một ảo ảnh. Bây giờ cô hãy quên đi hết những quy luật quang học mà câu chuyện huyền thoại có lẽ là không tuân theo, và hãy nghe tôi kể tiếp. Từ ảo ảnh này xuất hiện ảo ảnh khác, từ ảo ảnh tiếp đó lại xuất hiện ảo ảnh thứ ba, cứ thế mà hình ảnh người tu sĩ vận đồ đen cứ truyền đi, truyền đi mãi từ lớp không khí này đến không khí khác. Mọi người nhìn thấy ông ta khi thì ở châu Phi, khi thì ở Y-pha-nho, khi thì ở Ấn Độ, khi thì ở miền cực Bắc... cuối cùng nhà tu sĩ vượt qua khỏi giới hạn không khí của trái đất và bây giờ đang lang thang khắp vũ trụ, và không sao rơi vào những hoàn cảnh mà trong đó ông ta chỉ có thể biến mất được. Có thể bây giờ người ta đang trông thấy ông ở trên sao Hoả hay một vì sao nào trong chòm Thập tự nam. Nhưng cô Tanhia thân yêu, cái cốt lõi, cái điểm mấu chốt nhất của cả câu chuyện huyền thoại đó là ở chỗ đúng một nghìn năm sau, khi nhà tu sĩ bắt đầu đi qua sa mạc, ảo ảnh sẽ rơi lại vào bầu khí quyển của quả đất và hiện ra cho tất cả mọi người cùng thấy. Và hình như thời hạn nghìn năm ấy đã gần hết... theo như câu chuyện này

thì thế nào chúng ta cũng phải chờ gặp nhà tu sĩ vận đồ đen không hôm nay thì mai thôi.

- Thật là một ảo ảnh kỳ lạ,- Tanhia nói rõ ra về chẳng thích thú gì với những câu chuyện huyền thoại đó.

- Nhưng điều đáng kinh ngạc nhất là, - Kôvrin bật cười, - tôi không thể nhớ được câu chuyện huyền thoại này lọt vào đầu tôi từ đâu? Tôi đã đọc ở sách nào đã nghe ai kể lại hay là có thể rằng tôi đã nằm mơ thấy nhà tu sĩ vận đồ đen ấy? Có trời chúng dám, tôi cũng không nhớ nữa. Nhưng câu chuyện đó cứ ám ảnh tôi mãi. Cả ngày hôm nay tôi cứ nghĩ mãi về câu chuyện ấy.

Để cho Tanhia trở vào với khách, Kôvrin bước ra khỏi nhà và trầm ngâm đi dạo bên những khóm hoa. Mặt trời đã lặn những bông hoa vừa được tưới nước toả hương thơm ngào ngạt. Tiếng hát trong nhà lại được cất lên từ xa, cây đàn vĩ cầm nghe như tiếng người. Kôvrin căng não nghĩ, cố nhớ anh đã nghe hay đọc câu chuyện huyền thoại đó ở đâu, anh chậm rãi bước vào vườn hoa và đi đến bên sông lúc nào không biết.

Theo con đường mòn nhỏ dọc bờ đất dựng đứng bên những rễ cây trần, Kôvrin bước xuống sát mặt sông làm náo động bầy giang và đôi vịt trời đang kiếm ăn dưới đó. Trên ngọn cây thông cao vút, đó đây còn vương lại những tia nắng cuối cùng của mặt trời đang lặn, còn bên trên mặt sông thì màn đêm đã phủ kín. Kôvrin bước qua phía cầu nhỏ sang bờ bên kia, trước mắt anh hiện ra cả một cánh đồng bát ngát lúa mạch đang tơ, còn chưa trở

bông, không một mái nhà, không một bóng người, từ phía xa, và có cảm giác rằng nếu đi tiếp, con đường nhỏ ấy sẽ dẫn tới nơi bí ẩn xa xôi mà mặt trời vừa lặn xuống và ánh chiều hùng vĩ đang cháy rực một góc trời.

"Chốn này thật là bao la, khoáng dãng, yên tĩnh biết bao! - Kôvrin vừa đi theo con đường nhỏ vừa nghĩ. - và hình như cả thế giới đang nhìn tôi, nín thở nhìn tôi hiểu nó..."

Nhưng rồi những lượn sóng mềm mại đuổi theo nhau trên đồng lúa và những ngọn gió chiều nhẹ nhàng lướt qua mái đầu để trần của anh. Chừng một phút sau, một làn gió khác lại đến. Nhưng mạnh hơn, - đồng lúa lao xao, nghe thấy tiếng thông reo vi vu từ phía xa vọng tới. Kôvrin kinh hãi dừng lại. Phía chân trời, từ mặt đất bỗng hút lên một cột gì đen đen hết như một cơn xoáy lốc. Trông không rõ hình dáng, nhưng ngay từ giây phút đầu tiên đã có thể nhận thấy rằng có một cột đen không giữ nguyên một chỗ mà di chuyển nhanh ghê gớm, về đúng phía Kôvrin, càng tới gần trông nó càng nhỏ đi và rõ hơn. Kôvrin lao vào ruộng lúa mạch bên cạnh để nhường đường cho khối hình đen đen ấy, chỉ chậm một chút nữa thì anh không kịp tránh.

Một tu sĩ vận đồ đen, mái đầu bạc trắng, đôi lông mày đen, hai tay bắt chéo trên ngực, lao vút qua.. Bàn chân trần không chạm mặt đất. Đi qua khoảng chừng ba xajen, thì nhà tu hành quay lại nhìn Kôvrin gật đầu chào và mỉm cười với anh, vừa dịu dàng vừa ranh mãnh. Gương

mặt ông ta mới gây guộc nhọt nhạt, nhọt nhạt ghê gớm làm sao! Hình dáng nhà tu hành bỗng lại to dần lên và bay qua sông, khẽ chạm vào bờ đất sét và hàng cây thông, rồi lách qua chỗ ấy và biến đi như một làn khói.

- Đấy, thấy chưa... - Kôvrin lâu bầu nói. - Thế có nghĩa là, câu chuyện huyền thoại kia lại có thật.

Kôvrin cũng chẳng muốn mất công tự giải thích cho mình hiện tượng kỳ lạ vừa rồi, anh trở về nhà với cảm giác xúc động đầy thú vị và mãi nguyện rằng anh đã nhìn gần, nhìn rõ đến thế bộ quần áo đen và cả gương mặt, đôi mắt của nhà tu hành.

Trong vườn hoa, trong vườn cây mọi người vẫn bình thản đi lại, trong nhà vẫn có tiếng đàn hát, - có nghĩa là chỉ có một mình anh nhìn thấy nhà tu hành kia thôi. Anh rất muốn được kể lại tất cả cho Tanhia và cụ Egor Xêmiônúts nghe, nhưng anh lại nghĩ rằng chắc thế nào họ cũng coi những điều kể của anh là điều mộng mị và làm họ sợ hãi, nên tốt hơn hết là anh im lặng. Anh cười vang, anh hát, nhảy điệu mazuôcka, anh cảm thấy vui lắm, và tất cả mọi người, cả khách và Tanhia, đều nhận thấy rằng mặt anh hôm nay lộ một vẻ gì khác thường, thật tươi trẻ và hào hứng, trông anh hôm nay rất hấp dẫn.

III

Sau bữa ăn tối, khi mấy người khách đã về hết, anh trở về buồng mình, và nằm xuống đi-văng; anh muốn nghĩ đến nhà tu sĩ. Nhưng một phút sau, Tanhia bước vào.

- Anh Andriusa này, anh xem những bài báo của ông cụ thân sinh tôi đi, - nàng nói và đưa cho Kôvrin cả một xếp báo dày. - Thật là những bài báo tuyệt diệu. Ông cụ viết rất hay.

- Ôi dào, hay gì mà hay! - Cụ Egor Xêmiônút nói, bước vào theo sau con gái và cười gượng gạo; cụ cảm thấy ngượng ngùng. - Xin anh đừng nghe, đừng đọc gì cả! Còn nếu như anh muốn ngủ thì có lẽ cứ đọc đi, đó là một thứ thuốc ngủ tuyệt diệu đấy.

- Theo tôi, thì đây là bài báo rất hay, - Tanhia nói với lòng tin chắc chắn sự thật là như vậy, - anh đọc đi, anh Andriusa ạ, hãy thuyết phục ông cụ nhiều hơn. Ông cụ có thể viết được cả một giáo trình đầy đủ về nghề làm vườn.

Cụ Egor Xêmiônút cố cười phá lên, mặt đỏ dừ và luôn miệng nói những câu mà các tác giả văn thường nói khi ngượng ngập. Cuối cùng cụ cũng nhượng bộ.

- Nếu vậy thì trước tiên anh hãy đọc bài báo của Gôsêe và những bài báo Nga này, - cụ vừa run run lật mấy trang giấy vừa lầu bầu nói, - Không thì anh sẽ thấy khó hiểu đấy. Trước khi đọc những ý kiến phê phán của tôi, cần phải biết những gì tôi định phê phán. Nhưng thôi toàn

là chuyện nhảm cả... chán lắm. Mà hình như cũng đến giờ đi ngủ rồi đấy.

Tanhia bước ra. Cụ Egor Xêmiônútst ngồi ghé xuống đi-văng sát bên Kôvrin thở phào.

- Chà, anh bạn trẻ của tôi này... - Cụ bắt đầu nói sau một lát im lặng. - Đây... nhà học giả thân mến của tôi... Đây, tôi đã viết mấy bài báo, đã tham dự triển lãm, đã nhận được huy chương này nọ... Người ta cứ nói nào là ông Pêxôttxki trồng được những cây táo quả to xấp xỉ đầu người, nào là ông Pêxôttxki nhờ có vườn cây mà giàu to. Nói tóm lại là vừa giàu vừa nổi tiếng. Nhưng mà thử hỏi: tất cả những cái ấy để làm gì kia chứ? Vườn cây quả thật là đẹp đẽ, đáng làm mẫu mực... Đây không phải là một vườn cây mà là một cơ sở lớn có tầm quan trọng quốc gia, bởi vì có thể nói rằng đó là một nấc thang để bước vào kỷ nguyên mới của nền sản xuất nước Nga, của nền kinh doanh nước Nga. Nhưng mà để làm gì? Vì mục đích gì?

- Sự việc đã tự nó trả lời rồi cụ ạ.

- Không, tôi không nói tới ý nghĩa ấy. Tôi muốn hỏi rằng: vườn cây này rồi sẽ ra sao sau khi tôi nhắm mắt? Thiếu tôi khu vườn này sẽ không còn tồn tại được một tháng trong cái dạng mà anh đang trông thấy bây giờ. Tất cả những bí quyết thành công không phải ở chỗ khu vườn này rộng và có đông người làm công, mà ở chỗ là tôi yêu công việc này, anh có hiểu không? Tôi yêu công việc này có thể còn hơn là yêu bản thân mình. Anh hãy thử nhìn tôi mà xem: tôi tự mình làm lấy tất. Tôi làm suốt từ sáng sớm

cho đến tối mịt. Tự tay tôi chiết cành, ghép cây, tự tay tôi tía bỏ, tự tay tôi trồng cây, tôi làm lấy tất. Khi có người định giúp tôi một tay, tôi ghen tức và nổi cáu đến mức thô lỗ, cục cằn. Tất cả bí quyết là ở tình yêu đối với vườn cây, tức là ở con mắt thạo nghề tinh tường, ở đôi tay khéo léo, ở tâm trạng là nếu có đi đến nhà ai chơi chừng một tiếng đồng hồ thì ngồi thần một nơi còn đầu óc thì ở nơi khác; lúc nào cũng lo ngay ngáy không biết ở vườn nhà có chuyện gì xảy ra không. Thế mà khi tôi chết rồi thì ai sẽ trông coi vườn cây thay tôi? Ai sẽ làm việc? Người quản gia chăng? Bọn làm công ư? Có phải thế không? Cho nên tôi muốn nói với anh, anh bạn thân mến của tôi rằng: kẻ thù đầu tiên trong công việc của chúng ta không phải là thờ, không phải là sâu bọ, không phải là sương giá, mà là những người xa lạ.

- Thế còn Tanhia thì sao? - Kôvrin cười hỏi. - Tất nhiên không thể nói rằng cô ấy tai hại hơn lũ thờ. Cô ấy yêu và hiểu biết công việc cô ấy làm đấy.

- Phải rồi, nó yêu và hiểu biết công việc nó làm đấy. Nếu sau khi tôi chết đi rồi mà vườn cây chuyển sang tay nó và nó sẽ là người trông nom mọi việc thì tất nhiên là không còn mong gì hơn thế. Nhưng mà chẳng may nó đi lấy chồng thì sao? - Cụ Egor Xêmiônút nói thì thào và sợ hãi nhìn vào mặt Kôvrin. - Đấy, mỗi lo ngại là ở đấy! Lấy chồng, sinh con đẻ cái, rồi chẳng có lúc nào mà nhòm ngó đến vườn cây nữa. Điều tôi sợ nhất là nếu nó đi lấy một anh chàng trai trẻ nào tham lam lại để cho bọn lái buôn nó thâu thì chỉ một năm sau là tan hoang cả khu

vuồn! Trong công việc của chúng ta thì đàn bà là cả một tai họa tày đình!

Cụ Egor Xêmiônút thở dài và im lặng hồi lâu.

- Có thể đây là một thứ chủ nghĩa vị kỷ, nhưng cứ thẳng thừng mà nói thì không muốn để cho Tanhia nó đi lấy chồng. Tôi sợ lắm! Đây, độ này có cái gã công tử bột cứ hay đến đây chơi, rên rí kéo đàn vĩ cầm; tôi biết thừa là chẳng đời nào con Tanhia nhà tôi lại đi lấy cái thằng ấy, nhưng quả tình là tôi không thể nhìn mặt nó được. Anh bạn trẻ ạ, nói chung thì tôi vẫn là một ông lão gàn dở đấy. Tôi tự nhận thấy như thế.

Cụ Egor Xêmiônút đứng dậy và xúc động đi lại trong căn phòng, có thể đoán được rằng cụ đang rất muốn nói một điều gì rất hệ trọng, nhưng cứ chân chừ mãi không dám nói.

- Tôi yêu mến anh lắm và sẽ chẳng giấu giếm anh điều gì, - cuối cùng, cụ cũng quyết định nói thẳng, hai tay thọc sâu vào túi áo. - Đối với một số vấn đề tế nhị bao giờ tôi cũng có thái độ rất đơn giản và tôi thường bày tỏ thẳng thừng những gì tôi nghĩ, tôi không thể chịu được cái gọi là những ý nghĩ thâm kín. Tôi muốn nói rõ ra rằng, anh là người duy nhất mà tôi có thể gả con gái tôi mà không phải lo ngại gì. Anh là một người thông minh, một con người có tâm hồn và chắc chắn chẳng để cho sự nghiệp tôi yêu quý bị mai một. Và nguyên nhân chủ yếu là tôi thương yêu anh như con đẻ... và tự hào về anh. Nếu giữa anh và Tanhia nảy nở một mối tình, biết đâu được phải không?

Thì tôi sẽ rất mừng, rất hạnh phúc nữa là đằng khác. Tôi cứ nói thẳng điều này, chẳng phải quanh co giấu giếm gì như những người trung thực vẫn thường cư xử như vậy.

Kôvrin cười thành tiếng. Cụ Egor Xêmiônút mở cửa để đi ra, nhưng rồi dừng lại trên ngưỡng cửa.

- Nếu anh và Tanhia mà sinh con trai thì tôi thế nào cũng dạy nó thành người làm vườn thành thạo, - cụ nghĩ một lát rồi nói. - Nhưng mà thôi, đó chỉ là chuyện mơ ước hão... Chúc anh ngủ ngon nhé.

Còn lại một mình, Kôvrin nằm xoay mình lại nằm cho thoải mái hơn rồi bắt đầu lấy mấy bài báo ra đọc. Một bài có đầu đề "Về một loài cây chuyên tiếp", một bài khác "Mấy lời nhân ý kiến của ngài Z. về vấn đề cây xói đất cho vườn mới trồng", bài thứ ba: "Lại nói về cách ghép mầm" - các bài báo khác cũng đại loại như vậy. Nhưng giọng văn thì thật là chẳng bình tĩnh và điềm đạm chút nào, cũng có thể thấy rõ đó là một sự hăng say quá mức gần như bệnh hoạn! Đơn cử một bài báo có lẽ có đầu đề hiển lành nhất và nội dung vô thưởng vô phạt nhất: bài viết về loại táo Nga ra quả muộn. Nhưng cụ Egor Xêmiônút lại bắt đầu bằng câu "*Audiatuŕ ajtera pars*"^(*) và kết thúc bằng câu "*Sapienti sat*"^(†), và giữa hai câu thành ngữ La tinh ấy là hàng tràng những lời độc địa chĩa vào "sự ngờ nghệch khoác vớ học giả của mấy ngài được mệnh danh là nhà làm vườn của chúng ta thường quen

* Hãy để cho người ta nghe cả những ý kiến của phía bên kia. (tiếng La tinh)

† Với người thông minh thế cũng đủ. (tiếng La tinh).

quan sát thiên nhiên từ độ cao của bục giảng đường", hoặc là chĩa vào ngài Gôse. "người được ngưỡng mộ bởi những kẻ vô học và nửa vô học", và liền ngay đó là cả một đoạn dài dòng không ăn nhập vào đâu cả than phiền chẳng thành thực chút nào rằng đối với những người nông dân hái trộm quả và nhân đây làm hư hại cây bây giờ không thể dùng roi vọt được nữa.

"Làm vườn là một chuyện êm ái, đẹp đẽ, lành mạnh, thế mà ở đây cũng có chuyện cãi vã, sôi sùng sục như vậy, - Kôvrin nghĩ. - Chắc là khắp mọi nơi, trên mọi lĩnh vực những người có đầu óc suy nghĩ bao giờ cũng thiếu bình tĩnh và dễ bị kích động lắm. Hình như phải thế vậy".

Anh nhớ đến cô Tanhia, người rất thán phục những bài báo của cụ Egor Xêmiônút. Nàng người nhỏ nhắn, yếu ớt, thanh mảnh, trông rõ xương quai xanh nhô lên; đôi mắt mở to, đen tuyền, linh lợi, lúc nào cũng nhìn đi đâu như đang tìm kiếm cái gì; dáng đi vội vã, ngắn bước như dáng đi của ông cụ thân sinh. Nàng hay nói, thích tranh luận và vào những lúc ấy thì ngay cả khi nói những lời vô thường vô phạt nhất này cũng biểu lộ tình cảm rõ rệt bằng nét mặt hay bằng điệu bộ. Chắc nàng cũng là một người dễ mất thăng bằng, thiếu bình tĩnh cao độ. Kôvrin tiếp tục đọc, nhưng anh chẳng hiểu gì hết và bỏ luôn. Cái cảm giác phấn chấn dễ chịu đến với anh lúc chập tối khi anh nhảy điệu mazuôcka và nghe đàn hát bây giờ lại làm anh mệt nhọc và gợi cho anh nhiều suy nghĩ mông lung. Anh đứng dậy, đi đi lại lại trong căn phòng và nghĩ ngợi về nhà tu sĩ

vận đồ đen. Anh nghĩ rằng, nếu nhà tu hành kỳ lạ, siêu phàm kia chỉ có một mình anh nhìn thấy thì có nghĩa là anh đã mắc bệnh và đã đến mức nhìn thấy những ảo hình. Ý nghĩ đó làm anh sợ hãi, nhưng chỉ một lúc thôi.

“Nhưng mà tâm thần mình vẫn tỉnh táo, mình không làm điều ác cho ai, có nghĩa là trong những ảo hình mình thấy chẳng có điều gì xấu xa cả”, - anh nghĩ thế và cảm thấy lòng mình bình yên trở lại.

Anh ngồi xuống đi văng, hai tay ôm lấy đầu, cố kìm lại một niềm vui khó hiểu đang dạt dào trong lòng, sau đó anh đứng dậy đi, rồi ngồi xuống bên bàn làm việc. Nhưng những suy nghĩ mà anh đọc được trong sách không làm anh thoả mãn. Anh muốn thấy một cái gì thật vĩ đại, phi thường, thật đáng kinh ngạc. Gần sáng, anh cởi quần áo ngoài và miễn cưỡng nằm xuống giường: dù sao thì cũng cần phải ngủ!

Khi nghe tiếng chân cụ Egor Xêmiônútst đi vào vườn, Kôvrin rung chuông gọi người hầu mang rượu mùi lên. Anh khoan khoái uống liền mấy ly rượu lafit*, sau đó anh kéo chăn trùm kín đầu; trí óc anh mờ mịt dần và anh thiếp đi.

* Một loại rượu nho màu đỏ (ND)

IV

Cụ Egor Xêmiônútts và cô Tanhia thường hay cãi nhau và nói với nhau những lời chẳng êm ái gì.

Có lần, vào một buổi sáng hai người cãi nhau về một chuyện gì đó. Tanhia khóc và đi về buồng mình. Nàng không ra ăn cơm trưa, cũng không ra uống trà. Mới đầu cụ Egor Xêmiônútts vẫn tỏ vẻ thần nhiên nghiêm trang, như muốn để cho mọi người hiểu rằng đối với cụ thì lễ phải và tôn ti trật tự là điều đáng lưu tâm trước tiên trên đời này, nhưng được ít lúc sau thì cụ cũng chẳng nói cứng được nữa và quay ra buồn chán thực sự. Cụ rầu rĩ đi dạo trong vườn hoa và thở dài thườn thượt: “Chậc, trời ơi là trời!” Suốt cả bữa trưa cụ chẳng ăn qua một tý gì. Cuối cùng, với vẻ mặt đau khổ đầy ân hận, cụ khẽ gõ vào cánh cửa buồng khoá kín và rụt rè gọi:

- Tanhia! Tanhia!

Từ phía sau cửa vọng ra tiếng trả lời yếu ớt, đầm nước mắt mà vẫn đầy vẻ kiên quyết:

- Xin cha cứ để con yên!

Sự đau khổ của chủ nhân làm không khí cả nhà trở nên nặng nề, có thể thấy rõ điều đó ngay trên cả những vẻ mặt của người làm công trong vườn. Kôvrin thì bị cuốn hút vào công việc đầy thú vị của mình, nhưng cuối cùng, chính anh cũng cảm thấy buồn tẻ và khó xử. Để xua tan tâm trạng nặng nề, anh quyết định can thiệp vào và lúc

gần tôi, anh đến gõ cửa buồng Tanhĩa. Nàng mở cửa cho anh vào.

- Nhưng nếu anh biết rằng, ông cụ đã làm khổ tôi đến thế nào! - Nàng nói, và những dòng nước mắt nóng bỏng ứ đầy trong đôi mắt to tròn tuôn ra như mưa. - Ông cụ đã làm tình làm tội tôi! - Nàng nói tiếp, run run bẻ bẻ bàn tay. - Tôi không nói gì với ông cụ cả... Không nói gì cả... Tôi chỉ nói rằng không nên thuê quá nhiều những người làm công, trong khi... trong khi, lúc nào cũng có thể thuê người làm công nhật. Vì... vì cả một tuần nay rồi những người làm công chẳng có việc gì làm... Tôi... tôi chỉ vừa nói thế mà ông cụ đã quát tháo âm lên, mắng mỏ tôi đủ điều... sỉ nhục, ức lắm. Vì tội gì kia chứ?

- Thôi, thôi... đừng khóc nữa, - Kôvrin vừa nói vừa sửa lại mái tóc cho nàng. - Cãi nhau rồi, khóc rồi thì thôi chứ. Không nên giận nhau lâu thế, thế là không hay đâu... hơn nữa ông cụ rất yêu cô.

- Ông cụ đã... đã làm hỏng cả đời tôi, - Tanhĩa vừa nói vừa sụt sịt khóc. - Lúc nào cũng phải nghe toàn là những điều mắng mỏ... và sỉ nhục. Ông cụ coi tôi là người thừa trong cái nhà này. Thì có sao đâu? Ông cụ đã nghĩ phải. Ngày mai tôi sẽ đi khỏi nơi đây, xin làm nghề điện báo... Như thế còn hay hơn...

- Thôi, thôi, thôi... Đừng khóc nữa, Tanhĩa ạ. Đừng khóc nữa, Tanhĩa thân yêu... Hai cha con cô đều nóng nảy, thiếu bình tĩnh, cả hai đều có lỗi. Thôi, đứng dậy đi, tôi dàn hoà cho cả hai người.

Kôvrin nói, vừa dịu dàng ngượng nhẹ, vừa có lý có lẽ, thế mà Tanhia thì vẫn tiếp tục khóc, đôi vai rung rung, tay nắm chặt vào nhau, dường như quả thật là nàng đã chịu một nỗi đau khổ nào ghê gớm! Anh cảm thấy thương nàng hơn vì một chuyện không đâu mà nàng cũng đau khổ đến nhường ấy. Thật chỉ là những điều vặt vãnh thôi cũng đủ làm con người này bất hạnh suốt cả một ngày, có khi cả một đời nữa. Lúc an ủi Tanhia, Kôvrin nghĩ rằng, ngoài cô gái này và ông cụ thân sinh cô ra, trên đời này có đót được giữa ban ngày chẳng nữa cũng không thể tìm được ai yêu quý anh như người ruột thịt; và nếu không có hai cha con Tanhia thì có lẽ anh, một người từ nhỏ đã mồ côi cả bố lẫn mẹ, đến chết cũng không thể biết thế nào là sự âu yếm chân thành, thế nào là một tình yêu thơ trẻ, vô tư thường chỉ dành cho những người thân thiết, ruột thịt. Và anh cảm thấy rằng thần kinh người con gái đang run rẩy khóc nức nở hoà hợp với thần kinh dở bệnh dở hoạn của anh như sắt với nam châm. Hầu như không bao giờ anh có thể yêu một người phụ nữ khoẻ mạnh, chắc lẳn, hồng hào, nhưng cô gái Tanhia yếu ớt, nhợt nhạt, bất hạnh này anh lại thấy dễ mến. Anh thích thú vuốt nhẹ mái tóc và đôi vai nàng, nắm lấy tay nàng và lau nước mắt... Một lúc sau, nàng thôi không khóc nữa. Nàng còn trách móc ông cụ thân sinh rất lâu và than vãn cho số phận nặng nề, hẩm hiu của nàng trong cái nhà này, nàng cầu mong Kôvrin giải thoát cho nàng khỏi tình trạng đó; sau đó dần dần nàng tươi tỉnh lại và chốc chốc lại thở dài than rằng trời đã ban cho nàng cái tính tình gần đờ như vậy, rồi cuối cùng thì

nàng cười phá lên, tự gọi mình là con cóc và chạy ra khỏi phòng.

V

Kôvrin đi vào vườn hoa với cảm giác khoan khoái rằng mình đã đóng rất đạt vai người đàn hoà. Ngồi trên ghế nghỉ ngơi miên man, anh nghe thấy tiếng xe ngựa đến, tiếng phụ nữ cười - đó là khách vừa mới tới. Khi bóng chiều bắt đầu ngã xuống vườn cây, nghe vọng tiếng đàn vĩ cầm, giọng người hát từ phía nhà, và cảnh đó làm anh nhớ lại nhà tu sĩ vận đồ đen. Áo hình ấy giờ đây lang thang ở xứ sở nào, hành tinh nào?

Anh chỉ vừa nhớ đến câu chuyện huyền thoại và vẽ lại trong trí tưởng tượng của mình ảo hình màu đen đen mà anh đã nhìn thấy ngoài cánh đồng lúa mạch thì từ phía rừng thông trước mặt, rất nhẹ nhàng, không một tiếng động nhỏ nào, xuất hiện một người tầm thước, đầu trần tóc bạc, toàn thân vận đồ đen, trông giống như một người hành khất, trên gương mặt nhợt nhạt như mặt người đã chết nổi rõ lên đôi lông mày đen. Người hành khất hay người hành hương ấy gật gật đầu chào Kôvrin và nhẹ nhàng tiến lại gần ghế rồi ngồi xuống, và anh nhận ra đó là nhà tu sĩ vận đồ đen. Hai bên nhìn nhau chùng một phút - Kôvin thì lộ rõ vẻ kinh ngạc, còn nhà tu hành thì dáng điệu niềm nở và hơi có chút ranh mãnh như lần trước, làm ra vẻ như đang suy nghĩ.

- Nhưng ông là ảo ảnh cơ mà, - Kôvrin nói. - Sao ông lại ở đây và ngồi một chỗ? Điều đó không phù hợp với câu chuyện huyền thoại.

- Thì điều đó có sao đâu, - một lát sau nhà tu hành mới trả lời, giọng nhỏ nhẹ, mặt quay về phía anh. - Chuyện huyền thoại, ảo ảnh và ta - tất cả đều là sản phẩm của trí tưởng tượng bị kích động của anh. Ta là một ảo hình.

- Thế có nghĩa là ông không tồn tại? - Kôvrin hỏi.

- Anh muốn nghĩ thế nào tùy ý, - nhà tu hành nói và khẽ mỉm cười. - Ta tồn tại trong trí tưởng tượng của anh, mà trí tưởng tượng của anh là một phần của thiên nhiên, có nghĩa là ta tồn tại trong thiên nhiên.

- Gương mặt rất già, rất thông thái và hết sức diễn cảm, hệt như quả thực là ông đã sống hơn nghìn năm rồi, Kôvrin nói. Tôi không biết rằng trí tưởng tượng của tôi có thể tạo ra những điều phi thường như vậy. Nhưng tại sao ông lại nhìn tôi say sưa làm vậy? Ông có cảm tình với tôi chăng?

- Đúng thế. Anh là một trong những người ít ỏi đáng được gọi là siêu nhân. Anh phụng sự cho chân lý vĩnh cửu. Những suy nghĩ, những dự định của anh, ngành khoa học tuyệt diệu của anh, cả cuộc đời anh đều mang theo dấu ấn thiêng liêng của Đấng tối cao, bởi vì anh phụng sự cho cái đẹp, cái hợp lý, tức là những gì vĩnh cửu.

- Ông có nói đến chân lý vĩnh cửu... Nhưng lẽ nào con người lại có thể hiểu được và cần đến chân lý đó, nếu trên đời này không có cuộc sống vĩnh cửu.

Cuộc sống đó có tồn tại. - nhà tu hành nói.

- Ông tin vào sự bất tử của con người ư?

- Đúng thế, tất nhiên. Một tương lai vĩ đại, huy hoàng đang chờ mọi người. Và nếu trên trái đất này càng có nhiều những người như anh thì tương lai ấy càng sớm thành hiện thực. Thiếu những người như anh, những người phụng sự Đấng tối cao và sống một cách tự do, có ý thức, thì nhân loại sẽ trở thành nhỏ nhoi, vô nghĩa; phát triển theo lối tự nhiên thì có lẽ nhân loại sẽ còn phải chờ rất lâu mới đến cái điểm tận cùng lịch sử trần thế của mình. Chính anh sẽ là người đưa nhân loại đến xứ sở của chân lý vĩnh cửu sớm hơn hàng nghìn năm - đó chính là công lao to lớn của anh. Bản thân anh là hiện thân của phúc trời giáng xuống cho thiên hạ.

- Nhưng mục đích của cuộc đời vĩnh viễn là gì? - Kôvrin hỏi.

- Như của mọi cuộc đời khác thôi - đó là cái lạc thú. Lạc thú chân chính là ở trong nhận thức; mà cuộc sống vĩnh cửu sẽ đem lại vô số những ngọn nguồn không bao giờ vơi cạn cho nhận thức chính là với ý nghĩa đó mà đã có câu: " Nhà thượng đế có nhiều chỗ ở".

- Ô, nếu ông biết rằng, nghe ông nói thật là sáng khoái biết bao! - Kôvrin nói, xoa xoa tay vì khoan khoái.

- Ta rất mừng.

- Nhưng tôi biết rằng khi ông đã đi khỏi rồi, tôi sẽ băn khoăn mãi về bản chất sự tồn tại của ông. Ông là hình ảnh, là ảo ảnh. Có nghĩa là đầu óc tôi đã không bình thường, tôi đã bị bệnh tâm thần rồi chăng?

- Thế thì đã sao. Có gì đáng ngại? Anh bị bệnh là vì anh đã làm việc mệt nhọc quá sức và điều đó có nghĩa là anh đã hy sinh sức khoẻ của mình cho lý tưởng, và cũng gần đến thời gian mà anh đã cống hiến cả cuộc đời của mình. Còn gì tốt đẹp hơn thế nữa? Đó chính là điều mà mọi người cao thượng siêu phàm đều vươn đến.

- Nếu tôi biết rằng tôi bị bệnh tâm thần thì liệu tôi còn có thể tự tin được chăng.

- Nhưng vì sao mà anh biết được rằng những người thiên tài mà cả thế giới đều tin cậy lại không nhìn thấy ảo ảnh bao giờ? Chính bây giờ đây, nhiều nhà học giả đã nói rằng thiên tài là có liên quan đến sự không bình thường về trí tuệ. Anh bạn thân mến của tôi ơi, chỉ có những kẻ bất tài, những kẻ sống như bầy như đàn mới khoẻ mạnh và bình thường. Những suy nghĩ về cái gọi là thể kỷ căng thẳng thần kinh, về sự mệt mỏi thoái hoá và sự tha hoá .v.v... chỉ có thể tác động tới những người chỉ thấy mục tiêu cuộc sống trong hiện tại, tức là những con người tầm thường.

- Người La Mã xưa từng nói: *Mens sana in corpore sano*^(*)

- Không phải những gì người La Mã hay là người Hy Lạp xưa nói đều là chân lý cả. Tâm trạng phấn hứng thái quá, phi thường - đó là tất cả những gì phân biệt các nhà thơ, nhà tiên tri, những người chịu khổ hạnh vì lý tưởng với những con người tầm thường, đó là những điều đối lập với cái phân súc vật trong con người, tức là đối lập với sức mạnh về mặt cơ thể của nó. Ta nhắc lại rằng: nếu anh muốn làm người khỏe mạnh, tâm thần bình thường, thì anh cứ việc hoà vào mà sống trong bầy, trong đàn.

- Thật là lạ, ông đã nhắc lại cái điều mà tôi vẫn thường nghĩ, - Kôvrin nói. - Đường như ông đã ghé mắt và lắng nghe được những ý nghĩ thầm kín của tôi. Nhưng thôi, ông đừng nói đến riêng tôi nữa. Ông hiểu thế nào là chân lý vĩnh cửu?

Nhà tu hành không đáp. Kôvrin nhìn lên ông ta và không thấy rõ mặt nữa: mọi đường nét nhòa dần đi và tan biến mất. Tiếp đấy, đầu và tay nhà tu hành cũng dần dần biến đi; thân mình ông hoà lẫn vào chiếc ghế và bóng chiều, rồi dáng hình ông hoàn toàn biến hẳn.

- Ảo ảnh thế là hết, - Kôvrin nói, và cười thành tiếng. - Tiếc thật.

Anh khoan khoái sung sướng trở vào nhà. Cái điều ngắn ngủi mà tu sĩ vận đồ đen nói với anh đã mơn trớn

^(*) Trong cơ thể khỏe mạnh là tinh thần khoẻ mạnh (tiếng La tinh)

không phải chỉ lòng ái kỷ của anh mà cả tâm hồn, cả con người anh nữa. Được làm một siêu nhân, phụng sự chân lý vĩnh cửu, được đứng trong số những người có thể làm nhân loại trở lên xứng đáng với Đấng tối cao sớm hơn hàng nghìn năm, tức là giải thoát bớt cho con người hàng nghìn năm đấu tranh đầy tội lỗi và đau khổ, được cống hiến cho lý tưởng tất cả - tuổi trẻ, nghị lực và sức khỏe, sẵn sàng hy sinh cho hạnh phúc chung - được như vậy thì số phận của anh thật là hạnh phúc và cao quý biết bao. Cả quá khứ trong sạch, lao động miệt mài lướt nhanh qua tâm trí anh, anh nhớ lại những gì đã học và đã dạy những người khác và anh đã đi đến kết luận rằng không có gì là cường điệu cả trong những lời nói của nhà tu hành.

Tanhia đang đi ngược lại phía anh trong vườn hoa. Nàng đã vụng vớ vấy áo khác.

- Anh ở đây ư? - Nàng nói. - Thế mà chúng tôi tìm anh mãi, tìm mãi... Anh có điều gì vui thế? Nàng ngạc nhiên nhìn lên gương mặt rạng rỡ, tươi rói, nhìn lên đôi mắt đắm lẹ. Trông anh thật là lạ, anh Andriuasa ạ.

- Tôi thoả mãn lắm, Tanhia ạ. - Kôvrin vừa nói vừa đặt bàn tay lên vai nàng. Không phải chỉ thoả mãn còn là hạnh phúc nữa! Tanhia, Tanhia thân yêu, cô là người vô cùng đáng yêu. Tanhia thân yêu, tôi sung sướng, sung sướng lắm.

Anh say sưa hôn đôi bàn tay nàng và nói tiếp:

- Tôi vừa sống qua những phút kỳ diệu, rạng rỡ, phi thường. Nhưng tôi không thể kể lại cho cô tất cả vì nếu vậy cô sẽ coi tôi là điên hay là không tin tôi. Tôi sẽ chỉ nói tới Tanhia, Tanhia yêu quý, Tanhia mến thương. Tôi yêu cô và tình yêu đã sâu nặng. Có cô luôn bên cạnh, ngày nào cũng được gặp cô hàng chục lần đã trở thành nhu cầu của tâm hồn tôi. Tôi không biết thiếu cô thì tôi sẽ sống như thế nào, khi tôi rời khỏi chốn này và trở về nhà mình.

- Anh đừng nói thế! Tanhia cười nói, anh sẽ quên chúng tôi sau hai ngày thôi. Chúng tôi là những người bình thường, nhỏ nhoi còn anh là một người vĩ đại.

- Không đâu Tanhia ạ chúng ta đang nói chuyện đúng đắn với nhau cơ mà! - Anh nói, - Tanhia ạ, tôi sẽ đưa cô về cùng với tôi. Thế nhé? Cô có đi cùng với tôi không? Cô có ưng thuận làm bạn đời của tôi không?

- Sao lại thế! - Tanhia nói và nàng định cười, nhưng không cười được nữa vì mặt nàng đã đỏ ửng, nàng thở gấp hơn và đi rất nhanh, không phải là về phía nhà mà phía xa hơn, về phía vườn hoa.

- Tôi chưa nghĩ đến điều ấy... chưa nghĩ đến! Nàng vừa nói, hai tay nắm chặt vào nhau như tuyệt vọng. Còn Kôvrin thì bước theo sau nàng và tiếp tục nói vẫn với vẻ mặt rạng rỡ, tươi rói.

- Tôi muốn có một tình yêu, một tình yêu có thể choán cả tâm hồn tôi, và chỉ có cô thôi, Tanhia ạ, mới có

thể cho tôi một tình yêu như thế, tôi sung sướng lắm, sung sướng lắm.

Nàng sững sốt, cúi đầu co người lại, hệt như đã già đi mười tuổi ngay lúc đó, còn anh thì thấy nàng tuyệt đẹp và nói to lên cảm giác say sưa của mình:

- Ôi, nàng đẹp quá.

VI

Sau khi được Kôvrin cho biết rằng, giữa anh và Tanhia không chỉ nảy nở một mối tình êm thấm mà hơn thế nữa, sẽ làm lễ cưới nhau, cụ Egor Xêmiônút ít đi đi lại lại rất lâu trong phòng, cố che giấu đi niềm xúc động của mình. Hai tay cụ run rẩy, cổ bạnh ra và đỏ lựng, cụ cho người thẳng ngựa vào một cỗ xe nhỏ rồi lên xe đi một nơi nào không biết nữa. Nhìn thấy cụ vung mạnh roi quất ngựa và kéo cao cổ áo gần như sát lên tai, Tanhia hiểu tâm trạng ông cụ thân sinh là thế nào, nàng khoá kín cửa buồng mình lại và nằm khóc suốt ngày hôm đó.

Trong các nhà kính, đào và mận đã chín tới; việc đóng hòm và gửi đi Maxcova thứ hàng mềm mại khó tính ấy đòi hỏi phải lưu tâm tới rất nhiều, phải mất nhiều công phu khó nhọc. Vì tiết trời mùa hè rất nóng nực và hanh khô nên cần phải tưới nước cho từng cây một, việc đó mất rất nhiều thì giờ và công sức; trên cây cũng xuất hiện nhiều sâu, và Kôvrin cảm thấy ghê rợn khi những người

làm công và cả cụ Egor Xêmiônút, cả Tanhia nữa, cứ lấy tay không mà bóp chết. Bên cạnh những việc ấy lại còn cần phải tiếp nhận những đơn đặt hàng mùa thu về quả và cây, cần phải viết thư đi rất nhiều nơi. Vào đúng lúc bận rộn nhất, khi không có ai rỗi rãi, thư thả lấy một phút, thì cũng vừa đến thời kỳ công việc đồng áng thu hút đến hơn nửa số người làm công; về mặt rám nắng, cau có, mệt mỏi, cụ Egor Xêmiônút khi thì cưỡi ngựa vào vườn, khi thì phi ra ngoài đồng quát tháo âm ỉ rằng người ta đang xé lẻ cụ ra từng mảnh và cụ sẽ tự bán vào trán mình một viên đạn cho mà xem.

Bên cạnh đấy lại còn đủ thứ rắc rối trong việc sắm của hồi môn mà gia đình cụ Pêxôtski rất coi trọng; cả nhà cứ bận tít tít với tiếng kéo cắt, tiếng đập máy khâu, mùi lò đốt, bàn là và tính tình đồng đánh, ngúng ngẩy của bà thợ may nóng nảy, hay giận hờn và chuộng thời trang. Đường như cố ý, ngày nào cũng có khách đến chơi và chủ nhân lại phải tiếp chuyện họ, thết đãi cơm rượu, đôi khi lại còn phải soạn chẵn đêm cho họ ngủ lại nữa. Nhưng tất cả công việc của khổ sai mệt nhọc ấy đã nhanh chóng êm thấm trôi đi như qua một màn sương. Tanhia cảm thấy như tình yêu và hạnh phúc đã bất ngờ choán lấy cuộc đời nàng, mặc dù ngay từ mười bốn tuổi không hiểu sao nàng định ninh rằng Kôvrin sẽ lấy nàng làm vợ chứ không phải ai khác...

Một niềm vui lớn bỗng trào dâng trong lòng nàng và nàng muốn bay lên trời cao và nguyện cầu thượng đế, có khi nào đến tháng tám này nàng sẽ phải rời bỏ căn nhà

êm thấm, phải sống xa cách với người cha già yếu, hay có khi chẳng hiểu từ đâu một ý nghĩ chợt đến với nàng thật tâm thường, nhỏ nhoi, không xứng đáng với một con người vĩ đại như Kôvrin - vào những lúc ấy nàng đi về buồng mình, khoá trái cửa và cay đắng khóc hàng mấy giờ liền. Khi có khách đến chơi, nàng chợt nhận thấy rằng Kôvrin thật là đẹp, tất cả phụ nữ đều phải lòng anh và ghen tỵ với nàng, lúc ấy lòng nàng dào dạt sung sướng, tự hào, mê say, dường như nàng đã chiến thắng cả thế giới xung quanh; nhưng chỉ cần Kôvrin mỉm cười với một cô gái nào đó là nàng đã run lên vì ghen tuông, nàng bỏ về buồng mình - và lại khóc. Những cảm giác ấy choán hết cả con người Tanhia, nàng giúp ông cụ thân sinh làm việc này việc kia như một cái máy, không hề để ý gì đến cây đào, cây mận hay sâu bọ, hay người làm công, không hề để ý đến điều rằng thời gian đang trôi qua rất nhanh.

Tâm trạng cụ Egor Xêmiônútts cũng có gì na ná như vậy. Cụ làm việc suốt từ sáng đến đêm, lúc nào cũng vội vàng, tất bật, cẩu kính, giận dữ, nhưng tất cả những cái đó diễn ra trong một tâm trạng nửa tỉnh nửa mơ. Hầu như trong con người cụ có đến hai người khác hẳn nhau: một người đích thị là cụ Egor Xêmiônútts vừa nghe Ivan Karluts bẩm báo lại những chuyện không hay vừa nổi giận và tuyệt vọng và túm lấy tóc mình, một người khác không phải thực là cụ, dường như đang dở say, bất thành lĩnh cắt ngang câu chuyện làm ăn, nắm lấy hai vai Ivan Karluts và lâu lâu nói:

- Nói thế nào thì nói chứ dòng máu quả là quan trọng thật. Mẹ của anh ấy là một phụ nữ kỳ diệu, cao thượng vô cùng. Thật là sáng khoái biết bao khi được nhìn lên khuôn mặt phúc hậu, rạng rỡ, trong trắng như thiên thần của bà. Bà ấy vẽ rất giỏi, làm thơ hay, nói thạo năm thứ tiếng ngoại quốc, lại còn biết hát nữa... tội nghiệp, cầu chúc cho bà được hưởng phúc nơi thiên đường, bà bị chết vì bệnh lao.

Con người không thực trong cụ Egor Xêmiônútts thở dài, im lặng một lát rồi nói tiếp:

- Đạo ấy anh còn nhỏ và tôi còn nuôi dạy anh ấy, gương mặt anh ấy cũng phúc hậu, rạng rỡ như thiên thần như vậy. Cái nhìn của anh, dáng đi, giọng nói dịu dàng êm ái cũng giống hệt như mẹ anh. Còn trí thông minh thì sao? Bao giờ anh cũng làm cho cả nhà kinh ngạc về sự thông minh của mình. Mà cũng chẳng cần phải nói tới điều đó nữa, chẳng phải ngẫu nhiên mà anh ấy đậu bằng thạc sĩ! Chẳng phải ngẫu nhiên! Đây, Ivan Karluts, anh cứ thử chờ xem mười năm sau anh ấy sẽ thành người như thế nào? Không thể nào với tới được đâu.

Nhưng liền ngay đó con người thực của cụ Egor Xêmiônútts bỗng tỉnh lại, nét mặt cụ cau kính, nhân nhỏ, cụ ôm lấy đầu và kêu toáng lên:

- Đồ quỷ sứ! Nó làm hỏng, làm nát, làm hại cả cái vườn này rồi còn gì! Thế là mất toi cả khu vườn! Tiêu tan cả khu vườn mất rồi...

Còn Kôvrin thì vẫn làm việc miệt mài như trước và không nhận thấy mọi người xung quanh đang tất tả, bận rộn. Tình yêu đối với anh như lửa đổ thêm dầu. Sau mỗi lần đi chơi với Tanhia, anh khoan khoái, sung sướng, lâng lâng trở về buồng mình và lao vào đọc sách hay đọc bản thảo của mình say mê như lúc nãy anh vừa hôn Tanhia và tỏ tình với nàng. Những lời từ người tu hành vận đồ đen nói về những người siêu phàm, về chân lý vĩnh cửu, tương lai huy hoàng của nhân loại v.v... Đã đem lại cho công việc của anh một ý nghĩa đặc biệt phi thường và làm anh cảm thấy trong lòng tràn ngập một niềm tự hào về tầm cao của chính mình. Cứ một hoặc hai lần trong tuần anh lại gặp và nói chuyện khá lâu với nhà tu hành vận đồ đen trong vườn hoa hay trong nhà, điều đó không làm anh sợ hãi mà ngược lại làm anh thêm sung sướng vì bây giờ anh đã tin một cách sâu sắc, những ảo ảnh như vậy chỉ đến với người siêu phàm xuất chúng, hiến cả đời mình cho việc phụng sự lý tưởng.

Có lần nhà tu hành xuất hiện ngay trong bữa ăn trưa và ngồi bên cửa sổ phòng anh. Kôvrin mừng rỡ và khéo léo nói với cụ Egor Xêmiônútts và cô Tanhia những lời mà nhà tu hành cũng có thể thích nghe; vị khách vận đồ đen lắng nghe anh nói và gật gù thú vị, còn cụ Egor Xêmiônútts và cô Tanhia thì vui cười, không hề hay biết rằng Kôvrin không phải với họ mà với ảo ảnh của riêng mình.

Tuần chay lễ phục sinh đến lúc nào không biết, và tiếp đó không lâu là đến ngày cử hành lễ cưới mà theo ý

muốn trước sau như một của cụ Egor Xêmiônútts đã được tổ chức thật nổi đình đám, tức là đã ăn uống, vui chơi thỏa thích suốt hai ngày đêm liền, tiền ăn uống bỏ ra mất chừng ba nghìn, nhưng vì dàn nhạc chơi quá tồi, vì những tiếng hò reo chúc rượu, vì bọn người hầu phải chạy rối lên, vì sự ồn ào chật chội mà chẳng ai thưởng thức được những thứ rượu quý giá đắt tiền, những thức nhắm mới lạ đắt mua từ Matxcova đem về.

VII

Có lần vào một đêm dài mùa đông, Kôvrin nằm trên giường mà đọc một cuốn tiểu thuyết Pháp. Nàng Tanhia bất hạnh dạo này cứ tối tối lại đau đầu vì không quen sống ngoài thành phố, đã ngủ từ lâu và thỉnh thoảng lại ú ớ nói những câu chẳng liên quan gì đến nhau.

Đồng hồ đã điểm ba giờ khuya. Kôvrin tắt nến định đi ngủ, anh mở mắt trần trọc nằm rất lâu mà không sao ngủ được, vì anh cảm thấy rằng chân nệm nóng hầm hập và bên cạnh là Tanhia đang nói mê. Vào lúc bốn giờ rưỡi sáng, anh lại chầm nển lên, và đúng lúc ấy, anh lại trông thấy nhà tu hành vận đồ đen đang ngồi trên ghế bành đặt bên cạnh giường.

- Chào anh, - nhà tu hành nói, im lặng một lát, rồi hỏi: Bây giờ anh đang nghĩ gì vậy?

- Nghĩ về niềm vinh quang - Kôvrin đáp. - Trong cuốn tiểu thuyết Pháp mà tôi vừa đọc xong, có một mô tả nhà học giả trẻ tuổi mắc phải những điều ngu xuẩn và ốm o gầy mòn vì tơ tưởng quá nhiều đến niềm vinh quang. Tâm trạng này thật xa lạ đối với tôi.

- Bởi vì anh là một người thông minh. Đối với niềm vinh quang anh có một thái độ dửng dưng, lạnh nhạt, coi đó là một thứ đồ chơi mà anh không thích.

- Đúng, điều đó đúng.

- Anh chưa được dịp may mắn nổi tiếng. Nhưng mà có gì đáng vui thích, thú vị, đáng nêu gương, nếu tên tuổi anh sẽ được người ta khắc lên bia đá rồi sau đó thời gian sẽ xóa nhòa những dòng chữ đó cùng với lớp vàng mạ? Mà cũng thật may là những người như anh có quá nhiều cho nên trí nhớ kém cỏi của nhân loại cũng khó có thể nhớ hết tên các anh.

- Tôi hiểu rồi, - Kôvrin tán đồng nói. - Mà họ phải nhớ những cái tên ấy để làm gì kia chứ? Nhưng thôi, chúng ta hãy nói sang chuyện khác đi. Như nói về hạnh phúc chẳng hạn, hạnh phúc là cái gì?

Khi đồng hồ điểm năm giờ, Kôvrin ngồi trên giường, bỏ thông chân xuống thăm trải và nói với nhà tu hành:

- Thời cổ xưa, có một người quá sung sướng, cuối cùng đâm sợ hạnh phúc của chính mình - hạnh phúc ấy quá lớn - và để làm vừa lòng các vị thần, anh ta sẽ mang

tặng các vị chiếc nhẫn có kim cương quý giá của mình. Ông có biết chuyện đó không? Và tôi, cũng giống như Pôlikrát, tôi đã bắt đầu lo ngại với hạnh phúc của chính mình. Tôi cảm thấy lạ lùng rằng suốt từ sáng đến đêm, lòng tôi tràn ngập niềm sung sướng, nó choán hết cả tâm trí tôi và lấn át mọi cảm giác khác. Tôi không còn biết thế nào là nỗi buồn khổ, té nhạt. Bây giờ tôi thức, tôi mất ngủ suốt đêm, nhưng tôi không thấy lo ngại buồn chán. Tôi nói thật rằng tôi đã bắt đầu cảm thấy khó hiểu.

- Ừ, thì đã sao? - Nhà tu hành ngạc nhiên nói. - Lẽ nào niềm vui lại là một cảm giác siêu tự nhiên? Lẽ nào đó không phải là trạng thái bình thường của con người? Con người càng đứng ở bậc thang phát triển cao hơn về lý trí và đạo đức thì nó càng tự do hơn, cuộc đời càng đem lại cho nó nhiều lạc thú hơn. Xôkrát Đìôghen, Mark Avrili thường xuyên cảm thấy niềm vui, chứ không phải là nỗi buồn còn đồ đệ của Chúa. Giuxe thì nói rằng: hãy luôn luôn vui mừng. Hãy mừng vui và làm một người hạnh phúc.

- Nhưng nhờ ra bất ngờ các vị thần lại nổi giận thì làm sao? - Kôvrin nói đùa và cười thành tiếng. - Nếu các vị đó tức bỏ mọi tiện nghi sống và bắt tôi phải đói khát, rét mướt, thì khó có thể nói rằng điều đó hợp với ý thích của tôi.

Giữa lúc ấy Tanhia tỉnh dậy, kinh ngạc và sợ hãi nhìn lên chồng. Anh vừa nói với chiếc ghế bành, vừa làm

điều bộ hai tay và cười hà hà: đôi mắt anh sáng lên, trong tiếng cười của anh nghe có gì là lạ.

- Anh Andriusa, anh đang nói với ai thế? - Tanhia vừa hỏi vừa cầm lấy hai tay anh đang giơ ra về phía nhà tu hành. - Anh Andriusa! anh nói với ai vậy?

- Cái gì? Với ai hả? - Kôvrin bối rối đáp - Đây, nói với ông ấy... Ông ấy đang ngồi đây, - Kôvrin vừa nói vừa chỉ vào nhà tu hành vận đồ đen.

- Không có ai ở đây... không có ai cả! Anh Andriusa, anh bị ốm rồi.

Tanhia ôm lấy chồng, ghì sát vào người anh như muốn che chở cho anh thoát khỏi những ảo hình, nàng đưa tay che lấy mắt anh.

- Anh bị ốm rồi! - Nàng khóc nức nở, toàn thân run lấy bầy. - Anh thân yêu, anh tha lỗi cho em, anh yêu quý, từ lâu rồi em đã nhận thấy tâm hồn anh đã bị một cái gì làm rối loạn... Anh mắc bệnh tâm thần rồi, anh Andriusa ạ...

Anh cảm thấy rất rõ cái run rẩy của thân thể nàng đã truyền sang người anh. Một lần nữa, anh nhìn lên chiếc ghế bành bây giờ đã trống rỗng, và bất chợt cảm thấy chân tay rã rời, anh hoảng sợ và vội vàng mặc áo ngoài vào.

- Tanhia, điều này không sao cả đâu, không sao đâu... - anh lầu bầu run rẩy nói. - Quả thực là anh cũng không được khoẻ lắm... đã đến lúc phải thú nhận như thế rồi.

- Em thì đã thấy điều đó từ lâu rồi... và bố cũng đã thấy, - nàng vừa nói vừa cố kìm lại tiếng nấc. - Anh hay nói chuyện với chính mình, hay cười trông lạ lắm... lại không ngủ nữa. Trời ơi, trời ơi, cứu chúng con với! - nàng sợ hãi kêu lên. Nhưng mà, anh Andriusa, anh đừng sợ, đừng sợ, cầu trời cho anh đừng sợ...

Nàng cũng mặc áo sống mới. Chỉ đến lúc này, khi nhìn lên nàng, Kôvrin mới hiểu hết tình trạng nguy hiểm của mình, mới hiểu rằng thế nào là nhà tu sĩ vận đồ đen và thế nào là những lần đàm đạo với nhà tu hành ấy. Bây giờ thì anh hiểu rõ ràng, anh đã mất trí.

Cả hai vợ chồng, không hiểu rõ để làm gì, đều ăn mặc chỉnh tề và đi sang phòng lớn; nàng đi trước, anh theo sau. Trong phòng, cụ Egor Xêmiônútts đang ở thăm con vừa thức giấc vì nghe thấy tiếng khóc nức nở, cũng đang đứng đấy, mình vận bộ áo choàng ngủ, tay cầm nến.

- Anh Andriusa, anh đừng sợ, - Tanhia vừa nói vừa run lẩy bẩy như người đang lên cơn sốt, - anh đừng sợ... Cha ơi, sự thể này rồi sẽ qua thôi... sẽ qua thôi... Kôvrin xúc động không nói được câu nào... Anh định nói với ông nhạc một câu bông đùa: chúc mừng con đi, hình như con phát rồ rồi đây, - nhưng rồi anh chỉ mấp máy môi và mỉm cười cay đắng.

Vào lúc chín giờ sáng, hai bố con Tanhia mặc áo ấm và bành tô cho anh, choàng khăn san cho anh, rồi đưa anh lên xe đi đến gặp thầy thuốc. Anh bắt đầu được chữa chạy.

VIII

Mùa hè lại đến, và bác sĩ lại khuyên Kôvrin về ở thôn quê. Kôvrin đã khỏi bệnh, anh không còn nhìn thấy nhà tu sĩ vận đồ đen nữa, anh chỉ còn phải bồi bổ thêm sức khỏe của mình. Sống trong nhà bố vợ ở thôn quê, anh uống nhiều sữa, một ngày chỉ làm việc hai giờ, không uống rượu và hút thuốc lá.

Vào buổi chiều ngày thánh Ilia, nhà cụ Pêxôtski làm lễ cầu nguyện. Khi viên trợ tế dâng đĩa hương trầm cho vị linh mục, thì cả gian phòng lớn bỗng ngào ngạt tỏa mùi hương như ở ngoài nghĩa địa, và Kôvrin cảm thấy buồn tẻ. Anh bỏ ra ngoài vườn, không để ý đến những đóa hoa rực rỡ, anh đi dạo trong vườn, ngồi một lúc trên ghế, rồi sau đó đi dạo qua vườn hoa; đến bờ sông, anh bước xuống phía dưới và trầm ngâm hồi lâu nhìn mặt nước. Những hàng thông cao vút, rễ trơ ra trên mặt đất mà năm ngoái anh thấy rất xanh non, reo vui, đây nhựa sống bây giờ không nghe vi vút, lao xao, chúng đứng yên lặng như không nhận ra anh nữa. Và sự thật là tóc anh đã cắt ngắn, mái tóc dài đẹp không còn nữa, dáng đi uể oải. So với mùa hè năm ngoái thì gương mặt anh trông nhợt nhạt, béo bệu hơn.

Qua chiếc cầu nhỏ, anh sang bên bờ bên kia. Nơi đấy, năm ngoái là cánh đồng lúa mạch đen, năm nay là những dãy dài yến mạch. Mặt trời đã lặn, phía chân trời,

ráng chiều đổ rực báo trước một ngày lộng gió. Chung quanh vắng lặng. Kôvrin đưa mắt nhìn về phía mà năm ngoái lần đầu tiên nhà tu sĩ vận đồ đen đã xuất hiện. anh đứng lại đấy chừng hai mươi phút cho đến khi ánh chiều tắt hẳn.

Khi anh trở về nhà với tâm trạng nặng nề, mệt mỏi, thì buổi lễ đã xong. Cụ Egor Xêmiônútst và cô Tanhia đang ngồi trên bậc thềm và uống trà. Hai người đang nói chuyện gì với nhau, nhưng vừa trông thấy Kôvrin thì liền im lặng; trông vẻ mặt của hai người, anh cũng có thể đoán được rằng, họ đang nói về anh.

- Có lẽ đã đến giờ anh phải uống sữa rồi đấy, - Tanhia nói với chồng.

- Không, không phải lúc uống đâu... - anh vừa đáp, vừa ngồi xuống bậc thềm thấp nhất. - Em uống đi, anh không muốn uống.

Tanhia lo lắng đưa mắt nhìn bố, rồi nói với giọng như có lỗi:

- Anh cũng thấy đấy, sữa đối với sức khỏe của anh rất có lợi.

- Đúng rồi, rất có lợi, - Kôvrin nhếch mép cười. - Tôi chúc mừng các người, sau ngày thứ sáu này, tôi sẽ cân nặng thêm một *funt* ^(*) đấy. - Anh ôm chặt lấy đầu và buồn rầu nói: - Các người chữa bệnh cho tôi để làm gì kia chưa?

^{*} Funt: 1 funt = 0.4095 kg

Nào các loại thuốc *brômit*, nào là phải nghỉ ngơi, tắm nước nóng, luôn luôn bị theo dõi, lo sợ cho từng miếng ăn, từng bước chân - tất cả những cái đó cuối cùng đã biến tôi thành một kẻ ngu độn. Lúc tôi bị mất trí, tôi bị bệnh *vĩ cuồng*^(*), những lúc ấy tôi cảm thấy vui vẻ, phấn chấn, đầy hạnh phúc, tôi là một con người đặc sắc, đầy hấp dẫn. Bây giờ tôi trở nên bệ vệ hơn, biết đắn đo suy nghĩ hơn, nhưng mà vì thế mà tôi trở thành kẻ không khác gì mọi người, tôi là một kẻ tầm thường, tôi sống thật buồn tẻ... Ô, các người thật đã đối xử quá độc ác đối với tôi! Tôi đã nhìn thấy ảo hình, nhưng điều ấy có làm hại gì đến ai? Tôi xin hỏi: điều ấy có làm hại gì đến ai?

- Có trời mà biết rằng, anh định nói gì? - Cụ Egor Xêmiônút, thờ dài nói. - Chỉ nghe thôi cũng đã chán ngắt rồi.

- Thế thì cụ đừng nghe.

Gặp mặt mọi người, nhất là cụ Egor Xêmiônút, dạo này làm anh khó chịu; anh trả lời cụ với giọng lạnh lùng, khô khốc, thậm chí còn thô lỗ nữa và mỗi lần nhìn thấy cụ, anh không thấy gì khác ngoài cảm giác căm ghét, điều cợt; còn cụ Egor Xêmiônút thì cảm thấy bối rối, lúng túng, cụ húng hắng ho ra vẻ người biết lỗi, mặc dù cụ không nhận thấy về phía mình có một lỗi nào. Không hiểu nổi do đâu mà mối quan hệ vốn êm thấm, thân thiết giữa hai người đột ngột thay đổi làm vậy, Tanhia thấy thương

^{*} Bệnh *vĩ cuồng*: một thứ bệnh tâm thần, kẻ mắc bệnh này luôn tưởng mình là một người vĩ đại. (ND)

người cha già và ái ngại nhìn vào mắt cụ; nàng muốn hiểu và không thể hiểu nổi, đối với nàng chỉ có thể thấy rõ một điều là mối quan hệ đó ngày càng xấu đi, là gần đây cha nàng gây xóm hủn, còn chồng nàng thì sinh ra trái tính trái nết, hay cáu gắt và tẻ ngắt. Nàng không thể nào tươi cười, hát hò được nữa, bữa trưa thường chẳng ăn chút gì, hàng đêm liền mất ngủ chờ đợi một điều gì kinh khủng sẽ đến. Nàng dần vật, đau khổ đến mức có lần nằm miên man, bất tỉnh suốt từ trưa đến tối. Trong buổi lễ lúc này, nàng cảm thấy hình như cha nàng đã khóc, và bây giờ khi cả ba người cùng ngồi ngoài hiên, nàng cố không nghĩ tới điều đó nữa.

- Đức Phật Thích ca, thánh Mahômét hay là Sếchxpia thật là hạnh phúc biết bao, khi đám họ hàng cùng các vị thầy thuốc hảo tâm đã không chữa bệnh cho họ thoát khỏi trạng thái phản húng phi thường! - Kôvrin nói. - Nếu thánh Mahômét uống thuốc *brômít kali* để trị bệnh thần kinh, một ngày chỉ làm việc hai giờ và uống sữa bò, thì có lẽ sau khi chết đi, con người xuất chúng ấy cũng sẽ không để lại gì nhiều hơn con chó của ông ta. Các vị thầy thuốc và những đám họ hàng hảo tâm cuối cùng sẽ làm cái việc dẫn nhân loại đến chỗ cùn mòn, ngu độn đi, sự tầm thường sẽ được coi là thiên tài và nền văn minh sẽ bị diệt vong theo. Nếu các người biết rằng, - Kôvrin nói với vẻ trách móc, - tôi mang ơn các người đến thế nào!

Anh cảm thấy một nỗi tức giận trào lên, và để tránh nói những điều gì thái quá, anh vội vã đứng dậy và đi vào nhà. Trong nhà vắng lặng, từ phía vườn, mùi thuốc lá

thơm thơm, mùi dạ hương bay vào qua những cửa sổ mở rộng. Ánh trăng xanh ngả dài thành từng vệt trên sàn nhà căn phòng lớn, trên cây đàn dương cầm. Kôvrin nhớ lại niềm say sưa vào mùa hè năm ngoái, khi cũng có mùi hoa dạ hương bay ngào ngạt và ánh trăng dọi vào cửa sổ. Để lấy lại cảm xúc năm trước, anh bước vội về buồng làm việc của mình, lấy thuốc lá loại nặng ra hút và gọi người hầu đem rượu mùi tới. Nhưng hút thuốc chỉ làm anh đắng miệng khó chịu, còn rượu thì không đem lại mùi vị như năm ngoái. Anh đã hiểu thế nào là sự kiêng khem kéo dài! Chỉ hút một điếu thuốc và hai hộp rượu mà đầu anh đã quay cuồng, tim đập thình thịch đến mức anh lại phải uống *brômít kali*.

Trước khi đi nằm ngủ, Tanhia nói với anh:

- Bố rất yêu quý anh. Chẳng hiểu vì lẽ gì mà anh tức giận bố, điều đó làm bố khổ tâm lắm. Anh thử để ý mà xem: bố già đi không phải từng ngày mà là từng giờ. Em van anh, anh Andriusa, hãy vì Chúa, vì người cha quá cố của anh, vì cuộc sống bình yên của em, mà đối xử dịu dàng với bố.

- Anh không thể làm thế, và không muốn thế.

- Nhưng mà vì sao vậy? - Tanhia hỏi, toàn thân bắt đầu run lên. - Anh hãy nói rõ cho em biết vì sao vậy?

- Bởi vì rằng anh không ưa ông cụ, có thể thôi. - Kôvrin trả lời chiếu lệ và nhún vai, - nhưng thôi, không nói đến ông cụ nữa, ông cụ là bố của em.

- Em không thể, không thể hiểu nổi! - Tanhia nói, hai tay áp lên thái dương mình và nhìn chăm chăm vào một điểm. - Có điều gì kinh khủng, không thể hiểu nổi đã xảy ra trong nhà chúng ta. Anh đã thay đổi, không còn như trước nữa... Một người thông minh, có trí tuệ phi thường như anh lại đi tức giận về những chuyện không đâu, và can dự vào những chuyện cái cọ vật vãnh... Những chuyện nhỏ nhặt như vậy làm anh phải bận tâm và mọi người phải ngạc nhiên tự hỏi: có phải đây là anh không? Thôi, thôi, anh đừng giận em, đừng giận em, - nàng vừa tiếp tục nói, vừa sợ sệt những lời nói của chính mình và vồ vập hôn vào tay chồng. - Anh là một người thông minh, phúc hậu, cao thượng. Anh sẽ đối xử công bằng với bố. Bố thật là người tốt.

- Ông cụ không phải là người tốt, mà chỉ là người xởi lởi dễ tính. Những ông già đáng nực cười, đại loại như bố em, vẻ mặt no nê hồ hởi, tính tình mền khách phi thường và hơi gàn dở trước đây đã từng làm anh thấy buồn cười và mèn mèn trong truyện, trong hài kịch cũng như trong cuộc đời, còn bây giờ thì những ông già loại đó làm anh thấy chán ngấy. Đó là những người ích kỷ đến tận xương tủy. Cái làm tôi thấy khó chịu, nhất là vẻ no nê, là chủ nghĩa lạc quan phát ra từ dạ dày, thuần túy của bò hay của cừu gì đó.

Tanhia ngồi lên giường và gục đầu xuống gối.

- Thật là một sự đầy ải, - nàng nói, qua giọng nàng có thể thấy rằng nàng đang đau khổ đến tột bậc và khó nhọc

lắm nàng mới nói được. - Từ mùa đông đến giờ không được sống một phút nào yên... Trời ơi, thật là khủng khiếp! Tôi khổ quá rồi...

- Phải rồi, tất nhiên tôi là một kẻ độc ác, còn cô và bố cô là những đứa trẻ vô tội. Tất nhiên là thế.

Tanhia cảm thấy gương mặt Kôvrin vừa xấu xí vừa khó chịu. Cảm ghét và điều cốt không hợp với vẻ mặt anh. Trước đây nàng cũng đã nhận ra rằng, gương mặt anh đã thiếu đi một cái gì đó; hình như từ ngày anh cắt lại mái tóc, khuôn mặt anh cũng thay đổi theo. Nàng muốn nói châm chọc anh một câu, nhưng ngay lúc đó nàng bắt quả tang mình đang căm ghét chồng, nàng sợ hãi và bước ra khỏi buồng ngủ.

IX

Kôvrin chính thức được nhận là giảng viên. Buổi lên giảng đường đầu tiên được dự định vào ngày hai tháng mười hai, người ta đã treo biển thông báo điều đó trong hành lang trường Đại học Tổng hợp nhưng vào ngày đã định trước, anh đánh điện báo cho vị đốc học của các sinh viên rằng anh không thể lên bục giảng được vì bị bệnh.

Anh bị ho ra máu. Anh vẫn thường nhổ ra máu, nhưng cứ khoảng hai lần một tháng, máu lại ra nhiều, những lúc ấy anh yếu lắm và lâm vào tình trạng mê ngủ. Căn bệnh này không làm anh sợ hãi lắm, vì anh biết rằng người mẹ

quá cố của anh cũng sống với bệnh tật như vậy mười năm hay còn hơn thế nữa; các thầy thuốc thì đoán chắc rằng bệnh này không nguy hiểm và chỉ khuyên rằng không nên lo lắng gì, cần phải sống cho có quy củ và nói ít thôi.

Đầu tháng riêng, anh cũng không thể giảng bài được vẫn vì lý do ấy; đến tháng hai thì đã quá muộn để bắt đầu môn học đó rồi. Đành phải gác lại năm sau.

Anh không sống với Tanhia nữa, mà với một người phụ nữ khác nhiều hơn anh hai tuổi và chăm sóc anh như chăm sóc một đứa trẻ. Tâm trạng anh thư thái hòa dịu: anh ưng thuận chịu phục tùng; và khi Vácvara Nhicôlaiépna - tên người bạn đời của anh - sửa soạn đưa anh đi Krum, anh bằng lòng ngay, mặc dù anh đã linh cảm thấy trước rằng chuyến đi này sẽ chẳng đem lại điều gì tốt lành.

Hai người đến Xêvátxtôpôn vào buổi tối và dừng lại nghỉ ở một khách sạn để hôm sau đi tiếp đến Ianta. Cả hai đều mệt nhọc vì đi đường xa. Vácvara Nhicôlaiépna uống mấy tách chè rồi đi nằm và một lát sau thì ngủ thiếp. Nhưng Kôvrin thì không đi nằm. Ngay từ khi còn ở nhà, một giờ trước khi ra ga, anh nhận được một bức thư của Tanhia và quyết định không bóc ra vội; và bây giờ bức thư ấy đang nằm trong chiếc túi áo bên; nghĩ đến bức thư ấy, anh cảm thấy không yên lòng chút nào. Giờ đây, thực lòng anh nghĩ việc cưới Tanhia là một sai lầm, anh thấy khoan khoái rằng cuối cùng anh đã dứt khoát được với nàng, hồi tưởng về người phụ nữ mà cuối cùng đã trở nên khô đét như một bộ xương trong đó dường như không còn gì là

sống động trừ đôi mắt to nhìn chăm chăm đây về thông minh, hồi tưởng ấy bây giờ chỉ làm thức dậy trong anh niềm thương hại và giận dữ với chính mình. Nét chữ trên phong bì, gợi cho anh nhớ lại rằng, cách đây hai năm thật là anh đã độc ác và vô lý khi trút lên những người chẳng có tội tình gì tất cả sự buồn tẻ, trống rỗng của tâm hồn mình, sự cô đơn và bất mãn với cuộc đời. Liền đó anh cũng nhớ lại rằng, có lần anh đã xé vụn luận án và tất cả bài báo anh đã viết trong thời gian bị bệnh, anh đã ném qua cửa sổ và những mảnh giấy vụn ấy lả tả theo gió bay rơi vào cây và những bông hoa; trong từng dòng chữ một anh nhìn thấy những lời trách móc kỳ quặc, vô căn cứ, nhìn thấy lòng hăng say một cách dễ dãi khờ khạo, sự táo tợn vì chứng vĩ cuồng, và điều này gây cho anh một ấn tượng hết như là anh đang đọc lời mô tả những chứng bệnh của mình; nhưng khi cuốn vở của mình bị xé và ném qua cửa sổ, thì bất ngờ anh bỗng cảm thấy tiếc rẻ, chua xót, anh đến gần bên vợ và nói một thôi một hồi những lời khó chịu. Trời, anh đã đẩy dọa nàng bao nhiêu! Có lần, muốn làm nàng đau đớn, anh đã nói với nàng rằng, trong mối tình giữa hai người, ông cụ thân sinh nàng đã đóng một vai trò không hay ho gì lắm, vì đã van xin anh lấy nàng; cụ Egor Xêmiônútts đã vô tình nghe thấy những lời ấy, cụ chạy nhào vào trong phòng, không nói được lời nào vì tuyệt vọng mà chỉ còn biết đứng giậm chân tại chỗ, ú ớ kêu lên hết như ai đã cắt mất lưỡi của cụ, còn Tanhia thì nhìn cụ, kêu thét lên rồi ngã xuống bất tỉnh. Cái cảnh ấy thật chẳng đẹp mắt chút nào.

Tất cả những điều ấy đã lần lượt lướt nhanh qua tâm trí Kôvrin, khi anh thoáng nhìn lên nét chữ quen thuộc. Anh bước ra ngoài ban công; chung quanh, không khí vắng lặng, ấm áp thoáng thoảng mùi biển mặn. Mặt nước nơi bờ vịnh diệu kỳ lung linh phản chiếu ánh trăng và những đốm lửa nhỏ mờ xa, biến nhuộm một màu kỳ ảo khó tìm được tên gọi. Đây là màu biếc xanh hòa dịu với màu lá mạ; có chỗ mặt nước ngả màu xanh thẫm, có chỗ ánh trăng như cô lại và ở đây, không phải là nước nữa mà chính là ánh trăng đã phủ lên mặt vịnh, và bên những sắc màu tuyệt diệu hài hòa ấy, tâm hồn con người thật êm dịu, bình yên và thanh thoát biết bao.

Ở tầng nhà phía dưới ban công, chắc là cửa sổ đang mở rộng, nghe rõ tiếng cười, giọng nói phụ nữ vọng lên. Hình như ở đây đông người đang tụ tập vui chơi.

Kôvrin cố thu lấy hết can đảm, bóc bức thư ra, đi trở vào buồng mình và đọc.

"Bố tôi vừa mới qua đời. Tôi thấy cần phải nói với anh điều này, vì chính anh là kẻ gây nên cái chết của ông cụ. Vườn cây của chúng tôi đang tàn lụi đi, chủ của nó là những người khác rồi, có nghĩa là đang diễn ra cái điều mà bố tôi lo sợ nhất. Cả điều này nữa, tôi cũng phải cảm ơn anh. Tôi căm ghét anh đến tận xương tủy và mong sao cho anh chóng chết. Ôi, tôi thật khổ sở biết chừng nào! Một nỗi đau không sao chịu nổi đang giằng xé lòng tôi... Anh là kẻ đáng nguyên rủa. Anh đã tưởng rằng anh là một

người phi thường, một thiên tài, tôi đã yêu anh, nhưng hóa ra anh chỉ là một kẻ điên rồ...”

Kôvrin không thể đọc tiếp được nữa, anh xé bức thư và ném đi. Anh thấy bồn chồn lo âu, gần như là sợ hãi. Đằng sau tấm rèm, Vácvara Nhicôlaiépna đang ngủ, nghe rõ tiếng thở đều đều; từ phía tầng dưới vọng lên tiếng cười, giọng nói phụ nữ, nhưng anh vẫn có cảm giác rằng trong cả ngôi nhà khách sạn này, ngoài anh ra, không còn một người nào khác. Anh cảm thấy ghê rợn vì trong bức thư vừa rồi, cô Tanhia bất hạnh, đau khổ đến cùng cực đã nguyên rủa anh, cầu mong cho anh chóng chết; anh vội nhìn ra phía cửa như sợ rằng cái thế lực bí ẩn trước kia tràn vào trong buồng và lại sai khiến anh, cái thế lực chỉ trong hai năm qua đã gây ra bao nhiêu đổ vỡ tan nát trong cuộc đời anh và cuộc đời những người thân.

Kinh nghiệm riêng cho anh hay rằng, khi thần kinh căng thẳng, thì phương thức chữa tốt nhất là làm việc. Cần phải ngồi vào bàn và dù thế nào cũng tự bắt mình phải tập trung suy nghĩ một điều gì đấy. Anh lấy một cuốn vở để trong chiếc cặp màu đỏ, cuốn vở ghi lại đề cương một công trình nhỏ thu nhặt những ý kiến của người khác, không kèm theo xuất xứ rõ ràng mà anh dự định sẽ viết nếu trong thời gian ở Krum anh thấy buồn tẻ vì không có việc gì làm. Anh ngồi xuống bên bàn và để tâm vào đề cương ấy, anh cảm thấy lòng mình trở lại bình yên, lãnh đạm. Cuốn vở nhỏ ghi đề cương thậm chí còn gọi cho anh nghĩ đến cái tất bật của cuộc đời. Anh nghĩ rằng cuộc đời đã lấy đi nhiều biết bao trong khi nó chỉ đem lại cho con

người những niềm vui hết sức bình thường, nhỏ nhoi. Tỷ dụ như là để được lên bục giảng đường khi gần bốn mươi tuổi đầu, trở thành một giáo sư bình thường, trình bày bằng một thứ ngôn ngữ nặng nề, uể oải, buồn tẻ những ý nghĩ tầm thường mà lại là của người khác, - nói gọn lại là để đạt đến địa vị của một học giả làng nhàng bậc trung, Kôvrin đã phải học hành mười lăm năm trời, phải làm việc ngày đêm, mang bệnh tâm thần nặng nề, chịu đựng một cuộc hôn nhân rủi ro và mắc phải bao nhiêu điều ngu xuẩn, ám muội mà tốt hơn cả là không nên nhớ lại. Bây giờ thì Kôvrin đã thừa nhận rõ ràng anh là một kẻ không có tài năng gì đặc biệt, anh thoải mái chấp nhận điều ấy, vì theo ý anh, mỗi con người là thế nào thì hãy bằng lòng là thế ấy.

Cuốn vở ghi chép gần như đã làm anh yên lòng trở lại, nhưng những mảnh thư bị xé nằm trắng xóa dưới sàn nhà ngăn cản anh tập trung suy nghĩ. Anh rời bàn đứng dậy, nhặt những mảnh thư lên và ném qua cửa sổ, nhưng một ngọn gió nhỏ từ biển thổi tới, và những mảnh thư vương lại trên bệ cửa sổ. Một cảm giác lo âu gần như sợ hãi lại choán lấy anh, và anh lại cảm thấy rằng khắp cả khách sạn này, ngoài anh ra, không còn một ai nữa... Anh bước ra ngoài ban công. Vịnh biển như một cơ thể sống đang nhìn anh bằng vô vàn những con mắt màu lửa, màu xanh biếc, xanh thẳm, màu kim cương và thu hút anh tới gần nó. Thời tiết nóng nực, bức bối và nếu có tám kẻ cũng chẳng sao.

Bất ngờ từ tầng nhà phía dưới ban công bỗng vọng lên một tiếng đàn vĩ cầm và hai giọng hát nữ dịu dàng, mềm mại. Nghe có gì quen quen. Bản tình ca vọng lên từ phía ấy hát về một người con gái giàu trí tưởng tượng đến mức như mang bệnh, có lần ban đêm nghe trong vườn có những âm thanh - ấy là một sự hài hòa thiêng liêng không thể nào hiểu nổi đối với những người đã chết... Kôvrin bỗng thấy hơi thở mình nghèn nghẹn, trái tim thất lại vì một nỗi buồn chợt đến, và một niềm vui dịu ngọt mà từ lâu rồi anh đã lãng quên bỗng run lên trong lồng ngực.

Một cái gì cao cao đen đen, giống như một cơn xoáy lốc, hiện ra bên bờ vịnh bên kia. Cả khối hình đen đen ấy di động rất nhanh qua vịnh, lao về phía khách sạn, mỗi lúc một nhỏ dần đi và đen sẫm hơn, chỉ thiếu chút nữa thì là Kôvrin đã không kịp tránh sang bên để nhường đường... Một nhà tu hành với mái đầu bạc, đôi lông mày đen, chân để trần, hai tay bắt chéo trước ngực, lao nhanh qua bên anh và đứng lại giữa buồng.

- Tại sao anh lại không tin tôi? - Ông ta hỏi Kôvrin với vẻ trách móc, mắt âu yếm nhìn anh. - Nếu lúc ấy anh tin lời tôi nói rằng anh là một thiên tài, thì hai năm vừa rồi anh đã không phải sống một cách buồn rầu và tẻ nhạt như vậy.

Kôvrin lại bắt đầu tin rằng quả thật mình là một siêu nhân, một thiên tài, anh nhớ rõ môn một những lời đàm đạo trước đây với nhà tu sĩ vận đồ đen và anh muốn cất tiếng nói, nhưng máu tươi bỗng trào từ trong miệng xuống

ngực; không biết phải làm gì, anh đưa tay lên xoa ngực và cả hai cổ áo anh ướt đầm máu. Anh muốn gọi Vácvara Nhicôlaiépna lúc này đang ngủ sau tấm màn riđô; anh thu hết sức lực và kêu lên:

- Tanhia!

Anh ngã xuống sàn nhà, gượng chống tay lên, rồi lại gọi:

- Tanhia!

Anh gọi tên Tanhia, anh gọi tên vườn cây bát ngát với những bông hoa rực rỡ ướt đầm sương đêm, anh gọi tên những vườn hoa, cánh đồng lúa mạch và những rừng thông với bộ rễ trần sù sì, anh gọi ngành khoa học tuyệt diệu và tuổi trẻ của mình, nghị lực can đảm và niềm vui, anh gọi cuộc đời anh xưa kia đã từng đẹp đẽ vô cùng. Anh nhìn thấy trên sàn nhà bên cạnh mặt mình một vũng máu lênh láng, anh lả đi, không nói được lời nào, nhưng một niềm hạnh phúc vô biên không sao tả được đang tràn ngập lòng anh.

Phía dưới ban công, người ta vẫn đang hát bản tình ca, và nhà tu sĩ vận đồ đen thì thầm nói với anh rằng anh là một thiên tài, anh đang hấp hối vì cơ thể yếu ớt của con người anh đã mất cân bằng và không thể tiếp tục làm phần vật chất để chứa đựng thiên tài của anh nữa.

Khi Vácvara Nhicôlaiépna thức dậy và bước ra ngoài tấm riđô thì Kôvrin đã tắt thở, và trên gương mặt anh còn đọng lại một nụ cười chứa chan hạnh phúc.

NGƯỜI ĐÀN BÀ PHÙ PHIẾM

I

Hôm cưới Onga Ivanópna, có đông đủ những người bạn thân, những người quen của nàng đến dự.

- Các bạn thử nhìn xem: ở anh ấy cũng có một cái gì đáng để ý đấy chứ? - Nàng vừa nói với bạn bè của mình vừa đưa mắt về phía chồng như muốn phân trần rằng tại sao nàng lại lấy một người giản dị, rất bình thường, hoàn toàn không có gì nổi bật cả.

Chồng nàng, Oxíp Xtêpanút Đưmốp, là một bác sĩ ăn lương bậc 9. Anh làm việc tại hai bệnh viện: ở một nơi anh làm bác sĩ trợ lý ngoại ngạch, còn ở nơi kia thì làm bác sĩ khoa đại thể. Hàng ngày, từ 9 giờ sáng đến giữa trưa anh khám bệnh và nghiên cứu tại phòng riêng của mình, buổi chiều thì lên ngựa đi đến bệnh viện khác, nơi anh chuyên mổ xẻ những thi thể người đã chết. Số tiền anh kiếm được thêm thật là nhỏ mọn: một năm chỉ khoảng chừng 500 rúp. Đấy, tất cả là thế. Có thể kể được thêm điều gì về anh nữa đâu? Còn Onga cùng các bạn và người quen của nàng thì lại là những người không phải hoàn toàn bình thường.

Mỗi người trong bọn họ đều có một cái gì nổi bật tôn họ lên, đều ít nhiều có tiếng tăm, có tên tuổi trong xã hội; hoặc nếu chưa nổi tiếng thì ít ra cũng có nhiều hứa hẹn sẽ nổi tiếng. Đó là một diễn viên ở nhà hát kịch nói, một tài năng lớn đã được công nhận từ lâu, một người thông minh, khiêm tốn, ăn vận sang trọng, một người ngâm thơ tuyệt hay và đang dạy Onga ngâm thơ. Đó một danh ca của nhà hát Ôpera, một người phép pháp hiền lành. Anh ta luôn thờ dài tiếc rẻ mà cam đoan rằng nàng đã tự hủy hoại tài năng của mình bởi vì, nếu nàng không lười nhác, nếu nàng dần lên được thì nàng đã thành danh ca lẫy lừng rồi. Tiếp đó là những họa sĩ mà giỏi nhất trong bọn là Riabốpxki, một họa sĩ chuyên vẽ những cảnh sinh hoạt, vẽ súc vật và phong cảnh, một chàng trai trẻ và rất đẹp, có bộ tóc màu hạt dẻ, tuổi độ 25. Trong giới hội họa, tác phẩm của Riabốpxki luôn luôn được mọi người chú ý. Anh ta đã bán được bức tranh cuối cùng của mình đến 500 rúp. Riabốpxki thường sửa những tác phẩm của Onga và nói rằng nàng cũng có thể trở thành họa sĩ được. Đó là nhạc sĩ xello, người có tiếng đàn thiết tha náo nùng, người ta đã nói thẳng rằng trong tất cả những phụ nữ mà y quen chỉ có Onga là người duy nhất biết đệm đàn cho y. Đó là một nhà văn tuy còn trẻ nhưng cũng đã nổi tiếng, người chuyên viết truyện ngắn, truyện vừa và kịch. Còn ai nữa? Có thể kể thêm Vaxili Vaxilits, một địa chủ quý tộc, một nhà vẽ minh họa và trang trí nghiệp dư, thẩm nhuần phong cách cổ Nga trong những đường nét trang trí, những bức tranh tuyệt diệu trên những bình sứ, đĩa âm khói đen hay trên

những trang giấy... Giữa đám người nghệ sĩ phóng khoáng, được số phận nuông chiều và cũng không phải là không lịch thiệp và khiêm tốn, - đám người chỉ nhắc đến các bác sĩ khi nào họ bị ốm, - cái tên của Đumốp cũng làm cho họ thờ ơ, đứng dừng như bao nhiêu tên khác như Xidôrốp hay Taraxốp; đối với bọn người ấy Đumốp trở nên một nhân vật thừa, xa lạ và nhỏ bé mặc dù người anh cao lớn, đôi vai anh vạm vỡ. Người ta có cảm tưởng rằng bộ áo cánh lịch sự mà anh đang mặc kia là của người khác và cái bộ râu cằm kia làm anh trông giống như kẻ bán hàng thuê. Tuy nhiên, nếu anh là một nhà văn hay họa sĩ chắc người ta sẽ tán dương rằng bộ râu cằm làm anh giống Zôla quá.

Người diễn viên nói với Onga rằng với bộ tóc màu xanh, với bộ áo cưới, nàng giống như một cây anh đào thon thả, mà khi mùa xuân về nở đầy hoa mềm dịu trắng ngát.

- Không, anh nghe đây này, - nàng nắm lấy tay người diễn viên và nói. - Tại sao lại bất ngờ có cái điều đang xảy ra hôm nay? Anh hãy nghe tôi kể đây này. Cần phải nói với anh rằng bố tôi cũng làm việc trong một bệnh viện với Đumốp. Khi ông bố tôi nghiệp của tôi bị ốm nặng, Đumốp suốt ngày đêm túc trực bên giường bệnh bố tôi. Thật là tận tụy quên mình hết sức! Ban đêm tôi cũng không ngủ và cùng túc trực bên giường bệnh. Thế rồi trời gọi bố tôi đi. Đumốp của tôi rất xúc động và đau đớn. Số phận thường kì dị như thế. Sau khi bố tôi chết, thỉnh thoảng Đumốp có đến nhà tôi chơi, gặp nhau ngoài đường phố thì chào hỏi

lich sự và rồi đến một ngày kia thật bất ngờ - Đumốp ngỡ lời muốn cưới tôi làm vợ... Suốt đêm hôm đó tôi nằm khóc và cảm thấy mình đã phải lòng anh ấy ghê gớm và thế là, như các anh thấy đấy, tôi trở thành vợ Đumốp. Có đúng là trong anh ấy có một cái gì chắc khỏe như ở một con gấu không? Bây giờ mặt anh ấy chỉ hướng về chúng ta có vậy thôi, ánh sáng lại yếu nữa; nhưng lúc nào anh ấy quay hẳn lại đây, các bạn hãy nhìn vầng trán Đumốp mà coi. Riabốpxki, anh có thể nói được gì về vầng trán ấy? Đumốp, em đang kể chuyện anh đây! - nàng quay về phía chồng gọi - Anh lại đây đi! Hãy đưa bàn tay trung thực của anh cho Riabốpxky... Thế này này. Từ giờ trở đi hãy trở thành bạn bè của nhau nhé!

- Rất hân hạnh được quen anh. Tốt nghiệp cùng nhóm với tôi cũng có người tên là Riabốpxky, có họ hàng gì với anh không?

II

Năm ấy, Onga 22 tuổi còn Đumốp thì 31 tuổi. Những ngày sống chung sau khi cưới của họ thật là hạnh phúc. Trong phòng khách, Onga treo gần kín tường đủ các thứ tranh của mình cũng như của người khác, có khung cũng như không có khung. Bên cạnh chiếc đàn dương cầm nàng để đủ các thứ ô Trung Quốc, giá vẽ, dao găm, tượng bán thân, các tấm ảnh chụp, những tấm vải sặc sỡ... trông thật vui mắt. Trong phòng ăn, nàng gắn lên tường những tấm

tranh khắc gỗ, treo mấy chiếc dao quắm, dựng những cái cào và cái hái trong góc nhà, những cái áo đã đem lại cho căn phòng một phong thái rất Nga. Trong phòng ngủ nàng cố bài trí thành một cái hang: trên tường và trần nhà nàng căng những tấm vải dày, đen sẫm, phía trên bên giường ngủ nàng treo một cái đèn kiểu Vonizơ, trước cửa ra vào dựng một hình người tay cầm lưới riu cán dài. Mọi người đều nhận rằng đôi vợ chồng trẻ ấy có một căn nhà rất ấm cúng.

Hàng ngày Onga thức dậy vào khoảng 11 giờ. Sau đó nàng ngồi bên dương cầm dạo một bản đàn hay vẽ tranh sơn dầu nếu trời nắng tốt. Độ khoảng 1 giờ trưa, nàng đến chỗ người thợ may quen biết để ăn diện với bạn bè, muốn tỏ ra lúc nào cũng có áo mới, nàng và người thợ may ấy phải khéo léo chữa lại những bộ váy áo cũ, vì Đumốp cũng như nàng không có nhiều tiền; nhiều khi, từ những bộ váy áo cũ quá nhiều lần nhuộm, những đoạn vải, nhung, tơ, đăng ten.v.v... bỏ xó, người thợ may đã làm ra những bộ váy áo tuyệt đẹp, đáng thán phục, đẹp như trong mơ. Từ nhà người thợ may Onga thường hay đến gặp một nữ diễn viên quen biết nào đó để xem buổi biểu diễn ra mắt những vở kịch mới, hay là những đêm kịch nhằm ủng hộ một diễn viên nào đó. Từ nhà nữ diễn viên nàng thường đi đến xưởng họa của một họa sĩ nào đó, hoặc đi xem triển lãm tranh rồi tới nhà một nhân vật nổi tiếng để mời họ đến chơi nhà mình, để thăm viếng lại, hoặc là chỉ để nói chuyện phiếm. Bất kỳ ở đâu người ta đều đón tiếp nàng rất nhiệt tình và vồn vã, nói cho nàng tin rằng nàng rất đẹp,

rất đáng yêu, ít khi có thể gặp được người như nàng... Những người nàng cho là vĩ đại, là nổi tiếng đều đã nói chuyện với nàng như người ngang hàng và nhất loạt cam đoan rằng với tài năng, trí thông minh, và một khiếu thẩm mỹ tinh tế, nàng sẽ trở thành một nghệ sĩ thực thụ, chỉ có điều là nàng phải đi sâu vào một lĩnh vực nào đó thôi, đừng tản mạn nửa chừng bỏ dở. Nàng hát, nàng chơi đàn, vẽ tranh, nặn tượng hay diễn kịch đều không phải được chāng hay chớ mà đều lộ rõ vẻ tài hoa. Dù là kết đèn hoa để trang trí, sửa soạn áo sớng dự hội hay thất hộ cầ vạt cho ai, bao giờ những việc nàng làm đều toát ra một cái gì rất nghệ thuật, duyên dáng và đáng yêu. Nhưng không có một lĩnh vực nào mà tài năng của nàng lại thể hiện một cách rõ rệt như trong việc làm quen và chơi thân rất nhanh với những người nổi tiếng. Chỉ cần có một ai vừa mới hơi nổi tiếng, được mọi người chú ý là nàng đã làm quen ngay được với người ấy, kết làm bạn bè ngay hôm đó và mời đến nhà chơi luôn. Mỗi lần quen thêm một người là một lần nàng vui như trong một ngày hội thật sự. Nàng tôn sùng những người có tiếng tăm, tự hào về họ và đêm nào cũng nằm mơ về người ấy. Nàng khao khát muốn gặp họ và không làm sao nguôi được niềm khao khát đó. Những người quen cũ dần dần ít lui tới và dễ bị quên đi, những người mới lại đến thay. Nhưng rồi với những người mới này chẳng mấy chốc nàng cũng cảm thấy nhàn nhạt hay là thất vọng về họ. Và nàng lại hăm hở đi tìm những người bạn nổi tiếng mới, tìm được rồi lại đi tìm nữa... để làm gì?

Năm giờ chiều, nàng ăn cơm ở nhà với chồng. Cái giản dị, lành mạnh, khoẻ khoắn, đôn hậu của anh làm lòng nàng dịu đi, tràn ngập sung sướng. Có khi nàng vụt đứng dậy, ôm chầm lấy đầu Đumốp và vô vấp hôn anh.

- Đumốp, anh thật là con người thông minh, phúc hậu, - nàng nói - nhưng anh có một nhược điểm rất lớn đấy. Anh hoàn toàn không quan tâm đến nghệ thuật, anh phủ nhận cả âm nhạc lẫn hội hoạ.

- Anh không hiểu những cái đó, - Đumốp trả lời gọn lỏn. - Từ trước đến nay anh chỉ nghiên cứu khoa học tự nhiên và y học. Anh không còn thì giờ để nghĩ đến nghệ thuật.

- Nhưng mà điều đó đáng sợ lắm. Anh Đumốp ạ!

- Sao lại thế? Bạn bè của em không biết gì cả về khoa học tự nhiên cũng như về y học. Tuy vậy, anh không thấy em trách móc họ điều gì. Mỗi người có ý thích riêng em ạ. Anh không hiểu những bức tranh và các vở ca kịch, nhưng anh nghĩ rằng nếu có một số người thông minh hiến cả đời mình cho những cái đó và một số người khác bỏ ra những món tiền lớn để thưởng thức thì điều ấy chứng tỏ những cái ấy cũng cần thiết. Anh không hiểu, nhưng không hiểu đâu phải là phủ nhận?

- Đưa cho em nắm bàn tay trung thực của anh nào!

Sau bữa ăn, Onga đến chơi nhà bạn rồi đi xem kịch hay nghe hoà nhạc, và đến quá nửa đêm mới trở về nhà. Ngày nào cũng vậy.

Vào tối thứ tư mỗi tuần, nàng tổ chức những buổi dạ hội nhỏ. Trong những buổi ấy, chủ và khách không đánh bài và nhảy, mà giải trí bằng những tiết mục có tính chất nghệ thuật hơn. Diễn viên nhà hát kịch nói thì ngâm thơ, nhà danh ca thì hát, các họa sĩ thì vẽ vào trong các tập anbom của Onga - những tập anbom này nàng có rất nhiều - nhạc sĩ xello thì chơi đàn và bản thân cô chủ thì khi vẽ, khi nặn tượng, khi hát, khi đệm đàn. Những lúc nghỉ sau khi ngâm thơ, nghe nhạc thì họ tranh cãi với nhau về văn học, về hội họa hay về sân khấu.v.v... Trong đám khách ấy, không bao giờ có một phụ nữ nào vì Onga cho rằng, trừ những nữ diễn viên và người thợ may của mình, bọn họ đều tầm thường và chán ngấy. Không có một buổi dạ hội nào mà không có những hồi chuông gọi cổng của người mới đến. Và mỗi lần như thế, Onga lại giật mình và đắc thắng thốt lên: “Anh ta đấy!” - “anh ta” tức là một nhân vật nổi tiếng nào đó vừa mới được mời. Trong phòng khách không có Đumốp và cũng chẳng ai nhớ đến sự tồn tại của anh. Nhưng đúng 11 giờ rưỡi đêm, khi cánh cửa thông sang phòng ăn mở rộng thì Đumốp xuất hiện với nụ cười phúc hậu, dễ thương và vừa xoa xoa tay, anh vừa nói:

- Mời quý vị sang xơi điểm tâm.

Mọi người bước sang phòng ăn và lần nào cũng vậy, họ lại thấy trên bàn ngân ấy thứ: những đĩa sứa biển, những miếng giăm bông hay thịt bò non, những đĩa cá trích, pho mát, trứng cá, nấm, rượu trắng và hai bình rượu mùi.

- Anh đầu bếp thân mến của em! - Onga vừa nói vừa khoa tay vì sung sướng. - Anh thật đáng yêu quá! Các ngài hãy nhìn vầng trán anh ấy mà xem! Đumốp, anh quay nghiêng đi một tí! Các ngài nhìn xem kìa: nét mặt anh ấy vừa có cái vẻ của con hổ xứ Bengan, vừa có cái vẻ hiền lành đáng yêu của con nai con. Ôi! Đáng yêu quá!

Những người khác vừa ăn vừa nhìn Đumốp và nghĩ rằng: “Quả thực là rất đáng yêu”; nhưng rồi chỉ một lúc sau họ quên ngay Đumốp và lại tiếp tục bàn luận với nhau về sân khấu, âm nhạc và hội họa.

Đôi vợ chồng trẻ ấy cảm thấy rất hạnh phúc, và cuộc sống của họ cứ trôi đi một cách êm ả. Tuy nhiên tuần thứ ba trong tháng trăng mật của họ không được vui cho lắm, thậm chí còn đáng buồn nữa là đằng khác. Đumốp bị lây bệnh hỏa đan. Anh phải nằm sáu ngày liền trên giường và cao trực mái tóc rất đẹp của mình. Nàng ngồi bên giường Đumốp và lặng lẽ khóc. Khi anh đã đỡ sốt thì nàng quần lên cái đầu đã bị cao nhẵn của anh một tấm vải trắng, rồi nhìn anh mà vẽ bức tranh người Ả rập lang thang. Cả hai đều thích thú với cái trò nghịch ngợm đó. Đumốp bình phục và anh lại tiếp tục đến bệnh viện làm việc. Nhưng chỉ độ ba ngày sau lại có chuyện không vui xảy ra.

- Minh này, anh thật không may! - Có lần trong bữa ăn anh nói với vợ - Hôm nay anh phải mổ bốn xác chết và vô ý để dao rạch phải hai ngón tay. Chỉ đến lúc về nhà rồi anh mới biết.

Onga lộ vẻ sợ hãi. Đumốp bèn cười và nói rằng cái đó chẳng hề gì và chuyện anh tự làm đứt tay khi mổ xác là chuyện thường gặp.

- Lúc ấy anh chăm chú quá thành ra đăng trí thế thôi.

Onga nghĩ đến lúc chồng có thể bị lây bệnh từ xác chết và lo lắng vô cùng. Đêm nào nàng cũng khấn trời và cũng may là mọi sự đều qua đi một cách trót lọt. Và cuộc sống hạnh phúc, thanh bình của họ lại êm đềm trôi đi, không gợn chút buồn rầu, lo lắng. Hiện tại đã đẹp dễ thế nhưng tương lai lại càng diễm lệ hơn vì mùa xuân đang tới - mùa xuân đang mỉm cười từ đằng xa và hứa hẹn trăm nghìn điều sung sướng. Hạnh phúc sẽ kéo dài vô tận! Tháng tư, tháng năm, tháng sáu - nghỉ mát tại nhà riêng ở rất xa ngoài thành phố, rồi những cuộc dạo chơi, câu cá, nghe họa mi hót, vẽ tranh; rồi từ tháng bảy cho đến tận mùa thu, cả đoàn họa sĩ sẽ đi du ngoạn trên sông Vonga. Và Onga sẽ tham dự vào chuyến đi đó như một thành viên không thể thiếu được của cái “Xôxiétê”^{*} ấy. Nàng đã sắm cho mình hai bộ quần áo đi đường, mua thêm mũ, bút lông, vải gai và giá vẽ mới. Hầu như ngày nào Riabốpski cũng đến nhà nàng xem nàng vẽ tiến bộ thế nào. Mỗi lần nàng cho Riabốpski xem tiểu phẩm mới của mình là họa sĩ, như mọi lần, lại thọc sâu hai tay vào túi quần, mím chặt môi, hít mạnh một cái rồi nói:

* Nhóm, hội, xã hội (Société - tiếng Pháp)

- Thế này nhé... Mầu mây của chị hơi gắt quá, chưa có cái nét đáng của buổi hoàng hôn. Cảnh trước hơi choán nhiều quá, và có cái gì đó, chị hiểu không, hình như không phải như thế... Ngôi nhà tranh chị vẽ không được thanh thoát lắm như bị một cái gì đè nén ấy, trông ảm đạm lắm... Đáng ra ở góc này phải dùng mầu tối hơn một chút. Nhưng mà nhìn chung thì không sao... Đáng khen đấy.

Riabốpxki càng nói khó hiểu bao nhiêu, Onga lại càng thấy dễ hiểu bấy nhiêu.

III

Sang ngày thứ hai trong dịp lễ Ba vị thánh, sau bữa ăn trưa, Đumốp mua mấy thứ bánh kẹo rồi ra tàu đi nhà nghỉ ngoại ô thăm vợ. Đã hai tuần nay Đumốp không gặp lại nàng và cảm thấy nhớ nàng da diết. Trong khi ngồi trên tàu cũng như đi tìm ngôi nhà nghỉ của mình giữa khu rừng rộng, Đumốp luôn cảm thấy đói bụng, mệt mỏi và ước ao nghĩ đến phút thoả mái ngồi ăn cơm chiều chỉ một mình anh với vợ, sau đó thì lăn ra ngủ. Anh cảm thấy vui vui khi nhìn xuống cái túi nhỏ đựng đầy những trứng cá, pho mát và cá hộp.

Đumốp tìm ra được ngôi nhà nghỉ thì mặt trời đã khuất. Bà già hầu phòng nói rằng, phu nhân không có nhà và có lẽ một lát nữa sẽ về. Ngôi nhà nghỉ này trông bề

ngoài chẳng có gì đẹp đẽ. Bên trong cũng vậy; trần nhà thấp lè tè được dán bằng những tờ giấy viết, nên nhà thì lồi lõm và vền vền chỉ có ba phòng. Một phòng để giường ngủ, một phòng thì thấy ngổn ngang trên ghế và các bậu cửa sổ nào là mảnh vải gai, bút lông, các mẫu giấy bản, mũ áo đàn ông. Ở phòng thứ ba, Đumốp nhìn thấy ba người đàn ông lạ mặt. Hai người trong bọn họ có bộ tóc đen sẫm và có để râu; người thứ ba trông nhẵn nhụi, phốp pháp, - có lẽ là diễn viên. Trên bàn, chiếc xamôva đang sôi.

- Anh cần gì? - Người diễn viên hỏi giọng ồ ồ, đưa mắt lạnh lùng nhìn Đumốp. - Anh cần gặp chị Onga à? Đợi một tí, cô ấy về bây giờ đây!

Đumốp ngồi xuống ghế và bắt đầu đợi. Một trong hai người có bộ tóc đen đưa mắt uể oải ngái ngủ nhìn anh, rót cho mình một chén nước chè rồi hỏi:

- Có uống nước không?

Đumốp vừa khát, vừa đói nhưng muốn để chốc nữa ăn cho ngon miệng hơn, anh từ chối. Một lát sau anh nghe thấy tiếng chân người và một giọng cười quen thuộc vang lên. Cánh cửa mở toang, và Onga, đầu đội chiếc mũ rộng vành, tay cầm hộp vẽ, chạy vào phòng, theo sau là Riabốpxki mặt mày hồng hào hơn hở, tay xách cái ghế xếp và một chiếc ô lớn.

- Đumốp! - Onga kêu lên giọng như trào ra vì sung sướng. - Đumốp! - Nàng lại gọi rồi ngả đầu và đặt tay lên

ngực anh. – Anh đến với em đấy ư? Tại sao lâu thế anh mới đến? Tại sao? Tại sao?

- Minh tính xem anh còn có lúc nào rồi nữa đâu? Bao giờ anh cũng bận, mà khi có chút ít thời giờ rồi thì lại cứ toàn là không khớp với giờ tàu chạy!

- Ôi, gặp anh em sung sướng quá! Suốt đêm em nằm mơ thấy anh, em chỉ lo anh ốm. Ôi, nếu anh biết, anh đáng yêu, anh đến với em đúng lúc như thế nào! Anh sẽ là vị cứu tinh của em. Chỉ có anh mới cứu được em! Ngày mai, anh biết không, ở đây sẽ có một đám cưới đặc biệt nhất, - nàng nói tiếp, vừa cười vừa kết lại cà-vạt cho chồng, - một anh nhân viên bưu điện ngoài ga, anh Trikendéep gì đó sẽ cưới vợ. Anh ta trẻ, đẹp, không dẫn độn lăm và anh biết không, trên khuôn mặt anh có cái gì chắc, khoẻ, như một con gấu... có thể nhìn anh ta mà vẽ được chân dung một tên cướp trẻ tuổi xứ Xcăngđinavơ. Em và các bạn bè của em ở đây đều hứa với anh ta là sẽ đến dự. Anh nghĩ xem, một đám cưới người chẳng giàu có gì, lại cô đơn, rụt rè, như thế mà từ chối không dự thì thật là có tội. Này nhé, anh hãy tưởng tượng mà xem, sau khi làm lễ ở nhà thờ ra, mọi người sẽ đi qua rừng bạch dương, nghe chim ca, nhìn những đốm nắng vàng trên bãi cỏ, và tất cả đoàn người ấy, quần áo sặc sỡ, mỗi người mỗi vẻ, sẽ hiện ra trên nền cây xanh và ánh nắng sáng... Thật là độc đáo, đúng kiểu những nhà hoạ sĩ theo trường phái ấn tượng của Pháp. ĐumỐp! Nhưng mà anh xem em sẽ mặc bộ đồ gì để đến nhà thờ bây giờ? – Onga nói, làm ra vẻ rầu rĩ như muốn khóc. – ở đây, em chẳng có cái gì hết, hoàn toàn không có

cái gì cả! Không váy áo đẹp, không hoa, không găng tay... Anh phải cứu em. Nếu anh đến đây thì số phận đã sai phách anh đến cứu em. Anh thân yêu, anh hãy cầm lấy chùm chìa khoá này, trở về nhà và lấy ở ngay gian ngoài bộ áo màu hồng cho em. Anh nhớ không, cái áo em treo ngay ngoài cùng ấy.

Rồi anh vào phòng trống, trên nền nhà phía bên phải, anh sẽ thấy cái rương to. Anh mở cái rương trên, anh sẽ thấy đủ các thứ vải tuyền, vải thường và ở dưới cái đóng vải ấy là hoa. Anh nhớ lấy hoa ra cẩn thận, lấy hết cả ra, đừng làm nhàu, sau đó em sẽ chọn... à, nhớ mua đôi găng tay cho em.

- Được rồi, - Đumốp nói. - Ngày mai anh sẽ đi và sẽ gửi đến.

- Sao lại ngày mai? - Onga hỏi và ngạc nhiên nhìn anh. - Ngày mai thì anh làm sao mà kịp được? Ngày mai 9 giờ sáng mới có chuyến tàu đầu tiên, mà 11 giờ đã làm lễ ở nhà thờ rồi. Không, anh thân yêu, phải đi hôm nay, phải hôm nay cơ! Nếu ngày mai anh không đến được thì gửi qua bưu điện cho em. Thôi anh đi đi... Chỉ một lát nữa là có tàu khách đến thôi. Anh cố làm sao cho đừng nhớ tàu nhé.

- Được rồi.

- Ôi, em tiếc đã để anh đi biết nhường nào, - Onga nói và trên khóe mắt nàng thoáng hiện những ngấn lệ. - Ôi,

em thật là con bé ngu ngốc, em nhận dự đám cưới anh ta làm gì!

Đumốp vội vã uống cốc nước chè, cầm một khoanh bánh mì khô. Anh mỉm cười hiền lành rồi trở ra ga. Còn trứng cá, phở mát, cá hộp thì hai người tóc đen và người diễn viên béo tốt dùng hộ.

IV

Sông Vonga. Vào một đêm tháng bảy sáng trăng yên tĩnh, Onga đứng trên boong tàu, khi nhìn xuống mặt nước, khi nhìn lên bờ sông đẹp đẽ. Bên cạnh nàng là Riabốpxki. Anh nói những cái bóng lấp loáng trên mặt nước không phải là bóng mà là một giấc mơ đấy. Anh còn nói anh muốn quên hết, muốn chết đi, muốn trở thành một niềm tưởng niệm, vì mặt nước lấp lánh trên sông đêm nay quá đẹp, quá diệu kì; vì bầu trời đêm nay quá bao la, bến bờ thật là buồn bã và đăm chiêu như đang gọi nhớ đến cuộc sống ồn ào tất bật của chúng ta, đến một cái gì vĩnh viễn thiêng liêng, hạnh phúc vô cùng... Quá khứ thật tầm thường và chán ngắt, tương lai thì chẳng có nghĩa lí gì, thế mà đêm hôm nay, đêm diệu kì duy nhất lại đang sắp tàn, đang đắm vào vĩnh cửu – vậy thì sống để làm gì?

Onga, khi thì lắng nghe giọng nói người hoạ sĩ, khi thì lắng nghe trời đêm yên lặng. Nàng nghĩ rằng nàng sẽ sống

mãi, nàng sẽ không bao giờ chết. Ánh màu lam trên mặt nước, ánh màu mà chưa bao giờ nàng được thấy, bầu trời, bến bờ, những bóng đen mờ xa và niềm sung sướng mơ hồ đang tràn ngập lòng nàng... tất cả đều như nói với nàng rằng nàng sẽ trở thành một họa sĩ lớn, rằng ở một nơi nào kia rất xa, rất xa, đằng sau cái đêm trăng sáng này, trong khoảng không gian bát ngát này, một tình yêu của mọi người, một vinh quang chói lọi đang chờ đợi nàng... Nàng nhìn rất lâu không chớp về phía xa và trong óc nàng dần hiện lên những đoàn người, những ánh lửa, những điệu nhạc tung bùng, những tiếng hoan hô thán phục, còn nàng sẽ vận bộ đồ trắng toát từ mọi phía, mọi người tới tập ném lên nàng những bông hoa đẹp nhất... Nàng cũng nghĩ rằng, đứng dựa vào lan can bên cạnh nàng là một con người thực sự vĩ đại, một thiên tài, một con người được Thượng đế ưu đãi... Tất cả những gì anh ấy đã sáng tác từ trước đến nay đều rất đẹp, rất mới, rất phi thường, còn những gì anh ấy sáng tác trong tương lai khi mà tài năng xuất chúng của anh đạt đến độ trọn vẹn sẽ rất đáng kinh ngạc, rất cao siêu. Điều này có thể thấy rõ qua nét mặt anh, qua cách anh nói, thái độ của anh với thiên nhiên. Anh có cách nói riêng, bằng thứ ngôn ngữ riêng, về những hình bóng mờ tối, những sắc màu hoàng hôn và ánh trăng lấp loáng, đến nỗi bất giác người ta cảm thấy sức hấp dẫn say đắm trong quyền lực của anh đối với thiên nhiên. Bản thân anh cũng là người rất đẹp, rất độc đáo và cuộc đời của anh – một cuộc đời phóng khoáng, thoát khỏi những

điều vật vãnh trong cuộc sống – thật giống như đời của một con chim.

- Hình như đêm lạnh hơn hay sao ấy... - Onga nói và rùng mình.

Riabốpxki chăm chăm nhìn nàng, đôi mắt anh trông rất đáng sợ và Onga không dám nhìn thẳng vào đôi mắt ấy.

- Tôi yêu cô, yêu cô đến mất trí... - hoạ sĩ thì thầm và hơi thở của anh khẽ chạm vào má nàng. – Hãy nói cho tôi một lời thôi, một lời thôi và tôi sẽ không sống nữa, sẽ vứt hết nghệ thuật... - Riabốpxki nói tiếp, giọng xúc động, - yêu tôi đi, hãy yêu tôi...

- Anh đừng nói thế, - Onga nói, từ từ nhắm mắt lại. - Điều ấy đáng sợ lắm. Còn Đumốp thì sao?

- Việc gì đến Đumốp? Tại sao lại Đumốp? Tôi có dính dáng gì đến Đumốp? Dòng sông Vonga, ánh trăng, vẻ đẹp, tình yêu của tôi, niềm say sưa của tôi... chỉ có thể thôi... không có một Đumốp nào hết... Ôi, tôi chẳng biết gì hết... Tôi không cần quá khứ, hãy đem đến cho tôi một phút giây hiện tại, một thoáng lát thôi.

Trái tim nàng đang dồn dập. Nàng muốn nghĩ đến chồng nhưng tất cả những gì trong quá khứ gắn liền với ngày cưới, với Đumốp, với những buổi dạ hội... tất cả đều trở nên nhỏ bé, vô nghĩa, mờ nhạt, không cần thiết và ở đâu xa lắc... ừ mà thực ra Đumốp là gì? Sao lại Đumốp?

Nàng có liên quan gì với ĐumỐp? Anh ấy có tồn tại giữa thiên nhiên không hay chỉ là giấc mộng thôi.

“Đối với anh ấy, một con người bình thường, chẳng có gì đặc sắc, thì cái hạnh phúc mà anh ấy được hưởng cũng đã quá đủ, - Onga vừa nghĩ thế vừa lấy tay che mặt. - Mặc cho ở bên ấy người ta lên án, nguyên rủa, tôi vẫn cố làm trái ý mọi người đây, làm trái ý rồi sẽ chết... Phải thử hết mọi cái trên đời này. Trời ơi, thật là kinh sợ và thật là sung sướng!”.

- Sao, sao? Thế nào? - Hoà sĩ vừa nói vừa ôm lấy nàng. Anh vỗ vập hôn đôi cánh tay đang yếu ớt đẩy anh ra. - Em có yêu anh không? Em yêu phải không? Phải thế không? Ôi, đêm đẹp quá, kì diệu quá!

- Đêm thực là đẹp! - Nàng khẽ nói và nhìn vào đôi mắt long lanh đắm lệ của anh. Nàng liếc vội sang một bên rồi ôm chầm lấy anh và hôn vào đôi môi anh rất lâu.

- Tàu sắp đến bến Kinesma rồi! - Có giọng ai nói phía bên kia boong tàu.

Những tiếng chân nặng nề vọng đến. Đó là một người từ phòng ăn điếm tâm di qua.

- Đây, anh kia, - Onga nói với người ấy bằng một giọng dờ khóc vì sung sướng, - anh mang đến đây cho chúng tôi một ít rượu vang nhé!

Hoà sĩ ngồi xuống ghế, nét mặt nhợt nhạt vì xúc động. Anh nhìn Onga đầy ngưỡng mộ và biết ơn rồi từ từ nhắm mắt lại, khẽ nở một nụ cười uể oải và nói:

- Tôi mệt quá rồi.

Và gục đầu vào lan can.

V

Ngày hai tháng chín năm ấy là một ngày ẩm áp, êm dềm nhưng u ám. Từ sáng sớm, những làn mây nhẹ mỏng lững lờ bay trên mặt sông, đến khoảng chín giờ trở đi thì trời bắt đầu mưa lất phất. Chẳng có hi vọng gì là trời sẽ hửng nắng. Trong khi uống nước chè, Riabópxki nói với Onga rằng hội hoa là một thứ nghệ thuật vô tích sự, chán ngắt nhất, và chỉ có những người ngu ngốc mới nghĩ rằng anh có tài năng. Bất thành linh, chẳng vì lí do nào hết, Riabópxki với lấy con dao rạch nát bức tiểu phẩm đẹp nhất của mình. Uống nước chè xong, Riabópxki lại phía cửa sổ ngồi, nét mặt râu rĩ, nhìn ra dòng sông. Và dòng sông Vonga lúc ấy không còn vẻ rạng rỡ lối cuốn nữa, giờ đây nó đã trở nên thật lạnh lùng, ảm đạm. Vạn vật chung quanh như đều gợi nhớ đến mùa thu buồn rầu, hắt hiu đang tới. Người ta có cảm giác rằng thiên nhiên đã thu cất vào cái bọc lớn của mình tất cả những thảm cỏ xanh đẹp đẽ hai bên bờ sông, những ánh nước lấp lánh như kim cương, những khoảng trời xanh trong suốt xa tít tắp, - thu cất tất cả để rồi đến mùa xuân mới trả lại. Bên dòng sông, từng đàn quạ bay qua kêu quàng quạc như muốn chọc tức. Riabópxki lắng nghe tiếng quạ kêu ấy và nghĩ rằng anh đã khô cằn, đã mất hết tài năng; rằng tất cả mọi thứ trên đời này đều là ước lệ, là tương đối và ngu ngốc, và lẽ ra không

nên gắn bó với người đàn bà này. Nói tóm lại là anh ta đang buồn rầu, chán nản đến cực độ.

Onga ngồi trên giường phía sau tấm ri-đô. Nàng lấy tay gỡ gỡ những làn tóc màu lạnh to dày rất đẹp của mình và tưởng tượng ra mình khi thì ở phòng khách, khi ở phòng ngủ, khi thì trong phòng làm việc của chồng. Trí tưởng tượng đưa nàng đến rạp hát, đến người thợ may nổi tiếng. Giờ này họ đang làm gì? Họ có nhớ đến Onga không? Mùa thu đã đến, đã đến lúc nghĩ tới những buổi dạ hội. Còn Đumốp? Đumốp đáng yêu! Thật hiền lành và thơ trẻ đáng thương biết bao khi trong những bức thư gửi cho nàng, anh mong ước nàng sớm trở về nhà! Tháng nào anh cũng gửi cho Onga 75 rúp, và khi Onga bảo rằng nàng vay các họa sĩ 100 rúp thì Đumốp lại gửi ngay cho nàng số tiền đó. Thật là một người hảo tâm và rộng lượng! Cuộc hành trình làm nàng mệt mỏi, nàng thấy chán và muốn mau mau xa ngay những người nông dân lam lũ này, xa ngay cái mùi vị ẩm thấp bên bờ sông. Nàng muốn gạt bỏ ngay cái cảm giác bần thủ luôn luôn theo đuổi nàng khi phải chui lồn hết mái nhà lụp xụp này đến túp lều chật chội khác nay ở làng này, mai ở làng khác. Nếu Riabốpxki không hứa với bạn bè của mình rằng anh sẽ ở lại với họ đến 22 tháng chín thì nàng đã có thể trở về nhà ngay hôm nay. Và nếu được thế thì sung sướng biết bao!

- Trời, - Riabốpxki nói giọng rên rĩ, - bao giờ, bao giờ trời mới hừng nắng cho? Tôi không thể nào vẽ cảnh mặt trời mà không có nắng như thế này được!

- Anh có bức tranh cảnh trời u ám đang vẽ dở cơ mà, - Onga từ đằng sau tấm ri-đô bước ra và nói. - Anh còn nhớ không, bên phải vẽ một cánh rừng và bên trái là một đàn bò và ngỗng ấy mà. Bây giờ anh có thể hoàn thành bức tranh ấy được đấy.

- Ôi dào! - Riabốpxki nhăn mặt nói, - Hoàn thành ư! Lẽ nào cô lại nghĩ rằng tôi dần dần đến nỗi không biết được bây giờ mình cần phải làm gì à?

- Sao anh thay đổi với em thế! - Onga thở dài nói.

- Được thôi, thế lại tốt.

Gương mặt Onga run run, nàng bước lại phía lò sưởi rồi bật ra tiếng khóc.

- Phải, chỉ còn thiếu có nước mắt! Tôi có hàng nghìn nguyên nhân để khóc, thế mà tôi vẫn không khóc!

- Hàng nghìn nguyên nhân! - Onga nói qua tiếng khóc. - Hàng nghìn nguyên nhân và nguyên nhân lớn nhất là anh đã cảm thấy nặng nề bên tôi. Phải rồi! - Onga nói tiếp và khóc nức nở. - Nếu nói đúng sự thực thì anh đã cảm thấy ngượng ngùng với mối tình của chúng ta. Lúc nào anh cũng cố làm sao để những bạn bè họa sĩ không nhận thấy điều ấy, mặc dù điều này không thể giấu được và họ đã biết từ lâu.

- Onga, tôi chỉ yêu cầu cô một điều thôi, - họa sĩ đưa tay lên ngực nói giọng van lơn, - một điều thôi: đừng làm khổ tôi nữa! Tôi không cần gì ở cô nữa hết!

- Không, không, anh phải hứa đi, hứa rằng anh vẫn còn yêu tôi!

- Thật là đây ải! - Họa sĩ nói rít qua hai hàm răng và đứng vụt dậy. - Cứ thế này thì kết cục tôi sẽ đâm đầu xuống sông hay là phát điên lên mất! Cô hãy để cho tôi yên!

- Thì giết tôi đi, giết tôi đi! - Onga kêu lên. - Giết tôi đi!

Nàng lại nức nở khóc và đi vào phía sau tấm ri-dô. Tiếng mưa rơi ào ào trên mái nhà tranh. Riabốpxki hai tay ôm lấy đầu, đi đi lại lại trong nhà rồi với một vẻ cương quyết như muốn chứng minh một điều gì với ai, anh chụp vội cái mũ lên đầu, khoác lên vai khẩu súng săn rồi bước ra khỏi nhà.

Riabốpxki đi rồi, Onga còn nằm mãi trên giường và khóc. Mới đầu nàng thích thú khi nghĩ đến chuyện uống thuốc độc để đến khi Riabốpxki về sẽ thấy nàng chết rồi. Sau đó nàng lại tưởng tượng đến phòng khách, phòng làm việc của chồng, đến cảnh nàng ngồi yên bên Đumốp và an hưởng cái cảm giác sạch sẽ yên tĩnh trong chính mình. Nàng tưởng tượng đến cảnh nàng buổi tối được ngồi trong rạp hát và nghe nhạc của Mazini. Nỗi buồn nhớ cái ồn ào, văn minh của thành phố, nhớ những người bạn đầy tiếng tăm làm trái tim nàng thất lại. Một bà nông dân đi vào nhà và chậm chạp nhóm lò lên để làm bữa trưa. Mùi củi cháy bốc lên và khói xanh bay đầy nhà. Các họa sĩ đến chơi, chân đi những đôi ủng cao lấm đầy bùn đất, gương mặt

ướt át vì nước mưa. Họ nhìn những bức tranh và nói như để tự an ủi rằng ngay cả trong những bức tranh u ám, sông Vonga vẫn có cái vẻ đẹp đáng yêu riêng. Trên tường, chiếc đồng hồ rề tiền kêu tích tắc. Những con ruồi bị lạnh đập đập một góc nhà gần những bức tượng thánh và bay vo ve. Dưới những chiếc ghế băng dài, trong đồng giấy bìa dày nghe rõ tiếng gián chạy loạt xoạt.

Riabópxki trở về nhà khi mặt trời đã lặn. Anh ném chiếc mũ lưỡi trai lên bàn rồi cứ để nguyên cả giấy ủng bẩn thỉu như thế mà nằm vật xuống phản, vẻ mặt nhợt nhạt, khổ sở và nhắm mắt lại:

- Tôi mệt quá rồi... - Riabópxki vừa nói vừa chau mày, cố mở mắt.

Để ra vẻ săn sóc anh và chứng tỏ rằng nàng không giận dỗi, Onga bước lại gần Riabópxki, lặng lẽ hôn anh và lấy lược khẽ đặt lên mớ tóc hung hung của anh. Nàng muốn chải đầu cho anh.

- Có chuyện gì thế? - Riabópxki khẽ giạt mình hỏi như chạm phải vật gì rất lạnh, anh vội mở mắt ra. - Lại có chuyện gì thế? Xin cô để cho tôi yên.

Riabópxki đẩy nàng ra một bên rồi đứng dậy và Onga cảm thấy nét mặt họa sĩ lộ rõ một vẻ gì đầy oán giận, kinh tởm. Vừa lúc ấy người đàn bà nông dân thận trọng bụng đến cho anh đĩa xúp rau và Onga nhìn thấy rõ những ngón tay to và thô của bà ta nhúng ngập vào trong đĩa xúp như thế nào. Cả người đàn bà nhếch nhác bụng to sù trể xuống

này, cả cái đĩa xúp mà Riabópxki đang húp soàn soạt kia, cả túp nhà lụp xụp này, cả cuộc sống mà mới đầu nàng còn ưa thích vì vẻ giản dị và bữa bộn đầy tính nghệ thuật của nó, đối với nàng giờ đây trở nên thật đáng ghê sợ. Nàng bỗng cảm thấy mình bị xúc phạm, nàng lạnh lùng nói:

- Chúng ta cần phải xa nhau một thời gian, nếu không sẽ cãi nhau to vì chán ngán. Tôi ngấy lắm rồi. Hôm nay tôi sẽ rời khỏi nơi này.

- Đi bằng gì? Bằng ngựa à?

- Hôm nay là thứ năm, nghĩa là, vào khoảng chín giờ rưỡi sẽ có tàu thủy đến.

- Thế à? Thôi được, được rồi... Cứ đi thôi... - Riabópxki nói khẽ và lấy khăn lau mồm thay giấy lau. - Em thấy buồn chán, không có việc gì làm ở đây, vì vậy phải là người ích kỉ lắm mới cố ý giữ em lại đây. Thôi em cứ đi đi, sau ngày 20 sẽ gặp nhau.

Onga vui vẻ soạn dọn đồ đạc, thậm chí đôi má nàng ửng hồng lên vì một cảm giác thoải mái sung sướng. Nàng tự hỏi, có lẽ nào chỉ một ít lâu nữa thôi, nàng sẽ lại được ngồi vẽ trong phòng khách, ngủ trên giường đệm êm và ăn trưa bên chiếc bàn phủ tấm khăn trải sạch sẽ trắng toát? Trái tim nàng bỗng trở nên nhẹ nhõm và nàng không còn thấy giận hờn nữa.

- Bút lông màu vẽ em để lại cho anh nhé, - nàng nói. - Còn cái gì anh mang về hộ em... Hãy coi chừng, đừng vì

không có em mà thành lười nhác, buồn rầu mà hãy cố làm việc anh nhé. Anh là người bạn trẻ tài giỏi của em, anh Riabốpki thân mến ạ.

Đến chín giờ khi chia tay, Riabốpki ôm hôn Onga, như nàng nghĩ, để lát nữa khỏi phải hôn ở trên tàu nơi có nhiều bạn bè họa sĩ, rồi tiễn nàng ra bến. Một ít phút sau, tàu từ từ cập bến và đưa nàng đi.

Hai ngày rưỡi sau nàng về tới nhà. Không kịp cất mũ và cởi chiếc măng tô dài mặc mùa hạ, thở rất mạnh vì quá xúc động, nàng bước qua phòng khách rồi từ đó vào phòng ăn. Đumốp, mình vận chiếc gi-lê không cài khuy, đang ngồi sau bàn ăn. Tay anh đang cầm dao và phóng-xét, loay hoay với đĩa chim quay đặt trước mặt. Khi bước vào phòng, Onga đã tự nhủ rằng cần phải giấu chồng tất cả mọi điều và nàng có đủ khôn khéo và nghị lực để làm việc đó. Nhưng, giờ đây, khi trông thấy Đumốp mở rộng miệng cười hiền lành, tràn đầy hạnh phúc và đôi mắt sáng lên vì sung sướng, Onga bỗng thấy rằng giấu giếm, lừa dối con người này cũng dễ tiện, ghê tởm và rằng không thể nào, không đủ sức để làm chuyện đó, cũng như không thể nói xấu người khác, ăn cắp hay giết người; trong giây lát, nàng quyết định sẽ kể hết với chồng mọi chuyện đã xảy ra. Để cho Đumốp ôm hôn mình xong, Onga quỳ xuống trước mặt anh và đưa tay lên che mặt.

- Sao thế, sao thế em? - Đumốp dịu dàng hỏi. - Em buồn lắm phải không?

Nàng ngược lên nhìn anh, mặt đỏ bừng vì xấu hổ. Nàng nhìn anh bằng đôi mắt van lơn cầu xin như của người có tội. Nhưng rồi lòng sợ hãi và sự xấu hổ đã ngăn trở nàng nói ra sự thật.

- Không sao đâu... - nàng nói. - Tại tính em thế đấy.

- Ngồi lên đây em, - Đumốp vừa nói vừa đỡ nàng dậy ngồi bên bàn - Thế thế... Em ăn món chim quay này đi. Cô bé tội nghiệp của anh, chắc em đói lắm rồi phải không?

Nàng say sưa thở hít bầu không khí quen thuộc ấm cúng và món chim quay. Còn Đumốp thì ngồi nhìn nàng ăn, dịu dàng, âu yếm và cười lên sung sướng.

VI

Đến giữa mùa đông, Đumốp chừng như đoán ra được rằng mình đang bị lừa.

Anh không dám nhìn thẳng vào mắt vợ, không dám cười sảng khoái khi gặp nàng như chính lương tâm anh phải day dứt vì một điều gì tội lỗi. Để tránh phải ngồi một mình bên Onga nhiều, Đumốp thường hay mời người bạn mình là Côrôxchêlêp đến cùng ăn trưa. Côrôxchêlêp là một người tầm vóc nhỏ bé, có bộ mặt xấu xí nhăn nhoe. Khi nói chuyện với Onga, vì ngượng ngùng anh ta cứ mở hết cúc áo trên bộ vextông ra rồi lại cài vào, rồi sau đó đưa tay phải lên mân mê ria mép trái. Trong bữa ăn, hai người bác sĩ nói chuyện với nhau rằng những trường hợp màng ngăn vùng bụng và vùng ngực bị ép quá mạnh thường làm

tim ngừng đập đột ngột, rằng gần đây, thường gặp những con bệnh viêm rễ thần kinh, rằng hôm qua, khi mổ một xác chết được chẩn đoán là bị bệnh thiếu máu, Đumốp phát hiện ra một ổ ung thư ở tuyến hóc môn cạnh dạ dày. Người ta có cảm tưởng rằng hai bác sĩ cố nói đủ các thứ chuyện y học với nhau chỉ cốt để cho Onga có điều kiện mà im lặng, tức là để cho nàng khỏi nói dối. Sau bữa ăn, Côrôxchêlêp đến ngồi bên dương cầm, và Đumốp thờ dãi rồi nói với anh ta:

- Nào, anh bạn! Làm gì bây giờ! Thử đánh một bản nhạc nào buồn buồn xem sao.

Đôi vai Côrôxchêlêp hơi nhô cao lên, anh xòe rộng bàn tay, khê đặt lên phím đàn dao một vài hợp âm rồi bắt đầu bằng một giọng cao bài *"Hãy chỉ cho tôi ngôi nhà nào mà ở đó người nông dân Nga không phải đau khổ"*. Đumốp lại thờ dãi lần nữa, tựa đầu lên nắm tay, ra chiều suy nghĩ.

Thời gian gần đây, Onga sống hết sức phóng túng. Mỗi sáng khi thức dậy, nàng cảm thấy lòng mình nặng trĩu. Onga nghĩ rằng nàng không còn yêu Riabốpxki nữa và thật may mắn, mọi việc như thế là đã kết thúc. Nhưng sau khi uống xong cốc cà-phê, Onga nghĩ rằng Riabốpxki đã gạt mất chồng của nàng và bây giờ nàng không còn chồng, cũng không còn Riabốpxki nữa. Sau đó Onga lại nhớ đến câu chuyện của những người bạn quen kể lại rằng, Riabốpxki đang chuẩn bị cho cuộc triển lãm một bức tranh gì đó hết sức đặc sắc, vừa là tranh phong cảnh

vừa là tranh sinh hoạt theo phong cách của Pôlênốp, một bức tranh làm tất cả những ai đã đến xưởng họa của Riabốpxki đều phải trầm trồ khâm phục. Nàng lại nghĩ, nhưng mà chính những tác phẩm ấy Riabốpxki đã sáng tác ra dưới ảnh hưởng trực tiếp của nàng và nói chung là nhờ ảnh hưởng đó, nghệ thuật của anh đã có nhiều chuyển biến tốt rõ rệt. Ảnh hưởng của Onga thật là tốt lành và hệ trọng mà nếu nàng bỏ Riabốpxki thì có lẽ tài năng của họa sĩ sẽ thui chột ngay. Onga cũng nhớ lại rằng, lần cuối cùng gặp nàng, họa sĩ mặc một chiếc áo vétông màu xám điểm những đốm trắng, thắt một chiếc cà-vạt mới, và hỏi nàng, giọng mệt mỏi: "Tôi có đẹp không?". Và quả thực là với dáng vẻ sang trọng, mái tóc quăn dài, đôi mắt xanh thẳm anh trông rất đẹp trai (hay ít ra là cũng gây được cảm tưởng như thế) và tỏ ra âu yếm với Onga.

Hồi tưởng lại tất cả những điều đó xong, Onga sửa soạn áo xống rồi đi thẳng đến xưởng họa của Riabốpxki, lòng đầy xúc động. Vừa đến xưởng họa - Onga thấy ngay Riabốpxki đang vui vẻ trầm trồ ngắm nghía bức tranh mới vẽ xong quả thật là rất đẹp của mình. Họa sĩ khi thì nhảy lên, khi thì trả lời những câu hỏi nghiêm chỉnh của nàng một cách đùa cợt. Onga ghen với bức tranh và căm thù nó, nhưng vì lịch sự mà đứng lặng yên chừng năm phút ngắm nhìn bức tranh rồi thở dài như đang đứng trước một vật gì thiêng thiêng và nói khẽ:

- Chưa bao giờ anh lại vẽ được một bức tranh nào như thế này. Anh biết không, thậm chí đáng sợ đấy.

Rồi Onga van xin họa sĩ hãy yêu nàng, hãy thương nàng, đừng bỏ nàng, một người đau khổ, bất hạnh. Onga khóc, hôn tay anh, đòi anh phải hứa rằng sẽ yêu nàng mãi mãi, giải bày với anh rằng nếu không có ảnh hưởng tốt đẹp của nàng, anh sẽ đi chệch đường và tài năng của anh sẽ cạn. Khi đã làm họa sĩ trở nên rầu rĩ và cảm thấy mình bị hắt hủi, Onga bèn bỏ đi đến nhà người thợ may hay tới nhà một diễn viên quen thuộc nào đó để lấy vé xem hát.

Những lần không gặp họa sĩ trong xưởng họa, bao giờ Onga cũng để lại một bức thư thể rằng, nếu ngày hôm đó mà họa sĩ không đến nhà nàng, nàng sẽ uống thuốc độc tự tử. Họa sĩ sợ hãi vội vàng đến ngay và ở lại ăn trưa với nàng. Mặc cho có Đumốp ngồi bên cạnh, hai người vẫn nói với nhau nhiều điều rất táo bạo. Cả hai người đều cảm thấy rằng họ trói buộc nhau, họ là những kẻ thù, những kẻ độc đoán, họ cãi vã nhau và vì giận dữ nhau mà không để ý rằng trước mặt mọi người cả hai đều bất lịch sự, và thậm chí anh chàng để tóc ngắn Côrôxchêlêp cũng hiểu được tất cả. Ăn trưa xong, họa sĩ vội cáo từ và đi ngay.

- Anh đi đâu? - Onga đứng ở chỗ cửa hỏi và đưa mắt đầy cảm tức nhìn Riabốpki.

Họa sĩ nhăn trán, nheo mắt rồi nói tên một người đàn bà nào đó mà cả hai cùng quen biết, có thể thấy rằng anh đang giấu cợt sự ghen tuông của Onga, muốn chọc tức nàng. Onga trở vào buồng riêng, nằm vật xuống giường, nàng cắn chặt lấy gối rồi khóc nức nở vì giận hờn, ghen tuông, vì xấu hổ và cảm thấy mình bị hắt hủi. Đumốp để

Côroxchêlêp ngồi một mình ở ngoài phòng khách, đi vào phòng Onga đang nằm, rồi ngượng ngùng, bối rối nói:

- Đừng khóc to lên thế mình ạ... Có ích gì đâu? Phải im đi mới phải. Đừng để lộ ra thế... Mình nên biết, cái gì đã xảy ra rồi, không sửa được nữa đâu.

Không biết làm thế nào để dẹp được nỗi ghen tuông ghê gớm đang làm nàng nóng ran cả hai thái dương, nghĩ rằng có thể thay đổi được tình thế, Onga vội rửa mặt, và đánh phấn trang điểm gương mặt đầm đìa nước mắt rồi lập tức đi ngay đến nhà người đàn bà quen biết. Không thấy Riabốpxki ở đấy, Onga cảm thấy xấu hổ khi làm như thế, nhưng sau dần nàng quen đi và có hôm Onga đã đi đến nhà tất cả những người đàn bà mà nàng quen để tìm Riabốpxki và mọi người ai cũng biết chuyện đó.

Có lần Onga nói với Riabốpxki về chồng mình:

- Con người ấy đây ả tôi bằng cái cao thượng của mình!

Onga rất thích thú với câu nói đó và mỗi lần gặp gỡ những bạn bè họa sĩ biết chuyện nàng với Riabốpxki, Onga bao giờ cũng hăng hái giơ tay làm điệu bộ rồi nói về chồng mình:

- Con người ấy đây ả tôi bằng cái cao thượng của mình.

Như năm trước, trình tự của cuộc sống vẫn chẳng có gì đổi thay. Hàng tuần vào tối thứ tư, Onga vẫn tổ chức những buổi dạ hội. Nghệ sĩ thì ngâm thơ, các họa sĩ thì vẽ

tranh, nhạc sĩ *xellô* vẫn kéo đàn, các danh ca vẫn hát và, lần nào cũng vậy, đúng mười một giờ rưỡi đêm, cánh cửa thông sang phòng ăn lại mở rộng và Đumốp nhoẻn miệng cười, nói:

- Mời quý vị sang điểm tâm.

Onga vẫn đi tìm những người nổi tiếng như xưa, tìm được rồi vẫn chưa thỏa mãn, lại tìm nữa. Đêm đêm nàng vẫn trở về nhà rất muộn. Những lúc ấy, Đumốp đã không ngủ trước như năm ngoái mà cặm cùi làm việc trong phòng riêng của mình. Chẳng ba giờ sáng anh mới đi nằm để rồi trở dậy vào tám giờ sáng hôm sau.

Có lần, vào một chiều tối, khi Onga đang đứng trang điểm trước gương, sửa soạn đi xem hát, Đumốp bước vào phòng ngủ, mặc áo đuôi tôm, đeo cà-vạt trắng. Anh mỉm cười hiền hậu và, như ngày trước, sung sướng nhìn thẳng vào mặt nàng. Gương mặt anh rạng rỡ.

- Máy hôm nay anh đang bảo vệ luận án, - Đumốp vừa ngồi xuống vừa nói, tay xoa xoa trên đầu gối.

- Anh bảo vệ được rồi à? - Onga hỏi.

- Ô! - Đumốp cười nói, cố nhô ra để nhìn thấy mặt Onga trong gương. Từ nãy đến giờ nàng vẫn đứng quay lưng về phía chồng và chăm chú soi gương sửa lại mái tóc của mình. - Ô! Em biết không, rất có thể sắp tới người ta sẽ mời anh làm phó giáo sư bệnh lí học đại cương. Anh thấy triển vọng này nhiều lắm.

Nhìn nét mặt rạng rỡ, tràn đầy hạnh phúc của Đumốp có thể đoán được rằng nếu lúc ấy Onga cùng vui cái vui của anh, mừng cho thành công của anh, chắc Đumốp sẽ tha thứ cho nàng tất cả, trong hiện tại cũng như trong tương lai, anh sẽ bỏ qua hết cho nàng; nhưng nàng không hiểu phó giáo sư, bệnh lí học đại cương là gì, hơn nữa lại sợ muộn giờ xem hát, vì vậy nàng im lặng không nói năng gì cả.

Đumốp nán ngồi lại chừng 2 phút, gượng gạo cười như có lỗi rồi bước ra ngoài.

VII

Hôm đó là một ngày lắm chuyện phiền phức nhất. Đumốp nhức đầu như búa bổ; buổi sáng hôm ấy anh không uống nước trà, không đến bệnh viện làm việc, suốt ngày anh nằm lì trên chiếc đi-văng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ kê ngay trong phòng làm việc. Còn Onga, như mọi ngày vào một giờ trưa, bắt đầu đi đến nhà Riabốpxki để đưa cho họa sĩ xem bức tiểu phẩm *nature morte* mới vẽ và để hỏi anh rằng, sao hôm qua anh không lại nhà nàng. Nàng biết bức tranh của mình chẳng ra làm sao, nàng chỉ cốt vẽ để có thêm cớ mà đến gặp họa sĩ.

Onga vào thẳng nhà Riabốpxki không bấm chuông. Và khi nàng đang tháo ủng ở ngoài cửa, nàng nghe thấy

hình như trong xưởng họa có tiếng chân người chạy, tiếng xống áo đàn bà sột soạt. Onga vội nhìn vào trong xưởng họa và chỉ kịp thấy loáng thoáng tấm váy màu hạt dẻ biến vào phía sau một bức tranh lớn dựng ngay trên nền nhà và tựa vào giá vẽ. Không còn nghi ngờ gì nữa: Một người đàn bà đang nấp trong nhà Riabốpxki. Bởi vì, đã bao lần chính Onga cũng đã phải nấp sau bức tranh này! Có thể thấy rõ nét mặt Riabốpxki đầy vẻ ngượng ngùng, họa sĩ làm như ngạc nhiên thấy Onga đến, anh đưa cả hai tay về phía nàng và nở một nụ cười rất lâu:

- A-ha-ha! Rất sung sướng được thấy cô. Có chuyện gì hay ho không?

Onga rung rung nước mắt. Nàng thấy thật là cay đắng và xấu hổ. Nàng nghĩ dù có cho nàng bạc triệu nàng cũng không chịu nói, khi mà ở đằng sau bức tranh kia có một người đàn bà xa lạ, kẻ dối trá, kẻ tình địch của nàng đang đứng nấp và có lẽ đang đắc thắng cười thầm.

- Tôi mang đến cho anh... - nàng nói, giọng nhỏ nhẹ rụt rè, môi run run, -... bức tiểu phẩm *nature morte*.

- A! Tiểu phẩm à?

Họa sĩ cầm lấy bức vẽ, vừa nhìn vào bức tranh vừa đi sang phòng bên như cái máy. Onga ngoan ngoãn theo sau.

- *Nature morte*... loại thượng hảo đấy - Họa sĩ vừa lảm nhảm vừa tìm những chữ cùng vần, - nhà nghỉ... con quỳ bên... cảng^(*).

Onga nghe thấy tiếng chân bước vội vã và tiếng xống áo sột soạt từ phía xưởng họa. Có nghĩa là nó đã đi rồi. Onga muốn nói lên thật to, đập một cái gì thật nặng lên đầu họa sĩ rồi bỏ đi, nhưng mắt nàng đắm lệ, nàng không nhìn thấy gì hết. Nàng xấu hổ quá và cảm thấy mình không còn là Onga nữa, không còn là một nữ họa sĩ nữa mà là một con sâu bọ nhỏ bé.

- Tôi mệt lắm rồi... - Họa sĩ uể oải nói, mắt nhìn lên bức tiểu phẩm của Onga, khẽ lắc đầu để xua cơn buồn ngủ. - Tiểu phẩm tất nhiên là rất hay. Nhưng hôm nay cũng tiểu phẩm, năm ngoái cũng tiểu phẩm, một tháng nữa cũng lại tiểu phẩm... Tôi không hiểu sao cô lại chưa phát ngấy với những cái trò này. Ở địa vị cô, tôi sẽ vứt cái nghề vẽ này mà đi chuyên về nhạc một cách nghiêm túc, hay là làm một việc gì khác. Cô phải hiểu rằng cô không phải là họa sĩ mà là nhạc sĩ. Nhưng mà, cô có biết không, tôi mệt lắm rồi! Tôi gọi người mang ấm trà ra đây nhé... Được không?

Riabópxki ra khỏi phòng và Onga nghe thấy anh nói điều gì với người hầu trong nhà mình. Để khỏi phải giải bày, khỏi phải chia tay nức nở, Onga không chờ Riabópxki trở vào, nàng chạy vội ra phía cửa, xô ụng vào

* Nguyên văn trong tiếng Nga những chữ này có cùng có một vần ort, nói liền nghe rất buồn cười. (N.D)

và bước ra ngoài phố. Lúc này nàng nhẹ nhõm thở hít khí trời và cảm thấy mình được giải thoát khỏi Riabốpxki, khỏi hội họa, được giải thoát khỏi cả cảm giác xấu hổ ghê tởm đã từng làm nàng khổ sở thế nào trong nhà Riabốpxki vừa rồi. Tất cả thế là hết!

Onga đi đến nhà người thợ may, rồi đến gặp ông B. Ông này vừa đến hôm trước. Từ nhà B ra, vào hiệu sách nhạc, lúc nào nàng cũng bị ám ảnh và nghĩ rằng nàng sẽ viết cho Riabốpxki một bức thư lạnh lùng, gay gắt, tràn đầy lòng tự trọng; rằng mùa xuân và mùa hè sắp tới đây nàng sẽ cùng với Đưmốp đi nghỉ mát tại Crimê, ở đó nàng sẽ thoát khỏi hẳn sự ràng buộc của quá khứ và bắt đầu một cuộc đời mới.

Trở về đến nhà, khi đêm đã khuya, Onga vẫn để nguyên váy áo và vào phòng khách ngồi định viết thư. Riabốpxki nói với Onga rằng nàng không phải là họa sĩ; để trả thù, bây giờ nàng sẽ nói lại cho anh ta biết rằng, năm nào anh ta cũng chỉ vẽ bằng ấy đề tài, ngày nào cũng nói bằng ấy câu, rằng anh ta đã giẫm chân tại chỗ rồi và sẽ chẳng sáng tạo thêm được cái gì ngoài những cái đã làm được. Onga cũng muốn viết rằng anh ta đã phải chịu nhiều ảnh hưởng của nàng và nếu Riabốpxki hành động một cách xấu xa thì đó chẳng qua chỉ là vì ảnh hưởng của nàng đã bị khử bỏ đi bởi những con đàn bà dối trá khác đại loại như cái đứa vừa trốn sau bức tranh sáng nay.

- Minh ơi! - Đưmốp không mở mắt, từ trong phòng làm việc gọi ra. - Minh ơi!

- Anh cần gì vậy?

- Mình đừng vào gặp anh, chỉ đến gần cửa thôi nhé. Chuyện là thế này... Anh bị lây bệnh yết hầu trong bệnh viện đã ba hôm nay, và bây giờ... anh cảm thấy khó chịu lắm. Mình mau mau đi gọi Côrôxchêlêp hộ anh.

Onga bao giờ cũng gọi chồng không theo tên mà bằng họ như nàng thường gọi tất cả những người đàn ông quen biết; nàng không thích cái tên Oxip của chồng bởi vì cái tên ấy gợi cho nàng nhớ đến nhân vật Oxip của Gôgôn và một câu chơi chữ buồn cười “Oxip bị khản tiếng và Arkhip cũng bị khản tiếng”. Nhưng lần này nàng bật lên tiếng gọi chồng bằng tên:

- Oxip, không thể có chuyện ấy được!

- Mình đi đi! Anh khó chịu lắm ... - Đumốp nói từ phía sau cánh cửa, có thể nghe thấy anh bước lại đi-văng và nằm xuống đó. - Mình đi gọi đi! - Giọng Đumốp lại vọng ra nghe khan khan.

“Chuyện này là chuyện gì vậy? - Onga nghĩ, lạnh toát người vì sợ hãi. - Bệnh đó nguy hiểm lắm kia!”

Nàng cầm lấy thoi nến đang cháy dở, hoàn toàn không cần phải làm thế; rồi đi vào phòng ngủ của mình; nàng nghĩ ngợi xem giờ phải làm gì và vô tình nhìn thấy mình trong gương... Nét mặt nhợt nhạt đầy vẻ sợ hãi, chiếc áo ngắn với hai ống tay áo bông lên, những cuộn vải vàng trên ngực và những đường sọc khác thường trên váy làm nàng cảm thấy vừa ghê sợ vừa kinh tởm mình. Nàng bỗng

cảm thấy thương Đumốp đến quặn lòng, thương mối tình vô bờ bến của anh đối với nàng, cuộc đời trẻ trung của anh, và cả chiếc giường bỏ không của chồng đặt bên cạnh giường nàng mà từ lâu lắm Đumốp không còn ngủ ở đấy nữa.

Nàng nhớ lại nụ cười bình dị, ngoan ngoãn hiền lành của anh. Onga cay đắng òa lên khóc và viết cho Côrôxchêlêp một cái thư khẩn cầu bác sĩ đến nhà nàng ngay. Lúc đó đã hai giờ đêm.

VIII

Tám giờ sáng hôm sau, nàng trở dậy, đầu nặng chình chịch vì mất ngủ. Onga chưa kịp chải đầu, tóc để rối bời làm khuôn mặt nàng không được đẹp như mọi khi, nét mặt nàng lộ vẻ bối rối. Onga bước ra phòng ngoài và thấy có người nào đi qua trước mặt nàng ra phía cửa vào. Người ấy có bộ râu cằm đen, chắc là một bác sĩ nào đó. Mùi thuốc sục lên. Côrôxchêlêp đứng ở bên cạnh cửa phòng làm việc, anh lấy tay phải mân mê râu mép trái của mình.

- Xin lỗi, tôi không thể để cho chị vào gặp anh ấy được - Côrôxchêlêp nói với Onga, giọng cau có. - Chị sẽ bị lây bệnh đấy. Và, thực ra, chị cũng chẳng cần gì phải vào. Anh ấy đã mê rồi.

- Anh ấy bị bệnh yết hầu thật à? - Onga hỏi khẽ.

- Những ai liều lĩnh lao vào những việc nguy hiểm quả thật là cần phải đem ra kiện ở tòa. - Côrôxchêlêp lẩm nhẩm, không trả lời câu hỏi của Onga. - Chị có biết tại sao anh ấy bị lây không? Hôm thứ ba Đumôp ngậm ống hút những màng mỏng chứa vi trùng yết hầu trên mình một đứa trẻ. Để làm gì? Thật là đại dột...

- Có nguy hiểm không? Nguy hiểm lắm à? - Onga lại hỏi.

- Vâng, người ta thường nói, đây là một thứ bệnh hiểm nghèo. Thật quả là phải gọi Srêck đến ngay.

Một lát sau, một người tầm vóc nhỏ bé, tóc hung hung đỏ, mũi dài, có giọng nói của người Do Thái, bước vào nhà. Ít phút sau có một người cao, lưng gù, tóc rối bù trông như một ông trợ tế ở nhà thờ cũng đến. Rồi lại thêm một người trẻ tuổi rất béo, mặt đỏ bừng, đeo kính trắng. Đó là các bác sĩ đến túc trực bên cạnh người bạn của họ. Hết giờ túc trực rồi, Côrôxchêlêp vẫn chưa về. Anh ở lại và đi loanh quanh trong nhà như một cái bóng. Người hầu chốc chốc lại bung nước chè ra cho các bác sĩ, chốc chốc lại phải chạy ra hiệu thuốc, vì vậy nhà cửa chẳng có ai dọn dẹp. Trong nhà, một không khí im lặng buồn bã bao trùm.

Onga ngồi một mình trong phòng ngủ và nghĩ rằng bởi vì nàng lừa dối chồng nên trời đã trừng phạt nàng như thế. Ở đằng kia, trong căn phòng riêng, trên chiếc đi văng, là một con người lạng lẽ, nhẵn nhục, khó hiểu, không có

gì đặc sắc, nhu mì, thiếu bản lĩnh, yếu đuối vì quá tốt đang phải âm thầm đau khổ mà không than vãn gì hết. Và nếu anh có cất tiếng rên rỉ cho dù là trong cơn mê sảng chẳng nữa thì những người bác sĩ đang túc trực cũng sẽ biết là anh rên không phải chỉ vì bệnh yết hầu. Họ sợ hỏi Côrôxchêlêp: chắc là anh biết hết mọi chuyện và vì thế mà nhìn vợ người bạn mình bằng đôi mắt như muốn nói rằng chính nàng mới là kẻ thủ phạm tai ác nhất, vì trùng yết hầu chỉ là đồng lõa của nàng mà thôi. Ông ta chẳng còn nhớ gì đến đêm trăng trên sông Vonga, đến những phút tỏ tình, cuộc sống đầy thơ mộng trong túp lều bên sông nữa. Ông ta chỉ còn nhớ rằng vì một ham muốn trống rỗng, vì được chiều chuộng mà cả tấm thân nàng, cả chân cả tay nàng đã rơi vào một vũng bùn nhầy nhụa, nhơ nhớp mà không bao giờ nàng có thể rửa sạch được nữa.

“Trời ơi, tôi đã lừa dối một cách kinh khủng như thế nào! - Nàng vừa nghĩ vừa nhớ lại mối tình bông bột của nàng với Riabốpxki. - Thật đáng nguyên rủa quá chừng!”.

Vào khoảng bốn giờ chiều, nàng ngồi ăn cơm với Côrôxchêlêp. Bác sĩ chẳng ăn gì hết, anh chỉ uống một ít rượu mùi, vẽ mặt nhăn nhó. Ông ta cũng không ăn gì.

Khi thì nàng thăm khấn trời và trịnh trọng thể với trời rằng nếu Đumốp tai qua nạn khỏi, nàng sẽ lại yêu anh và là người vợ trung thành của anh. Có khi, như quên hết tất cả, nàng nhìn Côrôxchêlêp và nghĩ: “Lẽ nào lại không đáng chán ngán khi phải làm một người bình thường, không có gì nổi bật, không có tiếng tăm. Thêm nữa lại có

một bộ mặt dúm dỏ và những cử chỉ vụng về như thế?”. Khi thì Onga nghĩ rằng trời sẽ giết nàng ngay phút này vì chỉ sợ lây bệnh mà nàng chưa vào thăm chồng một lần nào cả. Chung quy lại là Onga cảm thấy một nỗi buồn âm ỉ, rã rời và nàng tin rằng cuộc đời của nàng thế là hoen ố, không sao làm lại được nữa...

Sau bữa ăn, trời đã dần tối. Onga đi sang phòng khách, còn Côrôxchêlêp thì nằm ngủ trên đi-văng, đầu kê lên chiếc gối bằng tơ thêu sợi vàng. Anh cất tiếng ngáy đều đều: “khì khò - khì khò...”.

Mọi bác sĩ tới túc trực và ra về đều không để ý đến cảnh tượng bữa bãi ấy. Một người lạ mặt nằm ngủ và gáy to lên trong phòng khách, trên tường treo đầy những bức tiểu phẩm, người đàn bà chủ nhà thì đầu tóc không chải, ăn vận lới thôi... tất cả những điều ấy giờ đây chẳng làm ai để ý chút nào. Một bác sĩ vô tình bật cười điều gì và tiếng cười ấy nghe lạc lõng, sợ sệt, thậm chí còn thấy rờn rợn nữa.

Khi Onga trở ra phòng khách lướt nữa thì Côrôxchêlêp đã dậy rồi. Anh đang ngồi hút thuốc.

- Anh ấy bị bệnh yết hầu vùng xoang mũi, - Côrôxchêlêp nói khẽ. - Tim đập đã không bình thường nữa. Nói tóm lại là bệnh rất trầm trọng.

- Thế anh không gọi Srêck đến à? - Onga hỏi.

- Srêck đến rồi. Chính anh ấy phát hiện ra rằng bệnh yết hầu đã chuyển vào vùng mũi. Ô! Srêck thì làm gì. Quá

thật anh ta không đến nổi nào. Nhưng Sréck là Sréck và tôi là Côrôxchêlép - chỉ có thế thôi.

Thời gian chậm chạp kéo dài ghê ghớm. Onga để nguyên cả xống áo thế, rồi nằm lả trên giường không dọn dẹp từ sáng mà ngủ thiếp đi. Nàng nằm mơ thấy một khối sắt lớn đang đặt lù lù ở giữa nhà từ nền cho đến tận trần và chỉ cần khuôn khối sắt đó đi thì tất cả lại trở lại nhẹ nhàng, vui sướng. Lúc tỉnh dậy, nàng chợt nhớ ra rằng, đó không phải một khối sắt mà chính là bệnh tình của ĐumỐp.

“*Nature morte*, càng... - nàng lại nghĩ và thiếp đi, - thể thao, nghỉ mát... còn Sréck? Sréck, người Hi Lạp... Bạn bè của tôi bây giờ ở đâu cả rồi? Họ có biết rằng tôi đang có một chuyện buồn lớn không? Trời ơi, hãy cứu... hãy cứu vớt tôi. Sréck, người Hi Lạp...”(*)

Khối sắt lại hiện ra... Thời gian như kéo dài mãi, còn chiếc đồng hồ ở tầng dưới chốc chốc lại điểm một hồi chuông. Thỉnh thoảng lại có tiếng chuông gọi cổng: bác sĩ vẫn tiếp tục đến... Bà hầu phòng bước vào tay bưng một cái khay đặt chiếc cốc không, và hỏi:

- Thưa cô, cô có cần phải trải giường không ạ?

Không thấy Onga trả lời, bà trở ra. Chiếc đồng hồ ở phía dưới lại điểm một hồi chuông. Onga nằm mơ thấy cơn mưa lất phất trên sông Vonga, có người nào lại bước

* Chỗ này tác giả lại dùng những chữ có cùng vần để gần bên nhau.

vào phòng ngủ của nàng, có lẽ là người lạ. Nàng chồm dậy và nhận ra Côrôxchêlêp.

- Máy giờ rồi? - Nàng hỏi.

- Gần ba giờ.

- Có việc gì vậy?

- Việc là thế này! Tôi vào đây để báo cho cô biết rằng anh ấy đang hấp hối...

Côrôxchêlêp nấc lên, ngồi phịch xuống giường bên cạnh nàng và lấy ống tay lau nước mắt. Onga không hiểu ngay điều gì đã đến, nhưng toàn thân nàng bỗng lạnh toát. Nàng chậm chạp đưa tay lên ngực làm dấu.

- Đang hấp hối... - Côrôxchêlêp khẽ nhắc lại và lại nấc lên. - Anh ấy đang hấp hối và quên mình hi sinh... thật là một tổn thất đối với khoa học! - Côrôxchêlêp buồn bã nói. - Nếu đem so sánh anh ấy với chúng ta thì đó là một người vĩ đại, xuất chúng! Bao nhiêu tài năng! Bao nhiêu hi vọng anh đã đem lại cho chúng ta! - Côrôxchêlêp vừa nói tiếp vừa bẻ những ngón tay của mình - Trời ơi, bây giờ, dù có đốt đuốc mà tìm kiếm thế nào đi nữa cũng không sao gặp được một nhà bác học như anh ấy. Đumốp! Đumốp! Sao anh lại nở làm như vậy! Trời ơi!

Côrôxchêlêp tuyệt vọng úp mặt vào lòng bàn tay mình và lắc lắc đầu.

- Đạo đức của anh ấy cao thượng biết bao! - Côrôxchêlêp nói tiếp, giọng mỗi lúc một to như đang căm

giận ai. - Một tâm hồn trung hậu, trong sáng, đầy yêu thương - không phải người mà là pha lê trong suốt! Sống thì phụng sự cho khoa học và chết cũng vì khoa học. Nai lưng ra mà làm việc suốt ngày, suốt đêm như con bò mà có người nào đoái hoài tới. Một nhà bác học trẻ tuổi, một vị giáo sư tương lai như anh cần phải tìm tòi nghiên cứu nhiều... thế mà đêm khuya vẫn phải ngồi dịch kiếm tiền thêm để cung phụng cho những... thứ người hèn hạ như thế này!

Cô rôxchêlêp tức giận nhìn Onga, hai tay bỗng nắm lấy tấm vải trải giường rồi giận dữ xé toạc ra như chính tấm vải là kẻ có tội.

- Anh ấy không biết thương mình và cũng chẳng có ai thương anh ấy! Đúng rồi, sự thế là như vậy đó!

- Phải rồi, thật là một người hiếm có! - Có ai cất giọng trầm trầm nói ngoài phòng khách.

Onga vụt nhớ lại một quãng đường chung sống với Đumốp, nhớ lại từ ngày gặp gỡ đến hôm nay, nhớ lại từng chi tiết và nàng bỗng hiểu ra rằng anh thật là một con người phi thường, hiếm có, một con người mà nàng đã quen biết. Onga nhớ lại thái độ của người cha quá cố, của các bác sĩ đối với Đumốp, và hiểu ra rằng, tất cả đều đã thấy ở anh một tiếng tâm lừng lẫy trong tương lai... Những bức tường, trần nhà, ngọn đèn và tấm thảm trải trên sàn... tất cả như cười giễu Onga, tất cả như muốn nói rằng: “Bỏ lỡ rồi! Bỏ lỡ rồi!”. Onga vừa khóc vừa chạy bỏ ra khỏi phòng khách rồi lao vào phòng làm việc của chồng.

Đumốp nằm yên không nhúc nhích trên chiếc đi-văng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, tám chân đắp đến ngang người. Khuôn mặt anh hốc hác gây hấn đi, nước da xám vàng - nước da không bao giờ có ở người đang sống; chỉ có nhìn vầng trán anh, cặp lông mày đen và nụ cười quen thuộc còn đọng lại trên môi anh mới có thể nhận ra đó là Đumốp. Onga đưa nhanh tay sờ lên ngực, lên trán, lên tay chồng. Ngực anh còn hâm hấp nóng, nhưng trán và đôi tay thì mát lạnh một cách đáng sợ. Đôi mắt còn hơi hé mở của anh không nhìn vào Onga mà nhìn lên tám chân.

- Đumốp! - Onga gọi to tên Đumốp! - Nàng muốn nói cho anh biết rằng đó chỉ là một lầm lỗi thôi, rằng không phải tất cả đều đã mất hết, cuộc đời còn có thể trở lại đẹp đẽ, hạnh phúc như xưa. Onga muốn nói cho anh biết rằng anh là một con người phi thường, xuất chúng, một người vĩ đại, rằng suốt đời nàng sẽ ngưỡng mộ anh, cầu khẩn cho anh, kính sợ anh như người ta thường kính sợ các vị thần...

- Đumốp! - Nàng lại gọi, hai tay lay mạnh đôi vai anh, và không thể nào tin rằng Đumốp không bao giờ tỉnh lại nữa. - Đumốp, Đumốp! Anh!

Và lúc đó, ở ngoài phòng khách, Côrôxchêlêp nói với bà hầu phòng:

- Bà còn phải hỏi gì nữa? Bà hãy ra chỗ người coi nhà thờ và hỏi xem những người chuyên làm việc mai táng ở đâu. Họ sẽ tắm rửa thi thể và mang đi - sẽ làm tất cả những gì cần thiết...

NGÔI NHÀ CÓ CĂN GÁC NHỎ

(Câu chuyện của một người họa sĩ)

I

Chuyện này xảy ra cách đây chừng sáu - bảy năm về trước, khi tôi còn sống ở một huyện thuộc tỉnh T. trong trang ấp của điền chủ Bêlacuróp, một người trẻ tuổi, thường dậy rất sớm, đi đi lại lại trong nhà với bộ áo khoác ngoài, chiều chiều thường uống bia và than vãn với tôi rằng chưa ở đâu anh ta gặp được người đồng tình đồng cảm. Anh ta sống trong biệt phòng giữa vườn, còn tôi thì ở trong căn phòng lớn sang trọng, có những hàng cột chạy dài. Trong phòng chẳng có thứ đồ gỗ nào bầy biện, ngoài chiếc đi-văng tôi nằm ngủ và chiếc bàn bày cỗ bài chơi. Ngay cả những lúc trời lạnh gió ở đây bao giờ cũng có thể nghe thấy âm thanh là lạ từ những lò sưởi kiểu *amôxốp*^(*) và khi trời nổi cơn giông, ngôi nhà ấy rung lên tưởng chừng như muốn xiêu vẹo. Những lúc ấy tôi cảm thấy hơi

^{*} Một kiểu lò sưởi có ống thông hơi.

rờn rợn, nhất là ban đêm, khi những tia chớp đồng thời sáng lóe lên qua mười khung cửa lớn.

Như có một số phận nào bắt buộc, tôi lúc nào cũng sống nhàn nhả và không làm việc gì. Có khi tôi ngồi hàng giờ qua khung cửa sổ nhìn chim chóc, ngắm những hàng cây, đọc tất cả những gì bưu điện mang đến cho tôi, hoặc chỉ ngủ. Thỉnh thoảng tôi ra khỏi nhà đi lang thang đó đây cho đến đêm khuya.

Có lần trên đường về, tình cờ tôi rẽ vào một trang trại không quen biết. Mặt trời đã khuất bóng, để lại những ánh vàng trên ruộng lúa mì đang trổ bông. Hai hàng cây thông già, cao lớn mọc gần nhau, như bức thành chắn ngang, làm thành một con đường tối tối, huyền ảo. Tôi khễ lách qua bờ dậu rồi bước chân theo hàng cây thông, chân dẫm lên lớp nệm lá thông dày đến hàng tấc. Chung quanh vắng lặng, trời đã bắt đầu tối, chỉ còn đây đó trên những ngọn cây cao một ít ánh mặt trời rung rinh vàng chói, tỏa màu ngũ sắc lên những mạng nhện. Mùi hương lá bay ngào ngạt. Tôi quay về phía hàng cây bồ đề, và ở đây, vẫn cảnh tượng già nua và cô quạnh: những lá vàng rơi từ năm ngoái xào xạc dưới bước chân đi, bóng tối nhá nhem giữa các hàng cây khi mặt trời vừa khuất bóng. Phía bên phải, trong vườn cây ăn quả, một con vàng anh băng quơ cát giọng hót yếu ớt, chắc nó cũng chẳng còn trẻ trung gì nữa. Và rồi hàng cây bồ đề cũng vừa hết, tôi đi đến bên ngôi nhà trắng xóa có hàng hiên và căn gác nhỏ, trước mắt tôi bỗng hiện ra cảnh một trang trại quyền quý có chiếc hồ rộng với bến tắm cùng hàng liễu xanh và bên kia bờ là

một xóm nhỏ có tháp chuông cao vút, cây thánh giá trên đó còn đỏ rực lên phản chiếu ánh mặt trời chiều. Phút chốc tôi bỗng cảm thấy mình như bị quyến rũ bởi một cái gì hết sức quen thuộc, gần gũi, tưởng như tôi đã thấy cảnh này lúc nào đó trong thời niên thiếu.

Bên cái cổng cổ kính vững chãi xây bằng đá trắng trên có hình sư tử, tôi nhìn thấy hai cô gái. Cô gái lớn tuổi hơn người mảnh dẻ, rất xinh đẹp, làn da trắng trẻo; tóc nàng màu hung hung, miệng nàng nho nhỏ trông có chút gì buồn bình. Về mặt nàng nghiêm nghị hầu như không để ý gì đến tôi. Còn cô kia thì trẻ lắm, chỉ khoảng độ 17 - 18 tuổi, cũng mảnh dẻ và trắng trẻo; miệng hơi rộng, đôi mắt to nhìn tôi lộ vẻ ngạc nhiên, khi tôi đi ngang qua, nàng nói một câu gì đó bằng tiếng Anh rồi ngượng ngịu, và lúc ấy tôi có cảm tưởng rằng, với tôi hai khuôn mặt đáng yêu này đã quen thuộc từ lâu lắm. Tôi trở về nhà với cảm giác như vừa được thấy một giấc mơ đẹp.

Sau đó ít lâu, có lần vào buổi trưa, khi tôi và Bêlacuróp dạo chơi gần nhà thì bỗng thấy một chiếc xe ngựa có lò xo nhẹ nhàng lướt trên mặt cỏ tiến vào sân. Trên xe là cô gái lớn mà tôi đã nhìn thấy hôm nọ. Nàng cầm theo một bản lấy chữ ký yêu cầu trợ cấp cho những người thường dân vừa bị nạn cháy nhà. Không nhìn thẳng vào chúng tôi, nàng kể rất nghiêm trang về việc bao nhiêu nhà trong làng Xi-janốp bị cháy, bao nhiêu người dân không còn nơi trú ngụ, và việc trước tiên phải làm những gì để giúp những người bị nạn. Đó là công việc của ủy ban

cứu tế mà nàng là một thành viên. Đưa giấy cho chúng tôi ký xong, nàng vội cất vào cặp rồi từ giã ngay.

- Anh Bêlacuróp^(*), hình như anh hoàn toàn quên chúng tôi rồi thì phải, - nàng vừa nói vừa chìa tay cho Bêlacuróp. - Mời anh đến chơi trang ấp chúng tôi và nếu *monsieur*[†] N. của anh (nàng nói tên tôi) muốn xem những người kính trọng tài năng của họa sĩ sống ra sao cũng quá bộ đến với chúng tôi thì mẹ tôi và tôi sẽ lấy rất làm hân hạnh.

Tôi khẽ nghiêng mình cảm ơn.

Khi nàng đã đi rồi, Bêlacuróp kể lai lịch nàng cho tôi nghe. Nàng lớn lên trong một gia đình quyền quý. Tên nàng là Liđa Vôntranhinôva. Trang trại mà nàng ở với mẹ và em nàng cũng như xóm làng bên kia hồ đều mang tên là Sencópca. Cha nàng xưa là một người vai vế ở Matxcova, trước khi chết làm đến chức tham nghị trong triều. Mặc dầu gia đình giàu có, chị em Vôntranhinôva chỉ sống ở nông thôn, mùa hè cũng như mùa đông. Liđa dạy học ở trường làng Sencópca, nàng lĩnh 25 rúp mỗi tháng. Nàng chỉ tiêu trong số tiền ấy và tự hào là đã sống bằng số tiền tự mình kiếm được.

- Một gia đình khá kì thú, - Bêlacuróp nói. - Có lẽ hôm nào chúng ta cũng đến thăm họ. Được gặp anh, chắc họ rất mừng.

* Nguyên văn "Piôt Petrôvis", chúng tôi dịch theo họ cho tiện nhớ (ND).

† Ông (tiếng Pháp) (ND)

Và rồi vào một ngày nghỉ, sau bữa cơm trưa, chúng tôi chợt nhớ đến chị em Vôntranhinôva và lên đường đến trang trại Sencópca. Cả hai chị em cùng với mẹ đều ở nhà. Mẹ Lida tên là Êcatêrina Pavlópna, một người đàn bà có lẽ trước kia là đẹp lắm, nay đã trở nên già nua trước tuổi. Bà bị bệnh hen, vẻ mặt bà buồn buồn, lơ đãng. Bà cố làm tôi vui bằng những câu chuyện về hội họa. Được cô con gái cho biết là tôi có thể đến Sencópca chơi, bà vội vàng nhớ lại vài ba bức họa phong cảnh của tôi mà bà đã xem trong các cuộc triển lãm tranh ở Matxcova. Và bây giờ bà hỏi trong những bức tranh ấy tôi muốn thể hiện điều gì. Lida thì nói chuyện với Bêlacuróp nhiều hơn với tôi. Với vẻ mặt nghiêm nghị, nàng hỏi Bêlacuróp tại sao không tham dự vào Hội đồng tự quản và cũng không bao giờ dự một cuộc họp làng nào.

- Như thế không được đâu, anh Bêlacuróp ạ, - nàng nói chầm chọc. - Không hay đâu. Đáng xấu hổ lắm.

- Con nói đúng đấy, đúng đấy, - bà mẹ phụ họa theo. - Thế là không tốt đâu.

- Cả huyện của chúng ta nằm trong tay Balaghin, - Lida quay về phía tôi nói tiếp. - Ý thì làm trùm, còn các chức vụ khác thì giao cho các cháu, cho con rể mình. Hần ta muốn làm gì thì làm. Phải phá cái trật tự đó. Bọn trẻ chúng ta phải liên kết thành một lực lượng mạnh mẽ, thế mà các anh thử nhìn xem, bọn thanh niên ở huyện ta tầm thường như thế nào. Thật đáng xấu hổ, anh Bêlacuróp ạ!

Jênhia, em gái của Lida, ngồi im lặng khi chúng tôi nói với nhau về chuyện làng nước. Nàng không dự bàn những câu chuyện hệ trọng như thế; trong nhà, mẹ và các chị đều gọi nàng bằng cái tên âu yếm “Mixuyt”, vì hồi nhỏ nàng hay gọi cô gia sư của mình là “*miss*”(*). Nàng luôn luôn nhìn tôi với vẻ hiếu kỳ và khi tôi dở xem tập *anbom* ảnh của nàng thì nàng giải thích cho tôi: “Đây là chú, còn đây là cha rửa tội”. Nàng đưa ngón tay xinh xắn chỉ vào các bức ảnh; những lúc ấy, như đứa trẻ, nàng khẽ chạm vào vai tôi và tôi nhìn thấy ngay bên cạnh mình ngực nàng nhỏ nhắn, đôi vai mảnh mai, bím tóc dài, vẻ mình thon thả với tấm dây lưng thắt chặt.

Chúng tôi chơi trò *corôkét* và đánh *tennít*, đi dạo quanh trong vườn, uống trà và sau đó ngồi ăn bữa chiều rất lâu. Sau những ngày dài sống trong gian phòng thênh thang trống rỗng với những hàng cột lớn, tôi thấy một cảm giác là lạ khó tả khi được ngồi trong ngôi nhà xinh xắn ấm cúng không có những tranh vẽ lên tường, và ở đó, người ta xung hô với người ở một cách ngang hàng. Ở đó, đối với tôi, tất cả như đều toát ra một cái gì trẻ trung, trong trắng và nền nếp nhờ có hai chị em Lida và Mixuyt. Trong khi ăn bữa chiều, Lida bước lại nói chuyện với Bêlacurôp về việc làng nước, về Balaghin, về những tù sách ở các trường học. Nàng là một cô gái hoạt bát, chân thành, có chủ kiến riêng. Nghe nàng nói rất thú vị, tuy nàng nói to và hơi nhiều, có lẽ nàng quen nói như vậy khi giảng bài ở trường

* “Miss” tiếng Anh, có nghĩa là “cô”.

học. Ngược lại anh bạn Bêlacuróp của tôi, người từ lúc còn là sinh viên đã thích biến mọi cuộc nói chuyện thành cuộc tranh cãi, thì lại nói giọng rề rề, uể oải, lộ rõ dụng ý muốn tỏ rằng mình là người thông minh, đầu óc tân tiến. Vừa nói vừa làm điệu bộ, tay áo anh ta quệt đổ lọ giấm. Giấm chảy lênh láng trên khăn giải bàn, nhưng trừ tôi, hình như không còn ai trông thấy cả.

Khi chúng tôi trở về nhà, trời đã tối, chung quanh yên tĩnh.

- Có giáo dục tốt không phải là người không đánh đổ giấm lên khăn giải bàn mà là người không thấy người khác đánh đổ, - Bêlacuróp nói và thở dài. - Thật là một gia đình hoàn mĩ, một gia đình trí thức. Tôi đã lạc hậu quá rồi so với những người tử tế, lạc hậu quá rồi! Thế mà còn bao nhiêu việc là việc!

Bêlacuróp nói phải làm nhiều như thế nào khi ta muốn trở thành một ông chủ mẫu mực ở nông thôn. Còn tôi thì nghĩ rằng ông ta thật quá nặng nề và lười biếng. Khi nói về một điều gì hệ trọng, anh ta đều kéo dài giọng “ê - ê - ê”. Hệt như cách anh ta nói, anh ta làm việc gì cũng chậm chạp và trễ nải bỏ quá thời hạn. Ngay từ khi biết anh ta để quên hàng tuần trong túi mình những lá thư mà tôi nhờ anh ta bỏ vào bưu điện, tôi đã khó tin rằng anh ta có thể làm nổi việc gì.

- Khổ nhất là, - Bêlacuróp vừa đi bên tôi vừa lẩm bẩm - khổ nhất là làm việc mà không hề gặp một người nào đồng cảm. Tuyệt đối không!

II

Từ sau buổi ấy, tôi thường lui tới nhà chị'em Lida. Tôi thường ngồi trên bậc thềm thâm thấp dưới mái hiên. Những ý nghĩ không vừa lòng với mình dần vạt tôi, tôi cảm thấy luyến tiếc quãng đời tôi đã sống, quãng đời đã trôi qua chóng vánh và nhạt nhẽo. Lúc nào tôi cũng ước ao: thật là nhẹ nhõm biết bao nếu tôi có thể lấy ra khỏi lồng ngực trái tim tôi - trái tim giờ đây đã trở nên quá nặng nề. Lúc ấy, ngoài hiên, người ta vẫn nói chuyện. Tôi nghe thấy tiếng những vật áo dài sột soạt, tiếng người dở những trang sách. Chẳng bao lâu, tôi đã quen với cảnh Lida ban ngày thì tiếp những người bệnh, phân phát sách hoặc che dù đi vào làng, đầu không đội mũ, chiều tối thì lại cao giọng nói chuyện trường sở, chuyện làng nước. Người con gái thon thả xinh đẹp và lúc nào cũng nghiêm nghị, có cái miệng nhỏ xinh ấy cứ mỗi lần khởi đầu câu chuyện lại điềm nhiên nói với tôi:

- Những chuyện này chắc anh chẳng thích thú gì.

Nàng không có cảm tình với tôi. Nàng không yêu tôi vì tôi là họa sĩ phong cảnh mà trong các bức tranh của mình tôi không miêu tả những sự nghèo túng thống khổ của dân chúng, vì nàng cảm thấy tôi thờ ơ với những điều mà nàng tin một cách mãnh liệt. Tôi còn nhớ có lần, bên bờ hồ Baican, tôi gặp một thiếu nữ thiếu số người Buriat, vận chiếc áo sơ mi và chiếc váy xanh thẫm, ngồi trên mình ngựa. Tôi hỏi thử xem cô có bán chiếc tiêu của mình và khi chúng tôi nói, cô ta nhìn khuôn mặt người Âu của tôi,

nhìn mũi tôi một cách khinh bỉ. Trong khoảnh khắc, chán ngấy vì nói chuyện với tôi, nàng rít lên một tiếng rồi quất ngựa phi thẳng. Liđa cũng khinh bỉ vẻ xa lạ trong tôi như cô gái nọ. Bề ngoài nàng không để lộ ra rằng nàng ghét bỏ tôi, nhưng tôi cảm thấy điều đó và trong lòng bực bội khi ngồi trên bậc thềm thấp dưới mái hiên. Lúc ấy tôi cho rằng không phải bác sĩ mà dám chữa bệnh cho nông dân là lừa họ, rằng muốn làm kẻ từ thiện chẳng khó gì nếu người ta có 2000 mẫu ruộng trong tay.

Còn Mixuýt, em gái Liđa, chẳng phải lo nghĩ điều gì. Nàng cũng sống thanh thoi nhàn hạ như tôi. Sáng sớm vừa dậy xong, nàng đã mang ngay sách ra đọc trên ghế bành sâu ở bên thềm, vì vậy mà đôi chân nàng chỉ hơi chạm đất. Có khi nàng ẩn mình đọc sách dưới những hàng bồ đề hay đi ra ngoài cánh đồng. Nàng đọc sách cả ngày, đọc một cách say mê, chỉ cần thấy khuôn mặt nàng nhợt nhạt, đôi mắt nàng đôi khi mệt mỏi đầy kinh ngạc cũng biết những cuốn sách ấy dày vò tâm trí nàng như thế nào. Những lúc thấy tôi đến, đôi má nàng thoáng ửng hồng, nàng bỏ sách xuống và nhìn tôi bằng đôi mắt to, vui vẻ kể cho tôi nghe đủ các thứ chuyện, khi thì chuyện bố hóng cháy trong nhà những người ở, khi thì chuyện người đầy tớ vừa bắt được dưới hồ một con cá to. Thường ngày nàng vận áo sơ mi trắng với chiếc váy xanh thẫm. Chúng tôi đi chơi với nhau, hái anh đào hay những lúc đưa đẩy mái chèo, tôi nhìn thấy dưới ống tay áo rộng, đôi cánh tay nàng nhỏ nhắn và yếu ớt. Cũng có khi tôi ngồi vẽ, còn nàng thì đứng bên cạnh theo dõi đầy thần phục.

Vào một ngày chủ nhật, cuối tháng bảy, khoảng chín giờ sáng, tôi đến thăm gia đình Vôntranhinôva. Tôi dạo chơi trong vườn rộng, cố đi cách xa nhà tìm những cây nấm trắng; mùa hè năm ấy nấm trắng mọc rất nhiều. Tôi đánh dấu những nơi có nấm để sau đó sẽ cùng hái với Mixúyt. Một làn gió ấm áp bay qua. Tôi nhìn thấy Mixúyt cùng với mẹ, cả hai mặc đồ đi lễ, đang trên đường từ nhà thờ trở về nhà. Mixúyt đưa tay giữ lấy mũ cho gió khỏi thổi bay. Một lát sau tôi đã thấy cả nhà ngồi quây quần uống trà bên thềm dưới mái hiên.

Đối với tôi, một người không phải lo nghĩ đến điều gì, lúc nào cũng tìm lý lẽ biện hộ cho cảnh nhàn hạ thường xuyên của mình, những buổi sớm mùa hạ này trong các trang ấp của chúng ta bao giờ cũng có một vẻ quyến rũ lạ thường. Khi vườn cây xanh còn đọng sương óng ánh mặt trời rạng rỡ, khi những đóa hoa mọc lan và liễu điệp đào tỏa ngát hương thơm bên nhà và các chàng trai, cô gái vừa đi lễ ở nhà thờ về quây quần quanh ấm trà nóng trong vườn, khi biết tất cả những người ăn mặc đáng yêu, khỏe mạnh, trẻ trung xinh đẹp ấy suốt ngày sẽ chỉ chơi đùa vui vẻ, những lúc ấy người ta chỉ muốn cho cuộc đời lúc nào cũng được như thế. Bây giờ đây tôi cũng nghĩ như vậy, tôi đi dạo quanh vườn, và sẵn lòng vừa đi vừa dạo quanh vườn vô tư lự, vô mục đích như thế suốt ngày, suốt mùa hạ.

Mixúyt đến, trong tay cầm chiếc lẵng; vẻ mặt nàng dường như toát ra ý nghĩ rằng nàng đã biết, đã linh cảm thấy trước rằng thể nào cũng tìm thấy tôi trong vườn. Chúng tôi vừa đi hái nấm vừa nói chuyện. Những lúc

muốn hỏi tôi điều gì, nàng đều bước quá lên để nhìn thấy mặt tôi.

- Ngày hôm qua trong làng ta có chuyện lạ lùng, - nàng kể. - Bà Pèlaghê thọt chân ốm suốt năm nay, bác sĩ nào, thuốc thang nào chữa cũng không khỏi, hôm qua bà lão nói thắm một lời, thế là bệnh qua.

- Điều ấy chẳng có gì ghê gớm, - tôi nói. Không nên chỉ tìm điều lạ lùng quanh quẩn những người già và người ốm. Sức khỏe chẳng phải là điều kỳ lạ hay sao? Rồi cả cuộc sống nữa cũng vậy. Những gì không hiểu được chính là điều kỳ lạ.

- Thế anh không sợ những gì anh không hiểu ư?

- Không. Đối với cái mà tôi không hiểu, tôi bao giờ cũng nhìn nhận rất tỉnh táo và không để mình bị lệ thuộc. Tôi thấy mình cao hơn những điều ấy. Con người phải nhận thức mình cao hơn những sư tử, hổ báo, những vì sao, cao hơn hết thảy mọi cái trong thiên nhiên, thậm chí phải thấy mình cao hơn cả những điều không hiểu và cảm thấy kì lạ. Nếu không đã không phải là con người, mà là con chuột nhắt động cái gì cũng sợ.

Mixuyt nghĩ rằng, một người họa sĩ như tôi chắc hiểu biết rất nhiều và có thể đoán đúng được những gì chưa biết. Nàng muốn tôi dẫn nàng vào thế giới của cái đẹp và cái vĩnh hằng, vào thế giới tối cao, mà ở đó, nơi như nàng nghĩ, tôi mới thực là người thông thuộc, và thế là nàng nói với tôi về Thượng đế, về cuộc đời vĩnh viễn, về những gì

kì diệu. Còn tôi, người không lúc nào nghĩ rằng tôi và ý tưởng của tôi lại có thể mất đi vĩnh viễn sau khi chết, trả lời nàng: “Đúng, một cuộc đời vĩnh viễn đang chờ chúng ta”. Nàng nghe, tin như vậy, và không đòi giải thích.

Khi chúng tôi về gần đến nhà, Mixúyt bỗng dừng lại và nói:

- Chị Lida tôi là một người rất tốt. Có đúng thế không? Tôi rất yêu chị tôi và lúc nào cũng sẵn sàng vì chị mà hi sinh đời mình. Nhưng anh hãy nói, - nàng khẽ chạm tay vào áo tôi, - anh hãy nói tại sao anh lại cứ hay cãi nhau với chị ấy? Tại sao anh lại bực bội thế?

- Bởi vì Lida không đúng.

Nàng lắc đầu và rung rung nước mắt.

- Sao lại có điều khó hiểu như vậy! - Mixúyt thốt lên.

Lúc đó, Lida vừa ở đâu về. Nàng đứng trên hành lang, trong tay cầm chiếc roi ngựa. Dưới ánh mặt trời, trông nàng thật thon thả, xinh đẹp; nàng đang sai bảo gì người giúp việc. Với vẻ vội vàng, vừa cao giọng nói to, nàng vừa tiếp hai, ba bệnh nhân. Sau đó nàng tắt đèn đi khắp các phòng, khi mở tủ này, khi mở tủ kia rồi đi lên gian gác nhỏ. Cả nhà tìm nàng rất lâu để gọi nàng về ăn cơm trưa. Nàng đến phòng ăn khi mọi người đã ăn xong món xúp. Không hiểu tại sao tôi yêu và nhớ rất rõ những chi tiết ấy. Tôi còn nhớ như in cả ngày hôm ấy, tuy không xảy ra việc gì đáng kể. Sau bữa ăn trưa, Mixúyt ngã mình trong chiếc ghế bành to và sâu, còn tôi thì ngồi trên bậc thềm thềm

thấp dưới mái hiên. Không ai nói gì. Trời u ám và một lát sau thì lác đác có mưa nhỏ hạt. Gió từ lâu đã ngừng thổi, trời oi bức, tôi có cảm giác rằng ngày này sẽ kéo dài vô tận. Êcatêrina Pavlópna tay cầm quạt, mặt còn ngái ngủ, bước ra thêm.

- Mẹ ạ. - Mixuýt vừa nói vừa hôn tay mẹ, - mẹ ngủ ngày là có hại lắm đấy.

Hai mẹ con rất yêu quý nhau. Khi một trong hai người đi ra vườn là người kia đã bước ra thêm gọi: “Mixuýt con ở chỗ nào?”, hay “Mẹ ơi, mẹ ở đâu đấy?”. Hai mẹ con bao giờ cũng cầu nguyện với nhau, cùng tin vào chúa trời như nhau và rất hiểu nhau kể cả khi im lặng. Với mọi người hai mẹ con cũng đối xử giống nhau. Chẳng bao lâu, Êcatêrina Pavlópna quên rồi mền tôi. Và khi 2,3 ngày tôi không đến chơi, bà đã cho người đến hỏi xem tôi có bị ốm đau gì không. Bà cũng trầm trồ nhìn ngắm những tiểu phẩm tôi vẽ và như Mixuýt, cũng huyền thuyên hồ hởi kể mọi chuyện cho tôi và nhiều lúc tin cậy đem kể cả những chuyện riêng trong nhà.

Bà rất yêu người con gái lớn. Lida không bao giờ tỏ vẻ nũng nịu với bà, nàng chỉ nói đến những chuyện hệ trọng. Nàng sống một cuộc sống riêng khác với mọi người; đối với mẹ và em, nàng cũng trở nên cao xa và ít nhiều bí ẩn như vị đồ đốc suốt ngày ngồi trong phòng kín đối với những người thủy thủ.

Êcatêrina Pavlópna thường nói:

- Con Lida nhà tôi thật là tốt nét.

Và bây giờ, khi ngoài trời mưa lất phất, chúng tôi lại ngồi nói chuyện với nhau về Lida.

- Lida thật là giỏi giang. - Bà mẹ thốt lên rồi thì thầm tiếp với giọng người đang bày mưu tính kế gì bí mật, sợ sệt nhìn quanh. - Những người như nó ban ngày cũng phải đốt đuốc lên mới tìm được, mặc dù, anh biết không, tôi bắt đầu lo cho nó rồi đây. Hết trường học lại đến hiệu thuốc, thư viện; những việc đó đều tốt cả thôi, nhưng sao lại ham quá thế? Vì nó năm nay đã hai mươi tư tuổi rồi, đến lúc phải nghĩ về mình cho chín chắn. Cứ đeo đuổi theo sách vở, thuốc men như thế rồi chẳng hay rằng cuộc đời sẽ trôi qua... Rồi cũng còn phải lấy chồng nữa chứ!

Mixuyt mặt nhợt nhạt vì đọc sách, mái tóc để rối khê ngẩng đầu lên nhìn mẹ rồi nói như nói với chính mình:

- Việc gì rồi cũng phải chiều theo ý của chúa cả thôi mẹ ạ!

Nói xong, nàng lại miệt mài đọc tiếp.

Bêlacuróp đến, mặc chiếc sơ-mi cổ thêu và bộ áo khoác ngoài. Chúng tôi chơi trò *corôkét* và đánh *tennít*. Khi trời xẩm tối, chúng tôi quây quần ngồi ăn cơm chiều rất lâu, và lúc ấy, Lida lại nói về chuyện trường sở, về Balaghin, kẻ nắm mọi quyền hành trong huyện. Chiều hôm ấy, rời khỏi nhà chị em Lida, tôi mang theo ấn tượng của một ngày nhàn hạ dài lê thê với ý nghĩ buồn rầu rằng trên thế giới này tất cả đều có lúc kết thúc dù cho nó có

kéo dài đến thế nào. Mixúyt tiễn chúng tôi đến cổng và có thể vì suốt ngày hôm ấy từ sáng đến chiều nàng ở bên tôi, tôi bỗng cảm thấy hình như thiếu nàng tôi sẽ buồn chán lắm, cả cái gia đình đáng yêu ấy đối với tôi đã trở nên gần gũi, và lần đầu tiên trong suốt mùa hè năm ấy, tôi cảm thấy thèm muốn sáng tác.

- Anh hãy nói tại sao anh lại sống một cách tẻ nhạt, vô vị như vậy? - Tôi hỏi Bêlacuróp trên đường về. - Đời tôi buồn chán, nặng nề và đơn điệu vì tôi là họa sĩ, vì tôi là một người kì dị, từ nhỏ tôi đã bị lòng ghen tị dày vò, không bằng lòng với mình, không tin vào sự nghiệp của mình. Lúc nào tôi cũng nghèo túng, lang thang nay đây mai đó. Còn anh, anh là một người khỏe mạnh, tính tình không kì dị, một điển chủ quyền quý, tại sao anh lại sống tẻ nhạt và ít đòi hỏi ở cuộc sống như vậy? Chẳng hạn như là tại sao đến giờ anh không bằng lòng lấy Lida hay Mixúyt?

- Anh quên rằng tôi đã yêu một người đàn bà khác rồi sao? - Bêlacuróp trả lời.

Đó là anh ta nói đến Liubóp Ivanópna, người tình nhân vẫn ở biệt phòng với anh. Ngày nào tôi cũng thấy bà ta, một người béo tốt, phốp pháp, mặt mày nghiêm nghị, trông giống như một con ngỗng cái no nê, thường dạo quanh vườn trong bộ quần áo Nga với chuỗi hạt cườm ở cổ, tay lúc nào cũng giương dù. Thỉnh thoảng người ở lại gọi bà ta khi thì vào ăn khi thì vào uống trà. Cách đây khoảng ba năm, bà ta đến đây thuê một biệt phòng làm

nơi nghỉ mát, và thế rồi ở lại sống với anh ta, có lẽ là suốt đời. Liubóp Ivanópna già hơn Bêlacuróp đến mười tuổi. Bà cai quản anh ta rất nghiêm ngặt, vì vậy, mỗi lần Bêlacuróp đi khỏi nhà là đều phải xin phép. Bà ta rất hay khóc với giọng ồm ồm như đàn ông. Những lúc đó tôi cho người nói với mẹ rằng nếu còn rống lên nữa thì tôi sẽ rời khỏi nhà này, lúc ấy mẹ với chịu nín.

Khi chúng tôi về tới nhà, Bêlacuróp ngã mình xuống di-văng, crán nhăn nhăn ra chiều nghĩ ngợi, còn tôi thì đi đi lại lại trong phòng, lòng cảm thấy một niềm xúc động nhẹ nhẹ như người bắt đầu yêu. Tôi muốn gọi chuyện về gia đình Vôntranhinôva.

- Lida chỉ có thể yêu anh làm chân hương lí trong làng cũng say mê với chuyện nhà thương, trường học như nàng. Ôi... vì một người thiếu nữ như thế không những có thể trở thành một anh hương lí mà thậm chí còn dám chịu khổ hình lê đôi giày sắt nặng như trong truyện cổ tích đã kể. Còn Mixuýt? nàng đáng yêu quá!

Bêlacuróp thì đông dài nói về cái bệnh của thế kỷ - bệnh bị quan với giọng kéo dài “ê - ê - ê”. Bêlacuróp nói với vẻ tự tin, với giọng như là tôi đang tranh luận với anh ta. Một cánh đồng cỏ cháy khô chạy dài, đơn điệu và hoang vu như sa mạc chắc cũng không làm người ta thấy tẻ nhạt, chán chường như một người ngồi bên cạnh, nói năng uể oải và không biết bao giờ mới chịu bỏ đi.

- Vấn đề không phải là ở chỗ bị quan hay lạc quan, -
tôi câu kinh nói, - vấn đề là ở chỗ cứ trong một trăm người
thì có chín mươi người ngu ngốc.

Bêlacurốp tưởng tôi ám chỉ anh ta bèn giận dỗi bỏ đi!

III

- Mẹ ạ, công tước X, đang ở thăm Malazilômốp. Công
tước có gửi lời chào mẹ. - Liđa vừa cười gượng tay vừa nói
với mẹ, nàng vừa đi đâu về, - Ông ấy nói nhiều chuyện lí
thú lắm mẹ ạ. Ông ấy hứa sẽ nêu vấn đề lập trạm y tế ở
Malazilômốp trong phiên họp Hội đồng hàng tỉnh. Nhưng
lại nói rằng cũng ít hy vọng lắm. - Nàng quay về phía tôi
nói tiếp. - Xin lỗi anh, tôi cứ quên mãi là đối với anh
những chuyện ấy chẳng có gì là thích thú.

Tôi lại cảm thấy trong lòng bức tức:

- Sao lại không thích thú? - Tôi nhún vai hỏi. - Chắc
chị cũng không cần biết quan điểm riêng của tôi, nhưng
chị có thể tin được rằng vấn đề đó làm tôi rất quan tâm.

- Thật thế ư?

- Thật vậy. Theo tôi ở Malazilômốp trạm y tế hoàn
toàn không cần thiết.

Nàng cũng không nổi nóng. Nàng nheo mắt nhìn tôi
và hỏi:

- Thế thì cái gì mới cần? Tranh phong cảnh ư?

- Cả tranh phong cảnh cũng không cần. Ở đây không cần gì hết.

Nàng cúi xong đôi găng tay, mở rộng trang báo mà bưu điện vừa mang tới. Một lát sau nàng nhỏ giọng nói rõ ràng là tự kìm mình:

- Tuần vừa rồi, bà Anna đã chết trong khi sinh nở. Nếu trong vùng có trạm y tế thì bà đã khỏi phải chết oan. Tôi nghĩ rằng có lẽ các ngài họa sĩ cũng nên có một quan điểm nào đó đối với việc này.

- Chị có thể tin rằng đối với vấn đề đó quan điểm của tôi rất rõ ràng. - Tôi trả lời, còn nàng thì nâng cao tờ báo lên che khuất mặt, tỏ vẻ không buồn nghe tôi nói. - Theo tôi trong điều kiện hiện nay, tất cả những trạm y tế, trường học, thư viện, hiệu thuốc chỉ làm tăng thêm cảnh bẩn cùng. Dân chúng đang bị một xiềng xích lớn kìm kẹp. Chị không cắt phá xiềng xích ấy mà chỉ lấp thêm vào đó những mắt xích mới. Đây, quan điểm của tôi là như vậy đó.

Nàng ngược mắt lên nhìn tôi, mỉm cười chế giễu, còn tôi cố nắm được ý chính, tiếp tục nói:

- Điều quan trọng không phải là việc bà Anna bị chết trong khi sinh đẻ. Điều quan trọng là ở chỗ tất cả những Anna, Mavrova, Pêlaghêa^(*) từ tang täng sáng cho tới khi tới

* Những tên thông thường của phụ nữ Nga (ND)

mặt phải còng lưng mà làm việc, chịu ốm đau vì làm việc quá sức. Suốt đời họ lo sợ bệnh tật và chết chóc, suốt đời lo chạy chữa thuốc thang. Vì vậy, mà họ thành già nua, còm cõi trước tuổi, rồi chết đi trong cảnh bán thiu hơi hám. Con cháu họ lớn lên. Và sẽ lặp lại điệp khúc ấy. Hàng trăm năm đã qua và hàng triệu con người phải sống khổ sở hơn súc vật - sống lúc nào cũng sợ hãi, sống vì mẩu bánh mì. Tất cả thảm họa của họ là ở chỗ họ không có lúc nào để nghĩ tới tâm hồn mình, nhớ tới diện mạo của mình và những người chung quanh. Đói, rét, lúc nào cũng run như dế, việc làm đầu tắt mặt tối, tất cả những cái đó đã ngăn cách họ với hoạt động tinh thần - cái phân biệt loài người với loài vật, cái làm thành giá trị duy nhất của sự sống. Chỉ đến với họ, giúp họ bằng trường học, nhà thương nhưng tất cả những cái đó không giải thoát được họ ra khỏi cảnh trói buộc mà ngược lại, chỉ càng làm họ khổ thêm. Bởi vì, trong khi đem đến cho họ những định kiến mới, chị đã làm tăng thêm những nhu cầu thiết yếu cho họ, đó là chưa nói đến việc họ phải nộp tiền cho làng để lấy thuốc men, sách vở và thế có nghĩa là lại phải còng lưng mà làm việc thêm.

- Tôi sẽ chẳng tranh luận với anh đâu. - Lida bỏ tờ báo xuống và nói. - Những điều đó tôi đã nghe rồi. Chỉ nói với anh một điều là không thể khoanh tay ngồi nhìn. Thực ra chúng tôi cũng không mong gì cứu vớt được nhân loại và rất có thể, nhiều lúc chúng tôi sai lầm. Nhưng chúng tôi làm tất cả những gì có thể làm được và chúng tôi đúng. Nghĩa vụ cao cả nhất của người có học là phục vụ những

người xung quanh, chúng tôi biết đến đâu thì cố làm đến đó. Điều ấy làm anh không thích thú. Nhưng biết làm sao, chẳng ai có thể chiều lòng tất cả mọi người được.

- Phải rồi, phải rồi Lida ạ. - Bà mẹ nói.

Những lúc có Lida bao giờ bà mẹ cũng nói năng lúng túng, lo lắng nhìn nàng, sợ nói thừa hoặc không đúng lúc. Không bao giờ bà nói trái ý Lida, lúc nào cũng phụ họa theo: “Phải rồi, phải rồi, Lida ạ”.

- Đọc thì bập bẹ, sách thì toàn những câu cách ngôn nực cười, những điều khuyên bảo sơ đẳng đến thảm hại, lại thêm những trạm y tế nữa... Tất cả những cái đó không thể làm giảm sự mê muội của dân chúng, giảm tỉ lệ tử vong của họ. Như ánh đèn từ cửa sổ của chị không tỏa sáng được cả khu vườn rộng, - tôi nói. - Chị không đem lại cho họ gì hết. Can thiệp vào cuộc sống của họ, chị chỉ tạo thêm cho họ những nhu cầu mới, lí do mới để làm lụng khổ sở hơn.

- Trời! Nhưng vẫn phải làm một việc gì chứ? - Lida nói với vẻ giận dữ. Theo giọng nói của nàng có thể biết nàng coi những lập luận của tôi chẳng ra gì và khinh bỉ những ý kiến đó.

- Cần phải giải phóng mọi người khỏi lao động nặng nhọc, - tôi nói. - Phải giảm nhẹ việc làm của họ, cho họ được nghỉ ngơi, để họ không phải suốt đời chỉ sống bên cạnh bếp lò, bên máng lợn, ngoài đồng ruộng, mà còn có thời giờ để nghĩ đến tâm hồn, đến Thượng đế, để có thể

bộc lộ đầy đủ hơn những khả năng tinh thần của mình. Thiên hướng của mỗi người trong hoạt động tinh thần luôn luôn tìm sự thật và ý nghĩ của cuộc đời. Vậy thì hãy làm sao cho họ không phải làm lưng vắt vả, cực nhọc như súc vật ấy nữa, hãy làm thế nào để cho họ cảm thấy mình được tự do. Lúc đó, chị sẽ thấy, trên thực tế những cuốn sách, những hiệu thuốc của chị là trò cười như thế nào. Khi con người nhận thức được khả năng tiềm tàng của mình thì chỉ có tôn giáo, khoa học, nghệ thuật mới có thể thỏa mãn được nó, chứ không phải là những trò trống rỗng kia.

- Giải phóng con người khỏi lao động? - Lida cười khẩy hỏi. - Lẽ nào lại làm được thế sao?

- Vâng, làm được. Hãy gánh lấy một phần việc của họ. Nếu tất cả chúng ta, những người dân thành thị và thôn quê, tất cả không trừ một ai, thỏa thuận chia đều nhau mọi công việc lao động mà loài người cần phải làm để thỏa mãn những nhu cầu vật chất thì có lẽ mỗi ngày mỗi người chỉ phải làm chừng 2,3 giờ đồng hồ. Hãy tưởng tượng rằng mỗi người chúng ta, người nghèo cũng như người giàu, chỉ phải làm việc ba tiếng một ngày, còn lại là thì giờ rỗi rãi. Hãy tưởng tượng thêm rằng để có thể làm việc ít hơn và ít phụ thuộc vào thân thể mình hơn, chúng ta sẽ chế ra các thứ máy móc thay thế sức người, chúng ta sẽ giảm những nhu cầu sinh hoạt đến mức tối thiểu. Chúng ta sẽ rèn luyện cho bản thân mình, cho con cái chúng ta trở nên cường tráng để chúng không sợ đói, sợ rét, để chúng ta khỏi luôn luôn run sợ cho sức khỏe của chúng như những Anna,

Mavora, Pêlaghêa đã run sợ. Hãy tưởng tượng ra chúng ta không phải chữa bệnh, không phải duy trì những hiệu thuốc, những nhà máy thuốc lá, nhà máy rượu - lúc đó, chúng ta sẽ có thêm biết bao nhiêu thì giờ rỗi rãi. Tất cả chúng ta đều sẽ dành thì giờ rỗi rãi cho khoa học và nghệ thuật. Nếu tất cả chúng ta đều cùng nhau tìm sự thật và ý nghĩa của cuộc đời như những người dân quê góp sức cùng nhau sửa chữa đường làng, thì tôi tin rằng chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ tìm ra sự thật, con người sẽ hết bị sự sợ sệt nặng nề đẩy khổ ải ám ảnh, thậm chí là có thể thoát khỏi vòng kiểm tỏa của cái chết.

- Tuy vậy anh vẫn tự mâu thuẫn với chính mình, - Lida nói. - Luôn mồm nói “Khoa học, khoa học”, anh lại không muốn mọi người biết đọc biết viết.

- Biết đọc biết viết à? Ở nước ta từ thời Rurich người ta đã đọc được tên các tiệm rượu, có khi đọc được tất cả những quyển sách mà người ta không hiểu. Pêtrútska của Gôgôn cũng đã biết đọc, nhưng đáng tiếc rằng nông thôn giờ đây chẳng khác gì nông thôn thời Rurich! Không phải người ta cần biết đọc mà chính là cần có tự do để bộc lộ mạnh mẽ những khả năng tinh thần của mình. Không phải cần có những trường học mà cần có những trường đại học.

- Anh phủ nhận cả y tế nữa.

- Vâng, đúng thế. Y tế chỉ cần cho việc nghiên cứu các bệnh tật - những hiện tượng của tự nhiên, chứ không phải là để chữa các bệnh tật ấy. Nếu muốn chữa thì không phải chữa bệnh mà là triệt những nguyên nhân sinh ra nó.

Hễ trừ bỏ được nguyên nhân chính - lao động nặng nhọc - thì bệnh tật cũng chẳng còn. Tôi không công nhận thứ khoa học chữa chạy, - tôi hằng hái nói tiếp, - nền khoa học hoặc nghệ thuật chân chính không nhằm mục đích riêng lẻ, nhất thời mà bao giờ cũng hướng về những gì chung mà vĩnh viễn. Khoa học và nghệ thuật đi tìm sự thật và ý nghĩa của cuộc sống, tìm Thượng đế, tìm tâm hồn và khi phải chạy theo những nhu cầu trước mắt, phải chạy theo những hiệu thuốc và những thư viện thì lúc đó khoa học, nghệ thuật chỉ làm che lấp mất cuộc sống, làm cho cuộc sống rắc rối thêm. Ở nước ta có nhiều thầy thuốc, dược sĩ, luật sư, nhiều người biết đọc biết viết, nhưng không có lấy một nhà sinh vật học, toán học, triết học, một nhà thơ nào, bởi vì tất cả trí tuệ, tất cả tinh lực đã mất vào việc thỏa mãn những nhu cầu nhất thời kế tiếp... Các nhà bác học, các nhà văn, nhà họa sĩ đang hằng hái làm việc, nhờ đó mà cuộc sống ngày càng đầy đủ tiện nghi hơn, nhu cầu vật chất ngày càng tăng - tuy vậy vẫn còn xa chân lí lắm và ngày nay cũng vẫn như trước đây, con người vẫn là con vật hung dữ và kệt cớm nhất. Tất cả đều ngả về phía sao cho loài người trở nên què quặt, mất hết sức sống của mình. Trong những điều kiện như vậy, cuộc đời của người nghệ sĩ chẳng còn có ý nghĩa gì nữa. Càng tài hoa bao nhiêu, vai trò của anh ta càng trở nên kì quặc và khó hiểu, bởi vì xét ra thì việc làm của anh ta là để góp phần duy trì cái trật tự hiện hành, để mua vui cho bọn người súc vật hung dữ và kệt cớm. Tôi không muốn làm việc và sẽ

không làm. Chẳng cần gì hết, mặc cho trái đất này biến mất!

- Mixuýt ra ngoài chơi đi em. - Lida nói với em, chắc nàng nghĩ rằng những lời tôi nói rất có hại đối với một người con gái mới lớn.

Mixuýt buồn rầu nhìn chị, nhìn mẹ rồi bước ra ngoài.

- Khi muốn bào chữa cho thái độ bàng quan của mình, người ta thường nói những điều “hay ho” như vậy. Phủ nhận bệnh viện và trường học bao giờ cũng dễ hơn là chữa bệnh và dạy học.

- Đúng rồi, đúng rồi, Lida ạ, - bà mẹ nói theo.

- Anh dọa rằng anh sẽ không làm việc, - Lida nói tiếp.
- Chắc anh tự đánh giá quá cao những tác phẩm của mình. Thôi không cần tranh cãi nữa, quan niệm chúng ta chẳng bao giờ thống nhất được bởi vì ngay cả những hiệu thuốc và thư viện tôi tàn nhất - những cái mà anh vừa nói đến một cách khinh bỉ - tôi cũng còn đánh giá cao hơn những bức tranh phong cảnh trên đời này. - Liên sau đó, nàng quay về phía mẹ và nói bằng một giọng khác hẳn - Công tước gây đi rất nhiều và thay đổi hẳn kể từ khi đến ở vùng ta. Trên đã chuyển ngài đến Visi.

Nàng kể cho mẹ nghe những chuyện về công tước để khỏi phải nói chuyện với tôi. Mặt nàng nóng ran, và để che giấu nỗi xúc động của mình, nàng giả làm như về người cận thị cúi sát xuống bàn đọc báo. Thấy ngồi lại không tiện nữa, tôi bèn đứng dậy cáo từ ra về.

IV

Ngoài trời vắng lặng, xóm bên kia hồ đã ngủ, không còn một ánh đèn nào, chỉ thấy trên mặt hồ thấp thoáng vài ánh sao mờ lấp lánh. Mixuýt đứng bên cái cổng có xây hình mấy con sư tử. Nàng đứng yên ở đó chờ để tiễn tôi.

- Mọi người trong làng đã ngủ cả rồi, - tôi vừa nói với nàng vừa cố nhìn khuôn mặt nàng qua bóng đêm và thấy đôi mắt đen buồn của nàng nhìn tôi. - Ngay cả những tay chủ tiệm rượu và bọn trộm ngựa đều đã ngủ, thế mà chúng ta, những người đứng đắn, lại chọc tức nhau và cãi nhau.

Đêm ấy, đêm tháng tám buồn da diết, - buồn vì hương vị mùa thu đã phảng phất đó đây; từ sau đám mây đỏ ối, mặt trăng dần dần hiện ra và nhẹ trải ánh vàng lên mặt đường và đồng lúa mì sẫm tối ven đường. Trên trời chốc chốc lại có một vì sao đổi ngôi. Mixuýt đi cạnh tôi bên đường cái lớn. Nàng cố không nhìn lên trời để khỏi phải thấy những ngôi sao sa, - không hiểu sao nàng lại sợ những ngôi sao ấy.

- Tôi cảm thấy anh nói đúng, - nàng nói, rung mình vì sương đêm lạnh, - nếu tất cả mọi người đều cùng nhau chăm chú vào hoạt động tinh thần thì chẳng bao lâu họ sẽ biết hết mọi điều.

- Đúng thế đấy. Chúng ta là những thực thể tối cao. Nếu chúng ta, trên thực tế, nhận thức được hết cái thiên tài của con người và chỉ sống vì những mục đích cao cả thì cuối cùng có lẽ chúng ta sẽ biến thành Thượng đế. Nhưng

điều đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra, loài người sẽ trở nên què quặt và cả dấu vết của cái thiên tài kia cũng sẽ chẳng còn.

Khi cái cổng đã lùi vào bóng tối, Mixuýt dừng lại và bắt tay tôi vội vã:

- Chúc anh đêm nay ngủ ngon, - nàng nói với giọng run run, nàng vận mỗi chiếc áo sơ-mi, đáng nàng hơi co ro vì lạnh. - Ngày mai anh lại đến nhé.

Tôi bỗng thấy ghê sợ khi nghĩ rằng lát nữa thôi sẽ chỉ còn mình tôi với tôi, lòng đầy tức tối bực bội với mình. Và tôi cố không dám nhìn những ngôi sao sa nữa.

- Mixuýt, cô đứng lại cùng tôi lát nữa nhé, - tôi nói.

Tôi đã yêu nàng. Tôi yêu nàng có lẽ vì nàng đã đón tôi và tiễn tôi, vì nàng đã dịu dàng nhìn tôi đầy thần phục. Khuôn mặt nàng trắng trẻo, cổ nàng xinh xắn, những ngón tay nàng thon thon, đáng nàng yếu ớt nhàn nhã, những quyển sách nàng đọc... tất cả thật đẹp đẽ và xúc động biết bao! Nhưng còn trí tuệ? Tôi không tin rằng nàng có một trí tuệ thông minh khác thường, nhưng tôi phục cái tầm nhìn rộng lớn của nàng, có lẽ do nàng suy nghĩ khác với cách suy nghĩ của Lida nghiêm nghị và xinh đẹp, người không yêu tôi. Mixuýt thích con người họa sĩ trong tôi. Tôi đã chiếm được trái tim nàng bằng tài năng của mình. Tôi bỗng khát khao muốn sáng tác chỉ riêng cho nàng thôi, tôi mơ ước đến nàng - bà hoàng bé bỏng của tôi. Nàng sẽ cùng tôi làm chủ những hàng cây, những cánh đồng, những đám mây, những buổi hoàng hôn này... tất cả

thiên nhiên kì diệu xinh đẹp này, mặc dù giữa thiên nhiên xinh đẹp ấy từ trước đến nay tôi vẫn cảm thấy mình thật là thừa và cô đơn.

- Mixuýt, tôi xin cô dừng lại đây lát nữa, - tôi nói.

Tôi cởi chiếc áo bành tô rồi khoác lên đôi vai giá lạnh của nàng. Sợ thấy mình trông ngộ nghĩnh và xấu đi trong chiếc bành tô đàn ông, nàng vừa cười vừa gạt chiếc áo ra. Lúc đó, tôi bất giác ôm lấy nàng, hôn lên mặt, lên vai, lên tay nàng.

- Thôi, ngày mai nhé! - Nàng khẽ nói, giọng nhỏ nhẹ như sợ làm tan mất bóng đêm im lặng, nàng ngập ngừng dè dặt ôm lấy tôi. - Trong nhà em không ai đấu nhau điều gì. Ngay bây giờ em phải kể lại tất cả cho mẹ và chị nghe... Ôi, em sợ quá! Mẹ thì không sao, mẹ rất quý anh nhưng còn chị Lida?!

Nàng chạy về phía cổng.

- Tạm biệt anh nhé! - Nàng nói vọng lại.

Tôi dừng lại ít phút lắng nghe tiếng chân nàng chạy. Tôi không muốn trở về nhà và cũng không có việc gì phải về nhà. Tôi đứng lặng trầm ngâm giây lát rồi quay lại để nhìn một lần nữa ngôi nhà, nơi nàng đã ở, ngôi nhà đáng yêu, thơ ngây cổ kính, ngôi nhà hình như đang nhìn tôi bằng những cửa sổ của gian gác nhỏ và hiểu lòng tôi tất cả.

Tôi đi ngang qua ngoài hiên, ngồi trên chiếc ghế kê bên sân *tennít*, từ trong bóng tối dưới tán cây du, tôi nhìn

ngôi nhà ấy. Ánh đèn sáng hắt ra từ những cửa sổ của căn gác nhỏ nơi Mixuýt ở. Ánh đèn chuyển sang màu xanh êm ả - có ai đã chụp chiếc chao đèn lên bóng. Những bóng đen dịch đi dịch lại. Lòng tôi bỗng dịu dàng yên tĩnh. Tôi hài lòng với chính mình, vì tôi đã có thể say mê, có thể yêu. Cũng lúc ấy tôi cảm thấy không yên trong lòng, khi nghĩ rằng chính giờ đây trong một căn phòng của ngôi nhà này, cách tôi vài bước thôi, có Lida, Lida không yêu tôi và, có lẽ, còn căm thù nữa. Tôi ngồi và chờ xem Mixuýt có bước ra không. Tôi lắng tai nghe và hình như có tiếng người nói chuyện trên căn gác nhỏ.

Gần một giờ đã qua. Ánh đèn xanh đã tắt, và những bóng đen cũng không còn thấy nữa. Trăng đã lên cao, chiếu sáng những con đường nhỏ và khu vườn cây đang yên giấc. Dưới ánh trăng trong vườn hoa nhỏ trước nhà, những khóm hoa mẫu đơn và hoa hồng hiện ra lồ lộ và như đồng màu với nhau. Trời rất lạnh. Tôi đi ra khỏi vườn, nhặt chiếc bánh tô rơi trên đường lúc này rồi chậm rãi bước về nhà.

Ngày hôm sau, ăn trưa xong, tôi lại đến nhà chị em Lida. Cánh cửa làm bằng kính thông ra vườn mở rộng. Tôi ngồi ngoài hiên chờ Mixuýt. Tôi đoán chỉ lát nữa thôi nàng sẽ hiện ra sau vườn hoa ngoài sân hay trên một trong những con đường chạy giữa hai hàng cây hoặc tôi sẽ thấy tiếng nàng từ căn phòng nào đó trong nhà vọng đến. Một lúc sau, tôi tạt qua phòng khách, phòng ăn. Chẳng thấy bóng một ai. Từ phòng ăn tôi theo hành lang dài ra phòng ngoài rồi lại quay trở lại. Bên hành lang có nhiều

cửa phòng, và từ phía sau một cánh cửa, tôi nghe thấy tiếng Lida:

- Cho một con quạ ở đâu đó... trời... - Nàng nói to và ngân dài giọng, cổ lẽ nàng đang đọc chính tả. - Trời ban miếng pho mát cho... một con quạ... ở đâu đó... Ai đấy? - Nàng bỗng cất giọng hỏi to, khi nghe tiếng chân tôi.

- Tôi đây.

- Thế à! Xin lỗi, tôi không thể ra gặp anh được, tôi đang bận dạy học cho Đasa.

- Êcatêrina Pavlôpna có trong vườn không?

- Không có đâu, mẹ tôi cùng với Mixuyt sáng nay đã đi đến chỗ người cô ở bên tỉnh Penzen. Đến mùa đông này có lẽ mẹ và em tôi sẽ cùng nhau ra nước ngoài... - nàng nói thêm, rồi ngừng lại, - cho một con quạ đâu đó... Trời ban miếng pho mát... Viết xong chưa?

Tôi bước ra phòng ngoài lòng không chút nghĩ ngợi. Tôi dừng lại, từ đấy nhìn ra cái hồ và xóm làng trước mặt.

Tôi nghe văng vẳng:

- Miếng pho mát... Trời ban miếng pho mát cho một con quạ ở đâu đó...

Tôi rời khỏi trang trại theo con đường cũ, con đường đã đưa tôi đến đây lần đầu, chỉ có là lần này theo tuần tự ngược lại: mới đầu từ sân vào vườn qua ngôi nhà rồi lần theo con đường chạy giữa hai hàng cây bồ đề... Vừa lúc ấy một chú bé đuổi kịp tôi và đưa cho tôi một mẩu giấy: "Em

kể cho chị nghe tất cả, chị bắt em phải xa anh ngay, - tôi đọc. - Em không nỡ để chị em phiền lòng vì làm trái ý chị. Thượng đế sẽ đem đến cho anh hạnh phúc, tha lỗi cho em. Ôi, nếu anh biết được em và mẹ em đã khóc cay đắng như thế nào!".

Rồi tiếp đến hàng thông tôi tới, bờ gấu xiêu vẹo. Đàn bò và những con ngựa lạc lõng chậm rãi bước trên cánh đồng ngày nào lúa mì còn trổ bông và những con chim cun cút còn kêu riu rít. Đây đó trên các ngọn đồi, lúa mì mùa đông^(*) xanh mượt. Một cảm giác bình thường tỉnh táo tràn ngập lòng tôi và tôi bỗng thấy ngượng ngùng với những điều đã nói ở nhà Lida, và lại sống buồn tẻ như trước kia đã sống. Về đến nhà, tôi sửa soạn đồ đạc và chiều hôm đó, đáp tàu đi Pêterbua.

*

* *

Từ dạo ấy tôi không bao giờ gặp lại gia đình Vôntranhinôva nữa. Có lần cách đây không lâu, tình cờ tôi gặp Bêlacurôp trên một chuyến tàu đi Crimê. Anh ta vẫn khoác chiếc áo ngoài và mặc chiếc sơ-mi cổ thêu. Khi tôi hỏi sức khỏe anh ta ra sao, anh ta đáp: "Như những lời cầu

* Một thứ lúa mì gieo từ đầu thu, suốt mùa đông sẽ ẩn mình dưới tuyết (ND).

chúc của anh thôi...” Chúng tôi bắt đầu hỏi chuyện nhau. Anh ta đã bán trang ấp của mình và mua một trang ấp khác nhỏ hơn mang tên Liubôp Ivanôpna. Về gia đình Vôntranhinôva, anh ta cho biết không nhiều. Theo lời Bêlacurôp, Liđa vẫn sống ở Senkôpka và dạy học cho lũ trẻ trong làng. Dần dà, nàng tập hợp được quanh mình một nhóm người gần gũi với nàng. Nhóm người này làm thành một bè cánh khá mạnh trong cuộc bầu cử gần đây, họ đã “hạ bệ” được Balaghin, kẻ trước đó đã nắm cả quận trong tay mình. Còn về Mixuýt, Bêlacurôp chỉ báo tin rằng nàng không sống ở nhà và cũng không biết ở đâu.

Tôi đã bắt đầu quên ngôi nhà có căn gác nhỏ, và chỉ đôi lúc, những khi vẽ hay đọc sách, chẳng hiểu vì duyên cớ gì, tự nhiên tôi nhớ đến bóng đèn xanh bên cửa sổ, nhớ tiếng những bước chân tôi tản ra giữa cánh đồng trong đêm tối, khi tôi, lòng chan chứa yêu thương, trở về nhà và xoa xoa hai bàn tay vì lạnh. Cũng có lúc, điều này ít gặp hơn, khi sự cô đơn dày vò tôi, tôi buồn, tôi mơ hồ nhớ lại và dần dần, không hiểu vì sao, tôi bắt đầu cảm thấy rằng có người cũng đang nhớ đến tôi, chờ tôi và chúng tôi nhất định sẽ gặp nhau...

Mixuýt, giờ này em ở đâu?

KHÓM PHÚC BỒN TỬ

Từ sáng sớm, những đám mây đen mọng nước đã phủ kín bầu trời; không gian im ắng, dịu dịu mát và buồn tẻ như vẫn thường thấy trong những ngày trời u ám, khi trên khắp cánh đồng mây đen đã giăng đầy, trời sẽ mưa mà chưa mưa. Bác sĩ thú y Ivan Ivanúts và ông giáo trường làng Burkin đã mỗi rời cả chân, và cánh đồng trước mắt đối với họ tưởng như đang kéo dài vô tận. Phía đằng xa tít tắp, trông rõ hình chiếc cối xay gió làng Mirônôxixki, phía bên phải những ngọn đồi cao thấp nối theo nhau chạy dài rồi khuất mất sau xóm; cả hai người đều biết rằng đó là mạn bờ sông, phía ấy có những bãi cỏ mênh mông, những hàng cây liễu rủ, những trang ấp, và nếu đứng trên đỉnh một ngọn đồi thì từ đó có thể nhìn thấy cả cánh đồng rộng, nhìn thấy nhà dây thép và đoàn tàu như một con sâu đang chậm rãi bò đi. Vào những ngày trời trong sáng, từ ngọn đồi có thể nhìn thấy cả thành phố. Bây giờ, vào lúc trời yên lặng, khi mọi cảnh vật xung quanh đang hiện ra với vẻ tư lự đáng yêu, Ivan Ivanúts và Burkin đều cảm thấy cả cánh đồng rộng mênh mông này thân thiết quá, hai người đều nghĩ rằng, đất nước này hùng vĩ và xinh đẹp biết bao.

- Lần trước, khi chúng ta đứng trong nhà kho của ông lý trưởng Prôkôfi, - Burkin nói, - anh có định kể cho tôi nghe một chuyện cơ mà.

- Đúng rồi, lần ấy tôi muốn kể về người em trai của tôi.

Ivan Ivanúts hít vào thật sâu rồi thở ra, lấy tẩu thuốc ra hút, sắp vào câu chuyện, thì vừa lúc trời bắt đầu mưa. Chừng năm phút sau, cơn mưa chuyển thành nặng hạt, xối xả, dày đặc, và khó có thể biết bao giờ thì ngớt. Ivan Ivanúts và Burkin dừng lại phân vân; hai con chó đi theo, lông ướt sũng, đuôi cụp xuống, đứng yên nhìn chủ với vẻ trung thành, tận tụy.

- Chúng ta phải trú tạm vào một chỗ nào thôi, - Burkin nói. - Ta đến nhà Aliôkhin đi. Cũng gần đây thôi.

- Ừ, phải đấy.

Hai người rẽ sang bên, đi băng qua cánh đồng mới gặt, lúc đi thẳng, lúc vòng sang bên phải mãi mới ra đến đường cái. Một lát sau, đã hiện ra những cây dương, khu vườn, và những mái nhà kho ngói đỏ; dòng sông lấp lánh sáng, một đầm nước rộng gần bên chiếc cối xay gió và một nhà tắm quét vôi trắng. Đó là làng Xôfinô, nơi ở của Aliôkhin.

Cối xay gió quay nhanh át cả tiếng mưa rào rào, con đập chắn nước như đang run lên. Bên cạnh những cỗ xe, có những con ngựa đứng cúi đầu, nhiều người đang đi đi lại lại, áo tơi khoác trên mình. Trời ẩm ướt, mặt đất lầy lội

nhóp nháp, khu đầm nước trông lạnh lẽo và giận dữ. Ivan Ivanúts và Burkin cảm thấy toàn thân mình ướt át, lấm láp, khó chịu, đôi chân nặng trĩu vì bùn đất; và khi đi qua bờ đập, bước chân lên dãy nhà kho của chủ nhân, họ im lặng như đang có chuyện gì cầu giận nhau vậy.

Trong một căn nhà kho, có tiếng quạt lúa quay vù vù; cánh cửa mở rộng, bụi từ trong nhà bay ra tới tấp. Trên ngưỡng cửa là chính Aliókhin, một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi, to cao, tóc để dài, trông giống một vị giáo sư hay một họa sĩ hơn là một vị điền chủ. Ông ta mặc một chiếc áo sơ mi đã lâu không giặt, ngang mình thắt dây lưng, mặc một chiếc quần đi ngựa, đôi ủng bám đầy đất quện rơm. Mặt và mũi dính đầy bụi bặm. Ông ta nhận ra ngay Ivan Ivanúts và Burkin, và trông rõ là ông ta mừng rỡ.

- Mời hai vị vào nhà tôi chơi. - Ông ta vừa nói vừa cười. - Tôi về ngay bây giờ đây.

Nhà Aliókhin khá to, gồm hai tầng, Aliókhin ở tầng dưới trong hai căn phòng trần cuốn vòm vào cửa sổ nhỏ - đây là chỗ ngày xưa của người quản gia; nơi ăn chốn ở của Aliókhin có một vẻ giản dị đơn sơ, thoáng thoáng có mùi bánh mì đen, mùi rượu vốt - ka rẻ tiền và mùi yên cương.

Ông ta ít lên trên gác, nơi có phòng lớn sang trọng hơn; ông chỉ lên đó khi có khách thôi. Bước vào trong nhà, Ivan Ivanúts và Burkin gặp người hầu gái, một phụ nữ còn trẻ, xinh đẹp đến mức mà cả hai người bất giác cùng đứng sững lại và nhìn sang nhau.

- Các vị không thể hình dung nổi, tôi mừng thế nào khi được gặp các vị đâu, - Aliôkhin nói trong khi bước theo sau họ vào tiền sảnh. - Tôi cũng không ngờ! Đây cô Pêlaghêa, - Ông ta nói với người hầu gái, - cô lấy cho mấy vị khách này quần áo khô để thay nhé. Tôi cũng phải thay quần áo. Nhưng mà trước tiên là phải đi tắm một cái đã, chứ không lâu quá rồi, có lẽ từ dạo mùa xuân tới giờ tôi chưa tắm. Hai vị cùng đi tắm với tôi đi, tắm xong thì cô ta cũng sẽ sửa soạn xong quần áo thay.

Cô Pêlaghêa xinh đẹp, điệu bộ lịch sự, đáng vẻ dịu dàng, mang đến cho họ khăn tắm và xà phòng; Aliôkhin và hai vị khách đi ra nhà tắm ngoài đầm.

- Phải rồi, lâu lắm rồi tôi chưa tắm. - Aliôkhin vừa cởi quần áo vừa nói. - Nhà tắm của tôi, các vị thấy đấy, cũng đẹp đấy chứ, làm từ thời còn cha tôi kia, nhưng mà cũng chẳng có lúc nào rồi rãi mà tắm.

Ông ta ngồi xuống bậc, dội nước lên mái tóc dài, lên cổ, nước bên cạnh ông ngả sang màu nâu sẫm.

- Lâu lắm tôi không tắm rồi... - Aliôkhin ngượng ngùng nhắc lại, ông ta xát xà phòng, dội nước lần nữa, nước bên cạnh chỗ ông ta ngồi lại hóa ra màu đen sẫm như màu mực.

Ivan Ivanúts bước ra ngoài cầu, nhảy ùm xuống nước, sải tay bơi dưới trời mưa, sóng tỏa chung quanh, những bông hoa súng trắng dập dềnh trên mặt sóng. Ivan Ivanúts bơi đến giữa đầm thì lặn xuống, một lát sau lại nổi lên ở

chỗ khác, bơi một quãng rồi lại hụp xuống cố lặn tới đáy. “Chà mát quá... - Anh thích thú nhắc lại. - Chà mát quá...” Bơi đến bên cối xay gió, anh dừng lại nói chuyện gì với mấy người nông dân rồi bơi ngược trở lại, đến khoảng giữa đầm anh bơi ngửa, để cho mưa rơi xuống mặt mình. Burkin và Aliôkhin đã mặc quần áo và sắp sửa vào nhà, mà Ivan Ivanúts thì vẫn còn bơi và ngụp lặn.

- Chà, mát ghê... - Anh nói. - Cầu trời phù hộ...

- Anh sẽ gặp may đấy! - Burkin nói to xuống đầm cho Ivan Ivanúts nghe thấy.

Mọi người trở vào nhà. Và chỉ đến khi đèn đã châm sáng trong căn buồng trên gác, Burkin và Ivan Ivanúts đã mặc bộ quần áo thoáng rộng bằng lụa toàn tơ, đi giày ấm và ngồi trong ghế bành, còn Aliôkhin thì sạch sẽ chải chuốt trong bộ cánh đen, đi đi lại lại trên gác như để thưởng thức tất cả vẻ ấm áp, sạch sẽ, quần áo thơm tho, đôi giày nhẹ nhẹ, khi cô Pêlaghêa xinh đẹp bước êm êm trên tấm thảm dài và dịu dàng cười bung khay trà với bánh quy lên, chỉ đến khi đó, Ivan Ivanúts mới bắt đầu vào câu chuyện; và anh có cảm tưởng rằng, không phải chỉ Burkin và Aliôkhin nghe anh kể thôi đâu, mà những bà mệnh phụ cả trẻ lẫn già, những ngài mặc quần phục đang lặng lẽ, nghiêm nghị đứng trong những khung ảnh mạ vàng nhìn xuống cũng chăm chú lắng nghe.

- Chúng tôi là hai anh em. - Ivan Ivanúts bắt đầu kể - tôi và em tôi là Nicôlai Ivanúts, kém tôi hai tuổi. Tôi theo đuổi việc học và trở thành bác sĩ thú y, còn Nicôlai thì từ

năm 19 tuổi đã đi làm viên chức ở sở thuế vụ. Ông thân sinh chúng tôi là Trimsa Ghimalaixki vốn là con nhà lính. Nhưng sau khi được phong hàm sĩ quan thì đã để lại cho chúng tôi danh hiệu quý tộc truyền đời và một trang ấp nhỏ. Sau khi ông thân sinh mất, tôi phải bán trang ấp đi để trả nợ, nhưng dù thế chẳng nữa, tuổi ấu thơ của chúng tôi đã trôi qua dưới khoảng trời khoáng đãng ở chốn thôn quê. Như tất cả lũ trẻ thôn quê khác, suốt ngày suốt tối, chúng tôi đều ở ngoài đồng, trong rừng, đi chăn ngựa, bóc vỏ cây, câu cá, bày đủ thứ trò chơi... Các vị có biết không, ai trong đời mình dù chỉ một lần câu được con cá rô hoặc đã nhìn thấy về mùa thu đàn chim sếu bay về phương nam, vào những ngày tiết trời mát mẻ, quang mây dăng hàng bay qua làng, thì người ấy không còn là dân thành phố nữa và cho đến khi chết người ấy vẫn ước ao được sống giữa chốn thôn quê thoáng đãng. Làm ở sở thuế, em tôi cũng cảm thấy buồn tẻ lắm, năm tháng cứ trôi qua, mà nó vẫn phải ngồi mãi một chỗ, ngày này qua ngày khác viết đi viết lại một thứ giấy tờ, lúc nào cũng mơ ước được về sống nơi thôn dã. Dần dần nỗi buồn nhớ của chú ấy cũng biến thành một nguyện vọng cụ thể, ao ước làm sao tậu được một trang ấp nhỏ ở một nơi nào đó ven sông hay ven hồ.

Em tôi là người tốt bụng, dễ mến, tôi rất yêu cậu ta, nhưng mà cái ao ước tự khóa chặt đời mình vào trong một trang ấp thì tôi không bao giờ thông cảm được. Người ta thường quen nói rằng con người chỉ cần ba thước đất. Nhưng chẳng phải là chỉ có xác chết mới cần ba thước đất chứ con người đâu chỉ cần có thế! Bây giờ người ta cũng

hay nói rằng thế giới trí thức chúng ta để tâm nhiều hơn đến ruộng đất và ai nấy đều muốn về các trang ấp thì đó một điều đáng mừng. Nhưng rời bỏ thành phố, lánh xa những cuộc đấu tranh, lảng tránh cuộc sống sôi nổi, lẩn trốn về trang ấp của mình nơi thôn dã, đó không phải sự sống mà sự ích kỷ, lười nhác, một kiểu đi tu, nhưng đi tu mà không lập nên kỳ tích gì. Con người không phải chỉ cần ba thước đất, không chỉ cần một trang ấp nhỏ mà là tất cả trái đất, tất cả thiên nhiên; trên cả miền đất bao la ấy con người mới có thể bộc lộ hết phẩm chất và đặc điểm của tinh thần tự do của mình.

Những lúc ngồi bên bàn giấy, em tôi đã mơ tưởng đến một ngày sẽ được ăn đĩa xúp bắp cải hái từ vườn nhà mình tỏa mùi thơm phức, ngon lành khắp sân, mơ tưởng đến những bữa ăn dọn ngay trên thảm cỏ xanh, được ngồi hàng giờ trên chiếc ghế bành dài đặt ở lối cổng mà nhìn ra phía đông và cánh rừng xa. Những cuốn sách nhỏ về nghề nông, những lời khuyên trong các cuốn lịch đã đem đến cho chú ấy niềm vui và là món ăn tinh thần chủ yếu; chú ấy ham đọc các báo nhưng chỉ đọc trong đó những lời rao bán bao nhiêu mẫu đất, bãi cỏ cùng với trang ấp có vườn, có cối xay gió, có sông lạch, ao đầm... và trong đầu chú hiện ra hình ảnh những con đường nhỏ chạy quanh co trong khu vườn bên những khóm hoa, cây quả, chuồng chim sáo sậu trên cây cao và những đàn cá chép dưới ao, các vị biết đấy, tưởng tượng theo lối đó thì vô cùng. Khi đọc những lời rao trên báo, chú ấy hình dung ra đủ những bức tranh khác nhau nhưng không hiểu vì lẽ gì trong mỗi

bức tranh thế nào cũng phải có khóm phúc bồn tử. Chú ta không thể nào hình dung ra một trang ấp, một chốn đầy thơ mộng, mà lại thiếu khóm phúc bồn tử được.

- Cuộc sống nơi thôn quê có những thú vị riêng, - nhiều lần chú ấy nói. - Ngồi trên ban công uống trà, dưới ao, đàn vịt của anh đang bơi lội, hương cây ngào ngát, và... và khóm cây phúc bồn tử mỗi ngày một lớn.

Chú ấy vạch ra viễn cảnh của trang ấp tương lai, và lần nào cũng vậy, viễn cảnh ấy diễn ra tuần tự như sau: a) nhà trang chủ; b) nhà cho người làm; c) vườn rau; d) khóm phúc bồn tử. Chú ấy chi tiêu rất dè xẻn, ăn không no, uống không đủ, mặc xoàng xĩnh thế nào xong thôi, trông như kẻ hành khất, giành dụm được đồng nào chú ấy đều gửi vào nhà băng tất. Tính tình chú ấy trở nên tham lam, trông thấy chú ấy tội động lòng thương, thỉnh thoảng vào những dịp lễ tết, tôi cũng gửi giúp ít tiền, nhưng chú ấy đều để dành, không tiêu đến. Nếu người ta đã mãi mê theo đuổi một ý định gì thì chẳng biết khuyên can thế nào được nữa, năm tháng qua đi, chú ấy được chuyển sang làm ở tỉnh khác, tuổi đã ngoài bốn mươi, thế mà chú ấy vẫn theo dõi đọc những lời rao vặt trên báo và dành dụm tiền. Sau đó tôi nghe là chú ấy lấy vợ. Cũng vẫn với mục đích làm sao mua được trang ấp nhỏ có khóm cây phúc bồn tử, chú ấy đi lấy một bà góa già, xấu xí mà lòng không chút yêu đương nào, chỉ bởi lẽ rằng bà ta có một món tiền riêng kha khá. Chú ấy sống với vợ cũng theo lối dè sẻn, hà tiện, cho bà ta ăn uống kham khổ, bao nhiêu tiền của bà ấy chú đều gửi tất vào nhà băng theo tên mình. Ngày trước bà ta lấy

một ông chủ sự bưu điện; sống với ông ấy, bà ta quen được ăn các thứ bánh ngọt ngon lành, uống rượu hảo hạng, còn bây giờ sống với chồng mới, đến bánh mì đen ăn cũng không được no; bà ta dần dần héo mòn ốm yếu trong cảnh sống như thế, chỉ khoảng ba năm sau là đã về châu thượng đế. Và tất nhiên người em trai tôi không bao giờ nghĩ rằng chú ấy có lỗi trong cái chết của bà ta. Tiền bạc như rượu trắng, biến tâm tính con người thành kì quặc. Ở ngoài thành phố tôi ở, có một gã lái buôn hấp hối. Trước khi chết, y bảo người nhà mang đến một đĩa mật rồi chằm mật ăn hết số tiền và vé trúng số của mình, để số tiền đó không rơi vào tay ai khác. Có lần tôi đang khám một đàn súc vật trên sân ga, thì có một tay buôn ngựa bị ngã vào trước đầu tàu đang chạy, anh ta bị cụt mất một chân. Chúng tôi khiêng anh ta vào phòng trong ga, máu chảy ra lênh láng - thật là khủng khiếp, thế mà anh ta chỉ một mực đòi mọi người tìm lại cho anh ta đoạn chân bị cụt, anh ta lo lắng một điều rằng trong đôi ủng nơi cẳng chân cụt anh ta có nhét vào hai mươi rúp, chỉ sợ số tiền ấy bị mất.

- Anh kể lạc đề rồi đấy, - Burkin nói.

- Sau khi vợ chết, - Ivan Ivanúts nghĩ ngợi một lát, rồi kể tiếp, - người em trai tôi bắt đầu đi tìm một trang ấp. Tất nhiên là dù rằng có tìm suốt dăm năm chẳng nữa, cuối cùng vẫn có thể phạm sai lầm, mua phải nơi khác xa mơ ước của mình. Qua tay một người môi giới, chú ấy đã mua một khu đất rộng một trăm hai mươi đêxiachina, có nhà lớn dành cho trang chủ, nhà cho người làm, có vườn hoa, nhưng không có vườn cây ăn quả, không hề có khóm phúc

bốn tử nào, không có ao đầm vẹt lội; kế bên một dòng sông là nhà máy gạch ngói, một bên nữa là nhà máy nung xương. Nhưng anh chàng Nicôlai của tôi, không lấy làm buồn; chú ấy đặt mua liền hai mươi khóm phúc bồn tử đem về trồng và bắt đầu sống cuộc đời một nhà điền chủ.

Năm ngoài tôi đến thăm chú ấy. Tôi định đến xem người em ăn ở ra sao. Trong những bức thư gửi cho tôi, cậu ta tự gọi trang ấp của mình là “bãi hoang Tsumbaróclop”, “Ghimalaixkôêtôs”. Quá trưa hôm đó, tôi đến “Ghimalaixkôêtôs”. Trời nóng bức. Chỗ nào cũng thấy mương rãnh ngang dọc, rào giậu, nhiều hàng thông non mới được trồng - không thể biết được lối nào là đi vào sân, chỗ nào là chỗ buộc ngựa. Tôi bước lại gần ngôi nhà; đi ngược về phía tôi là một con chó lông màu vàng sẫm, béo phịch phịch như lợn... Chắc nó muốn sữa lắm, nhưng lưỡi nhác lên lại thôi. Một mẹ đầu bếp bước ra, chân đi đất, cũng béo ục ịch như lợn, bà ta nói rằng ông chủ đang nằm nghỉ sau bữa ăn trưa.

Tôi vào trong phòng người em trai, anh ta ngồi trên giường, chân phủ kín chân; trông chú ấy già đi, người béo bệu trắng nhợt; má, mũi và đôi môi cứ chảy ra.

Chúng tôi ôm nhau, xụi xụi khóc một chút, phần vì mừng quá, phần vì buồn rầu nghĩ rằng mới ngày nào còn trẻ trung mà bây giờ cả hai đầu tóc đều đã lốm đốm bạc, chẳng mấy chốc là đến lúc chết rồi. Anh ta mặc quần áo ngoài vào rồi dẫn tôi đi xem trang ấp của mình.

- Thế nào, chú sống ra sao? - Tôi hỏi

- Nhờ trời, không đến nỗi nào, cũng thoải mái anh ạ.

Đây không còn là chàng viên chức nghèo rớt rề ngày xưa, mà đã là một nhà điền chủ thực sự, một ông bá hộ. Anh ta đã sống quen ở đây, quen với nếp sống nhàn nhã mới; ăn rất nhiều, tắm trong nhà tắm, người dân phát phì ra, đã có chuyện kiện cáo với những kẻ giàu sang trong vùng và với hai nhà máy bên sông; mỗi lần nông dân không thừa gửi với chú ấy bằng chữ “bẩm ngài” thì chú ấy nổi giận thực sự. Chú ấy cũng không biết lo đến nơi đến chốn cho phần hồn của mình, theo lối người giàu; và chú ấy làm những việc từ thiện không phải một cách giản đơn mà đầy vẻ hệ trọng. Những việc từ thiện là việc gì? Là chữa các thứ bệnh cho nông dân bằng nước xôđa, bằng dầu thầu dầu, và ngày thánh trùng tên với mình thì làm lễ tạ ơn ở giữa làng, rồi sau đó cho đem đến nửa thùng rượu và nghĩ rằng cần thiết phải làm thế. Chao ôi, những thùng rượu nửa vơi như vậy thật khủng khiếp! Hôm nay ngài địa chủ béo bự lôi đến nhà hội đồng hương chính bắt và những người nông dân vô ý để ngựa ăn lúa, thế mà hôm sau, vào ngày lễ, ngài ấy đã đem đặt giữa sân một thùng rượu lưng lưng, và những người nông dân xúm vào uống, miệng kêu gào tung hô ông chủ, say mềm phủ phục xuống chân người làm phúc! Cuộc sống thay đổi theo chiều hướng đầy đủ hơn, sự no nê, nhàn rỗi - những cái đó đã làm tăng lên trong con người Nga cái tính hờn hĩnh tự phụ, điều đáng ghê tởm nhất. Anh chàng Nicôlai xưa kia, hồi còn làm ở bàn giấy sở thuế, nhút nhát đến mức không dám có ý kiến riêng, bây giờ thì lại chỉ nói rất những điều

chân lí, với cái giọng hệt như một ngài bộ trưởng đại loại: “Học thức là cần thiết nhưng đối với dân chúng thì hơi sớm”. “Nhục hình nói chung là có hại, nhưng trong một vài trường hợp thì nó cũng giúp ích và không thể thay thế được”.

- Tôi hiểu đám dân chúng và biết cách đối xử với họ. - anh ta nói. - Dân chúng kính nể tôi. Tôi chỉ cần giơ ngón tay trở lên là bọn họ sẽ làm tất cả những gì tôi muốn.

Các vị nên để ý rằng chú ấy nói những lời ấy với nụ cười ra vẻ thông minh và phúc hậu. Có đến hai chục lần tôi nghe thấy chú ấy nói “những người quý tộc chúng ta”, “tôi, với tư cách là một nhà quý tộc” - chắc hẳn là chú ấy đã quên mất rằng ông nội chúng tôi là nông dân, còn ông thân sinh vốn là lính. Thậm chí cả cái họ Tsimtsa - Ghimalaixki thực ra cũng chẳng lấy gì làm thuận tai cho lắm, đối với anh ta bỗng trở nên thú vị, êm tai, nghe rất kêu và đầy vẻ quý phái.

Nhưng điều đáng nói không phải là về phần chú ấy mà là phần tôi. Tôi muốn kể cho các vị nghe những gì đã đổi thay trong tôi vào thời gian ngắn ngủi tôi đến thăm trang ấp. Buổi tối, khi chúng tôi ngồi uống trà, mẹ đầu bếp bung lên bàn cả một đĩa quả phúc bồn tử. Đó không phải của đi mua về, mà là của nhà hái lần đầu tiên kể từ khi khóm phúc bồn tử được trồng sau vườn nhà. Nicôlai Ivanúts cười thích chí, rồi im lặng, nhìn đĩa phúc bồn tử một lúc, ứa nước mắt, - anh ta không thể nói được câu gì vì xúc động, lát sau anh ta đưa lên miệng một quả, nhìn

tôi với vẻ đắc thắng của đứa trẻ cuối cùng đã có được thứ đồ chơi nó mơ ước và nói:

- Chà, ngon quá!

Anh ta ăn nghiêng ngấu, luôn mồm nhắc lại:

-Chà, ngon thật! Anh thử ăn mà xem!

Thứ quả ấy vừa cứng vừa chua, nhưng như Puskin đã nói, “ bóng tối của chân lí còn đáng quý hơn là sự giả dối tâng bốc chúng ta”. Tôi đã nhìn thấy một người hạnh phúc, ước mơ ấp ủ bấy lâu đã biến thành sự thực, anh ta đã đạt được mục tiêu trong cuộc sống, đã có được cái mà anh ta muốn, đang thỏa mãn với chính bản thân con người mình. Không hiểu vì đâu những ý nghĩ riêng của tôi về hạnh phúc con người bao giờ cũng pha lẫn buồn rầu: và đến lúc này, khi nhìn thấy trước mặt một con người thỏa mãn, hạnh phúc, một cảm giác nặng nề gần như tuyệt vọng choán cả lòng tôi. Nhất là vào đêm khuya. Người hầu soạn dọn chỗ ngủ cho tôi trong văn phòng bên cạnh giường ngủ của em tôi, và tôi nghe rõ anh ta trần trọc không ngủ được, chốc chốc lại trở dậy bước ra bàn đặt đĩa phúc bồn tử và nhặt từng quả đưa lên miệng. Tôi nghĩ rằng quả thật đã có quá nhiều người thỏa mãn, hạnh phúc! Đó là cả một sự dè nặng ghê gớm! Các vị hãy thử nhìn kỹ vào cuộc đời này: sự dè tiện, nhàn hạ của những người bị trị, chung quanh là cảnh nghèo khổ đến cùng cực, chật chội, tha hóa, rượu chè, nghiện ngập, đạo đức giả, dối trá... Thế mà trong tất cả ngôi nhà trên tất cả mọi đường phố vẫn im lặng, yên tĩnh, trong số năm vạn người sống trong thành

phố, không có lấy một người nào hét to lên giận dữ. Chúng ta nhìn thấy những người đi chợ mua rau, mua thịt, ban ngày thì ăn, ban đêm thì ngủ, những người nói với nhau những lời vô vị, vô nghĩa, lấy vợ lấy chồng sinh con đẻ cái rồi già đi, những người lạng lẽ và vô tư đưa người thân ra nghĩa trang, nhưng chúng ta không nghe thấy, không nhìn thấy những người đang đau khổ, và dường như những điều kinh khủng trong cuộc sống chỉ diễn ra chỉ ở một nơi nào khuất kín. Mọi sự đều yên tĩnh, êm thấm, và chỉ có những con số thống kê cảm lạnh là biết phản đối: nhiều người đã phát điên, đã uống hết bao nhiêu thùng rượu, bao nhiêu trẻ con chết yếu vì thiếu ăn... Và cái trật tự ấy chắc là cần thiết; rõ ràng là kẻ hạnh phúc cảm thấy mình sung sướng chỉ vì rằng những người bất hạnh đã im lặng chịu gánh nặng đè lên đầu lên cổ mình; không có sự im lặng đấy thì không thể có hạnh phúc cho những người kia. Đó là một trạng thái mơ ngủ khắp nơi. Cần phải làm sao để cứ ở ngoài cửa buồng mỗi kẻ an nhàn sung sướng có một người đứng cầm búa và luôn tay gõ vào cửa nhắc nhở hiện đang có những người bất hạnh, dù rằng anh sung sướng đến đâu, sớm hay muộn rồi cuộc sống cũng cho anh ta biết thế nào là móng vuốt của nó. Tai họa sẽ giáng xuống đầu anh ta, đó là nghèo đói, bệnh tật, thua lỗ, và sẽ không ai nghe thấy, nhìn thấy anh ta, cũng giống như bây giờ anh ta không nhìn thấy, nghe thấy một ai khác. Nhưng không có ai cầm búa gõ, kẻ thỏa mãn vẫn sống bình yên, và những lo toan nhỏ nhặt ngoài đời chỉ làm tâm trí anh ta

khẽ xao động như cành dương trước làn gió nhẹ và vạn sự đều êm thấm cả.

- Vào đêm hôm ấy, tôi hiểu rõ rằng chính tôi cũng là một kẻ thỏa mãn, sung sướng - Ivan Ivanúts đứng dậy nói tiếp - tôi cũng thuyết lí về cách sống, cách cai trị dân chúng, về đức tin trong bữa ăn và trong lúc đi săn. Tôi cũng nói rằng học thức là ánh sáng, rằng học thức là cần thiết, nhưng đối với quảng đại dân chúng thì bây giờ chỉ cần biết chữ thôi cũng được rồi. Tôi nói, tự do là một quyền lợi lớn, cần thiết như khí trời không thể không có được, nhưng cần phải chờ đợi mới có. Phải rồi, tôi đã nói như thế, và bây giờ tôi xin hỏi vì lẽ gì mà phải chờ đợi như vậy? Ivan Ivanúts hỏi, cúi kính nhìn vào Burkin. - Vì lẽ gì mà phải chờ đợi, tôi xin hỏi các vị. Vì những lí sự gì? Người ta nói với tôi rằng, tất cả không phải là có ngay trong một lúc, mọi ý định trong cuộc sống đều được thực hiện dần dần, đúng lúc, đúng thì của chúng. Nhưng điều đó do ai nói? Có gì chứng minh rằng điều đó là đúng? Họ viện vào cái gọi là trật tự tự nhiên của sự vật, vào tính quy luật của mọi hiện tượng, nhưng liệu có chút trật tự, chút quy luật nào trong trường hợp nếu tôi, một người đang sống, biết suy nghĩ, đứng bên cạnh một cái hào và chờ cho nó tự lấp, hay là bùn đắp lấp cho nó, trong khi tôi có thể nhảy qua hoặc là đặt qua đó một cái cầu? Và vẫn là vì lẽ gì mà phải chờ đợi? Chờ đợi khi không còn sức để sống, trong khi cần phải sống và muốn sống!

Sáng sớm hôm sau tôi rời khỏi trang trại người em và từ đó tôi không thể nào chịu được mỗi khi phải ở trong

thành phố. Sự im lặng, yên tĩnh, êm thấm chung quanh làm lòng tôi nặng trĩu, tôi sợ hãi không dám nhìn lên những khung cửa sổ, bởi vì đối với tôi bây giờ không có cảnh nào kinh khủng hơn là cảnh một gia đình êm ấm ngồi quây quần quanh bàn và uống nước chè. Tôi đã già, không còn đủ sức tranh đấu, thậm chí tôi không đủ sức cầm gươm nữa. Tôi chỉ còn biết buồn bã trong lòng bức bối, khó chịu, đêm đêm đầu tôi quay cuồng với những ý nghĩ theo nhau dồn dập đến, và tôi không thể nào ngủ được. Ôi, nếu tôi còn trẻ trung!

Ivan Ivanúts xúc động đi đi lại lại trong phòng và nhắc lại:

- Ôi, nếu tôi còn trẻ trung!

Bất ngờ, ông bước lại gần Aliókhin, lần lượt nắm cả hai tay Aliókhin và nói giọng gần như cầu khẩn:

- Paven Kôxtanchinuts! Đừng an phận, đừng để cho con người mình mơ ngủ! Bây giờ anh còn trẻ, khỏe, đầy nghị lực, anh hãy làm nhiều việc thiện, đừng mệt mỏi! Hạnh phúc không có, và không thể có, nhưng nếu trong cuộc sống còn có ý nghĩa và mục đích, thì ý nghĩa mục đích đó chắc chắn hoàn toàn không phải ở trong hạnh phúc của riêng ta mà ở một cái gì cao cả hơn, hợp lí hơn. Anh hãy cố làm nhiều điều thiện!

Tất cả những lời đó Ivan Ivanúts nói với nụ cười đáng thương, đầy vẻ khẩn cầu, dường như anh nói nói những lời đó là để cầu khẩn cho riêng mình.

Sau đó, cả ba người đều ngồi trong những chiếc ghế bành đặt ở những góc khác nhau trong phòng khách, và cùng im lặng. Câu chuyện của Ivan Ivanúts không làm cho Burkin, không làm cho Aliôkhin cảm thấy thỏa mãn chút nào. Khi mà những vị tướng, những bà mệnh phụ vào buổi chiều tà trông như người sống thực đang từ trên khung ảnh mạ vàng nhìn xuống gian phòng thì thật là buồn tẻ khi phải nghe câu chuyện về anh viên chức nghèo ăn quả phúc bồn tử. Không hiểu vì sao, trong khung cảnh ấy, người ta muốn được nghe chuyện về những người đẹp đẽ, về những người phụ nữ. Và cái mà tất cả - từ những chùm đèn treo đang phủ vải, đến ghế bành, đến thảm trải dưới chân - đều nhắc nhở rằng nơi đây ngày xưa các bà, các ông đang nhìn từ trong khung ảnh dát vàng kia đã từng đi lại, từng ngồi uống trà, và cả cái điều trước mắt ba người giờ đây, cô Pêlaghêa xinh đẹp đang nhẹ nhàng bước đi, những điều ấy còn thú vị hơn cả mọi câu chuyện.

Aliôkhin cảm thấy buồn ngủ ghê gớm; để lo việc đồng áng, ông ta đã dậy rất sớm, từ lúc 3 giờ sáng, và bây giờ mắt ông đừ lại; nhưng sợ rằng, khi vắng mặt mình, nhờ khách lại kể chuyện gì lí thú, nên ông vẫn ngồi nguyên, không bỏ đi. Những điều Ivan Ivanúts vừa nói có thông minh không, có đúng không, Aliôkhin cũng chẳng mất công nghĩ ngợi làm gì; các vị khách không nói về lúa má, rơm rạ, về nhựa thông, mà họ nói về một chuyện gì chẳng có quan hệ trực tiếp đến cuộc sống của ông, và ông thấy vui vui, muốn họ tiếp tục câu chuyện.

- Nhưng mà cũng đến giờ đi ngủ rồi đấy, - Burkin vừa đứng dậy vừa nói. - Cho phép tôi chúc ông đêm nay ngủ ngon.

Aliôkhin chào khách rồi trở xuống buồng ngủ của mình dưới nhà, khách thì ở lại trên gác. Chủ giành cho khách cả căn buồng to với hai chiếc giường gỗ rộng đầy đường nét đục chạm trang trí, trong góc phòng có đặt bức tượng chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút bằng ngà voi; khăn gối mát dịu mà cô Pêlaghêa xinh đẹp vừa soạn dọn tỏa ra mùi thơm tho sạch sẽ.

Ivan Ivanúts lặng lẽ cởi quần áo ngoài và nằm xuống giường.

- Xin các đấng bề trên tha tội cho chúng con! - Ông lẩm râm nói và lấy khăn che kín đầu.

Từ cái tủ chày dờ của ông đặt trên bàn tỏa ra một mùi thuốc khá khen khét, rất lâu Burkin không ngủ được, không biết cái mùi khen khét; khó chịu đó ở đâu ra.

Ngoài song cửa sổ, mưa đều đều rơi suốt đêm.

MỘT CHUYỆN TÌNH YÊU

Sáng ngày hôm sau, vào bữa ăn sáng, người ta mang lên gác cho khách những đĩa bánh rán, những đĩa thịt cừu và tôm viên rất ngon; trong khi họ đang ăn thì gã đầu bếp Nhikanor lên gác hỏi xem đến bữa trưa các vị khách thích dùng những món gì.

Nhikanor là một người tầm thước, mặt bở bở, đôi mắt ti hí, cầm luôn luôn cạo nhẵn nhụi đến mức người ta tưởng như râu của gã được nhổ từng cái một chứ không phải là cạo.

Aliôkhin kể rằng, cô Pêlaghêa xinh đẹp đã phải lòng anh chàng đầu bếp này. Vì anh ta là một kẻ nát rượu, tính tình ngang ngạnh, nên cô Pêlaghêa không muốn lấy anh ta mà chỉ thích sống với nhau như thế. Còn anh ta lại là một người ngoan đạo, những định kiến tôn giáo không cho phép anh ta sống như thế; anh ta đòi cô phải lấy anh, không muốn theo kiểu nào khác; cô không chịu nghe thì lúc say rượu, anh ta chửi rủa, thậm chí còn đấm đá cô ta nữa. Mỗi khi anh ta say thì cô trốn lên gác mà khóc nức nở, những lúc đó Aliôkhin và con sen phải ở lại trong nhà để bênh vực cô ta lúc cần thiết.

Khách chuyển sang đàm luận về tình yêu.

- Tình yêu đã nảy sinh như thế nào, - Aliôkhin nói, - tại sao cô Pêlaghêa không yêu một người nào khác xứng với vẻ đẹp người, đẹp nét của cô hơn mà lại đi yêu chính anh chàng Nhikanor, cái “bị thọt” ấy - ở đây ai cũng gọi anh là thằng “bị thọt”, - vì rằng trong tình yêu thì điều hệ trọng là những vấn đề hạnh phúc riêng tư - tất cả những điều ấy thì chưa ai biết rõ và chỉ có thể phân giải chuyện đó một cách tùy tiện. Cho đến nay thì người ta chỉ mới nói được một sự thật không thể phủ nhận được về tình yêu, ấy là tình yêu là “một điều bí ẩn khôn lường”, còn tất cả những điều còn lại mà người ta đã viết, đã nói tới, thì đều không phải là sự giải quyết mà chỉ là sự đề xuất, nhưng vấn đề cuối cùng vẫn chưa ai lý giải được. Cách giải thích có vẻ hợp với trường hợp này áp dụng vào trường hợp khác đã lại trật ra, và theo tôi, tốt nhất là phải giải thích riêng cho từng trường hợp một chứ đừng khái quát làm gì. Như các vị bác sĩ vẫn thường nói là cần phải cá biệt hóa từng trường hợp riêng lẻ.

- Hoàn toàn đúng, - Burkin tán đồng.

- Chúng ta, những người đứng đắn, luôn lưu ý tới những vấn đề chưa được giải quyết này. Thường thì người ta hay thi vị hóa tình yêu, đem hoa hồng, họa mi trang sức cho nó, còn về phía chúng ta, những người Nga thì lại tô điểm cho tình yêu bằng những vấn đề oái ăm, nan giải như thế, đồng thời lại chọn ra trong đó, những vấn đề nhạt nhẽo nhất. Hồi ở Maxcova, khi tôi còn là sinh viên, tôi có

một cô bạn đời, một phụ nữ khả ái, nhưng mỗi lần tôi ôm cô ta vào lòng thì cô ta đều nghĩ rằng không biết mỗi tháng tôi sẽ đưa cho cô ta bao nhiêu tiền và dạo này ngoài chợ giá một *funt*^{*} thịt bò là bao nhiêu. Chúng ta cũng vậy.

Khi yêu, chúng ta đều luôn luôn tự hỏi mình rằng: Yêu như thế là chân thành hay không chân thành, khôn ngoan hay ngu xuẩn, tình yêu này sẽ dẫn đi tới đâu, và v.v. Lối nghĩ đó tốt hay không tốt thì tôi chưa rõ, nhưng cái điều là nó làm cản trở con người ta, làm người ta mất thoải mái, sinh ra khó chịu - thì tôi biết rõ.

Dường như Aliôkhin đang muốn kể về một chuyện gì. Những người sống cô độc thường bao giờ trong lòng cũng có một điều gì đó muốn kể lại, muốn giải bày cùng người khác. Ở thành phố, những người đàn ông không vợ con thường hay đi đến nhà tắm công cộng hay đến những tiệm ăn, chỉ để được nói chuyện, và đôi khi họ kể lại cho những người làm công trong các nhà tắm, những kẻ hầu bàn khách sạn nhiều chuyện rất lý thú; còn ở nông thôn thì thường thường họ hay bộc bạch tâm sự của mình với những người khách. Lúc này nhìn qua khung cửa sổ, chỉ nhìn thấy một khoảng trời xám xịt u ám và những lùm cây mọng nước mưa, và một tiết trời như vậy không còn biết đi đâu, và không còn việc gì khác hơn là kể chuyện.

- Tôi sinh sống ở Xôfinô và trông nom việc đồng áng đã lâu rồi, - Aliôkhin bắt đầu kể, - từ khi tôi học xong đại

* funt: đơn vị cân đo Nga; 1 funt = 0,4095 kg.

học. Từ nhỏ, gia đình đã không để tôi làm lụng chân tay vất vả, thiên hướng riêng của tôi là sẽ thành một anh viên chức bàn giấy, nhưng khi tôi trở về nhà thì cái áp này mắc nợ nhiều quá; cha tôi mang nợ một phần vì phải chi tiêu cho việc học của tôi khá nhiều tiền. Thế là tôi quyết định không rời bỏ áp và sẽ làm việc chừng nào chưa trả hết món nợ. Tôi quyết định như vậy và bắt tay vào việc, thú thực là không phải cảm thấy đôi chút kinh sợ. Đất vùng này không được tốt, nên để cho việc canh tác khỏi bị thua lỗ, cần phải sử dụng lao động của đám dân cày nông nô hay dân cày làm mướn - cả hai cách này đại loại cũng như nhau cả - hoặc là chuyển sang canh tác theo kiểu nông dân, tức là tự mình làm việc cùng với gia đình mình. Không còn cách nào khác nữa, nhưng dạo ấy tôi còn chưa hiểu những chuyện ấy cho đến đâu đến đấy.

Tôi không bỏ hoá một thửa ruộng nào, tôi thuê hết tất cả đàn ông, đàn bà ở các làng lân cận. Tôi bận việc đồng áng suốt ngày tối tăm mặt mũi, tự tôi, tôi cũng cày bừa, gieo lúa, gặt hái, tôi làm việc và tự thấy mình chán ngán, mặt mày nhão nhố ghê tởm, như con mèo nhà quê vì đói quá mà phải gặm dưa chuột ngoài vườn rau, mình mẩy tôi ê ẩm, tôi ngủ gà ngủ gật ngay ngoài ruộng. Dạo đầu tôi tưởng rằng tôi có thể dễ dàng dung hoà cảnh sống làm lụng vất vả đó với những thói quen hàng ngày của kẻ trí thức; tôi nghĩ rằng, để làm được như vậy chỉ cần tuân theo một nề nếp sống bên ngoài nhất định. Tôi chuyển lên ở trên gác vốn để làm phòng khách, tôi dặn người hầu trong nhà cứ sau mỗi bữa ăn sáng và ăn trưa thì đem lên cho tôi

tách cà-phê với ít rượu nặng like, và trước khi đi ngủ thì đọc tờ "Tin tức Châu Âu". Nhưng rồi có một lần, ông cụ nhà tôi, cha Ivan, vào phòng tôi uống một lần hết sạch cả rượu like của tôi thì những tờ "Tin tức Châu Âu" cũng chuyển sang tay mấy cô gái con vị giáo sĩ, vì rằng về mùa hè, nhất là vào kỳ gặt hái, tôi không còn đủ sức lê đến giường mình nữa và thường ngủ thiếp đi ngay trong nhà kho hay trên xe ngựa, hay ở căn lều nào đó của người gác rừng, -khi ấy thì còn đọc sách báo vào lúc nào? Dần dần tôi chuyển xuống nhà dưới, ăn trưa ngay trong bếp, và trong cái "gia tài" gọi là xa hoa ngày xưa để lại chỉ còn có con sen này, nó nằm ở đây từ hồi còn cha tôi và tôi cũng không nỡ thải nó ra.

Vào những năm đầu, người ta bầu tôi vào hội đồng thẩm phán tham dự những cuộc họp của toà án quận; điều này làm tôi cũng khuấy khoả đi ít nhiều. Khi mà anh ở lì tại đây 2,3 tháng liền không đi đâu, nhất là về mùa đông, thì cuối cùng thể nào anh cũng thấy thèm được mặc bộ cánh đen sang trọng. Thế mà ở trên toà án khu thì có đủ các thứ kiểu ăn mặc, -cánh đen, đuôi tôm, quân phục... đủ cả, tất cả đều là các nhà luật học, những người có kiến thức, chẳng thiếu gì người để nói chuyện. Sau những lần ngủ trên xe trượt, những lần ăn trưa dưới bếp thì được ngồi trong ghế bành êm, mặc quần áo lót trắng bong và đi giầy mềm nhẹ, với một dây thánh giá trên ngực - đó là cả một sự xa hoa!

Ở thành phố, người ta tiếp đón tôi một cách hồ hởi, cởi mở, và tôi sẵn lòng làm quen với mọi người. Trong số

những người tôi quen thì phải nói thật rằng tôi cảm thấy dễ chịu và thân mật hơn cả là với ông Luganôvits, bạn thân của ông chánh án toà án quận. Các ông đều biết ông ấy cả đấy: đó là một người rất đáng yêu. Chuyện này xảy ra đúng là sau lần xử vụ án đốt nhà mà ai cũng còn nhớ: lần ấy tòa làm việc hai ngày liền, chúng tôi ai nấy đều mệt bã cả người. Luganôvits nhìn tôi và nói:

- Anh Aliôkhin này, về nhà tôi ăn trưa đi.

Điều này đối với tôi quá bất ngờ, vì rằng đến lúc ấy tôi còn chưa quen gì nhiều với Luganôvits, giữa chúng tôi chỉ mới có quan hệ trên công việc và chưa lần nào tôi đến nhà ông ta. Tôi ghé vào phòng tôi thuê ở khách sạn một lát để thay bộ cánh rồi cùng với Luganôvits trở về nhà ông ta ăn trưa. Ở đấy tôi có dịp làm quen với Anna Alêchxâyépna là vợ Luganôvits. Khi ấy nàng còn rất trẻ, tuổi không quá 22, nửa năm trước đó, nàng sinh con đầu lòng. Chuyện là chuyện đã qua, và bây giờ tôi cũng khó nói rõ được rằng nàng có gì thật khác thường mà thu hút tôi làm vậy, nhưng quả là trong bữa ăn hôm đó tất cả những điều ấy đã hiện ra rõ rệt, không thể nào cưỡng lại được; tôi đã được nhìn thấy một người phụ nữ trẻ trung, xinh đẹp, phúc hậu, thông minh, có học thức, đáng yêu, trước đó tôi chưa thể gặp một người phụ nữ nào như thế; và lập tức tôi cảm thấy nàng là một người gần gũi, quen thuộc tự bao giờ đối với tôi, hết như khuôn mặt này, đôi mắt thông minh, linh lợi, khoáyng đạt ấy tôi đã thấy từ thời thơ ấu, trong cuốn *anbom* trên nóc chiếc tủ thấp của mẹ tôi.

Trong vụ án đốt nhà, người ta kết tội một nhóm gồm bốn người Do Thái, mà theo tôi, kết tội không được chặt chẽ lắm. Lúc ngồi bên bàn ăn, tôi còn rất xúc động, tôi cảm thấy nặng nề trong lòng; tôi chẳng còn nhớ rằng mình đã nói những gì, chỉ nhớ Anna Alékhxâyépna lắc đầu nhiều lần và luôn miệng nói với chồng:

- Anh Đmitri, sao lại thế được nhỉ?

Luganôvít là một người tốt bụng, ông ta thuộc loại người nghĩ đơn giản và tin cậy một cách chắc chắn rằng phạm đã bị đưa ra tòa thì nghĩa là thế nào cũng có tội, rằng chỉ có thể bày tỏ nghi ngờ sự đúng đắn của bản án theo con đường chính thức là bằng giấy trắng mực đen chứ không thể nào là thông qua lần nói chuyện phiếm trong bữa ăn.

- Chúng ta đều không làm chuyện đốt nhà đó, - ông ta nói dịu giọng, - và thế có nghĩa là chúng ta không bị kết án và không bị bỏ tù.

Cả vợ lẫn chồng đều cố thúc ép sao tôi ăn được nhiều hơn, uống nhiều hơn; qua một vài việc nhỏ, chẳng hạn như việc cả hai vợ chồng cùng pha cà-phê, cả hai người đều hiểu ý nhau không cần phải dài lời, tôi có thể kết luận rằng họ sống với nhau hòa thuận, êm ái và cả hai đều mừng là có khách đến nhà. Sau bữa ăn, hai vợ chồng cùng chơi đàn pianô, đến khi trời tối, thì tôi trở về khách sạn. Chuyện này xảy ra vào đầu mùa xuân. Sau đó, suốt cả mùa hè tôi ở Xôfinô, không đi đâu, tôi cũng chẳng có thì giờ rảnh rỗi mà nhớ đến thành phố, nhưng hồi ức về người

phụ nữ tóc hung màu sáng, đáng vẻ yêu kiều thì lúc nào cũng còn lại trong lòng tôi; tôi không nghĩ đến nàng, nhưng hết như là bóng hình nàng luôn mơ hồ ám ảnh tôi.

Khoảng cuối mùa thu, ngoài thành phố có tổ chức đêm kịch với mục đích từ thiện. Tôi đến chỗ buổi ngồi xem giành riêng cho gia đình ngài tổng đốc (vào giờ nghỉ giải lao, tôi được mời đến đấy), tôi đưa mắt nhìn- và thấy bên cạnh tổng đốc phu nhân là Anna Alêchxâyépna, và lại vẫn cái ấn tượng bồi hồi choáng ngợp trước vẻ đẹp hoàn thiện và đôi mắt dịu dàng âu yếm, vẫn cái cảm giác quen thuộc đạo nào...

Chúng tôi ngồi bên cạnh nhau, rồi sau đó đi ra ngoài hành lang.

- Anh gây đi nhiều đấy. - Nàng nói. - Anh bị ốm à?

- Vâng, tôi bị đau bả vai, và vào những ngày mưa tôi khó ngủ lắm.

- Trông anh uể oải lắm. Đạo ấy, hồi mùa xuân, khi anh đến nhà chúng tôi, trông anh trẻ hơn, khỏe khoắn hơn. Đạo ấy anh có điều gì phấn chấn lắm, anh nói nhiều, rất hấp dẫn, thú thực là tôi cũng hơi mê anh đấy. Không hiểu sao suốt mùa hè nhiều lần tôi chợt nhớ tới anh, và hôm nay khi tôi sửa soạn đi xem kịch, tôi có cảm tưởng rằng thế nào tôi cũng gặp anh.

Và nàng cất tiếng cười.

- Nhưng hôm nay trông vẻ mặt anh uể oải lắm, - nàng nhắc lại. - Điều đó làm anh già đi đấy.

Ngày hôm sau, tôi đến nhà Luganôvits ăn sáng; sau bữa ăn, hai vợ chồng đi về nhà nghỉ ngoại ô của mình sửa soạn đón mùa đông sắp đến, tôi cùng đi với họ. Tôi cũng cùng họ trở về thành phố và đến nửa đêm ngồi uống trà trong không khí gia đình lạnh lẽ, ấm cúng bên lò sưởi cháy bùng, chốc chốc người mẹ trẻ lại đi vào phòng xem đứa con gái nhỏ của mình có ngủ yên không. Sau lần ấy, mỗi khi có việc vào thành phố, thế nào tôi cũng đến nhà Luganôvits. Mọi người trong gia đình trở nên quen thân với tôi, và tôi cũng cảm thấy gần gũi với họ. Thường thường tôi đến nhà Luganôvits không cần phải báo trước, như thể đã là người trong gia đình họ.

- Ai ngoài ấy đấy? - một giọng nói kéo dài vang ra từ căn buồng mé trong, một giọng nói trong trẻo, đẹp biết bao đối với tôi.

- Dạ, đó là ông Paven Kônxtanchinútts đấy ạ, - cô gái hầu hay là bà nữ mẫu đáp lại như vậy.

Anna Alêchxâyépna bước ra cổng đón tôi, với vẻ mặt âu lo và lần nào cũng hỏi:

- Tại sao lâu thế không thấy anh lên chơi? Có chuyện gì xảy ra vậy?

Cái nhìn của nàng, bàn tay ngọc ngà, mềm mại mà nàng đưa cho tôi hôn, kiểu ăn vận trong nhà, mái tóc chải, giọng nói, dáng đi... tất cả, lần nào cũng vậy, đã đem lại cho tôi ấn tượng không phai mờ về một cái gì đấy mới lạ, khác thường, hệ trọng trong đời tôi. Chúng tôi nói chuyện

hồi lâu, rồi lại im lặng hồi lâu, mỗi người theo đuổi ý nghĩ của riêng mình, hoặc là cũng có khi nàng chơi đàn dương cầm cho tôi nghe. Nếu khi tôi đến mà không có ai ở nhà thì tôi cũng ở lại và chờ nàng về, lúc ấy tôi nói chuyện với bà nhũ mẫu, chơi với con bé con hoặc là vào buồng làm việc nằm dài trên chiếc đi-văng mà đọc báo, đến lúc Anna Aléchxâyépna về thì tôi ra tận cửa đón nàng, đỡ từ tay nàng các thứ vật dụng nàng mới mua, và không hiểu sao lần nào cũng vậy, tôi cầm những thứ hàng ấy với một cảm giác nâng niu, trang trọng hết như tôi còn là một đứa trẻ bé bỏng.

Tục ngữ có câu: “Không có việc gì làm, thì trộn thóc với gạo mà ngồi nhặt”^(*). Gia đình Luganóvits không còn chuyện gì để bận tâm bên làm thân với tôi. Nếu lâu lâu tôi không lên thành phố thì có nghĩa là tôi bị ốm, hoặc có chuyện gì chẳng lành xảy ra với tôi, và thế là cả hai vợ chồng cùng lo cho tôi rất nhiều. Cả hai không yên tâm chút nào khi nghĩ, một người có học, biết nhiều tiếng nước ngoài như tôi, lẽ ra phải nghiên cứu khoa học hay viết văn thì lại về ở thôn quê, suốt ngày làm lụng tối tăm mặt mũi, chạy ngược chạy xuôi như con sóc làm xiếc trong bánh xe quay, mà vẫn chẳng có đồng xu dính túi. Hai vợ chồng nghĩ rằng hình như tôi đang đau khổ, và nếu như tôi nói, cười, ăn uống thì cái đó chỉ cốt nhằm để che giấu nỗi đau khổ của mình, ngay cả những phút tôi vui vẻ nhất, tôi cũng cảm thấy họ xoi mói nhìn tôi như muốn biết con

^{*} Nguyên văn: “Đàn bà không bận gì thì mua lợn con về mà nuôi”(ND).

người thực sự của tôi là thế nào. Họ tỏ ra rất xúc động mỗi khi tôi quả thật là lâm vào cảnh khó khăn, khi tôi bị một chủ nợ nào đó thúc bách quá đáng, không đủ tiền để trang trải ngay một lúc; những lúc ấy hai vợ chồng đứng nhỏ to một lát bên cửa sổ, rồi sau đó người chồng bước lại gần tôi, vẻ mặt nghiêm trang và nói:

- Anh Paven Kônxtanchinúts, nếu hiện giờ anh cần tiền thì tôi và vợ tôi mong anh đừng ngại ngừng gì, cứ lấy tạm ít tiền của chúng tôi.

Đôi tai ông ta đỏ lên vì xúc động. Cũng có lần, hết như thế, sau khi hai vợ chồng thì thầm với nhau bên cửa sổ, ông ta, tai đỏ ửng, bước lại gần tôi mà nói:

- Tôi và vợ tôi rất mong anh nhận món quà nhỏ này của chúng tôi.

Và biểu tôi bộ khay măng-sét, cái tẩu thuốc hay chiếc đèn bàn; còn tôi thì, để đáp lại, gửi biểu từ thôn quê gia cầm mổ sẵn, bơ và hoa. Cũng cần nói rằng hai vợ chồng Luganôvits đều là những người giàu có. Đạo đầu, tôi hay phải vay tiền, vay được chỗ nào thì vay, tôi cũng chẳng cân nhắc gì, nhưng không một sức mạnh nào có thể bắt tôi vay tiền của nhà Luganôvits. Vì lẽ gì thì chẳng nói cũng đã rõ!

Tôi đau khổ lắm, ở trong nhà, ngoài đồng, trong nhà kho, lúc nào tôi cũng nghĩ đến nàng, cố hiểu ra tất cả cái bí ẩn của người phụ nữ trẻ trung, xinh đẹp, thông minh, tại sao nàng lại đi lấy một người tẻ nhạt, tuổi tác chênh lệch,

chẳng mấy chốc mà thành cụ già, (người chồng đã ngoài bốn mươi tuổi), và nàng đã có con với ông ta, - tôi cố hiểu ra cái bí ẩn của một người luôn suy nghĩ theo lối lành mạnh, chính thống một cách nhạt nhẽo; trong các buổi khiêu vũ, dạ hội ông ta luôn đứng ngời gần bên những người có vai vế, đáng trông uể oải, không cần thiết cho ai cả, vẻ mặt ngoan ngoãn vô vị, hết như mọi người đã dẫn ông ta đến đây để bày bán, tôi cố hiểu tại sao, mặc dù vậy, ông ta vẫn tin vào cái quyền được hạnh phúc của mình - được lấy nàng và có con với nàng; tôi cố hiểu ra tại sao nàng lại gặp gỡ ông ta mà không phải là gặp gỡ tôi, và vì lý sự gì mà trong cuộc đời của chúng tôi đã phải xảy ra cái sai lầm kinh khủng ấy.

Mỗi bận đi vào thành phố, lần nào tôi cũng nhận ra qua cách nhìn của nàng rằng nàng đang chờ gặp tôi; chính nàng cũng tự thấy rằng, suốt từ sáng sớm nàng có một tâm trạng đặc biệt linh cảm thấy nào tôi cũng sẽ đến. Chúng tôi nói chuyện với nhau hồi lâu, im lặng hồi lâu, nhưng chúng tôi không thổ lộ tình cảm thâm kín của mình, che giấu tình cảm ấy một cách vụng về lúng túng. Chúng tôi sợ tất cả những điều gì có thể làm lộ ra cái bí mật tình cảm ấy với chính chúng tôi. Tôi yêu nàng dịu dàng, thiết tha, nhưng tôi lại cân nhắc đắn đo, tôi lại tự hỏi mình rằng tình yêu giữa tôi với nàng sẽ dẫn đến đâu, nếu chúng tôi không đủ sức để kìm nó lại; tôi cảm thấy không thể nào tin được nếu tình yêu lặng lẽ, đượm buồn của tôi bất ngờ làm đảo lộn tất cả nhịp sống hạnh phúc êm đềm của người chồng nàng, của cả cái gia đình dễ yêu mến và tin cậy tôi như

vậy. Một chuyện như thế có trung thực không? Chắc là nàng sẽ theo tôi, nhưng mà đi đâu? Sẽ là chuyện khác nếu như tôi có một cuộc đời đẹp, đầy hấp dẫn, chẳng hạn giả như tôi đang đấu tranh cho Tổ quốc, hoặc giả tôi là một nhà bác học danh tiếng, một họa sĩ, một nghệ sĩ, còn như không thế thì thật là chẳng qua tôi chỉ đưa nàng từ một khung cảnh tầm thường, nhạt nhẽo này sang một khung cảnh khác cũng nhạt nhẽo, tầm thường như thế hay còn hơn thế nữa. Và lúc đó hạnh phúc của chúng tôi sẽ kéo dài được bao lâu? Cái gì sẽ đến với nàng nếu nhỡ ra tôi bị ốm, bị chết hay chỉ đơn giản là một ngày kia chúng tôi không còn yêu nhau nữa?

Và hình như nàng cũng đắn đo, cân nhắc theo lối như vậy. Nàng nghĩ đến chồng con, đến mẹ mình, người đã yêu chồng nàng như con đẻ. Nếu nàng buông trôi theo tình cảm của mình, thì nàng sẽ phải đối trá hoặc là sẽ phải nói thật, mà ở địa vị của nàng thì cả hai lối thoát đó đều kinh khủng và không thể được. Một câu hỏi dằn vặt nàng: liệu tình yêu của nàng có mang đến hạnh phúc cho cuộc đời tôi không, có làm rắc rối cho cuộc đời tôi, một cuộc đời chưa có chuyện ấy mà cũng đã quá nặng nề, rắc rối, đầy rẫy những điều bất hạnh? Nàng có cảm giác rằng, đối với tôi, nàng không còn trẻ nữa, nàng không đủ nghị lực để làm lại một cuộc đời mới, và nàng thường nói với chồng rằng tôi cần phải lấy một người con gái nào thông minh, xứng đáng để có thể làm một người quản việc gia đình thông thạo, trợ giúp đắc lực cho tôi - nhưng liền đó

nàng nói thêm ngay rằng, ở cả thành phố này khó mà tìm thấy một người con gái như thế.

Và năm tháng tiếp tục qua đi, Anna Alêchxâyépna đã có hai con. Những lúc tới đến nhà Lugaôvits, người hầu cười niềm nở chào đón tôi, trẻ con reo mừng là bác Paven Kônxtachinnúts đã đến, bá vai bá cổ tôi; cả nhà ai cũng mừng rỡ. Tất cả đều không hiểu trong lòng tôi thực đang có điều gì, và nghĩ rằng chắc tôi cũng đang vui. Ai cũng cho tôi là một người nhân hậu. Cả người lớn lẫn trẻ con đều cảm thấy trong nhà họ đang có một người nhân hậu đến thăm, điều đó làm cho cách đối xử của gia đình đối với tôi có một vẻ gì đáng yêu đặc biệt, hết như nhờ có mặt tôi mà cuộc sống của họ trở nên đẹp hơn, trong sạch hơn. Tôi với Anna Alêchxâyépna cùng đi xem hát, lần nào cũng đi bộ; chúng tôi ngồi bên cạnh nhau, vai tôi chạm vào vai nàng, tôi tự lấy ống nhòm từ tay nàng mà không phải nói năng gì; những lúc ấy tôi cảm thấy nàng gần gũi tôi bao nhiêu, nàng là của tôi, chúng tôi không thể nào sống thiếu nhau, nhưng không hiểu vì một lẽ gì kỳ dị mà lần nào cũng vậy, khi bước ra khỏi nhà hát, chúng tôi chia tay nhau mỗi người một ngả như những người xa lạ. Ở thành phố nhiều người đã to nhỏ xì xào về chúng tôi mọi chuyện, nhưng tất cả những điều gì họ bàn tán không có lấy một lời đúng sự thực.

Những năm sau này Anna Alêchxâyépna thường hay đi về thăm mẹ, thăm chị hơn; tâm trạng nhiều lúc bức bối, nàng có cảm giác không thỏa mãn rằng cuộc đời mình coi như đã bị bỏ đi, những lúc ấy nàng chẳng muốn nhìn thấy

mặt chồng, mặt con. Nhiều bạn nàng đã phải đi chữa bệnh thần kinh suy nhược. Chúng tôi im lặng và tất cả mọi người cũng im lặng; khi có mặt người lạ, nàng hay cảm thấy một kích thích kỳ cục là chống lại tôi, bất kể tôi nói điều gì, nàng đều không đồng ý, hoặc là nếu tôi tranh cãi với ai thì thế nào nàng cũng đứng về phía đối thủ của tôi. Khi tôi lỡ tay đánh rơi một vật gì, nàng lạnh lùng nói:

-Chúc mừng anh!

Nếu khi đi xem hát với nàng, tôi quên không mang ống nhòm đi, thì sau đó nàng nói:

- Tôi đã biết mà, thế nào anh cũng quên.

Không hiểu may hay là không may, trong cuộc sống chúng ta mọi cái sớm muộn rồi cũng đều kết thúc. Đã đến lúc phải chia tay, vì Luganôvits được bổ làm chánh án tòa án ở một tỉnh khác thuộc miền tây. Cần phải bán đồ đạc, ngựa xe, nhà nghỉ. Khi cả nhà đi ra ngoại ô và sau đó khi trở về thành phố, nhìn lại lần cuối cùng khu vườn cây xanh lá, mọi người đều buồn rười rượi, và tôi hiểu rằng đã đến lúc không phải chỉ cách biệt, chia lìa với cái nhà nghỉ mà thôi đâu. Mọi việc đã được định trước rằng, vào cuối tháng tám chúng tôi sẽ tiễn Anna Alêchxâyépna đi nghỉ ở Crum theo lời khuyên của bác sĩ, sau đó ít lâu thì Luganôvits sẽ đưa con gái đi về miền tây, nơi ông ta nhận chức mới.

Chúng tôi đi đưa tiễn Anna Alêchxâyépna rất đông. Khi nàng đã từ biệt chồng và các con, khi chỉ còn một lát

nữa thôi là hồi chuông thứ ba sẽ reo, tôi chạy vào căn buồng trên toa tàu của nàng để đặt giúp lên giá cao một cái làn nàng bỏ quên, và cũng cần phải từ biệt với nàng. Trong ngăn buồng trên toa tàu ấy, cái nhìn của chúng tôi gặp nhau, sự kiềm chế bấy lâu nay trong lòng chúng tôi không còn nữa, tôi ôm lấy nàng, nàng gục đầu vào ngực tôi, nước mắt ràn rụa, tôi hôn lên mặt nàng, bàn tay, hôn vai, hôn lên đôi mắt nàng nhắm lẹ. - Ôi, nàng và tôi thật khó biết bao! - Tôi thú nhận với nàng tình yêu của tôi, tìm tôi đâu thất lại khi chợt hiểu rằng thật là không cần thiết, thật là nhỏ nhặt và hồ đồ bao nhiêu, tất cả những gì đã ngăn trở chúng tôi yêu nhau. Tôi hiểu rằng, khi yêu thì những suy nghĩ đắn đo về tình cảm đó cần thiết phải bắt nguồn từ một cái gì đó cao hơn, hệ trọng hơn là những suy nghĩ về hạnh phúc hay là bất hạnh, tội lỗi hay là điều thiện với ý nghĩa thường tình của nó, hoặc là chẳng cần phải suy nghĩ đắn đo gì hết.

Tôi hôn nàng lần cuối cùng, nắm chặt tay nàng và chúng tôi chia tay nhau - mãi mãi. Tàu đã chạy, tôi ngồi trong căn buồng bên cạnh, - căn buồng này trống rỗng - tôi ngồi trong đó cho đến ga sau, nước mắt trào ra. Sau đó tôi đi bộ trở về làng Xôfinô...

Trong lúc Aliôkhin kể lại chuyện đó, thì mưa đã tạnh, mặt trời đã lộ ra khỏi mây. Burkin và Ivan Ivanuts bước ra ngoài ban công, từ đây có thể nhìn thấy cảnh rất đẹp của một khu vườn và một cái hồ rộng đang lấp lánh phản chiếu ánh mặt trời như một tấm gương lớn. Hai người nhìn ngắm cảnh đẹp và cùng cảm thấy tiếc rằng con người có

đôi mắt thông minh phúc hậu ấy, người vừa kể lại câu chuyện riêng của mình với giọng chân thành như thế, quả thật đã sống mòn mỏi ở đây, giữa một trang áp mênh mông, sống buồn bã tẻ nhạt, không nghiên cứu khoa học hay làm một việc gì để cuộc đời ông ta có thể bớt chán chường hơn; họ hình dung ra không biết gương mặt người phụ nữ trẻ kia sẽ đau đớn, buồn khổ như thế nào, khi Aliokhin chia tay lần cuối cùng với nàng trên toa tàu và hôn lên mặt, lên vai nàng. Cả hai người đều đã có thấy nàng trên thành phố, riêng Burkin thậm chí còn quen nàng và nhận rằng nàng đẹp thật.

NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CON CHÓ NHỎ

Mọi người kháo nhau rằng ở ngoài bãi biển có một người mới đến nghỉ: người đàn bà có con chó nhỏ. Domitri Đomitrít Gưóp, một người đến Ianta từ hai tuần nay và đã quen với cảnh sống ở đây, cũng bắt đầu tò mò muốn biết những người mới tới. Anh ngồi trong quán cà phê Vécne bốn phía trống trải và từ đó, anh nhìn thấy trên bãi biển, một phụ nữ còn trẻ, người tâm thước, có bộ tóc hung hung vàng, đầu đội mũ bê-rê; đằng sau nàng, một con chó nhỏ lông trắng đang chạy theo.

Và rồi những ngày sau, hôm nào anh cũng thấy nàng vài lần, khi thì ở trong công viên thành phố, khi thì ở cái vườn hoa nho nhỏ. Nàng dạo chơi một mình, đầu vẫn đội chiếc bê-rê ấy, con chó trắng vẫn chạy theo sau; không ai biết nàng là ai và mọi người đều gọi nàng một cách giản tiện: người đàn bà có con chó nhỏ.

“Nếu nàng ở đây một mình, không có chồng bên cạnh, không có người quen, - Gưóp nghĩ, - thì việc bắt chuyện làm quen với nàng có lẽ không phải là thừa”.

Guróp tuổi chưa đầy 40, nhưng anh đã có một đứa con gái 12 tuổi và hai đứa con trai bé đã đi học ở trường. Gia đình cưới vợ cho anh rất sớm, từ khi còn là sinh viên năm thứ hai, và bây giờ vợ anh trông già hơn anh đến hàng chục tuổi. Vợ anh là một người đàn bà dong dong cao, dáng người rất thẳng và đường hoàng, có đôi lông mày đen rậm. Nàng tự cho mình là một người có đầu óc suy nghĩ. Nàng đọc rất nhiều sách, không bao giờ viết dấu cứng đằng sau phụ âm và gọi tên chồng là Dimitri chứ không phải là Đomitri. Còn anh, anh thầm nghĩ rằng, nàng là một người hẹp hòi, thiên cận thô kệch; anh sợ nàng và không thích ở nhà nhiều. Từ lâu, Guróp đã ngoại tình, ngoại tình luôn luôn; có lẽ vì vậy mà hầu như bao giờ anh cũng nói đến phụ nữ với một thái độ thù ghét khinh bỉ. Khi có ai bàn đến phụ nữ trước mặt anh thì anh gọi họ thế này:

- Loại người hạ đẳng!

Anh ta có cảm tưởng rằng, anh có đủ kinh nghiệm cay đắng để muốn gọi phụ nữ thế nào thì gọi; nhưng mặc dầu thế, không có “loại người hạ đẳng” ấy, anh không sao sống quá được hai ngày. Giữa đám đàn ông, bao giờ anh cũng cảm thấy tẻ nhạt, gượng gạo và trở nên lạnh lùng ít nói. Nhưng bên cạnh phụ nữ thì anh lại cảm thấy thoải mái và biết phải nói gì, đối xử ra sao; ngay cả những khi im lặng trước mặt họ, anh cũng cảm thấy mình nhẹ nhõm. Trong tính tình, diện mạo của Guróp cũng như trong cả cốt cách của anh, có một cái gì quyến rũ rất khó nói, một cái gì thu hút những người đàn bà, hấp dẫn họ. Anh biết

điều đó, và chính bản thân anh cũng bị một sức mạnh vô hình cuốn về phía họ.

Từ lâu, kinh nghiệm cay đắng nhiều lần đã dạy anh rằng, những cuộc gần gũi mới đầu có vẻ thú vị, làm cho đời thêm phần hoa lá, những cuộc phiêu lưu êm ái, nhẹ nhàng, đối với những người đàn ông đứng đắn, nhất là những người đàn ông Mátxcova chậm chạp và thiếu cương quyết, cuối cùng bao giờ cũng trở thành cả một bài toán cực kỳ nan giải, có kết cục thật là nặng nề. Nhưng rồi mỗi lần gặp được một người đàn bà xinh đẹp hấp dẫn mới, cái kinh nghiệm ấy lại rơi đi đâu mất và anh lại muốn sống, lại cảm thấy cuộc đời thật giản đơn và ngộ nghĩnh.

Có lần, vào buổi chiều, khi đang ăn trong vườn, anh thấy người đàn bà đội mũ bê-rê ấy chậm rãi bước tới ngồi xuống bên chiếc bàn cạnh đó. Nhìn nét mặt, dáng đi, kiểu tóc và xống áo nàng mặc, có thể đoán được rằng nàng thuộc loại người khá giả, con nhà gia giáo, đã có chồng và lần đầu tiên đến Ianta; nàng đi một mình và cảm thấy cuộc sống ở đây rất tẻ nhạt. Trong những lời đồn đại về chuyện thiếu đạo đức ở vùng nghỉ mát này, có nhiều điều không đúng sự thật, anh coi khinh những lời ấy và cho rằng phần lớn là do một số người dựng lên, - những người sẵn sàng phạm phải những điều thiếu đạo đức đó, nếu họ có khả năng làm được chuyện ấy. Nhưng đến khi người đàn bà ngồi xuống bên chiếc bàn chỉ cách anh mấy bước, anh chợt nhớ đến những chuyện chinh phục dễ dàng, những buổi lên núi chơi và cái ý nghĩ đầy ma lực thu hút về một cuộc

chung đụng ngăn ngủi, chóng vánh, về mối tình với người đàn bà xa lạ, không biết tên họ, bỗng xâm chiếm lòng anh.

Anh âu yếm vẫy gọi con chó bông trắng nhỏ đến bên mình, rồi khi nó tới gần, anh dơ ngón tay ra dọa dẫm. Con chó khẽ gầm gừ. Anh lại dơ ngón tay lên dọa.

Người đàn bà vội đưa mắt về phía anh rồi lại cúi xuống ngay.

- Nó không cắn đâu, - nàng nói và khuôn mặt nàng ửng đỏ.

- Có thể cho nó ăn xương được không? - Guróp nói và khi thấy nàng gật đầu, anh lại hồ hởi hỏi tiếp: - Chị đến Ianta đã lâu chưa?

- Dăm ngày rồi.

- Còn tôi thì đã gắng gượng ở đây đến tuần thứ hai. - Cả hai cùng lặng yên một lát.

- Thời gian trôi qua thật nhanh chóng mà ở đây thì thật là buồn tẻ! - Nàng nói, mắt không nhìn về phía anh.

- Đó chỉ là điều người ta mặc nhiên quen nói với nhau rằng ở đây buồn tẻ. Một người tâm thường sống trong nhà mình ở Bêlép^(*) hay ở Giurôró⁽²⁾ thì chẳng thấy buồn chán, thế mà vừa đặt chân đến đây thì đã kêu lên: “Ôi, buồn tẻ quá! Toàn bụi là bụi!”. Cứ như thế là anh ta đã từ Grênađa tới.

^{* 2} Tên những thành phố hẻo lánh nhỏ bé của nước Nga (ND).

Nàng khẽ bật cười. Và sau đó, cả hai lại lặng lẽ tiếp tục ăn, như những người không quen biết. Nhưng, ăn xong, thì họ đã đi bên nhau; một cuộc nói chuyện nhẹ nhàng đùa dỡn bắt đầu, - một cuộc nói chuyện giữa những người sống thoải mái, khoan khoái tự do, những người đi đâu cũng được, nói chuyện gì cũng được. Họ dạo chơi và nói với nhau rằng ánh sáng trên biển kì lạ biết bao, mặt nước tím tím màu hoa xiren thật mềm mại và ấm áp; trăng rọi chiếu từng dải ánh vàng rực. Họ nói với nhau rằng sau một ngày nắng gắt trời trở nên oi bức ghê gớm. Guróp kể rằng anh là người Maxcova, tốt nghiệp khoa ngữ văn nhưng lại làm việc ở nhà băng, đã có lúc định hát cho một gánh hát tư nhưng sau lại bỏ, anh có hai ngôi nhà ở Maxcova... Nghe nàng kể, Guróp biết được rằng nàng lớn lên ở Pêterbua, nhưng sau đó thì đi lấy chồng ở X. Nàng đã sống hai năm ở đấy. Nàng sẽ ở lại Ianta độ khoảng một tháng và có lẽ sắp tới, chồng nàng cũng đến đây nghỉ. Nàng không thể nói được là chồng nàng làm việc ở đâu, - ở Hội đồng hành chính tỉnh hay là ở Hội đồng hương chánh, - điều ấy làm nàng tự cảm thấy buồn cười. Guróp còn biết thêm rằng nàng tên là Anna Xérghêepna.

Sau đó, trong căn phòng của mình, Guróp nghĩ đến nàng, nghĩ rằng chắc chắn ngày mai nàng sẽ gặp anh. Chắc chắn là như thế. Khi lên giường ngủ, Guróp nhớ rằng, mới cách đây không lâu nàng còn đi học như đứa con gái anh, nhớ những nét rụt rè ngượng ngập trong tiếng cười, trong cách nói chuyện của nàng với một người lạ, - chắc đó là lần đầu tiên nàng sống một mình trong môi

trường như thế, nơi mọi người đều đi theo nàng, ngắm nhìn nàng, nói chuyện với nàng để nhằm một mục đích bí hiểm mà nàng không thể không đoán ra được. Anh nhớ đến cái cổ thanh thanh yếu ớt, đôi mắt màu xám rất đẹp của nàng. “Ồ nàng vẫn có một cái gì tội nghiệp đáng thương” anh nghĩ vậy rồi ngủ thiếp đi.

II

Một tuần đã qua kể từ ngày họ quen nhau. Đó là một ngày chủ nhật. Trong các căn phòng đều oi bức, và ngoài trời thì gió cuốn bụi bay mù, hắt mủ xuống đất. Suốt ngày khát nước, Gurốp chốc chốc lại ghé sang quán giải khát và mời Anna Xérghêépna khi thì uống nước sirô khi thì ăn kem. Chẳng còn biết đi đâu.

Buổi chiều, khi mà gió đã ngớt đi nhiều, họ cùng nhau ra bờ biển xem tàu thủy đến. Trên bến, nhiều người đang dạo chơi, nhiều người tay ôm hoa chờ đón ai. Giữa cái đám người nghỉ mát sang trọng ở Ianta, có hai điều dễ làm mọi người chú ý: đó là những bà đứng tuổi ăn vận như thiếu nữ và nhiều ngài sĩ quan cấp tướng.

Vì biển động, tàu thủy đến rất muộn, khi mặt trời khuất bóng, con tàu lượn vòng rất lâu rồi mới cập bến.

Anna Xérghêépna giờ cặp kính nhòm ^(*) nhìn lên tàu, lên những hành khách như thể kiểm tìm người quen và khi nàng quay lại phía anh, đôi mắt nàng sáng lên. Nàng nói nhiều, những câu hỏi nàng đặt ra vội vàng hấp tấp, nói xong lại quên ngay những điều mới hỏi, sau đó, đánh rơi mắt cặp kính giữa đám đông người.

Đám người sang trọng lúc này đã tản đi hết, trời đã tối không còn nom rõ mặt người, gió đã lặng hẳn, nhưng Guróp và Anna Xérghêépna vẫn đứng lại như cố chờ xem còn ai trên tàu xuống bến nữa không. Anna Xérghêépna không nói nữa, nàng khẽ thơm những bông hoa, mắt không nhìn Guróp.

- Buổi tối trời dễ chịu hơn đấy, - anh nói. - Bây giờ thì chúng ta đi đâu? Hay là chúng ta lên xe đi đâu xa một lúc?

Nàng lặng im không trả lời.

Lúc ấy Guróp đắm đắm nhìn nàng, rồi bất ngờ anh ôm lấy nàng và hôn lên môi, anh cảm thấy bên mình mùi hương của những bông hoa ươn ướt. Ngay lúc đó, Guróp sợ sệt nhìn quanh: có ai nhìn thấy không?

- Về nhà cô đi... anh nói nhỏ.

Và hai người rào bước quay lại.

^{*} Cặp kính nhòm khác với ống nhòm ở chỗ có cán tay cầm dài và bộ phận phóng đại đơn giản hơn (ND).

Căn phòng của nàng rất bí, tỏa mùi nước hoa mà nàng đã mua ở một cửa hiệu Nhật Bản. Vừa nhìn nàng, Guróp vừa nghĩ: “Không biết trong đời mình còn thiếu những cuộc gặp gỡ nào nữa!” Quá khứ để lại trong anh những kỉ niệm về những người đàn bà vô tư, tốt bụng; vui sướng vì tình yêu, cảm ơn anh vì niềm hạnh phúc, cho dù là rất ngắn ngủi thôi mà anh đã mang lại. Anh nhớ đến những người đàn bà, như vợ anh chẳng hạn, không thành thật yêu anh, nhiều lời và lăm cách bày vẽ, hay dằn vặt với cái vẻ muốn tỏ rằng đây không phải tình yêu, không phải lòng say mê mà là một cái gì còn lớn hơn thế nữa. Anh nhớ đến một vài người đàn bà khác, rất xinh đẹp, lạnh lùng, ở họ có khi tự nhiên lộ ra vẻ hung dữ, mong ước ngang bướng muốn lấy, muốn đạt ở cuộc đời nhiều hơn khả năng cho phép của nó. Những người này không còn trẻ trung nữa, họ đồng đánh, không biết suy đoán, ít thông minh, cảm thấy mình đầy quyền lực, và khi Guróp trở nên lạnh lùng với họ, vẻ đẹp của những người đàn bà ấy gây cho anh một sự căm ghét, và những viên đá ten trên áo của họ chỉ làm anh nghĩ đến những đám mây loang lổ.

Nhưng ở nàng vẫn giữ nguyên được vẻ rụt rè, ngượng ngập chưa từng trải của tuổi trẻ, vẻ ngạc nhiên bối rối như khi có ai thỉnh linh gõ cửa nhà mình. Anna Xérgheépna, người đàn bà có con chó nhỏ ấy, đối với sự việc vừa xảy ra có một thái độ khác thường, rất thận trọng - tưởng như đó là sự sa ngã của nàng - có thể cảm thấy như thế, và điều này có chút gì lạ lùng và lạc lõng. Nét mặt nàng mỗi mết, nhưng món tóc dài của nàng buồn bã xoa xuống hai bên

mặt. Nàng lặng lẽ suy nghĩ, dáng trông rầu rĩ như người đàn bà có tội trong bức tranh cổ.

- Không tốt đâu, - nàng nói. - Như vậy anh đã là người đầu tiên không tôn trọng tôi.

Trên bàn trong phòng có một quả dưa hấu. Guróp cắt cho mình một miếng và chậm rãi nhai. Ít ra là nửa giờ đã trôi qua trong im lặng.

Anna Xérgheépna ra chiều xúc động, ở nàng toát ra một cái gì đó trong trắng, thơ ngây của một người đàn bà chưa từng trải; trên bàn, cây nến đơn độc đang cháy đỏ nhẹ hắt những tia sáng mờ mờ lên gương mặt nàng, tuy thế vẫn có thể thấy rõ lòng nàng đang nặng trĩu.

- Làm sao mà anh có thể thôi không tôn trọng em nữa? - Guróp hỏi. - Chính em cũng không biết em đang nói gì.

- Ôi, trời hãy tha tội cho tôi! - nàng nói, và mắt nàng đầm lệ. - Điều ấy thật khủng khiếp.

- Em đang cố tự bào chữa cho mình đấy.

- Bào chữa thế nào được? Tôi xấu xa, tôi là một người phụ nữ thấp hèn, tôi tự khinh mình và không mong đợi gì bào chữa cả. Không phải tôi lừa chồng mà là tự lừa dối mình. Từ lâu rồi chứ không phải bây giờ mới lừa đâu. Chồng tôi có lẽ là một người tốt, một người trung thực, nhưng anh ấy là một người nô bộc! Tôi không biết anh ấy làm gì, làm việc thế nào, chỉ biết anh ấy là một người chuyên hầu hạ kẻ khác. Khi lấy chồng, tôi 20 tuổi, một

nổi khát khao mới đây vò tôi, tôi muốn được một cái gì tốt đẹp hơn, tôi tự nhủ: có chứ, có một cuộc sống khác chứ. Tôi muốn sống! Sống và sống... Lòng hiếu kỳ thiêu đốt tôi.. anh không hiểu được điều đó, nhưng có trời chứng giám, tôi đã không thể tự làm chủ được mình được nữa, có một cái gì đã đến với tôi không sao ngăn mình lại được nữa; tôi nói với chồng rằng tôi ốm và thế là tôi đến đây... Và ở đây, lúc nào tôi cũng lang thang ngơ ngác như người mất hồn... thế rồi tôi trở thành một người đàn bà tầm thường, rẻ tiền mà ai cũng có thể khinh bỉ được.

Guróp cảm thấy tê nhạt khi nghe những lời đó; cái giọng thơ ngây, cái bất ngờ tự thú không đúng lúc ấy như chọc tức anh; nếu không nhìn thấy mắt nàng đắm lệ thì đã có thể tưởng rằng nàng đang đùa hay đang đóng kịch.

- Anh không hiểu, - Guróp nói nhỏ. - em muốn gì? Nàng gục đầu vào ngực anh và nép chặt vào anh.

- Hãy tin tôi, hãy tin tôi đi, tôi van anh... - nàng nói. - Tôi yêu một cuộc sống trong sạch, trung thực, tôi ghê tởm những điều tội lỗi, chính tôi cũng không biết tôi đang làm điều gì. Những người dân thường nói: bị ma quỷ lấy mất hồn. Giờ đây cũng có thể nói về mình rằng tôi đã bị ma quỷ lấy mất hồn rồi.

- Đủ rồi, đủ rồi... - Guróp lẩm bẩm nói.

Anh nhìn vào đôi mắt sợ hãi, không động đậy của nàng, nói những lời âu yếm nhỏ nhẹ, và nàng thấy yên tâm

đôi chút, niềm vui trở lại với nàng; cả hai người cùng bật cười.

Sau đó, khi họ bước ra khỏi nhà, ngoài bãi biển không còn một ai, thành phố với những bóng cây tùng lặng yên như chết, nhưng sóng biển vẫn ào ào vỗ vào bãi cát. Một chiếc thuyền phao đập dình trên sóng, chiếc đèn hiệu nhỏ trên đó tỏa một ánh sáng lơ mờ, yếu ớt.

Họ tìm được một người đánh xe, cùng nhau đi đến Ôrêanda.

- Lúc này, ở dưới chỗ ra vào, anh mới biết họ của em: trên tấm bảng có đề Fôn Đidêrít, - Gurốp nói. - Chồng em là người Đức à?

- Không, hình như ông của anh ấy mới là người Đức, còn chính anh ấy là người theo dòng đạo Vizanchi (*).

Ở Ôrêanda, họ ngồi lặng yên trên ghế đá cách nhà thờ không xa, đưa mắt nhìn xuống biển. Ianta mờ mờ hiện ra sau màn sương sáng, những đám mây trắng lững lờ bao phủ quanh những đỉnh núi cao. Lùm cây lặng yên không xào xạc, chỉ có tiếng ve kêu ra rả, và tiếng sóng biển rì rào đơn điệu vọng lên từ phía dưới ấy gọi cho chúng ta một sự yên tĩnh, một giấc ngàn thu đang đợi mỗi chúng ta. Âm thanh ấy có từ khi chưa có Ianta, chưa có Ôrêanda, giờ đây vẫn tiếp tục vọng lên và sẽ rì rào một cách khô khan

* Dòng đạo chính thống của các nước Xlavơ phương đông cơ bản hình thành tại Vizanchi, thành phố cổ trên eo biển Bôxpho, khoảng thế kỉ IX - XI (ND).

lãnh đạm như thế, khi mà chúng ta không còn nữa. Trong cái đơn điệu, trong cái lãnh đạm hoàn toàn đối với cuộc sống và cái chết của mỗi chúng ta có lẽ đã ẩn dấu cội nguồn cứu cánh vĩnh viễn của chúng ta, quá trình vận động không ngừng của cuộc sống trên trái đất, sự hoàn thiện không ngừng. Ngồi bên một người đàn bà trẻ tuổi, mà sớm mai đến lại càng trở nên xinh đẹp, lòng cảm thấy yên tĩnh và mê say cái cảnh thần tiên của biển trời, mây núi... Gợi nhớ rằng, thực ra, nếu suy nghĩ cho thật kỹ, thì sẽ thấy trên thế giới này vạn vật, trừ những cái mà chúng ta tự suy tưởng và làm ra, đều đẹp đẽ, khi mà chúng ta quên hết những mục đích cao siêu của cuộc sống, quên hết cái gọi là phẩm chất của con người mình.

Có ai - chắc là một người tuần canh - đi dần tới phía họ, nhìn tận mặt họ rồi lại bỏ đi. Cả điều ấy nữa cũng trở nên bí ẩn và cũng thành đẹp đẽ. Đã có thể nhìn rõ tàu thủy đang từ Phêôđôxia tới, đèn trên đó đã tắt và con tàu rạng rỡ trong nắng mai.

- Sương đọng trên cỏ đấy, - Anna Xérghêépna nói sau một hồi im lặng.

- Ồ, có sương. Đến lúc phải về thôi.

Và họ cùng nhau trở về thành phố.

Những ngày sau, vào buổi trưa, họ lại gặp nhau trên bờ biển. Cùng ăn sáng, ăn trưa với nhau, cùng dạo chơi say sưa ngắm nhìn biển cả. Nàng than phiền rằng nàng khó ngủ, rằng trái tim nàng đầy xao xuyến, lo âu. Nàng cứ

hỏi đi hỏi lại một số câu. Tâm trí nàng không lúc nào yên, lúc thì nàng ghen, lúc thì sợ hãi rằng Guróp không tôn trọng nàng đúng mức. Nhiều lần, trong công viên hay trong vườn, khi xung quanh không có ai, Guróp thường kéo nàng lại gần mình và hôn nàng say đắm. Cảnh nhàn hạ hoàn toàn, những cái hôn giữa ban ngày với vẻ e dè sợ sệt người chung quanh nhìn thấy; cái nóng, cái mùi vị của biển và quang cảnh những người no nê sang trọng chốc chốc lại đi qua trước mắt, những điều ấy như làm Guróp sống lại; anh nói với Anna Xérghéépna rằng nàng đẹp, nàng hấp dẫn biết bao, anh tỏ ra nôn nóng, đắm say và không rời nàng nửa bước; còn nàng thì trầm ngâm và thường bắt anh tự thú rằng anh chưa tôn trọng nàng, chưa yêu nàng một tý nào, mà chỉ thấy nàng là một người đàn bà tầm thường, rẻ rúng. Gần như tối nào, chừng khuya khuya họ cũng đi chơi đâu ra ngoài thành phố, đi Ôrêanda hay là lên thác nước; và lần nào cũng vậy, những buổi dạo chơi ấy đều để lại những ấn tượng đẹp đẽ, diệu kỳ.

Họ chờ xem bao giờ thì Fôn Đidêrít đến. Nhưng rồi nàng nhận được thư chồng báo rằng mắt anh ta bị đau nặng và xin nàng về nhà càng sớm càng tốt. Anna Xérghéépna ra chiều vội vã.

- Tôi đi khỏi nơi này là rất tốt, - nàng nói với Guróp. - Đó là ý muốn của số mệnh.

Nàng lên xe ngựa đi và Guróp theo tiễn nàng. Họ đi suốt một ngày. Khi nàng đã ngồi vào trong toa tàu tốc hành và khi hồi chuông thứ hai đã reo lên, nàng bỗng nói:

- Cho tôi nhìn anh... nhìn anh một lần nữa. Thế... Nàng không khóc nhưng buồn rười rượi, trông như người ốm, gương mặt nàng run run.

- Tôi sẽ nghĩ đến anh... nhớ đến anh, - nàng nói. - Trời sẽ phù hộ anh, anh ở lại đây nhé. Đừng nghĩ xấu về tôi. Chúng ta chia tay nhau vĩnh viễn, điều ấy là cần thiết, bởi vì chúng ta hoàn toàn không nên gặp nhau nữa. Trời sẽ phù hộ anh...

Con tàu vội vã rời khỏi ga, lát sau ánh đèn trên đó đã khuất, liền đó, chỉ một lát sau tiếng động của đoàn tàu không còn nghe thấy nữa, mọi việc xảy ra đều như cố tình mau chóng chấm dứt cái diên rồ, say đắm, ngọt ngào ấy. Một mình đứng trên sân ga, đưa mắt nhìn về khoảng trời mù mịt phía xa, Gurốp lắng nghe tiếng đẽ kêu, tiếng gió reo qua dây điện thoại với cảm giác như với vừa mới tỉnh ngủ. Anh nghĩ rằng, đây, trong đời anh lại có thêm một cuộc phiêu lưu và cuộc phiêu lưu ấy cũng đã kết thúc và bây giờ chỉ còn những kỉ niệm ... Lòng anh tràn ngập một nỗi buồn, một niềm xúc động. Anh cảm thấy đôi chút hối hận, bởi vì anh nghĩ, người đàn bà trẻ trung ấy, người mà anh không bao giờ gặp nữa, sống bên anh không chút hạnh phúc. Anh đối xử với nàng rất vồn vã và chân thành, nhưng trong cách đối xử ấy, trong cách âu yếm nàng vẫn có cái gì cười cợt ám ảnh, vẫn phần nào có cái trịch thượng thô thiển ở một người đàn ông luôn được hưởng sung sướng, thêm nữa anh lại nhiều tuổi hơn nàng gần đến hai lần. Lúc nào nàng cũng gọi anh là người nhân hậu, người cao thượng, phi thường... chắc là nàng tưởng tượng

anh là một người khác, không như thực chất của anh, và thế có nghĩa là anh đã lừa dối nàng...

Ngoài ga, hương vị của mùa thu đã đến, gió thổi mát lạnh. “Cả mình cũng đến lúc trở về phương Bắc thôi, - Guróp vừa đi khỏi nhà ga vừa nghĩ. - Đi thôi”.

III

Ở Maxcova đã là mùa đông, lò sưởi đã làm việc. Sáng sáng, trước khi trẻ con đi học và uống nước chè, trời hãy còn tối và người bảo mẫu phải thắp đèn lên một lúc. Trời đã lạnh lắm. Và khi những bông tuyết đầu tiên rơi xuống, ngày đầu tiên ngồi trên xe trượt, người ta sẽ khoan khoái nhìn mặt đất trắng xóa, nhìn những mái nhà phủ tuyết, hơi thở sẽ nhẹ nhàng, đều đặn, và lúc ấy chắc mọi người đều nhớ lại những tháng năm thời thơ ấu. Ở những cây bồ đề, những cây bạch dương trắng xóa vì sương giá có vẻ gì như chào mời sẵn đón, để gần hơn những cây tùng, cây cọ, - bên cạnh những thứ cây ấy, người ta không còn muốn nhớ đến biển, đến núi nữa.

Guróp là người Maxcova. Anh trở về đây vào một hôm trời lạnh, rất đẹp, và khi anh khoác tấm bành tô lông lên mình, xỏ tay vào đôi găng ấm áp rồi đi dọc phố Pêtrópca, khi vào chiều thứ bảy anh lại nghe tiếng chuông nhà thờ, thì chuyển đi xa vừa qua cùng những nơi anh đã đến bỗng trở nên mất hết vẻ kỳ thú với anh.

Dần dần anh lại lao vào cuộc sống Maxcova, anh đã bắt đầu ngẫu nhiên đọc ba tờ báo Maxcova. Những khách sạn, câu lạc bộ đã bắt đầu thu hút anh. Anh lại muốn dự những bữa tiệc liên hoan, kỉ niệm. Anh cảm thấy hả lòng hả dạ khi những luật sư, nghệ sĩ nổi tiếng đến chơi nhà anh hoặc anh đã từng đánh bài với một giáo sư ở Câu lạc bộ bác sĩ. Anh đã có thể ăn hết một liễn xúp to tướng.

Anh tưởng rằng chỉ độ một tháng sau, hình ảnh Anna Xérghêépna sẽ phai mờ trong tâm trí anh, thỉnh thoảng anh sẽ chỉ còn nằm mơ thấy nụ cười đầy xúc động của nàng, như đã nằm mơ thấy bao người khác. Nhưng hơn một tháng đã qua, những ngày đông rét mướt nhất đã tới mà mọi điều trong tâm trí anh còn rõ rệt, tương như anh mới chia tay với Anna Xérghêépna hôm qua. Những hồi ức ấy ngày càng thêm rõ nét. Những lúc tiếng trẻ con học bài văng sang phòng anh, những lúc nghe thấy tiếng đại phong cầm hay giọng hát một bản tình ca vang lên trong khách sạn, những lúc gió tuyết cuốn vào trong chiếc lò sưởi lớn... những lúc ấy tự nhiên trong kí ức anh bỗng sống lại tất cả: từ những chuyện xảy ra trên bến tàu, ngoài bờ biển, đến những buổi sáng sớm mây mù trên núi cao, những con tàu từ Phêôđôxia, những cái hôn... Anh đi đi lại lại rất lâu trong phòng mình, hồi tưởng lại và tự mỉm cười. Dần dần những hồi ức ấy chuyển thành mơ ước, và trong tưởng tượng quá khứ dần hòa nhập lại với những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Anh không phải nằm mơ thấy Anna Xérghêépna, mà là thấy nàng đi bên anh, theo anh khắp mọi nơi như một cái bóng. Nhắm mắt lại, anh như thấy

nàng trước mặt, còn xinh đẹp hơn, trẻ hơn, dịu dàng hơn ngày trước và chính bản thân anh cũng cảm thấy mình tốt hơn so với hồi ở Ianta. Tối tối nàng như ngắm nhìn anh từ chiếc tủ đứng đựng sách, từ phía lò sưởi, từ góc phòng; anh nghe thấy hơi thở nàng, tiếng xống áo nàng sột soạt nhẹ nhàng, âu yếm. Đi ngoài phố, anh đưa mắt tìm kiếm xem có ai giống nàng không.

Một nhu cầu muốn giải bày, muốn chia sẻ những kỷ niệm ấy dày vò anh. Nhưng ở nhà thì không thể nói đến mối tình của mình được mà ở ngoài thì lại không có ai để tâm sự, không thể thổ lộ với hàng xóm cũng không thể nói ở nhà băng. Mà nói điều gì mới được chứ? Chẳng lẽ lúc ấy anh đã yêu nàng sao? Chẳng lẽ đã có một cái gì đẹp để thơ mộng, bổ ích cho anh hay đơn thuần là một cái gì thú vị trong quan hệ của anh với Anna Xérghéépna sao? Và thế là anh phải nói mông lung, mơ hồ về chuyện phụ nữ, chuyện tình yêu. Những lúc đó không ai đoán được có cái gì xảy ra; chỉ có vợ Guróp là cau đôi lông mày đen rậm của mình và nói:

- Đimitri, vai một người kênh kiệu, rộng tuếch không hợp với anh đâu.

Có lần vào một đêm khuya, khi anh cùng bạn chơi bài, một quan chức, bước ra khỏi câu lạc bộ bác sĩ, anh không nén được nữa và thốt lên:

- Ô, nếu ông bạn biết được mình đã làm quen với một người phụ nữ đáng yêu như thế nào ở Ianta!

Viên quan chúc ngồi vào chiếc xe trượt và xe đã bắt đầu chạy đi; nhưng bỗng y quay lại và gọi to:

- Đomitri Đomitris!

- Cái gì vậy?

- Lúc này thế mà anh đứng đấy: thứ cá chiên ấy có mùi rồi!

Những câu nói thường nghe ấy, không hiểu sao, lại tự nhiên làm anh bức bối; anh cảm thấy những tiếng ấy thật bẩn thỉu, hạ thấp phẩm giá con người. Những thứ đạo đức, những con người kỳ quặc, man rợ biết bao! Những cuộc đánh bài điên loạn, ăn uống lỗ mãng, say rượu, những cuộc nói chuyện quanh đi quẩn lại một đề tài! Những việc làm vô tích sự, những cuộc nói chuyện lặp đi lặp lại ấy cướp đi một phần thời giờ tốt nhất, phần sinh lực quý nhất và kết cục là để lại một cuộc sống tầm thường, tẻ ngắt, một cái gì ngu độn, vậy mà không làm sao đi khỏi, chạy thoát được, hết như đang sống trong một nhà thương điên hay giữa một trại tù nào.

Suốt đêm hôm ấy, Guróp không ngủ được, lòng tràn đầy bức tức, và ngày hôm sau anh bị nhức đầu. Những đêm tiếp theo anh vẫn khó ngủ, khi thì ngồi trên giường nghĩ ngợi, khi thì đi đi lại lại trong phòng. Anh chán bọn trẻ con, chán nhà băng và chẳng buồn đi đâu hết, chẳng buồn nói gì hết.

Vào những ngày lễ tháng 12, anh sửa soạn đi và nói với vợ rằng anh cần tới Pêterbua để chạy việc cho một anh

bạn trẻ. Nhưng rồi anh lại đi X. Để làm gì? Anh cũng không tự mình biết rõ được. Anh muốn gặp Anna Xérghêépna, nói chuyện với nàng và hẹn hò gặp nhau, nếu có thể được.

Guróp đến X, vào một buổi sáng và thuê căn phòng sang trọng nhất trong khách sạn. Trong căn phòng ấy, toàn bộ sàn nhà trải một lớp dạ lín màu xám, trên bàn đặt một bình mực cũng màu xám vì bụi kèm tượng người kỵ sĩ cưỡi ngựa tay cầm mũ giơ lên, nhưng đầu đã gãy cụt. Người hầu phòng cho anh biết mấy tin tức cần thiết: Fôn Đidêrít ở phố Cựu Gôntraronaia, tại nhà riêng của ông ta, cách khách sạn không xa lắm. Fôn Đidêrít sống sung túc, ung dung, có xe ngựa riêng và cả thành phố đều biết ông. Người hầu phòng gọi nhầm ông ta là Đorudurít. Guróp chậm rãi đi về phía thành phố Cựu Gôntraronaia và tìm kiếm ngôi nhà ấy. Một bức rào sắt nhọn màu xám chạy dài phía trước ngôi nhà.

“Nhìn thấy bức rào ấy chắc ai cũng phải bỏ chạy”, - Guróp nghĩ vậy và đưa mắt nhìn lên cửa sổ, nhìn lên bờ rào.

Anh suy tính: hôm nay là ngày nghỉ và thế có nghĩa là chắc chắn chồng nàng sẽ có nhà. Đằng nào vào ngôi nhà ấy bây giờ cũng bất tiện và làm phiền người khác. Còn nếu viết giấy để lại thì mảnh giấy ấy có thể rơi vào tay người chồng và lúc đó mọi việc sẽ hỏng hết. Tốt nhất là chờ đợi dịp may. Anh nhìn thấy một người ăn mày bước vào cổng nhà và một đàn chó liến chạy bổ tới. Một giờ sau

anh nghe thấy tiếng đàn dương cầm yếu ớt không rõ rệt vọng ra. Chắc là Anna Xérghéépna đang đánh đàn. Cánh cổng đồ sộ bỗng thành linh mở rộng ra và Guróp thấy một bà lão bước ra, theo sau là con chó bông trắng quen thuộc dạo nào. Guróp muốn gọi con chó lại gần nhưng tim anh bỗng đập liên hồi, và vì quá xúc động anh không còn nhớ tên con chó con ấy nữa.

Guróp vẫn đi, mỗi lúc một thêm cảm tức bức rào sắt xám xịt, anh đã bắt đầu bức bối nghĩ rằng Anna Xérghéépna đã quên anh, và có lẽ đã say sưa với một người nào khác, điều đó là hoàn toàn tự nhiên đối với một người đàn bà trẻ từ sáng sớm đến tối mịt phải nhìn thấy cái bức rào đáng nguyên rủa này. Anh trở về khách sạn và ngồi rất lâu trên đi-văng, không biết phải làm gì, sau đó, anh đi ăn cơm rồi nằm ngủ rất lâu.

“ Toàn là chuyện ngu xuẩn và rắc rối. - Guróp nghĩ thế, khi đã tỉnh dậy và đưa mắt nhìn phía cửa sổ tối sẫm: trời đã tối rồi. - Chẳng hiểu sao lại ngủ đầy giấc mất thế. Biết làm gì đêm nay đây”.

Anh ngồi lặng trên chiếc giường trải một tấm chăn xám rẻ tiền hệt như trong các bệnh viện và tự trách móc, giận đối mình:

“Đấy, người đàn bà có con chó nhỏ của anh đấy... cuộc phiêu lưu của anh đấy.. Bây giờ thì cứ ngồi thế nhé!”

Sáng hôm nay, khi còn ở ngoài ga, một tấm quảng cáo với dòng chữ to tướng đã đập vào mắt anh: công diễn lần đầu vở “Gêisa”. Anh sức nhớ lại điều ấy và đi đến rạp hát.

“Rất có thể nàng sẽ xem những cuộc công diễn lần đầu”, - anh nghĩ.

Rạp hát chật ních người. Như ở mọi rạp hát tỉnh lẻ khác, rạp này cũng có một làn khói mờ như sương phía trên chùm đèn, dải bao lon ồn ào trên tầng hai. Trước khi mở màn, ở hàng trên cùng, những người sang trọng ở địa phương đứng chấp tay ra đằng sau; trên lô dành riêng cho quan tỉnh trưởng, ở hàng trước, con gái ông ta đang ngồi, vai quàng một chiếc khăn lông rất to, còn chính tỉnh trưởng thì khiêm nhường ngồi phía đằng sau, chỉ nhìn thấy được hai tay ông mà thôi. Tấm màn che động đậy, các nhạc công thi nhau lên dây đàn. Khi khán giả còn đang lục tục vào tìm chỗ ngồi, Guróp chăm chú đưa mắt tìm bốn phía.

Đến lượt Anna Xérghépna bước vào. Nàng ngồi xuống hàng ghế thứ ba và khi Guróp nhìn nàng, trái tim anh bỗng thất lại, anh chợt hiểu rằng, đối với anh không còn ai gần gũi hơn, yêu quý hơn, thân thiết hơn người phụ nữ này. Mất lần vào giữa đám người tỉnh lẻ này, tay cầm cặp kính thô thiển, người đàn bà nhỏ nhắn không có gì nổi bật ấy giờ đây đã choán hết cả cuộc đời anh, đã là niềm vui, nỗi khổ của anh, là hạnh phúc duy nhất mà anh hằng mong ước bấy lâu. Trong cái âm thanh ngân ngấm của một dàn nhạc tối, của những cây đàn viôlông xấu xí rẻ

tiên, anh để cho tâm trí anh nghĩ đến nàng, nghĩ rằng nàng thật xinh đẹp biết bao. Anh nghĩ ngợi và mơ ước...

Cùng với Anna Xérghêépna và sau đó, ngồi xuống bên cạnh nàng, là một người còn trẻ, râu quai nón thanh thanh, dáng người rất cao và hơi gù gù. Mỗi bước đi, anh ta lại gật đầu xuống, có cảm tưởng rằng anh ta luôn luôn cúi đầu chào. Chắc đó là chồng nàng, người mà trong những phút cay đắng ở Ianta, Anna Xérghêépna đã gọi là một người nô bộc. Thực ra, trong cái dáng người dài ngoẵng, bộ râu quai nón và cái trán hơi bị hói cũng có cái vẻ ngoan ngoãn, nhún nhường. Anh ta cười ngọt ngào, bên dưới cổ áo, chiếc huy hiệu chứng nhận bằng cấp nào đó lấp lánh trông hết như mảnh sổ đeo của người hầu phòng.

Hết màn thứ nhất, người chồng trở ra hành lang hút thuốc lá, nàng ngồi lại trên chiếc ghế bành. Guróp cũng ngồi ở dưới nhà. Anh bước gần đến bên nàng và nói giọng run run, miệng cười gượng gượng:

- Chào chị.

Nàng đưa mắt nhìn anh và gương mặt nhợt nhạt tái hẳn đi. Nàng lại hoảng sợ nhìn lại anh lần nữa như không tin vào chính mắt mình, bàn tay nàng nắm chặt lấy chiếc quạt và cặp kính nhòm: chắc nàng đang phải tự gắng sức lắm để khỏi phải ngã ngất đi. Cả hai đều im lặng. Nàng vẫn ngồi, còn anh thì vẫn đứng; vẻ lúng túng, bối rối của nàng vừa rồi làm anh sợ hãi, anh không dám ngồi xuống bên cạnh. Đàn sáo lại nổi lên, Guróp bỗng cảm thấy ghê

rộn khi nghĩ rằng có lẽ mọi người ở khắp các lò xung quanh đang chăm chú nhìn anh. Nhưng rồi nàng bỗng đứng dậy và đi ra phía cửa; anh cũng đi theo nàng. Cả hai người cứ đi một cách kì dị như thế. Họ đi theo hành lang lên cầu thang gác, lúc lên lúc xuống, loáng thoáng qua mặt họ là những người ăn vận quần áo quan tòa, giáo học, quan lại, ai cũng đeo huy hiệu, loáng thoáng bóng các bà, những áo bành tô treo trên giá. Gió lùa qua lại, mang theo mùi thuốc lá đang cháy dở. Trái tim anh đập rộn ràng, anh nghĩ: “Trời, có những người này, dàn nhạc này để làm gì!...”

Trong giây lát ấy, Guróp bỗng nhớ lại cái buổi chiều tối trên sân ga, sau khi tiễn Anna Xérghéepna đi rồi, anh tự nhủ, sự việc thế là kết thúc và họ không bao giờ gặp lại nhau nữa. Nhưng thực ra cái điểm kết thúc ấy còn xa với biết bao!

Đến một cầu thang nhỏ hẹp, tối tối, nơi có treo biển đề: Lối vào “âmphitéát” (*), Anna Xérghéepna dừng lại.

- Anh làm tôi sợ quá! - nàng vừa nói, vừa thở rất nặng nhọc, nét mặt nàng còn nguyên vẻ nhợt nhạt, sừng sốt. - Ôi, anh làm tôi sợ quá! Tôi thật dở sống dở chết. Anh đến đây làm gì? Làm gì?

- Anna, cô hãy hiểu cho tôi, hãy hiểu tôi... - Guróp nói vội vàng, giọng nhỏ nhẹ. - Tôi van cô, xin cô hiểu tôi.

* Một khu vực trong rạp hát, ở phía sau chỗ ngồi chính (ND)

Nàng sợ hãi nhìn anh, ánh mắt nàng như cầu khẩn, nhưng chan chứa yêu thương. Nàng đắm đắm nhìn anh như để cố khắc sâu vào tâm khảm những đường nét trên gương mặt anh.

- Ôi, tôi thật khổ! - Nàng không nghe anh, nói tiếp. - Lúc nào tôi cũng nghĩ đến anh, sống bằng những hồi tưởng về anh. Tôi muốn quên đi, quên hết đi, nhưng làm sao, làm sao anh lại đến đây?

Phía trên cao, có hai cậu học trò đang hút thuốc và đưa mắt nhìn xuống dưới. Nhưng mặc họ, Gurốp vẫn kéo nàng lại gần mình rồi hôn lên má, lên mặt, lên tay nàng.

- Anh làm gì vậy, làm gì vậy! - Nàng vừa sợ hãi nói, vừa đẩy anh ra, - Chúng ta đều mất trí cả rồi. Anh hãy đi khỏi nơi này ngay hôm nay, đi ngay bây giờ thôi... Trước các vị thần linh, tôi van anh, tôi xin anh đừng... Người ta đang đi lại phía này đấy!

Có người nào đang đi lên thang gác.

- Anh phải đi khỏi nơi này... - Anna Xérghéépna nói tiếp, giọng thì thầm. - Anh nghe không? Anh Đơmitri Đơmitrits? Tôi sẽ đến Maxcova với anh. Chưa bao giờ tôi được sống hạnh phúc, cả bây giờ cũng đang bất hạnh và sẽ không bao giờ, không bao giờ được sống hạnh phúc, không bao giờ! Vậy thì hãy đừng bắt tôi phải khổ sở thêm nữa! Thề với anh rằng, tôi sẽ đến Maxcova. Bây giờ thì chia tay thôi! Anh thân yêu, anh quý mến, giờ thì chúng ta tạm xa nhau anh ạ!

Nàng nắm chặt tay anh và vội vã bước xuống cầu thang, đầu ngoái nhìn lại anh hoài; nhìn đôi mắt nàng, cũng biết được rằng, trong cuộc đời, nàng đúng là một người không hạnh phúc... Guróp đứng lại một lúc, lắng tai nghe ngóng, cho đến khi chung quanh đã yên lặng, anh mới đi tìm giá áo của mình và rời khỏi nhà hát.

IV

Từ dạo ấy, Anna Xérghéépna bắt đầu đến Máxcova với anh. Cứ độ khoảng hai ba tháng nàng lại rời khỏi X. Nàng nói với chồng nàng rằng nàng cần đi Máxcova để gặp một giáo sư chuyên chữa bệnh phụ nữ nào đó của nàng - chồng nàng thì nửa tin nửa ngờ. Đến Máxcova, Anna Xérghéépna nghỉ tại khách sạn “Chợ Xlavo” và cho ngay một người đội mũ đỏ đến báo với Guróp. Guróp đến với nàng, ở Máxcova không hề có ai biết việc đó.

Có một lần vào một buổi sáng mùa đông, Guróp đi đến gặp nàng bằng cách như thế (người đến báo tin từ ngày hôm trước lại không gặp được anh ở nhà), đi bên anh là đứa con gái lớn mà Guróp muốn đưa đến trường vì đi cùng đường. Tuyết rơi từng bông rất to và ướt át.

- Bây giờ là 3 độ trên 0, thế mà tuyết vẫn rơi, - Guróp nói với con gái. - Nhưng cái ẩm áp đó chỉ có ở trên mặt đất thôi, còn ở trên tầng cao khí quyển thì nhiệt độ lại hoàn toàn khác.

- Ba ơi, tại sao mùa đông lại không có sấm hả ba?

Anh lại giải thích điều đó, anh đang đi đến chỗ hẹn hò, mà không có một ai biết điều ấy, và chắc sẽ chẳng bao giờ có ai biết đến. Trong anh đồng thời có hai cuộc sống: một cuộc sống lộ ra bên ngoài mà ai cũng thấy, cũng biết, một cuộc sống đầy những sự thật ước lệ, những lừa dối ước lệ, giống hệt như cuộc sống của bạn bè và người quen anh; còn một cuộc sống nữa thì lại đang lặng lẽ, kín đáo trôi qua. Và, vì một sự sắp xếp kỳ quặc nào đó những sự kiện có thể là tình cờ, mà tất cả những gì hệ trọng cần thiết, thích thú với anh, những gì mà anh chân thành yêu, anh không lừa dối mình, những gì tạo nên cốt lõi của cuộc đời anh, thì lại bí mật trôi qua dưới mắt người đời; và tất cả những gì đối trá lừa đảo, là cái vẻ bề ngoài mà anh nấp vào để che đậy sự thật chẳng hạn như việc làm trong nhà băng, những cuộc tranh cãi ở câu lạc bộ, cái câu cửa miệng: “Loại người hạ đẳng”, những buổi cùng vợ đi dự tiệc... tất thấy đều phơi bày ra ngoài hết. Anh tự ngấm mình mà suy ra những người khác. Anh không tin những gì anh thấy, và bao giờ cũng cho rằng ở mỗi người, đằng sau tấm màn bí mật, như đằng sau màn đêm tối, có một cuộc đời thực, cuộc đời thú vị nhất, đang ẩn náu. Mỗi cuộc đời riêng đều tồn tại trong bí mật và có lẽ một phần vì thế mà những người có văn hóa đều thiết tha mong muốn sao cho bí mật riêng tư của mỗi người đều được tôn trọng.

Đưa con gái đến trường xong, Guróp rẽ vào khách sạn “Chợ Xlavor”. Anh cởi bỏ áo bành tô ở tầng dưới, bước lên cầu thang và khẽ gõ cửa phòng. Anna Xérghéepna vận

chiếc váy màu xám mà anh rất thích. Trông nàng mệt mỏi vì đi đường và vì phải chờ đợi. Suốt từ tối hôm qua đến nay nàng đã phải chờ. Gương mặt nàng nhợt nhạt. Nàng nhìn anh, không mỉm cười, và khi anh vừa vào trong buồng, nàng gục đầu lên ngực anh. Họ hôn nhau rất lâu tưởng chừng như đã hai năm không gặp nhau.

- Thế nào, em sống ở đây ra sao?- Guróp hỏi. - Có gì mới không?

- Anh đợi một tí, em kể ngay bây giờ cho anh nghe... Em không thể...

Nàng không nói nữa và khóc nức lên. Nàng quay sang bên và đưa khăn lau nước mắt.

"Thôi, cứ để nàng khóc, còn mình thì ngồi một lúc vậy", - Guróp nghĩ và ngả mình vào chiếc ghế bành.

Sau đó anh giật chuông gọi người đưa nước chè đến và sau khi anh uống trà, nàng đứng quay mặt về phía cửa sổ... Nàng khóc vì xúc động, vì ý nghĩ buồn tẻ rằng cuộc đời của cả hai người sao mà bất hạnh đến thế, họ chỉ có thể gặp nhau giấu giếm, lẩn tránh mọi người như những tên trộm! Chẳng lẽ cuộc đời của họ chưa tan nát rồi sao?

-Thôi, đừng khóc nữa em! - Anh nói.

Anh cảm thấy rất rõ rằng còn rất lâu, không biết đến bao giờ, mối tình này mới chấm dứt. Càng ngày Anna Xérghéepna càng gần bó với anh hơn, ngưỡng mộ anh hơn, và thật là vô nghĩa nếu nói với nàng rằng tất cả những

điều xảy ra một lúc nào đó đều phải kết thúc; mà nếu có nói như vậy, chắc nàng cũng không tin.

Anh bước đến bên nàng và ôm lấy đôi vai nàng, để âu yếm, trêu đùa với nàng. Cùng lúc ấy, anh nhìn thấy bóng mình trong gương.

Mái tóc anh đã bắt đầu điểm bạc. Anh cảm thấy lạ lùng rằng những năm gần đây anh già đi, tàn tạ đi chóng quá. Đôi vai mà anh đang đặt tay lên khẽ rung rung và nóng hổi. Lòng anh tràn ngập một niềm thương cảm cuộc đời này, một cuộc đời còn ấm áp và xinh đẹp, nhưng có lẽ đã đến lúc gần trở nên héo mòn, héo hắt như cuộc đời anh. Vì lẽ gì mà nàng yêu anh như vậy? Đối với những người phụ nữ, bao giờ anh cũng để lại ấn tượng một con người khác, không giống con người anh trong thực tại, và không phải họ yêu chính anh mà yêu con người tưởng tượng của họ, yêu con người suốt đời họ đi tìm kiếm. Sau này, khi nhận thấy nhầm lẫn của mình rồi, họ vẫn còn yêu. Và không một ai trong bọn họ cảm thấy mình hạnh phúc bên anh. Thời gian trôi đi, anh làm quen với phụ nữ, gần gũi họ, rồi lại rời xa, nhưng chưa bao giờ yêu; có tất cả mọi điều, duy chỉ có tình yêu là chưa đến.

Chỉ đến bây giờ, khi trên đầu anh tóc đã bắt đầu điểm bạc, anh mới yêu, yêu thực sự chân thành - lần đầu tiên trong cả đời mình.

Nàng và anh yêu nhau tha thiết như những người rất gần gũi, gần bó với nhau, như vợ chồng, như những người bạn âu yếm. Họ có cảm tưởng rằng chính số mệnh đã tạo

họ ra cho nhau, và không thể hiểu rằng làm sao mà anh lại có vợ và nàng lại có chồng. Họ như hai con chim trời cùng đàn, một con trống, một con mái, cùng bị bắt và nhốt vào hai cái lồng khác nhau. Họ tha thứ cho nhau tất cả những gì trong quá khứ mà họ cảm thấy nguơng nguơng, tha thứ tất cả những gì trong hiện tại và cảm thấy rằng mối tình này đã làm thay đổi hẳn cả hai người.

Ngày trước, trong những phút buồn rầu, Guróp tự an ủi mình bằng đủ mọi điều suy xét, bất cứ điều gì đến với đầu óc anh. Bây giờ anh không còn tâm trí đâu để mà suy xét nữa, lòng anh chỉ còn tràn ngập một niềm thương cảm lớn, anh muốn trở nên chân thành, dịu dàng.

- Đừng khóc nữa, em thân yêu của anh, - Guróp nói. - Em đã khóc rồi, rồi lại... Thôi chúng mình nói chuyện với nhau một lát, thử nghĩ xem có cách gì không...

Sau đó họ bàn với nhau rất lâu, nói với nhau rằng, làm sao thoát khỏi cảnh phải lẩn tránh lừa dối mọi người, phải sống ở những thành phố khác nhau, rất lâu mới được gặp nhau. Làm sao mà thoát khỏi những ràng buộc tai ác này?

- Làm sao? Làm sao? - Guróp đưa tay nắm tóc mình và hỏi. - Làm sao bây giờ?

Có cảm giác chỉ ít lúc nữa thôi là lối thoát sẽ được tìm ra, và lúc ấy, một cuộc đời hoàn toàn mới, thật đẹp đẽ sẽ đến; nhưng cả hai người đều thấy rõ ràng còn xa lắm, xa lắm mới đến ngày kết cục, và những gì rắc rối nhất, khó khăn nhất, chỉ vừa mới bắt đầu./.

MỤC LỤC

Cái chết của một viên chức	5
Anh béo và anh gầy	10
Con kỳ nhông	14
Mặt nạ	20
Lão quản Prisubeép	30
Một chuyện đùa	37
Vanka	45
Hai kẻ thù	52
Vêrôska	75
Vé trúng số	98
Mưa dầm	107
Một tấn kịch	116
Thủ đoạn	126
Hai người đẹp	134
Cơn bệnh thần kinh	149
Đánh cược	191
Những người đàn bà	204
Iônút	228
Người trong bao	261
Nhà tu hành vận đồ đen	306
Người đàn bà phù phiếm	362
Ngôi nhà có căn gác nhỏ	406
Khóm phúc bồn tử	437
Một chuyện tình yêu	455
Người đàn bà có con chó nhỏ	472

A.P.SÊ KHỐP

TRUYỆN NGẮN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel. & Fax: 8222135

Email: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM SÔNG HỒNG

Biên tập: Phòng VHNN

Vẽ bìa: Trần Đại Thắng

Sửa bản in: Hải Đăng

In 700 cuốn, khổ 13 x 19 cm. Tại Công ty Cổ phần in Anh Việt
Số đăng ký KHXB: 291 - 2006/ CXB/ 49 - 22/HNV
In xong nộp lưu chiểu Quý IV năm 2006.

Những tác phẩm kinh điển thế giới

A. Sêkhốp

Truyện ngắn

55.000 VNĐ
những tp kinh điển - truyện
1 006102 700410